

Nguyên-tác : TRƯỜNG TRỌNG-CÀNH  
GS. HUỲNH MINH-DỨC  
Dịch và chủ-giải

THƯỜNG-HÀN  
LUẬN

傷 寒 論

Quyển I  
Thái-dương kinh

1995 | PDF | 672 Pages  
[buihuuhanh@gmail.com](mailto:buihuuhanh@gmail.com)

NHÀ XUẤT-BẢN ĐỒNG-NAI  
1995

**GS. HUỲNH MINH-ĐỨC**  
**dịch và chú-giải**

# **THƯƠNG-HÀN LUẬN**

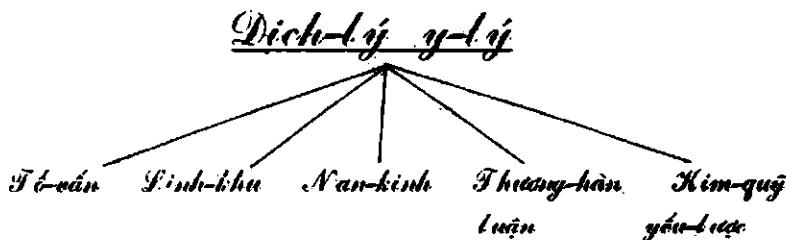
**Quyển I**  
**Thái-dương kinh**

**Nhà xuất bản Đồng-nai**  
**1995**

# Tựa

Nếu triết-học Đông-phương (Trung-quốc) xuất-hiện như một lý-giải ý-nghĩa của sự sống của một dân-tộc chỉ biết bám vào cuộc đời là chính, thì y-học Trung-quốc cũng xuất-phát từ nền triết-học thực-dụng ấy để cứu con người ra khỏi bệnh-tật : một trở-ngại trong cuộc sống.

Nói khác đi, nền y-học Đông-phương xuất-phát từ triết-học Đông-phương, tức là dựa vào triết-học **Kinh Dịch**. Sau **Kinh Dịch** thì các nhà y-học đã đi vào lý-luận, thực-tiễn, thực-nghiệm, và đã để lại cho chúng ta một kho kinh-diển y-học đồ-sộ :



Nhìn vào bảng lược đồ trên, chúng ta thấy ngay một vài vấn-dề nổi-bật:

1/ Tất cả các tài-liệu trên được lưu tại bằng chữ Hán, biến-hóa theo từng thời-kỳ thăng-trầm của lịch-sử văn-minh, văn-học, triết-học, sử-học và y-học Đông-phương. Ngay cả trong thời-kỳ mà nền Hán-học còn thịnh, những tác-phẩm nói trên cũng không cho phép mọi người được đi vào đó

một cách dễ-dàng, huống chi đối với chúng ta ngày nay, vẫn-de càng khó-khăn hơn.

2/ Tất cả các tài-liệu trên thuộc 'lịch-sử văn-học của y-học Đông-phương'. Tôi gọi như vậy, bởi vì lịch-sử của nền y-học này kéo dài trong mấy ngàn năm, được định-hình bằng số lượng đồ-số sách vở mang nội-dung y-ly, chẩn-đoán, điều-trị, dưỡng-sinh ... Nền-tảng của nội-dung trên là văn-học, triết-học, sử-học ... Chính vì vậy mà bộ kinh-diển **Nội, Nan, Thương, Kim** rất khó đọc, khó hiểu, kết-quả là ngành y-học Đông-phương hiện nay có phần nào đang xa dần với nguồn gốc của nó.

Tôi quyết-tâm dịch và chú-thích toàn bộ các tác-phẩm kinh-diển nói trên, mong trả-lại cho Đông-y cái gì của Đông-y. Sự khó-khăn đã đến từng phút, từng giờ, ... vậy mà tôi đã được nửa đoạn đường.

Dưới đây là phần giới-thiệu-tổng-quát về quyển **Thương-hàn luận**:

1/ **Thương-hàn luận** là một quyển sách lý-luận về y-học lâm-sàng lớn nhất ở Đông-phương, cả về mặt thử-thách của thời-gian hơn 2000 năm.

2/ Đây là quyển sách chuyên dùng thuốc (ít châm-cứu) bằng dược-vật trong thiên-nhiên để chữa bệnh, nhiều nhất là cây cỏ; những phương-tế (thang-phương, hoàn-phương, tán-phương ...) trong sách này đã trở thành mẫu-mực trong mấy ngàn năm qua. Đến nay và có lẽ mãi mãi về sau, nó vẫn còn là mẫu-mực cho các thầy thuốc Đông-y.

3/ Nếu **Hoàng Đế nội-kinh Tố-vấn** và **Linh-khu** là con rồng trong giai-doạn *hiện long tại điện* thì **Thương-hàn luận** chính là con rồng vừa đạt đến giai-doạn *phi long tại thiền*. Cả hai hợp lại thành hình-ảnh con rồng trong y-học Đông-phương, nó buộc người thầy thuốc Đông-y phải bay theo mỗi lần nó uốn-khúc tạo nên một đám mây lành. Trong hai ngàn năm nay, hàng trăm nhà y-học lỗi-lạc ở Trung-quốc, Nhật-bản, Triều-tiên, Việt-nam và một số nước trên thế-giới ... đã say-sưa về lại nó, tìm hiểu nó,

ứng-dụng nó trên lâm-sàng, nhưng có lẽ mãi mãi, nó vẫn là con *phi long* tại thiêng, tức là dù đã định hình, nhưng sẽ không bao giờ định-hình. Nói khác đi, nó luôn luôn biến-hóa, luôn luôn mới-mẻ ở những phép *luận bệnh* và *dụng phương* trên lâm-sàng.

4/ Nội-dung toàn-diện của quyển sách cho thấy ta không thể hiểu thương-Hàn là bị *nhiễm lạnh*, bị *ngoại cảm* một cách đơn-giản như một số người đã nghĩ. Theo giới Đông-y học, sách Thương-hàn luận bao trùm mọi diễn-biến bệnh-ý do sự va chạm giữa con người và thiên-nhiên. Chúng ta muốn hiểu nó chỉ có cách là bắt đầu cuộc hành-trình đi vào từng điều, từng câu, từng chữ trên mấy ngàn trang sách mà thôi. Nội-dung được trình-bày bằng bệnh-chứng diễn-biến theo lục kinh:

- \* *Thái-dương kinh, Dương-minh kinh và Thiếu-dương kinh.*
- \* *Thái-âm kinh, Thiếu-âm kinh và Quyết-âm kinh.*

Trong đó, riêng Thái-dương kinh chiếm một số lượng bằng phân nửa quyển sách. Các kinh còn lại, tổng số chỉ chiếm một nửa. Xem đó, chúng ta thấy được Thái-dương kinh quan-trọng là dường nào.

5/ Không ai, dù là người có tham-vọng đến đâu, có thể cho là mình hiểu rõ nội-dung của nó một cách trọn vẹn. Nó chính là con rồng trong què Kiền được Trương Trọng-Cành đưa vào y-học lâm-sàng.

6/ Có nhiều nhà Tây-y đã dùng y-học thực-nghiệm của Tây-phương làm phương-pháp lý-giải nội-dung **Thương-hàn luận**. Kết-quả như thế nào, tôi không dám có ý-kiện, riêng tôi, nhằm tôn-trọng sự nghiên-cứu thuần-túy của giới Đông-y, tôi tuyệt-đối không dùng một thuật-ngữ hay một thành-tựu nào của Tây-y để chú-giải trong quyển sách này.

7/ Theo sách **Hán-thư thiêng Nghệ-văn chí** thì sách **Thang dịch kinh** (sách dạy dùng nước để sặc thuốc) là do ông Y Doãn đời Thương viết ra. Y Doãn là một nhà chính-trị lỗi-lạc, giúp cho ông Thành

Thang đánh vua Kiệt lập nên nhà Ân Thương. Trước khi ra làm chính-trị, ông là một nhà nông cày ruộng ở đất Sằn. Ông rất sành về cách sử-dụng *thuốc được-thảo do Thần Nông để lại, nhất là sử-dụng phương thang*.

Theo Hoàng-phủ Mật thì các phương trong **Thương-hàn luận** và **Kim-quy yếu-lược**, trừ *Bát-vị Thận-khí hoàn* của Thôi-thị và *Hắc-tán* của Hầu-thị, có thể nói Trọng-Cảnh đã dùng các phương còn lại của Y Doãn.

Sách **Hoàng Đế nội-kinh** thực sự chỉ đưa ra có 12 phương-thang mà thôi, phần lớn đều chú-trọng đến châm và cứu. Chính Y Doãn đã noi theo tông-chỉ của Thần Nông chuyên dùng thang-dịch (sắc thuốc lấy nước để uống) để trị bệnh, bổ-sung rất nhiều cho thiêu-sốt của **Nội-kinh**. Trương Trọng-Cảnh đã có được thuật châm-truyền của Y Doãn. Có thể nói đó là con đường 'đại hóa, hóa đến vô cùng'.

Theo Trần Tu-Viên thì không phải Trọng-Cảnh đã hướng trọn vẹn cái gì săn có một cách đầy-đủ của Y Doãn để lại, mà chính là ông đã bắt tay vào nghiên-cứu, ứng-dụng một cách công-phu. Một bệnh nào đó, phải dùng phương nào đó; dụng phương nào đó phải dùng loại dược nào đó. Ý thì tinh-tưởng, pháp thi nghiêm-minh, sự phán-doán từng hào, từng ly hay xa đến ngàn dặm cũng không để sơ-sót. Ông đã dựa vào cái Tâm của mình, rồi từ cái Tâm ấy để biến-hóa đến vô-cùng. Các chứng như *Qué-chi chứng*, *Sài-hồ chứng*, *Thừa-khí chứng* ... đều được phân-tích, lý-luận tì-mỉ. Từ chứng để dụng phương, dùng phương để làm sáng tỏ chứng. Nếu không phải là bậc thánh-nhân thì không thể tạo ra phương, nếu không phải bậc thông-minh, tài-trí thì không thể hiểu rõ và ứng-dụng được phương.

Nói về dược-phẩm, ông đã dựa vào lẽ biến-hóa của ngũ-vận, lục-khi để biết dược loại nào chuyên về bệnh gì, phân-lượng bao nhiêu, dựa vào lẽ sinh khắc chế-hóa để dùng một cách kỳ-diệu như thần.

Một loại dược-tế nào đó, nên dùng theo thang (sắc với nước), dùng theo tán, dùng theo hoàn ... ; làm xong một tē nào đó, nên chia ra uống làm ba lần, hai lần, uống hết ngay, uống rồi chờ kết-quả để xem có nên uống tiếp hay không, uống ấm hay đợi nguội lạnh mới uống, uống từng hớp một, sau khi uống xong nên húp vài ngụm cháo ... sắc vị nào trước, sắc tiếp theo như thế nào ? dùng nước hay dùng rượu ? nước thường hay nước quậy lên cho có bọt ? ...

Đường Dung-Xuyên viết : " Trong bài Tự, Trọng-Cảnh có nói :" *Trời Đất bày-tô qua ngũ-hành, nhằm để cho vạn-vật vận-hành, sinh-hóa. Con người bẩm-thụ ngũ thường để sinh ra ngũ tạng, sinh ra kinh-lạc, huyệt-đạo. Đây chính là nơi để cho Âm Dương hội-thông, nguyên-khi sinh-hóa trong giai-doạn tinh-vi, sâu-kín nhất của sự sống con người. Nó biến-hóa khôn-lường.*"

Câu nói trên của Trọng-Cảnh đã bao-quát hết ý-nghĩa của quyển Thượng-hàn luận. Quyển sách này dựa vào lục-khi để lập-luận, nhưng trong bài Tự, Trọng-Cảnh lại dùng ngũ-hành để khai tông. Ngũ-hành thuộc thể, lục-khi thuộc dụng. Con người bẩm-thụ khí ngũ-hành để có ngũ tạng, rồi sau đó mới có lục phủ. Có ngũ-tạng, lục-phủ rồi sau đó mới có kinh-lạc, du-huyệt để thành tam Âm, tam Dương. Tất cả đều bẩm-thụ Âm Dương của Thiên để thành Âm Dương trong con người. Tất cả đã thành một sự vận-hành quán-thông giữa Trời Đất người. Biết được như vậy, ta mới có thể truy-nghiên rà loại bệnh nào phải dùng loại dược nào. Trong hàng ngàn loại dược trong thiên-nhiên, loại nào bẩm-thụ hành nào, như vậy dụng dược trong ngũ-hành để chữa bệnh là dĩ theo con đường đồng khí tương-cầu của luật Thiên Địa Âm Dương nhất thể. Tài-năng của Trọng-Cảnh biến-hóa vô-cùng, nếu không phải những bậc cao-minh, tài cao trí

viễn thì làm sao có thể thấu hiểu được cái lý sâu-xa mà ông gởi-gắm trong tác-phẩm của ông."

Tóm lại, đây là quyền sách mà chúng ta phải nỗi-tiếp tiền-nhân, nhờ vào công-trình chủ-giải của hàng trăm nhà học-giả, thể-hiện qua mấy ngàn năm trên thực-tiễn lâm-sàng mới mong hiểu được một phần nhỏ về giá-trị của nó. Ở Việt-nam, cho đến ngày nay (1994), chưa có một bản dịch nào dựa vào nguyên-tác để chúng ta tham-khảo. Đây là một công-trình quá to-lớn, quá quan-trọng vì liên-quan đến mạng sống con người.

Tôi biết mình đang làm gì.

Tôi xin nhận công và nhận tội sau này, nhưng hiện tại, tôi phải cho nó ra đời, vì nó là một thành-phần bắt-khắc-ly trong chỉnh-thể y-học Đông-phương (gồm Nội, Nan, Thượng, Kim) mà tôi đã hứa cho xuất-hiện với độc-giả xa-gần, tại Việt-nam hay ngoài Việt-nam.

Tôi trân-trọng xin Quý độc-giả, các bạn-bè vui lòng tha-thứ và chỉ bảo cho những điều sơ-sót để tôi được học-hỏi thêm. Tôi cũng xin chân-thành tri-ân các bậc thầy, các lương-y trong và ngoài nước, một vị ân-nhân ở Pháp, một vị ân-nhân trong nước (đã qua đời do tai-nan xe) giúp đỡ tôi về vật-chất để tôi hoàn-thành được sự-nghiệp cho ngành y-học Đông-phương.

HUỲNH MINH-ĐỨC  
nguyên Giảng-sư Đại-học Văn-khoa Sài-gòn  
Mạnh-thu, năm Giáp-tuất / 1994

# Tưa của Trương Trọng-Cảnh

"Mỗi lần ta xem lại tài-liệu nói về Việt-Nhân (Biển Thuốc) vào nước Quắc dùng phép vọng-chẩn để chẩn bệnh cho Tè-hầu, ta thường hay thở dài, tiếc cho một nhân-tài. Ta thường trách các bậc sĩ-phu đương thời, vì họ đã không lưu ý đến vấn-dề y và dược, không nghiên-cứu cho tinh-thông về phuong-thuật: trên là chữa bệnh cho bậc vua và cha mẹ, dưới nhầm cứu cho người nghèo-khổ thoát khỏi tai-nàn, giữa là giữ-gìn sức khỏe cho chính mình được sống lâu. Họ chỉ tranh danh, đoạt lợi, mưu sự giàu sang cho chính bản thân mình, lúc nào họ cũng chộp-rộp, chỉ nhắm vào chữ 'danh-lợi' mà thôi. Họ chỉ sùng-bái cái ngọn mà xem thường cái gốc; họ chỉ chuộng cái hào-nhoáng bên ngoài mà bỏ bê sự vun-bồi cho sự tu-duong bên trong. Than-ôi. Nếu da mà không còn thì lồng dựa vào đâu để mà tồn-tại ? Một lúc nào đó, thình-linh họ bị trúng một luồng khí của tà-phong, bị một cơn bệnh ngặt-nghèo, họ có thể run lên, đau thấu trong xương... Lúc bấy giờ họ sẽ chạy đi tìm thầy bùa, thầy pháp (vu chúc). Họ đồ cho mọi tật bệnh là do Trời ban, bỏ tay để cuối cùng chịu chết, uổng cho kiếp sống trăm năm. Hoặc họ đem mạng sống tối quý của mình giao cho bọn phàm-y. Đáng thương thay cho họ. Đáng trách cho người đời hôn-mê, không chịu giác-ngô, không biết quý, tiếc cho sinh-mạng của mình. Mạng mình

mà không biết trọng thì còn nói gì đến cái bā vinh-hoa, mùi phú-quý nữa? Bước tới trước, họ không biết yêu-quý người khác, không biết tìm hiểu người khác; lui lại sau, họ không biết yêu thân mình và hiểu lấy chính mình. Khi nào họ gặp tai-hoa, thân mình đang ở chỗ nguy-nan, họ chỉ mơ-mơ, hờ-hờ, chính vì họ mãi theo cái phù-danh mà bỏ mất cái gốc, cái rễ ... nên mới ra nồng-nỗi.

Gia-tộc nhà ta thật đông, có hơn hai trăm người. Từ niên-hiệu Kiến-an đến nay, chưa đầy 10 năm, con số tử vong lên đến hai phần ba, trong đó bảy người trên mười người chết vì bị bệnh thương hàn.

Ta cảm vì sự chết chóc đã qua, ta lại càng thương cho tương-lai của những người tuổi trẻ vì bệnh-tật mà không giữ được toàn tánh-mạng. Vì thế ta mới để Tâm nghiên-cứu sách vở xưa, thu-thập các phương thuốc hay khắp nơi, tuyên-dụng 9 quyển sách Tố-vân, 81 Nan, trong đó có những bài đại luận về Âm Dương, về dược-tính, rồi ta sắp xếp lại thành cả mạch lắn chứng, thành ra gồm có 16 quyển Thương-hàn tạp bệnh luận. Tuy đây chưa phải là một bộ sách có thể chữa lành mọi thứ bệnh, nhưng nó có thể giúp cho chúng ta nguyên-tắc tìm hiểu cái nguồn gốc sâu-xa của bệnh-tật. Nếu như người nào tìm hiểu được ý của ta trong toàn bộ tác-phẩm của ta, thì cũng có thể hiểu được hơn phân nửa nguyên-nhân của bệnh-tật trong đời.

Ôi! Trời Đất bày-tỏ qua ngũ-hành, nhằm để cho vạn-vật vận-hành, sinh-hóa. Con người bẩm-thụ ngũ thường để

*sinh ra ngũ tạng, sinh ra kinh-lạc, huyệt-đạo. Đây chính là nơi để cho Âm Dương hội-thông, nguyên-khi sinh-hóa trong giai-đoạn tinh-vi, sâu-kín nhất của sự sống con người. Nó biến-hóa khôn-lường. Nếu như không phải là những người tài cao, hiểu biết rộng, thì làm sao có thể nắm được cái lý sâu-xa của nó cho được ?*

*Thời thượng-cổ có Thần Nô, g. Hoàng Đế, Kỷ Bá, Bá Cao, Lôi Công, Thiếu Du, Thiếu Su, Trọng Văn; thời trung-thế có Trường Tang Quân, Biển Thước ...*

*Nay ta nhìn lại những người làm y, họ không đêm-xia gì đến việc nghiên-cứu, tìm-tòi về ý-nghĩa của kinh-diễn để mà trình-bày sự hiểu-biết của mình về ngành y. Mọi người đều nối-tiếp những kinh-nghiệm khéo-léo của gia-dinh, nói chung là đi theo con đường cũ mòn của gia-dinh, họ chỉ dựa vào chứng-tật để mà luận-bệnh, chú-trọng vào những gì mà chính miệng của người khác kể lại, từ đó họ suy đoán một cách hời-hợt để cho thuốc (thang dược). Họ dựa vào thốn mà không biết đến xích, họ nắm tay mà không mó đến chân, chỉ biết về mạch Nhân-nghênh và Diết-dương, không tham-luận cả ba bộ mạch, mạch số, hơi thở ví dù không đủ số 50; mạng sắp nguy mà cũng không biết; quyết chẩn về cứu-hậu cũng không bao giờ nghĩ đến; họ không bao giờ dùng phép-quan (vọng: nhìn) những vùng minh-duong hoặc khuyết-dịnh trên mặt, dùng gọi là hời-hợt. Thế mới biết, muốn phân-biệt sống và chết, thực là khó-khăn lắm vậy.*

*Không tử nói:* 生而知之者上學則亞之多聞博識知之次也 Sinh nhi tri chi giả, thượng; học tắc á chi; đa văn báu thức, tri chí thứ dã. = Người nào sinh ra mà đã hiểu biết, đó là bậc có tư-chất thượng-đẳng; nhờ học mà hiểu biết thì kém hơn."

Như vậy, nếu người nào nghe thấy nhiều, hiểu biết nhiều (như ta), chỉ ở vào bậc thứ-yếu mà thôi. Ta (chỉ là người mà) ngày đêm nghiên-cứu về phương-thuật, rồi theo sự việc mà kể lại thôi."

Hán, Trường-sa thái-thú, Nam-dương Trương Trọng-Cảnh soạn.



Chú ý: Câu văn mà Trọng-Cảnh trích trên đây của Không tử là nằm trong thiên *Thái Bá* sách *Luận-ngữ*:

孔子曰：生而知之者上也；學而知

Không tử viết: Sinh nhi tri chi giả, thượng dã; học nhi tri  
之者次也；困而學之又其次也；困  
chi giả, thứ dã; khôn nhi học chi, hụu kỳ thứ dã; khôn  
而 不 學 民 斯 下 矣 nhì bất học, dân tư vi hạ hý.

*Không tử nói:* "Người nào sinh ra mà đã hiểu biết (Đạo) đó là bậc có tư-chất thượng-đẳng; người nào nhờ học mà hiểu biết được, là người có tư-chất dưới một bậc; người nào phải khổ công học-tập mới hiểu biết được, lại dưới một bậc nữa; riêng người nào đáng phải khổ công học-tập mới có thể hiểu biết, nhưng lại không chịu học, thứ người này mới đáng gọi là hạ-cấp trong thiên-hạ vậy."

# *Dham-lê*

Bộ Thương-hàn luận được dịch theo những nguyên-tắc dưới:

## A . - NGUYÊN-TẮC DỊCH và CHÚ:

1/ Nguyên-văn chữ Hán của Hoàng Đế nội-kinh được gọi tắc là "kinh văn" ; nguyên-văn chữ Hán của Thương-hàn luận và Kim-quỹ yếu-lược đều được gọi là "luận-văn".

Chép lại từng điều luận-văn bằng chữ Hán. Bộ luận-văn này hiện nay đều có những sai-biệt trong một số nguyên-văn mà ta thường gọi là dị-bản. Nếu gặp phải những trường-hop như thế, tôi đều cố nêu lên để độc-giả tham-khảo. Về bản gốc, tôi xin chọn bản của Thành Vô-Kỷ, Trần Tu-Viên và Đường Dung-Xuyên, Ngô Quốc-Định, Thừa Đạm-Am.

2/ Trong quá-trình phân chia các điều, nhiều nhà chủ-giải đã ghép khác nhau. Có người đã ghép hai điều lại làm một, có người lại tách một điều ra làm hai. Trong số đó, Ngô Quốc-Định đã làm xáo-trộn các thứ-tự cổ-diển. Vì thế, chúng ta không thể dùng con số chung chung để chỉ các điều (câu) một cách chính-xác. Trước mắt, tôi xin chọn bản phân chia theo Trần Tu-Viên và Thành Vô-Kỷ.

3/ Bên dưới phần Hán-văn, có in phần dịch âm Hán Việt theo đúng thứ-tự từng chữ một.

4/ Phần luận-văn bằng chữ Hán rất ngắn gọn, khó hiểu, Trần Tu-Viên đã xen vào những ý nối-tiếp làm cho câu văn thành mạch-lạc hơn. Như vậy, trong phần 'dịch nghĩa', phần nguyên-văn được in thành nghiêng đậm, còn phần giảng-giải thêm của Trần Tu-Viên thì in nghiêng thường.

5/ Vì đây là quyển sách y-học lâm-sàng liên-quan đến việc sống chết của con người, lý-luận này dựa vào nền triết-học Kinh Dịch (Đông-phương), vì thế chúng ta

không thể tự mình muốn hiểu và muốn giải-thích thế nào cũng được, mà phải dựa trước hết vào lời chú-giải của hàng trăm nhà y-học lối-Hạc của Trung-quốc hàng mấy ngàn năm nay. Tên của các nhà chú-giải được nêu lên rõ-ràng.

6/ Thỉnh-thoảng, có vài điều kèm theo phương châm-cứu, thiết chẩn, ... tất cả là của Thừa Đam-Am.

### B . - VĂN-ĐỀ CHÍNH-TÀ và VIẾT HOA:

Có một số tác-giả chủ-tương không cần hay là bỏ hẳn gạch nối ( - ), còn tên người hay tên đất, viết hoa đồng loạt ... Tôi không đồng ý, vì khi đi sâu vào nội-dung chuyên-môn của bất cứ một ngành nào, văn-đề gạch nối và viết hoa hết sức cần-thiết giúp cho độc-giả hiểu nội-dung và cũng chứng-minh trình độ của lác-giả đối với từng văn-đề qua TỬ và TỰ. Ví-dụ:

#### 1 Tên huyệt, tên cây thuốc, tên phương-tê:

a) **Huyệt Tam-lý**: chữ lý có nghĩa là một vùng đất nhỏ, gọi là xóm nhỏ, lớn hơn được gọi là hương (làng), huyện, rồi tỉnh ... Chữ tam là số 3. Tam-lý ở đây là chỉ vào Vị, Đại-trường, Tiểu-trường như 3 vùng khí-hóa có quan-hệ nhau, trong đó Vị đóng vai chính. Trong ngành châm-cứu, ta có đến 2 huyệt Tam-lý, một thuộc Thủ, một thuộc Túc. Thủ thuộc Thiên, Túc thuộc Địa. Trong chính-là, Tam-lý là tên của một huyệt duy-nhất, ta phải phân-biệt bằng cách viết hoa và gạch nối theo bản-chất của tự và tử :

Thủ Tam-lý và Túc Tam-lý

(tự) (tử) (tự) (tử)

Cũng tương tự như thế khi chúng ta viết cho huyệt:

**Dương Lăng-tuyền**

**Âm Lăng-tuyền**

b) **Qué-chi**

(tử)

**Thược-dược**

(tử)

**Cam-thảo**

(tử)

**Sinh Khương**

(tự)

(tự)

**Đại Táo**

(tự)

(tự)

**Hoàng Kỳ**

(tự)

(tự)

c) **Qué-chi gia Cát-căn thang phương**

**Đại Hâm-hung thang phuong**

**Đại Hâm-hung hoàn phuong**

**Tiêu Hâm-hung thang phuong**

**Qué-chi Ma-hoàng các bán thang phuong . . .**

2/ Tên người, tên tang phủ ... :

**a) Hoàng-phủ Mật      Trương Trọng-Cảnh**

(phức-tinh)                (đơn danh)                (đơn tinh)                (phức danh)

Trong y-học, lá gan là một cơ-năng-hữu-cơ mà ta có thể quan-sát được do giải-phẫu. Nhưng đối với ngành y-học Đông-phương, chữ Can không phải chỉ nói đến lá gan mà thôi. Chữ Can chỉ toàn-bộ những gì liên-quan đến Cân và làm cho Can bệnh: đông-phương, Mộc, màu xanh, cân (gan), âm giốc, sự nóng giận (nộ), vị chua ... Như vậy, trong khi đọc các thuật-ngữ về y-học Đông-phương, khi ta nói:

\* **gan** : muốn nói đến tang; bệnh gan: là bệnh thuộc tang

\* **Can bệnh**: không chỉ nói về bệnh gan (tang bệnh), mà chỉ rộng ra vừa là lang bệnh, vừa là khí bệnh, vừa là kinh-mạch bệnh.

Cũng vậy, khi ta nói :

\* **lửa** : là nói đến Hoả, nhưng khi nói Hoả thì không chỉ nói về lửa.

\* **lạnh**: là nói đến Hán, nhưng khi nói Hán thì không chỉ nói về lạnh

\* **tim**: là nói đến Tâm, nhưng khi nói Tâm thì không chỉ nói về bệnh tim.

Vì thế, khi nói về vắn-dè trên, tôi viết: Thủy, Hoả, Mộc, Kim, Thổ, Hán, Nhiệt, Can, Tý, Thận ...

Cái học về Đông-phương rộng bao-la, trong khi phục-hồi và giới-thiệu với Quý độc-giả về lãnh-vực này, tôi hứa một điều: tôi rất thận-trọng và trân-trọng từ nội-dung của tự và từ, của ý-nghĩa từ triết-học đến sinh-học, rồi bệnh-học; cả về hình-thức của chính-tả. Tất cả chỉ muốn biểu-lộ sự kính-trọng của tôi đối với người xưa và đối với độc-giả mà thôi.

# *Phép đọc*

# **THƯƠNG-HÀN LUẬN**

## 傷 寒 論 讀 法

A . - Văn-dê Tiêu, Bản, Trung-khí.

Thiên Nhiệt-bệnh luận sách Tố-ván và nội-dung của Thương-hàn luận đều có đề-cập đến Lục-kinh. Tuy nhiên, chúng ta nên chú-ý để phân-biệt những điểm khác nhau giữa hai tài-liệu này. Trần Tu-Viên nói: "Nếu chúng ta không hiểu Tiêu, Bản, Trung-khí của Lục khí thì không thể đọc và hiểu sách Thương-hàn luận."

Tiêu, Bản, Trung-khí là phần lý-luận diễn-tả khí-hóa tương-cảm giữa con người và Trời Đất. Nó là nguyên-lý quan-trọng nhất, chỉ-đạo cho người thầy thuốc Đông-phương xử-lý một cách đúng phép trong khi lâm-sàng trị-liệu.

Thiên Lục vi chi đại luận sách Tố-ván viết:

少陽之上火氣治之中現厥陰

Thiếu dương chi thương, Hỏa khí trị chi, Trung hiện Quyết âm.

陽明之上燥氣治之中現太陰

Dương minh chi thương, Táo khí trị chi, Trung hiện Thái âm.

太陽之上寒氣治之中現少陰

Thái dương chi thương, Hàn khí trị chi, Trung hiện Thiếu âm.

厥陰之上風氣治之中現少陽

Quyết âm chi thượng, Phong khí trị chi, Trung hiện Thiếu dương.

少陰之上熱氣治之中現太陽

Thiếu âm chi thượng, Nhiệt khí trị chi, Trung hiện Thái dương.

太陰之上濕氣治之中現陽明

Thái âm chi thượng, Thấp khí trị chi, Trung hiện Dương minh.

Cái gọi là Bản dã, bởi vì bên dưới Bản là khí Trung - hiện. Bên dưới Trung-hiện là khí Tiêu Bản.Tiêu Bản bất đồng, khí ứng dị tượng.

Nội-dung trên thâm sâu vô cùng. Chúng ta phân-tích:

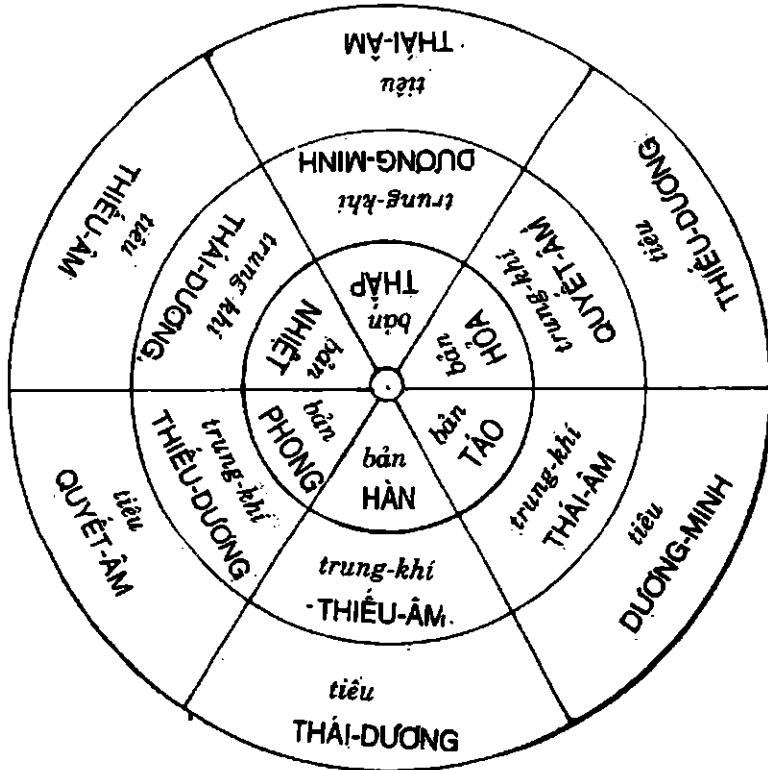
\* *Bản khí* của Lục khí: Phong-Nhiệt-Tháp, Hỏa-Táo-Hàn.

\* *Tiêu-khí* của Lục-khí: Thiếu-dương, Thái-dương, Dương-nh, Thiếu-âm, Thái-âm, Quyết-âm.

\* *Trung-khí* của Lục-khí: là quan-hệ biểu lý của Tiêu-khí. Bên dưới Bản-khí là khí Trung-hiện. Bên dưới Trung-khí là Tiêu-khí. Khí Tiêu và Bản đều có sự khác nhau giữa Âm-tổng, Hàn-Nhiệt. Con người sinh ra và chịu ảnh-hưởng là truyền biến giữa giao khí Trời và Đất, thành ra bệnh:

Tiêu Bản Trung-khí biểu.

THÁP	Thiếu dương	Dương minh	Thái dương	Quyết âm	Thiếu âm	Thái âm
BẢN	HỎA	TÁO	HÀN	PHÒNG	NHIỆT	THẤP
TRUNG KHÍ	Quyết âm	Thái âm	Thiếu âm	Thiếu dương	Thái dương	Dương minh
TIÊU	Thiếu dương	Dương minh	Thái dương	Quyết âm	Thiếu âm	Thái âm



Thượng Trung

Hạ Bàn Tiêu

Trung-khi dò

Theo Trưởng Cảnh-Nhạc, chúng ta giải-thích như sau:

**A1 . Thiếu-dương Thái-âm tùng bản:**

Vì Thiếu-dương bản Hòa tiêu Dương; Thái-âm bản Tiêu Âm, tiêu và bản đồng khí, cho nên phải tùng bản.

tùng Thiếu-dương, Thái-âm đều có Trung-khí, vậy mà tông nói là tùng Trung-khí bởi vì Trung-khí của Thiếu-tong là Quyết-âm Mộc. Mộc và Hỏa đồng khí, Mộc hóa theo Hỏa vậy. Do đó mà không tùng Trung-hiện. Ngoài ra, rung-khí của Thái-âm là Dương-minh Kim. Thổ sinh Kim. áo hoá theo với Thấp. Do đó mà không tùng Trung-hiện.

#### A<sub>2</sub> . *Thiếu-âm, Thái-dương tùng bản, tùng tiêu:*

Vì Thiếu-âm bản Nhiệt tiêu Âm; Thái-dương bản Hán êu Dương, khí của tiêu và bản khác nhau, cho nên hoặc ịnh bản, hoặc tùng tiêu làm cho phép trị có trật-tự trước iu. Thế nhưng, Thiếu-âm và Thái-dương đều có khí Trung-ien: Khí Trung-hiện của Thiếu-âm là Thái-dương Thủy; khí rung-hiện của Thái-dương là Thiếu-âm Hỏa. Đồng ở bản thì ở tiêu, đồng ở tiêu thì dị ở bản. Vì thế mà không tùng rung-khí.

#### A<sub>3</sub> . - *Dương-minh, Quyết-âm không tùng tiêu bản, tùng Trung-khí:*

Vì khí Trung-hiện của Dương-minh là Thái-âm Thấp Thổ, iay cũng là trường-hop Táo hóa theo với Thấp. Khí Trung-ien của Quyết-âm là Thiếu-dương Hỏa, đây cũng là trường-yp Mộc hóa theo với Hỏa. Vì thế khí Dương-minh, Quyết-n không tùng tiêu bản mà chỉ tùng khí Trung-hiện.

Nói tóm lại, khí ngũ hành biến-hóa theo luật: Mộc gấp òa thì hóa theo Hỏa; Kim gấp Thổ thì hóa theo Thổ. Tất cả hông ngoài cái luật: 同聲相應, 同氣相球 Đồng thanh tòng ứng, đồng khí tương cầu mà Văn-ngôn hào Cửu ngũ ué Kiền đã nói: 水流濕, 火就燥 Thủy lưu Thấp, Hỏa tụu Táo

= *Thủy chảy về với Thấp, Hỏa úng với Táo.*

Vì Trời Đất luôn luôn biến-hóa, cho nên khí của Lục khí tùy theo thời mà có thịnh có suy. Khi nào khí hữu-dư thì h thành thái-quá. Khi nào khí bất-túc thì hóa sinh bất-cập. Khi nào hóa theo chiêu thuận thì gọi là *Thường-hóa*, nhờ v mà sự biến-hóa sẽ liên-tục không ngừng-nghi. Trái lại, k nào hóa nghịch lại thì *Nghịch-hóa*. Nghịch-hóa sẽ xảy ra t bệnh. Ví-dụ:

\* *Mộc hóa theo với Hỏa*: Khi nào Hỏa thịnh thì Mộc hóa theo với Hỏa. Đó là trường-hợp hóa theo Thái-quá. K nào Dương suy thì Mộc bị thất hóa, đó là hóa theo bất-cập.

\* *Táo hóa theo với Thấp*: Khi nào Thấp thịnh thì Táo hóa theo với Thấp. Đó là trường-hợp hóa theo Thái-quá. K nào Thổ suy thì Kim bị thất hóa, đó là hóa theo bất-cập. N chung, nếu hóa theo Thái-quá thì nên úc-ché, nếu hóa theo bất-cập thì nên bồi-dưỡng.

*Đường Dung-Xuyên* rất tán-thành lối giải-thích trên c Trương Cảnh-Nhạc. Tuy nhiên, ông bổ-sung thêm: "Chữ thương mà Nội-kinh đã dùng, ý nói:

\* *Tạng phủ thuộc bản.*      \* *Kinh mạch thuộc mạc.*

Đó là vì tạng phủ nằm ở trên cho nên gọi là thượng. Bản-khi của tạng p tuần-hành theo kinh-mạch để đi xuống phía dưới, giữa đường gấp khí biết của nó gọi là khí Trung-hiện. Khí của kinh-mạch chạy ra đến ngoài tay ch để thành Lục kinh, tức là thuộc phần ngọn với sự phân chia thành tam A tam Dương. Đó là ý-nghĩa của câu: Khí chi tiêu : ngọn của khí."

*Đường Dung-Xuyên* giải-thích tiếp:

### a. - *Khác biệt giữa Nhiệt và Hỏa:*

Nội-kinh viết: *Thiếu dương chi thượng Hỏa khí trị chí*: gốc của Thiếu-dương kinh là Tam-tiêu và Đởm. Cả hai có nhiệm-vụ điều-hành Hỏa-khí của thân-thể con người. Tam-tiêu chính là hệ-thống mản mõ lấy gốc ở Thận-hệ, gọi là Mệnh-môn. Từ Thận-hệ, Tam-tiêu đi theo hai mạng mõ lên trên để sinh ra lưỡi mõ, lên trên nữa để tạo thành mản bọc lồng ngực; phía trước liên-hệ với Bào-lạc, phía sau gắn với cột sống rồi Can và Đởm. Mệnh-môn chứa khí Nhất Dương của quẻ Khám, vận-hành theo đường Tam-tiêu. Khí Nhất Dương này, lúc này chỉ được gọi là Dương-khí chứ chưa được gọi là Hỏa-khí. Chỉ khi nào nó lên trên thông với Đởm, qua Can Mộc, nó mới sinh-hóa để biến thành Hỏa-khí, đúng với câu:

空中有火歷木則明

*Không trung hữu Hỏa, lệ Mộc tắc minh*

= *Giữa trời có Hỏa, gặp Mộc thì sẽ được sáng lên.*

Vì thế, Dương-khí trong Tam-tiêu chính là gốc của Hỏa. Chỉ khi nào nó lên hợp với Đởm và Can mới thành Hỏa. Vì thế ta gọi Đởm là Hỏa rực sáng, Tam-tiêu là gốc của Hỏa, còn Can Mộc là nguyên-nhân sinh Hỏa. Nói khác đi, luận về Hỏa phải lấy Đởm và Tam-tiêu làm chủ. Hỏa được cất chứa trong Đởm, con đường xuất nhập của nó là Tam-tiêu và gốc của nó là Thận-hệ. Chúng ta thường nói Can, Đởm, Bào-lạc cùng làm chủ Tương-hỏa, còn Tâm làm chủ Quân-hỏa. Nói như vậy không đúng lắm. Nội-kinh nói rất rõ:

Quyết âm chi thượng, Phong khí trị chí;

Thiếu âm chi thượng, Nhiệt khí trị chí.

Như vậy, Thiếu-âm Tâm Thận cùng làm chủ Nhiệt-khí, không được gọi là Hỏa-khí. Người đời sau không phân-biệt được giữa Hỏa và Nhiệt. Chúng ta nên biết rằng Dương-khí của Thiên khí nào gặp Mộc mới thành thực-thể của Hỏa. Còn như Dương-khí phát ra từ Thủy chỉ là Nhiệt mà thôi, không thể gọi là

Hỏa được. Vì thế Nội-kinh viết:

Thiếu-âm chí thương Nhiệt khí trị chi.

Dương-khí trong quẻ Khảm của Thiếu-âm lên trên giao với Tâm để thành Dương-khí ở Tâm, vì như Thiên có mặt trời . Dương-khí này làm chủ Nhiệt-khí ở thân-thể con người. Nó khác với Hỏa. Nó chính là Dương-khí tiên-thiên, là nguồn gốc hóa-sinh khí huyết. Hỏa và Nhiệt khác nhau là như vậy.

**b. - Khác biệt giữa Táo-khí và Hỏa Nhiệt:**

Hỏa Nhiệt thuộc Dương. Trong lúc đó Táo-khí có Âm Táo, có Dương Táo. Bởi vì Táo và Thấp đối nhau. Thấp thuộc khí của Thủy Hỏa tương-giao . Còn Táo thuộc khí Thủy Hỏa bất tương-giao. Xét kỹ lại, sở dĩ Thủy Hỏa bất tương-giao là do tính thu-liêm của Kim. Tính thu-liêm này làm cho Thủy và Hỏa tự mình quay về chỗ của mình. Khi này được thiên Nguyệt-lệnh sách Lễ-ký gọi tên là Nhục-thu. Nó chủ mùa thu và làm cho cây cỏ vàng úa, nước ao hồ bị cạn. Ta gọi thời-kỳ này là thời-kỳ Táo Kim dụng sự. Con người bẩm-thụ khí Táo Kim thành kinh Dương-minh. Tính thu-liêm của Kim làm cho Thủy Hỏa bất-giao thành ra Táo. Như vậy, Táo là tình-trạng Thủy Hỏa bị tiêu-hao. Trong con người, sở dĩ thức ăn được tiêu và hóa là nhờ vào Táo-khí. Khi nào Táo-khí hóa bất-túc thì không tiêu được nước, khi nào Táo-khí hóa thái-quá thì sẽ làm thương tân-dịch. Chứng Dương Táo thường xảy ra, còn chứng Âm Táo thì hiếm hoi. Đây là ý-nghĩa mà Nội-kinh gọi là *Dương minh chí thương Táo khí trị chi*.

Thấp thuộc bản-khi của Thổ. Thổ vượng ở mùa Trưởng hạ, đúng vào lúc Thủy Hỏa đang tranh nhau, đang hợp nhau. Khi nào Thủy Hỏa hợp nhau, gặp Mộc sẽ mục nát để thành ra Thổ, còn gặp Kim sẽ hóa đi để quy về với Thổ. Ngoài ra, Thổ lại còn vượng ở bốn mùa, đó là vì Thủy Hỏa Kim Mộc hợp nhau thì mới làm mục nát trân vật để thành Thổ được. Vì thế, thiên Hồng-phạm xếp Thổ đứng sau cùng trong ngũ hành. Trong trời đất, Thổ là vật thuộc Âm-

thể lớn nhất. Con người bẩm-thụ Thổ để thành Thái-âm Tỳ-kinh. Như vậy, Tỳ dùng Thấp là chính để hóa Kim. Đó là ý-nghĩa câu Trái-âm chi thương Thấp khí trị chi. Nếu không bị thái-quá hoặc bất-cập thì Tỳ được an hòa.

Trong thân-thể con người, Thái-âm được xem là lớn nhất bên trong, chủ về huyết-phận; Thái-dương được xem là lớn nhất bên ngoài, chủ về khí-phận.

Nội-kinh nói: *Thái dương chi thương, Hán khí trị chi*, ý nói khí Thái-dương ở ngoài nhằm bảo-vệ khí nguyên Dương. Trong lúc đó, thực sự, khí Thái-dương phát ra ở Hán thủy của Bàng-quang. Bàng-quang là phủ của Thận, chủ về tiểu-tiện. Phàm con người khi uống nước vào trong, nước sẽ theo con đường mòn mỡ của Tam-tiêu nhập vào Bàng-quang. Tất cả nhờ vào công-dụng của Hán Thủy. Nếu con người không có khí Hán Thủy thì sẽ không thể giúp (té) cho Táo, Hỏa, Nhiệt. Vì thế, khí Hán Thủy không thể thái-quá, cũng không thể bất-cập. Tâm Hỏa phải đi xuống bên dưới hợp với Thủy để Thủy hóa thành Dương-kì bảo-vệ bên ngoài.

### c.- *Khác biệt giữa Hán và Phong.*

Hóa khí của Thủy thăng lên thành Thái-dương. Trong quá-trình khí hóa của Hán Thủy thì Dương sinh, Âm thoái. Đó là quá-trình khí-hóa của Quyết-âm Phong Mộc. Quyết-âm là giai-đoạn của Âm tận. Âm tận, Dương sẽ sinh ra, do đó mà hòa-kì của Phong cũng sinh ra. Trong Hậu-thiên bát quái thì quẻ Chấn thuộc Can-kì trong người. Luận về cái thể của Can thì Can chính là Âm huyết của Tâm và Tỳ ngưng-kết mà thành chất. Âm-thể mà chúng ta nói đây chính là hai hào Âm nằm trên một hào Dương của quẻ Chấn. Hệ mản lưỡi của Can liên-kết với cột sống, rồi đi xuống dưới liên-kết với Thận-hệ để đắc được khí nhất Dương, giống với hào nhất Dương bên dưới của quẻ Chấn vậy. Ta gọi là Quyết-âm, bởi vì cái thể của nó thuộc Âm. Ta gọi là *Phong khí trị chi* bởi vì cái dụng của nó là Dương. Âm tận thì nhất Dương sinh, như vậy hòa Phong sẽ được sinh ra. Khi mà Phong-kì được hòa thì trăm vật được thông-sướng. Kinh Quyết-âm sở dĩ điều-hành được khí chính là nhờ như vậy. Chỉ khi

nào khí thành thải-quá hay bất-cập thì sẽ sinh bệnh.

**B . - Bảng-cương của Lục kinh gây bệnh.**

**B<sub>1</sub>.** - Bệnh Thái-dương gồm 8 chữ: 脈浮, 頭痛, 項強, 惡寒  
Mạch phù, đầu thống, họng cường, ô Hán = *Mạch phù, nhức đầu, cõi  
gáy cứng, sợ lạnh.*

**B<sub>2</sub>.** - Bệnh Dương-minh gồm 3 chữ: 腸虛實 Vị hư, thực = *Vị  
bị hư, thực.*

**B<sub>3</sub>.** - Bệnh Thiếu-dương gồm 6 chữ: 口苦, 咽乾, 目眩 Khẩu  
khô, yết can, mục huyền = *Miệng đắng, cổ khô, mắt hoa.*

**B<sub>4</sub>.** - Bệnh Thái-âm gồm 23 chữ: 腹滿而吐食不下  
自利益甚益腹自痛, 若下之必胸下結硬 Phúc mãn nhi thô thực  
bất há, tự lợi ích thậm. Ích phúc tự thông. Nhược há chi tất hung hạ kết  
nganh = *Bụng đầy mà ói, ăn không xuống, chứng tự lợi càng  
nặng hơn. Bụng càng đau nhiều hơn. Nếu cho xả thì dưới  
ngực bị kết thành khối cứng.*

**B<sub>5</sub>.** - Bệnh Thiếu-âm gồm 6 chữ: 脈微: 細, 但欲寐 mạch vi  
tế, đản dục my = *Mạch vi tế, chỉ muốn ngủ.*

**B<sub>6</sub>.** - Bệnh Quyết-âm gồm 24 chữ: 消渴氣上撞心:  
心中疼熱, 餓而不欲食, 食則吐衄, 下之利不止 Tiêu khát, khi  
thường tràng Tâm. Tâm trung đông Nhiệt. Cơ nhi bất dục thực. Thực tắc  
thô hỏi, há chi lợi bất chỉ = *Tiêu khát, khí lên trên đánh vào Tâm.  
Tâm bị đau và nhiệt. Đói nhưng không muốn ăn. Ăn vào là  
ói ra giun. Cho xả thì tiêu chảy không ngừng.*

### C . Ý-nghĩa của bệnh-tình trong biện-chứng làm sàng trên lục kinh.

Theo Trình Hiệu-Thiến thì trong phép biện-chứng làm sàng trên lục kinh, không những nhận bệnh phải dựa vào mạch-chứng mà còn phải dựa vào *bệnh-tình* nữa. Đại-khai thì *bệnh-tình* ở Thái-dương là *ó Hàn*, ở Dương-minh là *ó Nhiệt*, ở Thiếu-dương là *hay ói* (*ǎu*), ở Thái-âm là *ăn nuốt không xuống*, ở Quyết-âm là *không muốn ăn*. Tất cả các chứng trên gọi là *bệnh-tình*.

### D . - Vấn-jề phái Nhiệt trong tam Âm, tam Dương.

Khí Dương của *Thái-dương* là cự Dương trong thân-thể con người, Nhiệt của nó phát ra ở doanh và vệ, chủ về Nhiệt ở tay chân.

Khí Dương của *Dương-minh* do *Thái-dương* và *Thiếu-dương* hợp lại. Nhiệt của nó phát ra âm-ấm ở cơ-nhục.

Khí Dương của *Thiếu-dương* thuộc bán biếu, bán lý. Nhiệt của nó phát ra ở tấu-lý lúc phát, lúc ngưng, tức là vãng lai *Hàn* Nhiệt.

Khí của *Thái-âm* thuộc chí Âm, không có Nhiệt để phát ra. Tuy nhiên, trong khi thay cho Vị để vận-hành tân-dịch để tưới nhuận khắp tứ chi, nó làm chủ tứ chi để phát Nhiệt ra tứ chi. Vì thế trong chứng *thương Hàn* ở *Thái-âm*, tay chân tự ấm trở lại, còn chứng *Trúng-phong* ở *Thái-âm*, tứ chi bị đau nhức. Khí của *Thiếu-âm* thuộc gốc của 封蟄 *phong trập* (con sâu trập tự giấu kín mình dưới đất sâu). Nếu khí *Thiếu-âm* không tự giấu kín được mình thì hào Dương trong quẻ *Khám* không còn che giấu được nữa, do đó nó bị khí *Phong* *Hàn* tấn-công gây thành

chứng mạch trầm và phát sốt (Nhiệt), có khi qua tám chín ngày vẫn không phát sốt, đó là Nhiệt đã nhập vào Bàng-quang gây cho tay chân toàn thân đều sốt.

Khí của *Quyết-âm* ở vào giai-doạn mà hai khí Âm giao ở tận, khí nhất Dương sơ sinh. Khi nó bị *thương Hàn* có khi theo Âm để trước Quyết và sau mới Nhiệt, theo Dương thì trước Nhiệt sau mới Quyết, hoặc Dương tiến thì Nhiệt đa Quyết thiểu, Âm tiến thì Nhiệt thiểu Quyết đa. Hoặc Âm Dương hòa thì Nhiệt và Quyết cũng ứng theo.

#### E . - *Văn-dè Hàn và Nhiệt.*

Ô Hàn là trạng-thái mà người bệnh cảm thấy ở bì-mao ớn lạnh, do Dương-kì không còn bảo-vệ mao-khiếu khắp chu thân nữa. Chu thân con người có tám vạn bốn ngàn mao khiếu, đó là khí của Thái-dương bảo-vệ bên ngoài.

Nay nếu Thiên-khí gây bệnh nơi khí Thái-dương trong con người thì cả người bị ô Hàn, lạnh suốt theo con đường của khí Thái-dương vận-hành, tức là từ đầu cổ đến cột sống. Còn nếu Thiên-khí gây bệnh nơi kinh Thái-dương trong con người thì chỉ có cột sống lưng ô Hàn; ngoài ô Hàn ra, toàn thân bị lạnh. Toàn thân bị lạnh có nghĩa là dù mặc bao nhiêu áo quần, bệnh-nhân vẫn thấy lạnh. Đó là khí Hỏa Nhiệt của Tam-tiêu không còn làm ấm cơ-nhục. Thương-hàn luận gọi *hình lạnh ô Hàn* chính do khí Tam-tiêu bị thương-tổn khiến cho thân mình bị lạnh.

#### F . - *Văn-dè tà khí trung Âm Dương.*

Thiên *Bản tạng* sách Linh-khu viết:  
三焦膀胱者，腠理毫毛其應

Tam tiêu Bàng quang giả, tấu lý hào mao kỳ ứng.

= Tam-tiêu và Bàng-quang ứng với tấu-lý và hào mao bên ngoài.

Thái-dương chủ hào mao của toàn thân, tức là chủ về lớp thứ nhất của phu-biểu. Vì thế nên khi tà-khí tấn-công thì Thái-dương chịu trước nhất. Tuy nhiên, tà-khí không phải luôn luôn tấn-công vào Thái-dương mà có khi vào Dương-minh, Thiếu-dương, hoặc vào Tam Âm.

Trương Lệnh-Thiều giải-thích:" Thiên *Bệnh hình* sách Linh-khu viết: *Tà khí trúng vào mặt thì sẽ chạy xuống kinh Dương-minh; trúng vào cổ gáy thì sẽ chạy xuống kinh Thái-dương; trúng vào hai bên má thì sẽ chạy xuống kinh Thiếu-dương...*"

Sách Linh-khu còn cho biết con đường truyền kinh khi tà-khí trúng vào các vùng thuộc các đường kinh Âm.

Kha Vận-Bá giải-thích:" Sách Thương-hàn luận nói đến Thái-dương thọ tà có phân-biệt trúng vào cổ gáy và trúng vào lung: khi trúng vào cổ gáy thì đầu và cổ gáy đau và cứng; khi trúng vào lung thì lung bị cứng và ênh. Dương-minh thọ tà có phân-biệt trúng vào mắt và trúng vào ngực: trúng vào mắt thì mắt đau và mũi khô; trúng vào ngực thì trong lồng ngực bị khói cứng (bī ngạnh). Thiếu-dương thọ tà có phân-biệt trúng vào hai bên má và trúng vào họng sườn: trúng vào hai bên má thì miệng đắng, cổ khô; trúng vào họng sườn thì dưới họng sườn bị khói cứng. Đây là ý nghĩa của câu mà Kỳ Bá nói:" Trúng vào Dương thì vận hành trong kinh." Nhưng câu: " Tà trúng vào Âm thì di dọc theo đùi và cánh tay" thì nên hiểu thế nào? Câu này ý

nói Tà-khí đi từ kinh vào tang. Nếu tang-khí đang thực sê không chứa tà-khí, do đó mà tà-khí sẽ quay vào phủ. Chính vì thế mà Thương-hàn luận có nói: "Tam Âm đều có chứng tự lợi", đó là con đường tà-khí quay về phủ. Ngoài ra, tam Âm cũng có chứng cho phép xổ, đó là con đường Nhiệt-tà quay về phủ. Đây là ý-nghĩa mà Kỳ Bá đã nói: "Trúng vào Âm thì quay vào phủ."

#### **G.- Vấn-dề thời-gian truyền kinh.**

Trương Lệnh-Thiều giải-thích :" Xét theo Nội-kinh thì trong phép truyền kinh ngày thứ nhất ở Thái-dương, ngày thứ hai ở Dương-minh, ngày thứ ba ở Thiếu-dương, ngày thứ tư ở Thái-âm, ngày thứ năm ở Thiếu-âm, ngày thứ sáu ở Quyết-âm. Lục khí cứ theo thứ-tự mà truyền nhau. Hết một vòng rồi lại trở lại, không ngừng nghỉ. Đây chỉ là khi truyền chứ không phải bệnh truyền.

Nay theo Thương-hàn luận thì nếu Thái-dương bệnh mà không giải thì hoặc nó sẽ truyền vào Dương, hoặc truyền vào Âm, không câu-nệ vào số ngày là bao nhiêu, cũng không đi theo một thứ-tự nhất định nào. Nếu nó truyền vào Dương-minh, ta sẽ thấy chứng Dương-minh; nếu truyền vào Thiếu-dương, ta sẽ thấy chứng Thiếu-dương; nếu nó truyền vào tam Âm, ta sẽ thấy chứng tam Âm. Như vậy nếu ta không thấy có chứng Dương-minh hoặc Thiếu-dương, ta cũng không thể kết-luận là không có truyền kinh. Thương hàn tam nhật, tam Dương đã tận, tam Âm phải thọ tà, vậy mà người bệnh lại ăn uống được, không

ói, ta gọi là tam Âm không thọ tà. Đây là con đường truyền của bệnh tà.

Ta nên nhớ rằng con đường truyền-kinh của chính-kì luôn luôn theo đúng định-kỳ. Con đường truyền kinh của bệnh-kì phải tùy theo chứng mà định bệnh, không thể câu-nệ vào số ngày một cách máy-móc. Nếu không hiểu như vậy, chúng ta làm sao giải-thích trường-hợp ngày thứ nhất Thái-dương bị bệnh, đầu thống phát nhiệt..., đến ngày thứ sáu chứng Quyết-âm bệnh chưa dứt, ngày thứ bảy bắt-buộc phải trở lại chứng Thái-dương đầu thống phát nhiệt hay sao?

Vả lại, tam Âm, tam Dương, bên trên phụng lục-kì của Thiên, dưới ứng với ngũ hành của Địa, giữa hợp với tạng-phủ của con người. Hợp lại thành một, chia ra thành ba. Phạm-vi của nó thật rộng. Nay có người khi nói đến Thái-dương chỉ nghĩ đến Bàng-quang, nói đến Dương-minh chỉ nghĩ đến Vị, nói đến Thiếu-dương chỉ nghĩ đến Đởm. Khi nói đến tam Âm cũng thế. Vì thế mới có thuyết cho rằng truyền thủ không truyền túc. Họ không biết rằng tạng phủ là vật hữu hình, còn tam Âm, tam Dương là vô hình. Cái thuộc vô hình có thể trùm lên cái hữu hình, nhưng cái hữu hình không thể gồm cả cái vô hình. Cho nên khi nói tam Dương thì ta phải hiểu rằng trong đó đã nói luôn cả Thủ và Túc thuộc tam Dương. Khi nói tam Âm thì ta phải hiểu rằng trong đó đã nói luôn cả Thủ và Túc thuộc tam Âm. Vì thế cho nên, trong phần đầu của Thương-hàn luận, Trọng-Cảnh chỉ nói "Thái dương chi vi bệnh" mà

*không nói "Túc Thái dương, Túc Thái âm chi vi bệnh". Vấn-de, như vậy, là quá rõ-ràng. Huống chi, trong phần luận-văn ta thấy có đề-cập đến nhiều chi-tiết như chứng thuộc Quyết-âm Tâm-bào, thuộc Thiếu-dương Tam-tiêu, thuộc Thái-âm Phế ... lại cũng có những chứng Dương-minh Táo kết mà không liên-hệ đến Đại-trường ..."*

#### **H.- Vấn-de Khai (mở), Hợp (đóng lại) và Khu (chốt cửa).**

Theo Nội-kinh thì Thái-dương thuộc khai (*mở ra*), Dương-minh thuộc hợp (*đóng lại*), Thiếu-dương thuộc khu (*chốt cửa*); Thái-âm thuộc khai, Thiếu-âm thuộc khu, Quyết-âm thuộc hợp. Trên đây là chiếc chìa khóa giúp cho người thầy thuốc xét chứng để trị bệnh. Đến như bệnh phát ra ở kinh nào, hoặc là trước sau vẫn ở một kinh, hoặc chuyển sang kinh khác, hoặc cùng hợp với kinh khác để gây bệnh... Nói chung, mỗi kinh đều có những chứng-trạng của riêng mình, chúng ta không thể câu-nệ vào số ngày phát bệnh. Số ngày chỉ áp-dụng cho trường-hợp của kinh-khí mà thôi. Người thầy thuốc phải xác-định cho rõ-ràng bệnh-chứng nào thuộc kinh nào, rồi lại dựa vào chủ-khí của kinh trực-nhật để định tình-trạng nặng hay nhẹ, đoán được việc sống chết.

#### **i .- Truyền khí theo con đường Âm Dương.**

Có người hỏi: Trong phép truyền lục-khí của thương Hán, chính-khí có con đường truyền nhau của mình, tà-khí có con đường truyền nhau của mình; cả hai không can-thiệp vào nhau. Nay chúng ta không bàn đến con đường của chính-khí, chúng ta chỉ hỏi rằng tại sao trong khi

luận về thương Hàn lại vẫn có dùng đến số ngày?

Trương Lệnh-Thiều đáp:" *Ở người không bệnh thì con đường truyền kinh-khí đi từ Âm qua Dương, đi từ nhất đến tam: bắt đầu từ Quyết-âm, chấm dứt ở Thái-dương. Hết một vòng thì bắt đầu trở lại, không ngừng-nghỉ. Khi nào bị bệnh thì con đường truyền kinh-khí sẽ từ Dương qua Âm, đi từ tam đến nhất: bắt đầu ở Thái-dương, chấm-dứt ở Quyết-âm. Khi có một kinh nào nghịch, sẽ bị bệnh, nghịch lần nữa sẽ nặng hơn, nghịch lần ba sẽ chết.*"

*Cho nên thương Hàn truyền kinh, không truyền quá ba lần thì dứt, như vậy làm gì còn có việc truyền nghịch lâu hơn? Đường-hợp truyền đến 18 ngày mà không thấy lành bệnh, như vậy có nghĩa là người tuy bệnh nhưng kinh không truyền vạy. Kinh không truyền có nghĩa là thể bệnh đang hòa-hoãn vạy.*"

Đường Dung-Xuyên bô:" *Người có bệnh, kinh truyền từ Dương sang Âm, đó là con đường chính-khí vận-hành nghịch chiều, ví như ngũ tinh trên trời vận-hành nghịch chiều, đó là biến. Đợi khi nào bệnh lui, chính-khí trở lại con đường bình thường, đó gọi là thuận hành, tức là đi từ Âm qua Dương, lúc đó con người sẽ không cảm thấy gì cả. Cái lý truyền kinh này thật vô cùng sâu-xa, tinh-tế, mong độc-giả nên tìm và hiểu cho kỹ-lưỡng.*"

#### J . Vấn-dề Nhịết chứng và Hàn-chứng.

Nay xét, từ Tống Nguyên về sau, các sách y của Trung-quốc đều cho rằng nếu tà-khí đi từ tam Dương nhập vào

người sẽ gây thành Nhiệt-chứng. Như vậy chỉ có thể dùng phép duy nhất là *há* (xô) mà thôi. Trong luận-văn, Tú-nghịch thang và Bạch thông lý trung thang ... là phép lập pháp gọi là *直中Trực trúng*. Vậy phép *Trực-trúng* là gì? *Trực trúng* có nghĩa là tà-khí không đi theo con đường tam Dương vào người mà lại đánh thẳng vào tạng của tam Âm. Như vậy, chỉ có thể dùng phép *ôn* mà thôi. Quan-niệm cho rằng tà-khí truyền kinh thành *Nhiệt-chứng* còn tà-khí đánh thẳng vào tạng Âm gọi là *trực trúng*, được kéo dài hàng mấy trăm năm nay. Tôi, (Trần Tu-Viên) từ bấy nay vẫn tin như thế. Kip đến lúc đi vào lâm-sàng lâu ngày, tôi mới nhận ra không hẳn là như thế. Tuy rằng sách *Thương-hàn luân* không có đề-cập trực-tiếp về chữ *Trực trúng*, nhưng bệnh-chứng thuộc *Trực-trúng* là có thực trên lâm-sàng.

Có những bệnh, lúc bắt đầu đã thấy ngay *Hàn*-chứng thuộc tam Âm, trường-hợp này nên dùng phép *đại ôn*. Cũng có những bệnh, lúc bắt đầu đã thấy ngay *Nhiệt*-chứng thuộc tam Dương, nên dùng phép *đại lương*, hoặc *đại há*. Như vậy chứng tỏ các chứng *Hàn* hoặc *Nhiệt* đều có *Trực trúng*. Nếu ai cho rằng *Trực trúng* chỉ gây thành *Hàn*-chứng, là sai. Và nếu ai cho rằng tà-khí truyền kinh theo thứ-tự để vào tam Âm, sẽ không bao giờ thành *Hàn*-chứng, cũng sai.

Bởi vì hai khí *Hàn* và *Nhiệt*, nếu thịnh thì nó sẽ theo đó để hóa.

Ta giải-thích:

**a / Phân-biệt theo thể-chất của người bệnh:**

Hình-thể con người có hậu (dày, đậm-dặc), có bạc (mỏng, loãng). Khí có thịnh, có suy. Tạng có Hàn, có Nhiệt. Mỗi khi tà-khí tấn-công thì tùy theo tạng-khí mà nó bị Nhiệt-hóa hay Hàn-hóa. Ta thử đưa ra trường-hợp say rượu chẳng hạn. Rượu được nấu bằng nước dưới đất sâu thuộc Hàn-vật, men rượu lại được chế ra bằng lúa nếp thuộc Nhiệt-vật. Người nào thuộc Dương-tạng, khi uống nhiều rượu sẽ không thấy lạnh, mà thấy nóng dần lên. Nhiệt-tính tăng nhanh sẽ làm cho họ ói ra máu, mặt xanh lèn. Các chứng này do Nhiệt gây ra. Người nào thuộc Hàn-tạng uống nhiều rượu vẫn không cảm thấy nóng mà chỉ thấy lạnh dần. Tính của Hàn là ngưng-trệ, như vậy họ sẽ bị chứng đình-âm (đầm nhớt), chứng bụng trướng, tiêu chảy. Các chứng này do Hàn gây ra. Nhờ đó ta sẽ biết được quá-trình Hàn-hóa hoặc Nhiệt-hóa là do ở thể-chất của người bệnh gây ra.

**b / Biến-chứng do uống nhầm thuốc.**

Khi nào chúng ta dùng phép xổ hoặc phép xuất mồ-hôi sai lầm, nếu thái-quá sẽ làm thương chính-khí và làm hư Dương-khí; nếu bất-cập sẽ làm cho Hòa-nhiệt đốt nóng và thương-tổn đến Âm-khí. Nếu làm hư Dương sẽ xảy ra nhiều chứng Âm-hóa theo Thiếu-âm, bởi vì Thái-dương và Thiếu-âm cùng biểu lý nhau. Nếu làm thương đến Âm sẽ xảy ra nhiều chứng Dương-hóa theo Dương-minh, bởi vì Thái-dương và Dương-minh nằm trên một con đường truyền nhau. Đây là những lý-do dùng để giải-thích Hàn-hóa và Nhiệt-hóa do trị-liệu sai-lầm sinh ra.

Vấn-dề *Hàn-tà không truyền nhau* phải hiểu thế nào?

Trọng-Cảnh đã từng nói : " Cho há và lợi phúc trướng, mãn, thân-thể đau nhức. Trước hết nên ôn lý, sau đó mới công biếu." Ôn lý nên dùng *Tứ-nghịch thang*, công biếu nên dùng *Quê-chi thang*. Đây là những chứng tà-khí hóa theo Âm khi Dương-tà của tam Dương truyền vào tam Âm. Như Thiếu-âm chúng há, lợi, ta dùng *Bạch-thông thang* làm chủ. Đây là Hàn chứng do con đường Hàn-tà của Thái-âm truyền nhập vào Thiếu-âm... Như vậy, ai dám bảo rằng Âm không truyền nhau ?

**Kết luận :** Vấn-dề còn lại của Trọng-Cảnh và Thương-hàn luận là mạch-chứng và văn-pháp (tức là bút pháp) của ông. Vấn-dề mạch-pháp, chúng ta phải đi vào nội-dung bao-la của ông mới hiểu được. Ngoài khả-năng y-học, điều-kiện ắt có để hiểu Thương-hàn luận là phải thông chữ Hán, bởi vì nội-dung một phần là nằm trong bút-pháp của ông./.



# NGỮ VĂN

## Lục khí

Lê Hữu-Trác viết trong **Hải-thượng y-tôn tâm-linh**, (Hội YHDT TP HCM, tập II, 1984, tr129): " ... Trú-quán của tôi là nơi dày sơn-lam chướng-khí, mắc nhiều bệnh-tật, nên mới theo đạo Hiên Kỳ suy-tâm đọc nhiều sách của các học-phái, đọc đến quyền vận-khí cảm thấy mù-tụt như người đi đêm chẳng khác người mò trăng đáy nước, hái hoa trong gương, chỉ trông thấy mà không cầm lấy được, thật là sách vận-khí trở thành bánh vẽ, khiến người trong cuộc thèm nhiều nước dãi. Lại thấy lời bàn của ông Trương Tử Hòa có nói: Không thông ngũ vận lục khí thì dù đọc hết các sách cũng chẳng làm được việc gì'. Đọc đi đọc lại câu ấy càng thêm sốt ruột, phải vỗ về thở dài ba bốn lượt, bỗng rồi tinh ngô thấy rằng 'Thánh hiền ngày xưa học rất đầy đủ, rất quán triệt rộng, nghĩa gọn, rất tinh vi mà khó diễn-đạt được, muôn quán-triệt được phải đào tận nguồn' ..."

Nguyễn Đình-Chiều viết:

*Ai mà rõ lẽ ngũ hành,  
Việc trong Trời 'Đất dữ lành trước hay.  
Trên thời mưa mõe gió mây,  
Dưới thời non nước cỏ cây muôn loài.*

*Giữa thời nhà cửa đèn dài  
 Năm hành lóm việc, ba tài nhỏ lo.  
 Vì dù tạo hóa mấy lò,  
 Hóa công mây thơ, một pho ngũ hành.  
 Muốn coi phép áy cho tinh,  
 Đà Thủ, Hà Lạc, Dịch kinh rõ bàn.  
 Ngự rằng:" Nơi ái Thiên can,  
 Có non Ngũ vận để toan việc gì ?  
 Chưa hay? Chùi vận là chi?  
 Lại thêm Khách vận, sách ghi rõn ràng?"*  
 (Ngư tiều YTVĐ, 399 - 412)

Khẳng-định về vai-trò của Ngũ-vận Lục-kì và vai-trò của người thầy thuốc Đông-y, Nguyễn Đình-Chiêu viết:

*Mỗi năm trước vẽ đồ ra,  
 Xét so Vận Khí chính tà thời nay.  
 Như vậy mới phải gọi thầy,  
 Gióp công hóa dục, nuôi bầy dân đen.*  
 (Ngư tiều YTVĐ, 647 - 650)

Trương Tử-Hòa nói:" Người học về y-thuật mà không học thuộc lâu thập nhị kinh-lạc, khi mở miệng, động tay liền có chỗ sai. Nếu đã không thông Ngũ-vận Lục-kì, lại không tìm hiểu rốt-ráo các sách nói về phương-dược thì lấy gì để cứu đời ?

*Kinh-lạc được rõ thì nhận được 'tiêu bệnh', Vận Khí được rõ thì nhận được 'bản bệnh'."*

(Thiên Vận khí, Y-học nhập môn trích dẫn)

Như vậy, trong Y-học Đông-phương, sự hiểu-biết về Âm Dương Ngũ-hành, về Ngũ-vận Lục-khí tức là biết được 'bài toán tương ứng' giữa Thiên-Địa-Nhân. Nó sẽ giúp cho người thầy thuốc nắm được tận gốc của vấn-dề ngừa bệnh và trị bệnh. Nguyễn Đình-Chiểu cho rằng, có được như vậy 'mỗi phải gọi thầy', mới xứng-đáng là thầy thuốc Đông-y.

## A.- THIÊN CAN và ĐỊA CHI .

### A1 . - Ý-nghĩa của Can và chi.

Theo sách *Thuyết-văn* thì:

\* Chữ 'can' viết là 𢂔, có nghĩa là lúc ban đầu của thân cây mọc thẳng lên.

\* Chữ 'chi' viết là 𢂕, có nghĩa là những nhánh trên cây trúc mà bị rời khỏi thân.

Như vậy, 'can chi' là sự phối-hợp giữa thân cây thẳng và ngang (nhánh), tượng-trưng cho ý-nghĩa và vai-trò trong thông-số tính vào bài toán vũ-trụ hữu-hình, đóng góp chung với Âm Dương ngũ hành, Thiên Địa ...

### A2 . - Ngữ nguyên của từng can và chi:

#### a) *Thiên can*: gồm 10 can.

*Giáp*: Sách *Thuyết-văn* viết là 𩫑 và giải là : Dương-khí tháng xuân ở phương đông, đang làm cho mọi vật mọc mầm, khởi động.

**Hình-âm-nghĩa Đại Từ-diễn (HÂNĐTĐ)** giải: " Giáp có nghĩa là da cây nứt ra."

Quẻ Giải (Kinh Dịch) viết:

百 果 草 木 皆 甲 宅 Bách quả thảo mộc giai giáp trạch.

= Trăm loại trái cây, thảo mộc đang nứt da, mọc rẽ.

Trịnh Huyền chú: "Giáp là da cây, trạch là rẽ cây."

**Ất** : Sách Thuyết-văn viết là ～ và giải là: tượng-trung cho mùa xuân, thảo mộc đang lúc mọc lên và bị uốn cong. Tuy nhiên, Âm-khí còn mạnh cố vươn lên. Ất nối tiếp theo Giáp.

**HÂNDTD** chú: "Khí xuân tràn lên mặt đất, vạn-vật đều nứt da, mọc lên, đó là lúc Dương-khí sơ sinh, Âm-khí chưa tận."

**Bình**: Sách Thuyết-văn viết là 亥 và giải là: vị-trí tại nam-phương, vạn-vật đang hình-thành với dáng-vẻ rực-rỡ; Âm-khí đang sơ khởi, Dương-khí suy dần.

**Đinh**: Sách Thuyết-văn viết là 亢 và giải là: mùa hạ, vạn-vật đều chín (thực), tượng-trung tráng-niên, nội lực sung-mãn.

**Mậu**: Sách Thuyết-văn viết là 未 và giải là: vị-trí ở Trung-cung, lúc khí của Thiên Địa được thông cho nên vạn-vật đều sum-sê. Chữ '未 qua' là hình-tượng của sự giết-chóc, thương-tổn. Vì lúc thịnh nhất cũng là lúc bắt đầu suy-thoái. Sách Y-học nhập-môn giải: "Mậu là Dương Thổ, vạn-vật đều sinh và vươn lên."

**Kỷ**: Sách Thuyết-văn viết là 酉 và giải là: vị-trí ở trung-cung, tượng-trung cho vạn-vật lúc sắp ẩn-tàng, lúc Âm-khí bắt đầu bốc lên một cách miễncuồng.

**Canh:** Sách **Thuyết-văn** viết là và giải là: vị-trí tại tây-phương, mùa thu, tượng-trưng cho vạn-vật đang chín vàng.

**Tân:** Sách **Thuyết-văn** viết là và giải là: mùa thu, vạn-vật thành hình trọn vẹn và đang chín vàng, mùi cay.

**Nham:** Sách **Thuyết-văn** viết là và giải là: vị-trí tại bắc-phương, Âm cực nhất Dương sinh. **Kinh Dịch** viết:

龍 戰 在 田 Long chiến tại diền = *Rồng đang đánh nhau tại ruộng.*" Chiến là đánh nhau, ở đây ý nói Âm Dương giao nhau để thừa tiếp nhau.

**Quý:** Sách **Thuyết-văn** viết là và chú là: mùa đông Thủy và Thổ đồng, tượng-trưng cho Thủy từ bốn phương chảy vào lòng đất.

### b) Địa chí:

**Tý:** Sách **Thuyết-văn** viết là và giải là : tháng 11, Dương-khí động. Sách **Y-học nhập-môn** viết: "Bắc-phương Hàn Thủy. Nhất Dương bắt đầu sinh nơi Âm-vị. Đó là vì Âm cực thì Dương sinh."

**Sửu:** Sách **Thuyết-văn** viết là và giải là: cái nǚm; Tháng 12, vạn-vật động. Sách **Y-học nhập-môn** viết: "Âm-khí chờ nǚm cái nǚm; tháng 12 là biến-tế của thi-chung."

**Dần:** Sách **Thuyết-văn** viết là và giải là : tháng giêng khí động. Nước dưới lòng suối muôn phút lên. Sách **Y-học nhập-môn** viết: "Dần có nghĩa là diễn ra. Tháng giêng Dương-khí đang đi lên và Âm-khí đi xuống. Có thể bắt đầu làm việc."

**Mão:** Sách **Thuyết-văn** viết là **巳** và giải là: sáng-sủa, thịnh-vượng. Tháng hai, vạn-vật sáng-sủa và thịnh-vượng từ lòng đất lên, tượng-trung cho hình cánh cửa mở ra. Gọi tháng hai là **Thiêa-môn**. Sách **Y-học nhât-môn** viết: "Mão là cây-cối sum-sê, Dương-khí đang lúc thịnh."

**Thìn:** Sách **Thuyết-văn** viết là **午** và giải là : tiếng sấm vang, tháng ba Dương-khí động, sấm-sét nổ, người dân đang lúc làm ruộng, vạn-vật nẩy-nở.

**Tỵ:** Sách **Thuyết-văn** viết là **未** và giải là: đã rồi. Tháng tư Dương-khí đã xuất rồi, Âm-khí đã tăng, vạn-vật hiện ra với màu sắc văn-vé.

**Ngọ:** Sách **Thuyết-văn** viết là **戌** và giải là: lớn. Tháng năm, Dương-khí giao nghịch, Dương đội đất xung lên. Sách **Y-học nhât-môn** viết: "Ngọ là trưởng thành. Tháng năm, Dương-khí vẫn chưa chịu khuất, Âm-khí bắt đầu thịnh. Vạn-vật đều lớn."

**Đị (Mùi):** Sách **Thuyết-văn** viết là **亥** và giải là: mùi vị. Tháng sáu có mùi vị. Sách **Y-học nhât-môn** viết là: "Vì là mùi vị. Tháng sáu vạn-vật thành, nên gọi là có mùi vị."

**Thân:** Sách **Thuyết-văn** viết là **戌** và giải là: thân. Tháng bảy Dương-khí thành. Các quan-lại dùng cơn trẽ vì phải dự việc chính-sự. Sách **Y-học nhât-môn** viết: "Tháng bảy vạn-vật đều thành-thục."

**Dậu:** Sách **Thuyết-văn** viết là **酉** và giải là: thành-tựu. lúa thử chín, có thể dùng để nấu rượu. Dậu là co mình lại, thu-liêm.

**Tuất:** Sách **Thuyết-văn** viết là 火 và giải là: diệt. Tháng tám Dương-kí suy, vạn-vật xem như thành-thục xong, Dương-kí giáng xuống nhập vào lòng đất. Trong Ngũ hành, Thổ thành ở tuất.

**Hợi:** Sách **Thuyết-văn** viết là 土 và giải là: rễ cỏ. Tháng 10, Dương còn non khởi lên tiếp cho thịnh Âm. Sách Y-học nhập-môn viết: "Hợi là bàn-hặc tội của người khác. Tháng 10, Âm-kí hặc-sát vạn-vật. Đó là đạo của Đất."

Đến đây, chúng ta thấy rằng sự giao-hòa giữa Thiên-Địa-Nhân phải được tính, không những bằng Âm Dương, ngũ hành, mà luôn cả can chi nữa. Toàn bộ ba yếu-tố này tạo thành bài toán 'Ngũ vận Lục khí'.

Thông thường, chúng ta nhìn sự thay đổi của 'khí' còn đơn-giản; nhưng qua **Hoàng Đế Nội-kinh**, sự biến-hóa được tính bằng những chu-kỳ từ nhỏ nhất đến lớn nhất để rồi sau chu-kỳ lớn nhất nào đó, nó lại trở lại như cũ.

Thiên **Lục tiết tạng tượng luận** (Tô-vấn) viết:

"5 nhật gọi là 1 hậu; 3 hậu gọi là một khí; 6 khí gọi là 1 thời; 4 thời gọi là 1 tuế; mỗi (giai-doạn) như vậy đều có nhiệm-vụ của riêng mình..."

Học-thuyết 'Ngũ vận Lục khí' căn-cứ vào khí-tiết biến-hóa để rồi phân một chu niêm ra làm nhiều giai-doạn lớn nhỏ khác nhau: Trời vận-hành một độ ở Thiên gọi là một **nhật**, giai-doạn này gồm 12 **thời-thần**; năm nhật gồm 60 **thời-thần** được gọi là 1 **Giáp-tý**. **Nội-kinh** biết rằng cứ mỗi

*chu-kỳ* nhỏ châm-dứt thì *khí* có một biến-dổi nhỏ, nhân đó mà cỗ-nhân định cho 60 thời-thần, định cho 5 nhât này là 1 hậu.

Tiếp theo, cứ mỗi 3 hậu, khí lại thay đổi rõ nét hơn, cỗ nhân gọi 3 hậu thành 1 khí hoặc 1 tiết. Sau đó tính ra 6 tiết thành 90 nhât, hình thành 1 thời, hoặc 1 quý, hoặc 1 mùa. Mùa hay quý là giai-đoạn biến-hóa lớn hơn. Tính ra, 1 tuế sẽ thành là 4 mùa hoặc 4 thời, hoặc 12 nguyệt, hoặc 24 tiết, 72 hậu ...

Sự thịnh-suy trong biến-hóa đều phải dựa vào sự giao-lưu giữa tam Âm và tam Dương của Lục khí rồi phối với Ngũ hành trong Ngũ vận. Đi xa hơn, lớn hơn, thì chu-kỳ lớn nhất là 60 tuế, gọi là *Lục thập hoa-giáp*.

Nguyễn Đình-Chiều đã phải nhấn mạnh:

*Mỗi năm trước vẽ đồ ra,  
Xét so Vận Khí chính tà thời hay.  
Như oàng mới phải gọi thầy,  
Giúp công hóa due nuôi bầy dân đen.*

(NTYTVĐ, 647 - 650)

Sách Nội-kinh dịch triết-học hòa Trung-y học đích phương-pháp viết: "Các bậc thầy thuốc nếu không biết rõ lẽ biến-hóa của Ngũ-vận Lục-khí thì không thể nắm vững sự thịnh-suy, hư-thực của khí-huyết trong thân-thể con người và do đó không thể trở thành người thầy thuốc giỏi được."

Ta sẽ trình-bày chi-tiết về can chi thuộc bản-khí và áo-khí. Theo Trương Trọng-Cảnh trong sách *Vận-khí hưởng quyết lục* thì :

Ngũ vận gồm Mộc Hỏa Thổ Kim Thủ Thủy. Lục khí gồm Phong Hỏa Thủ Thấp Táo Hàn. Thiên-can dùng để tính về Vận, Địa-chi dùng để tính về Khí. Thiên-can gồm có 10, phối-hợp lại thành Ngũ-vận. Địa-chi gồm có 12, đối xung lại thành Lục-khí.

Thiên-khí bắt đầu từ Giáp, Địa-khí bắt đầu từ tý. Thiên Địa tương-hợp sẽ thành Giáp-tý. Cho nên Giáp-tý là bắt đầu của can và chi. Thiên-khí chung ở Quý, Địa-khí chung ở hợi. Thiên Địa tương-hợp sẽ thành Quý-hợi. Cho nên Quý-hợi là chấm-dứt của can và chi ... Cho nên sau Giáp-tý, tiếp theo là Ất-sửu, sau Nhâm-tuất là Quý-hợi. 30 niên thành 1 kỷ, 60 niên thành 1 chu. Nhờ đó mà sự hái-quá và bất-cặp đều hiện rõ ra.

a) Nói về quan-hệ '*huynh đệ*' của Thiên-can, ta có:

- Giáp Ất                đông-phương Mộc
- Bính Đinh              nam-phương Hỏa
- Canh Tân              tây-phương Kim
- Nhâm Quý              bắc-phương Thủy
- Mậu Kỷ                trung-ương Thổ

b) Nói về quan-hệ '*vợ chồng phối-hợp*', ta có:

- Giáp và Kỷ      hợp nhau      hóa Thổ
- Ất và Canh      hợp nhau      hóa Kim
- Bính và Tân      hợp nhau      hóa Thủy

- Đinh và Nhâm hợp nhau hóa Mộc
- Mậu và Quý hợp nhau hóa Hỏa.

*Cho nên, những tuế thuộc Giáp và Kỷ thì do Thổ-vận thống; những tuế thuộc Mậu và Quý thì do Hỏa-vận thống...*

c) Nói về mặt thứ-tự vận-hành tuần-hoàn của Địa-chi:

- |                      |       |                  |
|----------------------|-------|------------------|
| - dần mão            | ----- | thuộc xuân Mộc   |
| - ngọ ty             | ----- | thuộc hạ Hỏa     |
| - thân dậu           | ----- | thuộc thu Kim    |
| - tý hợi             | ----- | thuộc đông Thủy  |
| - thìn tuất, sửu mùi | ----- | thuộc tử quý Thổ |

d) Nói về mặt vị-trí đối-xung của Địa-chi, ta có:

- |                     |       |                       |
|---------------------|-------|-----------------------|
| - tý đối với ngọ    | ----- | Thiếu-âm Quân-hỏa     |
| - sửu đối với mùi   | ----- | Thái-âm Thấp Thổ      |
| - dần đối với thân  | ----- | Thiếu-dương Tướng-hỏa |
| - mão đối với dậu   | ----- | Dương-minh Táo Kim    |
| - thìn đối với tuất | ----- | Thái-dương Hán Thủy   |
| - ty đối với hợi    | ----- | Quyết-âm Phong Mộc    |

Dưới đây chúng ta tiếp-tục trình-bày can và chi thuộc :

### A3. Can và chi thuộc bản-khí:

Nguyễn Đình-Chiều viết:

*Dần rắng mười chiếc Thiên can,  
 Anh em thúc lớp, rõ-ràng chẳng sai.  
 Anh em một gái một trai,  
 Âm Dương chia khác, lâu dài năm phương.*

*Dân rẳng: Trong ái Địa chi,  
Có mười hai chữ, thí đi xây dàn*

(NTYTVĐ: 413 - 416 ..... 465 - 466)

\* 10 Thiên can gồm: Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý.

- Dương can gồm: Giáp Bính Mậu Canh Nhâm

- Âm can gồm: Ất Đinh Kỷ Tân Quý.

\* 12 Địa chi gồm: tý sủu dần mão thìn ty ngọ mùi thân đậu tuất hơi.

- Dương chi gồm: tý dần thìn ngọ thân tuất

- Âm chi gồm: sủu mão ty mùi đậu hơi

Sự vận-hành, hợp, xung ... của Thiên can và Địa chi đã phối-hợp thành một hệ-thống thông số để tính bài toán *Ngũ-vận Lục-khí*.

**Biểu-dồ 1: Dương can, Âm can, Dương chi, Âm chi:**

Thiên can	Dương Âm	Giáp Bính Mậu Canh Nhâm Ất Đinh Kỷ Tân Quý
Địa chi	Dương Âm	tý dần thìn ngọ thân tuất sủu mão ty mùi đậu hơi

**Biểu-dồ 2: Ngũ-hành và can chi phối-hợp theo BẢN KHÍ:**

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thiên can	Giáp Ất	Bính Đinh	Mậu Kỷ	Canh Tân	Nhâm Quý
Địa chi	dần mão	ngọ ty	thìn tuất sủu vị	thân đậu	tý hơi

#### A 4.- Can chi thuộc Hóa khí:

Nguyễn Đình-Chiêu viết:

*Mâm nhà đều có túc duyên,  
Vợ chồng phối-hợp, tách miên theo nhau.  
Anh Giáp chi Kỷ cưỡi nhau,  
Hóa ra vân Thủ, trước sau chẳng làm.  
Ất Cảnh hợp lại hóa Cám,  
Đinh Nhâm hợp lại hòa trầm Mộc cây.  
Bình Tân hóa Thủ, nước đầy,  
Anh Mồ chi Quý hóa vây Hóa quang.*

(NTYTVĐ: 425 - 432)

Sách Châm-cứu đại-thành, quyển VII, trang 14 viết:

"Mậu Kỷ thuộc Thủ, sợ Giáp Ất ở đông-phương Mộc khắc, cho nên Mậu với tu-cách là anh thuộc Dương, còn Kỷ thuộc Âm là em gái, anh Mậu đem em gái mình gả về nhà Giáp để làm vợ, cầu mong cho Âm Dương hai nhà được hòa-thuận, không làm hủy-thương nhau. Thế là Giáp và Kỷ hợp nhau. Các trường-hợp khác đều như thế. Phép Tý ngọ lưu chú đều theo lẽ này."

Sách Y-học nhập-môn đưa ra tất cả những trường-hợp phối-hợp hóa-khí để tìm huyệt châm theo phép Tý- ngọ lưu-chú. Ví dụ:

Giáp-tuất thời khai ----- huyệt  
huyệt Khiếu-âm (Đởm)                  Ân-bạch (Âm Thủ Tý)

Sách này gọi Khiếu-âm là huyệt khai và gọi Ân-bạch là huyệt hợp. 'Hợp' ở đây là theo kiểu vợ chồng tương-hợp

\* *Thiên can hóa khí:*

Giáp và Kỷ	hợp hóa	Thổ
Ất và Canh	hợp hóa	Kim
Bính và Tân	hợp hóa	Thủy
Đinh và Nhâm	hợp hóa	Mộc
Mậu và Quý	hợp hóa	Hỏa

\* *Địa-chi hóa khí:*

sửu và mùi	hợp hóa	Thổ
mão và dậu	hợp hóa	Kim
thìn và tuất	hợp hóa	Thủy
tý và ngọ	hợp hóa	Quân-hỏa
dần và thân	hợp hóa	Tướng-hỏa
ty và hợi	hợp hóa	Mộc

Sách **Hải-thượng Y-tông tâm-linh**, tập II, trang 260  
giải-thích về các trường-hợp hóa-khí trên như sau:

"*Hoặc có người hỏi: Giáp lại không phải là Mộc mà cùng với Kỷ Âm Thổ, đều hóa làm Thổ; Ất không phải là Mộc mà cùng với Canh Dương Kim đều hóa làm Kim; Bính lại không phải là Hỏa, Tân lại không phải là Kim, mà cùng hóa làm Thủy; Đinh lại không phải là Hỏa, Nhâm lại không phải là Thủy mà cùng hóa làm Mộc; Mậu lại không phải là Thổ, Quý lại không phải là Thủy mà cùng hóa làm Hỏa, là tại sao?*

*Trả lời: 12 chi khởi đầu từ tý, ta gia 5 Dương can: Giáp Bính Mậu Canh Nhâm lên trên, đếm xuôi 5 vị tới thìn rồi đổi-chiều xem trên thìn là can nào, tức là hóa thành hành ấy.*" Ví-dụ:

- **Giáp Kỷ lại gia Giáp**: Hỗn gãp năm Giáp hoặc năm Kỷ thì gia Giáp lên tý, đếm xuôi đến thìn, thìn lâm vào dưới Mậu, Mậu thuộc Thổ, cho nên Giáp Kỷ mới hóa thành Thổ

- **Ất Canh Bính khởi đầu**: Hỗn gãp năm Ất hay năm Canh thì gia Bính lên tý, đếm xuôi đến thìn, thìn lâm vào dưới Canh, Canh thuộc Kim cho nên Ất Canh mới hóa thành Kim.

- **Bính Tân tím Mậu khởi**: Hỗn gãp năm Bính hay năm Tân thì gia Mậu lên tý, đếm xuôi đến thìn, thìn lâm vào dưới Nhâm, Nhâm thuộc Thủy cho nên Bính Tân mới hóa thành Thủy.

- **Đinh Nhâm Canh tý lưu**: Hỗn gãp năm Đinh hay năm Nhâm thì gia Canh lên tý, đếm xuôi đến thìn, thìn lâm vào dưới Giáp, Giáp thuộc Mộc, cho nên Đinh Nhâm mới hóa thành Mộc.

- **Mậu Quý tím Nhâm tý**: Hỗn gãp năm Mậu hay năm Quý thì gia Nhâm lên tý, đếm xuôi đến thìn, thìn lâm vào dưới Bính, Bính thuộc Hỏa, cho nên Mậu Quý mới hóa thành Hỏa. Số 10 của can tất nhiên phải đến cung thìn mới hóa thành Ngũ hành. Vì thìn tượng-trung cho rồng, rồng mới có khả-năng biến-hóa.

**Biểu-dồ 3: Ngũ hành và can chi thuộc HÓA KHÍ:**

<b>Ngũ hành</b>	<b>Thổ</b>	<b>Kim</b>	<b>Thủy</b>	<b>Mộc</b>	<b>HỎA</b>
Thiên can	Giáp Kỷ	Ất Canh	Bính Tân	Đinh Nhâm	Mậu Quý
Địa chi	sửu mùi	mão dậu	thìn tuất	tý hợi	tý ngọ dần thân

### A 5.- Bảng Giáp-tý hay Lục thập Hoa-giáp:

10 Thiên can và 12 Địa chi cùng phối-hợp nhau tạo thành một chu-kỳ lớn nhất trong phép tính Ngũ-vận Lục-kí. Đó là bảng Giáp-tý hoặc là Lục thập Hoa-giáp.

Phép phối-hợp là lấy can thứ nhất phối với chi thứ nhất: Giáp phối với Tý.

Thiên Lục vi chi đại luận (Tô-vân) viết:

"*Thiên-kí bắt đầu ở Giáp, Địa-kí bắt đầu ở Tý; Tý và Giáp tương-hợp, mệnh danh là Tuế lập.*"

Theo phép tính này là Thiên can chuyển-vận chu-kỳ 6 lần, Địa-chi chuyển-vận chu-kỳ 5 lần, tạo thành một vòng 60 tuế của chu-kỳ lớn.

Thiên Thiên nguyên kỷ đại luận (Tô-vân 66) viết:

"*Thiên lấy 6 làm tiết, Địa lấy 5 làm chế. Chu một vòng Thiên-kí 6 kỳ làm 1 bát, Chung 1 vòng Địa-kí 5 tuế làm 1 chu ... 5 và 6 tương-hợp tạo thành 720 khí làm 1 kỷ, gồm 30 tuế, 1440 khí làm 1 chu gồm 60 tuế. Như vậy, những năm thái-quá và bất-cấp sẽ hiện rõ ra vậy.*"

Nói khác đi, Thiên can và Địa chi, 5 và 6 tương-hợp cấu-thành 60 tuế, một đại chu-kỳ của khí-hậu biến-hóa. 30 năm đầu gồm 720 khí (tiết) gọi là 1 kỷ. Tính cả 60 năm gồm 1440 tiết (khí). Tất cả gồm 60 tuế, cũng gọi là Lục thập hoa-giáp.

Thiên can trong bảng Giáp-tý chủ về sự thịnh-suy của Ngũ-vận. Địa-chi trong bảng Giáp-tý chủ về sự biến-hóa của Lục-kí.

Cho nên, chúng ta có thể xem Ngũ-vận Lục-khí là bài toán về thời-tiết mà Âm Dương, ngũ hành, can chi là những thông-số để tính bài toán ấy.

**Biểu-dồ 4: Bảng Giáp-tý hay Lục thập Hoa giáp:**

Thiên can Địa chí	Giáp tý	Ât sửu	Bính dần	Đinh mão	Mậu thìn	Kỷ ty	Canh ngọ	Tân mùi	Nhâm thần	Quý đậu
Thiên can Địa chí	Giáp tuất	Ât hợi	Bính tý	Đinh sửu	Mậu dần	Kỷ mão	Canh thìn	Tân ty	Nhâm ngọ	Quý mùi
Thiên can Địa chí	Giáp thần	Ât đậu	Bính tuất	Đinh hợi	Mậu tý	Kỷ sửu	Canh dần	Tân mão	Nhâm thìn	Quý ty
Thiên can Địa chí	Giáp ngọ	Âi mùi	Bính thần	Đinh đậu	Mậu tuất	Kỷ hợi	Canh tý	Tân sửu	Nhâm dần	Quý mão
Thiên can Địa chí	Giáp thìn	Ât ty	Bính ngọ	Đinh mùi	Mậu thần	Kỷ đậu	Canh tuất	Tân hợi	Nhâm tý	Quý sửu
Thiên can Địa chí	Giáp dần	Ât mão	Bính thìn	Đinh ty	Mậu ngọ	Kỷ mùi	Canh thần	Tân đậu	Nhâm tuất	Quý hợi

Bảng Giáp-tý bắt đầu ở Giáp-tý, chấm-dứt ở Quý-hợi theo đúng một chu-kỳ lớn là 60 tuế, sau đó lại bắt đầu trở lại ở Giáp-tý như chiếc vòng ngọc không đầu mối mà Nội-kinh gọi là 'chu nhì phục thi như hoàn vô doan'.

## B . NGŨ VẬN.

Thông thường khi chúng ta nói *vận hành*, chúng ta nghĩ ngay đến một cuộc vận-chuyển nào đó. *Vận-hành*, như vậy, có nghĩa như một động-từ 'di, di-chuyển ...'

Ở đây, chữ *hành* hay chữ *vận hành* không có nghĩa đơn thuần như vậy. Khi chúng ta nói *ngũ vận* hay *ngũ hành* là chúng ta nói đến *khí vận*, nó không thể xem như là một vật cụ-thể nào đó lưu-chuyển từ A sang B.

Rõ-ràng theo quan-niệm khí-hóa thì khí không phải là một vật nào đó mãi-mãi '*không biến-hóa trong thời*'. Khí lưu-chuyển từ A sang B trong một khoảng thời-gian quy định nào đó và cứ như thế không bao giờ dừng lại. Con đường lưu-chuyển là một vòng tròn mà *Nội-kinh* gọi là 'chu nhì phục thi, như hoàn vô doan'. Người xưa đã tính được rằng *hành* có 5 giai-đoạn và *khí* có 6 giai-đoạn.

*Hành* hay *vận* hay *khí* cũng chỉ là những cách nói khác nhau của *khí* mà thôi. Có điều chính trong quá trình lưu-chuyển, khí được hóa trong từng giai-đoạn, để rồi có những tên gọi khác nhau như Quyết-âm Phong Mộc, Thiếu-dương Tường-hỏa ... hoặc sơ-khí, nhị-khí ...

Tóm lại, *vận* hay *hành* là chỉ vào *dụng* hoặc *thể* của khí và khí đó bao giờ cũng trong tình-trạng hành. *Hành* hay *vận* vừa là danh-tự, vừa là động-tự; vừa là *khí*, vừa là *sự vận-hành* của *bản-thân* của *khí*. Tự nó, *khí* vận-hành theo quy-luật của nó. Ở cuối một giai-đoạn, nó sẽ hóa qua giai-đoạn kế-tiếp, và cứ như thế 'chu nhì phục thi như hoàn vô doan'.

Qua y-học, người xưa đã chứng-minh rằng sự vận-hành của Thiên-khí và Địa-khí luôn luôn tương-ứng với sự vận-hành của khí-huyết trong thân-thể con người. Một nguyên-nhân nào đó làm *gián-đoạn* sự *hài-hòa* giữa sự

vận-hành trong Thiên Địa cùng với sự vận-hành trong con người, thì *bệnh* sẽ xảy ra. Bài *Ung-thu* cuối cùng của sách *Linh-khu* đã nói lên điều đó.

Người xưa đã dùng năm chữ *Mộc Hỏa Thổ Kim Thủy* để chỉ vào năm dạng khí đã được hóa trong năm giai-đoạn *hành* hay *vận* trong chu-kỳ lớn hay nhỏ nào đó, như một tuế hay một nhật chẳng hạn. *Nội-kinh* không gọi chu-kỳ này là *nien* mà chỉ gọi là *tuế*, vì *nien* chỉ diễn-tả được thời-gian còn *tuế* diễn-tả vừa là *thời-gian* vừa là 'khí đã vận-hành trong thời-gian'.

### B<sub>1</sub>. - Thập niên can thống vận (Trung-vận)

Thiên *Thiên-nghuyên kỷ đại luận* (Tố-vấn 66) viết:

"Những tuế thuộc Giáp và Kỷ do Thổ vận thống;

Những tuế thuộc Ất và Canh do Kim vận thống;

Những tuế thuộc Bính và Tân do Thủy vận thống;

Những tuế thuộc Đinh và Nhâm do Mộc vận thống;

Những tuế thuộc Mậu và Quý do Hỏa vận thống."

Như vậy, ta thấy thập niên can có nhiệm-vụ thống về *vận*: hai can thống một vận, có tất cả là *năm thống*. Những năm mà thập can đà thống gọi là *Trung-vận*, hoặc *Thống-vận* hoặc *Đại-vận*. Đó là sự biến-hóa của *Trung-khí*. Trung-khí chính là sự giao-khí của Thiên và Địa.

Thiên *Thiên-nghuyên kỷ đại luận* (Tố-vấn 66) viết:

"*Thiên-khí* bất-túc thì *Địa-khí* theo lên; *Địa-khí* bất-túc thì *Thiên-khí* theo xuống; *vận-khí* ở giữa mà thường di

*theo trước."*

Chính vì vận-khí nằm ở giữa Thiên-khí và Địa-khí, cho nên khi nào Thiên-khí bất-túc kéo theo làm cho Địa-khí thăng lên trên, vận-khí nằm ở giữa sẽ theo lên trước. Khi nào Địa-khí bất-túc kéo theo làm cho Thiên-khí phải giáng xuống, vận-khí nằm ở giữa sẽ theo xuống trước.

Thiên Lục vi chí đại luận (Tô-vân 68) viết:

*"Sự thăng giáng của Âm Dương chính là sự thay đổi để làm dụng của Thiên Địa ... Thăng hết xong rồi lại giáng, cái giáng xuống gọi là Thiên-khí. Giáng xuống xuống xong rồi lại thăng, thăng lên gọi là Địa-khí. Khi Thiên-khí giáng xuống thì khí lưu chảy ở Địa. Địa-khí thăng lên thì khí bay tỏa ở Thiên. Cho nên gọi là cao thấp cùng kéo nhau, sự thăng giáng cùng làm nhân cho nhau, do đó sự biến-hóa được xảy ra vậy."*

### B2.- Chủ vận:

Nguyễn Đình-Chiểu viết :

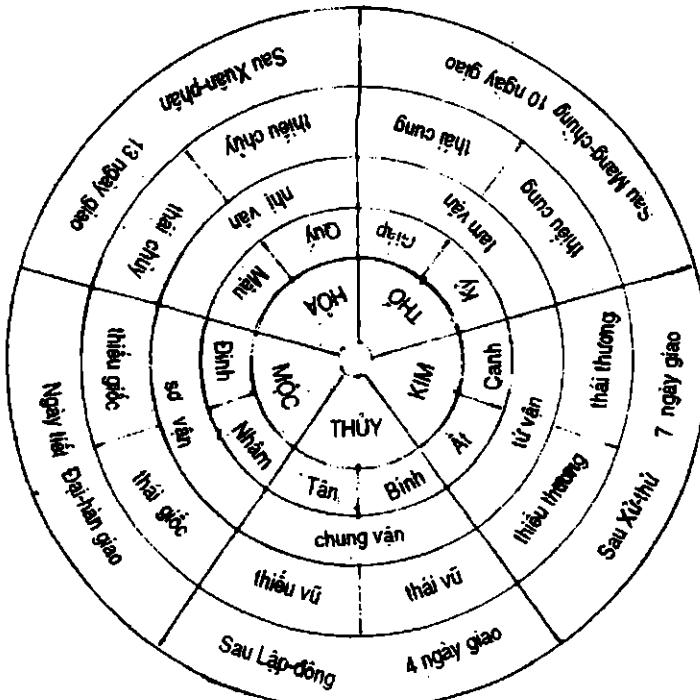
*Năm ngôi chủ vận chẳng đời*

*Ngôi nào theo này, có lời thơ xưa. (NTYTVĐ, 423 - 424)*

Trung-vận thống-tư khí của một tuế, còn chủ-vận thì tùy theo sự biến-hóa của khí-hậu trong một mùa của một tuế mà chuyển theo thứ-tự. Thứ-tự này theo luật của Ngũ hành tương sinh, bắt đầu từ Mộc dứt ở Thủy:

Mộc -----> Hỏa -----> Thổ -----> Kim -----> Thủy

Mỗi vận chủ một khoảng thời-gian từ 73 ngày 5 khắc.  
Mỗi tuế bắt đầu ở tiết Đại-hàn...



Biểu đồ Chủ vận

- Sơ vận Mộc : bắt đầu ở tiết Đại-hàn.
- Nhị vận Hỏa : bắt đầu ở sau tiết Xuân-phân 13 ngày.
- Tam vận Thổ : bắt đầu ở sau tiết Mang-chủng 10 ngày.
- Tứ vận Kim : bắt đầu ở sau tiết Xử-thủ 7 ngày.
- Ngũ vận Thủy : bắt đầu ở sau tiết Lập-dông 4 ngày.

Thế nhưng, vì ngũ vận trong chủ-vận có phân thái-quá và bất-cập, cho nên, muốn hiểu rõ vấn đề hơn nữa, chúng ta còn phải ứng-dụng thêm phép 'Ngũ âm kiến vận', 'Thái thiếu tương sinh' và 'Ngũ bộ thối vận' nữa.

### B<sub>2a</sub>) Ngũ âm kiên vận :

Sách Tô-vấn trong khi luận về ngũ vận, thường dùng ngũ âm để làm đơn-vị tính-toán.

Thiên Âm Dương ứng tương đại luận (Tô-vấn 5) viết:

- Khí ở tại Địa gọi là *Mộc*, ở tại âm gọi là *giốc* ( 角 )
- Khí ở tại Địa gọi là *Hỏa*, ở tại âm gọi là *chúy* ( 徵 )
- Khí ở tại Địa gọi là *Thổ*, ở tại âm gọi là *cung* ( 宮 )
- Khí ở tại Địa gọi là *Kim*, ở tại âm gọi là *thương* ( 商 )
- Khí ở tại Địa gọi là *Thủy*, ở tại âm gọi là *vũ* ( 羽 )

Trên đây gọi là "Ngũ âm kiên vận".

### B<sub>2b</sub>) Thái-thiểu tương sinh:

Nhu đã nói, 10 niên can trong Ngũ-vận đều có tính Âm Dương. Ta gọi Dương can là *thái* và gọi Âm can là *thiểu*:

\* Những năm Giáp và Kỷ thuộc Thổ vận, âm là *cung*:

- Dương Thổ Giáp ----- Thái cung
- Âm Thổ Kỷ ----- Thiếu cung

\*Những năm Ất và Canh thuộc Kim vận, âm là *thương*:

- Dương Kim Canh ----- Thái thương
- Âm Kim Ất ----- Thiếu thương

\*Những năm Bính và Tân thuộc Thủy vận, âm là *vũ*:

- Dương Thủy Bính ----- Thái vũ
- Âm Thủy Tân ----- Thiếu vũ

\*Những năm Đinh và Nhâm thuộc Mộc vận, âm là *giốc*

- Dương Mộc Đinh ----- Thái giốc
- Âm Mộc Nhâm ----- Thiếu giốc

\*Những năm Mậu và Quý thuộc Hỏa vận, âm là *chủy*:

- Dương Hỏa Mậu ----- Thái *chủy*
- Âm Hỏa Quý ----- Thiếu *chủy*

Gọi khí hữu-dư là *thái*, và gọi khí bất-túc là *thiếu*.

Dựa vào thập can để phân-biệt *Âm* và *Dương*, dựa vào ngũ âm để phân-biệt *thái* và *thiếu*. Do đó, *thái thiếu tương sinh* cũng là *Âm Dương tương sinh*.

Chúng ta phân-biệt ra từng trường-hợp như sau:

Những năm thuộc Giáp và Kỷ:

<b>Giáp:</b>	Dương Thổ (thái cung)	-----sinh----	Âm Kim Ất (thiếu thương)
<b>Ất</b>	Âm Kim (thiếu thương)	-----sinh----	Dương Thủy Bính (thái vū)
<b>Bính:</b>	Dương Thủy (thái vū)	-----sinh----	Âm Mộc Đinh (thiếu giốc)
<b>Đinh :</b>	Âm Mộc (thiếu giốc)	-----sinh----	Dương Hỏa Mậu (thái chủy)
<b>Mậu :</b>	Dương Hỏa (thái chủy)	-----sinh----	Âm Thổ Kỷ (thiếu cung)
<b>Kỷ</b>	Âm Thổ (thiếu cung)	-----sinh----	Dương Kim Canh (thái thương)
<b>Canh:</b>	Dương Kim (thái thương)	-----sinh----	Âm Thủy Tân (thiếu vū)
<b>Tân :</b>	Âm Thủy (thiếu vū)	-----sinh----	Dương Mộc Nhâm (thái giốc)

Nhâm:	Dương Mộc	—sinh—	Âm Hỏa Quý
	(thái giốc	-----	thiếu chảy)
Quý:	Âm Hỏa	----sinh----	Dương Thổ Giáp
	(thiếu chảy	-----	thái cung) ...

Như vậy, *thái* và *thiếu* cứ phản-phúc tương sinh, *thái* (Dương) sinh ra từ *thiếu* (Âm) ... cứ như thế mà phát-triển không ngừng '*chu nhì phục thi nhu hoàn vô doan*'.

### B2c) *Ngũ bộ thôi vận*:

Thập niên can chỉ có thể đại-biểu cho Trung-vận trong một năm mà không đại-biểu cho Chủ-vận trong một năm. Chủ-vận bao giờ cũng bắt đầu ở âm giốc và dứt ở âm vữ, cộng với luật '*thái thiếu tương sinh*', tất cả theo đúng một trình-tự nhất định.

Tuy nhiên, về mặt '*ngũ bộ thôi hành*', hoặc '*ngũ bộ thôi vận*' lúc nào '*thái sinh thiếu*'? và lúc nào '*thiếu sinh thái*'?

Chúng ta phải biết rằng, bắt cứ năm nào, chúng ta đều phải theo cái *thái* hay cái *thiếu* của niêm can để *thôi*, tức là đẩy trở lên đến âm giốc thì truy ra được. Ví-dụ:

Năm Giáp: thuộc Dương Thổ, vận của nó thuộc *thái-cung* dụng-sự, vậy từ *thái-cung* mà '*thôi: đẩy lên*':

Sinh ra *thái-cung* là *thiếu-chủy*,

Sinh ra *thiếu-chủy* là *thái-giốc*.

Như vậy chủ-vận năm Giáp khởi đầu ở *thái-giốc*. Do luật *thái thiếu tương-sinh*, ta suy ra nó sẽ dứt ở *thái-vữ*.

Năm Kỷ: thuộc Âm Thổ, vận của nó thuộc thiếu-cung dụng-sự, vậy từ *thiếu-cung* mà 'thôi: đẩy lên':

Sinh ra thiếu-cung là thái-chủy,

Sinh ra thái-chủy là thiếu-giốc..

Như vậy, chủ-vận năm Kỷ khởi đầu ở *thiếu-giốc*. Do luật 'thái thiếu tương sinh', ta suy ra nó sẽ dứt ở *thiếu-vũ*.

Năm Ất thuộc Âm Kim, vận của nó thuộc thiếu-thương dụng-sự, vậy từ bản-thân của thiếu-thương mà 'thôi':

Sinh ra thiếu-thương là thái-cung,

Sinh ra thái-cung là thiếu-chủy,

Sinh ra thiếu-chủy là thái-giốc.

Như vậy, chủ-vận năm Ất khởi đầu ở *thái-giốc*. Do luật thái thiếu tương sinh, ta suy ra nó sẽ dứt ở *thái-vũ*.

Năm Canh thuộc Dương Kim, vận của nó thuộc thái-thương dụng-sự, vậy từ bản thân của thái-thương mà 'thôi':

Sinh ra thái-thương là thiếu-cung,

Sinh ra thiếu-cung là thái-chủy,

Sinh ra thái-chủy là thiếu-giốc.

Như vậy, chủ-vận năm Canh khởi đầu ở *thiếu-giốc*. Do luật thái thiếu tương sinh, ta suy ra nó sẽ dứt ở *thiếu-vũ*.

Năm Bính thuộc Dương Thủy, vận của nó thuộc thái-vũ dụng-sự, vậy từ bản thân của thái-vũ mà 'thôi':

Sinh ra thái-vũ là thiếu-thương,

Sinh ra thiếu-thương là thái-cung,

Sinh ra thái-cung là thiếu-chủy ,

Sinh ra thiếu-chủ là thái-giốc.

Như vậy, chủ-vận năm Bính khởi đầu ở thái-giốc. Do luật thái-thiếu tương sinh, ta suy ra nó sẽ dứt ở thái-vũ.

Năm Tân thuộc Âm Thủy, vận của nó thuộc thiếu-vũ dụng-sự; vậy từ bản thân của thiếu-vũ mà 'thôi':

Sinh ra thiếu-vũ là thái-thương,

Sinh ra thái-thương là thiếu-cung,

Sinh ra thiếu-cung là thái-chủ,

Sinh ra thái-chủ là thiếu-giốc.

Như vậy, chủ-vận năm Tân khởi đầu ở thiếu-giốc và dứt ở thiếu-vũ.

Năm Đinh và năm Nhâm đều thuộc vận âm giốc, do đó khởi vận là tự chính bản-thân nó.

Năm Mậu thuộc Dương Hỏa, vận của nó thuộc thái-chủ dụng-sự, vậy từ bản-thân của thái-chủ mà 'thôi':

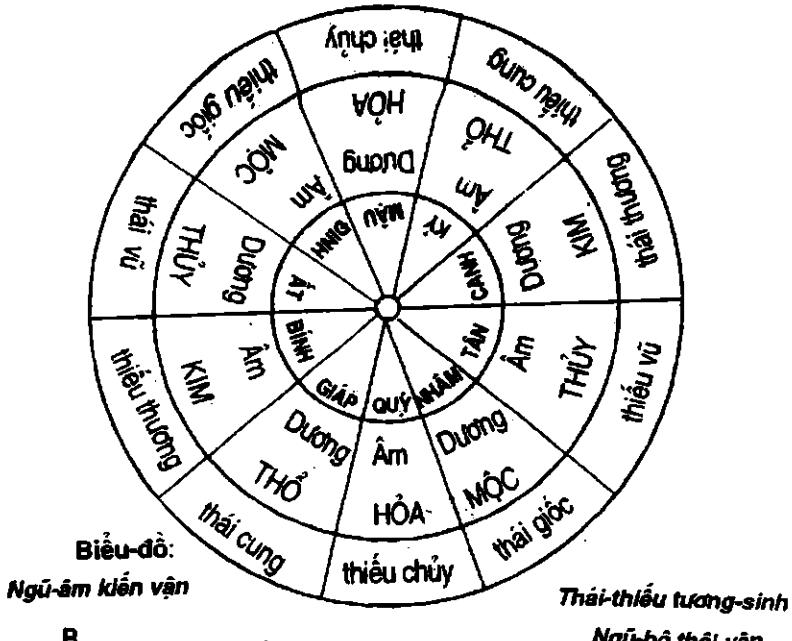
Sinh ra thái-chủ là thiếu-giốc.

Như vậy, chủ-vận năm Mậu khởi đầu ở thiếu-giốc. Do luật thái-thiếu tương-sinh, ta suy ra nó dứt ở thiếu-vũ.

Năm Quý thuộc Âm Hỏa, vận của nó thuộc thiếu-chủ dụng-sự, vậy từ bản-thân của thiếu-chủ mà 'thôi':

Sinh ra thiếu-chủ là thái-giốc.

Như vậy, chủ-vận năm Quý khởi đầu ở thái-giốc. Do luật thái-thiếu tương-sinh, ta suy ra nó sẽ dứt ở thái-vũ.



Trung-vận của ngũ-vận thống-chủ một tuế. Khi nào gặp năm trung-vận thái-quá, sẽ có tè-hóá:

- \* Năm Dương Thổ thái-cung; lê ra Mộc khắc Thổ, nhưng gặp năm Dương Thổ thái-quá, Thổ sẽ tè Mộc hóa.
- \* Năm Dương Mộc thái-giốc; lê ra Kim khắc Mộc; nhưng gặp năm Dương Mộc thái-quá, Mộc sẽ tè Kim hóa.
- \* Năm Dương Kim thái-thương; lê ra Hỏa khắc Kim, nhưng gặp năm Dương kim thái-quá, Kim sẽ tè Hỏa hóa.
- \* Năm Dương Hỏa thái-chủy; lê ra Thủy khắc Hỏa, nhưng gặp năm Dương Hỏa thái-quá, Hỏa sẽ tè Thủy hóa.

\* Năm Dương Thủy *thái-vũ*; Thổ khắc Thủy, nhưng gặp năm Dương Thủy *thái-quá*, Thủy sẽ *tè* Thổ hóa.

Khi nào gặp năm trung-vận *bất-cập*, sẽ có *kiêm* hóa:

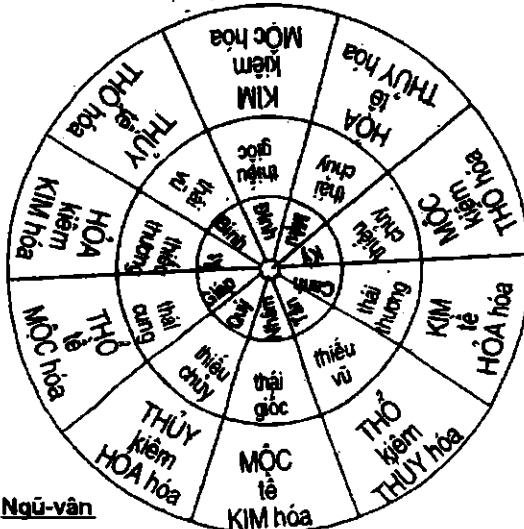
\* Năm Âm Thổ *thiểu-cung*: Mộc vốn khắc Thổ, nay gặp năm Âm Thổ *bất-cập*, Mộc sẽ *kiêm* Thổ hóa.

\* Năm Âm Mộc *thiểu-giốc*: Kim vốn khắc Mộc, nay gặp năm Âm Mộc *bất-cập*, Kim sẽ *kiêm* Mộc hóa.

\* Năm Âm Kim *thiểu-thương*: Hỏa vốn khắc Kim, nay gặp năm Âm Kim *bất-cập*, Hỏa sẽ *kiêm* Kim hóa.

\* Năm Âm Hỏa *thiểu-chuddy*: Thủy vốn khắc Hỏa, nay gặp năm Âm Hỏa *bất-cập*, Thủy sẽ *kiêm* Hỏa hóa.

\* Năm Âm Thủy *thiểu-vũ*: Thổ vốn khắc Thủy, nay gặp năm Âm Thủy *bất-cập*, Thổ sẽ *kiêm* Thủy hóa.



Biểu đồ: Ngũ-vận

### B3. - Khách-vận.

Nguyễn Đình-Chiểu viết trong Ngữ-tiêu YTVD:

*Muốn coi năm hóa lão đoạn,  
Gọi rằng khách vận, này chàng nghe thơ:  
.....  
Kể từ năm áy hóa ra,  
Làm năm vận khách xay mà theo niên.  
Trọn mươi hai tháng một niên,  
Nơi theo khách vận, thay phiên đi liền.  
Giả như Giáp Kỷ chi niên,  
Hóa ra hành Thủ, thật truyền vận sơ.  
Thổ sinh Kim áy vận nhì,  
Kim sinh Thủy áy, lại trì vận ba.  
Thủy sinh Mộc, vận thứ tư,  
Mộc sinh Hỏa vận, luận từ năm nay.  
Mỗi vận bảy mươi hai ngày,  
Lại dư năm khắc, cứ vầy tính qua.  
Lấy năm Giáp Kỷ suy ra,  
Bao nhiêu năm nữa đều là như đây.(433 - 448)*

Thiên Ngũ vận lục khí luận (Trọng-Cảnh toàn-thư)  
trang 8a nói về khách vận, thí-dụ năm Giáp Kỷ:

*Giáp thuộc Thủ vận, vây sơ-vận thuộc Thủ.  
Thổ sinh Kim, Kim là nhị vận.  
Kim sinh Thủy, Thủy là tam vận.  
Thủy sinh Mộc, Mộc là tú vận.*

*Mộc sinh Hỏa, Hỏa là ngũ vận.*

*Hỏa lại sinh Thổ ...cứ như thế theo thứ-tự mà gia-lâm lên trên chủ vận. Mỗi vận chủ 72 ngày 5 khắc.*

*Những năm thái-quá thì giao-kí vào trước tiết Đại-hàn 13 ngày, gọi là 'tiên thiên', năm bắt cập thì khí giao nhau vào sau tiết Đại-hàn 13 ngày, gọi là 'hậu thiên'. Năm bình niên, khí giao nhau vào đúng ngày của tiết Đại-hàn, gọi là 'Tề thiên'."*

Vấn-dề này, các tài-liệu đáng tin-cậy nhất cũng chia làm hai cách tính: hoặc 72 ngày 5 khắc, hoặc 73 ngày 5 khắc, tùy theo 1 chu niên là 360 hay 365 ngày.

Tóm lại, phép tính *khách-vận* phải dùng phương-pháp: bắt đầu từ trung-vận rồi dùng phép ngũ bộ thôi hành.

*Trung-vận* thống-quản vận-kí trọn năm. *Khách-vận* thì lấy trung-vận của mỗi năm làm sơ-vận, tuân theo thứ-tự của ngũ-hành thái-thiếu tương-sinh, phân làm ngũ bộ vận-hành, mỗi bộ gồm 73 ngày 5 khắc. Nó vận-hành lên trên *chủ-vận* cùng tương-ứng với *chủ-vận*, gọi là *khách-vận*. *Khách-vận* biến-thiên thành một chu-kỳ 10 năm:

\* Năm Giáp và Kỷ: Thổ-vận:

Khi gặp những năm Giáp thì lấy thái-cung Dương Thổ làm sơ-vận. Áp-dụng luật 'thái-thiếu tương-sinh', ta có:

Dương Thổ	sinh	Âm Kim
tức thái-cung	sinh	thiếu thương: nhự-vận.
Âm Kim	sinh	Dương Thủy

túc	<i>thiếu-thương</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-vũ :</i>	<i>tam vận.</i>
	Dương Thủy	<i>sinh</i>	Âm Mộc	
túc	<i>thái-vũ</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-giốc :</i>	<i>tứ vận.</i>
	Âm Mộc	<i>sinh</i>	Dương Hỏa	
túc	<i>thiếu-giốc</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-chủy :</i>	<i>chung vận</i>

Khi gặp những năm Kỷ thì lấy thiếu-cung Âm Thổ làm *sơ-vận*. Áp-dụng luật '*thái-thiếu tương-sinh*', ta có:

	Âm Thổ	<i>sinh</i>	Dương Kim	
túc	<i>thiếu-cung</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-thương :</i>	<i>nhị-vận.</i>
	Dương Kim	<i>sinh</i>	Âm Thủy	
túc	<i>Thái-thương</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-vũ :</i>	<i>tam vận.</i>
	Âm Thủy	<i>sinh</i>	Dương Mộc	
túc	<i>thiếu-vũ</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-giốc :</i>	<i>tứ-vận.</i>
	Dương Mộc	<i>sinh</i>	Âm Hỏa	
túc	<i>thái-giốc</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-chủy :</i>	<i>chung-vận</i>

#### \* Mùa Canh và Ất: Kim-vận:

Khi gặp những năm Canh thì lấy thái-thương Dương kim làm *sơ-vận*. Áp-dụng luật '*thái-thiếu tương-sinh*', ta có:

	Dương Kim	<i>sinh</i>	Âm Thủy	
túc	<i>thái-thương</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-vũ :</i>	<i>nhị vận.</i>
	Âm Thủy	<i>sinh</i>	Dương Mộc	
túc	<i>thiếu-vũ</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-giốc :</i>	<i>tam vận.</i>
	Dương Mộc	<i>sinh</i>	Âm Hỏa	
túc	<i>Thái-giốc</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-chủy :</i>	<i>tứ vận.</i>

Âm Hỏa      sinh      Dương Thủ  
túc      thiếu-chủy      sinh      thái-cung :      chung-vận.

Khi gặp những năm Ất thì lấy thiếu-thương Âm Kim làm sơ-vận. Áp-dụng luật thái-thiếu tương-sinh, ta có:

Âm Kim	sinh	Dương Thủy																																										
túc	<b>thiếu-thương</b>	<b>sinh</b>			thái-vũ :			<i>nhẹ vận.</i>	Dương Thủy	sinh	Âm Mộc	túc	<b>thái-vũ</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-giốc :</b>			<i>tam vận.</i>	Âm Mộc	sinh	Dương Hỏa	túc	<b>thiếu-giốc</b>	<b>sinh</b>			<b>thái-chủy :</b>			<i>tứ vận.</i>	Dương Hỏa	sinh	Âm Thủ	túc	<b>thái-chủy</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-cung :</b>			<i>chung vận</i>
		thái-vũ :																																										
		<i>nhẹ vận.</i>																																										
Dương Thủy	sinh	Âm Mộc																																										
túc	<b>thái-vũ</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-giốc :</b>			<i>tam vận.</i>	Âm Mộc	sinh	Dương Hỏa	túc	<b>thiếu-giốc</b>	<b>sinh</b>			<b>thái-chủy :</b>			<i>tứ vận.</i>	Dương Hỏa	sinh	Âm Thủ	túc	<b>thái-chủy</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-cung :</b>			<i>chung vận</i>												
		<b>thiếu-giốc :</b>																																										
		<i>tam vận.</i>																																										
Âm Mộc	sinh	Dương Hỏa																																										
túc	<b>thiếu-giốc</b>	<b>sinh</b>			<b>thái-chủy :</b>			<i>tứ vận.</i>	Dương Hỏa	sinh	Âm Thủ	túc	<b>thái-chủy</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-cung :</b>			<i>chung vận</i>																								
		<b>thái-chủy :</b>																																										
		<i>tứ vận.</i>																																										
Dương Hỏa	sinh	Âm Thủ																																										
túc	<b>thái-chủy</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-cung :</b>			<i>chung vận</i>																																				
		<b>thiếu-cung :</b>																																										
		<i>chung vận</i>																																										

\* Năm Bính và Tân : Thủy vận.

Khi gặp những năm Bính thì lấy thái-vũ Dương Thủy làm sơ-vận. Áp-dụng luật thái-thiếu tương-sinh, ta có:

Dương Thủy	sinh	Âm Mộc																																										
túc	<b>thái-vũ</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-giốc :</b>			<i>nhẹ vận.</i>	Âm Mộc	sinh	Dương Hỏa	túc	<b>thiếu-giốc</b>	<b>sinh</b>			<b>thái-chủy :</b>			<i>tam vận</i>	Dương HỎA	sinh	Âm Thủ	túc	<b>thái-chủy</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-cung :</b>			<i>tứ vận.</i>	Âm Thủ	sinh	Dương Kim	túc	<b>thiếu-cung</b>	<b>sinh</b>			<b>thái-thương :</b>			<i>chung vận</i>
		<b>thiếu-giốc :</b>																																										
		<i>nhẹ vận.</i>																																										
Âm Mộc	sinh	Dương Hỏa																																										
túc	<b>thiếu-giốc</b>	<b>sinh</b>			<b>thái-chủy :</b>			<i>tam vận</i>	Dương HỎA	sinh	Âm Thủ	túc	<b>thái-chủy</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-cung :</b>			<i>tứ vận.</i>	Âm Thủ	sinh	Dương Kim	túc	<b>thiếu-cung</b>	<b>sinh</b>			<b>thái-thương :</b>			<i>chung vận</i>												
		<b>thái-chủy :</b>																																										
		<i>tam vận</i>																																										
Dương HỎA	sinh	Âm Thủ																																										
túc	<b>thái-chủy</b>	<b>sinh</b>			<b>thiếu-cung :</b>			<i>tứ vận.</i>	Âm Thủ	sinh	Dương Kim	túc	<b>thiếu-cung</b>	<b>sinh</b>			<b>thái-thương :</b>			<i>chung vận</i>																								
		<b>thiếu-cung :</b>																																										
		<i>tứ vận.</i>																																										
Âm Thủ	sinh	Dương Kim																																										
túc	<b>thiếu-cung</b>	<b>sinh</b>			<b>thái-thương :</b>			<i>chung vận</i>																																				
		<b>thái-thương :</b>																																										
		<i>chung vận</i>																																										

Khi gặp những năm Tân thì lấy thiếu-vũ Âm Thủy làm sơ-vận. Áp-dụng luật thái-thiếu tương-sinh, ta có :

	Âm Thủy	<i>sinh</i>	Dương Mộc	
túc	<i>thiếu-vũ</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-giốc :</i>	<i>nhi vận</i>
	Dương Mộc	<i>sinh</i>	Âm Hỏa	
túc	<i>thái-giốc</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-chủy :</i>	<i>tam vận</i>
	Âm Hỏa	<i>sinh</i>	Dương Thổ	
túc	<i>thiếu-chủy</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-cung :</i>	<i>tú vận</i>
	Dương Thổ	<i>sinh</i>	Âm Kim	
túc	<i>thái-cung</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-thương :</i>	<i>chung vận</i>

\* Năm Đinh và Nhâm: Mộc vận.

Khi gặp những năm Nhâm thì lấy thái-giốc Dương Mộc làm sơ vận. Áp-dụng luật thái-thiếu tương-sinh, ta có:

	Dương Mộc	<i>sinh</i>	Âm HỎA	
túc	<i>thái-giốc</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-chủy :</i>	<i>nhi vận</i>
	Âm HỎA	<i>sinh</i>	Dương Thổ	
túc	<i>thiếu-chủy</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-cung :</i>	<i>tam vận</i>
	Dương Thổ	<i>sinh</i>	Âm Kim	
túc	<i>thái-cung</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-thương :</i>	<i>tú vận</i>
	Âm Kim	<i>sinh</i>	Dương Thủy	
túc	<i>thiếu-thương</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-vũ :</i>	<i>chung vận</i>

Khi gặp những năm Đinh thì lấy thiếu-giốc Âm Mộc làm sơ-vận. Áp-dụng luật thái-thiếu tương-sinh, ta có:

	Âm Mộc	<i>sinh</i>	Dương HỎA	
túc	<i>thiếu-giốc</i>	<i>sinh</i>	<i>thái-chủy :</i>	<i>nhi vận</i>
	Dương HỎA	<i>sinh</i>	Âm Thổ	
túc	<i>thái-chủy</i>	<i>sinh</i>	<i>thiếu-cung :</i>	<i>tam vận</i>

	Âm Thổ	sinh	Dương Kim	
túc	thái-cung	sinh	thái-thương :	tứ vận
	Dương kim	sinh	Âm Thủy	
túc	thái-thương	sinh	thái-vũ :	chung vận.

\* Năm Mậu và Quý : Hỏa vận.

Khi gặp những năm Mậu thì lấy thái-chủy Dương Hỏa làm sơ-vận. Áp-dụng luật thái-thiểu-tương-sinh, ta có:

	Dương HỎA	sinh	Âm Thổ	
túc	thái-chủy	sinh	thái-cung :	nhi-vận
	Âm Thổ	sinh	Dương Kim	
túc	thái-cung	sinh	thái-thương :	tam vận
	Dương Kim	sinh	Âm Thủy	
túc	thái-thương	sinh	thái-vũ :	tứ vận
	Âm Thủy	sinh	Dương Mộc	
túc	thái-vũ	sinh	thái-giốc :	chung vận

Khi gặp những năm Quý thì lấy thiểu-chủy Âm Hỏa làm sơ-vận. Áp-dụng luật thái-thiểu-tương-sinh, ta có:

	Âm HỎA	sinh	Dương Thổ	
túc	thái-chủy	sinh	thái-cung :	nhi-vận
	Dương Thổ	sinh	Âm Kim	
túc	thái-cung	sinh	thái-thương :	tam vận
	Âm Kim	sinh	Dương Thủy	
túc	thái-thương	sinh	thái-vũ :	tứ vận
	Dương Thủy	sinh	Âm Mộc	
túc	thái-vũ	sinh	thái-giốc :	chung vận.

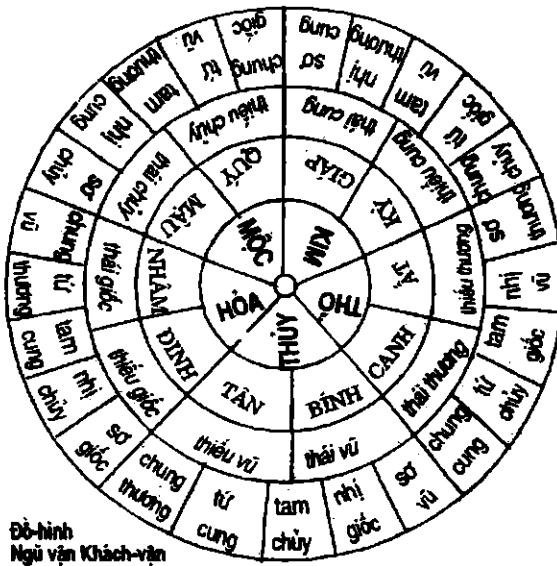
Chu-kỳ của khách-vận xoay quanh thập can tạo thành một tu-lệnh 10 năm 'chu nhì phục thi, như hoàn vô doan'. Hai mặt *tương-dòng* và *tương-di* giữa chủ-vận và khách-vận:

a) *Tương-dòng*: Dương-can và Âm-can đều có tác-dụng hỗ-tương: *thái-thiếu tương-sinh*, *ngũ-bộ thôi-hành*, *ngũ hành tương-sinh*. Tất cả những luật trên đều được ứng-dụng ở cả chủ-vận lẫn khách-vận.

b) *Tương-di*:

\* *Chủ-vận*: năm nào cũng bắt đầu ở giốc (Mộc) và chung ở vũ (Thủy), cứ thế không biến đổi.

\* *Khách-vận*: nó lấy trung-vận của năm nào làm sơ-vận cho năm đó. 10 năm mới xoay hết vòng của 10 can 'chu nhì phục thi, như hoàn vô doan'.



## C. - LỤC KHÍ.

Sách Ngữ-tiều YTVD viết:

*Ngư rằng: Kìa ái Địa-kì,  
Có non Lục-kì, đường đi lộn nhào.  
Chưa hay chủ-kì ở đâu,  
Lại thêm khách-kì để au việc gì?*

Thiên Thiên nguyên kỳ đại luận (Tô-vân 66) viết:

- \* Trên Quyết-âm, do Phong-kí làm chủ.
- \* Trên Thiếu-âm, do Nhiệt-kí làm chủ.
- \* Trên Thái-âm, do Thấp-kí làm chủ.
- \* Trên Thiếu-dương, do Tướng-hỏa làm chủ.
- \* Trên Dương-minh, do Táo-kí làm chủ.
- \* Trên Thái-dương, do Hàn-kí làm chủ.

Như vậy, Lục-kí gồm: Phong, Nhiệt (Thứ), Thấp, Hỏa, Táo, Hàn. Lục-kí phân ra làm chủ tam Âm và tam Dương :

- \* Phong-kí hóa với Quyết-âm.
- \* Nhiệt-kí hóa với Thiếu-âm (Quân-hỏa)
- \* Thấp-kí hóa với Thái-âm
- \* Hỏa-kí hóa với Thiếu-dương (Tướng-hỏa)
- \* Táo-kí hóa với Dương-minh.
- \* Hàn-kí hóa với Thái-dương."

Sáu loại khí này, nếu như thời đến mà khí cũng đến thì được gọi là 'lục nguyên chính khí' trong Thiên Địa, còn như khí-hóa không đúng với thời thì gọi là 'tà-kí'.

## C1. - Thập nhị chi và lục khí:

Nguyễn Đình-Chiểu viết:

*Tý đổi với ngọ một tòa,  
Làm ngôi Quân-hỏa, ở nhà Thiếu-âm.  
Sửu mùi cắp đổi Thái-âm,  
Làm ngôi Tháp Thủ, thám dàn uân phuơng.  
Dần thân cắp đổi Thiếu-dương,  
Làm ngôi Tướng-hỏa, sứ dương việc minh.  
Mão đậu cắp đổi Dương-minh,  
Làm ngôi Kim Táo, bày hình khò-khan.  
Thìn tuất cắp đổi Thái-dương,  
Làm ngôi Hành Thủy, hăng sương tràn-tràn.  
Ty hơi cắp đổi Quyết-âm,  
Làm ngôi Phong Mộc, rầm-rầm gió cây.*

(NTYTVĐ 493 - 504)

Thiên Ngũ vận hành đại luận (Tố-vấn 67) viết:"

- \* Trên tý ngọ, do Thiếu-âm làm chủ.
- \* Trên sửu vị, do Thái-âm làm chủ.
- \* Trên dần thân, do Thiếu-dương làm chủ.
- \* Trên mão đậu, do Dương-minh làm chủ.
- \* Trên thìn tuất, do Thái-dương làm chủ.
- \* Trên ty hơi, do Quyết-âm làm chủ."

Như vậy, ta thấy 12 chi phân ra để làm chủ 6 khí:

- Tý và ngọ chủ Nhiệt (Thiếu-âm Quân-hỏa)
- Sửu và vị chủ Thấp (Thái-âm Tháp Thủ)
- Dần và thân chủ Hỏa (Thiếu-dương Tướng-hỏa)

- Mão và đậu chủ Táo (Dương-minh Táo Kim)
- Thìn và tuất chủ Hân (Thái-dương Hân Thủy)
- Ty và hợi chủ Phong (Quyết-âm Phong Mộc)

## C<sub>2</sub> . . Chủ khí.

Chủ-khí tức là Địa-khí, còn gọi là 'chủ thời chi lực khí'. Nó là Lực khí phân ra để điều-hành (tư lệnh) 24 tiết trong một năm.

Dựa theo thứ-tự của ngũ-hành tương-sinh, chúng được chia ra làm 6 bộ, mỗi bộ khoảng 60 ngày 87 khắc rưỡi, gồm 4 tiết. Chúng ta có:

tý	tháng 11	ngọ	tháng 5
sửu	tháng 12	vị	tháng 6
dần	tháng giêng	thân	tháng 7
mão	tháng 2	dậu	tháng 8
thìn	tháng 3	tuất	tháng 9
ty	tháng 4	hợi	tháng 10

a/ - **Sơ-khí:** từ giữa tháng sửu đến giữa tháng mão: Quyết-âm Phong Mộc, nó chủ thời-gian từ *trước tiết Xuân-phân* 60 ngày 87 khắc rưỡi. Đây là thời xuân Mộc vừa sinh ra, là lúc Phong-khí hóa-hành.

b/ - **Nhi-khí:** Mộc sinh Hỏa, tức Quyết-âm sinh Thiếu-âm Quân-hỏa (từ giữa tháng mão đến giữa tháng ty): nó chủ thời-gian từ *sau tiết Xuân-phân* 60 ngày 87 khắc rưỡi. Đây là thời xuân đã lão, hạ bắt đầu, lúc mà Hỏa Nhiệt tăng lên dần.

c/ - **Tam-khí:** Quân-hỏa sinh Tường-hỏa, đồng-khí tương túy (từ giữa tháng ty và tháng vị) : nó chủ thời-gian từ

*trước Hạ-chí 30 ngày 87,5 khắc / 2 và sau Hạ-chí 30 ngày 87,5 khắc / 2.* Đây là thời mà Hóa Nhiệt lên cao nhất.

d) *Tứ-kì:* Hỏa sinh Thổ, tức Thái-âm Thấp Thổ (từ giữa vị đến giữa tháng đậu) : nó chủ thời-gian từ *trước tiết Thu-phân* 60 ngày 87 khắc rưỡi. Đây là thời mà viêm-thủ hạ xuống dần và Thấp Thổ dâng lên dần.

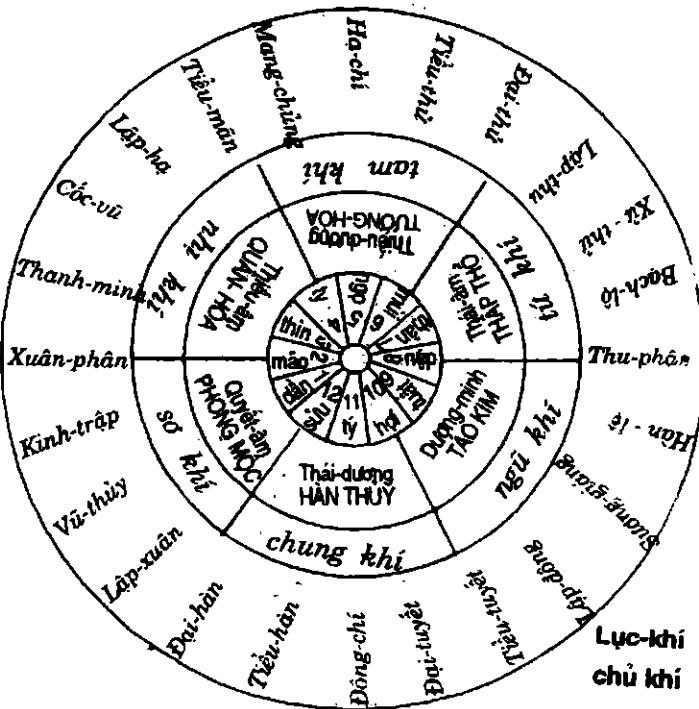
e) *Ngũ-kì:* Thổ sinh Kim (từ giữa tháng đậu đến giữa tháng hợi) : Dương-minh Táo Kim, nó chủ thời-gian từ *sau tiết Thu-phân* 60 ngày 87 khắc rưỡi. Đây là lúc Thấp Thổ tiêu dần, Táo Kim đang giáng.

f) *Chung-kì:* Kim sinh Thủy (từ giữa tháng hợi đến giữa tháng siu) : Thái-dương Hán Thủy : nó chủ thời-gian từ *trước Đông-chí* 30 ngày 87,5khắc / 2 và *sau Đông-chí* 30 ngày 87,5khắc / 2. Đây là lúc mà Thủy-kì ngày càng thịnh, đông Hán lâm-liệt. Như vậy, một chu gồm 365 ngày 25 khắc.

Thiên Lục vi chí đại luận (Tố-vấn 68) viết:

“Bên hữu của ‘hiển-minh’ là vị của Quân-hỏa. Bên hữu của Quân-hỏa, di lui một bộ là vị của Tướng-hỏa, lại di một bộ nữa là vị của Thổ-kì, lại di một bộ nữa là vị của Kim-kì, lại di một bộ nữa là vị của Thủy-kì, lại di một bộ nữa là vị của Mộc-kì, lại di một bộ nữa là vị của Quân-hỏa ...”

Theo các nhà chú-giải thì ‘hiển-minh’ là nói về chỗ mặt trời mọc, nó nằm ở chính-vị của dần và mao, là nơi của ‘so-kì Quyết-âm Phong Mộc’.



### C3. - Khách - khí:

Nguyễn Đình-Chiểu viết:

Sáu ngôi khách khí đổi xay,  
 Giữ Trời, giữ Đất, từ đây chia miề.  
 Giả như tý ngọ chi niên,  
 Thật ngôi Quân-hòa, việc chuyên giữ Trời.  
 Lấy hai năm ấy làm lời,  
 Còn mười năm nữa cũng dời như nhau.  
 Cho hay Quân-hòa giữ Trời,

*Táo Kim giữ Đất, hai nơi cầm quyền.*

*Một khí ở trên tu thiên,*

*Hai khí ta hữu, xem liền theo bên.*

*Trên dưới sáu khí chia miền,*

*Mặt nam mặt bắc, cầm quyền một niêm.*

*Giả như tý ngọ chi niêm,*

*Đất xem bên tả, làm truyền khí sơ.*

*Trời xem bên hữu khí nhì,*

*Tu thiên ngồi chính áy thì khí ba,*

*Trời xem bên tả tư ra,*

*Đất xem bên hữu, thật là khí năm.*

*Tu truyền làm khí sáu chung,*

*Bốn mùa hơi khách, thay dòng đổi xây.*

*Một khí là sáu mươi ngày,*

*Tám mươi bảy khác, nửa rày hữu cơ.*

(NTYTVĐ 505 - 528)

Như vậy, khách-khí tức là Thiên-khí, là khí tại Thiên của tam Âm và tam Dương. Thứ-tự của 6 bộ khí này do sự an-bài và quy-định của thứ-tự trước sau của tam Âm trước và tam Dương sau:

\* tam Âm :      1. Quyết-âm      2. Thiếu-âm      3. Thái-âm

\* tam Dương : 4. Thiếu-dương      5. Dương-minh      6. Thái-dương

Tam Âm và tam Dương phân-bố theo thứ-tự trên, dưới, tả, hữu, tạo thành sự biến-hóa của sáu bộ khí: tu-thiên, tại-tuyền, tú gian khí.

Đây cũng là phương-thức vận-động của sáu bộ khách-khí. Khí của chủ tuế là tu-thiên, nằm ở 'tam chi khí', bên

dưới tư-thiên là tại-tuyền, nằm ở 'chung chi khí'. Hai bên tả hữu gọi là 'tả hữu gian khí'.

Thiên *Ngũ vận hành đại luận* (Tô-vấn 67) viết:

\* Quyết-âm ở tại thượng thì Thiếu-dương ở tại hạ, bên tả là Dương-minh, bên hữu là Thái-âm.

\* Thiếu-âm ở tại thượng thì Dương-minh ở tại hạ, bên tả là Thái-dương, bên hữu là Thiếu-dương.

\* Thái-âm ở tại thượng thì Thái-dương ở tại hạ, bên tả là Quyết-âm, bên hữu là Dương-minh.

\* Thiếu-dương ở tại thượng thì Quyết-âm ở tại hạ, bên tả là Thiếu-âm, bên hữu là Thiếu-dương.

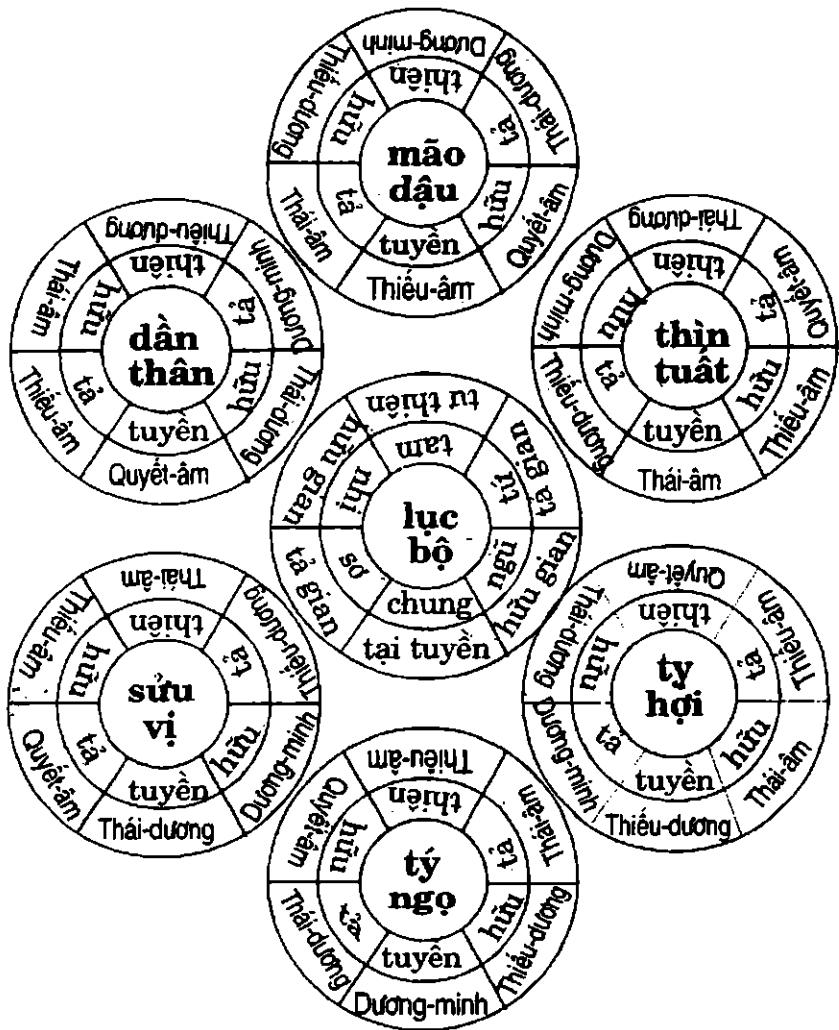
\* Dương-minh ở tại thượng thì Thiếu-âm ở tại hạ, bên tả là Thái-âm, bên hữu là Quyết-âm.

\* Thái-dương ở tại thượng thì Thái-âm ở tại hạ, bên tả là Thiếu-dương, bên hữu là Thiếu-âm.

Như vậy, mỗi năm khách-khí bắt đầu ở vị-trí trước tư-thiên 2 bậc, tức là tả gian của Địa, đó là *sơ khí*. Tiếp lên là *nhi khí*, *tam khí*, *tứ khí*, *ngũ khí* và *chung khí* ở tại-tuyền. Mỗi bộ khí khoảng 60 ngày 87 khắc rưỡi. Gọi tư-thiên và tại-tuyền là gọi sự đối-đại giữa một Âm và một Dương.

Tư-thiên ở trên, thuộc phương nam; tại-tuyền ở dưới thuộc phương bắc. Ví-dụ:

- Những năm ty và hơi: Quyết-âm Phong Mộc tư-thiên và Thiếu-dương Tường-hỏa tại-tuyền. Dương-minh Táo Kim sē là sơ khí, nhị khí là Thái-dương, tứ khí là Thiếu-âm, ngũ khí là Thái-âm.



**Biểu đồ Tư-thiên tại-tuyễn tả hữu gian khi**

- Những năm tý và ngo: Thiếu-âm Quân-hỏa tư-thiên và Dương-minh Táo Kim tại-tuyền. Thái-dương Hàn Thủy là sơ khí, nhì khí là Quyết-âm, tứ khí là Thái-âm, ngũ khí là Thiếu-dương.

- Những năm sinh và vi: Thái-âm Tháp Thổ tư-thiên, Thái-dương Hàn Thủy tại-tuyền. Quyết-âm Phong Mộc sẽ là sơ khí, nhì khí là Thiếu-âm, tứ khí là Thiếu-dương, ngũ khí là Dương-minh.

- Những năm dần và thân: Thiếu-dương Tướng-hỏa tư-thiên, Quyết-âm Phong Mộc tại-tuyền. Thiếu-âm Quân-hỏa sẽ là sơ khí, nhì khí là Thái-âm, tứ khí là Dương-minh, ngũ khí là Thái-dương.

- Những năm mão và dậu: Dương-minh Táo Kim tư-thiên, Thiếu-âm Quân-hỏa tại-tuyền. Thái-âm Tháp Thổ sẽ là sơ khí, nhì khí là Thiếu-dương, tứ khí là Thái-dương, ngũ khí là Quyết-âm.

- Những năm thìn và tuất: Thái-dương Hàn Thủy tư-thiên, Thái-âm Tháp Thổ tại-tuyền. Thiếu-dương Tướng-hỏa sẽ là sơ khí, nhì khí là Dương-minh, tứ khí là Quyết-âm, ngũ khí là Thiếu-âm.

Tư-thiên chủ về khí ở thượng bán niêm, tại-tuyền chủ về khí ở hạ bán niêm. Tư-thiên và tại-tuyền được định thì sự hóa của nó, tức là Lục khí sẽ theo đó mà định.

Thiên Chí chán yếu đại luận (Tố-vấn 74) viết:

- Khi Quyết-âm tư-thiên thì hóa của nó là Phong.
- Khi Thiếu-âm tư-thiên thì hóa của nó là Nhiệt.
- Khi Thái-âm tư-thiên thì hóa của nó là Tháp.

- Khí Thiếu-dương tư-thiên thì hóa của nó là Hỏa.
- Khí Dương-minh tư-thiên thì hóa của nó là Táo.
- Khí Thái-dương tư-thiên thì hóa của nó là Hàn.

**Nguyễn Đình-Chiểu** viết :

*Sáu ngôi khách khí đổi xay,  
Giữ Trời giữ Đất, từ đây chia miền.*

(Ngụ-tiểu YTVĐ 505 - 506)

#### C<sub>4</sub>. - Lục-kì chính-hóa và đổi-hóa.

**Nguyễn Đình-Chiểu** viết:

*Lại coi khách-kì dưới trên,  
Chinh-hóa đổi-hóa hai bên chẳng đồng.  
Sáu năm chinh-hóa gốc tròn,  
Ông già dê già cợp heo rồng lung-lung.  
Sáu năm đổi-hóa ngọn đường,  
Chuột trâu khỉ thỏ rắn muông đua giành.  
Chinh-hóa theo gốc, số sinh,  
Đổi-hóa theo ngọn, số thành, thực hư.*

(NTYTVĐ 551 - 558)

Sách Y-học nhập-môn, thiên Vận-kì viết:

"*Sự thăng-giáng của khách-kì có chinh-hóa, có đổi-hóa. Những năm chinh-hóa là: ngọ, vị, dần, dậu, thìn, hợi. Những năm đổi-hóa là: tý, sửu, thân, mão, tuất, ty. Chinh-hóa là thực của lệnh, tung với 'bản', số của nó là số sinh. Đổi-hóa là hư của lệnh, tung với 'tiêu', số của nó là số thành.*"

*Thiên Ngũ-vận Lục-khí luận* trong Trong-Cánh toàn tập (trang 8a) viết:

"Khách-khí có chính-hóa, có đối-hóa. Những năm chính-hóa là ngọ, vị, dần, dậu, thìn, hợi. Những năm đối-hóa là tý, sủu, thân, mao, tuất, ty."

Sách *Y-tông Kim-giám* của Ngô Khiêm viết:

"Khách-khí của Lục-khí thống-tư hóa-khí trong một tuế:

- Quyết-âm thì tư ty hợi, vì Quyết-âm thuộc Mộc mà Mộc sinh ra ở hợi cho nên chính-hóa ở hợi, đối-hóa ở ty.

- Thiếu-âm thì tư tý ngọ, vì Thiếu-âm thuộc Quản-hóa, ở vào vị-trí của quẻ Ly chính nam, cho nên chính-hóa ở ngọ, đối-hóa ở tý.

- Thái-âm thì tư sủu vị, vì Thái-âm thuộc Thổ cư trung-ương, vượng ở cung vị góc tây-nam, cho nên chính-hóa ở vị, đối-hóa ở sủu.

- Thiếu-dương thì tư dần thân, vì Thiếu-dương là Tường-hóa, vị-trí kém Quản-hóa, mà Hỏa sinh ở dần, cho nên chính-hóa ở dần, đối-hóa ở thân.

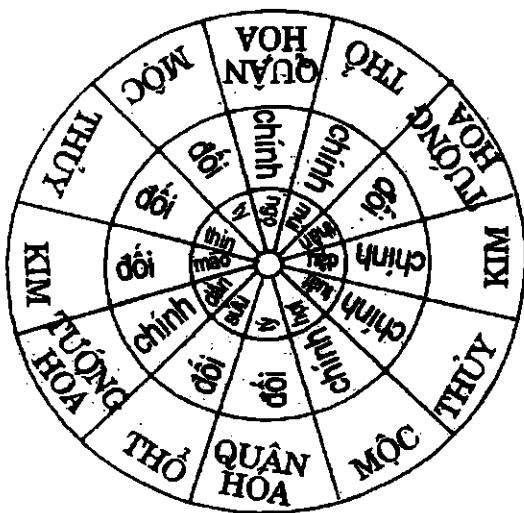
- Dương-minh thì tư ở mao dậu, vì Dương-minh thuộc Kim, dậu thuộc vị-trí Kim ở phương tây, cho nên chính-hóa ở dậu, đối-hóa ở mao.

- Thái-dương thì tư ở thìn tuất, vì Thái-dương thuộc Thủy, thìn tuất thuộc Thổ. Tuy nhiên, 'Thủy hành Thổ trung' (nước chảy trong lòng đất) và tuất lại cư ở tây-bắc thuộc vào nơi mà Thủy ngày càng vượng, dựa vào ngũ-

*hành trong thiên Hồng-phạm (Kinh Thư), ta cho rằng tuất thuộc Thủy. Vì thế chính-hóa phải ở tuất, đổi-hóa ở thìn.*

Tóm lại, dần, ngọ, vị, dậu, tuất, hợi thuộc chính-hóa. Chính-hóa là thực của 'lệnh', chủ về khí hữu-du. Tý, sửu, mão, thìn, ty, thân thuộc đổi-hóa. Đổi-hóa là hu của 'lệnh', chủ về khí bất-túc."

Tóm lại, các tài-liệu kể trên cho thấy có sự khác-biéet giữa *thìn* và *tuất* trong chính-hóa và đổi-hóa, chúng tôi tạm thời cũng chưa có ý-kiến gì về vấn-dề này, hy-vọng sẽ có dịp trở lại vào dịp khác.



Biểu đồ: Lục-khí chính-hóa và đổi-hóa.

#### D . - KHÁCH CHỦ GIA LÂM .

Lục-khí khách-khí vận-hành thay-đổi mỗi năm khác

nhau xoay trên Lục-khí chủ-khí cố-định, được gọi là '*khách-chủ gia-lâm*'. Khách-khí tại Thiên và chủ-khí tại Địa, tuy có phân-biệt thượng-hạ, động-tĩnh, nhưng cả hai đều có một quan-hệ hô-tương vô-cùng mật-thiết. Sự thuận-nghịch của biến-hóa cũng do đó mà hiện ra.

Phép biến-hóa này dựa trên sự quan-hệ giữa chủ và khách trong mỗi năm tùy theo sự biến-thiên của khách-khí. Cụ-thể là lấy khách-khí tư-thiên gia-lâm lên trên tam khí của chủ-khí. Sau đó, chúng ta đi từ sơ khí của chủ-khí tại tả gian của Địa-khí mà tính dần lên thì sẽ tính ra quan-hệ giữa hai khí trong một năm. Ví-dụ:

### 1) Năm ty và hơi:

Quyết-âm Phong Mộc tư-thiên,  
Thiếu-dương Tướng-hỏa tài-tuyễn.

Sơ khí của	chủ-khí :	Quyết-âm Phong Mộc
	khách-khí :	Dương-minh Táo Kim
Nhị khí của	chủ-khí :	Thiếu-âm Quân-hỏa
	khách-khí :	Thái-dương Hân Thủy
Tam khí của	chủ-khí :	Thiếu-dương Tướng-hỏa
	khách-khí :	Quyết-âm Phong Mộc
Tứ khí của	chủ-khí :	Thái-âm Thấp Thổ
	khách-khí :	Thiếu-âm Quân-hỏa
Ngũ khí của	chủ-khí :	Dương-minh Táo Kim
	khách-khí :	Thái-âm Thấp Thổ
Chung khí của	chủ-khí :	Thái-dương Hân Thủy
	khách-khí :	Thiếu-dương Tướng-hỏa.

Phần còn lại, chúng ta sẽ chỉ trình bày những chỗ chính như sơ khí, tam khí (tư-thiên), và chung khí (tai-tuyền)

**2) Năm tý và ngo:**

Sơ khí của	chủ-khí	Quyết-âm Phong Mộc
	khách-khí	Thái-dương Hán Thủy
Tam khí của	chủ-khí	Thiếu-dương Tướng-hỏa
	khách-khí	Thiếu-âm Quân-hỏa(tư-thiên)
Chung khí của	chủ-khí	Thái-dương Hán Thủy
	khách-khí	Dương-minh Táo Kim(tai-tuyền)

**3) Năm sinh và vi:**

Sơ khí của	chủ-khí	Quyết-âm Phong Mộc
	khách-khí	Quyết-âm Phong Mộc
Tam khí của	chủ-khí	Thiếu-dương Tướng-hỏa
	khách-khí	Thái-âm Tháp Thủ(tư-thiên)
Chung khí của	chủ-khí	Thái-dương Hán Thủy
	khách-khí	Thái-dương Hán Thủy(tai-tuyền)

**4) Năm dần và thân:**

Sơ khí của	chủ-khí	Quyết-âm Phong Mộc
	khách-khí	Thiếu-âm Quân-hỏa
Tam khí của	chủ-khí	Thiếu-dương Tướng-hỏa
	khách-khí	Thiếu-âm Quân-hỏa(tư-thiên)
Chung khí của	chủ-khí	Thái-dương Hán Thủy
	khách-khí	Quyết-âm Phong Mộc(tai-tuyền)

**5) Năm mão và đầu:**

Sơ khí của	chủ-khí	Quyết-âm Phong Mộc
------------	---------	--------------------

khách-khí	Thái-âm Thấp Thổ
Tam-khí của chủ-khí	Thiểu-dương Tường-hỏa
khách-khí	Dương-minh Táo Kim(tu-thiên)
Chung khí của chủ-khí	Thái-dương Hàn Thủy
khách-khí	Thiểu-âm Quân-hỏa(tai-tuyễn)

### 6) Năm thìn và tuất:

Sơ khí của chủ-khí	Quyết-âm Phong Mộc
khách-khí	Thiểu-dương Tường-hỏa
Tam-khí của chủ-khí	Thiểu-dương Tường-hỏa
khách-khí	Thái-dương Hàn Thủy(tu-thiên)
Chung khí của chủ-khí	Thái-dương Hàn Thủy
khách-khí	Thái-âm Thấp Thổ(tai-tuyễn)

Sáu bộ chủ-khí và khách-khí đã được tính theo phép *gia-lâm* xong rồi, chúng ta còn phải quan-sát xem giữa khách và chủ có *tương-đắc* hay không.

Thiên *Ngũ-vận hành đại-luận* (Tố-vấn67) viết:

"Khi *tương-đắc* thì hòa, bất *tương-đắc* thì bệnh".

Nguyễn Đình-Chiểu viết:

*Cho hay chủ khách sinh nhau,  
Gọi rằng *tương-đắc*, trước sau hòa lành.  
Chín e khách-khí khắc giặc,  
Rằng không *tương-đắc*, mới sinh bệnh-tà.*  
(NTYTVĐ 593 - 596)

a) Khi nào khách chủ *tương-sinh*, hoặc khách chủ đồng-khí gọi là *tương-đắc*.

b) Khi nào khách chủ tương-khắc, ta phân ra:

- Chủ khắc khách : *bất tương-đắc*.
- Khách khắc chủ : *tương-đắc*.

Thiên *Chi-chân yêu đại-luận* (Tô-vân 74) viết: "Chủ-khí thắng thì nghịch, khách-khí thắng thì thuận, tùng."

a) Khách sinh chủ : *thuận*. Ví-dụ:

Thiểu-âm Quân-hỏa sinh Thiếu-dương Tướng-hỏa: *thuận*

b) Chủ sinh khách : *nghịch*. Ví-dụ:

Thiếu-dương Tướng-hỏa sinh Thiếu-âm Quân-hỏa: *nghịch*.

Thiên *Lực-vi chi đại-luận* (Tô-vân 68) viết:

"Vua bồ-trí cho vai-trò bè tôi thì thuận, bè tôi bồ-trí cho vua thì nghịch."

Đến đây, chúng ta đã trình-bày xong phần khách-khí và chủ-khí gia-lâm nhau.

Trong phép xem mạch, người xưa còn ứng-dụng Lục-khí khách-khí vào phần gọi là 'Mạch Nam-chính và Bắc-chính'

#### E. - MẠCH BẤT-ÚNG của Nam-chính và Bắc-chính:

Trong phép chẩn mạch, người xưa đã áp-dụng Lục bộ khách-khí gọi là 'mạch bất-ứng Nam-chính và Bắc-chính'.

##### E<sub>1</sub>. - Lục-khí khách-khí:

Lục-khí khách-khí trong năm gồm tam Âm và tam Dương:	Quyết-âm	Thiểu-dương
	Thiểu-âm	Dương-minh

Thái-âm

Thái-dương

Cách tính mạch bất-ứng phải dựa vào khách-khí tự-thiên với tả hữu gian-khí và khách-khí tại-tuyền với tả hữu gian-khí.

Trong phép tính về *bất-ứng*, vai trò của Thiếu-âm Quân-hỏa là quyết định. Thiếu-âm Quân-hỏa ở tại bộ-vị nào trong tả hữu gian-khí của tu-thiên hay tại-tuyền thì nơi đó sẽ *bất-ứng*.

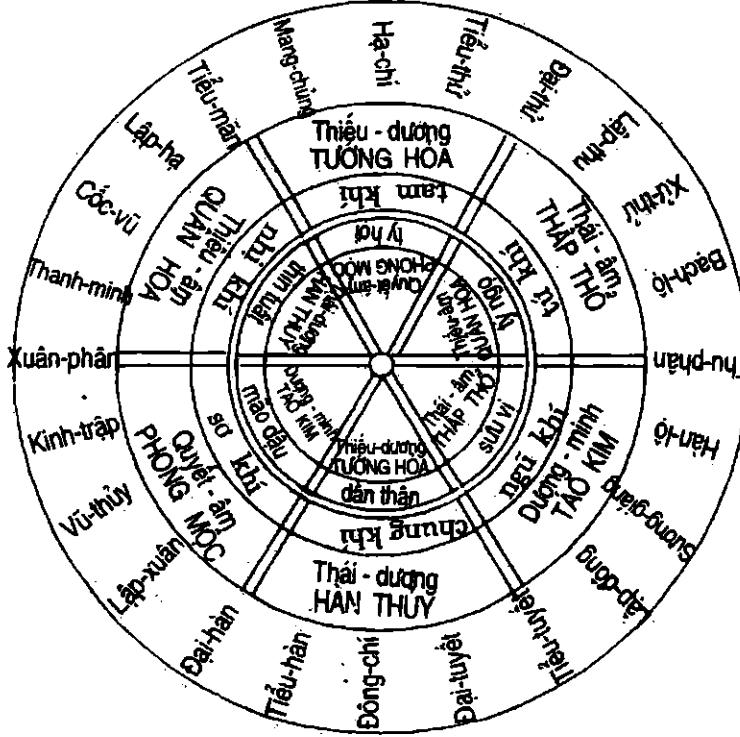
Theo **Hoàng Đế nội-kinh** thì khi nào mạch của Thiếu-âm đến mà mạch '鉤 câu' thì gọi là *ứng*, còn khi mạch của Thiếu-âm đến mà mạch *bất câu* thì gọi là *bất-ứng*. Trương Trọng-Cánh còn gọi là mạch *trầm-tê*.

#### F2 .. Nam-chính:

Gọi là Nam-chính, đó là những năm khách-khí lùu-hành Nam-chính, tức là những năm Giáp và Kỷ. Những năm này, tam Âm tu-thiên, trong đó nếu Thiếu-âm ở đâu thì nơi đó mạch Thốn sẽ *bất-ứng*; tam Âm tại-tuyền, trong đó nếu Thiếu-âm ở đâu thì nơi đó mạch Xích sẽ *bất-ứng*:

- Những năm Tý và Ngọ thuộc Thiếu-âm Quân-hỏa tu-thiên: mạch luồng thốn *bất-ứng*.
- Những năm Ty và Hợi thuộc Quyết-âm Phong Mộc tu-thiên: tả gian thuộc Thiếu-âm Quân-hỏa cho nên mạch hữu Thốn *bất-ứng*.
- Những năm Sửu và Vị thuộc Thái-âm Thấp Thủ tu-thiên: hữu gian thuộc Thiếu-âm Quân-hỏa cho nên mạch tả Thốn *bất-ứng*.

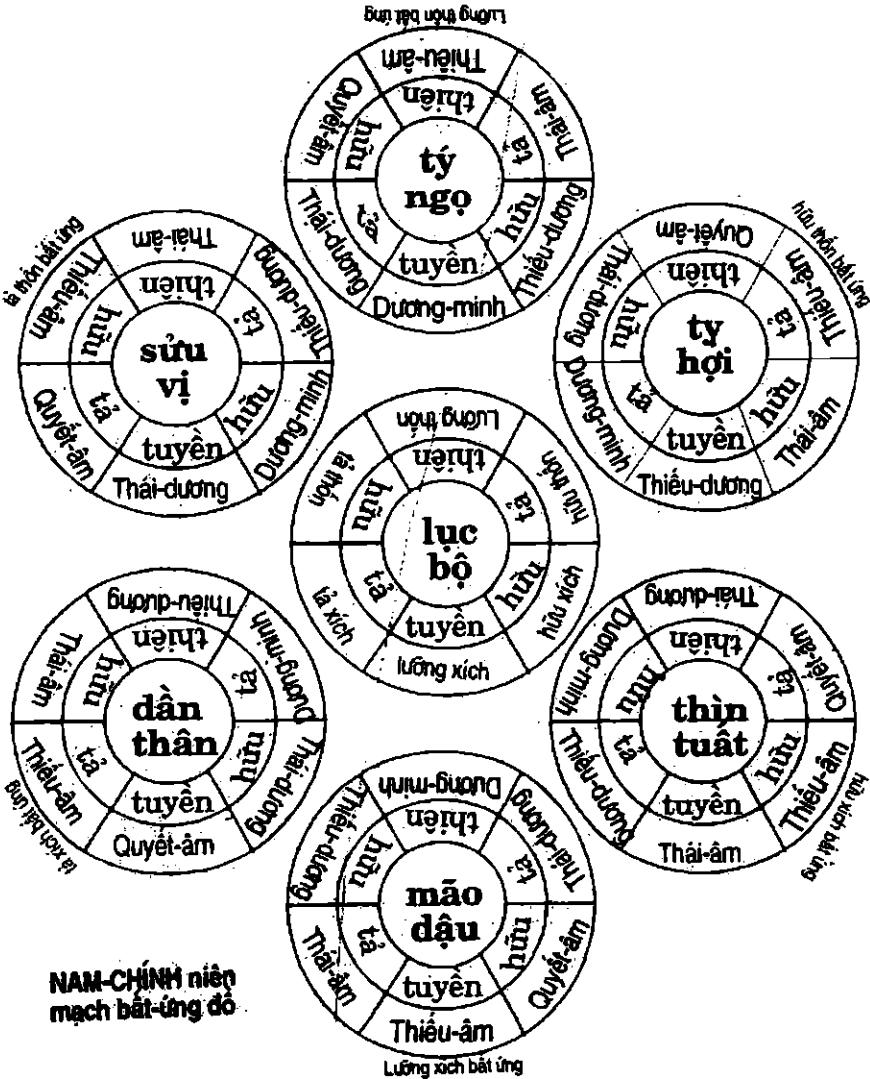
- Những năm mão và dậu thuộc Thiếu-âm Quân-hỏa tại-tuyền, cho nên mạch của luồng Xích bất-ứng.



Biểu đồ : Khách-chú già-lâm:

- Những năm dần và thân thuộc Quyết-âm Phong Mộc tại-tuyền, Thiếu-âm Quân-hỏa tại-tả-gian, cho nên mạch tả Xích bất-ứng.

- Những năm thìn và tuất thuộc Thái-âm Tháp Thổ tại-tuyỀN, Thiếu-âm Quân-hỏa ở tại hữu-gian, cho nên mạch hữu Xích bất-ứng.



Như vậy, tất cả đều cẩn-cứ vào khái-khí ở ngôi Thiếu-âm mà tính ra mạch bất-ứng.

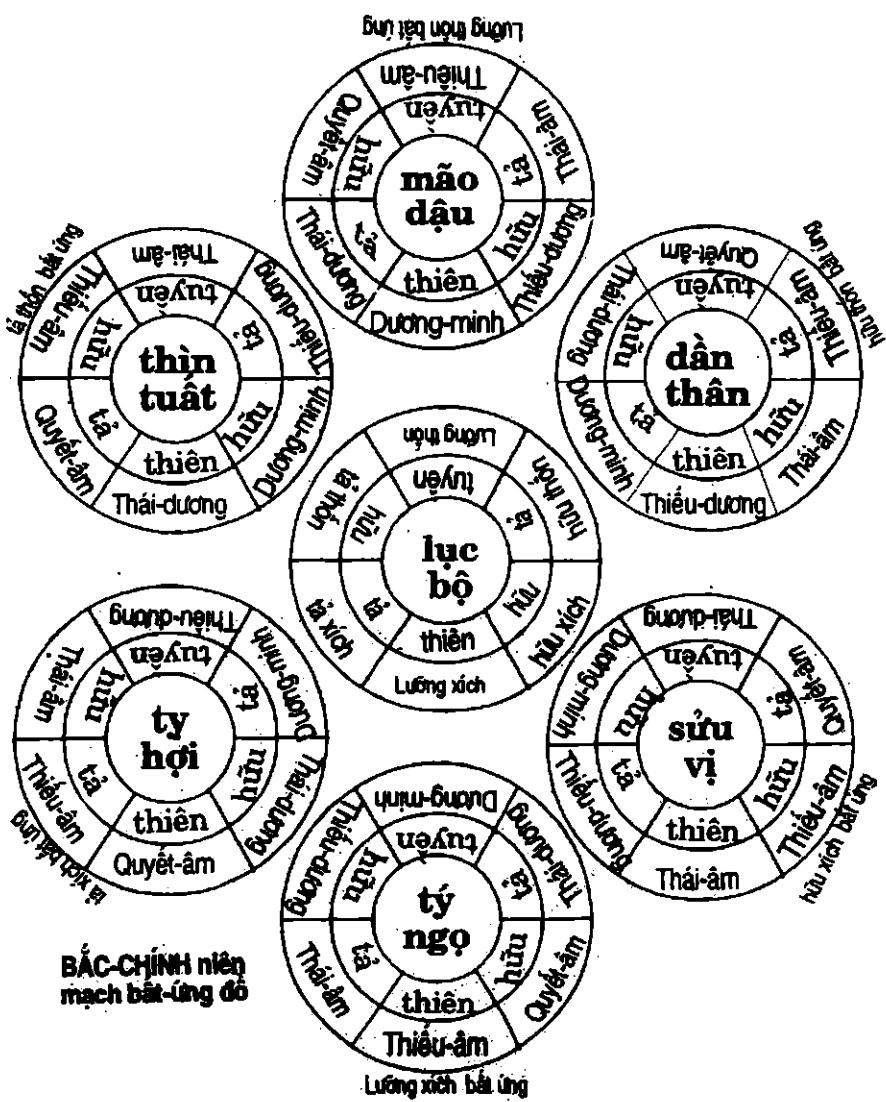
### E3 . - Bắc-chính:

Những năm gọi là Bắc-chính gồm Ất Canh, Bính Tân, Đinh Nhâm, Mậu Quý, tất cả là 48 năm. Bắc-chính dựa vào khí Dương-minh tương-ứng với Thiếu-âm để tính.

Ta chia nói rõ như sau:

- Những năm tỵ và ngọ thuộc Thiếu-âm Quân-hỏa tự-thiên, tương-ứng với Dương-minh: lưỡng Xích bất-ứng.
- Những năm ty và hợi thuộc Quyết-âm Phong Mộc tự-thiên: Thiếu-âm ở tả-gian, cho nên tả Xích bất-ứng.
- Những năm sửu và vị thuộc Thái-âm Thấp Thổ tự-thiên: Thiếu-âm ở hữu-gian, cho nên hữu Xích bất-ứng.
- Những năm mão và dậu thuộc Thiếu-âm Quân-hỏa tại-tuyền, tương ứng với Dương-minh, lưỡng Thốn bất-ứng.
- Những năm dần và thân thuộc Quyết-âm Phong Mộc tại-tuyền : Thiếu-âm ở tả-gian, do đó hữu Thốn bất-ứng.
- Những năm thìn và tuất thuộc Thái-âm Thấp Thổ tại-tuyền : Thiếu-âm ở hữu-gian, do đó tả Thốn bất-ứng.

Sách *Y-tông kim-giám*, phần *Nội-khoa*, qu IV, trang 18 nhận-xét: "Bộ-vị bất-ứng mà được bất-ứng gọi là đặc-khí, cho nên được hòa. Nếu bộ-vị bất-ứng mà ngược lại ứng, gọi là 'đi ngược lại khí', thành bệnh."



*Nếu dáng ứng ở tả mà chạy qua hữu, dáng ứng ở hữu mà chạy qua tả, hoặc ứng ở thượng mà chạy xuống hạ, ứng ở hạ mà chạy lên thượng, gọi là 'phi kỳ vị: không phải ở vị-trí của mình'. Tất cả đều chủ bệnh và có phân năng nhẹ.*

*Trường-hợp năng, mạch Xích và Thốn 'phản Âm Dương' để giao. Ví-dụ mạch Thiếu-âm dáng lê ở bộ-vị 'Thốn bất-ứng' thì ngược lại thấy ở 'Xích bất-ứng', và dáng lê 'Xích bất-ứng' thì lại thấy 'Thốn bất-ứng'. Đó gọi là 'Xích Thốn tương phản', gồm những năm tí, ngọ, mão, dậu.*

*Những năm Thiếu-âm mạch, dáng lê tả bất-ứng, ngược lại thấy hữu bất-ứng, dáng lê hữu bất-ứng, ngược lại thấy tả bất-ứng, đó gọi là 'Âm Dương giao', gồm những năm thìn, tuất, sứu, vị, dần, thân.*

*Trường-hợp này chủ về 'chết', khó sống. Lục-khí xem Quân-hỏa là 'tôn', ngũ-vận xem Tháp Thổ là 'trọng'. Cho nên, Giáp Kỷ là Thổ-vận ở Nam-chính, đó là vì Thổ là thành-số quán-thông các vận của Mộc-Hỏa Kim-Thủy, Thổ ở trung-ương."*

Lê Hữu-Trác nhận-xét tiếp:

"*Bởi vì Thổ là số thành 5 xuyên qua Kim: 4, Mộc: 3, Hỏa: 2, Thủỷ: 1. Vị-trí của Thổ tại trung-ương, ví như nhà vua ngồi ngoảnh mặt về phương nam mà ban-hành mệnh-lệnh (nam diện xung vương, bắc diện xung thần), đó là ý-nghĩa phân-bié特.*

*Mạch ở trong cơ-thể con người cũng tương-ứng nhu thế..."* (HTYTTL, tập II, tr 263).

Tuy-nhiên, **Nội-kinh** vẫn nhắc chúng ta không nên câu-nệ vào mạch một cách máy-móc mà còn phải quan-sát **hình** và **khí** ... Dù sao thì vấn-dề này lại nằm ở phạm-vi khác.

#### F . - **Lục thập-niên VẬN-KHÍ** thương hạ tương lâm :

Trong 60 năm, vận và khí lâm và ngộ ở thương và hạ, có lúc *tương-đắc*, có lúc *bất tương-đắc*. Có 5 trường-hợp xảy ra:

##### 1) - **Khí sinh trung-vận (tư-thiên sinh trung-vận):**

- |                            |                     |
|----------------------------|---------------------|
| a/ Quý-ty, Quý-hợi         | Mộc sinh Hỏa        |
| b/ Giáp-tý, Giáp-ngo       | Hỏa sinh Dương Thổ  |
| Giáp-dần, Giáp-thân        |                     |
| c/- Ất-sửu, Ất-vi          | Thổ sinh Âm Kim     |
| d/- Tân-mão, Tân-dậu       | Kim sinh Âm Thủy    |
| e/- Nhâm-thìn, Nhâm-tuất : | Thủy sinh Dương Mộc |

Như vậy, có tất cả 12/60 năm khí tư-thiên sinh trung-vận, đó là thương sinh hạ, gọi là  *thuận-hóa*. Đó là *tương-đắc chí tuế*.

##### 2) - **Khí khắc trung-vận (tư-thiên khắc trung-vận):**

- |                        |                     |
|------------------------|---------------------|
| a/- Kỷ-ty, Kỷ-hợi      | Mộc khắc Âm Thổ     |
| b/- Tân-sửu, Tân-vi    | Thổ khắc Âm Thủy    |
| c/- Mậu-thìn, Mậu-tuất | Thủy khắc Dương-hỏa |
| d/- Canh-tý, Canh-ngo, |                     |
| Canh-dần, Canh-thân    | Hỏa khắc Dương Kim  |
| e/- Đinh-mão, Đinh-dậu | Kim khắc Âm Mộc     |

Như vậy, có tất cả 12/60 năm, khí tư-thiên khắc trung-vận, đó là thương khắc hạ, gọi là *thiên-hình*. Đó là *bất tương-đắc chi tuế*.

3) Vận sinh thiên-khí (trung-vận sinh tư-thiên):

- |                          |                     |
|--------------------------|---------------------|
| a/- Quý-sửu, Quý-vị      | Âm Hỏa sinh Thổ.    |
| b/- Nhâm-tý, Nhâm- ngọ,  |                     |
| Nhâm-dần, Nhâm-thân:     | Dương Mộc sinh Hỏa  |
| c/- Tân-ty, Tân-hợi      | Âm Thủy sinh Mộc    |
| d/- Canh-thìn, Canh-tuất | Dương Kim sinh Thủy |
| e/- Kỷ-mão, Kỷ-dậu       | Âm Thổ sinh Kim     |

Như vậy, có tất cả 12/60 năm trung-vận sinh tư-thiên. Đó gọi là hạ sinh thương, tuy gọi là tương-sinh, nhưng tử cự mǎu thương, gọi là *tiểu nghịch*, chủ về bệnh nhẹ.

4) Vận khắc Thiên-khí (trung-vận khắc tư-thiên):

- |                          |                     |
|--------------------------|---------------------|
| a/- Ất-ty, Ất-hợi        | Âm Kim khắc Mộc     |
| b/- Bính-tý, Bính- ngọ,  |                     |
| Bính-dần, Bính-thân      | Dương Thủy khắc Hỏa |
| c/- Đinh-sửu, Đinh-vị    | Âm Mộc khắc Thổ     |
| d/- Quý-mão, Quý-dậu     | Âm Hỏa khắc Kim     |
| e/- Giáp-thìn, Giáp-tuất | Dương Thổ khắc Thủy |

Như vậy, có 12/60 năm trung-vận khắc Thiên-khí. Đó là hỷ khắc thương, gọi là *bất-hòa*, gọi là *bất tương-đắc*, chủ về bệnh nặng.

5) Thiên-khí và trung-vận tương-dồng:

a/- Đinh-ty, Đinh-hợi	vận và khí đều thuộc Mộc
b/- Mậu-tý, Mậu- ngọ,	
Mậu-dần, Mậu-thân	vận và khí đều thuộc Hỏa
c/- Kỷ-sửu, Kỷ-vị	vận và khí đều thuộc Thổ
d/- Ất-mão, Ất-dậu	vận và khí đều thuộc Kim
e/- Bính-thìn, Bính-tuất	vận và khí đều thuộc Thủy.

Tuy nói rằng đồng khí, nhưng vì vận có thái-quá, có bất-cập, có tư-thiên, có tại-tuyền, cho nên người xưa đã chia làm những trường-hợp khác nhau: *Thiên-phù, Tuế-hội...*

#### F1. - Thiên - phù:

*Thiên-phù* là khí tư-thiên và khí trung-vận hợp nhau.

*Thiên Lực vi chí đại luận* (Tô-vân 68) viết:

- \* Những năm thuộc Thổ-vận, thượng hiện Thái-âm;
- Những năm thuộc Hỏa-vận, thượng hiện Thiếu-dương và Thiếu-âm;
- Những năm thuộc Kim-vận, thượng hiện Dương-minh;
- Những năm thuộc Mộc-vận, thượng hiện Quyết-âm;
- Những năm thuộc Thủy-vận, thượng hiện Thái-dương."

Chữ *thượng hiện* ở đây chỉ vào khí tư-thiên.

a/- Những năm thuộc Thổ-vận, thượng hiện Thái-âm: *Kỷ-sửu, Kỷ-vị*  
 Kỷ thuộc Thổ-vận, sở-vị thuộc Thái-âm Thấp Thổ tư-thiên. Đây là trường-hợp Thổ-khí và Thấp-khí đồng-hóa.

- b/- Những năm thuộc Hỏa-vận, thượng hiện Thiếu-dương và Thiếu-âm: *Mậu-dần, Mậu-thân, Mậu-tý, Mậu- ngọ.*

Mậu thuộc Hỏa-vận và dần thân thuộc Thiếu-dương Tướng-hỏa tư-thiên; tý ngọ thuộc Thiếu-âm Quân-hỏa tư-thiên. Một thuộc Tướng-hỏa, một thuộc Quân-hỏa, đây là *Hỏa-khí* và *Thủy-khí đồng-hóa*:

c/- Những năm thuộc Kim-vận, thương hiện Dương-minh:

*Át-mão, Át-dậu.*

Át thuộc Kim-vận và mão dậu thuộc Dương-minh Táo Kim tư-thiên. Đây là Kim-khí, Táo-khí đồng-hóa.

d/- Những năm thuộc Mộc-vận, thương hiện Quyết-âm:

*Đinh-ly, Đinh-hợi.*

Đinh thuộc Mộc và ty hợi thuộc Quyết-âm Phong Mộc tư-thiên. Đây là Mộc-khí và Phong-khí đồng-hóa.

e/- Những năm thuộc Thủy-vận, thương hiện Thái-dương:

*Bính-thìn, Bính-tuất.*

Bính thuộc Thủy-vận và thìn tuất thuộc Thái-dương Hán Thủy tư-thiên. Đây là Thủy-khí và Hán-khí đồng-hóa

Tất cả 12 năm kể trên đều là những năm mà khí trung-vận và khí tư-thiên hội-hop, đồng-hóa nhau. Ta gọi những năm này là *Thiên-phù*.

F2 . - Tuế - hội.

*Thiên Lục vi chí đại luận* (Tố-vấn 68) viết:

a/- Mộc-vận lâm mão: năm *Đinh-mão*.

Đinh thuộc Mộc-vận, mão nằm ở chính-vị của Mộc.

b/- Hỏa-vận lâm ngọ: năm *Mậu- ngọ*.

Mậu thuộc Hỏa-vận, ngọ nằm ở chính-vị của Hỏa.

c/- Thổ-vận lâm tú quý: năm Giáp-thìn, Giáp-tuất, Kỷ-sửu, Kỷ-vi.

Giáp và Kỷ đều thuộc Thổ-vận, thìn vị, tuất sủu đều nằm ở vị-trí kỵ-vương.

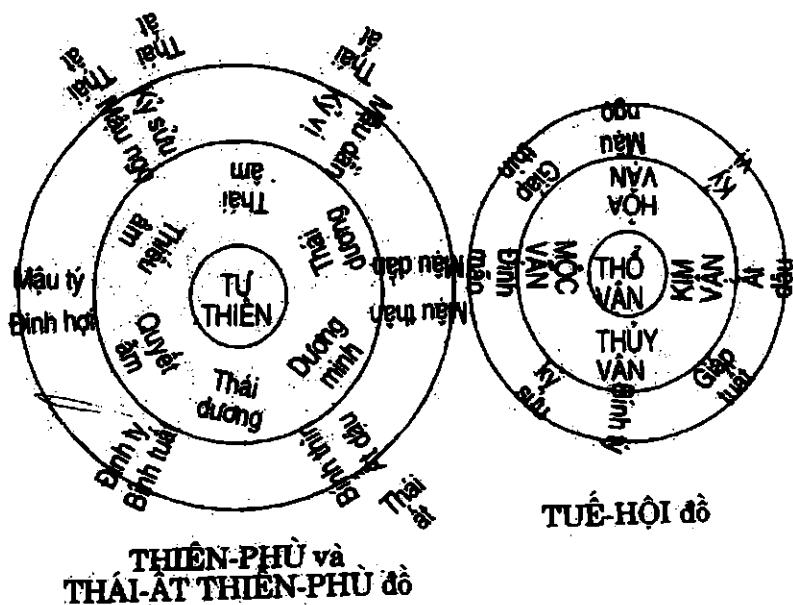
d/- Kim-vận lâm dậu: năm Ất-dậu.

Ất thuộc Kim-vận, dậu là chính vị của Kim.

e/- Thủy vận lâm tý: năm Bình-tý

Bình thuộc Thủy-vận, tý là chính vị của Thủy.

Tất cả 8 năm trên đều là những năm mà khí trung-vận và khí tuế-chi đồng-hoa, tức là bản-vận lâm bản-khí, bản-khí thừa lên bản-vận. Đây gọi là năm 'Tuế-hội'.



#### F3 - Thái-át Thiên-phù :

Những năm vừa là *Tuế-hội*, vừa là *Thiên-phù*, gọi là *Thái-át Thiên-phù*. Bốn năm Mậu-ngo, Ất-dậu, Kỷ-sửu, Kỷ-vi đều nằm trong *Tuế-hội* và *Thiên-phù*, do đó gọi là *Thái-át Thiên-phù*. Đây cũng gọi là sự hội-hop của 3 khí: Thiên-kí, trung-vận, tuế-chi.

#### F4 - Đồng Thiên-phù.

Những năm Dương niên, tức là khí trung-vận thái-quá tương-hợp với khách-kí tại-tuyền, gọi là *Đồng Thiên-phù*.

Thiên *Lục nguyên chính kỷ đại luận* (Tố-vấn71) viết:

"*Kí thái-quá đồng-hóa với Địa-kí, gồm có 3:*

- Giáp-thìn, Giáp-tuất: *Thái-cung hạ gia Thái-âm.*

- Nhâm-dần, Nhâm-thân: *Thái-giốc hạ gia Quyết-âm.*

- Canh-tý, Canh-ngo: *Thái-thương hạ gia Dương-minh.*"

Kí tại-tuyền tuy là thuộc khách-kí, nhưng vì là Địa-kí, vận nằm dưới trung-vận, vì thế được gọi là *hạ gia*.

a/- Năm Giáp-thìn, Giáp-tuất: Giáp là Dương Thổ thuộc thái-cung, thìn và tuất thuộc Thái-âm Tháp Thổ tại-tuyền. Đây là vận Dương Thổ hợp với Tháp-kí tại-tuyền.

b/- Năm Nhâm-dần, Nhâm-thân: Nhâm thuộc Dương Mộc, thuộc thái-giốc; năm dần và năm thân thuộc Quyết-âm Phong Mộc tại-tuyền. Đây là trường-hợp vận Dương Mộc hợp với Phong-kí tại-tuyền.

c/- Năm Canh-tý, Canh-ngo: Canh thuộc Dương Kim, thuộc thái-thương; năm tý và ngo thuộc Dương-minh Táo Kim tại-tuyền. Đây là trường-hợp vận Dương Kim hợp với

Táo-khí tại-tuyền.

Sáu năm trên là những năm Dương-vận đồng-hóa với bǎn-khí tại-tuyền. Ta gọi là Đồng Thiên-phù.

#### F5 - Đồng Tuế-hội.

Phàm những năm Âm-niên, khí trung-vận bất-cập, tương-hợp với khách-khí tại-tuyền, gọi là Đồng Tuế-hội.

Thiên Lục nguyên chính kỷ đại luận (Tô-vấn 71) viết:

"Khí bất-cập đồng-hóa với Địa-khí có 3:

- Quý-ty, Quý-hợi: Thiếu-chủy hạ gia khí Thiếu-dương.

- Tân-sửu, Tân-vị: Thiếu-vũ hạ gia khí Thái-dương.

- Quý-mão, Quý-dậu: Thiếu-chủy hạ gia khí Thiếu-âm."

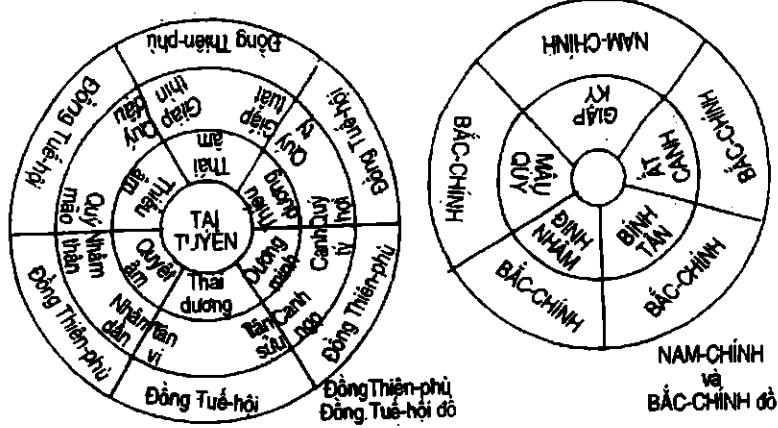
a/- Bốn năm Quý-ty, Quý-hợi, Quý-mão, Quý-dậu:

Quý thuộc Hỏa-vận bất-cập, thuộc thiếu-chủy. Những năm ty và hợi thuộc Thiếu-dương Tướng-hóa tại-tuyền. Mão và dậu thuộc Thiếu-âm Quân-hóa tại-tuyền. Đây là trường-hợp Âm Hỏa vận, một hợp với Thiếu-dương Tướng-hóa của khách-khí tại-tuyền, một hợp với Thiếu-âm Quân-hóa của khách-khí tại-tuyền.

b/- Hai năm Tân-sửu và Tân-vị:

Tân thuộc Âm Thủy, thuộc thiếu-vũ. Những năm sửu và vị thuộc Thái-dương Hán Thủy tại-tuyền. Đây là trường-hợp Âm Thủy vận hợp với Thái-dương Hán Thủy của khách-khí tại-tuyền.

Những năm này thuộc Âm-vận đồng-hóa với khách-khí tại-tuyền. Vì thế gọi là Đồng Tuế-hội.



### G . - NGŨ VẬN LỤC KHÍ và sự GÂY BỆNH:

Vì phạm-vi hạn-hẹp của quyển sách, chúng tôi chỉ xin trình-bày phần *Ngũ-vận Lục-khí* và *Ngũ-vận Lục-khí gây bệnh* một cách sơ-lược. Chúng ta sẽ nghiên-cứu đầy đủ trong quyển **Hoàng Đế Nội kinh Tố-vấn** (GS Huỳnh Minh-Đức dịch và chú-giải).

Ở đây, chúng tôi xin trình bày một vài đoạn ngắn trong **Y-tông Kim-giám**, **Y-học nhập-môn**, **Thương-hàn luận..**

**G1 . - Thiên Vận-khí vi bệnh ca (Y-tông Kim-giám)** viết.

"*Ngũ-vận Lục-khí tuy có sự phân-biệt về Thiên Địa, nhưng sự gây bệnh cũng giống nhau ...*

**1/- Mộc và Phong:** Trên Trời là Phong. Ở người là Can.

Dưới Đất là Mộc, Ở thể là cân.

**Phong-khí thông với Can-khí.** Vì thế khi Phong-khí gây bệnh sẽ ảnh-hưởng đến Can Mộc.

*Phong chủ về xoay-chuyển, vì thế nên khi gây bệnh thì đầu và thần-khí bị dao-dộng, mắt hoa, choáng-váng ... Phong mang tính nhanh-nhẹn, khi Phong nhập vào cân thì cân sẽ bị cứng, tứ-chi sẽ bị co-rút, đau-nhức, tạo ra tình-trạng thắt-thường, khó xoay trở mình. Nếu nó nhập vào lý thì sườn bị đau. Đó là Phong-khí làm thương đến cân, rồi chuyển vào lý để gây bệnh.*

2/- Hỏa và Nhiệt: Trên Trời là Nhiệt, ở người là Tâm.  
Dưới Đất là Hỏa, ở thể là mạch.

*Nhiệt-khí thông với Tâm-khí, vì thế nên Hỏa-khí gây bệnh đều ảnh-hưởng đến Tâm Hỏa: bệnh ngứa, bệnh nhọt... Nếu bệnh Nhiệt nhẹ thì táo, ngoài da bị ngứa. Nếu bệnh nặng thì như bị phồng, ngoài da sẽ bị đau. Nếu Nhiệt nhập vào kinh-mạch thì sẽ làm huyết ngưng-kết, cạn thi thành ung, sâu thi thành thư, sâu hơn nữa thi làm thương đến tạng phủ. Tâm tàng thần, khi Nhiệt thừa lên đến Tâm thì thần sẽ bất minh, gây ra bất-tỉnh nhân-sự. Tâm chủ về lời nói, khi Nhiệt thừa lên đến Tâm thì thần sẽ không còn phân-biệt được gì nữa, cho nên sẽ không nói chuyện được, hoặc vọng-ngôn, sàm-ngù, thậm-chí phát cuồng. Hỏa và Thủy có thể gây thành chứng tiêu-nhiều. Hỏa làm cho Vị bị bệnh, ói ra chất chua và đắng. Hỏa làm thương đến lòng ngực làm cho vai và lưng bị đau. Nhiệt nhập vào mạch thì huyết sẽ tràn đầy, nếu không ói lên trên thì sẽ tiêu ở dưới, tạo thành chứng thắt huyết.*

3/- Thổ và Thấp: Trên Trời là Thấp      ở người là Tỳ.  
Dưới Đất là Thổ      ở thể là nhục.

*Thấp-khí thông với Tỳ-khí, vì thế nên các bệnh do Thấp-khí gây ra đều gọi Tỳ Thổ. Thấp-khí chứa cả trong lân ngoài, tạo cho bắp thịt bị sưng và bụng bị đầy. Nếu chúng ta uống nhiều nước trong lúc Tỳ không làm tròn chức-năng vận-hành, gây thành bệnh tích nước. Tỳ-khí bị ngung-kết tạo thành khồi cứng, kêt lại và đau. Tỳ chủ về tiêu-hóa cốc-khí, cho nên khi Tỳ bệnh sẽ ăn ít. Tỳ chủ co-nhục, Thấp-khí thăng thì thân mình bị nặng-nè. Tỳ chủ về tú-chi, tú-chi không cử-động được cũng do Thấp-khí gây ra. Tỳ chủ vùng bụng, Thấp-khí thịnh thì bụng bị đầy, đau, ruột sôi, tiêu chảy.*

**4/- Kim và Táo:** Trên Trời là Táo ở người là Phé  
Dưới Đất là Kim ở thê là bì.

*Táo-khí thông với Phé-khí, vì thế nên các bệnh của Táo-khí đều thuộc Phé Kim. Táo-khí làm cho Phé-khí nghịch-hành, tràn đầy lồng ngực, khó chịu, ho, đàm nhót không thôi. Phàm những chứng khô-khan , cứng-rít đều thuộc Táo-khí hóa ra. Táo-khí gây bệnh bên ngoài làm cho da bị khô, lồng bị đứng. Táo nhập vào kinh làm cho cánh tay và hai vai bị đau nhức.*

**5/- Thủy và Hàn:** Trên Trời là Hàn, ở người là Thận.  
Dưới Đất là Thủy, ở thê là cốt.

*Hàn-khí thông với Thận-khí, vì thế nên các bệnh do Hàn-khí gây ra đều thuộc Thận Thủy. Thận thuộc Thủy, gốc của nó là Hàn, mọi sự co lại đều do Hàn-tà hóa ra. Hàn-khí gây rã nôn mửa chất tanh và bẩn, gây ra lạnh*

bên trong và ở tử-chi, gây ra bên chứng đau bụng quặn, cấp, có khối cứng.

G2 . - Thiên Vận-khí (Y-học nhập-môn) viết:

\* 6 năm thuộc Giáp: Thổ-vận thái-quá, do đó Tháp-khí lưu-hành, bệnh Thấp sinh ra, Thận Thủy thọ tà. Phép trị phải trừ Thấp để bồ Thận.

\* 6 năm thuộc Kỷ : Thổ-vận bất-cập, do đó Mộc-khí thừa vượng, Phong-khí hóa ra, Phong bệnh sinh ra. Phép trị phải ích Tỵ để bình Mộc-khí.

\* 6 năm thuộc Bính : Thủy-vận thái-quá, Hàn-khí đại hành, Hàn bệnh sinh ra, Tâm Hỏa thọ tà. Phép trị phải trực Hàn để bồ Tâm.

\* 6 năm thuộc Tân : Thủy-vận bất-cập, Thổ-khí thừa vượng, ngược lại thấy Thấp hóa, bệnh Thấp sinh ra. Phép trị phải bồ Thận để trừ Thấp.

\* 6 năm thuộc Mậu : Hỏa-vận thái-quá, Nhiệt-khí đại-hành, bệnh Nhiệt sinh ra, Phế Kim thọ tà. Phép trị phải giáng Hỏa để bồ Phế.

\* 6 năm thuộc Quý : Hỏa vận bất-cập, Thủy-khí thừa vượng, ngược lại thấy Hàn hóa, Hàn bệnh sinh ra. Phép trị phải bồ Tâm để trực Hàn.

\* 6 năm thuộc Canh : Kim vận thái-quá, Táo-khí lưu-hành, Táo bệnh sinh ra, Can Mộc thọ tà. Phép trị phải thanh Táo để bồ Can.

\* 6 năm thuộc Ất : Kim vận bất-cập, Hỏa-khí thừa vượng, ngược lại thấy Nhiệt hóa, bệnh Nhiệt sinh ra. Phép trị

*phải thanh Phế để giáng Hòa.*

\* 6 năm thuộc Nhâm : Mộc vận thái-quá, Phong-khí dài-hành, Phong bệnh sinh ra, Tỳ Thổ thọ tà. Phép trị phải bình Mộc để bồ Tỳ.

\* 6 năm thuộc Đinh : Mộc-vận bất-cập, Kim-khí thừa vượng, ngược lại thấy Táo-hóa, Táo bệnh sinh ra. Phép trị phải bồ Can để thanh Táo.

Phép tính và phép ứng-dụng của Ngũ-vận lục-khí vào ngành y-học Đông-phương còn là con đường dài đầy hấp-dẫn đối với người nghiên-cứu y-học Đông-phương.

Trong phần *Vận-khí*, (*Y-tông kinh-giám*) viết:

"Những người học y muốn đạt được đạo thường và đạo biến, trước hết cần phải biết cái lý về quan-hệ chủ khách, sau đó phải phán-xét cái tình về sự biến-hóa đột-nhiên. Có như vậy mới rõ được cái khí tạp-hợp muôn hình ngàn vẻ đã gây nên bệnh. Những chứng-hậu muôn hình ngàn vẻ đó đều không thoát khỏi cái lý của Thiên-thời, Địa-hóa của vũ-trụ.

Gặp lúc khí-tiết bất-ứng, ta phải xét Thiên-thời lúc đó là thời nào, Địa-hóa lúc đó là hóa nào, người bệnh lúc đó là bệnh gì, rồi theo thời ấy, hóa ấy, bệnh ấy mà chữa-trị thì không sai. Kê làm y phải để ý đến 'vận-khí' là như vậy."



## *Thiên THƯỢNG*

### *Biện-chứng về MẠCH, CHỨNG và TRỊ PHÁP trong THÁI-DƯƠNG BỆNH*

Dương Dung-Xuyên giảng về Thái-duong: "Thái-duong là Cự Dương của Thiên. Chính-khí của Thái-duong đã tạo nên vạn-vật. Có điều là khí này tuy sung-tắc, tức là tràn đầy trong khoảng Thái-hư, nhưng thực sự, nó phát ra từ trong các dòng nước trong lòng đất. Mặt đất mà chúng ta đang ở, nước chiếm nhiều nhất. Do ở nước nhiều cho nên nó hóa khì cũng nhiều để có thể tràn đầy trong vạn-vật. Ngành hóa-học của Tây-phươngbiết rằng khí được sinh ra từ nước. Do đó họ dùng lửa để dun nước, lấy được khí để làm vận-chuyển động-cơ. Đây là một trong những mặt thực-nghiệm về nguyên-lý "khí sinh ra từ nước". Tuy nhiên, việc làm này thuộc về công-trình của con người. Trong lúc đó Thiên-khí được phát ra từ nước lại không phải do lửa dun nóng, mà chỉ nhờ vào mặt trời giao xuống dưới lúc ban ngày, rồi đến đêm, mặt trời nằm dưới lòng đất để chung cát nước trong lòng đất. Nhờ vậy thủy-khí bốc lên khỏi mặt đất trở thành Dương-khí trên trời.

*Nguyên-lý này không khác với nguyên-lý dùng lửa để đun nước. Nhờ vậy, ta biết được tại sao Dương-khí lại được phát ra từ lòng đất. Dương-khí trong thân-thể con người cũng hoàn-toàn tương-ứng với nguyên-lý trên. Vì thế mới có phủ Thái-dương Bàng-quang Hàn Thủy. Phủ này diều-hành toàn bộ Thủy ở chu thân con người. Thái-dương kinh là con đường đưa khí từ dưới Bàng-quang lên trên đạt ra chu thân để bảo-vệ mặt ngoài của chu thân. Khi này sẽ không hóa được nếu không nhờ khí của Tâm Hỏa đưa xuống dưới giao với thủy để hoàn thành quá-trình chung cất Dương-khí trong con người. Con người có Tâm, ví như Trái Đất có mặt trời. Tâm Hỏa sở dĩ có thể giao xuống dưới đó là nhờ vào Tiêu-trường, vốn là phủ của Tâm. Nó dẫn-dắt Tâm Hỏa giao xuống đến với Thận và Bàng-quang. Gần đây có thuyết cho rằng Bàng-quang chỉ có thượng khẩu: miệng trên mà không có hạ khẩu: miệng dưới. Thuyết này không đúng. Sách Nội-kinh nói rất rõ, rằng Hạ-tiêu đóng vai thượng khẩu của Bàng-quang. Nhiều người không biết rằng Tam-tiêu là một phủ có thực.*

*Chữ 焦 tiêu ngày xưa viết là 焱. Né chính là những mản mõ khắp thân-thể con người, là con đường hành thủy. Nội-kinh viết: "Tam-tiêu là quan-năng khai ngòi nước, thủy-đạo (của con người) xuất ra từ đây."*

*Như vậy, theo Nội-kinh, con đường vận-hành của nước trong cơ-thể đều theo con đường của Tam-tiêu. Khi chúng ta uống nước vào Vị, Vị có những ống nhỏ vi-ti làm thông-*

thể nước sẽ theo con đường này mà tản vào trong màn mõ.

Sở dĩ nước tản được như vậy là nhờ ở sự tuyên-bô của Phé-khi. Do đó ta biết được rằng Phé đóng vai 'thượng nguyên: nguồn nước bên trên'. Nước phân-bô vào các màn mõ để rồi đi vào Bàng-quang. Phần nước còn lại vào Tiêu-trường, nơi đây lại cũng có những ống vi-ti sẽ làm cho nước phát tán ra đi theo con đường của Hạ-tiêu, vào Bàng-quang.

Cho nên, thượng-khẩu của Bàng-quang nằm ở các màn mõ giăng ra của Hạ-tiêu. Đây là con đường đi xổng của Thủy khi nó chưa hóa-khí. Nó phải có Tâm Hỏa giao xuồng dưới để qua một quá-trình khác rồi mới hóa ra khí. Tâm có một con đường thông với Phé. Phàm khi người ta dùng mũi đê hấp( hít vào) khí Dương của Thiên, nó sẽ đi từ Phé qua Tâm, dẫn Tâm Hỏa tuần-hành theo cột sống nhập vào Thận-hệ. Từ Thận-hệ lại nhập vào màn giăng để bô-tán vào Tiêu-trường. Phàm khi nước ở trong màn giăng hoặc là từ Tiêu-trường đi vào đều bị Hỏa chung cắt hóa thành khí. Phần nước chưa hóa sẽ nhập vào Bàng-quang. Dưới đáy Bàng-quang là khí-hải, cũng có tên là huyết-thắt. Đây là một cái phòng to bị kẹp giữa hai màn mõ.

Quá-trình hoá khí bắt nguồn ở huyết-thắt này. Nó sẽ chung-cắt nước trong Bàng-quang, làm cho nước này bốc lên thành khí. Khí này sẽ bốc lên theo con đường của Tam-tiêu lên đến hung-cách, yết-hầu... Đây là con đường hô: thở ra ngoài. Phần khí theo màn mõ ra đến từ chi sẽ theo con đường cơ-nhục, xuất ra ở bì-mao, đó chính là vェ-khí bǎo-

về mặt ngoài của thân-thở—Đây là đại-cương con đường mà Bàng-quang và Tiêu-trường đóng vai hóa khí để bảo-vé bên ngoài được gọi chung là Thái-dương kinh.

Kinh này vận-hành theo hai bên cột sống lưng như đường xích-dạo của mặt trời, gọi là đường đi của Cự Dương-khí. Cổ họng, Phế và bì-mao đều do Phế lãnh-dạo cho nên khí Thái-dương lên trên cũng hợp với Phế.)

Phần phì-nhục( mỡ thịt) bên trong bì-mao gọi là co-nhục. Phần nầm kẹp giữa thịt mỡ và thịt nạc gọi là tấu-lý. Tấu-lý ý nói hình-dạng của nó có nét nhăn-nheo (văn lý). Tấu-lý cũng do Tam-tiêu lãnh-dạo bởi vì nó cũng phát xuất từ bên trong xuyên-thấu ra ngoài để thành lớp mỡ nhăn-nheo này. Từ lớp tấu-lý nhập vào đến phần thịt nạc là đã có sự ràng-buộc của cân: gân. Cân cũng liên-hệ đến mản mỡ bên trong. Tất cả đều theo con đường của Tam-tiêu. Khi nào con đường mản mỡ này bị bất-lợi thì con đường thủy đạo sẽ bất thông. Khi nào cách-mạc ở ngực bị trệ-tắc thì trước ngực sẽ bị 摧 結 bì-kết: kết khói.

Chúng ta phải biết quá-trình tương-thông giữa Tiêu-trường và Bàng-quang và càng phải biết cái lý chung cất giữa Tâm-Thận và Thủy-Hỏa. Có vậy, ta mới biết được rằng sự liên-hệ giữa tạng phủ với nhau toàn do con đường của Tam-tiêu. Tam-tiêu là các mản mỡ. Cân: gốc của nó phát ra ở Thận-hệ, tức Mệnh-môn. Phần trên của nó quy-kết ở Tâm-bào-lạc, đó là con đường cho phép ta có thể đọc được thiên THÁI DƯƠNG trong Thương-hàn luận. Lập-

*luận này phù-hop từng chữ từng câu với nội-dung của Thương-hàn luận của Trương Trọng-Cánh."*



## *Điều 1: 太陽之為病 脈浮頭項*

*Thái dương chi vi bệnh, mạch phù, đau họng  
強痛而惡寒。*

*cường thống nhì ô Hàn.*

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương chủ về lớp ngoài nhất của thân-thể con người, có thể gây bệnh ở kinh mà cũng có thể gây bệnh ở khí. Vì Thái-dương chủ ngoại cho nên mạch cũng ứng theo để thành phù. Kinh nghĩa là gì? Sách Nội-kinh nói rằng: Mạch của Thái-dương liên-lạc với huyệt Phong-phù lên đến đầu và cổ gáy, đi dọc theo cột sống xuống tới thắt lưng, rồi đến chân. Vì nó đi dọc theo lưng cho nên khi gây bệnh sẽ làm cho đầu và cổ gáy cứng, đau nhức. Khí là gì? Nội-kinh viết: Thái dương chi thương Hàn khí chủ chi. Khi gây bệnh có thể do Phong mà ô Hàn, có thể không do Phong mà ô Hàn. Tình-trạng có thể nặng hay nhẹ nhưng nói chung không tránh khỏi ô Hàn. Bởi vì khắp cơ thể con người có tám vạn bốn ngàn hào mao. Khi Thái-dương nằm ngoài nhất. Nếu Thái-dương của Thiên làm bệnh kinh của Thái-dương trong người sẽ gây nên chứng ô Hàn.*

**Đại-ý:** Đây là đề-cương về Thái-dương gây bệnh.

**Đường Dung-Xuyên bô:** "Thái-dương chủ ngoại, cho nên mạch cũng ứng theo để phù. Thế nhưng, chúng ta phải

*biết lý-do tại sao mạch lại phải ứng theo, thì mới biết được mạch-pháp của Trọng-Cảnh. Mạch ở đây là huyết-mạch, Nội-kinh gọi là doanh-huyết. Bên ngoài mạch-quản đều là màng mỡ, Nội-kinh gọi là Táu-lý. Táu-lý là con đường vãng lai của vệ-khí. Cho nên trong khi chẩn mạch, có khi ta chỉ bàn đến mạch-quản, ví-dụ như mạch tê, mạch đại, mạch sáp... , có khi ta chỉ bàn đến khí-phận, ví-dụ như mạch phù, mạch trầm, mạch khẩn... Mạch-quản chỉ nằm giữa các màng mỡ của táu-lý. Nếu vệ-khí phục-tàng bên trong thì mạch-quản cũng quay vào trong để trầm. Khi vệ-khí vô ra ngoài thì mạch-quản cũng quay ra ngoài để thăng. Vậy mạch khẩn là do vệ-khí bên ngoài mạch-quản đang bị ngăn che không được thư-thả, vì thế nó phải lâm vào tình-trạng cẳng-thăng, tức là khẩn. Trong điều 1 này, mạch phù tức là đang có ngoại cảm ở tại bì-phu. Đây là tình-trạng vệ-khí đang hướng ra ngoài một cách bức-bách làm cho mạch-quản bị đánh tung lên để phù xuất ra ngoài. Khi biến-chứng về mạch, chúng ta nên biết rằng khí ở ngoài mạch, huyết ở trong mạch. Mạch động là lấy gốc ở Tâm, nhưng nguồn của khí lại được sinh từ bên dưới của Thận. Biết được như vậy, chúng ta sẽ biết được mọi mạch-pháp của Trọng-Cảnh."*

*Thứa Sám-Am chú:" Sách Thương-hàn luận chỉ bàn về mạch và chứng, riêng về rêu lưỡi lại không thấy nói đến. Thiên Dương-minh có nói đến một lần, nhưng vẫn chưa đầy đủ. Nhằm mục-dịch giúp cho các bạn học-hỏi, tôi xin*

bổ-sung mỗi điều về rêu lưỡi ... Trong điều 1 này rêu lưỡi màu phải hồng nhuận, hoặc hồng nhạt, rêu phải trắng mỏng."

Ngô Quốc-Dịnh chú:" Ô Hàn tuy thuộc biểu chứng, nhưng cũng có phân-biệt hư và thực. Khi hàn xuất ô Hàn, đó là biểu hư. Không có hàn xuất mà ô Hàn, đó là biểu thực. Muốn giải cơ phát hàn, chúng ta nên chú-ý điểm này."

Nan-kinh nói: "Phù là mạch vận-hành trên cơ-nhực."



## Điều 2: 太陽病發熱汗出惡風

Thái dương bệnh phát Nhiệt, hàn xuất, ô Phong.

## 脈緩者名為中風.

mạch hoãn giả, danh vi trúng Phong.

Dịch nghĩa: Thái-dương bệnh mạch phù, đau và cỗ gáy cũng và đau nhức, khi phát bệnh thấy có ngay chứng phát Nhiệt. Phong thuộc Dương tà. Tính của nó là nhanh-nhẹn, cho nên ta cũng thấy có chứng hàn xuất. Phong tà tấn-công vào cơ-tấu trong lúc đó bên ngoài không phòng-thủ vững-chắc, vì thế ô Hàn, gặp Phong thành ô Phong. Tính của Phong là tấn-mạn, cho nên trong khi mạch phù thêm hoãn. Ta gọi đây là Trúng Phong. Tại sao lại gọi là trúng? Bởi vì tính của Phong là hay động và thay đổi vị-trí. Phong di từ hào-mao nhập vào cơ-tấu, ví như mũi tên băng đá bắn trúng vào người vậy.

**Đại-ý: Luận về Phong tấn-công vào cơ-táu Thái-dương.**

**Dương Dung-Xuyên** chính: "Lý-luận cho rằng Phong thuộc Dương-tà là sai. Trong phần Tụ-lệ, ta thấy có nói: *Uống Quê-chi vừa khỏi cổ, nếu gặp lúc Dương thịnh sẽ chết ngay. Nếu thực Phong thuộc Dương tà, tại sao ta lại có thể uống Quê-chi thang nhầm trợ thêm cho Dương?* Bởi vì trong Lục khí, Phong thuộc Quyết-âm kinh. Điều này tôi có nói rõ trong phần Quyết-âm. Phong và Hàn không thể nào chỉ dùng hai chữ Âm và Dương để phân-biệt một cách rạch-ròi. Ta chỉ biết rằng Hàn làm thương vệ-kí. Vệ-kí bị bê-thúc, vì thế mạch phải khẩn. Phong làm thương doanh. Doanh-huyết thọ thương làm cho huyết-mạch bị nhược, do đó mạch động sẽ hoãn. Lý-luận này tôi có nói rõ trong phần luận về Quê-chi thang. Xin độc-giả không nên tin vào lối nói "Phong thương vệ..." của Thành Vô-Kỷ và cũng đừng cho rằng Phong chỉ thuộc Dương-tà để rồi chúng ta sẽ bị mâu-thuẫn với Quê-chi thang. "

**Thừa Đạm-Am** chú: "Thái-dương bệnh bao gồm cả chứng trúng Phong lẫn thương Hàn. Điều 1 nói chung chứng-trạng của trúng Phong lẫn thương Hàn. Điều 2 này chỉ nói về mạch và chứng của Thái-dương trúng Phong mà thôi. Trong các điều ở phần đầu, ta thấy có các loại phát Nhiệt, như: thực Nhiệt, tà Nhiệt, biếu Nhiệt, nội Nhiệt. Trong điều 2 này, phát Nhiệt thuộc loại thực Nhiệt. Mạch hoãn ở đây chính là cách nói giản-luợc của mạch phù hoãn. Điều 1 nói Thái-dương bệnh mạch phù, đó là nói tổng-quát, bởi

vì trong mạch phù ta còn cảm thấy hoán, đó là vì bên ngoài lớp bì-phu có mồ-hôi làm nhuận da, tức là không làm cho căng-thẳng (khẩn). Điều 2 này nói trùng Phong, có nghĩa như lối nói thông thường thương Phong, nó khác hoàn toàn với chứng trùng Phong đột nhiên bị té nhào mất lệch, miệng méo, bất tỉnh nhân-sự."

**Thiệt chung:** Màu lưỡi phái hồng nhuận bình thường, hoặc nhạt; rêu trắng mỏng.

Ngô Quốc Định chú:" **Thương-hàn** luận có nói về các chứng hạn: tự hạn, đạo hạn, đầu hạn, thủ túc hạn, và vô hạn ... Khi nó phát ra ngoài có Nhiệt, có Hàn, nhưng đều là tân-dịch. Chính vì mồ-hôi là tân-dịch trong con người, nguồn của nó là ở Vị, cho nên tam Dương chủ Nhiệt mà có mồ-hôi: Thái-dương thì phát Nhiệt, ô Hàn, mồ-hôi xuất ra từ cơ-biểu, đây là lớp cạn nhất. Dương-minh thì không ô Hàn, ngược lại chỉ ô Nhiệt, mồ-hôi xuất ra do tà đã nhập vào Vị, đây là lớp sâu nhất; Thiếu-dương thuộc vãng lai Hàn Nhiệt, nếu không là mồ-hôi đầu thì mồ-hôi trộm, đó là tà-khi đang ở hung-cách nhập sâu vào Thái-dương và nhập cạn vào Dương-minh.

**Tam Âm chủ Hàn,** nhưng cũng có mồ-hôi: Thái-âm mồ-hôi không ở thân mà ở đầu, sở dĩ ở đầu là do ú Nhiệt phát hoàng, phép trị giống như Dương-minh. Thiếu-âm phép trị giống như Quyết-âm. Quyết-âm nếu đã phát Nhiệt hoặc sẽ phát Nhiệt, mạch không đến, từ chi quyết lạnh, đại hạn xuất, đây là thời-kỳ cực nguy-hiểm, trong ngoài đều kiệt,

*không ở vào trường-hợp phân-biệt Hàn-Nhiệt nữa. Nếu bàn về tân-dịch, chúng ta thấy tuy chứng-Nhiệt có đáng sợ nhưng vẫn không nguy bằng chứng-Hàn.*

*Ô Phong thuộc Dương-chứng, chỉ phân biệt ở khinh và trọng mà thôi không giống như ô Hàn, phải phân biệt bằng Âm và Dương, vì thế tam Âm không có chứng ô Phong. Quê-chí thang, Quê-chí già Cát-cần thang, Cát-cần thang dùng cho ô Phong khinh chứng; Ma-hoàng thang, Sài-hò thang, Bạch-hò già Nhàn-sâm thang thuộc ô Phong trọng chứng. Quê-chí già Phụ-tử thang, Cam-thảo Phụ-tử thang thuộc ô Phong và các biến-chứng."*

*Thành Vô-Ký chú trong Minh-lý luận:*" Ô Phong ý nói có những người thường ở trong phòng kín-dáo, có màn che sáo phủ, ấm-áp dễ chịu không có gì lo sợ cả. Kịp đến lúc ngồi chõ có quạt, hoặc đứng trước nơi có gió thổi, họ sẽ cảm thấy ấm-ôn lạnh, đó gọi là ô Phong vậy,"

*Vương Băng chú:*" Mạch hoãn có nghĩa là mạch trong trạng-thái lai đi chứ không có nghĩa là trì-trệ, chậm lai."

*Uông Hô chú:*" Mạch hoãn nên hiểu là mạch phù hoãn. Phù là bệnh-mạch thuộc Thái-dương; hoãn là bệnh-mạch thuộc trung Phong."

*Trương Cảnh-Nhạc chú:*" Mạch hoãn có Âm, có Dương:

*a.- Mạch thung-dung hòa-hoãn, phù trầm đắc trung, đó là chính mạch của người bình-nhân.*

*b.- Mạch hoãn mà hoạt dai, đa số thực Nhiệt, đúng như Nội-kinh nói.*

c.- *Mạch hoãn mà trì tê, da số hú Hàn.*

Tuy nhiên, thực Nhiệt tắt phải hoãn đợi mà hữu lực, phần lớn gây thành phiền Nhiệt, thuộc các chứng mieng hôi, chứng ung nhọt, nhụy tiên bất lợi. Hoặc có khi do thương Hàn vừa khỏi, dù Nhiệt chưa sạch, phần nhiều có mạch hoãn. Trường-hợp hú Hàn thì mạch tắt hoãn mà trì tê. Đó là Dương hú, ô Hàn, đau nhức, huyền-vụng, ăn uống không tiêu... Trường-hợp đàm bà kinh trì, huyết thiểu, thất huyết, ra huyết, phàm các chứng sang độc ngoại chứng, hoặc trùng Phong sản hậu, khi nào có mạch hoãn thì bệnh được xem là dễ trị."

Đái Nguyên-Lê chú:" Bệnh nhẹ gọi là cảm; nặng hơn gọi là thương, nặng hơn nữa gọi là trúng. Vì thế chứng trúng Phong mà Thương-hàn luận đã nói là chỉ vào trường-hợp trọng-chứng của thương Phong. Đời sau người ta thường gọi cảm-mạo là khinh-chứng của thương Phong."



*Điều 3: 太陽病或已發熱或未  
發熱必惡寒體痛嘔逆脈陰*  
Thái dương bệnh, hoặc dí phát Nhiệt, hoặc vi  
phát Nhiệt, tắt ô Hàn, thè thống, ảu nghịch. Mạch Âm  
**陽俱緊者名曰傷寒.**

Dương câu khẩn giả, danh viết thương Hàn

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương bệnh mạch phì, đau và cỗ gáy cứng, đau nhức, lại có thêm chứng Âm tà, nhất thời hoặc đã phát Nhiệt, tà-khí đang ở sâu. Lâu ngày Dương-khí bị nhược. Lúc bấy giờ hoặc chưa phát Nhiệt. Dù có sự khác nhau về đã phát Nhiệt hoặc chưa phát Nhiệt, nhưng tất phải ô Hàn, bởi vì thương Hàn là phải ô Hàn, nếu chưa gặp Phong cũng cảm thấy Hàn; thân-thể đau nhức do Hàn-tà vây hâm bên ngoài làm thương-tốn đến khi Thái-dương toàn thân; chứng ẫu nghịch do Hàn tà xâm-nhập vào trong làm cho cốc-khí không nạp; mạch Âm xích và Dương thốn đều Khản, bởi vì Thái-dương bắn là Hàn thêm nữa lại gặp ngoại Hàn, lưỡng Hàn ngưng-tụ bên trong. Đây không thể gọi là Thái-dương trúng Phong mà phải gọi tên là thương Hàn. Tại sao lại phải gọi là thương Hàn? Bởi vì lớp phu-biểu bên ngoài bị tổn-thương.*

**Đại-ý:** Đây luận về Hàn khí làm tổn-thương đến lớp phu-biểu thuộc Thái-dương.

**Thừa Đạm-Am chú:** "Điều 2 nói về mạch-chứng của Thái-dương trúng Phong, điều 3 này nói tiếp về mạch-chứng về Thái-dương thương Hàn. Bởi vì Thái-dương bệnh bao gồm cả hai chứng trúng Phong và thương Hàn. Vì thế chúng ta thấy ngay trong phần mở đầu, Trọng-Cánh đã đưa rõ ba điều cương-lanh."

**Thiệt chứng:** Thiệt chất đáng lẽ phải hồng nhuận hoặc đậm nhuận, rêu phải trắng mỏng, hoặc hơi dày một tí.

**Phương Hữu-Chấp** chú:" *Chữ hoặc ý nói chưa nhất định. Hàn thuộc Âm, Âm không Nhiệt, bởi vì nó ở khái概念 Dương-kinh, hai khí Âm Dương cùng tranh nhau, mà tranh nhau thì phải phát Nhiệt. Câu 'đã phát Nhiệt' ý nói thời đã đến, cả hai thực sự đang tranh nhau gây ra Nhiệt. Câu 'chưa phát Nhiệt' ý nói lúc ban đầu khi chỉ bị uất nhưng chưa tranh nhau. Nội-dung nói về phát Nhiệt xảy ra bất nhất, những nhất định phải xảy ra.*"

**Tiền Hoàng** chú:" *Thân-thể đau nhức* ý nói Hàn-khí làm tổn-thương doanh-phận. Doanh tức là khí tinh-chuyên trong huyết-phận. Huyết tại trong mạch, nương theo doanh-khí để trôi chảy nuôi dưỡng toàn thân. Đây là trường-hop Hàn-tà xâm-nhập vào vùng huyết-mạch làm cho doanh-khí bị rít, không trôi chảy một cách thư-sướng, vì thế cốt-tiết trong toàn thân bị đau nhức."

**Y-tông kim-giám** chú:" *Khi ở trong Vị bị Hàn-tà ràng buộc không phát-việt được ra ngoài vì thể bị ầu-nghịch.*"

**Ngô Quốc-Định** chú:" *Nay xét chúng thương Hàn trên thuộc ý-nghĩa hẹp của Ma-hoàng thang, hoàn toàn không quan-hệ đến ý-nghĩa rộng của sách Thương-hàn luận.*"



#### **Điều 4: 傷 寒 一 日 太 陽 受 之 脈**

**Thương hàn nhất nhật Thái dương thọ chi, mạch**  
**若 靜 者 為 不 傳 也 頗 欲 吐 若**

nhược tĩnh giả; vì bắt truyền dã. Phả dục thở, nhược

# 躁 煩 脈 數 急 者 為 傳 也

táo phiền, mạch sác cáp giả, vi truyền dã.

**Dịch nghĩa:** Thương-hàn một ngày, khí Thái-dương thọ bệnh. Vì Thái-dương và Thiếu-âm cùng biều lý nhau, mạch dương như là an-tĩnh, không sác cáp. Đây là trường-hợp bệnh dừng lại ở Thái-dương, không truyền đến Thiếu-âm vậy. Nhiều lần muôn ói, vì đây là chứng muôn ói mà không ói được thuộc Thiếu-âm. Nếu kiêm xuất-hiện chứng Táo của Túc Thiếu-âm và chứng Phiền của Thủ Thiếu-âm, mạch sẽ sác cáp mà không an tĩnh, đó gọi là truyền. Thương Hàn là nhu thể, trúng Phong cũng thể.

**Đại ý:** Căn-cứ vào sự biến-hóa của mạch-chứng để chẩn-doán bệnh thương Hàn truyền hay không truyền.

**Sо-sánh dị bản:** Các bản của Trần Tu-Viên, Ngô Quốc-Định, Thành Vô-Ký ... đều viết: "Phà dục thô nhược táo phiền, mạch sác cáp giả vi truyền dã." Bản của Thừa Đạm-Am không có 3 chữ Phà dục thô.

**Thừa Đạm-Am chú:** "Chứng trúng Phong hoặc thương Hàn lúc sơ khởi, bệnh còn ở biều, bệnh-nhân thấy phát Nhiệt, ô Phong hoặc ô Hàn, mạch tắt phù, hoặc phù kiêm hoan, hoặc phù kiêm khẩn, tiếp theo đó là biến thành vãng lai Hàn Nhiệt, hoặc phiền khát tráng Nhiệt. Đó chính là biến bệnh mà biến thành bệnh bán biều bán lý thuộc Thiếu-dương, hoặc bệnh lý Nhiệt thuộc Dương-minh. Sách vở gọi đây là truyền biến hoặc truyền kinh... Chủ mạch tĩnh

trong điều này chỉ vào mạch phù hoặc phù hoãn, hoặc phù khẩn, thích-hợp của Thái-dương bệnh, không thể hiểu là hoà-hoãn, bình-tĩnh được... Nếu phù mà kèm theo sác, tức là bệnh đã vào đến Dương-minh, và nếu phù có cấp như giương cung bắn tên, tức là bệnh đã nhập vào Thiếu-dương ... Mạch của Dương-minh bệnh là sác đại, mạch của Thiếu-dương bệnh là huyền... Theo Mạch-kinh thì trong khoảng một hô một hấp, mạch nhảy 5 chí là chính thường, nhảy quá 5 chí gọi là mạch sác, nhảy không đủ 5 chí gọi là mạch trì. Mạch sác là mạch hữu Nhiệt, mạch trì là mạch hữu Hàn, càng sác càng Nhiệt, càng trì càng Hàn... Màu lưỡi trong tình-trạng bình thường thì rêu lưỡi phải mỏng và mềm, như vậy bệnh chưa có xu-thể truyền-biến. Nay nếu màu lưỡi đỏ đến đậm, rêu mỏng đến dày, rồi lại chuyển thành vàng, đó là triệu-chứng bệnh đã truyền vào lý. Như vậy, việc chẩn bệnh còn phải quan-sát màu và rêu lưỡi nữa."



### Điều 5: 少陽 明 日 三 二 寒 傷

Thương hàn nhị tam nhật Dương minh, Thiếu dương  
證不見者為不傳也.

chứng bất hiện giả, vi bất truyền dã.

Dịch nghĩa: Nay lại nói về khí của lục kinh truyền nhau, thương Hàn hai ngày, đúng vào ngày mà khí Dương-minh làm chủ, ba ngày, đúng vào ngày mà khí Thiếu-dương

*làm chủ, vây mà những ngoại chứng như thân Nhiệt tự hạn không ô Hàn lại ô Nhiệt của Dương-mình và những ngoại chứng như miệng đắng, cổ khô mất hoa của chứng Thiếu-dương không thấy hiện ra, đó là khi đã truyền mà bệnh lại không truyền theo khí. Chứng thương Hàn là như thế, có thể suy ra chứng trúng Phong cũng thế; hai kinh này là như thế, có thể suy ra các kinh khác cũng thế.*

**Đại ý:** Cả điều 4 và 5 đều luận về truyền nhau, nhưng điều 4 luận về truyền nhau giữa Âm Dương biếu lý, điều 5 luận về truyền nhau của khí và bệnh của lục kinh.

**So-sánh dị bản:** Thừa Đạm-Am viết thêm trong điều 5 này: ..."vi bất truyền dã. Phả dục thổi, nhược Táo phiền giả, vi truyền dã."

**Phương Hữu-Chấp chú:** "Điều 4 trên dựa vào Thái-dương để luận về mạch, điều 5 này lại dựa vào Dương-mình và Thiếu-dương để luận về chứng. Phương-pháp lý-luận này cùng làm sáng tỏ cho nhau. Bàn về bất truyền, ta có:

1. *Bất truyền để rồi bệnh sẽ tự khỏi.*
2. *Mặc dù hai chứng của Dương-mình và Thiếu-dương không hiện ra, nhưng chứng của Thái-dương vẫn chưa khỏi, như vậy, chúng ta vẫn phải dựa vào Thái-dương chứng để xử-lý bệnh. Điều quan-trọng là ta phải cẩn-thận theo dõi các tình-huống để xử-lý, không nên cùu-nệ vào số ngày một cách máy-móc.*"



*Điều 6 +7: 太陽病發熱而渴不惡*

Thái dương bệnh phát Nhiệt nhi khát bát ô  
寒者為溫病若發汗已身灼  
Hàn giả vi ôn bệnh. Nhược phát han dī thân chước  
熱者名曰風溫風溫為病脈  
Nhiệt giả danh viết Phong ôn. Phong ôn vi bệnh mạch  
陰陽俱浮自汗出身重多眠  
Âm Dương câu phù, tự hạn xuất, thân trọng, đa miên  
睡息必鼾語言難出若被下  
thụy, tức tắt hân, ngũ ngôn nan xuất, nhược bị há  
者小便不利直視失溲若被  
giả, tiểu tiện bất lợi, trực thị thất sưu, nhược bị  
火者微發黃色劇則如驚癇  
Hỏa giả, vi phát hoàng sắc, kịch tắc như kinh giản,  
時瘓瘓若火熏之一逆尚可  
thời khiết túng, nhược Hỏa huân chi, nhất nghịch thương khả  
引日再逆促其命  
dẫn nhật, tái nghịch xúc kỳ mệnh.

*Dịch nghĩa:* Vả lại khi Thái-dương bệnh mà phát ra  
ngay, nó sẽ khác nhau giữa chúng trung Phong và thương  
Hàn. Trường-hợp nó không phát ra ngay, thì đúng như  
*Nội-kinh dã nói:* Mùa đông bị thương bởi Hàn thì mùa  
xuân gây ra ôn bệnh. Đây là phục-tà uẩn-súc bên trong mà

*thành Nhiệt. Tà từ trong ra, chúng này làm cho mạch phì, đau và cỗ gáy cứng, đau nhức. Ta gọi đây là Thái-duong bệnh, trong thời sơ-khởi, nó làm cho phát Nhiệt mà khát, không ô Hàn, chúng ta nên phân-biệt ngoài trúng Phong ra, thương Hàn còn có tên là ôn bệnh. Phép trị nên dùng hàn lương để giải, để tán, đó là thuận theo cái của nó để dẫn-dắt nó, ví như Ma hạnh cam thạch thang chẳng hạn. Nếu như không có chứng đau cỗ cứng thông của Thái-duong, chỉ thấy có phát Nhiệt mà khát, không ô Hàn, đó là chứng của bệnh Thiếu-âm, nằm bên dưới Thái-duong. Nội-kinh nói rằng: "Mùa đông không tàng được tinh, mùa xuân tất bị bệnh ôn." Nếu như trong Tâm bị phiền, không ngủ được ta dùng Hoàng liên A giao thang chủ về trị nhẹ; Dương thịnh Âm hư, kinh-lạc khắp chu thân bị Nhiệt-khí bao-bọc, phép trị chỉ cần để ý đến Thái-duong và Dương-minh. Nếu Tâm bị bứt-rứt, trên lưỡi có rêu, ta dùng Chi tú xị thang chủ trị. Nếu khát muốn uống nước, miêng khô lưỡi táo, dùng Bạch-hồ gia Nhân-sâm thang chủ trị. Nếu mạch phì, phát Nhiệt, khát muốn uống nước, tiêu-tiện bất lợi, ta dùng Tru-linh thang chủ trị. Không nên dùng thuốc tân ôn để phát hàn.*

*Nếu như người thầy thuốc dùng thuốc tân ôn sai để phát hàn thì sẽ làm cho Nhiệt-khí đang nội-uẩn bên trong, bắt gặp khí tân-ôn, càng thêm thịnh. Như vậy, sau khi phát hàn, thân-thể không những không mát-mẻ và yên-tĩnh, ngược lại, khi phát hàn xong, thân-thể bị đốt nóng*

*thêm Nhiệt, đó là ôn bệnh bị Phong-dược làm cho bại-hoại thêm để rồi biến thành trầm-trọng hơn, ta gọi tên bệnh này là Phong-ôn. Sự gây bệnh của Phong-ôn làm cho mạch Âm xích và Dương thốn đều phù. Chứng của nó là tụ hạch bị xuất, do bởi cái gốc của Thái-dương bị trúng Phong. Điều đáng lo lớn nhất là nó hoàn toàn biếu-lộ ra bằng những hiện-tượng nguy-hiểm của Thiểu-âm. Thận chủ về cốt, khi Nhiệt-khí ở tại cốt sẽ làm cho thân-thể bị nặng-nè. Nhiệt nhập vào Âm-phận cho nên thân-chí bị hôn-mê mà ngủ nhiều. Mũi mỗi khi thở tắt nghe khò-kè. Vì Thận bị Nhiệt làm cho ủng đến Phế, do đó lời nói khó nói ra, vì Thận Nhiệt làm ủng đến Tâm và vì Thận-mạch lên trên liên-hệ với Tâm và Phế. Nếu như dùng phép hả (xô) một cách sai lầm sẽ làm cho tân-dịch bị kiệt ở dưới khiến cho tiêu-tiện bất-lợi. Nếu tân dịch bị kiệt ở trên sẽ làm cho mục-hệ bị khẩn-cấp và mắt bị ngó thẳng, sau đó Thận-khí cũng bị tuyệt, không còn ràng-buộc được với khí Thái-dương, do đó sẽ bị chứng không đi tiêu được.*

*Thật nguy thay, nếu như càng bị Hoả cứu hoặc đốt kim để châm, đó là ta đã dùng Nhiệt để tấn-công Nhiệt. Thận-khí bị bại, sẽ xuất-hiện hiện-tượng khắc-công. Nếu nhẹ thì bì-phu sẽ phát ra màu vàng, vì Thổ khắc Thủy. Nếu nặng đến nguy-kịch thì Nhiệt sẽ kháng và tấn-công vào Tâm, sinh ra chứng như kinh giàn. Nhiệt cực sẽ sinh Phong, thường xảy ra chứng khiết túng. Phần bì-phu không ngừng phát ra màu vàng giống như là dùng lửa đốt*

*nóng* vậy. Nếu trên mặt hiện ra màu đen lẩn trong màu vàng, đó là vì đã bị hai lần nghịch: một do bị hả, một do bị Hỏa. Bị một nghịch còn có thể kéo dài chuỗi ngày sống, còn như bị tái (2 lần) nghịch thì mạng sống sẽ bị rút ngắn. Từ đó suy ra, phàm uống các loại thuốc tiêu-hóa hoặc dẫn-dắt đều có thể phạm vào điều cấm của việc bị hả (xổ); hoặc uống các loại thuốc tân và Nhiệt đều có thể phạm vào điều cấm của việc dùng Hỏa thiêu đốt. Khuyên thầy thuốc nên cẩn-thận vậy.

**Đại-ý:** Cả hai điều trên đây đều nói về ôn bệnh trong phạm-vi của Thái-dương. Nếu chúng ta trị sai làm sẽ biến ngay thành bệnh Phong-ôn.

**Chú-ý:** Đây là vấn-dề thứ-tự của các điều trong sách Thương-hàn luận. Điều 6 và 7 trên đây có người ghép lại thành một điều duy nhất, có người lại chia ra làm ba điều riêng-rẻ. Về mặt ý-nghĩa của nội-dung, sự phân chia đã có gây ra những xáo-trộn ít nhiều, nhưng nói cho cùng, sự xáo-trộn này không lớn lắm để có thể làm sai lệch nội-dung chung của toàn quyển sách. Dù sao, chúng ta cũng sẽ không thể nào khi dẫn chứng nội-dung của Thương-hàn luận mà chỉ nêu đơn-thuần: điều 5, điều 7, điều 30 ... như các giáo-trình về Thương-hàn luận trước đây đã làm. Xin độc-giá nêu chú-ý và nêu cẩn-thận về vấn-dề này.

**Thừa Đạm-Am** chú : " *Chữ thương Hàn trong sách Thương-hàn luận bao-quát mọi chứng-trạng Nhiệt-bệnh thuộc ngoại cảm. Cái gọi là thương Hàn chính là tổng danh-xưng của bệnh ngoại cảm. Vì thế Nan-kinh có nói: 'Thương*

Hàn có năm loại: trúng Phong, thương Hàn, Thấp ôn, Nhiệt bệnh, ôn bệnh.' Tất cả đều thuộc bệnh ngoại cảm. Trong đó, chứng thương Hàn trong Thái-dương bệnh là một trong năm chứng nói trên. Chứng ôn bệnh trên cũng là một trong năm chứng nói trên."

Vưu Tại-Kinh chú:" Đây là chứng-trạng ôn bệnh, đối chiếu với thương Hàn. Thương Hàn biến, sẽ thành Nhiệt, cho nên phải truyền kinh rồi mới thành chứng khát; còn ôn bệnh thì không đợi truyền biến, cho nên khi còn ở Thái-dương thì đã có chứng khát rồi. Thương Hàn là chứng mà Dương bị Hàn làm uất vì thế nên thân phát Nhiệt mà ôi Hàn; Ôn bệnh là chứng mà Dương bị tà-khí dẩn-dắt vì thế phát Nhiệt mà không ôi Hàn."

Trương Lộ-Ngọc chú:" Chứng phát Nhiệt mà khát, không ôi Hàn là đề-cương của ôn bệnh từ trong phát ra ngoài. Phàm lúc mới phát bệnh không ôi Hàn mà phát Nhiệt, phiền khát ngay, trong khoảng ba bốn ngày có khi bụng bị đầy, hoặc há lợi, đó là ôn bệnh. Nếu như trước ôi Hàn, phát Nhiệt, ba bốn ngày sau biểu tà truyền biến, biến thành phiền khát, đó là do Nhiệt tà của thương Hàn truyền vào lý trở thành nội thực vậy."

Tử Linh-Thai chú:" Nếu chỉ phát Nhiệt mà khát đó là tân dịch ở Thiểu-âm bị khuyết, nhưng bệnh vẫn đang ở Thái-dương; nếu người bệnh không ôi Hàn thì rõ-ràng đây là ôn bệnh chứ không phải thương Hàn."

**Mạch chứng và thiệt chứng:** "Do kinh-nghiệm, mạch này phải hoạt sác, xích bộ càng hữu lực, màu lưỡi đỏ hồng, rêu lưỡi trắng mỏng".



**Điều 8: 痘有發熱惡寒者發於**  
Bệnh hữu phát Nhiệt ô Hàn giả, phát ư  
**陽也無熱惡寒者發於陰也**  
Dương dā; vô Nhiệt ô Hàn giả, phát ư Âm dā  
**發於陽者七日愈發於陰者**  
Phát ư Dương giả, thất nhật dū; phát ư Âm giả  
**六日愈以陽數七陰數六故**  
lục nhật dū. Dī Dương số thất, Âm số lục cõ  
**也** dā

**Dịch nghĩa:** Bên dưới Thái-dương là Thiếu-âm. Trị bệnh của Thái-dương, tức là phải dự-phòng đến Thiếu-âm. Hai kinh này có tiêu và bản, có Hàn và Nhiệt bất đồng, người thầy thuốc phải biết rõ năm lòngván-dè này mới được. Nội-kinh viết: 'Thái dương chi thương, Hàn khí chủ chi'. Đây là trường-hợp lấy Hàn làm bản, lấy Nhiệt làm tiêu. Nội-kinh lại viết: 'Thiếu âm chi thương, Quân-hỏa chủ chi.' Đây lại lấy Hàn làm tiêu. Bệnh có khi phát Nhiệt ô Hàn, phát ra ở tiêu Dương của Thái-dương vây; có khi vô Nhiệt ô Hàn phát ra ở tiêu Âm của Thiếu-âm vây. Nếu bệnh phát ra ở Dương thì bảy ngày sẽ khỏi bệnh; bệnh phát ra

*ở Âm thì sáu ngày sẽ khỏi bệnh. Đó là vì con số của Dương là bảy, con số của Âm là sáu vậy.*

**Đại-ý:** Điều 8 này đề ra đại-cương về Âm Dương, Hân-Nhiệt, tiêu-bản, nó còn dựa vào con số của Âm Dương để định thời-gian khỏi bệnh. Ngoài ra nó còn nêu lên sự khác biệt của tiêu-bản ở Thủ và Túc. Ví-dụ: *tiêu* của Thủ Thái-dương thuộc Nhiệt, cùng làm biểu-lý với Thủ Thiếu-âm. Khi phát Nhiệt ở Hân là phát ở tiêu-Dương của Thủ Thái-dương. *Bản* của Túc Thái-dương thuộc Hân, cùng làm biểu-lý với Túc Thiếu-âm. Khi vô-Nhiệt ở Hân là phát ở tiêu-Dương của Túc Thiếu-âm vậy.

**Thừa Đạm-Am chú:** "Toàn bộ Thương-hàn luận lấy hai chữ Âm Dương làm tổng-cương, lấy biểu, lý, bán biểu, bán lý làm ba lãnh-vực luận bệnh. Trong biểu, ta còn chia Âm Dương, trong lý cũng có chia Âm Dương. Trong bán biểu, bán lý cũng có chia Âm Dương. Như vậy là thành ra tam Âm, tam Dương. Khi ta nói đến Dương là thường nói đến Nhiệt, nói đến thực; khi ta nói đến Âm là thường nói đến Hân, nói đến hư. Dương ở biểu gọi là Thái-dương; Âm ở biểu gọi là Thiếu-âm; Dương ở lý gọi là Dương-minh; Âm ở lý gọi là Thái-âm; Dương ở bán biểu, bán lý gọi là Thiếu-dương; Âm ở bán biểu, bán lý gọi là Quyết-âm..."

*Phát Nhiệt ở Hân, đó là bệnh phát ở Thái-dương của tam Dương; vô-Nhiệt ở Hân, đó là bệnh phát ở Thiếu-âm của tam Âm...Dù sao thì Thiếu-âm hay Thái-dương đều chủ-bệnh ở biểu, khác nhau chẳng là ở chỗ phát Nhiệt hay*

*không phát Nhiệt mà thôi... Số sinh và thành :*

Thiên nhất sinh Thủy, Địa lục thành chi;  
Địa nhì sinh Hỏa, Thiên thất thành chi;  
Thiên tam sinh Mộc, Địa bát thành chi;  
Địa tứ sinh Kim, Thiên cửu thành chi;  
Thiên ngũ sinh Thổ, Địa thập thành chi.

*Đại-ý nói rằng Cô Âm bất sinh, cô Dương bất trưởng nghĩa là Âm Dương phải hòa hợp thì vạn vật mới hóa sinh.. Bởi vì Thiên Địa đại-biểu cho Âm Dương; Thủy Hỏa Mộc Kim Thổ đại-biểu cho mọi thứ vật-chất trong khoảng Trời Đất. Số 1, 2, 3, 4, 5 là những con số đại-biểu cho Thủy Hỏa Mộc Kim Thổ; từ 1 đến 5 được xem là cô Âm và cô Dương, không thể có biến-hóa. Khi nào từ số 5 cộng thêm 1 vào thì mới có tác-dụng sinh-hóa. Ý nói Dương sinh thì Âm thành, Âm sinh thì Dương thành. Từ số 5 trở đi ý nói vạn-vật sinh ra từ Thổ. 5 cộng với 1 bằng 6, 6 là số chẵn, số chẵn thuộc Âm, vì thế mới nói số Âm thuộc số 6. 5 cộng 2 là 7, 7 là số lẻ, số lẻ thuộc Dương, vì thế mới nói số Dương thuộc số 7."*

Sự giải-thích trên chứng tỏ Thừa Đạm-Am có vẻ am hiểu phần nào về Âm Dương trong Dịch-lý y-lý, nhưng nói chung thì có vài điểm chưa đúng:

1. Cách dùng hai chữ **cô Âm bất sinh** và **cô Dương bất trưởng** sai một cách một cách trầm-trọng, bởi vì theo Kinh Dịch thì **Dương sinh** và **Âm trưởng**.

2. Dùng hóa-học Tây-phương để so-sánh với Âm Dương

ngũ hành rất nguy-hiểm, vì quan-diểm triết-học của Đông Tây khác nhau.

3. Câu nói : " *Thủy Hỏa Mộc Kim Thổ* đại-biểu cho mọi thứ vật-chất trong Trời Đất " cũng rất nguy-hiểm, bởi vì nó sẽ làm cho nhiều người hiểu một cách hời-họt về tính-chất triết-học khí-hóa của Âm Dương ngũ hành. Đây là vấn-dề trọng-tâm của cả nền triết-học Trung-hoa, nhất là khi muốn hiểu rõ y-lý trong quyền Thương-hàn luận. Tôi sẽ cố gắng trình-bày rõ hơn phần tiếp theo dưới đây.

4. Cuối cùng chúng ta cũng không thấy Thừa Đạm-Am giải-thích được tại sao bệnh ở Âm thì 6 ngày khỏi còn bệnh của Dương thì 7 ngày khỏi ?

Tôi có giải-thích ý-nghĩa triết-học này rất rõ trong quyền Dịch-lý y-lý của tôi. Nay xin tóm-tắt lại rồi sau đó sẽ giải-thích ý-nghĩa của số 6 và số 7 trong chu-kỳ khỏi bệnh mà điều 8 của Thương-hàn luận đã nói trên:

Nguyễn Đình-Chiều viết trong Ngữ Tiêu y-thuật văn-dáp:

*Cho hay chỗ diệu hóa-công,*

*Trong động có tĩnh, hết cùng lại thông.* (1953-1954)

Thực vậy, vũ-trụ hữu-hình là quá-trình vận-hành của động và tĩnh, của cùng và thông. Động và tĩnh để sinh và hóa, nhưng sinh hóa phải theo lẽ cùng thông. Bệnh tật cũng chính là quá-trình cùng thông mà thôi. Chu-kỳ vận-hành bị cùng đến không cứu vãn được gọi là chết. Người thầy thuốc chính là người hiểu lẽ cùng thông của Kinh Dịch để tìm cách cứu người bệnh đang ở vào thế cùng

(chết) trả lại thể *thông* (sống). Tuy nhiên theo như Trọng-Cảnh nói trong điều 8 của *Thương-hàn luận*: “*Bệnh phát ở Dương thì bảy ngày khỏi, phát ở Âm thì 6 ngày khỏi*, bởi vì số của Dương là 7, còn số của Âm là 6.” Như vậy, có khi nhờ sự vận-hành sinh-sinh hóa-hóa tự nhiên mà *Dương sinh* và *Âm trưởng* trong người mà con người tự thoát khỏi cái cùng (chết) để trả lại cái *thông* (sống).

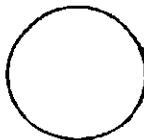
Vấn-dề còn lại của người học *Thương-hàn luận* là phải hiểu thật rõ-ràng tại sao bệnh ở Âm lại liên-quan đến số 6, còn ở Dương lại số 7 ?

Vạn vật hữu hình dù là con người hay các vật khác, theo *Kinh Dịch*, đều phải qua hai quá-trình *sinh* và *thành*. Hai giai-doạn này là một chuỗi biến-hóa liên-tục. Tất nhiên, động-từ *tiến tới*, *tiến sang* được hiểu là nằm trong *thời-gian* mà thời-gian là thời-gian của một vật nào đó trong chu-kỳ biến-hóa hữu-hình của chính nó. Không có một loại thời-gian chung cho mọi loài, mọi vật. Chúng ta trình bày:

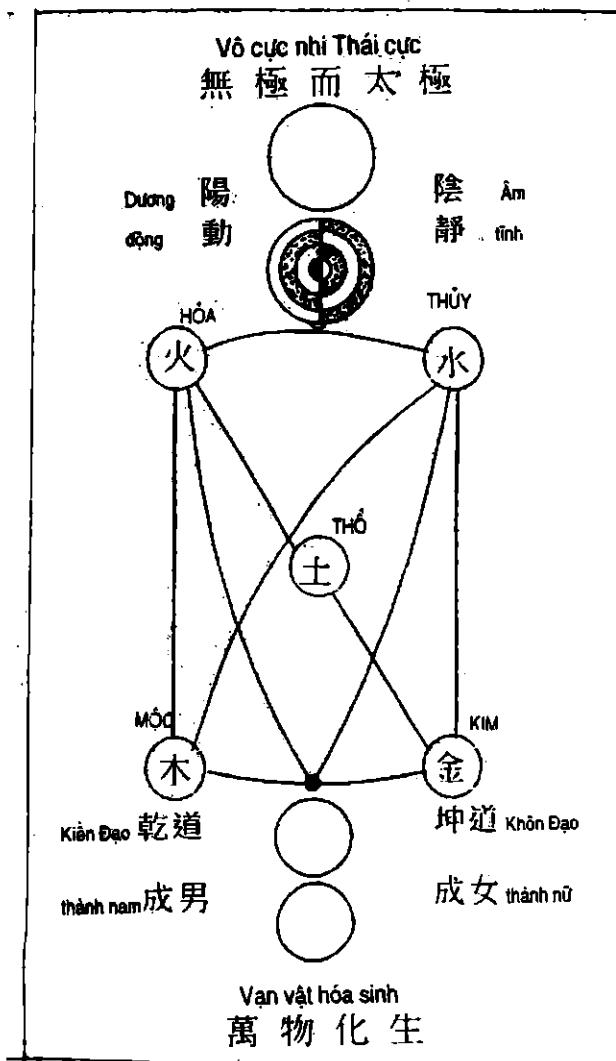
Chu Hy cho rằng vòng tròn này là cái vi-diệu cực bản-nhiên của Thái-cực. *Vô cực nhi Thái cực*, tức là muôn diễn-tả cái bản-thể của Động đi đến Dương, cái bản-thể của tĩnh đi đến Âm.

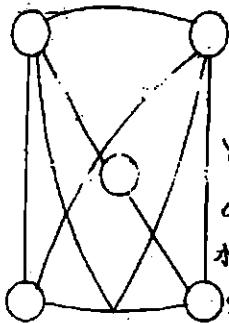
Theo Chu Hy thì vòng này tương-trung cho Âm tĩnh, Dương động. Động để tiến tới Dương.

Tĩnh để tiến tới Âm. Dương động là cái dụng của Thái-cực: động để hành. Âm tĩnh là cái thể của Thái-cực: tĩnh để lập.



1/- Thái-cực đồ của Chu Liêm-Khê:





Đồ hình này diễn-tả Dương biến Âm hợp để sinh ra Thủy Hỏa Mộc Kim Thủ.

火 tượng-trung cho Dương biến.

水 tượng-trung cho Âm hợp

木 Thủy tượng-trung cho Âm thịnh(bên phải)

火 Hỏa tượng-trung cho Dương thịnh (bên trái)

~~木~~ Mộc tượng-trung cho Dương hãy còn non, nên đứng sau Hỏa.

~~金~~ Kim tượng-trung cho Âm hãy còn non nên đứng sau Thủy.

~~土~~ Thổ tượng-trung cho Trung-khí, cư trung-ương. là cái giá, bên trên là Thủy và Hỏa làm gốc cho Âm và Dương. Âm làm gốc cho Dương, Dương làm gốc cho Âm.

Gọi Kiền là nam (thuộc Dương), gọi Khôn là nữ (thuộc Âm) , đó là khí của khí-hóa, đó là khí của Âm Dương hợp lại mà sinh.Tính của nam là cương, tính của nữ là nhu. Nam nữ thành hình, nhưng vẫn có ở mỗi người một Thái-cực. Khi nói rằng *vạn vật hóa sinh*, tức là nói đến giai-đoạn khí hóa thành hình. Hình của giống đực và giống cái hợp nhau mà sinh sinh, hóa hóa ... Mỗi vật hữu hình mang một tính: bay, lặn, động, thực ...Trong số vạn-vật vạn hình ấy, chỉ có con người bẩm-thụ được cái tú-khí. Cái tú-khí đó nằm ở hào *nhi* và hào *ngũ*, cho nên con người là tối linh. Nét tối linh đó biểu-hiện ở Tâm.

Gọi là Thái-cực, nhưng Thái-cực ở đâu ?

Duy có bậc thánh-nhân mới bẩm-thụ được cái *Tinh* và cái *Nhất*, kiêm cả cái *thể* lẫn cái *dụng* của Thái-cực.

Gọi Dương là cái *dụng* của Thái-cực để *hành*.

Gọi Âm là cái *thể* của Thái-cực để *lập*.

Con người lập được rồi thì Thái-cực và Âm Dương ngũ hành không bị làm ngược lại.Chu Hy nhấn mạnh:" *Thủy, chất của nó thuộc Âm, nhưng tính của nó lấy gốc ở Dương. Hỏa, chất của nó thuộc Dương, nhưng tính của nó lấy gốc ở Âm. Thủy, bên ngoài là ám : tối , nhưng bên trong là minh: sáng. Đó là vì nó lấy gốc ở Dương. Hỏa, bên ngoài là minh nhưng bên trong là ám. Đó là vì nó lấy gốc ở Âm. Nhìn trong Thái-cực đồ, trong cái Dương động có lẩn sắc đen, trong cái Âm tĩnh có lẩn sắc trắng là như thế.*"

Theo *Thái-cực đồ* của Chu Liêm-Khê thì quá-trình hình-thành vạn-vật hữu hình phải qua hai giai-đoạn:

**Sinh:** 1, 2, 3, 4, 5 ;    **Thành:** 6, 7, 8, 9, 10.

2/- **Bảng Hà Đồ** biểu-diễn quá-trình sinh thành:

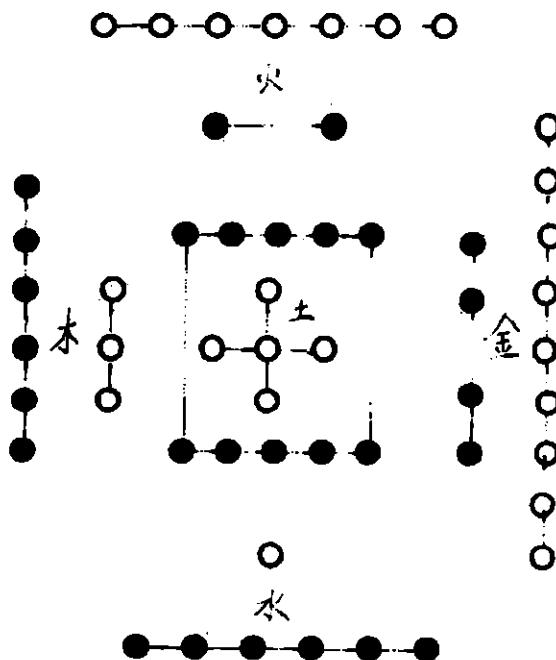
Thiên lấy 1 sinh Thủy;	Địa lấy 6 hóa thành Thủy
Địa lấy 2 sinh Hỏa;	Thiên lấy 7 hóa thành Hỏa
Thiên lấy 3 sinh Mộc;	Địa lấy 8 hóa thành Mộc
Địa lấy 4 sinh Kim;	Thiên lấy 9 hóa thành Kim
Thiên lấy 5 sinh Thổ;	Địa lấy 10 hóa thành Thổ

Các con số trên là chỉ vào giai-đoạn mà con người và vạn-vật tự hình. Tự hình để có hình, có tính, rồi sau đó mới chuyển sang giai-đoạn vận-hành theo con đường *tương sinh, tương khắc*:

*Tiên thiên ngũ hành: Thủy Hỏa Mộc Kim Thổ*

*Hậu thiên ngũ hành : Mộc Hỏa Thổ Kim Thủy.*

Số 1, 2, 3, 4, 5 là giai-đoạn Thủy Hỏa Mộc Kim Thổ chỉ  
mới **sinh** mà chưa hữu hình, khi nào đến số 6, 7, 8, 9, 10  
Thủy Hỏa Mộc Kim Thổ thành, bấy giờ khí của ngũ tạng  
mới **thành** trọn vẹn.



Bảng Hà-dò

Nói tóm lại, câu: "... thất nhật dù, ... lục nhật dù,... dī Dương số thất, Âm số lục cõ dā.", ý nói số 6 biểu-lộ giai-đoạn *Thận-kí thành*, mà Thận thuộc Thái-âm, khí-hóa của tạng Âm thịnh lên, *chính-kí phục-hồi* bệnh tự nhiên sẽ khỏi; ý nói số 7 biểu-lộ giai-đoạn *Tâm-kí thành*, mà Tâm thuộc Thái-dương, khí-hóa của tạng Dương thịnh lên, *chính-kí phục-hồi* bệnh tự nhiên sẽ khỏi. Tất cả dù Âm hay Dương, ở đây, nên hiểu là *chính-kí phục-hồi* thì tà-kí phải lui.



*Điều 9: 太陽病頭痛至七日以*  
Thái dương bệnh đau thống chí thất nhật dī  
*上自愈者以行其經盡故也*  
thượng tự dù giả, dī hành kỳ kinh tận cõ dā  
*若欲作再經者鍼足陽明使*  
Nhược dục tác tái kinh giả, châm Túc Dương minh sử  
*經不傳則愈* kinh bất truyền tắc dù.

*Dịch nghĩa:* Tại sao lại nói rằng bệnh phát ở Dương thì 7 ngày sẽ khỏi ? Xin trình bày tại sao có thể khỏi bệnh: Ví dụ như *Thái-dương* bệnh đau thống, đến đúng trên 7 ngày, ứng với con số lẻ thì bệnh tự khỏi. Đó là vì bệnh của *Thái-dương* tự vận-hành theo kinh của mình cho đến lúc hết trọn con số 7 ngày vậy. Nếu nó vẫn chưa hết mà muốn tái phát ở đường kinh kế tiếp, đó là kinh *Dương-minh* sẽ nhận, nên châm kinh *Túc Dương-minh*, tức là châm huyệt

Túc Tam-lý nhằm tả tà-khí ra khỏi kinh Dương-minh, để cho kinh không thể truyền thêm được nữa, bệnh sẽ khỏi. Suy ra, nếu bệnh phát ở Âm thì 6 ngày khỏi, chúng ta cũng lý-luận như vậy.

**Đại-ý:** Điều này nối tiếp theo điều trên luận về thời-gian tự khỏi bệnh, nêu rõ lên 3 chữ hành kỳ kinh, ý nói nó đang vận-hành theo bản kinh (kinh của chính nó), tức là khác với truyền kinh Lục kinh đều có trường-hợp tự vận-hành và truyền kinh. Ở đây Trương Trọng-Cảnh đã nêu lên kinh Thái-dương để làm mẫu.



### Điều 10. 太陽病欲解時從巳至

Thái dương bệnh, dục giải thời, tùng ty chí  
未時 vị (mùi) thời.

**Dịch nghĩa:** Xét đến số của Âm Dương, ta có thể suy ra ngày khỏi bệnh. Tuy nhiên muốn giải bệnh của lục kinh, ta có thể dựa vào thời nó đang vượng để suy-đoán mà biết được. Thời mà ta muốn giải được bệnh của Thái-dương, đại dê là từ ty cho đến mùi. Bởi vì cả hai thời ty và ngọ thì mặt trời đang giữa trưa và Dương-khí đang làm chủ, tà khí đang thoái dần, chính-khí đang trên đường phục-hồi. Như vậy ta đắc được sự hỗ-trợ của Thiên-khí, đó là cách giải bệnh vào lúc thời đang vượng.

**Đại-ý:** Điều này tiếp nối với điều trên, cũng bàn về thời mà bệnh dễ khỏi. Như vậy ta thấy Lục-khí của Thiên-khí

có thể làm thương đến chính-khí và cũng có thể, qua 12 thời vận-hành, Thiên-khí lại có thể hỗ-trợ cho chính-khí của con người.

Chúng ta thấy đây là vấn-dề dựa vào triết-học Kinh Dịch để giải bệnh. Đối với một số người tạm gọi là có nền giáo-dục mới theo Tây-phương, hoặc học Đông-y mà không thông triết-học thì việc uống thuốc theo một thời nào đó như trên đây, là một việc nghe cho vui, không có giá-trị theo nguyên-tắc chữa trị. Thực sự, theo Kinh Dịch, mà cũng theo nguyên-lý chẩn trị của y-học Đông-phương, con người sống phải thuận theo sự cảm-ứng của Thiên-Địa-Nhân một cách tuyệt-đối. Nói cảm-ứng tức là nói đến thời.

Sách Kim-quỹ yếu-lược ngay phần mở đầu đã cảnh-cáo: "Ôi! Con người bẩm-thụ khí của ngũ thường nhò vào khí-hóa mà sinh và trưởng. Khí-hóa tuy có thể sinh ra vạn-vật, đồng thời cũng có thể hại vạn-vật; ví như dòng nước có thể làm nồi chiếc thuyền, và cũng có thể làm lật úp chiếc thuyền..."

Một trong những nguyên-nhân gây bệnh chính là sống không đồng nhợp với thời. Sống đà như vậy, chữa bệnh là công việc giành lại mạng sống cũng phải như vậy.

Sách Y-tông kim-giám chú: "Thời giải bệnh phải đúng vào lúc hành-khí vượng của tạng phủ nào đó. Thái-dương là khí thịnh Dương. Giữa trưa tức là vào ty, ngọ, mùi thời, Dương-khí thịnh, bệnh dễ giải hơn."

Lục Uyên-Lôi chú:" Thời-lệnh và bệnh tật vốn có một quan-hệ mật-thiết. Những bệnh nặng, những cỗ tật thường xảy ra vào nhị phân, nhị chí, chết cũng vào thời nhị phân và nhị chí (tức Xuân-phân và Thu-phân, Hạ-chí và Đông-chí). Người già cả mỗi khi gặp lúc tiết-kí khắc-nghệt thường hay bị đau nhức khớp xương; đây chính là sự thay đổi bốn mùa có quan-hệ với bệnh-tật. Nhiệt bệnh thường thì ngày nhẹ, đêm nặng; ngày chết thường vào lúc sáng sớm hoặc chàng-vạng, hoặc giữa trưa, nửa đêm; Dương-minh bệnh thì sốt cao khi nắng gắt; Phế-lao bệnh thì nắng gắt khớp xương bị viêm nóng. Đây là sự quan-hệ giữa tật bệnh với khí-tiết ngày và đêm. Sự-kiện thì rõ-ràng như vậy, nhưng để lý-giải thì thật khó-khăn."



## Điều 11: 風家表解而不了了者

Phong gia biếu giải nhi bắt liêu liêu già,  
十二日愈 thập nhị nhật dū.

Dịch nghĩa: Sau khi giải được tà-kí mà vẫn chưa hoàn toàn sướng-khoái, ta chỉ gọi đó là bệnh đã bớt, bớt ít, ta diễn-tả bằng ba chữ bắt liêu liêu. Phong thuộc Dương-tà. Nếu như Thái-dương trúng vào những người vốn có sẵn chứng trúng Phong, 7 ngày sau Dương-kí đặc được số lẻ, cho nên tà-kí sẽ đi từ biếu để giải ra, tuy nhiên, tà-kí còn sót lại làm cho bệnh-nhân vẫn chưa tĩnh-táo. Phải đợi đến 5 ngày nữa, 5 ngày là một hậu, lúc bấy giờ

*nguyên-khí mới sung trở lại, gồm 12 ngày, tinh-thần mới sáng-suốt và sảng-khoái mà khỏi bệnh. Suy ra, Hàn thuộc Âm-tà, nếu bệnh phát ra ở Âm, trong 6 ngày Âm-khí đặc được số chẵn và bệnh sẽ được giải, nhưng bệnh vẫn bắt liêu liêu, lại phải đợi hết một hậu nữa, khoảng 11 ngày thì khỏi hẳn.*

**Đại ý:** Tiết này tiếp nối tiết trên, nghĩa là sau khi khỏi bệnh, lại phải đợi 1 hậu (5 ngày) nữa mới khỏi.

**Thùa Đạm-Am** chú: "Trong nguyên văn điều này có hai chữ Phong gia. Phong gia ở đây ý nói đến những người vốn đang có bệnh trúng Phong săn, ví như Phong, Thấp, tỵ, thống... bệnh kéo dài liên-miên nhiều năm mà không khỏi. Còn chữ Trúng Phong là chứng mà người bệnh bị bệnh thình lình, không thể gọi là Phong gia như một số nhà chú-giải đã giải-thích."



**Điều 12+13. 病人身大熱反欲得近衣者熱在皮膚寒在骨髓也**  
Bệnh nhân thân đại Nhiệt, phản dục đặc cận  
**身大寒反不欲近衣者寒在皮膚熱在骨髓也。**  
y giả, Nhiệt tại bì phu, Hàn tại cốt tuy dã

bì phu, Nhiệt tại cốt tủy dā.

**Dịch nghĩa:** Các nhà y-gia trong khi biện-chứng, khi nói đến Thái-dương là cũng nói đến Thiếu-âm. Chúng ta nên nhớ Thái-dương tiêu Nhiệt mà bản Hàn; Thiếu-âm tiêu Hàn mà bản Nhiệt. Như vậy, tiêu của Thái-dương tức là bản của Thiếu-âm; tiêu của Thiếu-âm, tức là bản của Thái-dương. Tiết trên nói về phát Nhiệt hoặc vô Nhiệt, nhưng vẫn chưa xướng-minh nghĩa-lý của nó. Tiết này thì nói rõ hơn. Biện về chứng của Thái-dương tức là biện đến căn của Thái-dương. Nay người bệnh thân đại Nhiệt, đó là tiêu của Thái-dương, Nhiệt ở bên ngoài. Nhưng ngược lại họ lại muốn được mặc thêm áo, đó là thuộc tiêu của Thiếu-âm: Hàn ở bên trong; đó cũng là Nhiệt ở nơi bì-phu thuộc Thái-dương làm chủ, và Hàn ở nơi cốt tủy thuộc Thiếu-âm làm chủ. Chỉ dựa vào sự Hàn Nhiệt của hình thân thô, chưa đủ làm bằng, phải dựa vào Hàn Nhiệt của cốt tủy nữa mới đủ, bởi vì Dương lấy gốc ở Âm, người thầy thuốc cầm mệnh sống của người ta phải hiểu rõ điều này.

Có người bệnh thân đại Hàn, ngược lại, lại không muốn mặc áo, đó là Hàn ở tại bì-phu, Nhiệt ở tại cốt tủy.

**Đại-ý:** Điều này nối tiếp điều trên, nói về ý-chỉ của Âm Dương, Hàn Nhiệt, tiêu bản và luận sâu hơn về những điều trên. Điều trên nói về những gì người bệnh ô : ghét, sợ, điều này nói về những gì người bệnh dục: ham thích, tất cả đều diễn-tả sự biểu-hiện của bệnh-tình. Ông Trịnh Hiệu-Thiên nói: " Cái lý thuận nghịch của Âm Dương, nếu ở

*Trời thì biếu-trung bằng khí, ở người thì hợp với tình, tình thì không thể sai được. Nói chung, có lúc ta phải đi từ ngoài để thảm-dịnh bên trong, có khi đi từ trong để thảm-dịnh ngoài."*

Thừa Đạm-Am chú: "Lý Hàn ngoại Nhiệt thì Nhiệt đó là giả Nhiệt: bên trong do Tâm-tạng suy nhược thành chứng hư Hàn; bên ngoài chỉ là phù Nhiệt, do Nhiệt thoát ra ngoài; bên trong càng Hàn thì bên ngoài càng Nhiệt vậy, đây thuộc về chứng của Thông mạch Tứ nghịch thang.

Ngoại Hàn lý Nhiệt thì Hàn đó là giả Hàn: vì huyết và Nhiệt tập-trung ở lý, không còn thông với tử chi; bên trong càng Nhiệt thì bên ngoài càng Hàn, đúng là chứng Nhiệt càng sâu thì chứng quyết cũng sâu vậy, đây thuộc về chứng của Tứ nghịch tán. Chân Hàn giống như Nhiệt, chân Nhiệt giống như Hàn, mong các bạn mới vào nghề nên phân-biệt cho thật rõ-ràng.

Dù sao thì nếu chỉ dùng điều-kiện: muôn mặc áo hoặc không muôn mặc áo để phân biệt Hàn-Nhiệt thì có vẻ quá đơn-giản, nay xin làm bảng so-sánh rõ hơn như dưới đây:

	CHÂN HÀN GIẢ NHIỆT	CHÂN NHIỆT GIẢ HÀN
Diện sắc	Hai má có sắc hồng giới-hạn rất rõ: tuy vùng màu hồng có màu đỏ tươi, nhưng chỗ khác lại trắng pha xanh.	Ngoài da mặt tuy lạnh, sắc mặt tuy kém tươi, nhưng hai mắt vẫn sáng và có thần.

Ty khẩu	Khí thở ra không ấm, cũng không khí gấp nút, hơi không hôi.	Hơi thở ra nóng, rất gấp nút, hơi có khì hôi.
Hình lưỡi	Lưỡi tuy khô, nhưng chất lưỡi nhạt, hoặc hồng mà nhuận.	Lưỡi tuy trắng nhưng thô
Mạch tượng	Mạch tuy phù sáu, nhưng khi đè lên thì vô lực.	Mạch tuy trầm tê, nhưng kiêm sáu
Đè ngực bụng	Đè lên ngực và bụng không thấy nóng tay, lúc đầu đè thấy nóng, lâu dần như người khỏe mạnh không thấy nóng lắm.	Tứ chí tuy Hàn, ngực bụng nhát định nóng, đè lâu cảm chỉ cảm thấy hơi nóng.



## Điều 14: 太陽中風陽浮而陰弱

Thái dương trúng Phong, Dương phù nhi Âm nhược

陽浮者熱自發陰弱者汗自  
Dương phù, giả, Nhiệt tự phát; Âm nhược giả, hàn tự  
出嗇嗇惡寒漸漸惡風翕翕  
xuất, sắc sắc ó Hán, tích tích ó Phong, háp háp  
發熱鼻鳴乾嘔者桂枝湯主  
phát Nhiệt, ty minh, can ảu giả, Quέ chi thang chủ  
之 chi.

**Dịch nghĩa:** Phép chữa-trị bệnh phải phân-biệt mạch và  
chứng, sau đó mới lập phương. Nay xin nói trước về Thái

*dương: Thái-dương trúng Phong, Phong thuộc Dương-tà mà trúng vào cơ-nhục và tấu-lý, mạch của nó là Dương thốn phù nhưng Âm xích nhược. Khi Dương phù, đó là vì cái thể của Phong là phát ra nhanh, không đợi phải bê-uất mà Nhiệt lại tự phát. Khi Âm nhược, đó là tân dịch bị tiết-thoát, không đợi phải che dậy lại mà hạch cũng tự xuất ra, vả lại người bệnh còn co-ro như đang muôn khép lại, tránh-tránh, tức là ô Hàn; còn tránh né vì tấu-lý khai, tức là ô Phong; còn hâm-hâm vì tấu-lý đang bị xung-dot tức phát Nhiệt. Dương-tà ủng-tắc bên trên, làm cho mũi hit thở nghe có tiếng kêu, Dương-tà nghịch lên trên làm cho ầu (óï) khan, đó là mạch và chứng của chứng trúng Phong không còn nghi-ngờ gì nữa. Nên dùng Qué-chi thang làm chủ để trị*

*Đại-ý: Tiết này nói về chứng trúng Phong ở vùng co-tấu thuộc Thái-dương, và có đưa ra phương dược để điều trị.*

*Đường Dung-Xuyên bô:" Mạch Thốn Dương phù là biểu-hiện của chứng uệ Dương thoát ra ngoài, vì thế nên Nhiệt tự phát; mạch Xích Âm nhược là biểu-hiện của doanh huyết thở thương. Doanh đóng vai Trì thù : gìn-giữ cho uệ. Nay nếu doanh không còn gìn-giữ cho uệ được nữa thì uệ-khí sẽ tiết-thoát ra ngoài, tức là tự-hạn bị xuất ra. Thành Vô-Kỷ chú Thương-hàn cho rằng 'Phong làm thương uệ, Hàn làm thương doanh', là sai. Bởi vì Hàn phải làm thương uệ, Phong phải làm thương doanh .*

*Tạo sao Hàn phải làm thương uệ?*

Bởi vì Hàn là bản khí của Thái-dương, Dương của Thái-dương phát ra từ Chí-âm để rồi làm sung cho bì-mao. Do đó chúng ta thấy rằng vệ-khí vận-hành trong lớp của bì-phu. Khi vệ-dương bị hư lại bị ngoại Hàn tấn-công thì Hàn sẽ làm hư-tổn vệ-khí nơi bì-mao, sẽ làm cho bì-mao bế-tắc, do đó không có mồ-hôi. Tại sao Phong phải làm thương doanh ? Trong lục khí thì Phong thuộc Quyết-âm Can Mộc. Quyết-âm chủ về doanh-huyết. Khi huyết hư thì nó sẽ đón Phong từ bên ngoài vào. Đó là con đường 'Phong làm thương doanh'. Tuy rằng doanh-huyết và vệ-khí cùng song hành nhau, nhưng nói cho cùng thì lớp bì-mao do vệ-khí làm chủ, còn lớp cơ-nhục là chỗ ở của doanh-huyết. Vì thế nếu Phong làm thương doanh thì nó sẽ vào ở tại lớp cơ-nhục, và nếu doanh không đóng tròn vai 'thủ: gìn-giữ' cho vệ, kết-quả là vệ-khí sẽ thoát ra ngoài thành ra mồ-hôi. Huống chi, chúng không mồ-hôi phải dùng Ma-hoàng, chứng-minh rằng đây là loại dược trị vệ-khí; Chúng có mồ-hôi phải dùng Quế-chí thang, chứng-minh rằng đây là loại dược trị doanh-huyết. Các nhà chú-giải không nên nhầm lẫn về vấn-dề này. Huống chi trong nguyên văn ta có những chứng 'sắc sắc ô Hàn, tích tích ô Phong, hấp hấp phát Nhiệt', đây chứng-minh rằng ba chứng ở vào ba lớp khác nhau. Trong phần thiền chú, Trần Tu-Viên chưa phân-biệt vấn-dề này. Trước hết, lớp 'sắc sắc ô Hàn' chỉ vào lớp bì-mao ngoài nhất đang có tự họn. Bì mao khai cho nên gấp Hàn, gấp Hàn thì nó muốn

bé lại để tránh Hàn, tạo ra tình-trạng sắc sắc: co-ro, vì lớp vê-khí trong bì-mao không còn được bảo-vệ nữa cho nên phải ô Hàn. Lớp 'tích tích ô Phong' chỉ vào cơ-nhục, mồ-hôi đã xuất ra như nước vo gạo, tạo ra tình-trạng tích tích né tránh gió. Khi gió đến sẽ nhập thẳng vào cơ-nhục làm thương đến doanh-huyệt, cho nên phải ô Phong.

Lớp 'hấp hấp phát Nhiệt' chỉ vào lớp tấu-lý, tấu-lý nằm bên trong lớp phì-nhục: thịt mỡ và bên ngoài lớp sâu nhục: thịt nạc, tức là lớp màn mỡ nhầy. Tà ở trong lớp doanh-phận của cơ nhục, trong lúc đó vê-khí lại từ tấu-lý chui thoát ra để rồi cùng tranh-chấp với tà-khí tại doanh-phận gây ra chứng hấp hấp phát Nhiệt: sốt hâm-hâm.

Chứng Ty minh: mũi thở nghe tiếng kêu do khí ở tấu-lý không đạt ra ngoài được phải ủng lại bên trong mũi thở nghe tiếng kêu khó-khè.

Chứng can ầu: ói khan là do tấu-lý thuộc Tam-tiêu, mà khí của Tam-tiêu không thoát ra bằng con đường tấu-lý được, phải quay trở vào nghịch nhập vào trong Vị để rồi phải ói khan. Đây thực sự là chứng của Thiểu-dương, nhưng đối với Quá-chi thang, đôi khi cũng kiêm chứng này do ở quan-hệ với tấu-lý và Tam-tiêu vậy.

Dù sao đi nữa, tà-khí cũng ở tại cơ-nhục, cho nên không cần phải trị tấu-lý, cũng không cần trị bì-mao. Ta chỉ dùng Quá-chi thang để giải cơ thì tà-khí ở bì-mao, tấu-lý tự giải. Lời thiền chú chưa phân biệt được rõ lầm giữa hai thang Quá-chi và Ma-hoàng."

Trình Ứng-Mao chú: "Âm Dương đây là nói về phù và trầm  
chứ không phải nói về xích và thốn. Chúng ta xem lại  
trong điều nói về thương Hán chỉ nói Âm Dương câu khẩn  
mà không có chữ phù. Duy có điều là Dương phù đồng với  
thương Hán, cho nên phát Nhiệt cũng đồng với thương  
Hàn; duy Âm nhược khác với thương Hán cho nên hạn tự  
xuất cũng khác với thương Hán. Vấn-dè phân biệt hư thực  
là ở đây. Nhiệt phát ra từ biểu, được biểu-hiện bằng phù;  
hạn xuất ra từ lý, được biểu-hiện bằng trầm. Khi nào  
chúng ta hiểu được cái nguyên-lý đồng và dị nói trên,  
chúng ta sẽ kết-hop dẽ-dàng với các chứng trong quá-trình  
trị-liệu vậy."

### 1/- Quê chi thang phương: 桂 枝 湯 方

Quê-chi (3 lượng, bỏ bì)

Thuốc-dược (3 lượng)

Cam-thảo (3 lượng, chich)

Sinh Khuong (3 lượng, cắt miếng)

Đại Táo (12 quả, bỏ ra)

Tất cả 5 vị trên cắt nhỏ ra cho vào 7 thăng nước, lửa  
riu-riu sắc còn 3 thăng, bỏ xác, đợi nguội vừa, uống 1  
thăng, uống xong đợi chốc lát cho húp cháo lỏng chừng  
hơn một thăng nhầm trợ cho dược-lực. Sau đó đắp mền lại  
cho ấm chừng một tiếng đồng hồ, nếu mồ-hôi ra lấm-tẩm  
là tốt, không nên cho mồ-hôi ra dầm-dề, không nên cho  
chảy ra ròng-ròng như nước, vì như thế là bệnh sẽ không  
khỏi. Nếu uống lần đầu mà mồ-hôi ra ít rồi khỏi bệnh thì

thôi, không cần uống tiếp cho hết phần còn dư.

Nếu uống rồi mà mồ-hôi không xuất ra thì tiếp-tục uống như lần trước, nếu vẫn chưa ra mồ-hôi thì lại uống tiếp, nhưng thời-gian phải ngắn hơn. Trong khoảng thời-gian chừng nửa ngày phải uống 3 lần cho hết thuốc. Nếu bệnh nặng, uống xong một ngày một đêm rồi xem lại. Uống xong một thang mà bệnh vẫn chưa khỏi thì tiếp tục uống thang nữa. Nếu vẫn chưa ra mồ-hôi thì, mới uống hai, ba thang. Kiêng ăn đồ sống, lạnh, mỡ, dầu, thịt, miến, đồ gia vị, các loại rượu, sữa và đồ tanh hôi.

Trần Úy chú:" Quế-chi tân ôn, thuộc Dương. Thuoc-duoc khổ bình, thuộc Âm. Quế-chi lại có thêm vị tân của Sinh Khuong đồng khi tương cầu, có thể nhở nó để điều-hòa Dương-khi của chu thân. Thuoc-duoc lại được vị cam khổ của Đại Táo và Cam-thảo, cả hai hợp nhau để hóa, có thể nhở nó để tu-nhuận cho Âm-dịch toàn thân. Thầy (Sư: tức là lời xưng-hô của hậu-nhân đối với Trong-Cảnh) đã dùng chúng để đại bỗ-duong cho Âm Dương, bỗ-duong cho cái nguồn của mồ-hôi. Nhờ vậy, nó là loại được căn-bản để thăng tà vậy. Ngoài ra, húp cháo lỏng là để hỗ-trợ, tức là dùng thủy-cốc hỗ-trợ cho mồ-hôi. Vì thế sau khi ra mồ-hôi, người bệnh sẽ không bị tổn-thương nguyên-khí. Đó gọi là lập thân ư bất bại chí địa : chọn được chỗ đúng mà không bị bại trận, chọn được con đường vạn toàn vậy."

Đường Dung-Xuyên chú:" Trần Tu-Viên cho rằng Kinh Thủ Thái-dương Tiêu-trường hóa theo kinh Túc Thái-dương

Bàng-quang, gọi chung là Hàn Thủy, gần như ý nói rằng trong quá-trình khí-hóa của Thái-dương không quan-hệ gì đến Tiêu-trường. Ông không biết rằng nếu chỉ có Thủy của Bàng-quang mà không có Hỏa của Tiêu-trường thì Thủy sẽ không hóa được khí, như vậy làm sao có thể tạo thành công-dụng của Thái-dương? Trong phần tổng-luận về Thái-dương, tôi đã có nói đến vai trò của Tiêu-trường là dẫn-dắt Tâm Hỏa xuống dưới giao cho Bàng-quang nhằm chung cất Thủy trong Bàng-quang. Nay tôi xin nói tiếp về Bàng-quang chủ về Thủy, về khí, về vệ-phận; Tiêu-trường chủ về Hỏa, về huyết, thuộc doanh-phận. Doanh sinh ra từ Tâm, tàng ở Can, nhưng được dẫn-dắt bởi Tiêu-trường. Tâm Hỏa sinh doanh huyết, tuần-hành theo Bào-lạc, xuống dưới nhập vào Can-cách, tản ra theo các màn mõ để đến Tiêu-trường. Tiêu-trường thông với bên trên các màn mõ. Tiêu-trường là phủ của Tâm, còn các màn mõ thì liên-hệ Can-cách. Tiêu-trường tuyên-thông Dương-kì của Tâm, đi từ các màn mõ, Can-cách để rồi đạt ra đến ngoài Tâu-lý, đến cơ-nhục. Đây gọi là con đường hợp nhau giữa doanh-kì và vệ-kì để tạo thành công-dụng của Thái-dương. Cho nên, nếu tà-kì ở tại doanh-phận: Ta dùng Cam-thảo để bồ Tỳ. Nó sẽ đi từ khối mõ của Tỳ ra ngoài đuỗi tà-kì ở cơ-nhục.

Ta dùng Bạch-thuốc để vận-hành Can-huyết, nó sẽ đi từ Can-cách suốt từ các màn mõ để đạt ra ngoài cơ-nhục thông-hành được sự trì-trệ của doanh-huyết.

Ta dùng Sinh Khương để tuyên-tán khí của Thiếu-dương ở Tam-tiêu, đi từ các màn mõ ra đến Tấu-lý làm tán ngoại-tà. Quan-trọng nhất vẫn là Quê-chi. Nó làm thuyền-thông Dương-kí ở Tâm, đi từ màn mõ của Tiêu-trường để đạt ra ngoài, làm cho doanh-huyết sung ở cơ-nhục, nhờ vậy tà-kí khôn thể lưu lại trong cơ-nhục nữa.

Dù sao, Quê-chi thang phương vẫn là phương thang làm hòa được cơ-nhục, trị doanh-huyết, đúng là phương của huyết-phận của Tiêu-trường. Nếu như không thông được cái lý hợp-hoa giữa Thủy Hỏa thì ta không thể thông được cái căn-nguyên của thang phương này."

Lý Đông-Viên chú:" Phương-tổ thời cổ cân lượng có khác với thời nay. Xưa 1 thăng tức nay một chén cơm; xưa 6 thù tucus nay 1 phần, tức 2 tiền 5 và 24 thù tucus 1 lượng; xưa 3 lượng tức nay 1 lượng; xưa 2 lượng tức nay 6 tiền ruồi."

Trình Hiệu-Thiên chú:" Vấn-de cân lượng xưa nay, chỉ có đời Hán là nhỏ nhất: 1 lượng thời Hán bằng 3 tiền ruồi hơn, cho nên sách Thiên-kim và Bản-thảo nói rằng xưa 3 lượng nay chỉ 1 lượng. Tuy nhiên đời có cổ có kim, mùa có đông có xuân, đża có nam có bắc, người có mạnh có yếu... đại khái thì ngày xưa dùng 1 lượng nay dùng 1 tiền là đủ. Chúng ta nên tùy nghi mà uyển-chuyển không nên câu-nệ vào những nguyên-tắc cứng-khư, có vậy chúng ta mới theo kịp lẽ quyền-biến của Trọng-Cảnh."

Uông Hô chú:" Chử nhất phục có nghĩa là mỗi lần uống 1/3 thang; chử tam phục ý nói chia thang ra làm 3, mỗi lần uống 1/3; chử tái phục ý nói chia thang ra làm hai, mỗi lần uống một nửa; chử đòn phục ý nói uống một lần hết cả một thang..."

Tử Linh-Thái chú:" Trong thang Quê-chi, thì Quê-chi và Thuoc-dược mỗi thứ 3 lượng, Cam-thảo 2 lượng, cộng lại là 8 lượng, cũng chỉ là lượng 6 tiền mà thôi. Nếu chia ra uống làm 3 lần thì mỗi lần cũng chỉ uống khoảng 5 tiền 3 phần mà thôi. ...Chử 𩫑 phu chớ ý nói ngày xưa không có dao bằng sắt, phải dùng miệng để cắn nhỏ ra như hạt đậu. Ta dùng nước sắc lấy nước, uống vào dễ thăng, dễ tán..."

Ngô Quốc-Định chú:" Quê-chi thang thuộc phương-tể điều-hòa doanh vệ; giải cơ, trong đó Quê-chi làm cường cho Tâm-kí, trợ cho chính-kí. Nó có nhiệm-vụ xua đuổi ngoại-tà. Khi mà tà-kí tán thì các chứng đầu thống, cổ cứng, phát Nhiệt sẽ khỏi. Như vậy Quê-chi được xem là 君 quân. Chử quân có nghĩa là chử-dược trong một thang. Thuoc-dược đóng vai hòa-hoàn sự co-rút, dẫn huyết quay trở vào trong, làm cho huyết-dịch không còn chảy ra ngoài nữa. Như vậy, Thuoc-dược đóng vai 鬪 thần. Thần có nghĩa là đóng vai trợ giúp cho quân dược. Cam-thảo bổ-dưỡng hòa-hoàn huyết dịch. Đại Táo tăng gia doanh-duong nhằm hóa Thủy độc. Cá hai, Cam-thảo và Đại Táo, hợp lại bồi bổ cho sự tồn-thất do phát Nhiệt hàn xuất. Sinh Khương làm ôn

*Vì, kiện Vị. Quê-chi thang dùng Sinh Khuong để ngung ói, ngoài ra còn hỗ-trợ cho Quê-chi để phát-tán. Cả 3, Cam, Táo, Khuong đóng vai 佐使 tá sú cho Quê-chi thang. Tá sú ý nói hỗ-trợ cho chủ được phát-huy tác-dụng. "*

*Kha Vận-Bá chú:" Quê chi bỏ bì, dó là bỏ lớp vỏ khô bên ngoài. Quê-chi thang đóng vai khôi-nguyên trong rừng phương của Trọng-Cảnh. Nó đóng vai tổng phương trong việc tu Âm, hòa Dương, điều-hòa doanh-vệ, giải cơ, phát hàn. Phàm trong khi bị đầu thống phát Nhiệt, ô Phong ố Hàn, mạch phù mà nhược, tự hàn xuất, không câu nệ thuộc kinh nào...thuộc trung Phong, thuộc thương Hàn, thuộc tạp bệnh, chúng ta đều có thể dùng thang này. Nói chung, nó thuộc mạch nhược, hàn tự xuất làm chủ chúng. Kè ngu này thường dùng thang này để trị các chứng tự hàn, đạo hàn (mồ-hôi trộm), sốt rét do hư nhược, chúng ly do hư nhược, ... mang lại nhiều kết-quả khả-quan. Do đó nếu khéo ứng-dụng, chúng ta có thể trị được bách bệnh..."*

*Sách Loại tu phương quảng nghĩa viết:" Quê-chi thang đóng vai cầm cân nảy mực cho quần phương. Thương-hàn luận bắt đầu bằng Quê-chi thang. Tạp-bệnh luận bắt đầu bằng Quát-lâu Quê-chi thang, tất cả không phải là do ngẫu-nhiên. Trọng-Cảnh có hơn 200 phương được, trong số đó có khoảng 60 phương có dùng Quê-chi. Cũng trong số đó, Quê-chi được dùng làm chủ được chiếm 30 phương. Ta thấy vai trò biến-hóa của Quê-chi và Quê-chi thang này so với các phương thang khác quan-trọng đến như thế nào."*

Sách Phương-cơ, trong phần nói về Quê-chi thang, viết:" Các chứng đầu thống; phát Nhiệt; hàn xuất, ó Phong nên đầu thang Quê-chi; Nếu do ho suyễn, ầu nghịch mà thành đầu thống thì không thuộc về phần chủ-trị của thang này. Thang này còn chủ về các chứng ngoại-tà như ó Phong, ty minh, can ầu. Còn như mạch phù nhược, hoặc phù sác mà ó Hán, tuy rằng các chứng chưa đầy đủ nhưng cũng dùng được. Bởi vì mạch phù sác hoặc phù nhược đều thuộc về mạch-trạng của Quê-chi thang... Nếu cả ba chứng mồ-hôi, ói, tiêu chảy xảy ra cùng lúc, lại phát Nhiệt, mồ-hôi, thân-thể mệt-mỏi, đau râm-cả người, ta cũng dùng thang Quê-chi được. Trái lại, nếu mạch phù健全 mà đau nhức; không thuộc chủ trị của thang Quê-chi."

Khi uống Quê-chi thang phải uống ám, húp chừng một chén cháo lỏng nhằm trợ cho tình-trạng thoát mồ-hôi, mồ-hôi ra lấm-tấm là tốt nhất, nếu ra đậm-dè là nguy-hiểm. Vả lại, trong quá-trình dùng Quê-chi thang, ta thấy có những câu như: 可更發汗 khả cánh phát hàn: có thể cho ra thêm mồ-hôi; 可發汗 khả phát hàn: có thể cho ra mồ-hôi; 宜發汗 nghi phát hàn: nên (thích-hợp) cho ra mồ-hôi. Điều này chứng tỏ rằng Quê-chi thang không phải là phương-telah dùng để phát hàn. Nếu cần phát hàn, ta dùng phương thang khác. Nếu người bệnh mạch phù健全, phát Nhiệt, hàn bất xuất, ta không nên dùng Quê-chi thang.

**Châm cứu:** Châm Phong-phù: trị cỗ gáy cứng, ó Phong; châm Phong-trì: trị đầu thống; châm Đầu-duy: trị đầu

thống; châm *Ngoại-quan*: trị mũi kêu khò-khè, ối khan, phát Nhiệt, ố Phong; châm *Hợp-cốc*: trị mũi kêu khò-khè, phát Nhiệt, đầu thống.



### Điều 15: 太陽病頭痛發熱汗出

Thái dương bệnh, đầu thống, phát Nhiệt, hàn xuất

### 惡風者桂枝湯主之

ó Phong .giả, Qué chi thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** *Qué-chi thang điều Âm Dương, hòa doanh vệ, là chủ phương của chứng Thái-dương trúng Phong, nhưng công-dụng của nó không chỉ là như thế. Phàm các tap-chứng thuộc trúng Phong hay thương Hán, nếu xét ra thuộc Thái-dương gây bệnh, người thầy thuốc phải nhận thấy trong chứng đầu thống, phát Nhiệt, còn có thêm chứng hàn xuất, đây là chứng quan-trọng. Hạn xuất thì mao-khiếu bị hư không, nhân đó mà thành ó Phong. Dùng Qué-chi thang làm chủ, không cần biết là tap-chứng thuộc trúng Phong hay thương Hán, chỉ thấy có hàn xuất là dùng được, là đúng.*

**Đại-ý:** Tiết này nói tiếp tiết trên, suy rộng ra về vai trò và cách dùng thang Qué-chi.

**Thứa Đạm-Am chú:** "Chứng đầu thống, cả tam Dương bệnh đều có: đầu thống thuộc Thái-dương thường xảy ra ngay giữa đầu và sau cổ gáy.

*Chứng phát Nhiệt, tam Dương đều có: phát Nhiệt*

*thuộc Thái-dương ắt phải ô Phong Hàn.*

*Chứng hạn xuất, Thái-dương, Dương-minh đều có: hạn xuất thuộc Thái-dương ắt phải ô Phong.*

*Chứng ô Phong, Thái-dương, Thiếu-dương đều có: ô Phong thuộc Thái-dương kiêm cả phát Nhiệt.*

*Chứng Thái-dương bao-quát cả 2 chứng thương Hàn và trúng Phong:*

*Đầu thống, phát Nhiệt, ô Phong thì cả thương Hàn, trúng Phong đều có, chỉ khác một điều là trúng Phong thì có hạn xuất. Nếu như vô hạn xuất thì không thuộc Quê-chi thang làm chủ.*

*Tóm lại, hạn xuất là điểm then-chốt để phân-biệt giữa hai chứng thương-hàn và trúng Phong. Trong quá-trình thẩm-chứng trên lâm-sàng, chúng ta phải chú-ý điểm này thật kỹ-lưỡng, không nên đầu thang sai lầm, phạm vào hú-hú thực-thực."*

**Mạch chúng, thiệt chúng:** Mạch phải phù nhược, rêu lưỡi mỏng, trắng.

**Vưu Tại-Kinh** chú: "Thái-dương thọ tà, vô luận trúng Phong hay thương Hàn, đều có chứng đầu thống, chứng phát Nhiệt, khác nhau ở chỗ thương bởi Hàn thì biểu thực không tự hạn, thương bởi Phong thì biểu thua có tự hạn."



## **Điều 16: 太陽病項背強几几反**

Thái dương bệnh, họng bối cường thù thù, phản

# 汗出惡風者桂枝加葛根湯

hàn xuất, ó Phong giả, Quέ chi gia Cát cǎn thang  
主之 chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Khi bệnh tại cơ-nhục và tâu-lý thuộc Thái-dương, ta dùng thang Quέ-chi là đúng. Nếu như bệnh tại các du huyệt của kinh mạch, nếu dùng nguyên phương của Quέ-chi thang, e rằng không còn đúng nữa. Nội kinh nói rằng tà-khí nhập vào các du huyệt của kinh sẽ làm cho cột sống và thắt lưng bị cứng, đó là vì các du huyệt của kinh Thái-dương nằm dọc trên sống lưng. Nay Thái-dương bệnh, cổ gáy và lưng không còn thư-sướng cho nên cứng, bệnh-trạng của nó là thù thù, tức như chim gáy cánh, muốn bay mà không bay được, đây rõ-ràng là tà-khí nhập vào các du huyệt của Thái-dương. Ôi! tà-khí trúng vào người, trước hết là trúng vào bì-mao, sau đó đến cơ-nhục và lạc-mạch, sau nữa mới vào du huyệt của kinh. Nay tà-khí đã vào các du huyệt của kinh sẽ làm cho nơi đây bị thực mà bì-mao thì hư, vì thế, ngược lại, hàn xuất mà ó Phong, giống như chứng của Quέ-chi mà không hẳn hoàn toàn như Quέ-chi. Nếu không có vị Cát-cǎn mà rẽ của nó nhập sâu vào lòng đất, cành của nó tủa ra như lạc-mạch để đưa Quέ-chi đi thẳng vào vùng cơ-nhục, tâu-lý và lạc-mạch, để rồi đuổi tà-khí quay ra ngoài cơ-phu thì không thể có kết-quả tốt được. Vì thế, ta phải dùng Quέ-chi gia Cát-cǎn làm chủ trị.

**Đại-ý:** Điều này nói về chứng thuộc các du huyệt của kinh Thái-dương, cũng là nối tiếp điều trên, suy rộng ra về vai trò của Quê-chi thang.

Thành Vô-Kỳ chú:" *Chữ 兮 âm 殊 thù, là một loài chim lồng vũ ngắn, không bay nổi, mỗi lần muốn tiên tới phải rướn đầu cổ về phía trước; ở đây tả hình dáng một người lung cổ bị cứng, muốn di động phải ngưỡng cổ dài ra.*"

**Châm cứu:** Châm *Phong-trì*: trị đầu và cổ gáy cứng, đầu thống, ố Phong; châm *Thân-trụ*: trị cổ gáy và lưng cứng, phát Nhiệt; châm *Phong-môn*: trị chứng uốn lưng, uốn cổ; tất cả các huyệt trên nhằm sơ-thông để doanh-huyết vận-hành. Châm *Ngoại-quan*, *Hợp-cốc*; *Thân-mạch* nhằm sơ-thông mọi ngưng-trệ từ đầu xuống lưng.

Ngô Quốc-Định chú:" *Chữ 反 phản ở đây ý muốn nhấn mạnh rằng Cát-căn thang chủ-trị về chứng vô hạn, ố Phong.*"

## 2/. Quê-chi gia Cát-căn thang phương:

桂 枝 加 葛 根 湯 方

**Cát-căn :** (4 lượng)

**Thuoc-duoc :** (2 lượng)

**Sinh Khuong:** (3 lượng, cắt mỏng)

**Cam-thảo :** (2 lượng, chích)

**Đại Táo :** (12 quả, bóc ra)

**Quê-chi :** (3 lượng, bỏ bì)

Tất cả 6 vị cho vào 7 thăng nước, sắc còn lại 3 thăng, bỏ xác, uống ấm 1 thăng, không cần phải húp cháo lỏng, phần còn lại uống và cầm-ky như cách của Quê-chi thang.

**Trương Lệnh-Thiều** chú:" Quê-chi thang giải cơ, già Cát-căn nhằm tuyên-thông khí của kinh lạc. Bởi vì rẽ của Cát-căn ăn thật sâu vào lòng đất, thân nó uốn lên trời như lạc-mạch, vì thế nó cùng với Quê-chi nhập thẳng vào trong cơ-nhục và lạc-mạch, bên ngoài nó đạt ra ngoài phu biếu."

**Đường Dung-Xuyên** chính:" Khi nói bì-mao, cơ-nhục là nói đến chu thân, còn nói tới kinh huyệt là nói đến Thái-dương kinh-mạch, tức là chỉ vào vùng cổ gáy và lưng. Cho nên:

*Nếu tà-khí ở tại bì-mao mà không nhập vào kinh-mạch, đó là chứng của Ma-hoàng thang.*

*Nếu kiêm luôn cả tà-khí nhập vào kinh-mạch thì đó là chứng của Cát-căn thang.*

*Nếu tà-khí ở tại cơ-nhục mà không vào kinh-mạch, đó là chứng của Quê-chi thang.*

*Nếu kiêm luôn cả tà-khí nhập vào kinh-mạch thì đó là chứng của Quê-chi già Cát-căn thang.*

Tuy nhiên, dù bì mao hư hay bì-mao thực, tất cả đều có chứng tà nhập vào kinh-mạch. Nay Trần Tu-Viên nói rằng "tà-khí nhập vào kinh-mạch thì bì-mao sẽ hư," như vậy là mâu-thuẫn với Cát-căn thang. Ông lại nói:" Cát-căn nhập vào lạc-mạch", ông không biết rằng lạc-mạch là chi-nhánh của kinh-mạch. Kinh-mạch đi thẳng từ trên xuống dưới, rồi từ dưới lên trên. Thái-dương kinh đi thẳng dọc theo lưng, cho nên gây ra chứng cổ gáy và lưng bị cứng, Nay nếu tà cũng đi theo lạc-mạch thì nó sẽ đi ngang dọc khắp

*chu thân hay sao ? Tất cả các kinh-mạch của kinh đều vận-hành theo chiều thẳng, còn các lạc-mạch của kinh đều vận-hành theo chiều ngang. Cát-căn có thân cao ngất trời, có rễ đậm sâu xuống lòng đất để hút thủy-khí sâu dưới hoàng-tuyên, rồi lại đưa lên đến thân cao ngất của nó. Ta có thể ví như Túc Thái-dương Bàng-quang kinh dẫn Dương-khí trong nước của Bàng-quang đưa đến kinh-mạch vậy. Nếu người ta biết được Bàng-quang kinh hóa khí và đưa Dương-khí từ nước trong Bàng-quang lên kinh-mạch như thế nào, người ta cũng sẽ hiểu vai trò của Cát-căn như thế nào."*

Chúng ta thấy trong các bản cũ đều có ghi thêm "Ma-hoàng 3 lượng bỏ tiết ... ". Nhưng khi Lâm Úc hiệu-đinh có trình-bày lý-do để xin bỏ Ma-hoàng ra khỏi thang Quê-chi gia Cát-căn thang.

Lý Thời-Trân chú: " Khi của Cát-căn thì khinh mà phù, cỗ-vũ Vị-khí vận-hành lên trên, sinh ra tân-dịch."

Trương Nguyên-Tô chú: " Cát-căn không phải là được-vị của Thái-dương, chứng "cỗ gáy và lưng cứng ưỡn cỗ ra ..." mà lại dùng Cát-căn, đó là muốn cắt đứt con đường của Thái-dương không cho nhập vào Dương-minh vậy."

Trong phép uống thang Quê-chi gia cát-căn, ta thấy có dùng 2 chữ: 將 tương, 息 tức. Theo thiền Dận chinh Kinh Thư thì chữ tương có nghĩa là thi-hành, là tiếp-tục ... ý nói, trong khi uống 1/3 chén thuốc, nếu thấy chưa có mồ-hôi và cũng chưa khỏi, thì nên tiếp-tục uống lần 2, lần 3. Chữ tức ở

đây ý nói, nếu khi uống vào, thấy bệnh bớt và khỏi thì thôi, *ngưng lại không uống tiếp* nữa.



### Điều 17: 太陽病下之後其氣上

Thái dương bệnh, hả chi hậu, kỳ khí thường  
衝者可與桂枝湯用前法若  
xung giả, khả dū Quέ chi thang, dụng tiền pháp. Nhược  
不上衝者不可與之

bất thường xung giả, bất khả dū chi.

**Dịch nghĩa:** Quέ-chi thang là chủ-phương về bệnh ở cơ-nhục và táo-lý. Tà-khi ở tại cơ-táo có thể dựa vào chứng hạn xuất là chính, cũng có thể do người thầy thuốc trị sai lầm, như Thái-dương bệnh mà trị sai-lầm bằng cách cho xổ, sau đó sẽ làm cho khí của Thái-dương đang ở tại cơ-táo bị hâm xuồng dưới. Nếu như nó không hâm xuồng mà khí ấy lại xung lên trên, đó là khí không do con đường xổ lầm mà hâm xuồng, nghĩa là khí vẫn ở trong khoảng cơ-táo, trường-hợp này ta có thể cho uống Quέ-chi thang phương, tức là dùng phép trị như trước: uống ấm, húp cháo lỏng, đợi mồ-hôi ra lấm-tẩm, tà-khi sẽ theo cơ-táo ra ngoài. Nếu như khí không xung lên trên, đó là tà-khi đã hâm vào bên trong và bên dưới, không còn ở cơ-táo nữa, không thể uống Quέ-chi thang phương.

**Đại ý:** Điều này nối tiếp điều trên, gợi ý cho 5 điều kế tiếp. Điều này cũng nêu lên nguyên-tắc thẩm-dịnh xem.

sau khi cho xô sai-lầm, trường-hợp nào có thể dùng Qué-chí thang và trường-hợp nào không được dùng.

Trương Lệnh-Thiệu chú:" *Nội-kinh nói rằng Thái-dương lấy gốc ở Chí-âm. Đây ý nói khí của Thái-dương sinh ra ở Chí-âm, từ Chí-âm nó lên đến hung-cách, từ hung-cách xuất ra đến cơ-tấu, từ cơ-tấu đạt đến bì-mao. Bên ngoài nó vận-hành ở tam Dương, bên trong nó vận-hành ở tam Âm. Chính-khí xuất nhập theo con đường này, tà-khí cũng theo đó mà xuất-nhập. Nếu độc-giả biết được con đường vận-hành của chính-khí và cũng là của tà-khí, tức là chúng ta biết được phân nửa con đường y-dạo của Trọng-Cảnh rồi vậy. Vì thế, trong Thương-hàn luận, khi nói đến con đường của chính-khí, là con đường của tà-khí, và ngược lại"*"



### Điều 18: 太陽病三日已發汗若

Thái dương bệnh tam Nhật dĩ phát hàn, nhược  
吐若下若溫鍼仍不解者此  
thở, nhược hàn, nhược ôn châm, nhưng bất giải giả, thử  
為壞病桂枝不中與也觀其  
vi hoại bệnh, Qué chi bất trúng dũ dã. Quan kỳ  
脈證知犯何逆隨證治之  
mạch chứng, tri phạm hàn nghịch, tùy chứng tri chi.

Dịch nghĩa: Những trường-hợp không được dùng thang Qué-chí còn nhiều, ví như Thái-dương bệnh đã ba ngày,

đó là thời-kỳ trộn ba kinh Dương, nếu đã cho phát hàn xong, dáng lẽ Hận-khí ở cơ-tấu đã giải, nếu đã cho ói xong, dáng lẽ tà-khí ở hung cách đã được giải, nếu cho xổ xong, dáng lẽ tà-khí ở Trường Vị được giải, nếu đã dùng phép ôn châm, dáng lẽ tà-khí ở kinh-mạch được giải. Đáng lẽ tất cả đã được giải, vậy mà vẫn chưa giải được, đây chính là người thầy thuốc đã trị sai lầm để thành hoại bệnh. Hoại bệnh thì không quan-hệ gì đến vùng cơ-tấu, vì thế dùng Quê-chi thang là không trùng, ta nên xem lại mạch và chứng để biết được bệnh đang bị phạm vào loại nghịch-chứng nào, rồi tùy theo cái nghịch đó, hoặc do phát hàn lầm, do cho ói lầm, hoặc cho ôn châm lầm ... mà thành nghịch, tùy theo chứng mà trị bệnh.

**Đại-ý:** Điều này cũng tiếp điều trên, bàn về bệnh không liên-quan đến vùng cơ-tấu, không nên dùng Quê-chi thang.

Thừa Đạm-Am chú:" Chữ 壞 hoại bệnh trong điều này không có nghĩa là bại-hoại đến nỗi không còn cách gì có thể chữa được nữa... mà chỉ có nghĩa là bệnh đã biến chứng sang bệnh khác, vậy nên tùy theo bệnh-trạng mới để chữa. ... như dưới đây:

1.- Chứng Thái-dương trúng Phong: cầm phát đại hàn; nếu phát hàn sai lầm thành biến chứng, sẽ phát-sinh tình-trạng cạn tân-dịch, nhiệt-độ trong người bị giảm. Đại-khái như sau:

a.- Hạn xuất không ngừng, tiêu-tièn ít, tú chi co-rút, dùng Quê-chi già phụ-tử thang phương để trị; cứu Thần-khuyêt,

## Khí-hái, Âm-khích.

b.- *Toàn thân ê-âm, mạch trầm-tê, dùng Tân-gia-thang phương, tức Quả-chí-gia Thược-dược Sinh-khương mỗi thứ 1 lượng, Nhân-sâm 3 lượng để trị; châm Hợp-cốc, Ngoại-quan, Phục-lưu, Hậu-khê.*

c.- *Hạn xuất quá nhiều, dưới Tâm bị hôi-hộp, chỉ muối dùng tay đè lên, dùng Quả-Linh Cam-thảo thang phương để trị; cứu Cự-khuyết, Thủy-phân.*

d.- *Dưới rún bị bôn-dộn, dùng Phục-linh Quả-chí Cam-thảo Đại Táo thang phương để trị; cứu Thủy-phân, Quan-nguyên, Thận-du*

e.- *Tiểu-tiện bất-lợi, hơi sốt, tiểu-khát, dùng Ngũ-linh tân trị; châm Hợp-cốc, Ngoại-quan, Trung-cực, Túc Tam-lý, Âm Lăng.*

f.- *Dưới Tâm bị hôi-hộp, chóng mặt, người lảo-dảo lúc nào cũng như chực té nhào xuống đất, dùng Chân-võ thang phương trị; cứu Thần-khuyết, Quan-nguyên.*

g.- *Hạn xuất, ô Hàn, dùng Thược-dược Cam-thảo Phụ-tử thang trị; cứu Thần-khuyết.*

2.- *Chứng Thái-dương bệnh: Tuyệt-dối không bao giờ được cho xô, nếu cho xô sai làm thì lý-khi càng bị hư, hoặc biểu-tà sẽ thừa cơ hâm vào trong, biến chứng sẽ xảy ra như các trường-hợp dưới đây:*

a.- *Mạch xúc, ngực đầy, dùng Quả-chí khử Thược-dược thang để trị; châm Hợp-cốc, Ngoại-quan, Nội-quan.*

b.- *Dưới Tâm bị đầy, hơi đau, tiểu-tiện bất-lợi, dùng*

**Qué-chí khứ Thược-dược già Phục-linh Bạch-truật thang để trị; châm Phong-phủ, Đại-chùy, Nội-quan, Kinh-cử, Hợp-cốc, Âm Lăng, Túc Tam-lý.**

c.- *Há-lại không ngừng, mạch xúc, suyên mà hạn xuất, dùng Cát-cản Hoàng-cầm Hoàng-liên thang để trị; châm Hợp-cốc, Túc Tam-lý, Nội-dình, Thiên-xu, Đại, Tiêu-trường du, Trung-lũ du.*

d.- *Dưới Tâm bị nghịch, đầy, khi xung lên ngực, khi ngồi lên thì bi choáng-váng, thân mình như lảo đảo, dùng Linh Quê Truật Cam thang để trị; cứu Trung-hoãn, Thủy-phân, Túc Tam-lý.*

e.- *Tâm phiền, bụng đầy, ngồi đứng không yên, dùng Chi-tử Hậu-phác Xì thang để trị; châm Gián-sứ, Lao-cung, Túc Tam-lý, Công-tôn, Dũng-tuyền.*

3.- Thái-dương bệnh cũng không nên dùng phép thở: *bởi vì thở có thể làm thương-tổn đến Vị-khí. Biến-chứng của phép thở:*

a.- *Bụng đói nhưng không muốn ăn, dùng Đại-hoàng Cam-thảo thang để trị; châm Trung-hoãn, Nội-dình.*

b.- *Không thèm ăn cơm, cháo, chỉ muốn ăn thức lạnh, sáng ăn chiều ói, dùng Ngô-thù-du thang để trị; cứu Chiên-trung, Trung-hoãn.*

c.- *Tâm phiền, không muốn mặc quần áo, dùng Chi-tử Sinh-khương Xì thang để trị; châm Gián-sứ, Lao-cung.*

4.- Thái-dương bệnh nên cho phát hàn để giải, không nên dùng hỏa-công để giải. Xưa gọi ôn châm, tức là hỏa châm, biến chứng của nó là:

a.- *Ngực đầy, bứt-rứt, hoảng-hốt, tiêu--tiện bất lợi, nói sàm, thân-thể nặng-nề, khó xoay-chuyển, dùng Sát-hồ già Long-mẫu thang để trị; châm Đại-bao, Đại-chùy, Gián-sú, Âm Lăng.*

b.- *Hỏa-nhiệt và tà-nhiệt cùng đốt nóng nhau làm cho phát ra sắc-diện màu vàng, Dương kháng, chảy máu mũi, dùng Tam Hoàng tà Tâm thang để trị; châm Hợp-cốc, Nội-dinh.*

c.- *Âm hư, tiêu-tiện khó, dùng Tru-linh thang để trị; châm Trung-cục, Thận-du, Phục-lưu.*



### Điều 19: 桂枝本為解肌若其人

Qué chi bản vi giải cơ, nhược kỳ nhân  
脈浮緊發熱汗不出者不可  
mạch phù khẩn, phát Nhiệt, hàn bất xuất giả, bất khả  
與也當須識此勿令誤也

dữ dã. Dương tu thức thủ, vật lệnh ngộ dã.

**Dịch nghĩa:** Đây lại thêm một trường-hợp cấm dùng Qué-chi thang phương mà ta không thể không nhắc di nhắc lại nhiều lần: Qué-chi thang vốn là thang dùng để giải tà ở cơ-táu. Nó khác với Ma-hoàng thang là loại dược-tế của phu-biều. Bởi vì tà-khí làm thương đến con người, trước hết làm thương ở phu-biều, sau đó mới đến vùng cơ-táu. Duy chỉ có Phong có tính nhanh-nhẹn, đi từ phu-biều thẳng vào cơ-táu làm cho cơ-táu thực và phu-biều hư, do

*đó mà mạch đi phù hoãn, mồ-hôi tự xuất ra. Đây không gọi là thương mà gọi là trúng. Nếu người bệnh mạch phù khẩn, phát Nhiệt, mồ-hôi không ra, đây rõ-ràng là tà-khí đang ở tại phu-biểu mà không ở tại cơ-táu, không thể cho uống Quê-chi thang. Ôi. Ta nên biết rằng Quê-chi thang là loại dược-tể đại cẩm đối với chứng không ra mồ-hôi. Ta phải biết rõ điều này, không thể nhầm lẫn được.*

**Đại-ý:** Điều này lại tiếp nối điều trên, phân-biệt Quê-chi là loại dược-tể giải cơ, không thể dùng để phát hàn.

**Phương Hữu-Cháp** chú: "Phong trúng vệ, trong lúc vệ vũng, phát Nhiệt hàn xuất mà ố Phong. Vệ hành ngoài mạch ở vùng cơ-nhục, ta dùng Quê-chi thang để cứu-hộ, húp cháo lỏng tán tà-khí, bệnh sẽ được giải."

**Vưu Tại-Kinh** chú: "Trọng-Cánh đã nói rõ cái dụng của Quê-chi, nay lại nói thêm về điều cầm của nó, tức là Quê-chi thang chỉ dùng để giải cơ chứ không dùng để phát hàn. Giải cơ ý nói giải được tà-khí ở cơ-táu, khác hẳn với vai trò phát hàn của Ma-hoàng thang. Nói rõ hơn, Quê-chi thang chỉ thích-hợp với chứng trúng Phong, phát Nhiệt, mạch phù hoãn, tự hàn xuất mà thôi. Nếu gặp chứng mạch phù khẩn, phát Nhiệt, hàn bất xuất, phải dùng Ma-hoàng thang, nếu dùng Quê-chi thang thì sẽ làm cho hàn không xuất ra được thành phiền táo, nặng hơn nữa sắc-diện phát vàng, cuồng loạn không lường được. Đây là điểm đại cẩm-ky của Quê-chi thang. Người thầy thuốc phải cẩn-thận dùng để sai lầm. Tâm lòng cẩn-thận của Trọng-Cánh thật sâu xa."

**Điều 20: 若酒家病不可與桂枝**

Nhược tiếu gia bệnh, bắt khả dũ Quế chi  
湯 得 湯 則 嘔 以 酒 客 不 喜 甘  
thang. Đắc thang tắc ầu, dĩ tiếu khách bắt hỉ cam  
故 也 có dã.

Dịch nghĩa: Quế-chi thang vốn dùng để giải cơ, dựa vào chứng hạn tự xuất làm căn-cứ. Tuy nhiên, ta cũng không thể cò-cháp, nếu nhóm bệnh thuộc những người uống rượu, khi Thấp Nhiệt uẩn-súc bên trong. Lúc không có bệnh, Nhiệt-khí cũng chung cất, do đó, mồ-hôi cũng ra nhiều. Đến lúc có bệnh, mạch đi hoãn, mồ-hôi ra, đó là điều dễ hiểu. Dù sao thì bệnh này cũng không phải do ở cơ-tấu, cho nên không thể uống Quế-chi thang phương. Nếu vì nhầm-lẫn mà ta cho uống thì khi uống xong thang này, nó sẽ trợ cho khí Thấp Nhiệt, vả lại, vị cam có thể làm cho ủng-tắc và đầy, do đó mà phải ầu (ói). Chúng ta biết rằng nhóm bệnh do uống rượu chỉ thích vị khổ, chứ không thích vị cam. Suy rộng ra, không nhất thiết phải là do nhóm bệnh uống rượu mà như vậy, phàm những bệnh do Thấp Nhiệt từ trước, ta cũng xem như là loại bệnh do nhóm uống rượu vậy.

**Đại ý:** Điều này tiếp nối điều trên, cũng nói về vai trò giải cơ của Quế-chi thang. Nội-dung nhấn mạnh chứng tự hạn do khí Thấp Nhiệt không phải thuộc bệnh cùng cơ-tấu gây ra. Ta cần phải phân-biệt cho rõ.

**Thành Võ-Kỷ chú:** "Tiểu-gia nội Nhiệt, chỉ thích vị tân mà ghét cam, Quế-chi thang vị cam, nếu người uống rượu uống vào sẽ bị chứng trung mẫn và ói."



## Điều 21: 峴 家 作 桂 枝 湯 加 厚 樸

Suyễn-gia tác Quế-chi thang gia Hậu-phác

杏 子 佳 Hạnh tử giai.

**Dịch nghĩa:** Quế-chi thang chủ về vùng cơ-táu, người bệnh suyễn thì tà-khí trấn ở biểu làm cho biểu-khí bất thông, suyễn sẽ lên cơn, nên dùng thang Ma-hoàng hơn là Quế-chi. Tuy nhiên, ta vẫn thấy có các chứng thuộc Quế-chi, khác là khác ở chứng suyễn. Nên biết rằng trong lúc bình thường cũng có cơn suyễn, gọi là suyễn-gia, tuy có lúc ngưng, nhưng gặp bệnh sẽ lên cơn trở lại. Xét ra thấy có chứng thuộc Quế-chi, nhưng không thể dùng thuận Quế-chi thang, mà phải gia Hậu-phác, nhằm đưa khí vận hành từ Tỳ, dùng Hạnh-tử nhằm đưa khí từ Phế để lợi cho Phế-khí, như vậy là tốt nhất.

**Đại ý:** Điều này cũng nối tiếp điều trên, Quế-chi thang vốn dùng để giải tà-khí ở cơ-táu, nói thêm rằng bệnh suyễn không hoàn toàn thuộc bệnh ở cơ-táu, không thể chuyên dùng Quế-chi thang.

**Mạch chứng, thiệt chứng:** Mạch phù, rêu lưỡi trắng mỏng.

**Châm cứu:** châm Phong-phù, Phong-trì, Đầu-duy, Hợp-cốc, Ngoại-quan, Liệt-khuỵết, Túc Tam-lý, Thiên-dot,

*Phong-long.* Nếu đâu không đau nhiều thì khỏi châm  
*Phong-trì, Đau-duy;* nếu cổ gáy không cứng thì khỏi châm  
*Phong-phủ;* nếu đàm không nhiều thì khỏi châm *Thiên-dột,* *Phong-long.*



## Điều 22: 凡 服 桂 枝 湯 吐 者 其 後

Phàm Phục Quέ chi thang thô giả, kỳ hậu  
必 吐 膽 血.

tất thô nùng huyết.

**Dịch nghĩa:** *Phàm khi nào không được uống Quέ-chi thang mà lại uống nhầm, không những bị ối, và lại còn bị thô, đó là vì bên trong có khí Thấp Nhiệt, gặp phải khí Tân Nhiệt của Quέ-chi thang, hai Nhiệt cùng xung-đột với nhau sẽ bùng lên, làm thương đến Dương-lạc, sau đó sẽ ói ra mủ và máu.*

**Đại ý:** Điều này làm sáng tỏ hai điều trên, nêu rõ ý nghĩa tại sao sau khi vừa uống vào thì bị ói ra ngay, như phần tự-lệ có nói: "Quέ-chi thang vừa uống xuống tới yết-hầu Dương thịnh thì chết ngay."

**Lục Uyên-Lôi chú:** "Về mặt thực-nghiệm, chưa nghe ai nói rằng uống Quέ-chi thang mà bị ói; về mặt bệnh-lý, người bệnh nào ói mủ và máu nhất định bệnh phổi có sắn mủ và máu, hoặc dạ-dày có mủ máu. Vì bình thường nếu uống Quέ-chi có ói cũng không lý nào ói ra mủ và máu."



## Điều 23: 太陽病發汗遂漏不止

Thái dương bệnh phát hàn, loại lậu bất chỉ.

其人惡風小便難四肢微急

Kỳ nhân ô Phong, tiểu tiện nan, tứ chi vi cấp

難以屈伸者桂枝加附子湯

nan dí khuất thân giả, Quέ chi gia Phү tử thang

主之 chủ chi.

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương bệnh, vốn phải làm cho ra mồ-hôi, nếu như ta không làm cho ra mồ-hôi lâm-tầm, mà lại phát hàn thái-quá đè rồi nó chảy ra không ngừng, bệnh như vậy là chưa khỏi được. Vì thế người bệnh vẫn ô Phong, mồ-hôi thì dầm-dè bên ngoài trong lúc đó tân-dịch thì kiệt dần bên trong, khiến cho tiểu-tiện khó-khăn, tứ chi, vốn là gốc của các kinh Dương, nay không còn được nuôi-dưỡng bởi Dương-khí nữa, cho nên bị co-giật nhẹ, có khi co duỗi khó-khăn. Đây là do mồ-hôi ra quá nhiều bị vong Dương và tân-dịch bị thoát. Vậy phải dùng Quέ-chi gia Phү-tử thang làm chủ đè trị, trong thang có Phү-tử nhằm cung-cố Dương-khí ở Thiếu-âm, khi nào Dương hồi-phục thì mồ-hôi sẽ dứt, tân dịch sẽ không bị thoát nữa.*

**Đại ý:** Điều này bàn về phép trị trúng Phong nhưng vì cho ra mồ-hôi quá nhiều, tạo thành chứng Dương hư.

**Đường Dung-Xuyên chú:** "Chứng tiểu-tiện khó-khăn ở đây là do Thủy trong Bàng-quang bị Hàn kết, tương-tụ nhu

*chứng Thủy-kết trong Ngũ-linh tán vì thế Ngũ-linh tán dùng Quế là để ôn, còn ở Quế-chí-gia Phụ-tử-thang này gia thêm Phụ-tử chính là nhằm ôn Thủy, tán kết. Lời thiền chú lại nói "tiểu-tiện khó-khăn là do tân-dịch kiệt".*

*Điều 23 này mới thực sự là chứng Dương-dán. Quế-chí-gia Phụ-tử chính là Dương-dán-thang, là loại phương-thang bồ-vong Dương, chứ không phải để cứu Âm. Chứng "tứ chi vi-cáp, nan-dī khuất-thân" cũng do Hàn-khí gây-nên, vì thế nên phải dùng Quế-chí-gia Phụ-tử. Nó khác với điều nói về "hai cẳng-chân co-rút": Bởi vì "hai cẳng-chân bị co-rút" là do Âm-dịch không còn duồng-cân-khí nữa, vì thế ta nên dùng Bạch-thuộc Cam-thảo-thang. Nếu so-lại với chứng "giồng-với Dương-dán" thuộc Âm-dịch bị kiệt, ta thấy ngay điều 23 này thuộc Dương-khí-vong chứ không phải Âm-dịch kiệt.*

*Tóm-lại từ điều 15 đến điều 23 gồm 9 điều luận về sự biến-dộng của Thái-dương chứng, nói-lên sự ứng-dụng rộng-rãi của Quế-chí-thang."*

*Trương-Lệnh-Thiều nói: "Tám điều kế-tiếp sau đây luận về khí của Thái-dương lúc xuất-lúc-nhập, lúc-trong-lúc-ngoài, bên-ngoài thì vận-hành ở Dương, bên-trong thì vận-hành ở Âm. Xuất-ra thì ở bì-phu, nhập-vào thì ở cơ-tấu, kinh-lạc, không-nơi-nào-không-bị-khí Thái-dương thao-túng cả."*

### **3.- Quế-chí-gia-phụ-tử-thang-phương: 桂 枝 加 附 子 湯 方**

*Đây là Quế-chí-thang nguyên-phương-gia thêm 1 củ Phụ-tử, nướng, bỏ-bì, cắt-làm 8 miếng.*

Tất cả các vị trên cho vào 6 thăng nước, sắc với lửa riu-riu còn 3 thăng, bỏ xác, uống ấm 1 thăng. Nếu như uống vào mà mồ-hôi dứt thì thôi, không uống tiếp Phương thang này chủ-trị chứng thuộc Quê-chi nhưng mồ-hôi ra không ngừng.

**Nguyên-Tê** nhận xét: "Tạng của Thái-dương là Thiếu-âm, Thái-dương bệnh vốn phải phát hàn, nhưng nếu phát thái-quá đến phải chảy không dứt, ta phải dùng Phụ-tử để cung-cố lại Dương-khi. Nếu nặng đến tay chân bị quyết-lãnh, ta dùng loại Tú-nghịch thang để cứu-trị. Nếu người bệnh ô Phong, tiêu-tiện khó, tú-chi bị co-giật nhẹ khó co duỗi, hàn xuất quá nhiều thoát dịch, nhưng chân Dương trong Thận còn chưa bị thoát, ta chỉ cần dùng Phụ-tử để đợi bỗ khí của Thiếu-âm. Sau đó nhờ Quê-chi thang khiến cho Âm giao được với Dương, nhờ-vậy mà mồ-hôi ngưng chảy. Mồ-hôi ngưng chảy thì tân-dịch không bị thoát ra ngoài, các chứng khác nhờ đó mà tiêu-trù."

**Thừa Đạm-Am** chú: "Phụ-tử làm cường Tâm, sinh ôn, đóng vai Quân, Quê-chi, Thuộc-dược, Sinh Khương trị chứng mồ-hôi ra không ngừng và ô Phong; Phụ-tử và Thuộc-dược trị tiêu-tiện khó; Thuộc-dược, Cam-thảo, Đại Táo trị chứng tú chi co-giật nhẹ, co duỗi khó-khăn. Được không thể dùng một cách bùa-bài được, tên không thể bắn ra mà không có mục-dịch. Chỉ có thầy Trọng-Cảnh mới kết-cầu được loại phương thang đầy nhân-đạo như thế."

**Mạch chứng, thiệt chứng:** Mạch phải phù tê hoặc phù nhược, rêu lưỡi trắng mỏng.

**Châm-cứu:** Cứu *Thần-khuyết*, *Quan-nguyên* làm cường-tráng Tâm-khí, tăng sức ấm của thân-thể (cây cứu nhỏ như hạt lúa mạch, khoảng 20-30 tráng là đủ); châm *Âm-khích* lưu kim 3 tráng làm dứt mồ-hôi. Người bệnh nhức đầu thì châm *Phong-trì*, *Phong-phù*, *Đầu-duy*, *Hợp-cốc*.

*Trần Niệm-Tô* chú: " ... Mồ-hôi dầm-dè bên ngoài, tân-dịch lại kiệt bên trong, vì thế tiểu-tiện khó. Tú chi là cái gốc của Dương-khí, nay tú chi không còn được nuôi dưỡng bởi Dương-khí nữa, vì thế bị co-giật nhẹ, khó co-duỗi. Vì mồ-hôi làm vong Dương, vong Dương lại thoát tân-dịch, phải dùng Quế-chí già Phụ-tử thang làm chủ-trị. Trong phương, ta dùng Phụ-tử cung-cố Dương-khí trong Thiếu-âm. Cung-cố Dương tức là làm cho mồ-hôi dứt, dứt mồ-hôi có nghĩa là cứu được tân-dịch. Cái lý thật là vi-diệu."

**Dư Vô-Ngôn** chú: " Chứng trúng Phong là phải phát hàn để giải, không thể trị sai lầm được. Nay nhân phát hàn mà làm cho hàn xuất dầm-dè, có thể do 3 nguyên-nhân:

1/- Phát hàn nhiều lần, làm cho hàn xuất dầm-dè, làm hư vệ-khí.

2/- Người bệnh vón bị biêu hú, thường có tự-hạn xuất, vậy mà lại bị phát hàn thêm, làm hư vệ-khí.

3/- Người bệnh vốn có chứng Quέ-chi, nhưng lại uống nhầm Ma-hoàng, do đó hàn đại xuất, làm hư vệ-khí. Tất cả gọi là nghịch chứng."



### Điều 24: 太陽病下之後脈促胸

Thái dương bệnh há chi hậu, mạch xúc, hung  
滿者桂枝去芍藥湯主之若  
mǎn giả, Quέ chi khú Thược dược thang chủ chi. Nhuật  
微惡寒者桂枝去芍藥方中  
vi ô Hán giả, Quέ chi khú Thược dược phương trung  
加附子湯主之gia Phụ tử thang chủ chi

**Dịch nghĩa:** Phát hàn sai lầm không những đưa Dương thoát ra ngoài, ngay như cho xổ sai-lầm cũng sẽ làm cho Dương suy bên trong. Khí của Thái-dương xuất-nhập từ lồng ngực, cho nên nếu Thái-dương bệnh, sau khi cho xổ sai-lầm, Dương-khí sẽ suy, không còn xuất ra ngoài hoặc nhập vào trong nữa, như vậy khí từ ngoài vào trong không còn giao-tiếp nhau. Mạch xúc, khí bị trệ ở lồng ngực, làm cho ngực bị đầy, dùng Quέ-chi khú Thược-dược thang làm chủ-trị. Bởi vì Quέ-chi thang là thần phương của Thái-dương. Nó sẽ điều-hòa làm cho khí xuất-nhập được thông. Nhưng có khi sợ rằng vị khô Hán của Thược-dược làm loi đi cái thể xuất-nhập, và nếu mạch không đi xúc, chỉ đi vì thôi, thân hình lại ố Hán, đó là Dương đã hư đến

cực, dùng Quế-chi khú Thược-dược phương trung gia Phụ-tử thang làm chủ-trị. Đây là sơ súc của Khương và Quế còn yếu, nên phải gia Phụ-tử để trợ cho chúng.

**Đại-ý:** Điều trên cho phát hàn sai-lâm, Dương-khí thoát ra ngoài; điều này cho xổ sai-lâm, Dương-khí bị suy bên trong. Quế-chi thang chỉ cần bỏ một vị rồi gia một vị là đủ để ứng-phó với tình-huống biến chứng của căn bệnh. Nếu Dương bị thoát, nên tìm cách dẫn Dương quay vào trong. Thược-dược thích-ứng trong trường-hợp này. Nếu Dương suy ở trong, nên làm cho Dương chấn-khởi lên để tự đứng vững được, trường-hợp này Thược-dược là đại-ky.

#### 4.- Quế-chi khú Thược-dược thang phương:

**桂枝去芍藥湯方**

Dùng nguyên thang Quế-chi bỏ Thược-dược ra, cho vào 7 thăng nước sắc còn 3 thăng, uống ấm 1 thăng.

#### 5.- Quế-chi khú Thược-dược gia Phụ-tử thang phương:

**桂枝去芍藥加附子湯方**

Dùng thang Quế-chi bỏ Thược-dược, gia Phụ-tử 1 củ, nướng, bỏ bì, cắt làm 8 miếng. Tất cả cắt nhỏ cho vào 7 thăng nước, sắc còn 3 thăng, bỏ xác, uống ấm 1 thăng, khi nào chúng ố Hàn dứt thì ngưng uống.

Trần Úy chú: " Nguyên-lý lớn nhất mà Thương-hàn luận muốn nói, là : đặc Dương thì sống. Điều trên nói về mồ-hôi ra đậm-dè, người thầy thuốc lo-sợ bị vong Dương. Điều này ý nói sau khi cho xổ sai-lâm làm cho ngực đầy, mạch xúc, cũng lo-sợ bị vong Dương. Bởi vì khí Thái-dương xuất ra

từ Chí-âm lên trên đến hung-cách. Nay do xổ sai-lầm làm thương-tồn đến Dương-khí ở hung-cách. Đây là trường-hợp khí trọc-âm ở Hạ-tiêu, ở vào vị-trí của Dương, gây thành chứng đầy ngực. Mạch cũng từ sác thành mạch xúc. Nên dùng Quế-chi khú Thược-dược. Nếu thấy người bệnh ô Hán, đó là Dương hư đến cực, phải gia Phụ-tử nướng chín nhằm tráng Dương, mới cứu-vâng được tình-thế."



### Điều 25: 太陽病得之八九日如

Thái dương bệnh đặc chí bát cửu nhật như  
痞狀發熱惡寒熱多寒少其  
ngược trạng, phát Nhiệt ô Hán, Nhiệt đa. Hán thiểu. Kỳ  
人不嘔圓便欲自可一日二  
nhân bát ầu, thanh tiễn dục tự khả. nhật nhât nhât nhì  
三度發脈微緩者為欲愈也  
tam độ phát. Mạch vi hoan giả, vi dục du da;  
脈微而惡寒者此陰陽俱虛  
mạch vi nhi ô Hán giả, thử Âm Dương câu hư.  
不可更發汗更下更吐也面  
bất khả cát phát hàn. cát há, cát thô da. Diện  
色反有熱者未欲解也以其  
sắc phản hūn Nhiệt giả, vi dục giải da. Dị kỳ

# 不能得小汗出身必癢宜桂

bất nǎng đặc tiếu hạn xuất, thân tắt dưỡng. Nghi Quέ

枝 麻 黃 各 半 湯 chi Ma hoàng các bán thang.

Dịch nghĩa: *Thái-dương bệnh đầu thống, cỏ cứng, phát Nhiệt, ô Hán, bệnh đã được 8 đến 9 ngày, đúng vào lúc Thiếu-dương làm chủ khí. Khi này đóng vai chốt của xoay-chuyển, vì thế bệnh như tình-trạng sốt rét, cũng thấy có chứng Hán Nhiệt vãng lai, thực sự có phát Nhiệt, ô Hán, hiện ra bản chứng của Thái-dương, khác với với bệnh sốt rét thực. Trong cả hai chứng Hán Nhiệt xảy chung nhau đó, Nhiệt nhiều hơn, Hán ít hơn. Kinh Thái-dương lấy Dương làm chủ, Nhiệt nhiều có nghĩa là chủ đang thắng khách. Đây là triệu-chứng tốt. Nếu bệnh-nhân không ôi, đó là tà-khí không chuyển thuộc Thiếu-dương, việc đại-tiện vẫn còn tốt, đó là bệnh sắp khỏi vì tà-khí chưa chuyển thuộc Dương-minh. Chứng Hán Nhiệt mỗi ngày phát ra từ hai đến ba lần, không giống với chứng sốt rét thực xảy ra có định-kỳ. Khi Thái-dương được khí Thiếu-dương làm chốt cửa, tà-khí không còn chỗ ở nữa, cho nên mạch vi, do tà-khí đang suy; mạch hoãn, do chính-khí đang phục-hồi, cả hai mạch đều cho thấy bệnh đang muôn khỏi. Nay giả thiết mạch chỉ có vi mà không thấy hoãn, đó là tà-khí suy mà chính-khí cũng suy. Không thấy phát Nhiệt, mà chỉ thấy ô Hán, đó là khách thắng, chủ thua, bởi vì bên dưới Thái-dương là Thiếu-âm, nay mạch vi, đó*

*là bộc-lộ ra cái biếu-tượng mạch trầm-tế của Thiểu-âm, chúng ô Hàn là triệu-chứng Thiểu-âm quyết-nghịch và lung bị hàn. Đây không chỉ có Thái-duong bị hư mà Thiểu-âm và Thái-duong đều hư, không thể phát hạn thêm, cho xổ thêm, cho ói thêm. Chúng và mạch như vậy, diện sắc dáng lě không có biếu-hiện Nhiệt, vậy mà diện-sắc, ngược lại, có biếu-hiện Nhiệt sắc, đó là vì các kinh Dương đều hội nhau trên mặt, nếu may mà Dương-khí chưa bị bại vẫn còn Nhiệt-khí biếu-hiện ra ngoài mặt. Chỉ giận một điều là Dương-khí đã hư, chưa có thể làm tròn nhiệm-vụ là phải làm sao cho xuất được mồ-hôi nhỏ để giải bệnh. Do ở nó không làm cho mồ-hôi nhỏ xuất ra được, ta quan-sát thấy diện-sắc có Nhiệt-sắc, ta biết đó là khí uất-nhiệt đang muôn đạt ra đến vùng cơ-biểu. Hơn nữa nếu ta xét thấy khí ở vùng cơ-biểu chưa được hòa, ta sẽ biết rằng khắp thân-thể sẽ bị ngứa-ngáy, đó là vì tà-khí muôn xuất ra ngoài mà chưa xuất ra được. Nên dùng Quê chi Ma hoàng các bán thang trợ cho khí ấy.*

**Đại-ý:** Điều này nói bệnh ở tại Thái-duong, đúng vào lúc Thiểu-duong đang làm chủ khí, mượn nó làm chốt cửa để chuyển ra.

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Điều này nên chia làm 3 đoạn:

1. *Bàn về khí-hóa của Thiểu-duong, mạch hoãn, bệnh đang suy-giảm; Nhiệt da Hàn thiểu, ý nói bệnh đang muôn khỏi.*

*2. Bàn về mạch đường như không hoãn mà lại vi, Nhiệt đường như không nhiều, chỉ ô Hàn. Đây không phải chứng của Thiếu-dương muôn khỏi, mà chính là chứng của Thiếu-âm, Thái-dương đều hư, không nên tiếp tục cho phát hạch và cho ói.*

*3. Bàn tiếp về giai-doạn chuyển-tiếp của đoạn 2, ý nói nếu chỉ ô Hàn thì đó là hư Hàn; và nếu chỉ ô Hàn nhưng sắc-diện lại có hiện Nhiệt, như vậy không thể cho đó là hư Hàn được, mà chính là ngoại Hàn của Thái-dương đóng lại, uất Nhiệt bị ứng-tắc; thân-thể bị ngứa không có mồ-hôi là do Nhiệt không được giải. Ta dùng Qué-chí Ma-hoàng các báu thang nhằm phát hạch, chữa khỏi chứng hư Hàn."*

**Châm cứu:** châm Đại-chùy, Gián-sứ trị chứng Hàn giống như chứng sốt rét; châm Hợp-cốc, Kinh-cử trị chứng hạch không thấu ra ngoài; châm Liết-khuyết trị đầu thống, phát Nhiệt; châm Chí-âm, Óc-ê, Khúc-trì trị chứng ngứa do mồ-hôi bị bế. Tuy nhiên chúng ta nên tùy chứng để trị, không nên cầu-nệ lúc nào cũng dùng phép châm.

**Thành Vô-Ký chú:** "Phát nhiệt, ô Hàn mà Nhiệt da Hàn thiều, đó là Dương-khí tiền mà tà-khí thiểu. Lý bất hòa thì ói và hạ lợi; nay nếu không ói, đại-tiện điều-hòa, đó là lý hòa vây. Hàn Nhiệt ngày phát đến hai bã lần, đó là tà-khí đang nhẹ. Nay, mỗi ngày phát nhiều lần mà mạch lại vi hoãn nữa, đó là tà-khí nhẹ và hòa-hoãn, cho nên mới nói là dục dù: muốn khỏi .

*Nay mạch vi mà ô Hàn, đó là cả biểu lân lý đều hư. Dương ở biểu, Âm ở lý, mạch vi là do lý hư, ô Hàn do biểu hư, vì cả biểu lân lý đều hư, vì thế không thể tiếp tục cho phát hạn, cho xổ và cho ói. Âm Dương đều hư, đáng lẽ sắc-diện phải trắng xanh, nay sắc-diện lại có Nhiệt-sắc, đó là biểu chưa giải vậy. Nhiệt-sắc tức là mặt ứng đỏ, nếu cho xuất tiêu hạn thì sẽ hòa-hoãn trở lại. Còn như không xuất được hạn, tà-khí sẽ không thoát ra ngoài, vì vậy sẽ thành ngứa-ngáy. Ta dùng Quế-chi Ma-hoàng các bán thang nhầm phát tiêu hạn trừ tà-khí."*

#### 6.- Quế-chi Ma-hoàng các bán thang phương:

#### 桂枝麻黃各半湯方

<b>Quế-chi</b>	(1 lượng 16 thù)
<b>Thuốc-dược</b>	(1 lượng)
<b>Sinh Khuong</b>	(1 lượng)
<b>Cam-thảo</b>	(1 lượng)
<b>Ma-hoàng</b>	(1 lượng, bỏ mắt)
<b>Đại Táo</b>	(4 quả, xé ra)
<b>Hạnh-nhân</b>	(24 quả, ngâm nước sôi bóc vỏ và đầu nhọn và 2 nhân)

Cho Ma-hoàng vào 5 thăng nước, nấu Ma-hoàng sôi chừng 2 dạo, hớt bỏ bọt, xong cho các vị còn lại vào nước, sắc còn 1 thăng 8 hợp (vó tay), bỏ bã, uống ấm 6 hợp.



#### Điều 26: 太陽病初服桂枝湯反

Thái dương bệnh, sơ phục Quế-chi thang, phản

煩不解者先刺風池風府卻  
phiền bâi giải giả, tiên thích Phong trì, Phong phủ, khuốc  
與桂枝湯則愈 dū Qué chi thang tắc dū.

Dịch nghĩa: *Thái-dương* bệnh, ta xét thấy đó là thuộc *Qué-chi* chứng, ta dùng *Qué-chi thang*, chia ra uống làm 3 lần, nhưng mới uống lần đầu của *Qué-chi thang*, người bệnh, ngược lại, cảm thấy bứt-rứt không giải được. Bởi vì thang này chỉ trị bệnh vùng cơ-táu, không thể trị bệnh nơi các kinh-lạc, đó chỉ làm một nửa nên di-hại một nửa. Nên trước hết châm huyệt *Phong-trì*, *Phong-phủ* nhằm tả cái Nhiệt trong kinh-lạc, rồi lại tiếp-tục uống phần còn lại của *Qué-chi thang* khoảng hai thăng nữa, bệnh sẽ khỏi.

Đại ý: Điều này nói về *Thái-dương* bệnh, tà-khí đã len vào đến vùng cơ-táu và đồng thời can-thiệp đến vùng kinh-mạch. Hai huyệt *Phong-trì* nằm ở vùng đầu thuộc kinh Túc Thiếu-dương, châm 3 phân, lưu 3 hô; huyệt *Phong-phủ* thuộc Đốc-mạch, châm sâu 4 phân, lưu 3 hô. Tất cả 2 huyệt trên đều là nơi mà kinh *Thái-dương* đi qua, vì thế nếu châm nó, ta có thể tả tà-khí của *Thái-dương*.

★

**Diều 27: 服桂枝湯大汗出脈洪**  
Phục Qué chi thang đại hàn xuất mạch hòng  
**大者與桂枝湯如前法若形**  
đại giả, dū Qué chi thang như tiền pháp, nhược hình

# 如 瘡 日 再 發 者 汗 出 必 解 宣

nhus ngược, nhật tái phát giả, hận xuất tất giải. Nghi

## 桂 枝 二 麻 黃 一 湯

Quế chi nhị Ma hoàng nhất thang.

**Dịch nghĩa:** Khi tà-khí ở tại biểu hay tại cơ-nhục, phép trị không thể lầm nhau được. Nếu ta thấy đó là bệnh thuộc cơ-táu của Thái-dương ta cho uống Quế-chi thang, nếu có mồ-hôi lâm-tẩm thì tốt, còn như làm cho xuất đại hụt lâm-ly, xuất như vậy chẳng những không trị được bệnh, mạch lại biến từ phù hoãn sang hòng đại, đó là chứng của Quế-chi chưa khỏi, ta tiếp-tục uống Quế-chi thang theo đúng phép uống đã nói ở trước, tức là uống thêm nước cháo cho ra mồ-hôi lâm-tẩm. Mồ-hôi sinh ra từ cốc-khí, nếu cốc-khí làm cho ra mồ-hôi vừa phải, đó là triệu-chứng tinh-khí đã thăng tà-khí. Phàm những bệnh thuộc về cơ-táu, trị là phải khỏi. Nay nếu như vẫn chưa khỏi bệnh ngay mà có chứng Hán Nhiệt vãng lai, thân mình dương như đang sốt rét, thế nhưng bệnh sốt rét là bệnh xảy ra có định-kỳ, còn ở đây, bệnh lại xảy ra rất bất thường, có khi mỗi ngày xảy ra hai lần, đây không chỉ là bệnh ở cơ-táu mà kiêm cả biểu bệnh. Nếu bệnh ở biểu thì khi mồ-hôi ra bệnh sẽ khỏi. Nên cho uống Quế chi nhị Ma-hoàng nhất thang. Đây là trường-hop sau khi dùng thang Quế chi, lại gia thêm Ma-hoàng.

**Đại ý:** Điều này nói về khí Thái-duong ở tại cơ-tấu, nhưng lại thông với vùng biếu.

Nguyên văn cả điều này được các bản in viết là :" Phục Quέ chi thang, 大đại hạn xuất..." nhưng bản của Thừa Đạm-Am lại sửa thành : " Phục Quέ-chi thang, 不bất hạn xuất..."

Thừa Đạm-Am chú:" ... *Chữ đại ở đây phải sửa lại là bất mới hợp lý. Bởi vì, nếu không, khi uống Quέ-chi thang mà đại-hạn xuất, mạch hồng đại, đó là kháng Dương, lẽ ra phải thuộc về Bạch-hồ thang chúng, như vậy làm sao còn dám uống thêm Quέ-chi?* Các nhà chú-giải cho rằng, nếu chưa thấy xuất-hiện chứng phiền khát, bệnh vẫn còn đang ở Thái-duong, vì thế có thể cho uống Quέ-chi thang. Nói như vậy là tự mâu-thuẫn với lập-luận của mình. Mạch hồng-dai tức là huyết Nhiệt đã lên cao, đại hạn xuất, tân-dịch bị tiêu-hao quá nhiều, như vậy làm sao không hiện ra chứng phiền khát? Nếu lại dùng Quέ-chi thang để tiếp-tục cho hạn xuất ra lần nữa,, trường-hợp này, nếu không ói ra máu hoặc rã máu cam, thì cũng nhất định đưa đến cuồng loạn không an... Như vậy, chữ đại hạn ở đây là sai.

Và lại, Quέ-chi thang là loại được-tễ làm xuất vi-hạn, quyết không thể nào bức đại-hạn xuất ra được. Và nếu có đại-hạn thì mạch phải theo hạn xuất, Nhiệt tan để thành phù hoãn mới đúng, không thể nào thành hồng-dai được. Chúng ta thấy chữ đại phải thay bằng chữ bất mới đúng.

Vấn-đề là tại sao "bất hạn xuất" mạch lại thành hồng-dai" ? Đó là sau khi uống thuốc xong, Tâm-tạng nhận được

vị tân-ôn của Quέ-chi, có khuynh-hướng đầy huyết hương ra ngoài, mạch sẽ thành hồng-đại... Tất cả là do ở người bệnh gốc có Hán-tà, bệnh nặng; được nhẹ, mới uống Quέ-chi, chưa đủ sức làm cho xuất vi hàn, vì thế phải gia Ma-hoàng để bức hàn mạnh hơn, vì thế câu văn sau mới nói : hàn xuất tất giải."

Châm cứu: châm Đại-chùy, Khúc-trì, Nội-dình thanh Nhiệt, giáng huyết áp; châm Hợp-cốc, Ngoại-quan, Kinh-cử làm xuất hàn, giải tà; châm Đại-chùy, Hợp-cốc, Gián-sứ trị 'như ngược : giống như chứng sốt rét'.

Ngô Quốc-Định chú:" Thái-dương trúng Phong, uống Quέ-chi thang không đúng phép, hậu-quả là đại hàn xuất mà bệnh không giải, mạch hồng đại giống như Bạch-hổ thang của Dương-minh, nhưng lại không có chứng phiền khát. Như vậy, nếu uống Quέ-chi thang thì đúng chứng mà không đúng mạch, uống Bạch-hổ thang thì đúng mạch mà không đúng chứng. Cả hai thang đều không chính-xác đối với bệnh.

Do ở dùng phép phát hàn sai lầm, hàn xuất lâm-ly, tà-kí lưu-trệ ở vùng bì-mao, cơ-nhục, cùng tranh nhau với chính-kí, phát Nhiệt ố Hán, vāng lai nhu sốt rét, phép trị là phải giải biếu. Duy cō điều là sau khi xuất đại hàn, dùng Ma-hoàng quá mạnh, dùng Quέ-chi yếu hơn, do đó mới chọn Quέ-chi nhì Ma-hoàng nhất nhằm hòa được khí doanh vê, nhằm sơ-thông biếu tà, được-lực hơi mạnh hơn Quέ-chi thang, nhưng lại nhẹ hơn Quέ-chi Ma-hoàng các bán thang."

**Kha Vạn-Bá chú:** "Uống Quê-chi thang nhầm cho xuất vi hàn. Nay nếu xuất đại hàn, đó là bệnh chưa trù. Thế nhưng, sau khi uống Quê-chi thang mà xuất đại hàn, ta vẫn dùng tiếp-tục được, nó khác với trường-hợp dụng Ma-hoàng thang thì không thể tiếp-tục được."

Ta thấy rằng, sau khi xuất đại hàn, mạch hồng đại, đại phiền khát, đó là Dương đã hâm vào trong, nó khác với hàn đa vong Dương. Đây là trường-hợp hàn xuất chưa dứt, bên trong không phiền khát, đó là bệnh còn ở biếu, Quê-chi chứng chưa dứt, vẫn có thể cho uống tiếp tục. Ta nên thừa thế để cho phát hàn thêm. Hạn xuất, ta giải vậy. Nếu ta không dùng phép này thì sẽ khiến cho Phong Hàn ở-khách nơi huyền-phủ, người bệnh sẽ phát Nhiệt, ô Hàn như chúng sốt rét. Khác nhau ở chỗ sốt rét thì xảy ra có định kỳ, không thể mỗi ngày xảy nhiều lần được. Đây là Phong-khí còn lưu lại nơi ở của nó, ta dùng gấp bội Quê-chi để giải cơ, dùng ít Ma-hoàng để khai biếu, Đây cũng là phép trị : sau khi uống Quê-chi lại thêm một ít Ma-hoàng vậy."

**Lý Thời-Trân** chú: "Mạch hồng, khí dưới đầu ngón tay cực đại, lai thịnh khú suy, lai đại khú thường."

**Trương Lộ** chú: "Mạch hồng là biểu-tượng của Hỏa-khí đốt nóng. Trong-Cánh có mô-tả các trường-hợp: Phục Quê chi thang, đại hàn xuất, đại phiền khát bất giải; hoặc 'hàn xuất, Nhiệt thế bất giảm', gọi là hoại bệnh. Những trường-hợp này thường không thể cứu được. Mạch hồng thuộc Dương-khí đầy tràn, Âm-khí sắp tuyệt, lắc-lư giống

*núi chiết mùi xe, đó là Dương kết; mạch phù mà hồng, mồ hôi ra như dầu, đó là Phế-khí bi tuyệt. Đến như tạp bệnh mạch hồng, tất cả đều là triệu-chứng của Hòa-khí kháng thịnh. Hoặc bệnh lâu ngày, khí hư, tiêu chảy thoát nguyên-khí, ta thấy có mạch hồng thịnh, đó là triệu chứng trái nghịch, lâm nguy..."*

*Ngô Quốc-Định chú:* "Thực ra, mạch 大đại là tên gọi chung của mạch 虹 hồng. Các nhà viết về mạch ít khi viết chung nhau. Ví như sách *Mạch-kinh* viết: "Mạch đại là triệu-chứng của bệnh đang tiến-triển". Nói như Trương Lộ, *mạch hiện hồng* đại là triệu-chứng nguy-hiểm.

*Trên lâm-sàng, điều 27 trên có 4 điểm cần chú-ý:*

*1./ Trong phép trị bệnh, thuốc không những phải dùng đúng bệnh, ngoài ra còn phải chú-ý liều-lượng nữa.*

*2./ Đại hạn xuất, mạch hồng đại, ta phải dựa vào Bạch-hổ thang chứng thuộc Dương-minh bệnh để suy-doán. Bạch-hổ chứng thuộc lý Nhiệt nếu biểu chứng đã trừ thì sẽ có các chứng miệng lưỡi bị khô, phiền khát muốn uống nước. Điều 27 này mô-tả cho xuất hạn không đúng phép, nhưng các chứng ó Phong Hàn, phát Nhiệt, dầu thόng, cổ gáy cứng vẫn còn, và lại người bệnh miệng vẫn bình thường không phiền khát. So lại ta thấy khác với chứng Bạch-hổ thang: Nếu không phân biệt cho rõ-ràng, ta sẽ tạo thành tình-thế: uống Quê-chí thang vừa khỏi cổ họng, Dương thịnh, người bệnh sẽ chết ngay tức-khắc.*

3./ Ta nên dựa vào tình-trạng hạn xuất để so-sánh, phân biệt. Mồ-hôi chảy là do biểu Dương không vững, ô Phong, tú chi co-vặt, khó co-duỗi, mạch-tương phải vi-nhược, tuyệt đối không hồng đại. Điều 27 này mô-tả mồ-hôi không dứt, ô Phong, nhưng chúng đều thống phát. Nhiệt vẫn còn, mạch đậm rộng tràn cả đầu ngón tay. Hai trường-hợp này khác nhau rõ-rệt.

4./ Sau khi xuất hàn, liều-lượng của dược-tề phải dùng nhẹ hơn. Ta không nên quên rằng, loại dược-tề của điều 27 này là loại dược-tề phát hàn với liều-lượng nhẹ."

### 7.- Qué-chi nhị Ma-hoàng nhất thang phuong:

#### 桂枝二麻黃一湯方

Qué-chi (1 lượng 17 thù, bò bì)

Thuoc-dược (1 lượng 6 thù)

Ma-hoàng (16 thù, bò mắt)

Sinh Khuong (1 lượng 6 thù, cắt miếng)

Hạnh-nhân (16 hạt, bò vỏ và đầu nhọn)

Cam-thảo (1 lượng 2 thù, chích)

Đại Táo (5 quả, xé ra)

Cách dùng: Chuẩn-bị 5 thăng nước, trước hết bỏ Ma-hoàng vào, sắc cho sôi một vài долю, hớt bỏ bọt, xong cho 6 vị còn lại vào nước, sắc còn 2 thăng, mỗi ngày uống 2 lần.

Kha Vận-Bá giải phuong:" Tà-khí lưu lại ở giữa vùng co-nhục và bì-mao vốn không phải là nhiệm-vụ của Qué-chi thang. Nay nếu phát hàn quá nhiều, vai trò của Ma-hoàng thang lại không thích-hợp, do đó mà ta phải dùng Qué-chi

thang chiém tỷ-lệ 2/3, Ma-hoàng chiém tỷ-lệ 1/3, . Nhiệm-vụ chính của việc kết-hop này là tái giải cơ, khai biếu nhẹ."



**Điều 28: 服桂枝湯大汗出後大  
煩渴不解脈洪大者白虎加  
人參湯主之** Nhân sâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Khi của Thái-dương theo con đường của cơ-táu để thông với kinh Dương-minh. Nay uống Quέ-chi thang, nếu ra mồ-hôi lấm-tám là tốt. Nhưng nếu tác-động quá lớn để sau khi đại hạn xuất ra xong, tân-dịch của Dương-minh bị thoát. Túc Dương-minh Vị có một con đường liên-lạc với Tâm, sẽ làm cho Tâm bị đại phiền. Trên Dương-minh có Táo-khí làm chủ, vì thế nó sẽ làm cho khát nước không giải được. Khi mà Dương-khí kháng thịnh thì mạch đi hồng đại, không còn trật-tự nữa. Ta dùng Bạch-hồ gia Nhân-sâm thang làm chủ trị.

**Đại ý:** Điều này luận về khí Thái-dương đi bằng con đường cơ-táu để thông với Dương-minh. Bạch-hồ là thần của Kim-khí phương tây. Khi mà mùa thu Kim năm được lệnh thì viêm-khí phải được tiêu-trù. Khi già thêm Nhân-sâm, đó là để cứu lại tân-dịch đã bị thoát do xuất ra nhiều mồ-hôi. Tân dịch phục-hồi thì sẽ tươi thắm-cho Táo-khí vậy.

**Đường Dung-Xuyên bồ:** "Tỳ chủ co-nhục. Vị là phủ của Tỳ. Vì thế Dương-minh Vị cũng chủ co-nhục. Riêng tấu-lý do Tam-tiêu làm chủ. Vì thế khi dùng hai chữ co-tấu chung nhau, chúng ta nên cẩn-thận."

**Châm-cứu:** Châm-Dai-chùy, Đào-dạo, Khúc-trì, Xích-trach, Ngoại-quan, Gián-sử, Hợp-cốc, Dịch-môn, Túc Tam-lý, Thuượng Cụ-hu, Dương Lăng-tuyền, Phong-long, Ủy-trung, Huyền-chung, Nội-dình, Thông-cốc.

Trần Úy chú: "Điều trên nói về trường-hợp uồng Quế-chi thang, hạn đại xuất vây mà tà-khi vẫn chưa sạch. Ta nên dùng Quế-chi thang tiếp tục để phát hạn, hoặc dùng Quế-chi nhị Ma-hoàng nhất thang, tức là làm xuất hạn cùng lúc ở co-nhục lăn bì-phu. Thang này nhằm mục-dịch đuổi sạch tà-khi còn sót lại. Điều 28 này luận về trường-hợp đại hạn xuất, ngoại tà đã giải, nhưng vì hạn xuất quá nhiều làm thương-tồn đến tân-dịch của Dương-minh. Một đường lạc-mạch của Vị thông với Tâm, gây thành chứng phiền (bứt-rứt); Dương-minh thuộc Táo Thổ gây thành chứng đại khát; Dương-minh thịnh khiến mạch đi hỏng đại. Vị Hàn của Thạch-cao đóng vai chủ trong việc thanh Phế. Vị khô của Tri-mẫu đóng vai tư-nhuận cho Thủy. Vị cam của Cam-thảo và Cảnh-mẽ cùng Nhân-sâm bỗ Thủy để chế Hỏa, Vị cam còn bỗ Thổ để sinh Kim. Kim là nguồn của Thủy vậy."

### 8. Bạch Hổ gia Nhân-sâm thang phương:

白虎加人參湯方

*Tri-mẫu* (6 lượng)

*Thạch-cao* (1 cân, nghiền nát, dùng khăn bọc lại)

*Cam Thảo* (2 lượng, chích)

*Cánh-mẽ* (6 vòc)

*Nhân-sâm* (2 lượng)

**Cách dùng:** Dùng một đấu nước nấu gạo cho chín nhừ, cho 4 vị còn lại vào cháo lỏng, sắc, nhắm chừng sau khi bỏ xác còn lại 3 thăng. Mỗi lần uống ấm 1 thăng, ngày 3 lần.



### Điều 29: 太陽病發熱惡寒熱多

Thái dương bệnh, phát Nhiệt ó Hán, Nhiệt đa  
寒少煩躁脈微弱者此無陽

Hàn thiểu, phiền táo, mạch vi nhược giả, thử vô Dương  
也 不 可 發 汗 宜 桂 枝 二 越 脾  
dâ. Bất khả phát hàn. Nghi Quế chi nhị Việt tỳ  
一 湯 主 之 nhất thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Khi của Thái-dương, bên ngoài nó vận-hành ở vùng Dương-phận, bên trong nó vận-hành ở Âm-phận. Thái-dương và Thiếu-âm cùng làm biểu lý cho nhau, vì thế sự vận-hành bên trong có cơ-sở lý-luận của nó. Huống chi nay nó lại hâm vào trong Tỳ để rồi không đạt ra ngoài được, làm thế nào để phân-biệt được tình-huống này? Ta phân-biệt bằng sự tương-phản giữa chứng và mạch. Thái-dương gây bệnh, chứng của nó là phát Nhiệt ó Hán. Khi Thái-dương lấy Dương làm chủ, nếu Nhiệt đa Hán thiểu,

đó là chủ thăng khách, là triệu chứng sắp lành bệnh, mạch phải hoãn mà không vi. Nay mạch lại vi nhược, đó là mạch và chứng tương phản nhau. Chứng của Thái-dương mà khí của nó lại hâm vào trong Chí-âm, bộ mặt thực của Thái-dương đã bị che-lấp, không thể không phân-biệt cho rõ. Vì thế mới nói đây là chứng thuộc Dương mạch lại vô Dương. Dương chủ về biếu, nay nếu vô Dương thì không thể cho phát hạn ở biếu được. Đây là chữa theo mạch chứ không theo chứng. Nên uống Quê-chi nhị Việt tỳ nhất thang phương, đó là dì từ Chí-âm để phát ra Dương

**Đại-ý:** Điều này nói về khí Thái-dương hâm vào trong làm cho Tỳ-kí khong đạt ra ngoài được. Như vậy, không thể cho phát hạn ở biếu được, chỉ nên dùng Quê-chi nhị Việt tỳ nhất nhằm giúp cho Tỳ-kí vượt ra ngoài mà thôi.

**So-sánh dị bản:** Bản của Ngô Quốc-Định viết là:

Thái dương bệnh phát Nhiệt ố Hàn, Nhiệt da Hàn thiểu, nghị Quê chi nhị Việt tỳ nhất thang. Mạch vi nhược giả, thủ vô Dương dã, bất khả phát hạn.

Và lại, nguyên bản không có 2 chữ phiền táo. Tuy nhiên, Kha Vận-Bá đã lập-luận như sau: "Nếu không có phiền táo thì tại sao lại dùng Thạch-cao bùa-bãi như thế ? Như vậy, chúng ta thấy cần phải có hai chữ phiền táo mới khớp giữa phương thang và chứng trạng."

Và lại, tổ-chức của Việt-tỳ thang giống với tổ-chức của Đại Thành-long thang. Chủ chứng của nó là: bất hạn xuất mà phiền táo. Nô dùng Ma-hoàng để phát hạn, tán ngoại Hàn;

dùng Thạch-cao để trừ phiền và thanh Nhiệt bên trong."

### 9. Quế-chi nhị Việt-tỳ nhất thang phương:

#### 桂枝二越脾一湯方

**Quế-chi** (18 thù)

**Thuộc-dược** (18 thù)

**Cam-thảo** (18 thù)

**Sinh Khương** (1 lượng 2 thù)

**Đại Táo** (4 quả, xè)

**Ma-hoàng** (18 thù)

**Thạch-cao** (24 thù, nghiền nát, dùng khān bọc lại)

**Cách dùng:** Tất cả các vị trên, cắt nhỏ, dùng 5 thang nước, cho Ma-hoàng vào trước nấu sôi vài dạo, hớt bỏ bọt, cho tiếp 6 vị vào, sắc lấy 2 thang, bỏ xác, uống ấm 1 thang. Phương này đúng ra là 2 thang riêng là Việt-tỳ thang và Quế-chi thang, uống chung mỗi lần một thang. Nhưng vì hợp lại thành một thang cho mới gọi là Quế-chi nhị Việt-tỳ nhất thang. Nay xét các lời chú-giải, ta biết rằng Trọng-Cánh chỉ dùng cổ phương, đúng theo ý-nghĩa của Nho-gia Khổng tử: 述而不作 Thuật nhì bất tác, đáng là bậc thánh vây. Hai chữ vô Dương trong điều này ý nói Dương-khí bị hãm vào trong Âm, đó rõ ràng là chúng không có Dương ở biểu, vì thế không thể làm cho xuất hàn ở biểu. Do đó phải dùng Việt-tỳ thang. Trong phương thang này có Thạch-cao, chất trọng mà trầm, mang theo sự dũng-mạnh của Ma-hoàng, đi thẳng vào trong Âm ở vùng lý, sau đó lại theo Quế-chi thang quay trở ra vùng cơ-tấu, bi-phu, Bệnh sẽ khỏi.

**Châm-cứu:** Châm Gián-sứ tiêu-trừ chứng bứt-rứt; châm

*Túc Tam-lý, Nội-dinh, Khúc-trì làm thoái Nhiệt; châm Kinh-cù, Hợp-cốc làm phát hạn.*

Ngô Quốc-Định chú:" Nay xét 越婢湯 Việt-tỳ thang nguyên tác viết là 越脾湯 Việt-tỳ thang. Nay xin đổi lại. Phương này chúng ta sẽ gặp lại ở thiên Thủy-khí bệnh sách Kim-quỹ yếu-lược. Sách Ngoại-dài còn gọi tên là Khởi-tỳ thang... Chữ 婢 tỳ có lẽ do sao chép sai. Bởi vì chữ 婢 tỳ này không có nghĩa gì cả. ... Sở dĩ thang này gọi là Việt-tỳ thang bởi vì nó có nhiệm-vụ phát việt Tỳ-khí, thông-hành tân-dịch."

Kha Văn-Bá chú :" Đây là Đại Thanh-long thang mà không có Quế-chi, Hạnh-nhân. Nó cùng với Ma hoàng Hạnh nhân Thạch cao thang, đều là loại được-tể làm mát và giải biểu lý. Thang này không dùng vị khổ của Hạnh-nhân, mà lại dùng vị tân cam của Khuong và Táo, có thể trị chứng Thái-duong Dương-minh hợp bệnh..."

Trần Úy-nhận xét:" Cân lượng của thang này rất nhẹ, có lẽ để đối-phó với tà-khí nhẹ và cạn. Khi Thái-duong lấy Dương làm chủ. Cảm Nhiệt da Hàn thiều ý nói đây là triệu-chứng Dương-khí đang thắng Âm-tà.

Câu: 'mạch vi nhược' ý nói mạch không đi khẩn-thịnh. Câu: 'vô Dương bất khả phát hạn' ý nói chứng này và mạch này đều không có sự thái-quá của Dương-tà, không nên dùng Ma-hoàng thang để phát hạn, mà chỉ nên dùng thang Quế-chi nhì Việt-tỳ nhất này nhằm sơ-thông khí doanh-vệ, tức là cho xuất vi hạn, như vậy bệnh sẽ khỏi. Trong sách Thương-hàn luận của Trương Trọng-Cánh, chúng ta thấy

có dùng hai chữ Âm Dương. Hai chữ nay có khi dùng để chỉ khí huyết, có khi chỉ nguyên Âm nguyên Dương, có khi chỉ tạng phủ, có khi chỉ biểu lý, có khi chỉ Hàn Nhiệt, có khi chỉ chính tà... Vì không cẩn-thận tuyệt-đối, đã có người cho rằng hai chữ vô Dương ở đây là chỉ Dương-khí bị hư, thiểu. Ôi! Thê mới biết người thầy thuốc cần có một trình độ cao-minh mới tránh được những điều nguy-hiểm."



### Điều 30: 服桂之湯或下之仍頭

Phục Quέ chi thang, hoặc há chi, nhưng đầu  
項強痛翕翕發熱無汗心下  
hạng cường thống, hấp hắp phát Nhiệt, vô hạn, Tâm hạ  
漏微痛小便不利者桂枝湯  
mạn, vi thống, tiểu tiện bất lợi giả, Quέ chi thang  
去桂芍藥加伏苓白朮湯主  
khứ (Quέ) Thược dược gia Phục linh Bạch truật hang chủ  
之 chi.

Dịch nghĩa: Tỳ bị Dương-khí hâm vào trong không đạt ra ngoài được, đó cũng là chứng của Thái-dương, uống Quέ-chi thang. Sau khi uống vẫn chưa khỏi bệnh, người thầy thuốc không hiểu tại sao lại không khỏi bệnh, hoặc là họ nghĩ rằng uống Quέ-chi là không đúng, vì thế họ cho xô, thê nhưng biểu-chứng vẫn chưa giải được, lại còn thêm

*chứng đau và cò gáy bị cứng, đau nhức, phát Nhiệt hầm-hầm, không có mồ-hôi. Ngoài ra, ta còn thấy có lý chứng, đó là dưới Tâm bị đầy, hơi đau, tiêu-tiện bất-lợi. Dù sao, nếu không có mồ-hôi tức là biểu tà không có đường thoát ra ngoài; nếu tiêu-tiện bất-lợi tức là lý tà không có đường để đi xuống dưới. Nói chung, tất cả đều do tà-khí nhập vào Tỳ, làm mất đi cái then-chốt xoay-chuyển để đến nỗi Bàng-quang không còn hóa-khí để xuất ra ngoài. Thế là Tam-tiêu không làm tròn bổn-phận khai ngòi nước xuống dưới được. Nội-kinh có nói Tam-tiêu và Bàng-quang ứng với Tấu-lý và hào-mao, đó là còn đường vận-hành toàn thân của khí Thái-dương. Ta nên biết rằng trong phép lợi thủy, sự vận-hành của chốt xoay là quan-trọng nhất, trong đó có phép phát huy, dùng Quέ-chi khứ Thược-dược (Quέ) gia Phục-linh Bạch-truật thang làm chủ trị. Sở dĩ phải khử Quέ, bởi vì không để phạm vào loại được không ra mồ-hôi. Sở dĩ phải gia Phục-linh và Bạch-truật là vì muốn trợ cho sự vận-chuyển của Tỳ khiến cho tiêu-tiện được lợi để rồi sau đó các chứng đều khỏi.*

**Đại-ý:** Điều 30 này bàn về phép trị bệnh do Tỳ bị hầm không còn vận-chuyển được nữa.

**So-sánh dị bản:** Các bản xưa nay viết là:

\* **Quέ chi khứ Quέ gia Phục linh Bạch truật thang.**

Riêng bản của Thừa Đạm-Am lại viết:

\* **Quέ chi khứ Thược dược gia Phục linh Bạch truật thang.**

Thừa Đạm-Am chú:" Quê-chi khứ Quê trong thang này nên sửa lại là Quê-chi khứ Thược-dược là đúng hơn... Bởi vì nếu khứ Quê thì lấy gì để trừ chứng: đầu hàng cường thống, phát Nhiệt vô hạn?

Trọng-Cảnh có đưa ra chứng: mạch xúc, ngực đầy, hận xuất, ô Hàn... và cho dùng Quê-chi khứ Thược-dược gia Phụ-tử thang làm chủ trị. Khứ Thược-dược là do chứng ngực đầy. Ở đây, điều 30 này, chứng là dưới Tâm bị đầy. So lại hai chứng tuy có khác nhau, một dạng là ngực đầy, một dạng là dưới Tâm bị đầy, nhưng cả hai đều giống nhau ở chứng: mẫn: đầy. Chứng mẫn là phải khứ Thược-dược mới đúng."

Châm-cứu: châm Đại-chùy, Phong-phủ, Liệt-khuyết trị chứng đầy và cổ gáy đau nhức, cứng; châm Hợp-cốc, Kinh-cử trị chứng nóng hâm-hầm, vô hạn; châm Nội-quan, Thuận-hoãn trị dưới Tâm bị đầy; châm Âm Lăng-tuyễn, Túc Tam-lý trị tiêu-tiện bất lợi.

Vương Vũ-Thái chú:" Có người hỏi rằng: Đầu và cổ gáy cứng và đau nhức, chứng-tỏ tà-khí vẫn còn ở tại biểu; tuy đã dùng phép xuất hận và cho xổ, nhưng bệnh vẫn chưa giải. Vậy tại sao lại khứ Quê gia Phục-linh Bạch-truật, như vậy là không chú-ý gì hết đến ngoại biểu cả.

Ta đáp rằng: Đây chính là chứng của Quê-chi, thuộc âm gia (chứng đinh âm). Ôi. Chứng đầu và cổ gáy đau nhức và cứng, tuy đã cho dùng phép xuất hận và xổ nhưng bệnh vẫn chưa giải, dưới Tâm bị đầy, hơi đau, tiêu-tiện bất-lợi, đầy là do thủy-ẩm súc-tích lại bên trong, tà-khí

*không ở ngoài biểu, vì thế phải khử Qué-chi gia Phục-linh Bạch-truật. Khi nào tiêu-tiện thông, thủy-âm vận-hành, chứng bụng đầy không còn nữa, lúc đó Nhiệt sẽ tự trừ, các chứng đau và cỗ gáy cứng đau cũng sẽ không còn nữa..."*

## **10. Qué-chi khứ Qué (Thuốc-dược) gia Phục-linh Bạch-truật thang phương.**

**桂枝去桂(芍藥)加伏苓白朮湯方**

<b>Thuốc-dược</b>	(3 lượng)
<b>Cam-thảo</b>	(2 lượng)
<b>Sinh Khương</b>	(3 lượng)
<b>Phục-linh</b>	(3 lượng)
<b>Bạch Truật</b>	(3 lượng)
<b>Đại Táo</b>	(12 quả)

Tất cả các vị trên cho vào 8 thăng nước sắc còn 3 thăng, bỏ xác, uống âm 1 thăng, khi nào tiêu-tiện được thông thì khỏi bệnh.

Đường Dung-Xuyên bồ:" *Thang này gần với Ngũ-linh tán. Ngũ-linh tán dùng cho trường-hợp khi Thái-dương không đạt ra ngoài được, vì thế phải dùng Qué-chi nhằm tuyên-sướng khí của Thái-dương. Khi nào khí đạt ra ngoài thì Thủy sẽ tự đi xuống dưới, tiêu-tiện sẽ thông-lợi. Phương này xử-lý trường-hợp Thủy của Thái-dương không vận-hành xuống dưới, vì thế phải khử Qué-chi, gia thêm Linh, Truật nhằm làm cho Thủy của Thái-dương vận-hành. Khi Thủy vận-hành xuống dưới thì khí sẽ thông-đạt ra ngoài, do đó các chứng đau thống phát Nhiệt tự nhiên giải-tán. Chúng vô*

*hạn thì phải cho vi hạn để chữa.*

*Ngũ-linh tán quan-trọng ở chỗ dùng Quέ-chi để phát hạn, phát hạn để lợi Thủy. Quέ-chi khứ Quέ-gia Phục-linh Bạch-truật thang phương quan-trọng ở chỗ dùng Linh, Truật để lợi Thủy, lợi Thủy để phát hạn. Như vậy, chúng ta thấy Thủy có thể hóa khí, còn khí có thể hành Thủy."*

Trần Úy nhận xét: "Điều trên bàn về khí của Thái-dương bị hâm vào trong Tỳ không thông-dat được ra ngoài. Điều này bàn về khí của Thái-dương bị hâm vào trong Tỳ không còn vận-chuyển được. Sau khi dùng Quέ-chi, các chứng dầu và cổ gáy đau nhức và cứng, sốt hầm-hầm, vô hạn vẫn chưa khỏi, bệnh-cơ nằm ở hai chữ vô hạn. Như vậy, vai trò của Quέ-chi thang không tác-dộng được gì.

*Hoặc trường-hợp uống Quέ-chi thang mà lại cho xô sai-làm làm cho khí Thái-dương bị hâm vào trong Tỳ đến nỗi dưới Tâm bị đầy, hơi đau, tiêu-tiện bất-lợi, bệnh-cơ nằm ở bốn chữ tiêu-tiện bất-lợi.*

*Sở-trường của Quέ-chi thang là giải cơ mà không sở-trường ở lợi Thủy. Sư (Trọng-Cảnh) đã ân-cần dạy chúng ta là uống Ngũ-linh tán thì phải uống nhiều nước ấm để cho xuất hạn. Như vậy ta thấy rõ không thể khứ Quέ-chi.*

*Khi của Thái-dương hâm vào trung Thổ, bộ-vị của Tỳ nằm phía dưới Tâm, vì thế nơi này bị đầy và hơi đau. Tỳ không chuyển-vận tân-dịch được, do đó tiêu-tiện bất-lợi. Nay ta dùng Quέ-chi khứ Quέ-gia Phục-linh Bạch-truật thang làm cho sự vận-hành được thông-dat thì tiêu-tiện sẽ được*

*thông-lợi. Khi mà tiều-tiện được thông-lợi thì khí của Thái-dương cũng sẽ được thông-dat từ trong ra ngoài, tà-khí cùn trong lân ngoài cũng theo đó mà ra ngoài sạch-sẽ.*

*Ngoài ra khi xét lại phương thang, vấn-dè cân lượng nặng nhẹ đã tạo nên sự biến-hóa khôn lường, có phương thì lấy trọng-lượng nặng nhất làm Quân, như Tiêu Sài-hồ thang chẳng hạn: Sài-hồ 8 lượng, các vị còn lại chỉ có 3 lượng. Có phương dùng cân lượng các vị ngang nhau, như Quê-chi thang chẳng hạn: Quê-chi, Thuốc-duoc, Sinh-khuong đều 3 lượng, vậy mà Quê-chi lại làm Quân. Tru-linh thang các vị đều là 1 lượng nhưng Tru-linh lại làm Quân. Có phương, như Cam-thảo Phụ tử thang, trong đó, Quê-chi đến 4 lượng chỉ làm Sú, trong lúc đó Cam-thảo làm Quân lại chỉ có 2 lượng; lại như Chích Cam-thảo thang, trong đó, Địa-hoàng đến 1 cân chỉ làm Sú, trong lúc đó Chích Cam-thảo làm Quân chỉ có 4 lượng.*

*Trong một phương thang, tuy sự nặng nhẹ vô lường, nhưng một vị được nào đó nằm trong một phương thang nào đó, mới được làm chủ cho một chứng nào đó. Chưa bao giờ một phương thang, vị được làm chủ cho một chứng nào đó bị khứ (bỏ) đi mà phương thang đó vẫn còn làm chủ cho chứng đó. Bởi vì khi nói làm chủ cho một chứng nào đó thì công-năng của nó phải tương-xứng với chứng đó. Ví dụ như chứng : đầu cổ đau cứng, sốt hầm-hầm, dây là Quê-chi chứng của Thái-dương vẫn chưa dứt. Nhân vi tri sai lầm , ta biến phép giải cơ thành phép lợi Thủy*

*Thủy được lợi thì chứng dày bị tiêu và chứng nhiệt bị trừ, tiếp theo đó chứng dày cổ đau cũng cung khôi. Tất cả nói lên sự thần-kỳ của việc dụng được."*



### **Điều 31: 傷 寒 脈 浮 自 汗 出 小 便**

Thương hàn mạch phủ, tự hàn xuất, tiểu tiện

數 心 煩 微 惡 寒 反 與 桂 枝 湯  
số, Tâm phiền, vi ó Hàn, phản dù Quế chi thang  
以 攻 其 表 此 誤 也 得 之 便 厥  
dĩ công kỳ biếu. Thủ ngộ dã. Đắc chi tiện quyết,  
咽 中 乾 煩 躁 吐 逆 謂 語 腳 攣  
yết trung caán, phiền táo, thô nghịch, thièm ngữ, cước luyến  
急 作 甘 草 乾 薑 湯 與 之 以 復  
cáp, tác Cam thảo Can khương thang dù chi dĩ phục  
其 陽 若 厥 愈 足 溫 者 更 作 苟  
kỳ Dương. Nhược quyết dù, túc ôn giả, cảnh tác Thược  
藥 甘 草 湯 與 之 其 腳 得 伸 若  
được Cam thảo thang dù chi, kỳ cước đắc thân. Nhược  
胃 氣 不 和 譜 語 者 少 與 調 胃  
Vị khí bất hòa, thièm ngữ giả, thiêu dù Điều Vị  
乘 氣 湯 若 重 發 汗 復 加 燒 針  
Thùa khí thang. Nhược trùng phát hàn, phục gia thiêu châm.

## 者四逆湯主之

giả, Tứ nghịch thang chủ chi.

Dịch nghĩa: *Thương-hàn mạch phù, tự hàn xuất, tiêu-tiện nhiều lần, Tâm bút-rút, hơi ố Hàn, chân bị co-rút (vặn).* Các chứng trên tương-tự với chứng của Quέ-chi, nhưng khác nhau ở chứng co-vặn. Nay xét, mạch của Thiếu-âm khởi lên từ Tâm bần chân đi lệch lên theo mép trong của vế trong. Phàm trong phép biện-chứng luận trị chúng ta phải đi từ chỗ giống nhau để tìm ra chỗ khác nhau. Nay xét riêng chứng chân bị co vặn, ta sẽ biết được tiêu-Nhiệt của Thái-duong hợp với bần-Nhiệt của Thiếu-âm. Đây là bệnh do cái-Nhiệt của Âm Dương hóa ra mà thành. Khi Nhiệt thịnh, nó sẽ đốt nóng cân-kì làm cho chân bị co-vặn. Ngoài ra ta còn biết được rằng chứng mạch phù tự hàn, tiêu-tiện nhiều lần đều thuộc Nhiệt chứng. Cho dù là có thêm chứng hơi ố Hàn, ta vẫn biết rằng nếu chứng ố Hàn ở biểu mà giảm dần thì chứng uất-Nhiệt ở lý sẽ thịnh dần. Đối với bè ngoài của chứng Quέ-chi thì nó tương-tự, nhưng thực sự thì rất khác nhau. Nay nếu người thầy thuốc ngược lại, dùng Quέ-chi thang để công phân biểu, đó là sai làm. Bệnh-nhân có Dương đang thịnh bên trong, nếu đặc được vị tân-Nhiệt này, thì, đúng như Kinh Dịch đã nói: Kháng long hưu hối, Dương sẽ thoát ra ngoài, túc thì, chứng quyết phải xảy ra. Thủy bị cạn làm cho cỏ họng bị khô. Thủy Hỏa phân ly làm cho bứt-rút và bòn-chòn. Thủy nghịch lên trên làm cho ôi nghịch. Bấy giờ nếu ta dùng những được-tê khô Hàn thì không ổn, duy chỉ

dùng *Can-khuong* nướng cháy đen, biến vị tân thành vị khô, đó là luật đồng khí tương cầu của Kinh Dịch. Ta dùng thêm *Cam-thảo* để làm hòa-hoãn hai vị này dùng chung nhau. Đó là cách dùng *Cam-thảo Can-khuong* thang nhầm theo đúng phép tùng trị để phục-hồi Dương-khí. Nếu chúng quyết được khỏi, chân được âm, ta cho uống thêm *Thuộc-dược Cam-thảo thang* nhầm từ Âm và thoái Nhiệt. Nhiệt được thoái thì chân sẽ co-duỗi được. Nếu Vị-khí bắt hòa, nói sàm, đó là do trước đây người bệnh bị cái độc của vị tân Nhiệt lưu lại ở Dương-minh mà không di được. Ta cho uống một ít Điều Vị Thừa-khí thang. Thang này sẽ làm thanh cái Nhiệt còn lại, trong đó *Mang-tiêu* và *Đại-hoàng* sẽ đối-đãi được với *Khương Quê*. Nay nếu có bệnh do bản Hàn của Thái-dương và tiêu Hàn của Thiếu-âm làm cho Âm Dương đều hư, lại ra mồ-hôi, mồ-hôi không dùng làm thoát Dương. Thêm vào đó gia thêm phép thiêu châm, càng bức-bách mồ-hôi ra nhiều hơn, càng thoát Dương nhiều hơn, như vậy ta nên dùng Tứ nghịch thang làm chủ trị. Tuy cũng là vong Dương, nhưng mỗi trường-hợp phải trị khác nhau.

**Đại-ý:** Điều này nói về bệnh tiêu Nhiệt của Thái-dương hợp với bản Nhiệt của Thiếu-âm do chữa-trị sai lầm gây nên biến chứng nhiều dạng khác nhau.

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Điều này là chúng và biến chúng của vong Dương do Dương kháng mà thành. Nó khác với vong Dương do hư hàn. Cho nên, trước hết chúng

*ta phân-biệt chứng vong Dương do Dương kháng. Ban đầu ta dùng phép Tùng trị để chiêu-hồi: Cam-thảo Can-Khương thang; kế đến ta dùng phép Chính-trị để điều-hòa: Thược-dược Cam-thảo thang; sau cùng ta dùng phép Nghịch trị để công-khắc: Điều Vị Thừa-khí thang. Thật là biến-hóa như rồng bay. Nhờ vậy mà các biến-chứng vong Dương do Dương kháng được chữa khỏi. Ngoài ra, Trọng-Cảnh còn cẩn-thận hơn, sợ người ta ngộ-nhận chứng này là vong Dương do hư Hàn, nhân đó ông dùng phép tá chứng: nếu (nhược) trùng phát hạn, rồi gia thêm thiêu châm đến nỗi bị chứng 'Tú nghịch', đó là vong Dương do hư Hàn, nên dùng Tú-nghịch thang, chứng này hoàn toàn khác với chứng vong Dương do Dương kháng trên. Kha Vận-Bá đã cắt câu từ chữ 若 nhược riêng ra, nói rằng đây không phải là đoạn văn nằm trong điều này.*

*Kha tiên-sinh không biết rằng Trọng-Cảnh đã mượn khách làm chủ, muốn cho người ta so-sánh để hiểu rõ vấn-dề hơn. Vai trò của chữ 若 nhược là đó. Đọc sách của Trọng-Cảnh, chúng ta phải cẩn-thận trong từng chữ của cú-pháp, ngữ-pháp mới không bị sai-sót."*

Thừa Đạm-Am cắt câu : "Nhược trùng phát hạn, phục gia thiêu châm giả, Tú nghịch thang chủ chí" ra khỏi điều 31

**Châm-cứu:** cứu Thần-khuyết, Khi-hải trị chứng quyết-nghịch; châm Chiếu-hải, Phục-lưu, Liêm-tuyễn trị chứng cổ khô; châm Phục-lưu, Gián-sú, Thương-hoãn trị chứng bút-rút, bồn-chòn; châm Thương-hoãn, Túc Tam-lý trị ói

nghịch; châm *Thượng-hoãn*, *Phong-long*, *Thần-môn* trị chứng nói sàm; châm *Thừa-sơn*, *Côn-lôn* trị chứng chân co-vặt.

**Thành Võ-Kỳ** chú:" *Chứng mạch phù, tự hạn xuất, tiêu triệt số nhi ô Hàn thuộc Dương-khí bất túc; chứng Tâm phiền, cước luyễn cấp, thuộc Âm-khí bất túc. Khi nào Âm Dương huyết khí đều hư thì không thể phát hạn. Nay nếu ta dùng Què-chì thang để tân-công phu-biều, đó là làm tồn đến Dương-khí. Đây là trị sai lầm, sẽ làm cho người bệnh bị quyết,yết can, phiền táo, thở nghịch, trước hết nên dùng Cam-thảo Can-khương thang nhằm phục-hồi Dương-khí; khi chứng quyết khỏi, chân ấm, nên dùng tiếp Thược-dược Cam-thảo thang nhằm tăng thêm Âm huyết, nhờ vậy chân co-duỗi được; Âm Dương tuy đã phục-hồi, nhưng Vị còn táo, nói sàm, ta cho uống tiếp một ít Điều Vị Thừa-khí thang. Tiêu chảy nhẹ, Vị sẽ được hòa.*

*Nếu trùng phát hạn sẽ làm vong Dương, lại gia thêm thiêu châm sẽ làm tồn đến Âm. Nôi-kinh viết: 'Khi nào doanh-khí vi-nhược, nếu gia thêm thiêu châm thì huyết không lưu-hành' và nếu ta trùng phát hạn rồi lại dùng thiêu châm, đó là khí của Âm Dương đều đại hư, ta dùng Tứ nghịch thang để phục-hồi khí Âm Dương. "*

**Ngô Quốc-Định** chú:" Căn-cứ vào bệnh-tình và sự diễn-hóa của nó, ta chia làm bốn đoạn như sau:

1. Từ 'Thương hàn mạch phù ...cước luyễn cấp' : mô-tả chứng-trạng ban đầu trước khi chữa-trị. Trong chứng này,

*đoạn 'mạch phù, tự hạn xuất, vi ô Hàn' giống với chứng của Quê-chi thang, nhưng đoạn kế tiếp 'tiểu-tiện sổ, Tâm phiền, cước luyến cấp' lại không thích-hợp với Quê-chi thang. Đây là do Âm hư, tân-dịch bị hao-tốn, Bàng-quang mất đi chức-năng hóa khí, cho nên phải tiểu-tiện nhiều lần; Âm-dịch bất-túc, Dương-kì không hóa, Tâm-thần hốt-hoảng làm cho Tâm bị phiền; tân-dịch hao-tốn không còn nuôi dưỡng tay chân, Dương-kì hư không còn làm ấm tay chân, cho nên phải co-vặt. Điều này cho thấy các chứng tự hạn xuất, vi ô Hàn là do biểu Dương hư, tấu-lý không kín-dáo mà ra. Chữa-trị nên ôn kinh phù Dương theo Quê-chi Phụ-tử thang.*

2. Từ 'Phản dứ Quê chi . . . kỳ cước tức thân': *thuyết-minh hậu-quả* của việc trị sai lầm và phép cứu-chữa. *Chứng tự hạn ô Hàn* do *Dương hư, tân-dịch hao-tốn* mà trị sai lầm theo chứng *Thái-dương trung Phong*, dùng *Quê-chi thang* để tấn-công ở biểu đến nỗi đã hư lại càng hư nhiều hơn nữa.. Khi *Dương hư* thì *tân-dịch* không còn phân-bố khắp chu thân, vì thế mà tử chi bị quyết-lãnh, Âm-dịch không còn lên đến *Phế* và *Vị*, vì thế cổ họng bị khô. Âm-thịnh *Dương hư*, Âm-Dương ly cách tạo thành chứng ói nghịch, bứt-rứt, bồn-chòn. Đây thuộc về *giai-doạn Dương hư* là chính, trước mắt phép cứu-trị nên dùng *Cam-thảo Can-khương thang* nhằm phục-hồi *Dương-kì*. Đợi khi nào *Dương-kì* phục-hồi rồi sẽ cho uống tiếp *Thực-dược Cam-thảo thang* nhằm phục-hồi *Âm-kì*. Sau khi uống *Cam-thảo Can-khương thang* chứng quyết-nghịch sẽ dứt, tay chân ấm trở lại, đó là *triệu-chứng*

của Dương-khí đã phục-hồi. Nếu chưa có kết-quả, nên tiếp-tục uống. Đợi tới khi nào Dương-khí đã phục-hồi, sau đó mới uống tiếp. Thực-dược Cam-thảo thang để phục-hồi Âm-khí. Khi nào Âm-khí phục-hồi thì hai chân sẽ co-duỗi dễ-dàng.

3. Từ 'nhược Vị khí bắt hòa . . . dũ Điều Vị Thừa-khí thang': *thuyết-minh tà-khí theo con đường Táo-hóa để chuyền-nhập vào Dương-minh. Bởi vì sau khi chữa-trị sai-lầm, bệnh biến phúc-tạp, nếu thấy có chứng nói sàm, đó là tà-khí đã nhập vào đến Vị, ta phải dùng Điều Vị Thừa-khí thang để đuổi tà-nhiệt ra ngoài.*

4. Từ 'Nhược trùng phát hàn . . . Tứ nghịch thang chủ chí': *thuyết-minh trường-hợp sai-lầm chồng-chất. Cái sai-lầm ban đầu chính là dùng Qué-chí thang để cho xuất hàn. Sai lầm này chưa cứu-vãn kịp lại tiếp-tục cho phát hàn tiếp, hoặc dùng thiêu châm, hình-thành trọng chứng về vong Dương. Trường-hợp này phải dùng ngay Tứ-nghịch thang để cứu-cấp, tức là để hồi Dương."*

*"Triệu Tự-Chân chú:" Mạch phù thuộc hư; hàn tự xuất, vì ô Hán do Dương hư không thể bảo-vệ bên ngoài; tiêu-tiễn nhiều lần do Hạ-tiêu hư Hán không chế được Thủy; Tâm phiền do Âm hư huyết thiểu; chân co-vặt do bởi huyết bị mồ-hôi doạt nên không thể nuôi-dưỡng cân-khí nữa.*

*Chứng này lúc ban đầu do biếu lý đều hư, bên ngoài không có các chứng của Dương, tà-khí không ở biếu, vì thế không thể cho dùng Qué-chí thang. Nếu ta dùng Qué-chí thang tấn-công vùng biếu để phát hàn thêm lần nữa, đó là ta*

*làm hư thêm cho tình-thể đang hư. Vì thế hậu-quả là xảy ra chứng quyết, cỗ họng bị khô, ói nghịch. Chứng quyết là do vong Dương; cỗ họng khô do tân-dịch bị kiệt; phiền táo, ói nghịch do Hàn bị ngăn-cách xung lên trên. Vì thế trường-hợp này phải dùng Can-khuong để ôn lý, phục Dương; dùng Cam-thảo, Thược-dược để tăng huyết do mồ-hôi đoạt. Như vậy là ta đã phục-hồi khí Âm Dương. Sau khi chân co-duỗi bình thường. Nếu người bệnh nói sàm, do tự hạn xuất và tiêu-tiện nhiều lần, trước hết tân-dịch trong Vị bị kiệt, ta lại uống Can-khuong đến nỗi Dương-minh bị nội-kết, nói sàm, Dù sao, đây cũng không thuộc chứng tà-thực đại mãn, vì thế ta chỉ dùng một ít Điều Vi Thừa-khi thang để điều-hòa Vị-khi.*

*Thứ-tự trong việc dụng dược là tiên Nhiệt hậu Hàn, tiên bồ hậu tả. Mới xem qua đường nét nghịch, nhưng thực sự là thuận. Nếu không phải là Trong-Cảnh thì không ai có thể làm được việc này."*

Ngô Quốc-Định giải-thích chữ 痘 quyết thật rõ: "Phản những bệnh nặng đến phải quyết-lãnh, thì trước hết đầu các ngón tay ngón chân bị, nặng hơn nữa sẽ đến cánh tay và cẳng chân, nặng hơn nữa sẽ đến cánh tay trong và đùi, nặng hơn nữa sẽ đến ngực và Tâm. Đến bô-vị này thì cái chết đã kè bên. Như vậy, con đường tiên của chứng quyết-lãnh đi từ đầu ngón tay, ngón chân, lần đến ngực và Tâm. Bệnh-lý học gọi đây là quyết hoặc là nghịch.

*Chứng này bắt nguồn ở Thiếu-âm, rồi cùng-cực ở Quyết-âm, không liên-hệ đến Thái-âm. Không những Hàn đến cực biến thành quyết mà Nhiệt đến cực cũng thành chứng quyết. Chứng của nó biểu-hiện ra ngoài, nhưng nguyên-nhân phải phân-biệt bên trong. Vì thế, chứng quyết ở Quyết-âm có Hàn có Nhiệt; nếu Nhiệt đa quyết thiểu, đó là bệnh đang sắp khỏi; nếu quyết đa Nhiệt thiểu, đó là bệnh đang tiến nặng hơn. Ta phân-biệt thành 8 trường-hợp:*

\* Thiếu-âm gọi là thủ túc Hàn.

*\*Quyết-âm thì nặng hơn, gọi là quyết, quyết-hàn, quyết-lạnh, nghịch-lạnh, quyết-nghịch, tạng-quyết, vương-quyết ... Trong tất cả, ta nên phân-biệt Hàn và Nhiệt, bộ-vị thương và hạ, khinh và trọng...*

- Quyết-lạnh, quyết-nghịch: tuy rằng hai chứng này đều thuộc bộ-vị của Thiếu-âm, nhưng hiện đang thuộc vào Quyết-âm. Bởi vì nói Thiếu-âm là nói giai-doạn bắt đầu, nói Quyết-âm là nói giai-doạn biến. Quyết của Thái-dương cũng thế.

- Hàn túc là nói đến cảm-giác ngược lại với ôn, ý nói người bệnh tự cảm thấy Hàn.

- Quyết là nói hơi lạnh, Quyết Hàn ý nói bên ngoài hơi lạnh, nhưng bên trong, người bệnh thực sự cảm thấy lạnh.

- Quyết-lạnh, nghịch lạnh, quyết-nghịch thì không cần người bệnh tự thấy lạnh, chỉ nói tới bề ngoài mà thôi, bởi

vì chúng lạnh đã lên đến cẳng tay, cánh tay, cẳng chân, đùi, vì thế mới có tên là nghịch.

- Tạng-quyết thì không những tay chân, đùi ... đều lạnh mà cho đến phu-biều, cơ-nhục cũng lạnh.

- Vưu-quyết thì có lúc lạnh lúc không.

Giữa Hàn và quyết thì Hàn nhẹ hơn, nhưng khi nói quyết tức là nói tình-trạng hơi lạnh.

Thủ túc nghịch lạnh đều thuộc Quyết-âm, không nên cho xổ, cũng không nên cho xuất hàn. Nếu có trường-hợp cần cho xổ thì nên phân-biệt mặc dù thủ túc tuy nghịch lạnh, nhưng có lúc ấm trở lại, hoặc lòng bàn tay, lòng bàn chân còn ấm. Đây không thuộc chứng quyết chính-yếu, vì thế có thể tùy nghi cho xổ hoặc cho xuất hàn. Trong lúc biện-chứng luận trị, chúng ta nên biết những điều trên.

Thêm nữa, muốn phân biệt các chứng quyết trong Quyết-âm, ta nên để ý trường-hợp phát Nhiệt để làm sáng tỏ việc sống chết. Tuy nhiên việc phát Nhiệt cũng có 3 trường-hợp đáng sợ phải lưu ý:

1. Tay chân bồn-chồn không nằm yên.

2. Chứng quyết không ngưng.

3. Hạn xuất không ngừng.

Tất cả chứng-hậu trên đều thuộc về chứng phải chết.

Tuy nhiên, trong thương Hàn huyết chứng, cũng có chứng từ chi quyết-lạnh, có khi phải hôn-mê. Ta nên để ý cẩn-thận."

## 11. Cam-thảo Can Khương thang phương:

甘草乾薑湯方

*Cam-thảo* (4 lượng, chích)

*Can Khương* (2 lượng, nướng đen)

Tất cả hai vị trên cho vào 3 thăng nước, sắc còn một thăng 5 hợp, bỏ xác, phân ra uống ám làm hai lần.

Trần Cung-Phô chú: " *Cam-thảo Can-khương thang là loại phương thang ôn Tỳ Thổ sinh Âm-dịch, đến như trường-hop Dương-khí của Thái-dương bất-túc, đến nỗi tân-dịch ở Âm không sinh, cũng dùng được.*"

Ngô Quốc-Địnhchú: " *Nay xét, Trọng-Cảnh cũng dùng để chữa chứng Phế-nuy. Người sau cũng dùng nó để kiện Vị, lợi tiêu-hóa, tức là điều mà các bậc tiền-hiền gọi là ôn Tỳ Thổ để phục-hồi Dương-khí ở Trung-tiêu.*"

Trần Úy nhận xét: " *Uống nhầm Què-chì thang để biến thành chứng quyết thì rõ-ràng chứng quyết này sẽ là chứng Nhiệt quyết. Vậy tại sao lại dùng Cam-thảo Can-khương thang? Bởi vì chúng ta đều biết rằng phương thang này dùng Cam-thảo làm chủ (quân), tức là lấy vị đại cam để hóa vị tân Nhiệt của Khương và Què; dùng Can-khương làm tá, điểm quan-trọng ở đây là nướng đen lên, biến vị tân thành vị khô. Nó sẽ hợp với vị cam của Cam-thảo để bảo-vệ bên trong tạng phủ, đồng thời đóng vai phục-hồi Dương-khi. Trong luận văn (văn của Thương-hàn luận), phần lớn Trọng-Cảnh dùng Can Khương ở dạng sinh (sóng), riêng phương thang*

này lại dùng bào (nướng), chúng ta nên nhớ rõ điều này.

Có người hỏi chúng vong Dương là do tân Nhiệt, nay Can Khuong dù đã nướng nhưng vị khô vẫn còn, trong lúc đó chúng Nhiệt vẫn chưa hết, vậy là tại sao?

Ta đáp: Cái gì đồng khí là dễ tương cảm, tức là dễ nhập vào nhau. Đây dùng vị đại cam để hồi Dương: quân-chù là Cam-thảo, thêm vào đó là sự thần-diệu của Can Khuong làm tá. Suy ra, chúng ta thấy cương tàm (con tằm) do trúng Phong mà chết, nay chúng ta lại lấy xác của nó để trị chúng trúng Phong. Con lừa thuộc loại súc-vật thuộc Hỏa, luôn luôn đại động Phong Hỏa, vậy mà da của nó lại được dùng để giáng Hỏa, ngưng Phong.

Bác thánh-nhân thời xưa đã hiểu được sự vi-diệu của tạo-hóa. Trọng-Cảnh đã dùng nó để trị chúng Phé-nuy, để trị chúng thỏ huyết. Đây là con đường học cổ nhưng lại biết tìm ra những điều sở-đắc của mình."

## 12. Thược-dược Cam-thảo thang phuơng:

八 樂 十 草 湯 方

Bach Thược-dược (4 lượng)

Cam-thảo (4 lượng, chích)

Tất cả các vị trên cắt nhỏ cho vào 3 thăng nước, sắc còn một thăng ruồi, bỏ xác, uống ám làm 2 lần.

Ngô Quốc-Định chú:" Phuơng này lập ra để trị chúng chân bị co rút không co-duỗi được. Thược-dược có khả-năng làm êm-dịu chúng đau buốt khớp xương, lại có công-hiệu làm

*giải Nhiệt, trán con đau. Vì thế người đời sau dùng để trị chứng Thấp Nhiệt của cước-khí, hoặc trị chứng hai chân yếu không di-chuyển được. Như vậy phải chăng chứng bệnh này hình-thành là do Phong Thấp của cơ-nhục?"*

**Trần Úy** chú: "Thuốc-dược vị khô, Cam-thảo vị cam, cam và khô hợp dụng mang khí-vị của Nhân-sâm nhằm đại bổ Âm-huyết. Khi huyết được bổ thì cân-khí được nuôi-duông để trả lại tình-trạng thư-sướng. Như vậy làm sao còn chứng chân co-vặn?"

### **13. Điều Vị Thừa-khí thang ; hương:**

#### **調 胃 承 氣 湯 方**

**Đại-hoàng** (4 lượng, bỏ bì, rửa bằng rượu ngon)

**Cam-thảo** (2 lượng, chích)

**Mang-tiêu** (nửa cân)

Tất cả 3 vị trên, cắt nhỏ cho hai vị vào 3 thăng nước, sắc còn một thăng, bỏ xác, sau đó mới cho Mang-tiêu vào, xong lại sắc với lửa riu-riu, đợi sôi lên, sau đó uống âm từng tí một.

**Trần Úy** nhận xét: "Đây là chứng Dương-thịnh của Dương-minh do trị Thái-dương chuyển sang. Khô Hàn của Đại-hoàng làm Quán, hàn Hàn của Mang-tiêu làm Thần cam-hoãn của Cam-thảo làm tá. Mang-tiêu và Đại-hoàng lưu lại ở Trung-tiêu nhằm tiết ra cái Nhiệt. Uống chậm-chậm là để điều-hòa Trung-tiêu một cách hòa-hoãn."

**Thứ nam Nguyễn Tê** nhận xét: "Điều Vị Thừa-khí thang có thể trị được chứng Nhiệt còn sót lại do uống nhầm Qué-chí thang.

*Đối với chúng Dương thật của Thái-dương, nó sẽ làm tiết ra Nhiệt ở cơ-nhục thành mồ-hôi. Đối với chúng thuộc Dương-minh, nó sẽ điều-hòa Vị-khí để giải kêt."*

#### 1.4 Tứ nghịch thang phương : 四 逆 湯 方

*Cam-thảo (2 lượng, chích)*

*Can Khương (1 lượng ruồi)*

*Phụ-tử (1 củ, dùng sống, cắt ra lát 8 miếng)*

Tất cả 3 vị trên sắc với 3 thăng nước, còn lại 1 thăng 2 hợp, bỏ xác, chia ra uống ấm làm hai lần. Nếu là người khỏe mạnh, có thể dùng 1 củ Phụ-tử to hơn và dùng Can Khương 3 lượng.

Trần Úy nhận xét: "Tứ-nghịch thang thuộc chính dược của Thiếu-âm. Trong chúng này, ta dùng để phục-hồi Dương-khí đang muôn tán. Trong Thái-dương chúng, ta dùng để lán ôn kinh, dùng để cứu ở lý. Trong Thái-âm chúng, ta dùng để trị chúng Hàn-tháp. Trong Thiếu-âm chúng, ta dùng để cứu lấy nguyên-dương. Trong Quyết-âm chúng, ta dùng để trị chúng quyết."

Thú nam Nguyên Tê nhận xét: "Sinh Phụ-tử và Can Khương thông một con đường từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên nhằm đưa Dương-khí quay về chỗ cũ của nó và giao-tiếp với 12 kinh, nó đúng là một tướng tài có công chém cờ đoạt ải vây. Trong lúc đó Cam-thảo đóng vai chủ với thái-dộ thung-dung điều-hành mọi việc."



**Điều 32. 問曰證象陽旦按法治**

Văn viết: chứng tượng Dương đán, án pháp trị  
之而增劇厥逆咽中乾兩脰  
chi, nhì tăng kịch, quyết nghịch, yết trung can, lưỡng hinh  
拘急而譖語師曰言夜半手  
câu cấp nhì thièm ngũ. Sư viết: ngôn dạ bán, thủ  
足當溫兩腳當伸後如師言  
túc dương ôn; lưỡng cước dương thân. Hậu như sư ngôn.  
何以知此答曰寸口脈浮而  
Hà dĩ tri thủ? Đáp viết: Thốn khẩu mạch phù nhì  
大浮則為風大則為虛風則  
đại; phù tắc vi Phong, đại tắc vi hư. Phong tắc  
生為熱虛則兩脰攣病證象  
sinh vi Nhiệt, hư tắc lưỡng hinh luyễn. Bệnh chứng tượng  
桂枝因加附子參其間增桂  
Quế chi, nhân gia Phụ tử tham kỳ gian, tăng Quế  
令汗出附子溫經亡陽故也  
lệnh hàn xuất. Phụ tử ôn kinh, vong Dương có dã:  
厥逆咽中乾陽明內結譖語  
Quyết nghịch yết trung can, Dương minh nội kết, thièm ngũ,  
煩亂更飲甘草乾薑湯夜半  
phiền loạn, cánh ẩm Cam thảo Can khương thang. Dạ bán

陽 氣 還 兩 足 當 溫 膀 上 微 拘

Dương khí hoàn, lưỡng túc đương ôn, hính thương vi câu

急 重 與 苓 藥 甘 草 湯 爾 乃 膀

cấp, trùng dứ Thuốc dược Cam thảo thang, nhī nāi hính

伸 以 乘 氣 湯 微 潤 則 止 其 譙

thân, dī Thùa khí thang, vi đường tắc chỉ kỳ thiêm

語 故 痘 可 愈 ngū, có bệnh khả dū.

**Dịch nghĩa:** Có người hỏi rằng: Chúng thì giống như là Dương đán, nhưng khi dựa vào phép Quέ-chi thang gia Phụ-tử tăng Quέ, có tên là Dương-dán thang đè trị, thê mà bệnh lại tăng thêm nguy-kịch, quyết-nghịch, trong cõi họng bị khô, hai cẳng chân bị co-vặt, nói sàm. Thày nói rằng: giữa đêm là lúc Âm Dương giao tiếp, tay chân phải được ấm lại, hai cẳng chân phải được duỗi ra. Về sau, đúng như lời thày nói. Nhờ đâu mà biết được như vậy?

**Đáp rằng:** Mạch thôn-khâu, hiện dưới tay thấy phù mà mạch hình thì rộng đại. Phù thì thuộc Phong, bởi vì Dương thuộc Phong tà. Đại thì thuộc hu, đó là Âm hư bên trong không làm tròn bốn-phận gìn-giữ bên trong cho Dương. Phong túc là Dương lại gia thêm cho Dương, vì thế nó sinh ra Nhiệt nhẹ. Hư túc là Âm-dịch bất-túc, cho nên hai cẳng chân bị co-vặt. Bệnh-chúng giống như là Quέ-chi, nhân đó mới dùng Quέ-chi thang nguyên phương gia Phụ-tử 1 củ để tham vào trong ấy, tăng Quέ-chi 3 lượng,

gọi đây là Dương-dán thang, uống kèm để cho mồ-hôi lạnh xuất ra, dùng Phụ-tử để làm âm kinh, đó là vì vong Dương mà ra vậy.

Đó là vì Phụ-tử là loại được dùng làm ôn kinh, khi nào có Âm-hàn dụng-sự, dùng Phụ-tử là để ôn kinh hồi Dương. Ví như dùng Quê-chi gia Phụ-tử thang để trị thì bị như trên. Bởi vì Dương Nhiệt thịnh bên trong, khi uống phải thang trên thì ôn kinh mà vong Dương, ví như thang này cho hàn xuất chẳng hạn. Nay xét chúng quyết nghịch, trong cỗ họng bị khô, Dương-minh kết bên trong, nói sàm, phiền loạn, ta biết ngay đó là do uống phải loại được có tính tan Nhiệt. Thế là ta phải thay đổi phép trị khác bằng cách cho uống Cam-thảo Can-khương thang nhầm dẫn cái Dương-khí đang chạy thoát ra bên ngoài để cho nó quay trở vào trong. Đến nửa đêm lúc mà Dương của Trời sinh ra sẽ làm cho Dương-khí của người cũng quay trở về, hai chân phải âm. Nhờ ở Âm Dương thuận-tiếp với nhau mà chúng quyết cũng khỏi, nhưng tân-dịch của Âm vẫn chưa hoàn-toàn hồi-phục, do đó mà hai cẳng chân vẫn còn co-vặt nhẹ. Chúng ta lại uống kèm thêm Thược-dược Cam-thảo thang, vì khổ cam sẽ sinh Âm-dịch, nhờ đó mà cẳng chân được duỗi ra.

Vấn-de nói sàm vẫn chưa dứt, đó là vì uống nhầm Dương-dán thang, Nhiệt-khí vẫn còn lưu lại. Quê-chi thang được gia bội đến nỗi làm cho Dương-minh bị nội-kết, phiền loạn, đó là vì trong Vị vẫn còn sót ít phân bị táo bón. Nếu chỉ dùng Điều Vị Thùa-khí thang thì thang này

còn yếu, ta nên dùng Đại Thừa-khí thang làm cho đại-tiện được và tiêu chảy nhẹ. Thế là phần phân bị táo cũng theo ra hết, nhờ đó mà không còn nói sàm nữa, bệnh sẽ khỏi.

**Đại-ý:** Điều này viết theo lối vấn-đáp tiếp theo điều trên để nói rõ hơn trường-hợp biến-chứng do uống nhầm thuốc, đưa lập-luận tiến xa hơn bước nữa.

**Thành Võ-Ký chú:** "Dương-dán là biệt danh của Quế-chì thang."

**Ngô Quốc-Định** đưa ra phụ-biểu để tóm-tắt như sau:

#### Phụ bản phân-tích điều 32:

Chứng-trạng ban đầu	Thương-hàn mạch phù tự hạn xuất, tiêu-tiện nhiều lần, Tâm phiền, vi Hàn, chân co-vặt	
Biến-chứng sau khi uống nhầm Quế-chì thang	tử chí quyết, cổ khô, phiền táo, ói nghịch	
Tiến-trình chữa trị	- trước hết nên phục-hồi Dương-khí - tiếp theo nên phục-hồi Âm-khí	Cam-thảo Can-khương thang. Thược-dược Cam-thảo thang
Phương-pháp phòng bì	- nếu Vị-khí bất-hòa, nói sàm: - nếu trùng phát hàn, Dương-khí đại hư.	- uống ít Điều Vị Thừa-khí thang để điều-hòa. - Tứ-nghịch thang.

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Điều này (32) nói rõ hơn cho điều trước (31), viết dưới dạng vấn-đáp.

**Có người hỏi:** Điều trên nói về các chứng mạch phù, tự  
hạn, tiêu-tiện nhiều lần, ô Hàn, chân co-vặt; Điều này lại  
nói về chứng giống như Dương-dán. Nay xét chứng Dương-

dán, ta dùng Quê-chi già Phụ-tử để trị, bệnh càng nặng hơn: tay chân quyết-nghịch, cổ khô, chân bị co-vặt, nói sàm.

Tại sao như vậy?

Thầy giải-thích rằng: Đây chỉ giống Dương-dán chúng chứ không phải thực sự là Dương-dán chúng. Ta đã trị nhằm như trị Dương-dán chúng, như vậy là làm cho Dương-khí bị bay thoát, gây nên chúng quyết-nghịch. Âm-dịch thọ thương, gây nên chúng chân bị co-vặt. Phải đợi đến nửa đêm Dương-khí hồi-phục thì ấy giờ hai chân sẽ ấm trở lại và co-duỗi bình thường. Sau đó, kết-quả đúng như lời thầy đã nói. Nhân đó, có người lại hỏi: Dựa vào đâu mà biết đó là chúng giống như Dương-dán nhưng thực sự không phải Dương-dán?

Đáp: Ta dựa vào mạch Thôn-khẩu phù mà đợi. Mạch phù thuộc Phong tà, mạch đại thuộc Âm hư. Phong tà sinh chúng vi Nhiệt, Âm hư làm cho huyết không dưỡng cân-khí, do đó hai chân bị co-vặt..

Chúng này tuy giống với chúng phát Nhiệt ô Hàn của Quê-chi thang, nhưng thực sự không phải thuộc Quê-chi chúng. Người thầy thuốc hiểu làm cho đó là chúng Dương-dán trong các chúng thuộc Quê-chi chúng. Vì thế họ gia thêm Phụ-tử tăng Quê nhằm làm cho hạn xuất, đó là trị sai lầm. Nói khác đi, chúng này giống như chúng Dương-dán thuộc Quê-chi chúng, nhưng thực sự nó là chúng Phong Nhiệt thuộc Âm hư Dương phù. Nay ta dùng Phụ-tử để ôn kinh, dùng Quê-chi để làm cho xuất hạn, đó là ta

*đã, ngược lại, bức-bách Dương-khí thoát ra ngoài, kết-quả xảy chứng vong Dương thành quyết-nghịch.*

*Dù sao, đây cũng không phải chứng vong Dương do hư Hàn mà đây thuộc ngoài thì vong Dương nhưng trong lại Âm hư, thêm vào đó Nhiệt thậm, cỏ khô, nồi sầm, phiền loạn. Ta cứu cả Âm lẫn Dương thật là một công việc vô cùng khó-khăn. Bởi vì nếu Âm hư thì không thể dùng Can-khương, tuy nhiên, nếu thực sự vong Dương thì ta càng phải dùng nó.*

*Nay ta dùng Cam-thảo Can-khương trị theo lối tùng trị, nửa đêm Dương-khí hồi-phục, hai chân phải âm và chứng quyết-nghịch phải khỏi. Tuy nhiên, vì Dương bên ngoài chưa hồi-phục mà Âm bên trong lại kiệt, ta phải dùng Thược-dược Cam-thảo thang để trị theo lối chính-trị, nhằm phục-hồi Âm-khí, sau đó hai chân sẽ co-duỗi được. Sau khi Âm Dương đều phục-hồi thì ta có thể chuyên-trị chứng Nhiệt, ta dùng Điều Vị Thừa-khí thang làm cho tiêu chảy nhẹ, nhờ đó chứng nồi sầm sẽ khỏi. Tu-Viên chú cho rằng đây là Đại Thừa khí thang chứ không phải Điều Vị Thừa-khí thang. Ông không biết rằng Trọng-Cảnh muốn dùng điều này để làm rõ thêm cho điều Điều Vị Thừa-khí thang trên. Vả lại, nguyên văn viết là vi đường: tiêu chảy nhẹ, tức là dùng để điều-hòa trong việc cứu Dương lẩn cứu Âm. Bởi vì trong lúc hồi-phục, ta không thể dùng đại há: : xô mạnh được. Vì thế không thể dùng Đại Thừa-khí thang trong trường-hợp này được ..."*



**Điều 33: 太陽病項背強几几無**

Thái dương bệnh hạng bối cường thù thù, vô  
**汗惡風者葛根湯主之**

hạn, ô Phong giả, Cát căn thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Khi cơ-tấu thực phu-biểu hư làm cho tự hạn xuất ra, tà-khí nhập vào kinh du, chứng này đã có Quê-chi gia Cát-căn để trị. Nhưng nếu phu-biểu thực làm cho mồ-hôi không xuất ra được, tà khí nhập vào kinh du, phép trị của chứng này như thế nào? Thái-dương bệnh, cổ gáy và lung bị cứng, bệnh-trạng của nó là đơ-dơ cổ ra, tức như chim gáy cánh, muốn bay mà bay không được, mồ-hôi không xuất ra được, đó là tà-khí ngăn ở biếu làm cho biếu-khí bị thực, người bệnh bị chứng ô Phong, hiện rõ chứng-tượng của Thái-dương, dùng Cát-căn thang làm chủ trị.

**Đại-ý:** Điều này nói về tà-khí đi từ phu-biểu để tràn vào các du huyệt của kinh-mạch. Nó khác với trường-hợp tà-khí ở tại cơ-tấu nhập vào kinh-du. Cát-căn thang sẽ đóng vai chủ trị làm xuất ra mồ-hôi nhẹ.

**Thành Vô-Ký chú:** "Thái-dương bệnh, lung và cổ gáy cứng đơ-dơ ra, hạn xuất mà ô Phong, đó là trúng Phong biếu hư vậy. Lung và cổ gáy cứng đơ-dơ ra, vô hạn mà ô Phong, đó là trúng Phong mà biếu thực vậy. Nếu biếu hư thì nên giải cơ, biếu thực thì nên phát hạn, ta dùng Cát-căn thang để phát hạn nhẹ."

Ngô Quốc-Dịnh vẽ ra biểu đồ so-sánh ba chứng thuộc Quê-chi-gia Cát-căn-thang, Cát-căn-thang, Ma-hoàng-thang :

Tên phương thang	Chứng trạng	Phân biệt
Quê-chi-gia Cát-căn-thang	Thái-dương bệnh, lưng cổ gáy cứng đơ-dơ ra, hạn xuất; ố Phong	ngược lại; hạn xuất.
Cát-căn-thang	Thái-dương bệnh, lưng cổ gáy cứng đơ-dơ ra; vô hạn, ố Phong.	vô hạn
Ma-hoàng-thang	Thái-dương bệnh, đầu đầu thống, phát-Nhiệt, thân minh, các khớp xương đau nhức, ố Phong, vô hạn mà suyễn.	các khớp xương đau nhức, vô hạn mà suyễn.

### 15. Cát-căn-thang phương: 葛 根 湯 方

<i>Cát-căn</i>	(4 lượng)
<i>Ma-hoàng</i>	(3 lượng)
<i>Quê-chi</i>	(2 lượng, bả bì)
<i>Thược-dược</i>	(2 lượng)
<i>Cam-thảo</i>	(2 lượng, chích)
<i>Sinh Khuông</i>	(3 lượng)
<i>Đại Táo</i>	(12 trái, bỏ ra)

Trước hết cho Ma-hoàng và Cát-căn vào 7 thăng nước, sắc giảm chùng hai thăng, vớt bỏ bọt, xong cho các vị còn lại vào chung nhau, sắc tiếp còn ba thăng, bỏ xác, uống

Ấm 1 thăng, đắp mền cho ra ít mồ-hôi, không cần phải húp cháo, theo dõi và cẩn-ky như khi uống Quế-chì thang.

**Châm-cứu:** châm *Hợp-cốc* và *Kinh-cử* làm cho xuất mồ-hôi; châm *Phong-trì*, *Đại-chùy*, *Phong-môn*, *Thân-trụ* nhằm trị cổ và lung bị cứng. Ngoài ra tất các các huyệt trên còn trị được các chứng như: đau và ô Phong.

**Ngô Quốc-Định** giải phương: " *Phương này dùng Ma-hoàng 3 lượng bỏ tiết, Quế-chi 2 lượng bỏ bì, so với Ma-hoàng thang dùng Ma-hoàng 3 lượng bỏ tiết, Quế-chi 2 lượng bỏ bì, cả hai giống y nhau. Nhưng khi so với Quế-chi thang dùng Quế-chi 3 lượng bỏ bì, sai biệt nhau 1 lượng mà thôi. Chứng này không có mồ-hôi, Trong nguyên-văn tuy rằng không có nói rõ là để phát hạn, tuy nhiên khi cho gia Ma-hoàng thì mục-dịch rõ-ràng là để phát hạn. Khi hạn xuất thì tà-khí sẽ ra đi, bệnh sẽ khỏi.*"

**Kha Văn-Bá** giải: " *Bệnh mà cổ đơ-đơ ra và bị cứng, vô hạn, đó là biểu bị thực. Mạch phù không khẩn sác, đó là bị trúng bởi Dương Phong, trường-hợp này nên dùng Quế-chi thang làm chủ, nhưng nếu gia Cát-căn đó là để tấn-công cái biểu thực vậy. Cát-căn vị cam, khí lương, có thể làm chấn-khởi Âm-khí và sinh tân-dịch, nuôi dưỡng cân mạch, vì thế Cát-căn đóng vai Quân. Ma-hoàng và Sinh Khương có thể khai thông bế-tắc của huyền-phủ và tấu-lý, xua Phong đuổi hạn vì thế chúng đóng vai Thần.*

*Trường-hợp Hàn Nhiệt đều nhẹ, dùng Quế-chi và Thược-dược ít để làm Tá, chúng sẽ cùng Cam-thảo và Táo*

*dể điều-hòa ở lý. Thang này so lại với hai thang Ma-hoàng và Quê-chí, có chỗ khinh có chỗ trọng, chính là loại được-tể dùng để điều-hòa bieu-lý vậy.*

*Cát-căn thang và Quê-chí thang đều là loại được-tể có nhiệm-vụ giải cơ và điều-hòa ở lý, vì thế người bệnh hữu hạn hay vô hạn, há lợi hay không há lợi, tất cả đều dùng được, Chúng hoàn toàn khác với Ma-hoàng thang chuyên trị biếu.*"

Vương Tân-Tam chú:" Cát-căn thang tức Quê-chí thang gia Ma-hoàng và Cát-căn nhằm xua đuổi doanh-khí đang thực. Chỉ có điều là Cát-căn Ma-hoàng trị doanh vệ thực, Thuốc-dược Quê-chí trị doanh vệ hư.Trong phương-tể, hư và thực cùng hoà lẫn nhau, điểm vi-diệu là ở chỗ nấu trước Ma-hoàng và Cát-căn giảm 2 thăng, sau đó mới cho các vị còn lại vào một lúc. Đó là phương-pháp phát hàn ở doanh-vệ trước, sau đó mới đến lúc cùng-cố vùng biếu, thu-liêm Âm-khí, ngăn không cho Nhiệt-tà truyền-nhập vào Dương-minh. Chúng ta thấy rõ-ràng Trong-Cánh dùng thang này để trị Thái-dương bệnh mà tà-khí chưa nhập vào Dương-minh, tức là dùng để cắt đứt con đường vào Dương-minh. Nếu như Dương-minh chính bệnh, ta không thể dùng Cát-căn thang. Lý Đông-Viên cho rằng Cát-căn thang là chủ dược của Dương-minh là không đúng."



## Điều 34: 太陽與陽明合病者必

Thái dương dữ Dương minh hợp bệnh giả, tất  
自下利葛根湯主之

tự hả lợi, Cát căn thang chủ chi.

Dịch nghĩa: *Chứng phát Nhiệt, ô Hàn, đau và cỏ gáy cứng, đau nhức thuộc Thái-dương, cùng xảy ra đồng thời với các chứng Nhiệt, khát nước, mắt đau, mũi khô của Dương-minh, gọi là hợp bệnh. Đó là Nhiệt-tà của hai kinh cùng thịnh, không đợi phải hâm vào trong mà tân-dịch trong bệnh không tự giữ được, đến phải tự hả lợi. Dù vậy, tà-khi vẫn còn ở tại biểu, trách-nhiệm không do ở lý; rõ ràng đây không phải là trường-hợp cho xổ sai lầm đến nỗi tà-khi hâm vào trong làm cho lý bị hư, vì thế phép trị phải chú-trọng nhiều đến biểu chứng của hai kinh, tức là phải cho dùng Cát-căn thang làm chủ trị.*

Đại ý: Điều này nói đến các chứng do Thái-dương và Dương-minh hợp nhau mà thành hả lợi.

Châm-cứu: châm Trung-hoãn và Thiên-xu nhằm chữa chứng tiêu chảy tự lợi; châm Phong-phủ chữa nhức đầu và cứng cổ; châm Hợp-cốc, Kinh-cử, Ngoại-quan chữa phát hàn và thoái Nhiệt.

Thừa Đạm-Am chú: "Chứng tự hả lợi trong điều này là do Thủy-ẩm chạy xuống Trường Vị, nó khác với chứng hả-lợi do Nhiệt-tà hâm xuống dưới. Vì thế nếu phát hàn xong thì Thủy-ẩm chạy xuống dưới sẽ được giảm khinh, chúng hả-

*lợi sẽ khỏi không cần phải chữa. Vả lại nguyên-tắc trị bệnh của Trọng-Cánh là khi nào hai bệnh của biếu và lý đều thực thì trước hết phải giải biếu rồi sau đó mới trị lý. Nội dung của điều này cho thấy biếu chứng nhiều hơn, Thủy-ẩm không có cách nào thoát ra ngoài bằng con đường biếu được, vì thế nó mới quay vào lý. Vì thế mới dùng Quê-chi thang gia Ma-hoàng để phát hàn giải biếu, dùng Cát-căn để thăng Dương-khí, đưa Thủy-ẩm thoát ra ngoài."*

*Ngô Quốc-Định chú:*" *Thái-dương là biếu chứng của tam Dương, Dương-minh là lý-chứng của tam Dương, thông thường nếu biếu bệnh thì lý không bệnh. Nay bệnh xảy ra có biếu-chứng của Thái-dương, nhưng đồng thời lại kiêm cả tự há-lợi của lý-chứng. Đó là Hán-khí thịnh, tà á-khách tại Nhụ-dương (Dương-minh); Nhụ-dương vì bị ngoại thực cho nên không chủ lý được. Khi mà lý-khí bị hư thì tất nhiên bị tự há-lợi. Tuy nhiên chứng tự há-lợi này không thuộc lý-chứng thực sự, mà là do mồ-hôi không xuất ra được cho nên nó bức-bách xuống dưới. Cát-căn có khả-năng hòa-hoãn cơ-nhục; Thuốc-dược có khả-năng hòa-hoãn Trường Vị; Ma-hoàng và Quê-chi có khả-năng trực Thủy, khứ Hán; Sinh Khương và Táo có khả-năng ổn-định lý-khí; Cam-thảo có khả-năng hòa trung. Tất cả có thể phát-huy tác-dụng giải biếu, ngưng chứng tiêu chảy."*

Sách Thương-hàn Minh-lý luận phân-biệt :

\* *Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh:* tất phải tự há-lợi, dùng Cát-căn thang làm chủ.

\* *Thái-dương và Thiếu-dương hợp bệnh*: tất phải hả-lợi, dùng *Hoàng-cầm thang* làm chủ.

\* *Dương-minh và Thiếu-dương hợp bệnh*: tất phải tự hả-lợi, dùng *Đại Thừa-kí thang* làm chủ.

Cả ba chứng đều thuộc *hợp bệnh* và *hả-lợi*, được giải quyết bằng ba cách: *giải biếu*, *tấn-công ở lý*, *giải bằng phép tổng-hợp*.

\* Tự lợi mà không khát, thuộc Thái-âm, vì tạng bị Hàn.

\* Tự lợi mà khát nước, vì có Nhiệt.

\* Tự lợi mà nước tiểu có sắc trắng: bệnh của Thiếu-âm, có Hàn.



### Điều 35: 太陽與陽明合病不下

Thái dương dù Dương minh hợp bệnh, bắt hả  
lợi, đán ẫu giả, Cát cẩn gia Bán hạ thang chủ  
利但嘔者葛根加半夏湯主  
陽 chi.

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh*, điểm trọng-yếu của nó là *tiêu chảy*, nhưng trường-hợp này lại không *hả-lợi* mà chỉ ỉ oi thôi. Ta phải tìm cho ra nguyên-nhân của chứng này. Bởi vì *Thái-dương* chủ về *khai*: mở ra; *Dương-minh* chủ về *hợp*: đóng lại. Nay *Dương-minh* do ảnh-hưởng của *Thái-dương*, đáng lẽ phải đóng lại, nhưng ngược lại, lại mở ra. Nếu mở ra ở dưới thì bị *hả-lợi* (tiêu

*chảy), mở ra ở trên thì bị ôi. Do đó phải dùng Cát-căn-gia Bán-hạ-thang làm chủ. Bởi vì Bán-hạ-trù được kết-khí nhằm tạo điều-kiện thuận-lợi cho việc mở ra đồng-dều, như vậy, chứng ôi và tiêu-chảy được thông.*

**Đại-ý:** Điều này tiếp nối tiết-trên, nói về Thái-dương và Dương-minh hợp-bệnh, nhưng không há-lợi, chỉ ôi-thôi. Cả hai điều đều nói về Thái-dương và Dương-minh hợp-bệnh nghiêng về mặt *khai* của Thái-dương.

**So-sánh-dị-bản:** Bản của Thừa-Đạm-Am viết khác với các bản khác vô cùng quan-trọng:

"Thái dương dữ Dương minh hợp-bệnh, bất-dẫn-há-lợi, nhi-ầu giả, Cát-căn-gia Bán-hạ-thang chủ-chỉ."

- \* Bất-há-lợi, dẫn-ầu-giả = Không-há-lợi, chỉ-ói-thôi.
- \* Bất-dẫn-há-lợi, nhi-ầu-giả = Không-những-há-lợi, mà-còn-ói...

Thừa-Đạm-Am giải-thích lập-luận của mình:" Điều trên có nói nhò-chứng-há-lợi mà-biết đó là Thái-dương và Dương-minh hợp-bệnh. Vả-lại Thái-dương và Dương-minh hợp-bệnh, tất-phải tự-há-lợi. Nay nếu viết là bất-há-lợi thì làm sao khẳng-định đó là chứng-Thái-dương và Dương-minh hợp-bệnh? Chứng-ói là kiêm-chứng của Thái-dương và là chủ-chứng của Thiếu-dương. Như-vậy, bất-há-lợi mà chỉ-ói không-phải thuộc-Thái-dương và Thiếu-dương hợp-bệnh hay-sao? Vả-lại, Cát-căn-thuộc-loại dược-phẩm làm-thăng-phát Thủy-dịch, Bán-hạ-thuộc-loại dược-phẩm làm-giáng Thủy-dịch đang-thượng-nghịch gây-ra chứng-ói.

Nay giả-thiết-chứng này viết là bất-há-lợi, Thủy-dịch sẽ

. . . định lại ở Vị, nó sẽ thương-nghịch chỉ gây ra chúng ôi, như vậy, chúng ta cần gì phải gia thêm Cát-căn làm thăng-phát Thủy-dịch ?"

Ngô Quốc-Định chú:" Điều trên nói về biếu-tà không tiết-thoát ra ngoài được, Hán-khí bên trong bức ở Trường Vị, vì thế thành chúng há-lợi. Điều này nói về tà-khí can-thiệp vào Vị làm thành chúng ôi-nghịch. Vì là biển của Thủy-cốc, nay nếu tân-dịch bị bức-bách, do đó nó phải được thoát ra ngoài, ta dùng Cát-căn thang nhằm thăng-tán để khai biếu, chỉ cần gia Bán-hạ để trấn ôi giải-nghịch."

Thành Võ-Kỳ chú:" Tà-khí thậm bên ngoài, Dương không làm chủ ở lý, lý-khí bất-hòa do đó khi thoát xuống không trở lên được, thành chúng há-lợi mà không ôi; nay lý-khí nghịch lên trên mà không xuống được, chỉ ôi mà không há-lợi, ta dùng Cát-căn thang nhằm tán tà-khí, gia Bán-hạ để giáng nghịch-khí."

Tào Gia-Đạt chú:" Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh... do ở hạn-dịch của Thái-dương không vận-hành một cách thông-sướng ở biếu, nhưng ngược lại, lại nhập vào lý, cùng ở chung với Thấp-khí của Thái-âm. Con đường chuyền từ Vị vào Trường gây thành chúng há-lợi. Thủy-khí không nhiều, nhập vào Trung-hoàn, Vị không không chịu nhận gây thành chúng há-lợi, ôi-nghịch. Vì thế không gọi là Thái-dương và Thái-âm hợp bệnh mà chỉ viết là Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh."

Tào Gia-Đạt chú:" *Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh, không phải ý nói biếu-chứng của Thái-dương chưa giải thì thấy ngay các chứng sốt tùng cơn, khát nước, không đại-tiện được, nói sàm; mà nó chính là do mồ-hôi không vận-hành ra ngoài biếu một cách thông-suống, nó lại quay ngược trở vào lý, ở chung với Thấp-khi của Thái-âm; đi từ Vị nhập vào Trưởng, biến-thành chứng há-lợi. Thủy-khi nhập vào Trung-hoãn, thành chứng há-lợi và ói nghịch. Vì thế chúng ta không gọi là Thái-dương và Thái-âm hợp bệnh, mà gọi là Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh..."*

Tử Đại-Xuân chú:" Nhờ chúng há-lợi mà biết là Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh. Trong điều này không có chứng há-lợi, tại sao chúng ta lại biết cũng là chứng Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh? Chúng ta phải xét-tùng bản-chứng của mỗi kinh, không cần phải há-lợi mà vẫn định được đó là Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh."

### 16: Cát-căn gia Bán-hạ thang phương.

#### 葛根加半夏湯 方

Cát-căn	(4 lượng)
Ma-hoàng	(3 lượng, bỏ tiết)
Cam-thảo	(2 lượng, chích)
Thuốc-dược	(2 lượng)
Quế-chì	(2 lượng, bỏ bì)
Sinh Khuông	(3 lượng, cắt miếng)
Bán-hạ	(1/2 cân, rửa sạch)
Đại Táo	(12 quả, xé ra)

Trước hết cho Cát-căn và Ma-hoàng vào 1 thăng nước, sắc giảm 2 thăng, hót bỏ bọt, cho các vị còn lại vào, sắc còn 3 thăng, bỏ xác, uống âm 1 thăng cho ra mồ-hôi nhẹ.

Ngô Quốc-Định giải-phương:" *Phương này chính là hợp phương của Cát-căn-thang và Tiểu-Bán-hạ-thang*, chẳng những trị được chứng ối của Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh, mà trị được cả chứng há-lợi và ối, trị được chứng đàm-âm, hoặc chứng ngoại cảm của những người uống rượu. Bởi vì Ma-hoàng phát hạn để giải biếu Nhiệt, Cát-căn sinh tân-dịch làm an được Trường Vị, Bán-hạ hành Thủy, tiêu đàm, trấn nghịch, ngưng ối. Đó là phép tuyên-thông nghịch-khí vậy."

Lục-Uyên-Lôi chú:" *Cát-căn-thang tuy có thể vận-hành được Thủy-dịch trong Vị, nhưng vẫn phải cần đến Bán-hạ để ngưng ối, giáng nghịch, khiến cho Thủy-dịch di xuống đến Trường, sau đó Cát-căn-thang mới làm tròn nhiệm-vụ vận-hành của mình.*"

Trương Lệnh-Thiệu giải-phương:" *Bất há-lợi chỉ ối, đó là khí của Thái-dương vẫn muôn xung lên trên theo con đường khai. Nhân theo cái thể để khai, vì thể chúng ta già thêm Bán-hạ nhằm tuyên-thông nghịch-khí.*"



### Điều 36: 太陽病桂枝證醫反下

Thái-dương bệnh, Qué-chi chứng, y phản hả  
之 利 遂 不 止 脈 促 喘 而 汗 出

chi, lợi toại bất chi, mạch xúc, suyễn nி, hàn xuất

者 表 未 解 也 葛 根 黃 苓 黃 連

giả, biếu vị giải dã. Cát căn Hoàng cầm Hoàng liên

湯 主 之 thang chủ chi.

Dịch nghĩa: *Thái-dương bệnh, đau và cỗ gáy cứng, đau nhức, tự hạn xuất, ô Phong, đó là Quέ chi chứng, bệnh ở tại cơ-táu, người thầy thuốc, ngược lại, lại cho uống thuốc xổ đến nỗi làm cho tà-khí ở Thái-dương di từ cơ-táu nhập và hâm vào bên trong, thế là há-lợi không ngừng. Thế nhưng, dù cho tà-khí có hâm vào trong, khí vẫn muốn thoát ra, mạch cáp và sác, thỉnh-thoảng có một lần chỉ (ngưng) nhưng không có định số. Ta gọi mạch này là mạch xúc, biều-tà chưa thể giải ra được. Nếu tà-khí muốn ra mà chưa ra được thì sẽ suyễn mà mồ-hôi ra, cho uống Cát-căn, Hoàng-cầm, Hoàng-liên thang chủ trị.*

Đại-ý: Điều này nói về Thái-dương chứng, tuy tà-khí đã hâm vào trong, nhưng cũng có thể thừa cơ làm cho tà-khí bên trong phải thoát ra ngoài.

Châm-cứu: Châm Hợp-cốc, Túc Tam-lý, Nội-dịnh nhằm thanh cái Nhiệt ở Trường Vị; châm Thiên-xu, Đại-trường du, Tiêu-trường du, Trung-lữ du kích-thích trực-tiếp kinh-khí ở Trường Vị, làm tán sung-huyệt. Nếu như bụng đau, tiêu chảy mà Trường nhiệt nặng, không nên châm Thiên-xu, nếu có châm, không nên châm sâu.

Trưởng Lệnh-Thiểu chú: "Sau khi cho xổ mà phát suyễn, hạn xuất, đó là chứng nguy-hiểm của Thiên-khí bất

giáng, Địa-khi bất thăng. Ta nên dùng Nhân-sâm Tú nghịch thang. Thầy Trọng-Cánh dùng phương thang này trong trường-hợp biếu chưa giải."

Đường Dung-Xuyên bô:" Điều này nói rõ là thuộc Quế-chi chúng nhầm phân-biệt với tiết trên thuộc Thái-dương bệnh của Ma-hoàng chúng. Hai điều trên thuộc thương Hàn, điều này thuộc thương Phong. Phong ở vùng cơ-nhục thuộc Dương-minh làm chủ. Chúng này đáng lẽ chỉ nóng hâm-hâm. Nay nếu chúng ta cho xổ một cách sai lầm thì Nhiệt-tà sẽ hâm vào trong, tạo thành chúng há-lợi, khác với chúng tắt tự há-lợi. Tại sao chúng biết sự khác nhau giữa hai chúng há-lợi nói trên? Đó là do Hàn mạch không sáu, đến nỗi gọi là xúc. Mạch xúc có nghĩa là Nhiệt-tà hâm vào trong trong lúc đó biếu-tà chưa giải, nội-tà muốn xuất ra ngoài mà không thoát được, do đó mà mạch thành ra xúc-cấp. Nhiệt-khi nghịch ở Phế thành suyễn; Nhiệt-khi đốt nóng cơ-tấu làm cho hạn xuất. Đây là chúng há-lợi thuộc Nhiệt-tà của cả Thái-dương và Dương-minh. Vì thế chúng ta dùng Cát-căn Hoàng-liên Hoàng-cầm thang để trị. Nó khác với cách dùng Cát-căn thang của hai điều trên chuyên để trị Hàn. Xin độc-giả đọc kỹ và so-sánh lại cho rõ."

Ngô Quốc-Định chú:" Câu Thái dương bệnh, Quế-chi chúng là muốn nói đến chúng trùng Phong thuộc Thái-dương: đầu thống, phát Nhiệt, hạn xuất, ô Phong. Chúng Thái-dương trùng Phong phải dùng Quế-chi thang giải cơ, thế mà người thầy thuốc lại cho xổ một cách sai lầm, đến

nỗi biếu Nhiệt hâm vào trong làm cho tiêu chảy không ngừng. Tuy đây thuộc hả-lợi, nhưng vì thể-chất của người bệnh khác nhau, có thể đưa đến hai chuyên-biển:

1. Người nào chính-khí còn cường-thịnh, cho dù bị xổ sai làm nhưng tà-khí vẫn chưa hâm vào tận bên trong, chính-khí còn có thể xua-duỗi tà-khí ra ngoài, vì thế mạch di cấp-xúc, tuy có chứng tiêu chảy, ta vẫn có thể dùng Quê-chi thang hoặc Cát-căn thang để giải biếu-tà.

2. Người bệnh nào bị tà-khí hâm vào trong, lý Nhiệt thịnh lên, không chỉ bị tiêu chảy, lại còn thêm chứng suyễn, hạn xuất... trường-hợp này nên dùng Cát-căn Hoàng-cầm Hoàng-liên thang để thanh cái lý Nhiệt."

Chu Dương-Tuần chú:"Quê-chi chúng mà cho xổ sai làm tiêu chảy không ngừng, đó là do tà chưa nhập lý mà Vị đã thọ thương, ta chia làm hai trường-hợp để luận trị:

a. Nếu mạch di xúc, đó tuy là tiêu chảy nhưng biếu-tà chưa vẫn còn, ta vẫn có thể cho dùng Quê-chi thang.

b. Nếu suyễn mà hạn xuất, đó là ngoại-tà đã hâm vào trong. Ta gọi đây là trường-hợp chưa truyền đến kinh Dương-minh mà đã truyền đến phủ Dương-minh, vì thế mà có mồ-hôi chảy ra ngoài. Khi tà-khí xung lên trên thì làm cho suyễn, tà-khí chạy xuống dưới thì làm cho tiêu chảy. Trường-hợp này nên bỏ Quê-chi, chỉ nên dùng Cát-căn xua đuổi tà-khí ra ngoài, dùng Hoàng-cầm, Hoàng-liên-túc là lấy Hán để giải Nhiệt, bởi vì nếu không đuổi được Nhiệt thì làm sao dứt được chứng suyễn và hàn?"

*Thành Vô-Kỳ chú:* "Qué-chi chúng túc là tà tại biếu, nay cho xổ sai lầm làm cho Trường Vị bị hu. Nhiệt-khí tấn-công vào, tiêu chảy không ngừng. Khi nào tà ở biếu thì hiện ra Dương mạch, tà ở lý thì hiện ra Âm mạch. Chúng tiêu chảy, mạch trì vi, đó là tà ở lý. Mạch xúc thuộc Dương thịnh, tuy tiêu chảy nhưng mạch xúc, ta biết là biếu-tà chưa giải. Nếu bệnh hạn xuất mà suyễn, túc là do tự hạn xuất mà suyễn, ta biết đó là tà-khí thịnh ở ngoài gây ra. Nếu bệnh suyễn mà hạn xuất, túc là do suyễn mà có hạn xuất, ta biết đó là lý Nhiệt khí nghịch gây ra. Ta dùng Cát-căn Hoàng-cầm Hoàng-liêng thang tán biếu-tà, trừ lý Nhiệt."

Theo Ngô Quốc-Định, đoạn văn này gồm 'một đầu hai chân'.

Hòn Thiết-Tiêu phân-tích: "Đoạn văn trên nên viết như sau:  
Thái dương bệnh, Qué chi chúng, y phản hả chi, lợi toại bất chi,  
mạch xúc giả, biếu vị giải dã, Cát-căn thang chủ chi.

Suyễn nhị hạn xuất giả, biếu vị giải dã, Cát-căn Hoàng-cầm  
Hoàng-liêng thang chủ chi.

Tại sao? Theo thương Hàn định lệ thì khi nào biếu chưa  
giải, ta nên dùng biếu được. Khi nào nói đến biếu hoặc  
hạn là nói đến Ma-hoàng. Còn Qué-chi và Cát-căn thì được  
xem là loại giải cơ được. Do đó ta thấy rằng bên dưới câu  
'biểu vị giải' phải thêm năm chữ 'Cát-căn thang chủ chi',  
đó là vì trong Cát-căn thang có Ma-hoàng.

Khi nội hâm có Hàn, có Nhiệt, có Thực. Nay suyễn mà  
hạn xuất là do Nhiệt kết trên cách-mạc. Sao ta biết đó là  
do Nhiệt?. Đó là do Trọng-Cánh dã dùng đến Hoàng-cầm

và *Hoàng-liên*. Đây là phương-pháp dựa vào chứng mà biết được, dựa vào được mà biết bệnh, cũng là định-lệ của Thương-hàn luận. Chứng suyễn mà hạn xuất là chứng của biếu đã giải. Do hai chữ hạn xuất mà ta biết được biếu đã giải. Câu vô hạn mà suyễn là do Ma-hoàng thang làm chủ, ta sẽ biết ngay rằng chứng vô hạn là biếu chưa giải, từ đó suy ra, nếu hữu hạn thì nhất định biếu đã giải, và bên dưới câu 'suyễn' mà hạn xuất' phải có câu 'biểu đã giải' vậy.

*Ngô Quốc-Định làm bảng so sánh chứng trị giữa:*

a. Cát-cân thang và Cát-cân Hoàng-cầm Hoàng-liên thang:

Tên phương-thang	Chứng-trạng	Nguyên-nhận bệnh	Trọng-diểm trị-liệu
Cát-cân thang	phát Nhiệt ố Hán, vô hạn, tiêu chảy.	biểu-tà của Thái-dương bức vào trong Đại-trường	Quan-trọng ở chỗ giải biếu
Cát-cân Hoàng-cầm, Hoàng-liên thang	Phát Nhiệt, suyễn mà hạn xuất, tiêu chảy.	Tà dã truyền vào lý lý Nhiệt làm cho khí nghịch	Quan-trọng ở chỗ thanh cát Nhiệt ở lý.

b. Cát-cân Hoàng-cầm Hoàng-liên thang, Ma-hoàng Hạnh-nhân Cam-thảo Thạch-cao thang, Ma-hoàng thang:

Tên phương-thang	Nguyên-nhận bệnh	Phản-biệt	Trọng-diểm trị-liệu
Cát-cân Hoàng-cầm Hoàng-liên thang	xổ sai lầm, tà hầm, lý Nhiệt, khí nghịch	tiêu chảy, suyễn mà hạn xuất	thanh cát lý-Nhiệt
Ma-hoàng Hạnh-nhân Cam-thảo Thạch-cao thang	sau khi cho hạn, cho xổ, dư Nhiệt bức lòn Phế	hạn xuất mà suyễn, không có tiêu chảy.	Tuyên-thông Phế, thanh Nhiệt.
Ma-hoàng thang	Phong Hán bao vây bên ngoài, Phế-khi bị ướt-bé	không mồ-hôi mà suyễn, không tiêu chảy	giải biểu-tà

## 17. Cát-căn Hoàng-cầm Hoàng-liên thang phương: 葛根黃芩黃連湯方

Cát-căn (1/2 cân)

Hoàng-cầm (2 lượng, chích)

Hoàng-liên (3 lượng)

Cho Cát-căn vào 8 thăng nước, sắc giảm 2 thăng, xong cho các vị còn lại vào, sắc còn lại 2 thăng, bỏ xác, uống ấm 2 lần.

Kha Vạn-Bá giải-phương: "Cát-căn khí khinh, chất trọng, giải cơ và ngung tiêu chảy, đóng vai Quân; Hoàng-cầm và Hoàng-liên khổ Hàn, ngung mồ-hôi và trừ suyễn, đóng vai Tá; dùng Cam-thảo để điều-hòa Trung thô. Trước hết chúng ta phải sắc Cát-căn, sau đó cho các vị còn lại vào tiếp-tục sắc."

Lục Cửu-Chi giải-phương: "Đương-minh có Cát-căn Hoàng-cầm Hoàng-liên thang ví như Thái-dương có Đại Thanh-long thang, Thiếu-dương có Tiểu Sài-hồ thang vậy. Thái-dương dùng Ma-hoàng để giải ở biếu, dùng Thạch-cao để thanh ở lý; Thiếu-dương dùng Sài-hồ để giải ở biếu, dùng Hoàng-cầm để thanh ở lý; Dương-minh dùng Cát-căn để giải ở biếu, dùng Hoàng-cầm và Hoàng-liên để thanh ở lý."

Hứa Hùng Phương Nghị giải-phương: "Phương thang này có thể trị chứng há-lợi do Dương-minh Hỏa Nhiệt gây ra. Nó cũng có thể trị chứng Nhiệt suyễn của những người nghiện rượu. Công-dụng của nó thật vô cùng."

Trần Úy nói: "Cô gái con của người bạn bị chửng ly mà thân-thể sốt như thiêu đốt. Ta đoán đây là cái Nhiệt do biếu-tà gây nên. Ta dùng Nhân-sâm bắc độc tân, sau đó là dùng Cát-cần Hoàng-cầm Hoàng-liên thang. Bệnh khỏi hẳn. Như thế dù thấy các phương thang của Trường-sa (Trọng-Cảnh) được áp-dụng một cách biến-hóa vô cùng."



### Điều 37: 太陽病頭痛發熱身疼

Thái dương bệnh, đau thống, phát Nhiệt, thân nóng,  
腰痛骨節疼惡風無汗而  
yêu thống, cốt tiết đông thống, ó Phong, vô hàn nhi  
喘者麻黃湯主之  
suyễn giả, Ma hoàng thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thái dương bệnh ở cơ taur đã được phân-tích  
khá rõ-ràng rồi, nay xin nói về bệnh ở vùng biếu. Thái-  
dương bệnh, đau thống, phát Nhiệt, vì thế không cần phải  
bàn, đương nhiên là toàn thân đau nhức. Đó là bệnh ở  
vùng khí của Thái-dương. Kinh nói rằng: Thái-dương là  
chủ khí ở chu thân; làm cho đau ở thắt lưng, đó là bệnh ở  
kinh. Kinh nói rằng: Kinh của Thái-dương di dọc theo cột  
sống xuống đến vùng thắt lưng... Như vậy là kinh và khí  
đều gây nên đau nhức, cho đến cốt tiết cũng bị lôi kèo theo  
đè bị đau nhức. Đau nhức do Phong gây ra, cho nên phải ó  
Phong. Tà-kí làm thương vùng phu biếu do đó phu biếu

*bị thực, sẽ không có mồ-hôi. Tà-khí không thể theo mồ-hôi để thoát ra ngoài, nó sẽ quay vào làm ủng-tắc Phế, do đó phải bị suyễn. Trường-hợp này không thể cho uống loại thuốc giải cơ như Qué-chi thang, mà phải dùng loại thuốc giải biếu như Ma-hoàng thang làm chủ trị.*

**Đại-ý:** Điều này nói về Thái-dương bệnh, áp-dụng phép trị về giải biếu.

**Châm-cứu:** châm *Hợp-cốc*, *Kinh-cù* phát hạn toàn thân; châm *Phong-phù*, *Phong-trì* trị chứng đau thống; châm *Kiên-ngung*, *Khúc-trì* trị thượng-chi thống; châm *Dương Lăng-tuyên*, *Túc Tam-lý* trị hạ chi thống; châm *Hậu-khê*, *Üy-trung* trị chứng đau lưng.

**Kha Văn-Bá** chú: "Trong bát chứng của thương Hàn thì đau thống, phát Nhiệt, ô Phong giống với Qué-chi chứng; vô hạn, thân đồng giống với Đại Thanh-long chứng; bản chứng của nó quan-trọng ở phát Nhiệt, thân đồng, vô hạn mà suyễn."

**Đường Dung-Xuyên** bổ: "Trần Tu-Viên trong lời thiền chú có nói rằng khi nào phát hạn ở phu-biểu thì không thể dùng Qué-chi thang vốn là loại giải cơ, như vậy tại sao trong Ma-hoàng thang lại dùng đến Qué-chi? Vả lại, chúng 'cốt tiết thống' chúng tỏ tà-khí đã vào đến cốt tiết, chứ không phải chỉ ngưng lại ở bì-mao. Riêng chúng suyễn chứng tỏ tà-khí đã vào đến Phế, lên trên làm ủng-tắc cổ họng và mũi chứ không phải nó chỉ dừng lại ở bì-mao. Như vậy tại sao chỉ cần phát hạn ở bì-mao thì các chúng khác đều khỏi?"

*Chúng ta thấy rằng khí-hóa từ Thái-dương Bàng-quang sẽ phát ra từ Khí-hải rồi vận-hành theo đường Khí-nhai, tuần-hành theo các màn mõ, lên đến cách-mạc, nhập vào Phê, xuất ra ở mũi. Đó là con đường khí xuất ra gọi là hô. Khí-hóa của Thái-dương Bàng-quang lại đi theo các màn mõ xuyên-thấu ra đến cơ-nhục, đạt đến bì-mao, trở thành vệ-khí bảo-vệ bên ngoài.*

*Nay có người chỉ biết miệng và mũi thở ra khí chứ không biết rằng các mao-khiếu toàn thân không chỗ nào không thở ra khí. Mỗi khi miệng mũi thở ra thì đồng thời các mao-khiếu khắp chu thân cũng mở rộng ra, và khi nào mũi hít vào thì các mao-khiếu chu thân cũng thu-liêm lại. Nay nếu các mao-khiếu không thoát khí ra ngoài được thì nó sẽ quay ngược trở vào trong làm ứng-tắc ở Phê, đồng thời nó cũng lên trên xuất ra ở mũi và miệng thành chứng suyễn. Phép trị là phải làm sao cho khí được tiết-thoát ra ở bì-mao, không còn quay ngược vào trong nữa, do vậy chúng suyễn sẽ tự khỏi.*

*Bên trong bì mao là lớp cơ-nhục, khi Hàn-tà làm thương đến bì-mao, không ai cầm được nó sẽ xâm-nhập vào bên trong. Chúng 'toàn thân đau nhức' là trường-hợp tà-khí xâm-phạm vào lớp cơ-nhục, huyết-mạch bị thẹn thương gây thành chứng thống. Riêng chúng 'đầu thống, cổ gáy thống, thắt lưng thống' lại cũng là trường-hợp tà-khí xâm-phạm vào khinh-mạch của Thái-dương. Đến nhu cốt-tiết phải đau nhức, đó là tà-khí đánh vào đến các*

đường cân-khí gây nên. Nội-kinh nói rằng các đường cân-khí đều thuộc vào các tiết (khớp xương), vì thế khi nào tà-khí đánh vào các đường cân-khí sẽ gây thành chứng cốt-tiết đau nhức.

Chúng ta biết rằng bên trong bì-phu là lớp thịt mỡ, gọi là cơ; bên trong lớp thịt mỡ là lớp thịt nạc; giữa lớp thịt mỡ và thịt nạc là lớp màng mỡ mỏng mắc vào giữa, gọi là tấu-lý. Hai đầu của lớp thịt nạc là lớp cân (gân). Cân và thịt nạc này đồng một thể, đều bám vào hai đầu của cốt. Vì thế khi tà-khí phạm vào lớp thịt nạc cũng sẽ phạm vào cân, gây thành chứng cốt-tiết đau nhức. Lớp màng mỡ mỏng bao-bọc thịt nạc liên-hệ vào tận bên trong với cách-mạc, với Can-cách.

Nay nếu tà-khí xâm-nhập vào bì-mao, đi sâu vào tới lớp cơ-nhục, vào lõi lớp cân tiết, vào tận bên trong làm ủng-tắc Phế thành chứng suyễn, vậy ta nên dùng Cam-thảo để trợ cho Vị-khí, làm cho tà-khí thoát ra đến lớp cơ-nhục, ta lại dùng Hạnh-nhân làm lợi Phế, giáng khí, tà-khí sẽ thoát ra ngoài bì-mao. Ta lại dùng Quê-chi để đưa tà-khí đi từ Can ra huyết-phận rồi thoát ra ngoài theo đường cốt-tiết. Duy có Ma-hoàng chạy thẳng ra bì-mao làm cho hạch xuất ra ngoài, làm cho tà-khí không thể nào ở lại bên trong được. Con đường giải thoát-tà-khí này thật rõ-ràng. Vì thế nếu chúng ta chỉ dùng chử phát ở biếu mà thôi, chúng ta sẽ không thấu được việc sử-dụng dược của Trọng-Cánh."

v.

## 18: Ma-hoàng thang phương:

### 麻 黃 湯 方

*Ma-hoàng* (3 lượng)

*Qué-chi* (2 lượng, bỏ bì)

*Cam-thảo* (1 lượng, chích)

*Hạnh-nhân* (70 hạt, bỏ đầu nhọn và vỏ)

Dùng 9 thăng nước, cho Ma-hoàng vào sắc giảm khoảng 2 thăng, vớt bỏ bọt, xong cho các vị còn lại vào, sắc còn khoảng 2 thăng ruồi, bỏ xác, uống ấm 8 hợp (1/3), đắp mền lại cho có ít mồ-hôi, không phải húp cháo, những việc còn lại đều theo đúng với cách uống Qué-chi thang.

Trần Úy giải-phương: "Tất cả các điều trên đều nói về Qué-chi thang, bắt đầu từ điều này mới nói đến Ma-hoàng thang. Các chứng này đều có luận về vai trò của kinh và khí. Kinh là gì? Nội-kinh nói mạch của Thái-dương liên-hệ với Phong-phủ, chạy dọc theo đầu cổ, dọc theo cột sống đến chân. Đây là con đường chạy dọc theo sống lưng. Khí là gì? Nội-kinh nói: Thái-dương chi thương Hán-khí chủ chi. Nội-kinh lại nói: Tam-tiêu Bang-quang ứng với tấu-lý hào-mao. Như vậy có nghĩa là khí của Thái-dương chủ về biếu khí của toàn thân, tức là chủ ngoại."

Qué-chi chứng trị bệnh tại cơ-tấu. Khi cơ-tấu thực thì phu-biểu hư, cho nên đề-cương của nó là tự hạn.

Ma-hoàng chứng bệnh ở phu-biểu, tà-khí ở tại phu-biểu. Vậy là phu-biểu thực, cho nên đề-cương của nó là vô hạn. Vô hạn có nghĩa là biếu-khí không thông cho nên phải

*suyễn. Chữ 痛 dōng có nghĩa là đau nhức rất nặng. Đây là trường-hợp cả kinh lâm khí đều bị thương-tồn, so với Quê-chi chúng còn nặng hơn, vì thế phải dùng Ma-hoàng nhằm đại khai bì-phu cho xuất 似汗 tự-hạn (lâm-tám) mà không phải húp cháo, vì sợ làm phát hàn thái-quá."*

*Đường Dung-Xuyên bồ:*" Cơ-nhục do Dương-minh làm chủ, tà-khí của Thái-dương ở tại cơ-nhục, đó là hợp-bệnh với Dương-minh. Nếu nhu hợp-bệnh này để lâu mà không giải được, tà-khí sẽ từ cơ-nhục để nhập vào Vị, làm cho Vị bị thực, trường-hợp này nên cho xổ. Nếu ta chỉ thấy có chứng ngực bị đầy, đó là Vị chưa bị thực. Cách-mạc ở trước ngực là con đường xuất ra của khí Thái-dương. Nay ta tại cách-mạc làm cho ngực bị đầy, khi Thái-dương không xuất ra ngoài được bằng con đường bì-mao và cù ứng-tắc nơi ngực. Nó sẽ bức-bách thành chúng suyễn. Trường-hợp này chỉ nên dùng Ma-hoàng thang nhằm đưa khí ở Thái-dương xuất ra ngoài, bệnh sẽ khỏi, nhất định không thể dùng phép xổ. Vị thực mới được dùng phép xổ. Chúng hung mẫn không ở tại Vị-quản, mà chỉ ở tại cách-mạc, thuộc Tiểu Sài-hồ chúng, ta phải dùng Sài-hồ nhằm làm thông các mản mõ. Vậy tại sao trường-hợp này không dùng Sài-hồ mà lại dùng Ma-hoàng? Chính vì chúng này kiêm cả chúng suyễn, chúng-tỏ khí Thái-dương muôn xuất mà không xuất được, trách-nhiệm không phải do ở sự trì-trệ của các mản mõ. Vì thế ta không dùng Sài-hồ mà chỉ dùng Ma-hoàng nhằm thông-đạt khí Thái-dương ra ngoài."

**Ngô Quốc-Định giải-phương:** " *Phương thang này trị suyễn mà vô hạn, đầu thống, phát Nhiệt, thân-thể đau nhức, đó là chính-khí chưa huy. Phàm khi thương Hàn, tà-khí ở tại biểu làm bế-tắt tấu-lý, thân-thể đau nhức, co-vặt, ô Phong vô hạn, ta nên dùng loại dược tân-khổ của Ma-hoàng nhằm khai-phát tấu-lý, trực Hàn-tà, làm cho hạn xuất bệnh giải. Duy có điều là nếu ở vào mùa hạ viêm-nhiệt, ta nên cẩn-thận khi dùng loại dược-tê này.*"

**Uông Ngang giải-phương:** " *Ma-hoàng khí bắc tân ôn, là loại chuyên dược của Phê-khí, nay chạy trong Thái-dương nó có thể khai tấu-lý tán Hàn-tà; Quế-chi tân-ôn, có thể dẫn tà-khí ở doanh-phận đạt ra đến cơ-biểu; Hạnh-nhân khổ-cam tán Hàn mà giáng khí; Cam-thảo cam-bình, phát-tán mà hòa-trung. Nội-kinh viết: Hàn-tà tràn bên trong, phép trị phải lấy cam Nhiệt làm chủ, lấy khổ-tân làm tá.*"

**Trương Chi-Thông giải-phương:** " *Ma-hoàng ruột rỗng như lông tơ, khí-vật khổ-ôn, chủ về làm thông Dương-khí đạt ra đến phu-biểu; và lại Phê chủ bì-mao, phối-hợp với Hạnh-nhân nhằm làm lợi Phê-khí, thông mao-khiếu; Cam-thảo hòa-trung mà phát-tán; Quế-chi giải-cơ để đạt biểu, làm cho ra mồ-hôi lấm-tắm; tân-dịch của Bàng-quang theo khí của Thái-dương vận-hành ra đến vùng phu-biểu, làm ấm da, nhuận lông ví với sương-mộc tưới lên vây. Nay nếu đại hạn xuất thì tân-dịch bị tiết-thoát ra ngoài. Câu không cần phải húp cháo ý nói vì tân-dịch tại phu-biểu hóa thành*

mồ-hôi, nó là tinh-kí của thủy-cốc vậy."

Y-tông kim-giám giải-thích vấn-dề gia-giám: "Ma-hoàng thang hợp với Quέ-chi thang mang tên là Ma Quέ các bán thang, dùng để hòa khí Hán Nhiệt chưa dứt của Thái-dương; nếu bỏ Hạnh-nhân gia Thạch-cao để hợp với Quέ-chi thang, mang tên là Quέ-chi nhì, Việt-tỳ nhất thang, dùng để giải khí Hán Nhiệt mà Nhiệt da Hán thiểu của Thái-dương.

Nếu Dương thịnh bên trong, vô hạn mà suyên, ta có Ma-hoàng Hạnh-nhân Cam-thảo Thạch-cao thang nhằm giải-tán tà-khi của Thái-âm Phé.

Nếu Âm thịnh bên trong mà vô hạn, ta có Ma-hoàng Phụ-tử Tố-lan thang dùng để ôn tán Hán-khí ở Thiêu-âm Thận. Sách Kim-quỹ yêu-lược dùng thang này khử Quέ-chi và sách Thiên-kim phương dùng thang này thay Quέ-chi bằng Quέ-tâm gọi là Hoàn-hòn thang, và dùng nó để trị tà-khi ở tại Thái-âm, bị quyết lanh bất tinh thình-linh, khí tuyệt, cầm khẩu, uống vào khỏi cổ là có kết-quả, không phải đắp mèn cho ám làm cho xuất hàn. Như vậy dù thấy cái vi-diệu của Ma-hoàng thang là có thể đắp mèn cho ám để phát hàn hoặc không cần cũng được."



### Điều 38: 太陽病十日已去脈浮

Thái dương bệnh thập nhật dī khứ, mạch phù,  
細而嗜臥者外已解也設胸  
tế, nhì thị ngoại giả, ngoại dī giải dā. Thiết hung

# 滿 脊 痛 者 與 小 柴 湯 脈 但 浮

mǎn hép thóng giả, dù Tiếu Sài hò thang, mạch đán phù  
者 與 麻 黃 湯 giả, dù Ma-hoàng thang.

Dịch nghĩa: *Thái-dương* bệnh với các chứng đau và cõ gáy cứng, đau nhức, sau 5 ngày *Thiếu-âm* đến, nhưng mười ngày đã qua, tức là khoảng 11 ngày, cũng đúng là thời-kỳ của *Thiếu-âm* chủ khí; *mạch phù* thuộc *Thái-dương*, *mạch té* thuộc *Thiếu-âm*; người bệnh thích nằm, đó là khí của *Thái-dương* và *Thiếu-âm* hợp nhau, do đó ta biết được rằng ngoại biếu đã được giải. Nay *giả-thiết* ngực bị đầy, hông sườn đau, đó là khí của *Thái-dương* muốn xuất ra theo con đường của hông sườn và ngực, không đi theo con đường của *Thiếu-âm*. Bởi vì *Thiếu-âm* là chốt cửa của Âm, còn *Thái-dương* là chốt cửa của Dương, chỉ có *Tiểu Sài-hò thang* mới có thể vận-chuyển như chốt cửa mà thôi. Do đó phải uống *Tiểu Sài-hò thang*. Nếu *mạch chi phù* mà không té, đó là khí của *Thái-dương* tự mình không thể xuất ra chứ không phải do chốt cửa bị hông, nên uống *Ma-hoàng thang* nhằm giải biếu.

**Đại-ý:** Điều này nói về *Thái-dương* bệnh đã qua hơn 10 ngày, hiện ba giai-doạn biến-chuyển: một là biếu đã giải; hai là bệnh đã truyền vào *Thiếu-dương*; ba là tà-khí vẫn đang ở biếu.

**Châm-cứu:** châm *Nội-quan*, *Kỳ-môn*, *Dương Lăng-tuyễn*, nếu ngực và hông bị đau, ngoài ra nên chọn các huyệt

như ở hai điều trên.

Trương Lệnh-Thiệu chú: "Ba điều vừa rồi đều dùng Ma-hoàng thang, nhưng chủ trị các chứng khác nhau:

a. Điều thứ nhất nói về khí Thái-dương ở biếu, ta dùng Ma-hoàng thang phát-tán tà-khí tại biếu.

b. Điều thứ hai nói về khí Thái-dương và khí Dương-minh hợp bệnh, nó đang ở tại ngực, ta nên dùng Ma-hoàng thang nhằm làm thông khí ở ngực.

c. Điều thứ ba nói về khí Thái-dương tự mình không thể thoát ra ngoài, ta không dựa vào chốt cửa Thiếu-âm mà chỉ dùng Ma-hoàng thang để đưa khí Thái-dương ra ngoài.

Đường Dung-Xuyên chính: "Trọng-Cánh muốn nói rằng bệnh ở biếu của Thái-dương đã giải, thế nhưng lại thấy xuất-hiện mạch tể, thích nằm, như vậy là bệnh đã vào đến Thiếu-âm, là biếu-tượng của nguyên-dương không ra ngoài được. Tuy mạch phù vẫn làm chủ bệnh ở biếu, nhưng mạch lại hiện lên tể và kèm theo chứng thích nằm, như vậy là mạch tuy phù nhưng không phải thuộc ngoại chứng, bởi vì ngoại chứng đã được giải rồi. Trọng-Cánh muốn dạy cho chúng ta biết rằng nếu là Thiếu-âm lý-chứng thì không thể dùng Ma-hoàng thang, mà nên dùng Phụ-tử Té-tan thang để trị, tương-hợp với chứng Dương không xuất ra được, mạch phù tể, thích nằm. Ở đây, Trọng-Cánh không có đưa ra phương-tử, nhưng ta có thể tìm thấy trong thiên nói về Thiếu-âm, mà ông chỉ dùng bốn chữ 'ngoại dì giải dã'. Ông muốn kêu gọi các thầy thuốc rằng khi chữa-

*trị Thiếu-âm, không thể dùng Ma-hoàng thang là loại được phương chuyên trị Thái-dương.*

*Tiếp theo ông thêm vào các câu 'hiết mạch tê thị ngoại... hung mẫn hiệp thông', đây là do trực-trặc của con đường Tam-tiêu cách-mạc. Ta biết Thận Dương hóa khí, khí đi từ Khi-hài theo con đường các mản mõ lên trên rồi ra ngoài. Nay chứng các cách-mạc ở ngực và hông sườn bị đau nhức và bị đầy, ta biết ngay là con đường hoá-khí này bị trực-trặc, không vận-hành lên trên và ra ngoài được, tức là con đường Tam-tiêu không còn thông-sướng. Ta dùng Tiêu Sái-hồ thang nhằm sơ-thông các mản mõ, do đó khí của Thận Dương xuất ra ngoài, chứng 'thích nằm và mạch tê sẽ khỏi'.*

*Tiếp theo bên dưới, Trọng-Cánh lại dùng chữ 'mạch dẫn phù (nhì bất tê)', như vậy tuy thấy có chứng 'thích nằm' đi nữa, nó cũng không phải thuộc Thiếu-âm chúng, và dù có thấy chúng 'hung hiệp mẫn' đi nữa, ta cũng không dùng Sái-hồ thang. Bởi vì mạch phải kiêm luôn tê thì đó là ngoại đã giải và thuộc Thiếu-âm chúng, như vậy ta mới misợn Thiếu-âm phương nhằm giải bệnh ở lý.*

*Nay mạch không tê mà chỉ phù, đó là tà ở ngoại biếu của Thái-dương chưa giải, ta không thể chỉ trị lý, mà vẫn phải dùng Ma-hoàng thang nhằm giải biếu. Khi nào biếu được giải thì chốt của của Thiếu-dương cũng sẽ thông-dat, và khi của Thiếu-âm cũng sẽ tự mình xuất được ra ngoài. Văn-pháp của Trọng-Cánh thật xuất-thần, chúng ta nên đọc và nghiên-cứu cho cẩn-thận."*

**Châm-cứu:** châm *Nội-quan*, *Kỳ-môn*, *Dương Lăng-tuyền* trị hung mẫn, hiệp thống. Nếu bệnh còn ở Thái-dương thì châm theo hai điều trên.

Sách *Y-tông kim-giám giải-thích:* "Thái-dương bệnh hơn 10 ngày mà vẫn không biến thành chứng gì khác nặng hơn, mạch phù tể, thích nầm, đó là ngoại-tà đã được giải, không cần phải dùng thuốc. Nay giả-thiết có những chứng như 'hung mẫn, hiệp thống', ta biết ngay là ngoại-tà của Thiếu-dương chưa giải, do đó ta dùng Tiêu Sát-hồ thang để hòa-giải. Nếu như mạch chỉ có phù mà không tể, lại kèm thêm chứng đầu thống, phát Nhiệt, ó Hàn, vô hạn', như vậy là chứng ngoại-tà của Thái-dương chưa giải, ta nên dùng Ma-hoàng thang phát hàn để giải."

Ngô Quốc-Định so-sánh về hai chứng-trạng *thích nầm* (*thi ngoa*) của điều 38 (điều 43 theo NQĐinh) này và chứng *buồn ngủ* (*dục my*) của điều thứ 1 thuộc Thiếu-âm thiên:

少陰之為病脈微細但欲寐也

Thiếu âm chi vi bệnh, mạch vi tế, dusk dục my dā.

Điều	Mạch chứng	Bệnh-lý	Phân loại
38 (43) Thái-dương	mạch phù tể, thích nầm	mạch phù tể là do ngoại-tà đã vi-nhược trong khí chính-khi ổn định, thích nầm là do người bệnh muôn nghỉ-ngơi để yên-tĩnh dưỡng sức.	thuộc Dương
thứ 1 Thiếu-âm	mạch vi tế, chỉ muôn ngủ	mạch vi tế do Dương-khi suy-nhược, chứng chỉ muôn ngủ chứng tỏ tinh-thần người bệnh bị bồi-rối, trạng-thái như đang ngủ mà không phải ngủ, đây là chứng-trạng tà-khi đã hâm vào bên trong lý.	thuộc Âm

**Ngô Quốc-Định** lại phân-biệt ba thuật ngữ vô cùng quan-trọng trong khi sử-dụng một thang thuốc:

1. Khi nào trong phương thang dùng chữ 主 chử, đó là mạch và chứng đã được xác-định hoàn-bị, không có chút nghi-ngờ gì trong khi thực-hiện việc chữa-trị, không thay đổi phương-án chữa-trị.

2. Khi nào trong phương thang dùng chữ 宣 nghi, đó là ta đã xác-định rằng bệnh đang chuyển-biến, trước mắt ta tạm quyền-biến để xử-lý.

3. Khi nào trong phương thang dùng chữ 與 dù, đó là cách xử-trí trong nhất thời, có nghĩa là bất cứ lúc nào cũng có thể tùy chứng trạng của bệnh để mà biến-hóa, để thay đổi phương-án chữa-trị.



### **Điều 39: 太陽 中風 脈浮緊 發熱**

Thái dương trúng Phong, mạch phù khẩn, phát Nhiệt,  
惡寒身疼痛不汗出而煩惱  
ó Hán, thân đồng thống, bát hạn xuất nhì phiền não  
者大青龍湯主之若脈微弱  
giả, Đại Thanh long thang chủ chi. Nhược mạch vi nhược,  
汗出惡風者不可服服之則  
hạn xuất ó Phong giả, bát khả phục, phục chí tắc  
厥逆筋惕肉閨此為逆也  
quyết nghịch, cân dịch nhục nhuận, thủ vi nghịch dã.

**Dịch nghĩa:** Ngoài các chứng thuộc Ma-hoàng và Quế-chi, ta còn thấy có chứng của Đ-ji và Tiêu Thanh-long thang. Nay xin nói đến chứng thuộc Đại Thanh-long thang. **Thái-dương trúng Phong**, mạch phù, mạch phù là tà-khí ở cơ-tiểu còn biếu thì hú. Biểu hú vẫn có xu-thể muốn ra mồ-hôi, đó là trong mạch phù còn kèm cả mạch khẩn. Mạch khẩn là mạch mà tà-khí ở biếu làm cho biếu bị thực, biếu thực nhưng vẫn không có mồ-hôi, đó là cả cơ lẫn biếu đều bệnh. **Phát Nhiệt** thuộc tiêu bệnh của Thái-dương; ó Hán thuộc bản bệnh của Thái-dương, đây là trường-hợp cả tiêu lẩn bản đều bệnh. Khi của Thái-dương chủ vùng hào-mao khắp chu thân. Kinh của Thái-dương nối với huyệt Phong-phù qua cổ gáy, dọc theo cột sống, xuống thắt lưng, xuống đền chân. Nay cả thân mình đều đau nhức, đó là kinh lẩn khí đều bệnh, và lại khi nào không ra mồ-hôi, đó là Nhiệt-tà không thể theo đường nào để xuất ra ngoài làm cho bên trong bứt-rút không an. Tất cả đều do ở mồ-hôi không ra được gây nên bệnh. Nó khác với chứng bứt-rút của Thiếu-âm. Ta dùng Đại Thanh-long thang làm chủ trị, nhằm giải ở biếu và thanh ở lý. Nếu mạch vi nhược, thì vi thuộc tượng của Thủy, mạch vi mà kiêm nhược, đó là bệnh ở Dương trong quẻ Khảm, thuộc Thiếu-âm chứng. Nay mồ-hôi ra mà lại ó Phong, tuy có chứng phiền táo, thuộc Thiếu-âm vong Dương, nhưng không thể uống thang này được. Nếu uống làm thì Dương sẽ thoát ra ngoài thành chứng Quyết-nghịch, vong Dương bên trong thì cân-nhực bị co-giật, đây gọi là nghịch vậy.

**Đại-ý:** Điều này nói về vai trò chủ-phương của Đại Thanh-long thang, đồng thời nói rõ biến-chứng do biểu hư mà uống nhầm Đại Thanh-long thang. Ba điều nối tiếp đều nói về vai trò khác nhau của Đại Thanh-long thang và Tiểu Thanh-long thang.

**So sánh dị-bản:** Bản của Thừa Đạm-Am viết là 'Thái dương thương Hàn' thay vì là 'Thái dương trúng Phong'.

**Ngô Quốc-Định chú:** Trúng Phong đúng ra mạch phải phù hoãn, nay mạch lại phù khẩn, đó là tình-trạng bệnh thuộc trúng Phong nhưng kiêm luôn mạch thuộc thương Hàn. Chứng trúng Phong đáng lẽ thân mình không có đau nhức, hàn tự xuất ra. Nay thân mình lại đau nhức, hàn không xuất ra, rõ-ràng đây là bệnh thuộc trúng Phong nhưng chứng thuộc thương Hàn. Khi Âm Hàn bao-bọc bên ngoài làm cho hàn không xuất ra được, trong lúc đó Dương-Nhiệt lại chung-cắt bên trong làm cho bứt-rứt không an. Đây là chứng-hậu của biểu thực ở Thái-dương kiêm cả nội-Nhiệt của Dương-minh. Ma-hoàng thang không có vai trò gì trong tình-huống này. Ta dùng (dù) Đại Thanh-long thang nhầm giải cái Nhiệt ở biểu và lý

Nếu mạch đi vi nhược, hàn xuất mà ô Phong, đó là biểu lý đều hư, tuy rằng có các chứng phát Nhiệt, phiền táo, thân thống, nhưng nó vẫn thuộc chứng vong Dương của Thiểu-âm. Nó cùng đồng loại với chứng lý Hàn ngoại Nhiệt của Thông-mạch Tú-nghịch thang, với chứng phiền táo của Ngô-thù-du thang, với chứng thân thống của Phụ-tử thang. Tất cả đều thuộc chân Hàn giả Nhiệt, nếu uống nhầm Đại Thanh-

*long thang sẽ tạo thành biến-chứng quyết nghịch, cân nhục bị co-giật. Muốn cứu-chữa trường-hợp này, các nhà y-gia lỗi-lạc như Phương Hữu-Châp, Du Xương, Trịnh Úng-Mao, Trương Lộ đều đồng-ý nên dùng Chân-vô thang.*

*Tuy nhiên, Cát Ích Nam Nhai nói khác hơn: " Các nhà y-gia khi xử-phương về chứng này đều không đúng với chân-ý của tác-giả. Nếu luận về xử phương, chúng ta thấy đây thuộc Phục-linh Tứ-nghịch thang chứng, chứ không phải Chân-vô thang chứng. Các trường-hợp trị sai-lầm trở thành quyết nghịch chưa thấy nói đến Chân-vô thang. ta cứ dựa vào vai trò có hay không của Cam-thảo để luận cho rõ."*

*Thành Võ-Kỳ chú: "Đây là chứng trùng Phong mà hiện ra mạch của thương Hàn. Mạch phù thuộc Phong, Phong thì thương vệ; mạch khẩn thuộc Hàn, Hàn thì thương doanh, doanh và vệ đều bệnh vì thế phát Nhiệt, ố Hàn, thân mình đau nhức. Khi nào Phong ở với vệ thì doanh nhược mà vệ cường, khi nào Hàn ở với doanh thì doanh cường mà vệ nhược. Nay cả Phong lẫn Hàn đều bị thương-tổn thì cả doanh lẫn vệ đều thực, vì thế mà hạn không xuất và phiền táo, ta nên dùng Đại Thanh-long thang để phát hạn, trừ được chứng Phong Hàn ở doanh vệ.*

*Nếu mạch vi nhược, hạn xuất ố Phong, đó là doanh vệ đều hư, ngược lại, ta lại dùng Đại Thanh-long thang sẽ làm cho vong Dương, hoặc sinh quyết-nghịch, cân nhục bị co-giật. Đó gọi là nghịch trị vậy."*

*Kha Văn-Bá chú: "Trọng-Cảnh dựa vào mạch để biện*

*chứng, chỉ cần biết hư thực. Cho nên ông không luận trúng Phong hoặc thương Hán, mạch hoãn hoặc khẩn, chỉ cần bằng vào mạch đi hữu-lực dưới đầu ngón tay biết là thực, mạch đi ngược vô lực dưới đầu ngón tay gọi là hư. Nói khác đi, hạn không xuất mà phiền táo gọi là thực, còn hạn xuất nhiều mà phiền táo gọi là hư. Chứng tại Thái-dương mà phiền táo gọi là thực; chứng tại Thiếu-âm mà phiền táo gọi là hư. Chứng thực có thể uống Đại Thanh-long thang, chứng hư thì không thể uống thang này được.*

*Phàm chứng nào trước phiền sau táo mà mạch phù, tất phải có mồ-hôi mà tự giải; chứng nào phiền táo mà mạch phù khẩn, tất không có mồ-hôi và không giải. Đại Thanh-long thang là loại được-tê được lập ra để trị chứng Phong Hán tại biểu, kiêm cả Nhiệt ở trong, chứ không phải lập ra cho chứng có ở biểu mà không có ở lý. Vì thế, chứng trúng Phong, vô hạn, phiền táo thì dùng thang này được; chứng thương Hán mà vô hạn, phiền táo, cũng dùng được. Bởi vì Phong và Hán vốn là một khí, vì thế có thể dùng lẫn nhau bằng một loại được-tê. Trong nguyên-văn của Thương-hàn luận, chúng ta thấy thường dùng lẫn-lộn giữa trúng Phong và thương Hán, đó là nói về những trường-hợp của Đại Thanh-long thang; có khi gọi kiêm cả trúng Phong và thương Hán, đó là trường-hợp của Tiểu Sái-hồ. Trong-Cánh luôn luôn dựa vào cả chứng lẫn mạch để thực-hiện việc chữa-trị, ông không bao giờ ôm khu-khu một cách cứng-đơ giữa trúng Phong và thương Hán.*

Vì như chúng ta thấy Ma-hoàng thang chủ về trị Hàn, Quê-chi thang chủ về trị Phong, vậy nếu có trường-hop trùng Phong mà hiện ra Hàn, thương Hàn mà hiện ra Phong, tại sao chúng ta không dùng Quê-chi Ma-hoàng các bัน thang, mà lại dùng Đại Thanh-long thang đóng vai chủ trị?

Nếu chúng ta cứ lý-luận một cách vội-vã rằng Đại Thanh-long thang được lập ra là để chữa chúng Phong Hàn làm thương cả doanh lắn vẹt, tức là chúng ta không biết rằng nó có thể giải cả biều lắn lý. Xin hỏi rằng vai trò của Thạch-cao là chỉ để trị Phong hay sao? chỉ để trị Hàn hay sao? Nó là loại được-tể dùng để trị doanh-phận ư? trị vẹt-phận ư? Chỉ khi nào Nhiệt-khí làm thương đến trung-khí, ta dùng nó để trị nội Nhiệt vậy."

Ngô Quốc-Định phân-biệt các thuật-ngữ quan-trọng dùng trong cách dùng các phương-thang của Thương-hàn luân:

1. 汗不出 Hạn bất xuất: ý nói rằng mặc dù có cho phát mồ-hôi nhưng mồ-hôi vẫn không xuất, tiếp tục cho phát nhưng mồ-hôi vẫn không xuất.

2. 不汗出 Bất hạn xuất: ý nói mồ-hôi không xuất; mặc dù vùng biều đang có Thủy-khí, dáng lẽ thành mồ-hôi để xuất ra, vậy mà nó vẫn không thành để xuất ra, vì thế phải dùng tiếp sau đó chủ phiền táo, ý nói chính vì mồ-hôi không xuất được mà phải phiền táo.

3. 無汗 Vô hạn : chủ vô ý nói dáng lẽ nên có mồ-hôi, nhưng lại không có. Đây chính vì vùng biều bị ứ Thủy

*dang ngăn-cách, vì thế gọi là vô hạn. Trường-hợp này thuộc Cát-cản thang và Ma-hoàng thang.*

4. 不發汗 Bất phát hạn: tuy có dùng loại dược-tề để phát hạn nhưng lại không phát được, đây là chứng của Đại Thanh-long thang.

Thành Vô-Kỳ giải-thích bốn chữ 'cân dịch nhục nhuận' trong quyển Thương-hàn Minh-lý luận như sau: "Chứng này chỉ xảy ra khi nào phát hạn quá nhiều, làm vong Dương mới xảy ra. Nội-kinh nói: 'Phần tinh trong Dương-kí nuôi-dưỡng thần-kí, phần nhu thì nuôi-dưỡng cân-kí'. Khi phát hạn quá nhiều tân-dịch bị khô-kiệt, Dương-kí bị đại-hư, cân-nhục không còn được nuôi-dưỡng nữa, cho nên nó phải giựt-giựt từng cơn."

### 19. Đại Thanh-long thang phương 大青龍湯 方

<i>Ma-hoàng</i>	(6 lượng)
<i>Quế-chi</i>	(2 lượng, bỏ bì)
<i>Cam-thảo</i>	(2 lượng, chích)
<i>Hạnh-nhân</i>	(50 hạt, bỏ bì và đầu nhọn)
<i>Sinh Khương</i>	(2 lượng, cắt miếng)
<i>Đại Táo</i>	(12 quả, bỏ ra)
<i>Thạch-cao</i>	(nghiền nát, bọc to hằng quả trứng gà)

Dùng 9 thang nước, trước hết cho Ma-hoàng vào, sắc giảm khoảng 2 thăng, hớt bỏ bọt, xong cho các vị khác vào và tiếp-tục sắc còn lại khoảng 3 thăng, bỏ xác, uống ấm một thang, cho ra ít mồ-hôi. Nếu mồ-hôi ra nhiều thì dùng ôn phấn xoa vào. Nếu uống một lần mà mồ-hôi ra thì thôi,

không uống tiếp nữa. Nếu uống thêm, mồ-hôi ra nhiều trở thành hư chứng, ô Phong, phiền táo không ngủ được.

Kha Vận-Bá giải phương:" Trong phần này các chứng đều giống với Ma-hoàng thang, chỉ có chứng suyễn và phiền táo là khác nhau mà thôi. Chứng suyễn là do Hán làm uất khí khiến cho khi thăng giáng không được tự-nhiên, vì thế thêm vị khô chủ Hạnh-nhân làm giáng khí; chứng phiền táo là do Nhiệt làm thương khí khiến cho không còn tân dịch để thành mồ-hôi, vì thế thêm vị cam của Thạch-cao để sinh tân-dịch. Tuy nhiên vì chất của Thạch-cao trầm, tính của nó lại Hán, sợ rằng khi mà nội Nhiệt bị trừ một cách đột-ngột, trong lúc đó biểu-tà bên ngoài chưa giải, sẽ biến thành Hán bên trong, hợp với Nhiệt thành tiêu chảy, đó là ta đã dẫn giặc vào nhà, vì thế ta phải bồi thêm Ma-hoàng để phát hàn, bồi thêm Càm-thảo để hòa trung, lại dùng Khương Táo để điều-hòa doanh-vệ. Chỉ cần mồ-hôi xuất ra thì cả biểu lãn lý đều được giải, cả Phong lãn Nhiệt đều được trừ. Đây là vai trò thanh nội trừ ngoại của Đại Thanh-long thang, có thể đóng vai hỗ-trợ cho những gì mà cả Quê-chi thang lãn Ma-hoàng thang đều không làm được."

Vương Tân-Tam giải-phương:" Thang này là một phương thang kết-hợp giữa Quê-chi thang, Ma-hoàng thang và Việt-ly thang mà thành. Đây cũng là một phương-telah thuộc tân Nhiệt rồi vận-dụng vai trò của Thạch-cao để biến nó thành tân lương, có thể ví với rồng thuộc Dương-thể , nhưng lại biến cái dụng của nó thành Âm vұ (mita Âm) vậy. Chủ-yếu của

*phương thang là nhằm tiết-thoát vệ-kí, vì thế không dùng Thược-dược, ý muốn nó cho đi thẳng xuống Hợp-tiêu, đồng thời tăng gấp bội cân lượng lên. Tà-kíi được tiết-thoát ra ở vệ-phận sẽ làm cho khí uất Nhiệt điều-hòa trong khoảnh-khắc. Đây là một đại cải-cách trong việc phổi phương, cho nên gọi là Đại Thanh-long thang.*"

*Uông Hô giải phương:*" Có những người bệnh cùng uống thang này, thế mà hàn xuất thát nhiều, vong Dương, sẽ bị: hoặc là quyết nghịch, cân nhục bị co-giật, hoặc ố Phong, phiền táo không ngủ được. Tình-trạng Hàn Nhiệt của cả hai đều khác nhau.

*Tại sao?*

*Ta đáp: Hoặc có thể người bệnh mạch vi nhược, hàn xuất, ố Phong, đó là do Dương-kíi vốn đã bị hư, vì thế uống vào sẽ bị quyết nghịch, sinh ra chứng hư lạnh. Hoặc có thể người bệnh mạch phù khẩn, phát Nhiệt, hàn không xuất nên phiền táo, đó là tà Nhiệt vốn đang nặng, vì thế uống vào thì chính-kíi tuy hư nhưng tà Nhiệt chưa trù. Vả lại chứng nghịch của quyết nghịch thuộc tình-trạng nặng, đúng ra thì người bệnh trong tình-trạng này không nên uống mà lại uống nhầm. Chúng phiền táo không ngủ được thuộc tình-trạng nhẹ, người bệnh trong tình-trạng này nên uống nhưng lại uống quá nhiều."*

*Ngô Quốc-Định giải phương:*" Trong Đại Thanh-long thang thì Ma-hoàng và Thạch-cao cùng đi chung nhau nhằm phát tán Dương-kíi đang bị uất; Ma-hoàng và Quế-chi lại đi

chung nhau nhằm phát huy giải cơ, phép trị gần giống với Ma-hoàng thang; ở đây lại thêm chứng phiền táo, vì thế phải gia thêm Thạch-cao, rồi lại tăng Ma-hoàng lên đến 6 lượng (trong Ma-hoàng thang chỉ dùng có 3 lượng), đây là vì Ma-hoàng gấp Thạch-cao thì sức mạnh phát huy phân nửa là do Thạch-cao dẫn đi xuống, do đó mà sức mạnh thoát ra ngoài biểu bị giảm, ngược lại sức mạnh thanh Nhiệt bên trong lại được tăng cường. Vì thế mà cân lượng trong thang phải thêm nặng hơn, làm thế nào để cho tăng thêm sức mạnh giải biểu lẫn lý. Người bệnh nào bị chứng Dương hư thì cầm dùng thang này. Cho dù là không bị chứng Dương hư đi nữa, ta phải để ý, khi nào bệnh dứt thì không được uống thêm, đề phòng nghịch biến."

#### Ngô Quô-Định phân-tích về Đại Thanh-long thang:

	<b>chính chứng</b>	mạch: phủ khẩn
		chứng: phát Nhiệt ở Hán, thân đau nhức, bắt hàn xuất phiền táo
<b>Mạch</b> <b>chứng</b>	<b>Biển chứng</b>	mạch: phủ hoãn
		chứng: thân không đau nhức chỉ nặng-nề, có khí nhẹ-nhang
	<b>Bệnh-tý</b>	Biểu Hán, lý Nhiệt (Phong Hán bên ngoài, Nhiệt uất bên trong)
	<b>Phương-pháp</b>	Biểu lý luồng giải (giải Hán ở biểu, giải Nhiệt ở lý)
	<b>Được vật</b>	Ma-hoàng, Quả-chí, Hạnh-nhân, Thạch-cao, Sinh-khung, Đại-táo, Cam-thảo.
	<b>Cách uống</b>	1. uống âm 1 tháng
<b>Trị-liệu</b>		2. hàn xuất nhiều, dùng ôn phấn xoa lên. 3. uống vào hàn xuất, ngưng uống. 4. không uống thêm, nếu uống quá nhiều sẽ bị xuất-hạn nhiều vong Dương, khí hư, ô Phong phiền táo, không ngủ được ...
	<b>Cấm-ky</b>	Mạch vi nhược, hàn xuất ô Phong, cầm dùng.
		Trị lâm, biển chứng: quyết nghịch, cản nhục co-giật

Sách Trung-quốc Y-học đại từ-diễn giải phương:

Công-dụng: *Trị chứng Phong Hán của Thái-dương đều bị thương, doanh vệ đồng bị bệnh, không xuất hàn kiêm phiền táo.*

Luận phương: *Phương này mang ý-nghĩa con rồng làm nôi dậy vân và vũ (mây và mưa). Bởi vì trị Phong không gì hơn là Quế-chi, trị Hán không gì hơn là Ma-hoàng. Phương thang được lập nên theo nguyên-tắc kết-hợp giữa Quế-chi thang và Ma-hoàng thang, trị cả Phong lẫn Hán đều bị thương. Cả hai chứng đều không có mồ-hôi, cho nên giảm Thược-dược mang tính khô (giáng) và toan (thu-liễm), cả hai đều có chứng phiền táo, vì thế gia Thạch-cao mang tính tân Hán nhầm giải Nhiệt..."*



### Điều 40: 傷寒脈浮緩身不疼但

Thương hàn mạch phù hoãn, thân bất đông, dǎn  
重乍有輕時無少陰證者大  
trọng, sạ hữu khinh thời, vô Thiếu âm chứng giả; Đại  
青龍湯發之 Thanh long thang phát chí.

Dịch nghĩa: *Đại Thanh-long thang là một phương thang cầm dùng chung với chứng của Thiếu-âm, nếu gặp thương Hán nhẹ thì vẫn dùng được. Thương Hán, mạch không phù khẩn mà phù hoãn, thân mình không cảm thấy đau nhức mà chỉ thấy nặng-nề. Và lại, nặng-nề cũng không phải thường xuyên mà có lúc cảm thấy nhẹ-nhang, dương như không cần*

*phải dùng đến Đại Thanh-long thang, tuy nhiên chúng không mồ-hôi kiêm chứng phiền táo lại thuộc chứng Đại Thanh-long thang. Nay nếu không làm cho xuất đại hàn thì nội Nhiệt không thể xuất ra ngoài, chứng phiền táo làm sao dứt được? Người thầy thuốc phải thẩm-xét trường-hợp không có mồ-hôi, không thuộc Thiếu-âm chỉ có quyết mà không có mồ-hôi, phiền táo, đó không phải là khí Thủy Hỏa của Thiếu-âm tách rời nhau. Nếu việc thẩm-dịnh bệnh-chứng được chính-xác thì kết-quả sẽ tốt. Nếu trường-hợp không có chứng thuộc Thiếu-âm, ta dùng Đại Thanh-long thang để phát ra.*

**Đại ý:** Điều này luận về thương Hàn tùy theo chúng nặng hay nhẹ mà có thể tùy dụng Đại Thanh-long thang. Nội-dung lại thêm 5 chữ 'vô Thiếu-âm chứng giả' nhằm bổ-sung cho đoạn văn trên. Chữ 者 giữ ở đây nối tiếp với điều trên về 'bất hàn xuất nhi phiền táo'. Điều 39 dùng chữ 主之 chủ chi, bởi vì Nhiệt của nội và ngoại giao nhau rất khinh, Đại Thanh-long chủ về phân-giải từ bên trong. Điều 40 này lại dùng chữ 發之 phát chi ý nói ngoại tà tuy đang bế, nhưng phiền táo bên trong chưa nặng, chỉ cần phát được tà khí bên ngoài là giải được bệnh.

Kha Văn-Bá chú:" Thương Hàn có khinh có trọng. Thương Hàn trọng thì mạch Âm Dương đều phù, thân mình đau nhức. Thương Hàn khinh thì mạch phù hoãn mà thân nặng-nè. Cũng có trường-hợp lúc mới đầu thì mạch khẩn rồi dần dần hoãn, thân mình đau nhức giảm dần cho đến

*khỏi hẳn. Người thầy thuốc trong lúc chẩn đoán không nên chấp nhất. Thương-hàn luận có câu: Thương hàn ba ngày, Dương-minh mạch đại, Thiếu-dương mạch tiêu;... mạch huyền-tế thuộc Thiếu-dương, mạch phù hoãn thuộc Thái-dương.' Như vậy chúng ta thấy mạch của thương Hàn không cố định. Khi nào mạch phù健全 thì thân mình phải đau nhức; mạch phù hoãn thì thân mình không đau nhức, trúng Phong hay thương Hàn đều như thế. Ta có thể dựa vào đây để định mạch, định chứng vậy."*

Sách Y-tông kim-giám giải-thích: "Thương Hàn mạch phải phù健全, nay mạch lại phù hoãn, đó là bệnh thuộc thương Hàn kiêm cả mạch của trúng Phong. Thương Hàn thân mình phải đau nhức, nay thân mình không đau nhức, đó là bệnh thuộc thương Hàn kiêm cả chứng của trúng Phong.

*Thân mình nhẹ-nhang, đó là tà ở tại Dương. Thân mình nặng-nè, đó là tà ở tại Âm. Nếu như chỉ buồn ngủ mà thân mình nặng-nè không giảm, đó là thuộc chứng của Thiếu-âm. Nay không chỉ buồn ngủ mà thân mình nặng có lúc giảm nhẹ, như vậy không phải thuộc Thiếu-âm chúng, mà chính là chứng thuộc doanh-vệ kiêm bệnh của Thái-dương. Mạch tuy phù hoãn còn chứng thì không có mồ-hôi, như vậy là thuộc thực-tà vậy. Đây nên dùng Đại Thanh-long thang phát hàn. Điều trước đây đưa ra trường-hop mạch vi nhược, hạn xuất, nên cấm dùng, trường-hop này dùng câu 'vô Thiếu-âm chứng giả'; nên*

*phát hạn. Như vậy, chúng ta cần phải thận trọng đến chừng nào."*

*Vưu Tật-Kinh chú:*" Không dùng chửi chủ chi, lại dùng phát chi, ý nói tà-khí đang muốn nhập vào lý, ta chỉ dùng được để phát ra, làm sao cho tà-khí xuất ra từ phu-biểu."

*Trần Niệm-Tô chú:*" Đại Thanh-long thang là loại phương-dược đại-cẩm đối với Thiếu-âm chứng. Nay nếu không có Thiếu-âm chứng, chẳng những ta dùng cho trường-hợp trung Phong trọng chứng, mà ngay cả thương Hàn khinh chứng, ta cũng dùng được."



### **Điều 41. 傷 寒 表 不 解 心 下 友 水**

Thương Hàn biếu bất giải, Tâm hạ húu Thủy  
氣 乾 嘔 發 热 而 咳 或 渴 或 利  
khí, can ảu, phát Nhiệt nhi khái, hoặc khát, hoặc lợi,  
或 噫 或 小 便 不 利 少 腹 滿 或  
hoặc ả, hoặc tiểu tiện bất lợi, thiếu phúc mẫn hoặc  
喘 者 小 青 龍 湯 主 之

suyễn giả, Tiểu Thanh long thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Có trường-hợp thương Hàn mà hàn-tà ở biếu không giải, làm động đến Thủy ở trong lý, người bệnh cảm thấy dưới Tâm có Thủy-khí. Vì Thái-dương chủ về khí Hàn Thủy, vận-hành ở vùng bì-phu, xuất nhập ở Tâm và ngực. Nay nó không vận-hành, xuất-nhập được đến nỗi Hàn

*Thủy tràn ngập mà không có nơi dừng lại được. Thủy  
định lại ở Vị làm cho ói khan. Thủy-khí và Hàn-tà cùng  
hợp vào nhau không giải được, cho nên phải phát Nhiệt.  
Phế chủ bì mao, hợp với Thủy-khí sẽ phát Nhiệt và ho.  
Chứng phát Nhiệt mà ho là do Âm chứng, ở dưới Tâm có  
Thủy-khí. Tinh của Thủy là biến-động không ở một chỗ.  
Nó sẽ tùy theo tình-huống mà, hoặc là Thủy làm cho tân  
dịch không vận-hành để thành chứng khát; hoặc là Thủy  
nhập vào trong Trường Vị sẽ làm cho tiêu-tiện; hoặc là  
Thủy nghịch lên trên gây thành chứng ợ; hoặc là Thủy bị  
lưu-giữ lại không vận-hành được gây thành tiêu-tiện bất-  
lợi; thiểu-phúc bị đầy; hoặc là có chứng nhu suyễn thuộc Ma-  
hoàng, hoặc là kiêm Thủy chứng sẽ thành chứng suyễn  
thuộc Thủy-khí. Các chứng kể trên không nhất-thiết phải  
xảy ra đầy đủ, chỉ cần xảy ra một vài chứng là ta dùng  
Tiểu Thành-long thang làm chủ.*

**Đại-ý:** Điều này nói về biểu-tà của Thái-dương thương  
Hàn làm động đến Thủy-khí bên trong. Phương thuốc này  
làm tán được Thủy-khí dưới Tâm, dựa vào sức mạnh của  
Ma-hoàng, lãnh-đạo khí của các dược-vị, bồ-tán lên trên,  
vận-hành xuống dưới, đạt ra bốn phương. Bên trong, bên  
ngoài, nó vận-hành khắp nơi, 'ả xông, hữu đột ...

**Thành Võ-Ký chú:** "Thương Hàn biểu không giải, dưới  
Tâm có Thủy-ẩm, đó là Thủy và Hàn cùng đánh nhau.  
Khi Phế Hàn bị nghịch, cho nên bị ói khan phát Nhiệt và ho. Sách Châm-kinh viết: 'Thân hình bị lạnh, uống thức  
uống lạnh, sẽ làm thương đến Phế.' Đó là vì lưỡng Hàn

cùng cảm nhau, trong ngoài đều bị thương, do đó khí nghịch để xung lên trên. Ta dùng Tiểu Thanh-long thang nhằm phát hàn và tán Thủy."

Thùa Đạm-Am chú:" Chứng này lại kiêm luôn chứng Thủy-âm. Đây là bệnh-thái bắt nguồn ở chứng thương Hàn, cảm-mạo, Hàn-tà bao-bọc bên ngoài cơ-biểu, thế là Thủy-khí tồn đọng lại không thoát ra ngoài được, lưu lại bên trong, gây thành các chứng ... Phát Nhiệt, ói khan vốn là những chứng-trạng do biếu không giải mà ra; riêng chứng ho ở đây là do Thủy-âm phạm vào Phế gây ra. Đây chính là chủ-chứng của Tiểu Thanh-long thang. Ngoài ra những chứng hoặc khát, hoặc lợi, ... hoặc suyễn đều là những kiêm chứng.

Chứng-trạng của ho rất đa dạng, không phải chỉ nằm trong quyền-hạn của Tiểu Thanh-long thang. Ta phải nhận cho rõ thì việc chẩn-trị mới có kết-quả cao. Chứng-trạng chủ-yếu của chứng ho này là: Hơi thở dồn-dập, phát ra tiếng ho làm cho người bệnh không thư-sướng, cần phải ho vài tiếng thì đàm mới văng ra khỏi cổ, đàm có bọt lắn vào trong. Cảm thấy có lúc khí xung lên trong lòng ngực.

Sở dĩ như vậy là vì Thủy-khí trong Phế không được hóa, nó thành Thủy-âm, thành đàm ... Ta có thể dùng Tiểu Thanh-long thang để giải Thủy-âm và đàm.

- Chứng Thủy-âm kiêm khát rất ít xảy ra. Ở đây, chủ hoặc khát là do phát Nhiệt gây ra.

- Chứng Thủy-âm mang tính lưu-dộng. Khi nó lưu chảy

trong khoảng Đại hoặc Tiểu-trường mà không được hấp thu, nó sẽ gây ra chứng tiêu chảy (há lợi đường tiết). Chứng Thủy-âm tiêu chảy dù sao cũng không phải chủ chứng của Tiểu Thanh-long thang, vì thế mới dùng chữ hoặc lợi.

- Chứng Thủy-âm nếu lên trên mà không xuống, nó sẽ định lại trong khoảng cách-mạc, gây thành chứng ợ. Chứng ợ ý nói Thủy-âm súc-tích bên trong, khi cách-mạc bị đánh nhịp, khi sẽ thoát ra thành ợ. Nhưng chứng này khác với chứng ách nghịch: nắc cùt. Chứng ợ này cũng không phải là chủ chứng của thang này cho nên cũng ưa được viết là hoặc é.

- Chứng Thủy-âm, xuống mà không lên, định lại bên dưới cách-mạc và bên trong phúc-mạc, gây thành chứng tiêu-tiện bất lợi, như vậy thiểu-phúc sẽ bị đầy, chứng này cũng không phải là chủ chứng của thang này.

- Chứng Thủy-âm định lại trong lồng ngực, ép hai lá phổi gây thành chứng ho suyễn. Chứng này cũng không phải là chủ chứng của thang này."

Nói tóm lại, theo các nhà chú-giải, những chứng nào có chữ hoặc đúng trước có nghĩa là không thuộc chủ chứng của Tiểu Thanh-long thang.

**Châm cứu:** châm *Liệt-khuyết* trị phát Nhiệt đầu thống; châm *Thái-uyên* trị ho; châm *Thiên-dột*, *Trung-hoán*, *Túc Tam-lý* vừa ngừng ho, vừa ngừng ói, vừa giáng được xung khí; châm *Phong-long* làm giáng đàm trọc; nếu có tiêu chảy, châm thêm *Thiên-khu*; tiêu-tiện bất-lợi châm thêm

*Âm Lăng-tuyễn; bụng đầy chàm thêm Khí-hải; bị ợ châm thêm Nội-quan; khát nước châm Thái-uyên, Trung-hoãn.*

## 20. Tiêu Thanh-long thang phương

### 小青龍湯方

**Ma-hoàng** (3 lượng, bỏ măt)

**Thuốc-duoc** (3 lượng)

**Ngũ-vị-tử** (nửa cân)

**Cam-thảo** (Cam-thảo 3 lượng, chích)

**Can Khuong** (3 lượng)

**Té-tân** (3 lượng)

**Quê-chi** (3 lượng)

**Bá-hạ** (nửa thăng, rửa sạch)

Tất cả các vị dùng nước một đấu, sắc Ma-hoàng trước giảm độ hai thăng, bỏ bọt, xong cho các vị còn lại vào, sắc còn ba thăng, bỏ xác, uống ấm một thăng.

Ngô Quốc-Định giải phương: "Tiêu Thanh-long thang là một *tổng phuơng* nhằm xử-lý chứng biếu bất giải, tuy nhiên cũng tùy các chứng kèm theo mà có gia giảm. Ma-hoàng, Quê-chi, Thuốc-duoc vận-hành doanh vệ và tuyên-giải biếu tà; Can Khuong, Té-tân, Bán-hạ đóng vai trực Thủy, làm trán cơn ho và ói. Ngũ-vị-tử vị toan làm thu-liễm nghịch-khí của Phế; Cam-thảo điều-hòa các dược-vị và làm hòa dược Trung-khí.

Vai trò của chúng đúng như Nội-kinh đã nói: Dùng vị tân để tán, dùng vị cam để hoãn, dùng vị toan để thu-liễm."

Sách Y-tông Kim-giám giải phuong: "Chứng biếu thực vô hạn, ta phải dùng cả hai thang Ma Quế hợp lại để giải ngoại-biểu.

Ta bỏ Đại Táo là vì Đại Táo tinh trệ; ta bỏ Hạnh-nhân là vì chứng này không có suyễn, nếu như có chứng suyễn thì ta có thể gia Hạnh-nhân; ta bỏ Sinh Khuong là vì ta đã có Can Khuong, nếu như có chứng ói, ta có thể dùng Sinh Khuong; ta dùng Can Khuong và Tê-tân cực ôn cực tán làm tá là vì muốn xua đuổi Hàn và Thủy cùng thoát ra ngoài theo con đường mồ-hôi; ta dùng Bán-hạ để trực đàm-âm; ta dùng Ngũ-vị-tử nhằm thu-liếm Phế-khí. Nếu có chứng khát, ta bỏ Bán-hạ, gia Hoa-phấn, trị táo sinh tân-dịch...

Chứng định ẩm thuộc Thái-dương gồm hai chứng:

1. Trung Phong hữu hạn thuộc biếu hư: Ngũ-linh tân chứng;
2. Thương Hàn vô hạn thuộc biếu thực: Tiểu Thanh-long thang chứng.

Ngoài ra, Tiểu Thanh-long thang và Việt-tỳ thang cùng trị chứng Thủy-ẩm tràn ngập ngoài phu-biểu, gây thành chứng phúc trưởng, Thủy thủng; ta nên phát hạn để giải bên ngoài, kết-quả thật là tuyệt-vời.

1. Việt-tỳ thang trị chứng hữu Nhiệt, vì thé trong phuong thang dùng Thạch-cao làm Quân, nhằm tán Dương Thủy.

**2.Tiểu Thanh-long thang trị chứng hưu Hàn, vì thế phương thang dùng Khuong Quê làm Tá nhằm tán Âm Thủy."**

**Điêm Đức-Nhuận giải-thích sự khác-biéet giữa Tiểu Thanh-long thang và Đại Thanh-long thang:**" **Đại Thanh-long thang là loại trọng-tề để phát họn, so với Tiểu Thanh-long thang phương nhiều hơn 3 vị Hạnh-nhân, Đại táo, Thạch-cao...**

**Một số lớn các nhà y-học đều cho rằng Tiểu Thanh-long thang dùng để giải biều, trực Thủy, trấn ho; những vị đặc biệt của thang này là Thược-dược, Tế-tân, Ngũ-vị-tử, Bán-hạ. Tôi nghĩ rằng 3 vị là tương-hợp nhau, dùng để phát-huy tác-dụng trừ đàm, còn riêng Bán-hạ thì dùng để ngung ói.**

**Đại Thanh-long thang chủ-yêu là giải biều , nhưng khi dùng để phát họn, nó cũng đóng vai giải Nhiệt. Tiểu Thanh-long thang, một mặt giải Nhiệt, mặt khác trấn ói, trừ đàm."**

**Dụ Gia-Ngôn giải phương:**" **Sở dĩ có tên gọi là Tiểu Thanh-long thang chính vì vai trò của nó là sóng lăng biển êm, mọi nguồn nước đều quay về sông biển.**

**Chúng ta không muốn nó theo mây để thăng lên trời xanh để trở thành mưa đàm. Nếu chúng ta câu-né sợi Ma-hoàng quá tán và giảm đi không dùng thì không còn là con rồng nữa. Như vậy lấy gì làm cho biển lăng sóng yên?"**

**Ngô Quốc-Dịnh làm bảng phân-tích về :**

**Các chứng và các phép trị thuộc biểu thực:**

		Chính chứng	1. Thái-dương bệnh, vò hận, ó Phong, cổ gáy và lưng bị cứng đỡ. 2. Thái-dương Dương-minh hợp bệnh, hả-lợi (biểu tả đờ hẫm vào Thái-dương)
Biểu-thực khinh chứng	Cát-cân thang chứng	Biến chứng	Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh, ầu-thô (biểu tá phạm vào Vị) dùng Cát-cân già Bán-hạ thang để trị.
			Mạch lưỡng : phù khẩn.
Biểu-thực chính chứng	Má-hoàng thang chứng	Chính chứng	Chứng-trạng : Đầu thống, phát Nhiệt, ó Phong, (ó Hán), thần minh đau nhức, thất lung đau. khớp xương đau nhức, vò hận mà suyễn.
		Biến chứng	1. Thái-dương Dương-minh hợp bệnh, suyễn mà ngực đầy — biểu tá bức Phé. 2. Thái-dương bệnh, mươi ngày qua, thời-gian tuy lâu, biểu chứng vẫn còn, mạch chỉ phủ.
Biểu-thực trọng chứng	Đại Thanh- long thang chứng		Thái-dương bệnh, bất-hạn xuất mà phiền táo (biểu Hán, uất Nhiệt)
Biểu-thực biến chứng	Tiểu Thanh- long thang chứng		Thái-dương bệnh, Dưới Tâm có Thủy-khi, ói khan ho suyễn (biểu Hán, lý có Thủy-khi)
			Quá chi chứng xổ sai lầm, tiêu chảy không ngừng, suyễn mà hạn xuất (ý Nhiệt thịnh) Cát-cân Hoàng-cầm Hoàng-Sâm thang để trị
		Thái-dương bệnh 10 ngày	Mạch phủ té mà thích nằm, ngoại đê giải. ngực đầy, họng sùn thông — Tiểu Sát-hồ tri.



**Điều 42: 傷 寒 心 下 有 水 氣 咳 而**

Thương hàn Tâm hạ hưu Thủy khí khái nhì  
**微 喘 發 热 不 渴 服 湯 已 渴 者**  
ví suyễn, phát Nhiệt, bát khát. Phục thang dĩ khát giả.  
**此 寒 去 欲 解 也 小 青 龍 湯 主**  
Thứ Hán khú dục giải dã, Tiêu Thanh long thang chủ  
**之** chi.

**Dịch nghĩa:** Khi của Hán Thủy do Thái dương làm chủ, vận-hành vùng phu-biểu xuất nhập vùng hung-cách, hưu khí mà vô hình. Nếu ta bị thương bởi Hán làm cho khí không vận-hành, xuất-nhập được nữa, để Thủy phải định lại dưới Tâm. Từ chỗ bệnh Hán Thủy vô hình để rồi hóa thành hữu hình của Thủy-khi. Hán Thủy làm thương đến Phế khí nghịch lên trên làm cho ho mà suyễn nhẹ. Bệnh ở biểu của Thái-dương sẽ hiện ra tiêu Dương mà phát Nhiệt. Nhưng lúc Thủy Hán quá nặng, tiêu Dương không thể thắng được, vì thế dù có phát Nhiệt nhưng không khát. Khi mà ta thảm-dịnh chứng-trạng đã chính-xác, ta dùng Tiêu Thanh-long thang. Khi uống thang này xong mà thấy khát nước, đó là Hán đã ra đi và bệnh muôn giải, nhưng Thủy vẫn chưa giải được nên dùng Tiêu Thanh-long thang làm chủ, làm tan được Thủy-khi, lành bệnh.

**Đại ý:** Điều này tiếp theo điều trên, nói thêm về phép giải chứng Thủy-khi.

**So-sánh-dị-bản:** Bản của Ngô Quốc-Định có thay đổi thứ-tự như sau: "Thương hàn Tâm hạ hưu Thủy-khí, khái nhi vi suyễn, phát Nhiệt bát khát. Tiểu Thanh-long chủ chi."

Phục thang đĩ, khát giả, thử Hán khứ dục giải dã."

**Ngô Quố-Định chú:** "Điều này bổ-sung cho điều trên, nói lên chủ-chứng của thang này là Tâm hạ có Thủy-khí, ho mà suyễn nhẹ. Sự khác nhau giữa hai chứng là khát hay không khát mà thôi. Bởi vì Thủy định ở dưới Tâm, chứng trước là khát, đó là tân-dịch không vận-hành được khắp nơi; điều này thì không khát, bởi vì Thủy-ẩm thuộc Hán. Chứng-trạng tuy khác biệt nhưng Thủy-khí là một, vì thế vẫn dùng Tiểu Thanh-long thang làm chủ-trị. Khi nào Thủy-khí dứt thì Dương-khí phục-hồi. Vì tác thì thành chứng khát, do đó ta biết Hán dứt thì bệnh muôn khôi. Tuy khát, nhưng chúng ta không nên uống nhiều nước, sợ rằng chúng đình-ẩm lại tái sinh."

**Thành Võ-Kỳ chú:** "Ho mà suyễn nhẹ, đó là Thủy Hán ép Phé; phát Nhiệt không khát đó là biểu chứng chưa giải, ta dùng Tiểu Thanh-long thang nhằm giải biểu, tán Thủy. Khi nào uống thuốc xong mà khát đó là lý khí đã ấm, Thủy-khí đã tán, bệnh muôn khôi."

**Đường Dung-Xuyên chú:** "Tiểu Thanh-long thang là chứng mà Hán-khí làm động Thủy-khí. Thái dương chi thương, Hán khí trị chi. Hán khí là bản-khí của Thái-dương, vì thế nếu Hán ở biểu không giải, nó sẽ làm động đến Thủy-khí bên trong và gây thành chứng đình-ẩm và ho. Tiểu Thanh-long

*thang sò dī dùng Khương là để xua-duỗi Hàn-khí. Đại Thanh-long thang thuộc chứng Hàn bê Nhiệt. Thủy trong Thái-dương Bàng-quang hóa khí lên trên và đạt ra ngoài, đó là Dương-khí đóng vai bảo-vệ bên ngoài, vì thế gọi nó là Thái-dương. Thái-dương bản Hàn, tiêu Nhiệt. Nội-kinh nói rằng: Thái dương Thiếu-âm tùng bản tùng tiêu. Dương không đạt ra ngoài được sẽ uất bên trong thành chứng Nhiệt và phiền táo. Đại Thanh-long thang sò dī dùng Thạch-cao để thanh Nhiệt, là vì Nhiệt và Hỏa khác nhau như chúng ta đã nói ở phần nhập đầu. Đại Thanh-long chứng sò dī phiền táo là do Thái-dương tiêu Nhiệt gây ra, không quan-hệ gì với Thiếu-âm Tâm. Tuy nhiên, Dương-khí trong Thủy của Bàng-quang hóa khí lên trên, toàn dựa vào con đường của Mệnh-môn. Nó lên trên hợp với Tâm như trời có mặt trời. Vì thế bản khí của Thiếu-âm thành Nhiệt, Nội-kinh đã nói: Thiếu-âm chi thương Nhiệt khí trị chi. Nay tiêu Dương của Thái-dương bị uất bên trong, nó sẽ theo luật đồng khí tương cầu, hợp với để thành chứng phiền táo. Đó là con đường Nhiệt tìm Nhiệt vậy. Thạch-cao bẩm-thụ khí Thủy-âm, vì thế nó có thể thanh Nhiệt..."*

**Hết thiên Thái-dương thương  
(42 hoặc 46 điều)**

## Thiên TRUNG

### *Biện-chứng và MẠCH, CHỨNG và TRỊ-PHÁP trong THÁI-DƯƠNG BỆNH*



*Điều 43: 太陽病外證未解脈浮*

Thái dương bệnh, ngoại chứng vị giải, mạch phù  
弱者當以汗姐宜桂枝湯

nhuoc giả, dương dī hạn giải, nghi Quê chi thang.

Dịch nghĩa: Bệnh đồng thời ở tại ngoại, tại biểu, nhưng mỗi chứng đều khác nhau. Ma-hoàng thang hay Quê-chi thang đều có công-dụng khác nhau. Nay bệnh thuộc Thái-dương, bì phu thuộc biểu, cơ-táu thuộc ngoại. Ngoại chứng chưa giải được, khí ở trong cơ-táu bị tà-khí làm thương-tổn, mạch nhân đó mà hiện phù nhuoc, ta nên cho loại được cam ôn để tu-trợ cho khí-huyết ở cơ-táu, để tà-khí theo mồ-hôi mà giải ra ngoài. Nên cho uống Quê-chi thang.

Đại-ý: Điều này luận về Quê-chi thang thuộc loại dược-tế dùng để giải ngoại.

Thừa Đạm-Am chú: "Điều này luận về phàm bệnh tại Thái-

dương, có những chứng-trạng thuộc Thái-dương rô-ràng, bắt cứ thời-gian bệnh là bao lâu, tất cả đều phải lấy mồ-hôi để giải bệnh làm nguyên-tắc."

Trương Lệnh-Thiều chú:" Từ đây cho đến 15 điều sau luận về bệnh có khi ở biếu, có khi ở ngoại, tất cả đều khác nhau, vì thế mà việc đầu thang giữa Ma-hoàng thang và Quế-chi thang cũng phải phân-biệt nhau."

Kha Văn-Bá chú:" Quế-chi ôn cho nên dễ tán Hán-khí, vì cam có thể ích khí sinh huyết, vì tân có thể phát tán ngoại tà. Vì thế Ma-hoàng thang, Cát-cẩn thang hay Thanh-long thang, phàm những loại được-tể dùng phát hàn đều có thể dùng nó được. Duy chỉ có Quế-chi thang thì không thể dùng Ma-hoàng, nhưng ngược lại, Ma-hoàng thang không thể không dùng Quế-chi. Tại sao thế? Bởi vì Quế-chi là loại được-phẩm đóng vai xung và hòa trong vai trò phát hàn. Nếu như tà-khí ở tại bì-mao, sẽ làm cho bì-mao thực mà không có mồ-hôi, vì thế nên dùng Ma-hoàng làm chủ để đuổi thảng tà-khí làm cho chúng không mồ-hôi sẽ ra mồ-hôi để giải. Nếu như tà-khí ở tại cơ-nhục sẽ làm cho cơ-nhục thực mà bì-mao hư, 似汗 tự hàn xuất ra, vì thế ta không dùng Ma-hoàng làm chủ trong việc giải biếu mà dùng Khuong Táo Cam Thược để điều-hòa khí-huyết, tà sẽ di từ cơ-nhục ra đến bì-mao, khiến cho vốn dã có ít mồ-hôi lại xuất thêm mồ-hôi để giải. Hai phương thang này khác nhau ở chỗ đó. Nay có người không thông hiểu yếu-chỉ của hai phương thang, họ dùng Quế-chi để giải chứng trúng Phong, lại

dùng Ma-hoàng để trị thương Hàn, sai lầm."

Ngô Quốc-Định chú:" Câu 'ngoại chứng vị giải' là nói khái quát về trúng Phong hay thương Hàn; riêng trúng Phong thì có mồ-hôi, còn thương Hàn thì không có mồ-hôi. Nội dung của điều này thộc về chứng Thái-dương không có mồ-hôi, chứng không mồ-hôi thuộc biểu thực, dùng vào Ma-hoàng thang chứng. Tuy nhiên, vì mạch phù nhược thuộc lý hư, cho nên, dù có Ma-hoàng chứng ta cũng không thể cho phát hàn, vì phát hàn sẽ làm thương đến Âm. Ta nên dùng Qué-chi thang để giải ngoại-tà là được, không nên dùng phép phát hàn bùa-bãi."



### Điều 44: 太陽病下之微喘者表

Thái dương bệnh, hàn chi, vi suyễn giả, biểu  
未解故也桂枝加厚朴杏仁  
vị giải cổ dã. Qué-chi gia Hậu-phác Hạnh-nhân  
湯主之thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Tà-khí ở biểu chưa giải lại thấy có chứng của Thái-dương bệnh là đều cổ cứng và thống, người thầy thuốc lại cho xô sai lầm. May mà khí ở lý chưa suy, ngược lại, nó nghịch lên trên cùng giao nhau với biểu tà tại lồng ngực, gây thành chứng suyễn nhẹ, đó là biểu chưa giải. Ta dùng Qué-chi gia Hậu-phác Hạnh-nhân thang làm chủ. Bởi vì Hạnh-nhân giáng khí, Hậu-phác làm nhẹ lồng

*ngực. Trong phương này, ta đã thêm vào hai vị này sẽ làm cho biếu tà đang giao nhau với khí bên trong phải từ cơ-táu xuất ra bì-mao để giải ra ngoài. Nay xét, nhiều người không thông hiểu ý-nghĩa của hai chữ cơ và biếu, vì thế suốt đời vẫn phải làm-lắn.*

**Đại-ý:** Điều này luận về bệnh mà biếu-tà chưa giải, không được cho uống thuốc xổ, chỉ nên dùng Quế-chi gia thêm vài vị làm cho tà-khí đi từ cơ-táu xuất ra ở biếu. Thái-dương bệnh, tà-khí có thể ở tại biếu hoặc ở tại ngoại, cả hai đều không giống nhau. Bì-phu thuộc biếu, cơ-táu thuộc ngoại. Thái-dương biếu bệnh chưa giải mà cho xổ, tà-khí không theo xuống dưới được, không hâm vào trong mà còn ở tại biếu, khí không tuyên-phát mà gây nên chứng suyễn nhẹ. Ta dùng Quế-chi thang đi từ cơ ra biếu, gia thêm Hậu-phác để làm nhẹ lồng ngực, dùng Hạnh-nhân để giáng nghịch khí. Khi mà biếu được giải thì suyễn được bình ngay. Ta có thể đọc lại điều nói về Thái-dương bệnh mà cho xổ-lầm, khí bị nghịch xung lên trên...

**Châm cứu:** Châm *Ngoại-quan*, *Hợp-cốc* trị phát Nhiệt ố Phong; châm *Phong-phủ*, *Phong-trì* trị đầu thống; châm *Thái-uyên*, *Liệt-khuyết*, *Túc Tam-lý* trị suyễn nhẹ.

**Thành Vô-Kỳ chú:** "Khi cho xổ xong bị suyễn nặng, đó là khí ở lý đại hú, tà-khí truyền vào lý, chính-khí sắp thoát ra. Nếu sau khi cho xổ mà suyễn nhẹ, đó là khí ở lý nghịch lên trên, tà-khí không thể truyền vào lý, vẫn còn ở biếu. Ta dùng Quế-chi thang để giải ngoại, gia thêm Hậu-phác, Hạnh-nhân để giáng nghịch khí."

Kha Vận-Bá chú:" *Suyễn là chứng thuộc Ma-hoàng, công việc của trị suyễn là do Hạnh-nhân. Trường-hop này sau khi cho xổ sai lầm, biểu tuy chưa giải, nhưng tấu-lý đã mở ra (sa), vì thế không nên dùng Ma-hoàng thang mà chỉ nên dùng Quê-chi thang. Trong Quê-chi thang, ta có Thược-dược, nếu chỉ gia Hạnh-nhân thôi thì chứng suyễn tuy nhẹ, nhưng vẫn chưa làm tròn bốn-phận, nên gia thêm Hậu-phác để làm tá, suyễn sẽ theo với mồ-hôi để thoát ra ngoài.*"

Trình Ứng-Mao chú:" *Chứng suyễn có lý, có biểu, chúng ta không thể không phân-biệt cho rõ. Nay sau khi cho xổ mồ-hôi ra mà suyễn, như vậy là thuộc suyễn thịnh, thuộc lý Nhiệt ủng-nghịch, Hỏa viêm. Nếu sau khi cho xổ mà suyễn nhẹ, mồ-hôi không nhất định phải nhiều, vì nó do biểu tà làm bế-tắc, khí nghịch gây ra. Biểu chưa giải, ta vẫn nên trị ở biểu, dùng Quê-chi để giải, gia thêm Hậu-phác, Hạnh-nhân nhằm làm hạ nghịch-khí, ta không nên dùng làm Cát-căn Cầm Liêm thang khiến cho biểu-tà nhập vào lý-phận, biến chứng vô cùng.*"

Theo Ngô Quốc-Định, Thái-dương bệnh kiêm suyễn có năm phương-chứng:

Tên Phương-thang	Nguyên-nhân bệnh	Chứng-trạng chủ-yếu	Mục-dịch trị-liệu
Quê-chi gia	cho xổ lầm, biểu tà	có biểu chứng	tân ôn giải cơ,
Hậu-phác	muốn hâm, tranh	mà vi suyễn	lợi khí định
Hạnh-nhân thang	nhau giữa chính tà		suyễn

Cát-cǎn Cầm Liên thang	cho xổ lâm, Dương-tà nhập lý, Phé-kí thọ tồn, cùng theo với Nhiệt của Đại-trường,	há-lợi, suyễn mà mồ-hôi xuất.	tân lương giải cơ, khỗ Hàn thanh ở lý
Ma-hoàng thang	Hàn-tà bọc ngoài, ngăn đường vận- hành của khí	mạch phù khẩn, không mồ-hôi mà suyễn	khai tầu-lý, phát hạn để định suyễn
Tiểu Thanh-long thang	biểu Hàn, lý cỏ Thủy-ẩm, Hàn và Thủy cùng đánh nhau.	mạch huyền khẩn, phát Nhiệt, ő Hàn	tán Hàn trực ẩm
Ma Hạnh Cam Thạch thang	xuất hàn cho xổ xong, tà dư ở Phé	hàn xuất, suyễn vô đại Nhiệt	thanh Nhiệt, tiết Phé

## 21. Qué-chi gia Hậu-phác Hạnh-nhân thang phương:

桂枝加厚模杏仁湯方

Qué-chi (3 lượng)

Thuộc-dược (3 lượng)

Cam-thảo (2 lượng)

Sinh Khuong (3 lượng)

Đại Táo (12 quả)

Hậu-phác (2 lượng, chích, bỏ bì)

Hạnh-nhân (50 hạt, bỏ bì và đầu nhọn)

Tất cả 7 vị, dùng nước 7 thăng, dùng lửa riu-riu sắc còn  
3 thăng, bỏ xác, uống ấm 1 thăng, mồ-hôi ra lấm-tắm.



## Điều 45: 太陽病外證未解不可

Thái dương bệnh, ngoại chứng vị giải, bất khả

下也下之為逆欲解外者宜

há dã. Há chí vi nghịch. Dục giải ngoại giả nghi

桂枝湯主之 Quê chi thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Tà-khí ở vùng ngoại chưa giải, còn thấy có bệnh thuộc Thái-dương như đầu cổ cứng, thống, ta nên biết đó là ngoại chứng chưa giải, không được cho xô, nếu cho xô tức là trị nghịch lại. Nếu muốn giải vùng ngoại, nên uống Quê-chi thang làm chủ.

**Đại-ý:** Tiết này nói sau khi cho xô sai lầm, nên dùng Quê-chi thang để cứu chứng nghịch của ngoại chứng.

Sách Y-tông kinh-giám chú: "Thái-dương bệnh mà ngoại chứng chưa giải, ta có thể gọi đó là biểu chứng của Quê-chi thang chưa giải. Phàm khi nào biểu chứng chưa giải, vô luận là đã có hay chưa có mồ-hôi, dù có thể cho phép chúng ta dùng phép xô, nhưng nếu xét thấy chưa cần-thiết một cách gấp rút, chúng ta cũng không nên cho xô, vì nếu không sẽ bị nghịch khí. Nếu muốn giải ngoại nên dùng Quê-chi thang làm chủ."

Ngô Quốc-Định chú: "Biểu chứng thì phải giải ngoại; lý chứng thì phải công hạ, đó là những phép chữa trị không thay đổi. Cho dù cả hai chứng hiện ra một lúc, ta cũng nên dựa vào tình-trạng hoãn hoặc cấp để quyết định, đa số

*trường-hợp* là tiên biếu hậu lý. *Thiên Chí chán yếu đại luận* sách Tố-vấn viết: ' Bệnh đi từ nội ra ngoại, ta điều-hòa ở nội; bệnh đi từ ngoại vào nội, ta trị ở ngoại; bệnh từ nội ra ngoại mà thịnh ở ngoại, trước hết nên điều-hòa ở nội, sau đó trị ở ngoại; bệnh đi từ ngoại vào nội mà thịnh ở nội, trước hết nên trị ở ngoại, sau mới điều-hòa ở nội.'

Câu từ nội ra ngoại ý nói nội bị thương bởi thất tình; từ ngoại vào nội ý nói ngoại bị cảm bởi lục đâm. Bệnh ngoại cảm tuy thịnh ở nội, nhưng ta vẫn trị ngoại trước. Vì thế nếu ngoại-chứng chưa giải, ta không thể cho xổ. Câu 'dục giải ngoại' nên dùng Quê-chì thang, có hai lý-do:

1. *Ngoại-tà chưa giải, dùng Quê-chì thang.*
2. *Tuy đã cho xổ xong, nhưng tà-khi vẫn muốn quay ra biếu, ta vẫn nên dùng Quê-chì thang.*

Xét về ý-nghĩa của câu văn, chúng ta thấy câu 'dụng Quê-chì thang' không phải là tuyệt-đối bắt buộc, điều quan-trọng ở đây là dựa vào mạch và chứng để quyết-dịnh."

Vương Khắc-Đường nhán mạnh: " Chỉ cần có một chút đầu thống, ô Hán nhỏ bằng sợi lông thoi, cũng không thể cho dùng phép xổ được."

★  
*Điều 46: 太陽病先發汗不解而復下之脈浮者不愈浮為在*

Thái dương bệnh, tiên phát hàn, bát giải nhi  
phục hàn chi, mạch phù giả bát dū. Phù vi tại

外而反下之故令不愈今脈  
ngoại, nhi phản há chi, có lệnh bắt dū. Kim mạch  
浮故知在外當須解外則愈  
phù, có tri tại ngoại đương tu giải ngoại tắc dū  
宣桂枝湯主之nghi Quế chi thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Chưa có mồ-hôi mà đã cho xổ, ta dùng Quế-chi thang để cứu; nhưng trước đó có mồ-hôi mà ta cũng cho xổ, ta cũng nhờ Quế-chi thang để bồi-trợ. Thái-dương bệnh, trước hết, ta dùng Ma-hoàng để cho xuất mồ-hôi. Đã cho ra mồ-hôi rồi mà vẫn chưa giải được, ta phải phải tiếp-tục cho dùng Quế-chi thang. Vậy mà ta không dùng Quế-chi thang, lại cho xổ, đó là việc làm của người thầy thuốc vụng-về, câu nệ vào phương-pháp 'trước đã có mồ-hôi, sau đó có thể cho xổ' rõ-ràng là họ không thông hiểu mạch-lý. Mạch phù là bệnh không khỏi. Mạch phù là tà đang ở ngoại, vậy mà ta lại cho xổ, như vậy sẽ làm cho bệnh không khỏi. Nay nếu mạch phù, do đó ta biết tà-khí đang ở ngoại, nên giải ngoại thì bệnh sẽ khỏi. Nên dùng Quế-chi thang làm chủ.

**Đại-ý:** Điều này luận về trường-hợp trước hết có mồ-hôi và sau đó cho xổ. Ta biết mạch đì phù, đó là bệnh ngoại chưa giải, ta vẫn dùng Quế-chi thang để giải ngoại tà.

**Tiền Hoàng chú:** Biểu chứng chưa giải, chúng ta vẫn chưa dựa vào đâu để dùng phép trị khác. Nhà y-học thấy sau khi cho ra mồ-hôi mà bệnh vẫn chưa giải, nghi là tà

*đã nhập vào lý, vì thế mới cho xổ. Sau đó mạch vẫn phù và bệnh cũng chưa giải, tại sao?*

*Bởi vì mạch phù là do Phong-tà còn ở ngoài, không nên cho xổ, vì dung dược không dùng bệnh, không khỏi bệnh.*

*Ta dùng Quέ-chi thang làm chủ trị."*



### **Điều 47: 太陽病脈浮緊無汗發**

Thái dương bệnh, mạch phù khẩn, vô hàn, phát

熱身疼痛八九日不解表證

Nhiệt, thân đồng thống, bát cửu nhật bất giải, biểu chứng

仍在此當發其汗服藥已微

nhung tại, thủ dương phát kỳ hạn, phục dược dī, vi

除其人發煩目瞑劇者必衄

trú, kỵ nhân phát phiền, mục minh, kịch giả, tát nực

衄乃解所以然者陽氣重故

nực nái giải, sở dī nhiên giả, Dương khí trùng cō

也麻黃湯主之 dā, Ma hoàng thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Chúng ta lại nói về vấn-dề biểu bệnh, dung Ma-hoàng thang. Thái-dương bệnh, mạch phù khẩn, đây là mạch thuộc Ma-hoàng chúng, không có mồ-hôi, phát nhiệt, thân mình đau nhức, đó là thuộc các chứng của Ma-hoàng. Người thầy thuốc lại không biết dùng đến Ma-hoàng thang, đến ngày thứ tám là thời-kỳ do khi Dương-minh làm chủ kí, bệnh vẫn chưa giải, biểu chứng vẫn

còn. Đây tuy là bệnh kéo dài lâu ngày, nhưng vẫn cần phải phát hàn, dùng Ma-hoàng thang làm chủ. Nếu uống thuốc xong, chỉ thấy có biếu tà theo mồ-hôi ra ngoài, bệnh giảm nhẹ, nhưng Dương-Nhiệt của tam Dương đã thịnh ở trong, Dương thịnh thì Âm sẽ bị hư, cho nên người bệnh vì Dương thịnh mà thành ra bứt-rứt, và vì Âm hư cho nên mắt cứ muốn nhắm lại. Nếu bệnh nguy-kịch hơn ắt phải bắt buộc huyết xung lên trên gây thành chứng chảy máu mũi. Khi máu mũi chảy ra, nhờ đó mà cái Nhiệt ở kinh-lạc theo ra để giải được bệnh. Lý sao tại sao được như vậy? Đó là vì Thái-dương chủ về cự Dương (Dương lớn nhất), Dương-minh chủ về khí lạnh-lợi, Thiêu-dương chủ về khí của Tường-hòa. Tam Dương hợp lại nhau mà thành ra Nhiệt. Đó là Dương-khí trùng lên nhau vậy, ta dùng Ma-hoàng thang làm chủ trị.

Đại-ý: Điều này luận bệnh ở tại Thái-dương đắc được hóa khí của Dương-minh và Thái-dương, tất cả hợp lại nhau mà thành Nhiệt. Nhưng ở đây chỉ nói đến phát Nhiệt mà không nói đến ô Hàn, tức là chỉ nói đến tiêu bệnh của Thái-dương mà thôi.

Vưu Tại-Kinh chú:" Chứng Mạch phù khẩn, không có mồ-hôi, thân minh là đau nhức' đó là chứng thuộc Ma-hoàng thang. Đến ngày thứ tám và thứ chín mà bệnh vẫn chưa giải, đó là biếu chứng vẫn còn, nên dùng Ma-hoàng thang để phát ra. Chứng ta đều biết rằng phép trị thương Hàn không thể chỉ câu-nệ vào số ngày, nhưng khi thấy biếu chứng mạch phù, tuy có lâu ngày nhưng vẫn phải cho ra

*mồ-hôi. Sau khi uống thuốc rồi tuy bệnh có giảm nhẹ, nhưng vẫn còn bứt-rứt, mất nặng, đó là tà-khí trong vệ-khí đã được giải nhưng Nhiệt-khí trong doanh-khí chưa trù. Sở dĩ gọi là bệnh đang nguy-kịch, đó là huyết đang bị Nhiệt tấn-công, thế tất phải chảy máu mũi. Khi máu mũi chảy, nó sẽ làm cho cái Nhiệt trong doanh-khí cũng bị tiêu-trù, bệnh được giải. Tại sao như thế? Chỉ vì Dương-khí quá nặng, doanh và vệ đều thực, vì thế cần phải cho xuất cả mồ-hôi lẫn huyết, sau đó tà-khí mới giải được."*

*Chu Vũ-Tài chú:*" Sau khi uống thuốc xong, trong nhất thời Nhiệt vẫn chưa hết, bệnh giảm ít, nhưng cái thể của bệnh thì có giảm. Tuy nhiên, trường-hợp này, bệnh-thể không suy-giảm, mà ngược lại, lại thêm bứt-rứt, mất nặng buồn ngủ, nguyên-nhân nào khiến như thế? Đó là tà-khí cắm vào người đã nặng, và lại bệnh còn bị kéo dài lâu ngày, như vậy, tà sẽ uất vào kinh và làm thương-tổn đến huyết trong kinh, tân-dịch tiêu-kiệt dần, tà sáp nhập vào lý. Nay nếu không dùng thuốc, tà-khí sẽ vào Bang-quang gây thành chứng huyết-súc, hoặc nó sẽ vào Dương-minh gây thành chứng kết và đau nhức. Cả hai trường-hợp này đều có thể xảy ra. Nay ta dùng Ma-hoàng thang làm động đến tà-khí, nhưng vì tà nhiều mà được ít, không thể làm cho tà-khí bị sụp ngay được, và lại tà-khí vào sâu mà được thì ở cạn, được không đủ sức kéo tà ra ngoài, bởi thế nên người bệnh phải bứt-rứt và muốn nhắm mắt buồn ngủ. Đến như vẫn-de ra máu mũi, Trọng-Cảnh sợ rằng người ta

*nghi-ngờ về vai trò của dược, cho nên mới nói rõ rằng đây chỉ vì người bệnh Dương-khí quá nặng, chứ không phải do biến-chứng nào khác cả."*

**Rêu kưới:** rêu trắng mà chất đỉ.

**Châm cứu:** châm như điều 37, nếu có thêm chứng bứt-rứt, máu mũi, chỉ châm Hợp-cốc là dứt ngay.

**Ngô Quốc-Dịnh** chú: "Sau khi uống Ma-hoàng, sức mạnh của Dương-khí thoát ra ngoài nặng hơn, cái thể của Nhiệt xông lên trên, thành bứt-rứt và nặng mắt, Nhiệt thậm sẽ làm động đến huyết gây thành chảy máu mũi; Dương-khí bị uất sẽ theo mồ-hôi hoặc theo máu mũi thoát ra ngoài..."



### **Điều 48: 太陽病脈浮緊發熱身**

Thái dương bệnh mạch phù khẩn, phát Nhiệt thân  
無汗自衄者愈

vô hàn, tự nực giả dù.

**Dịch nghĩa:** Khí của tam Dương thịnh, sau khi cho ra mồ-hôi mà bệnh vẫn chưa giải, ta có thể xem chảy máu mũi là con đường để giải. Cũng có trường-hợp cái Nhiệt của kinh Thái-dương cũng giải được bằng con đường chảy máu mũi. Thái-dương bệnh, mạch phù khẩn, phát Nhiệt, thân mình không có mồ-hôi. Không cần phải phát hàn mà Nhiệt tự mình theo con đường của máu mũi để giải bệnh. Vì huyết và mồ-hôi, tên tuy khác nhau nhưng cùng loại nhau, nếu không ra bằng mồ-hôi thì sẽ ra bằng huyết,

*không giải bằng mồ-hôi thì giải bằng máu mũi, giống như trường-hợp Nhiệt kêt ở Bàng-quang, huyết tụ thoát ra ngoài.*

**Đại-ý:** Điều này nói rằng nếu không phải khí của tam Dương thịnh, ta không cần phải dùng đến Ma-hoàng để phát hạn. Cái Nhiệt của tiêu Dương của Thái-dương nếu được ra ngoài bằng máu mũi, bệnh sẽ khỏi.

**Trần Úy-chú:** "Phát Nhiệt mà không có mồ-hôi, đó là Nhiệt uất bên trong. Nhiệt lên cực làm cho lạc-mạch bị thương. Âm-lạc bị thương thì huyết sẽ theo Xung-mạch xuất ra thành chứng thở huyết. Khi Dương-lạc bị thương thì huyết theo Đốc-mạch xuất ra thành máu mũi. Vì Đốc-mạch và kinh Thái-dương cùng khởi lên ở khoe mắt trong, đi dọc theo hai bên cột sống xuống dưới lạc với Thận. Tiêu Nhiệt của Thái-dương mượn đường của Đốc-mạch làm chảy máu mũi để xuất ra ngoài, bệnh sẽ khỏi."

**Đường Dung-Xuyên chú:** "Lập-luận cho rằng 'huyết và mồ-hôi là đồng loại' của Trần Tu-Viên là không được đúng lắm. Mồ-hôi màu trắng, huyết màu đỏ. Chất của mồ-hôi là nhẹ mà trong, chất của huyết là nặng và đục. Mồ-hôi thuộc vệ-khí, huyết thuộc doanh-khí; như vậy làm sao mà nói rằng cả hai đồng loại cho được? Khi ta nói 'giải bằng con đường mồ-hôi' có nghĩa là tà-khí ở vùng doanh-phận mượn con đường của vệ-khí để tiết ra ngoài thành mồ-hôi. Mồ-hôi thuộc Thủy, còn khí là do Thủy hóa ra. Cho nên khí ở mũi và miệng ra đến ngoài thì đóng lại và hóa thành

Thủy trở lại. Dương-khí trong Bàng-quang, hỏa Thủy thành khí, đi thẳng lên thì đến mũi và miệng, nếu đi theo chiều ngang thì xuyên qua các mản mõ để đến cơ-nhục, phát ra ở bì mao, đó là mồ-hôi. Mồ-hôi chính là vệ-khí đã hóa trở lại Thủy. Nó thuộc vào khí-phận thì làm sao đồng loại với huyết cho được? Huyết là Âm-tráp thuộc doanh-phận, doanh sinh ra ở Tâm, xuất ra ở Bào-lạc, thuộc vào Can. Nó đi dọc theo các mản mõ bên trong, đặc được khí của Tiểu-trường, dẫn đi xuống để nhập vào huyết-thát, cùng liên-hệ với Bàng-quang. Vì thế khi Nhiệt kết ở Bàng-quang thì sẽ có chứng-trạng: huyết được tiêu ra ngoài. Đây là con đường mà huyết xuống dưới để thoát ra ngoài. Riêng con đường mà huyết đi lên trên để đạt ra ngoài, con đường này cũng theo khí của Tiểu-trường đạt ra ngoài xuyên qua vùng tấu-lý, cơ-nhục, đóng vai gìn-giữ cho vệ-khí, gọi là doanh-huyết. Khi tà-khí lưu lại lâu ngày nơi doanh-phận thì tà-khí sẽ quấy rối huyết. Huyết hữu-dư sẽ theo con đường kinh mà tràn ra ngoài thành chứng chảy máu mũi, tà-khí cũng theo con đường này mà thoát ra ngoài, bệnh khỏi.

Như vậy, máu mũi và mồ-hôi, một theo con đường của doanh-khí để phân và giải ra ngoài, một nữa lại theo con đường của vệ-khí để phân và giải ra ngoài. Như vậy, làm sao có thể trộn-lộn lại để nói rằng chúng đồng loại nhau?

Và lại, ngày nay, có số người khi luận về kinh-chứng thuộc Thái-dương chỉ biết đến Bàng-quang mà không

*dé-m-xia* đến Tiêu-trường. Họ đâu biết rằng Bàng-quang chủ về khí, còn Tiêu-trường chủ về huyết. Nội-kinh nói: 'Bàng-quang hóa khí để xuất ra', đó cũng là nói Tiêu-trường hóa ra vật để xuất ra. Vật đây chính là huyết-dịch, xuất ra ngoài. Vai-trò của Tiêu-trường cũng quan-trọng không kém Bàng-quang."

**Chu Vũ-Tái** chú: "Mạch phù khẩn, không có mồ-hôi, đó là chứng thuộc Ma-hoàng. Nếu như cho ra mồ-hôi sớm hơn thì làm gì đến nỗi phải ra máu cam? Chính vì chưa phát ra mồ-hôi cho nên Nhiệt-tà mới xung lên trên, thê tất bức-bách huyết xuất ra ở mũi. Khi máu mũi đã xuất ra thì Dương-tà cũng được giải luôn. Đây là ý-nghĩa của câu nói trong Nội-kinh Linh-khu 18: '奪血者無汗' Đoạt huyết giả, vô hàn= Khi đã cho máu ra thì đồng thời không thể cho mồ-hôi ra'. Trọng-Cảnh sợ rằng sau khi máu mũi ra rồi, người thầy thuốc lại tiếp-tục cho uống thuốc giải biếu, vì thế ông mới nhấn mạnh : 'Máu mũi ra thì khỏi bệnh'."

**Sách Y-tông kim-giám** chú: "Nếu lúc đầu không đưa mồ-hôi thoát ra từ vệ-phận để giải bệnh, lâu ngày nhất định huyết sẽ theo con đường của doanh-phận thoát ra ở mũi để giải bệnh. Phàm Thái-duong bệnh mà muốn 'giải ra ngoài', duy chỉ có hai con đường: mồ-hôi và máu mũi."

**Thành Vô-Kỳ** chú: "Phong Hàn tại kinh, nếu không giải bằng đường mồ-hôi, tà sẽ uất thành Nhiệt, khi máu mũi chảy thì Nhiệt-tà sẽ theo huyết tán ra ngoài, bệnh khỏi."

## Điều 49: 二 陽 並 痘 太 陽 初 得 痘

Nhi Dương tịnh bệnh, Thái dương sơ đắc bệnh  
時 發 其 汗 汗 先 出 不 澄 因 轉  
thời, phát kỳ hạn, hạn tiên xuất bất triệt, nhân chuyển  
屬 陽 明 總 自 微 汗 出 不 惡 寒  
thuộc Dương minh, tục tự vi hạn xuất, bất ô Hàn.  
若 太 陽 痘 證 不 罷 者 不 可 下  
Nhược Thái dương bệnh chứng bất bai giả, bất khả há,  
下 之 為 逆 如 此 可 小 發 汗 設  
há chi vi nghịch, như thủ khả tiếu phát hạn, thiết  
面 色 緣 緣 正 赤 者 陽 氣 懶 鬱  
diện sắc duyên duyên chính xích giả, Dương khí phật uất  
在 表 當 解 之 薰 之 若 發 汗 不  
tại biếu, đương giải chi, huân chi, nhược phát hạn bất  
澈 不 足 言 陽 氣 懶 鬱 不 得 越  
triệt, bất túc ngôn, Dương khí phật uất bất đặc viet.  
當 汗 不 汗 其 人 煩 躁 不 知 痛  
Đương hạn bất hạn, kỳ nhàn phiền táo, bất tri thông  
處 乍 在 腹 中 乍 在 四 肢 按 之  
xứ, sạ tại phúc trung, sạ tại tứ chi, án chi

不 可 得 其 人 短 氣 但 坐 以 汗

bát khǎ đắc, kỳ nhàn đoán khí, dǎn tọa, dī hàn

出 不 澈 故 也 更 發 汗 則 愈 何

xuát bát triệt có dā. Cánh phát hạn tắc dù, Hả

以 知 汗 出 不 澈 脈 滋 故 知 也

dī tri hạn xuát bát triệt? Mạch sắc có tri dā.

Dịch nghĩa: *Cả hai Dương cùng bệnh, Thái-dương lúc mới bắt đầu đặc bệnh, nên cho phát ra mồ-hôi. Nếu lần đầu cho ra mồ-hôi mà không ra một cách thông-triệt (ra hết), nhân đó nó chuyển sang để thuộc vào Dương-minh. Đó là ý-nghĩa của chữ cùng bị bệnh, tiếp-tục tự có mồ-hôi nhẹ. Nếu quả thực không ô Hàn, đó là chứng của Thái-dương đã dứt, ta có thể nghĩ đến chuyện cho xổ. Nhưng nếu chứng ô Hàn của Thái-dương bệnh chưa khỏi, ta không thể cho xổ, nếu cho xổ tức là đã nghịch trị, bắt buộc phải phát hàn mới gọi là trị theo phép thuận. Như vậy, ta thấy có hai cách phát hàn: tiêu phát hàn và cánh (thêm lần nữa) phát hàn. Ở đây, gọi là có thể cho phép tiêu phát hàn, vì đây là chứng mà Dương-minh đang ở tại kinh. Già sử như sắc-diện ứng đở, tức là có biểu-tượng của Nhiệt- sắc. Đó là khí của Dương-minh bị uất một cách bùng-bùng ở tại biểu. Nên dùng loại được tiêu phát hàn để giải. Nếu như đã giải rồi mà bệnh vẫn chưa hết, nên dùng loại được làm cho nóng ấm lên, nếu trúng bệnh sẽ khỏi ngay. Nếu như cả kinh và khí của Thái-dương đều bị*

bệnh, ta dùng phép phát hàn nhưng không hết, chuyện này không đủ để nói rằng đó là Dương-khí bị uất bùng-bùng mà không vượt ra ngoài được. Xét lại phần trước đã nói, ta nên phát hàn của Thái-dương, vậy mà ta lại không phát hàn, để rồi Nhiệt-tà không thoát ra ngoài được. Người bệnh bị uất nên trở thành bút-rút, bồn-chòn. Sự bút-rút, bồn-chòn này không do ở không phát hàn được mà ra, nó giống như chứng của Đại Thanh-long thang. Vì tà-khí không có nơi định-vị, cho nên ta không biết nơi nào bị đau nhức rõ-rệt. Từ chi và trong bụng đều là nơi mà khí Dương-minh làm chủ, lại thêm tà-khí của Thái-dương nhập vào, cho nên hoặc là có lúc nó ở trong bụng, hoặc có lúc nó ở tại tú chi, tay đè lên cũng không thấy được gì. Thở ra thuộc Dương, hít vào thuộc Âm, khí của Âm Dương không tương-giao nhau, cho nên người bệnh thở ngắn, tuy nhiên người bệnh sở dĩ thở ngắn, họ chỉ ngoài mà thôi, đó là vì mồ-hôi ra không hết đến nỗi khí Âm Dương không giao-nhau, việc xuất-nhập bất-lại. Nếu ta cho ra thêm (cánh phát hàn) mồ-hôi lần nữa là sẽ khỏi bệnh. Nhờ đâu mà ta biết mồ-hôi ra không hết? Đó là nhờ ta thấy mạch bị trệ-sắc, không trôi chảy trơn-tru mà ta biết vậy.

**Đại-ý:** Điều này luận về hai Dương cùng bệnh, luận về phát hàn mà không hết, có thể tiếp-tục phát hàn.

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Điều này giải làm hai đoạn :

Đoạn đầu: nó về bì-mao không khai làm bế-uất khí của Dương-minh, vì thế diện-sắc đỏ bùng, nên dùng phép giải,

*phép làm nóng lên.*

Đoạn hai: *nếu phát hạn mà không ra hết, ý nói mồ-hôi còn đọng lại bên trong các màn của cơ-tấu. Trần Tu-Viên trong khi chú-giải đã gượng-ép cho rằng phải giải theo con đường của Dương-minh, vì thế nên không được chính-xác. Bởi vì chúng đoán khí: thở ngắn không phải thuộc chứng của Dương-minh. Nếu ta xét lại toàn bộ tác-phẩm của Trọng-Cảnh, ta không thấy có chứng Dương-minh nào đề-cập đến thở ngắn cả. Như vậy đoạn thứ hai này có ý nói rằng nếu không phải do bệnh chung với Dương-minh, mà bệnh chỉ thuộc Thái-dương kinh, nhưng phát hạn không hết, như vậy sẽ không có tình-trạng mặt đỏ bừng-bừng. Vì thế ta không đủ chứng-cứ để nói rằng Dương-khí hiện đang không vượt ra ngoài được. Các câu văn trên lòng trong một lối văn-pháp uyển-chuyển khó hiểu. Nếu Thái-dương bị bệnh, ta nên cho xuất hạn để cho vê-khí tán ra ngoài mà khỏi bệnh. Nay nếu cần cho ra mồ-hôi mà ta cho ra mồ-hôi thì tà-khí đang ở với vê-khí tại cơ-tấu sẽ, vì vùng này thông với Bào-lạc, theo mồ-hôi để thoát ra ngoài. Còn nếu như nó phạm vào trong, nó sẽ làm cho bệnh-nhân phiền táo. Khi mà khắp chu thân không biết đau ở đâu, có khi ở trong bụng, đó là nó đã nhập vào nội-mạc; hoặc nó ở tú-chi, đó là nó chạy ra ngoài ngoại-mạc, rồi dừng lại ở tú chi. Ta đè tay xuống eung không thấy gì, đó là vì tà-khí ở trong tấu-lý đi lại không có nơi nhất định. Các màn mồ của tấu-lý trong thân người giăng mắc trên dưới, trong*

ngoài. Thế thì cái gì đang ở trong các mản của tấu-lý? Đó chỉ là mồ-hôi chưa ra hết còn lưu lại. Mồ-hôi chính là Dương-khí xuất ra từ Bàng-quang, do Thủy hóa ra. Khi này nếu không xuất ra được, nó sẽ đình lại thành ra ẩm. Phàm khi bệnh mà không có ẩm thì thường là doán khí. Nó sẽ làm cho người bệnh thở ngắn, chỉ ngồi mà không nằm được, nằm xuống thì khí sẽ làm cho nghịch, giống như người bệnh phải ngồi tựa vào ghế để ho, để thở vậy. Tại sao thế? Tất cả chỉ do ở mồ-hôi ra không hết, còn dư lại, còn đình lại để thành ẩm. Nếu chúng ta cho mồ-hôi tiếp-tục ra hết thì bệnh sẽ khỏi.

Nói chung lại, đoạn đầu của điều này nói về Dương-minh có Nhiệt và bị uất ở bên trong cơ-nhục; đoạn sau nói về bên trong các mản mõ của Thiếu-dương có Thủy-khí chạy tới lui không định vị. Một là do mồ-hôi ra không hết đến nỗi Hỏa bị bế, một nữa là nó bị lưu-trệ hóa thành Thủy. Xin độc-giả phân-biệt cho rõ."

Thừa Đạm-Am chú:" Đây nói về Thái-dương và Dương-minh cùng bệnh. Nếu lúc đầu chỉ có Thái-dương bị bệnh, đầu thống, thân mình đau nhức, phát Nhiệt, ố Hàn ... ta dùng phép phát hàn để trị. Nếu mồ-hôi xuất ra mà xuất không hết, do đó mà bệnh tà chuyển vào trong để thuộc về lý-chứng của Dương-minh. Ta thấy mồ-hôi lâm-tâm ra tiễn-tục, phát Nhiệt nhưng còn ố Hàn. Nếu các chứng như đầu thống, thân mình đau nhức của Thái-dương vẫn chưa dứt, đó là bệnh-tà chưa hoàn-toàn nhập vào Dương-minh,

*ta không thể dùng phương-pháp cho xổ. Bởi vì trường-hợp này mà cho xổ là nghịch trị. Ta chỉ có thể dùng phương-pháp 'tiểu phát hạn: cho ra mồ-hôi ít' để trị. Giả-sử ta có những chứng-trạng thuộc Thái-dương chưa khôi hồi, thêm nữa nếu sắc-diện lại đỏ bừng lên, đó chính là Dương-khí bị uất bừng lên trên, uất ra đến bì-phu, muốn ra mồ-hôi mà chưa ra được, ta dùng phép phát hạn để giải, hoặc ta dùng loại được-tế xông nóng lên để cho ra mồ-hôi.*

*Ta có thể chia điều này ra làm 4 đoạn nhỏ:*

**1. Đoạn 'Nhị Dương tịnh bệnh ... bất ô Hàn':** nói rõ Thái-dương chuyển-nhập vào Dương-minh, phép trị là phải cho ra mồ-hôi lâm-tầm để trị. Bất ô Hàn là chứng thuộc Dương-minh.

**2. Đoạn 'nhược Thái dương ... tiểu phát hạn':** ý nói sạ rằng khi người ta thấy có những chứng-trạng thuộc Dương-minh để rồi cho dùng phép xổ, vì thế Trọng-Cánh mới nhấn mạnh 'Thái dương bệnh chứng bắt bại', do đó không nên dùng phép xổ.

**3. Đoạn 'thết diện sắc ... giải chi huân chí':** nói rõ vì Thái-dương chưa giải được làm cho nhiệt trào lên trên, ta có thể dùng phép phát hạn hoặc dùng thuốc chung nóng.

**4. Đoạn chót còn lại, tác-giả lập-luận rằng nếu Thái-dương chứng chưa khôi, Dương-tà cũng không uất bừng lên trên mà vẫn chạy đi chạy lại khắp nơi trong toàn thân, ta vẫn có thể dùng phép phát hạn để giải. Chữ 更 cánh có**

nghĩa là làm lại lần nữa, nói khác đi, nếu lần đầu cho phát hàn nhưng mồ-hôi ra chưa hết, ta có thể cho phát hàn thêm lần nữa. Mạch sắc là một bằng chứng rõ nhất cho biết mồ-hôi ra chưa hết.

Khi nào Thái-dương, Dương-minh và Thiếu-dương cùng bệnh một lúc thì gọi là 合 痘 hợp bệnh. Trường-hop Thái-dương bệnh mà trị không đúng phép làm cho tà-khí chuyển-nhập vào đến Dương-minh hoặc Thiếu-dương, trong lúc đó Thái-dương chúng vẫn còn thì gọi là tịnh bệnh.

Đè-cương của điều này là 'Nhị Dương tịnh bệnh'. Bởi vì nếu Thái-dương chưa giải, ta dùng phép phát hàn để giải. Nhưng trong khi phát hàn ta phải biết chứng-trạng nặng hay nhẹ để dùng thang 'tiểu hàn: ra mồ-hôi ít' hoặc dùng phép 'đại hàn: ra mồ-hôi nhiều'.

Nội-dung điều này lập đi lập lại nhiều lần để nhấn mạnh cho mỗi trường-hop nên tiểu hàn hay đại hàn. Phép tiểu hàn phải dùng Quê-chí thang, phép đại hàn phải dùng Ma-hoàng thang. Tuy nhiên, tiểu hàn cũng có thể dùng Quê-chí Ma-hoàng các bánh thang.

Chù 熏 huân là một phương-pháp mà người xưa dùng vài loại dược-thảo, cho vào nồi nước, đun nước cho sôi và bốc hơi lên. Ta dùng hơi nước này để làm cho mồ-hôi xuất ra... Khi mà mồ-hôi giải ra, Phé-khí sướng-dot, tích Nhiệt ở Đại-trường cũng tự-động chuyển ra, không cần phải dùng thuốc xổ cũng khỏi bệnh."

**Rêu lưỡi:** rêu lưỡi trắng mỏng hoặc vàng mỏng. Nếu thuộc chứng Dương-minh phải cho xô thì lưỡi vàng, khô.

**Ngô Quốc-Định phân-tích về nguyên-nhân và chứng trị điều này như sau:**

<b>Nguyên-nhân bệnh</b>	Thái-dương lúc mới bị bệnh, ta phát hạn, hạn ra không hết cho nên chuyển vào Dương-minh.	
<b>Chứng chủ-yếu</b>	Mồ-hôi lâm-tâm tiếp-lục xuất ra, không ố Hán.	
<b>Bệnh-tinh biến-hóa</b>	1. Dương-khi hùng-hực ở biếu, diện-sắc đỏ bừng-bừng.  2. Dương-khi hùng-hực ở biếu, phiền-láo, không biết chở đau: có khi đau ở trong bụng, có khi đau ở tứ-chi.	
<b>Trị-liệu</b>	<i>Phương-pháp</i>	có thể phát hạn : phép giải, phép xông hơi, phép xuất-hạn thêm.
	<i>Cẩm-ky</i>	1. Thái-dương chứng chưa khởi, không được phép xổ.  2. Dương-minh chứng đã hiện ra, không được dùng phép phát đại hạn.
	<i>Đoản khí</i>	1. Hạn xuất không thôi, khí nghẽn giữa ngực, hơi thở không đều (chứng thực)  2. Phát hạn quá nhiều làm thương đến khí, khí ở giữa ngực bị thiếu, không thở được liên-tục (hụ)
<b>Phân-biệt các chứng-trạng</b>		1. Tá-khi ứng trệ, mạch tắt phải sắc mà hữu lực.(thực)  2. Chính-khi hư, tá-khi thiểu, mạch tắt phải sắc mà vô lực (hụ)
	<i>Mạch sắc</i>	



## Điều 50: 脈浮數者法當汗出之

Mạch phù sác giả, pháp đương hạn xuất nhi  
 愈若下之身重心悸者不可  
 dū, nhược hàn chi thân trọng Tâm quý giả, bất khả  
 發汗當自汗出乃解所以然  
 phát hạn, đương tự hạn xuất nai giải, sở dĩ nhiên

者赤中脈微此裡虛須表裡

giả, xích trung mạch vi. Thủ lý hư, tu biểu lý  
實津液自和便自汗出而愈  
thực, tân dịch tự hòa, tiện tự hạn xuất nhi dù.

**Dịch nghĩa:** Bệnh có khi do mồ-hôi ra không hết mà phải dùng đến phép 'tiểu hạn' hoặc 'cánh hạn', nói chi đến trường-hợp đáng cho ra mồ-hôi mà lại không cho ra.

Tuy nhiên cũng có trường-hợp phải cho ra mồ-hôi mà không được dùng bằng thuốc, ta nên xét lại mạch xích để làm bằng-cứ. Ta gọi đây là 'ngoài phép hay còn có phép hay hơn.' **Mạch phù sáu**, tất phải phát Nhiệt, theo phép thì phải cho ra mồ-hôi mới lành bệnh, nếu cho xổ thì thân mình trở nên nặng-nè, huyết bị thương cho nên Tâm bị hối-hộp. Đây bởi vì vệ-khí và doanh-huyết, bên ngoài nó tuần-hành trong khoảng kinh-lạc, Phế chủ vệ, Tâm chủ doanh, vì thế bên trong chỉ cần lấy được khi của Thủy-cốc là được. Nay do bởi xổ sai làm làm cho Thủy-cốc của Dương-mẫu không còn sung nữa. Ta không thể cho phát hạn, nên đợi tới chừng nào tự hạn xuất ra thì bệnh sẽ giải. Sở dĩ như vậy là vì mạch ở xích đang vi. Mạch xích thuộc Âm chủ về lý. Đây là Âm ở lý bị hư. Nên cần thận không nên dùng một cách cầu-thả, chỉ nên tự dưỡng, chờ Âm-khí trong Vị dần-dần phục-hồi, và cũng nên nhớ lời của Nội-kinh đã nói: 'Mặt trắng tròn đầy là lúc khí-huyết thực, cơ-nhục được rắn-chắc bên trong'. Người thầy thuốc

*nên báo cho bệnh-nhân biết trước những điều ấy, không nên nôn-nóng. Nên đợi cho cốc-khí sung-mãn thì khí của biếu lý sẽ thực mà tân-dịch sẽ tự hòa, bấy giờ tự hạn sẽ xuất ra và bệnh sẽ khỏi. Đây gọi là 'phép trị bên ngoài các phép trị'.*

**Đại-ý:** Điều này luận về mồ-hôi thuộc về huyết-dịch. Khi mà huyết-dịch bị kém, ta không nên dùng phép phát hàn.

**Đường Dung-Xuyên** chính: "Linh Quê Truật Cam thang chứng, Kiền-trung thang chứng, Chân Võ thang chứng, tất cả các chứng này đều có tình-trạng 'Tâm hồi-hộp' và đều do Thủy-âm phạm bên trong. Chúng ta thấy rõ ràng nội-dung của điều này nói rõ 'trường-hợp nên cho ra mồ-hôi mà ngược lại, ta lại cho xổ'. Như vậy, nó sẽ làm thương đến Dương-khí ở vách, làm động đến mạch-khí bên trong, làm cho dưới Tâm bị hò-hộp', đó là Thủy dâng lên để khắc Hỏa vậy. Vì xổ sẽ làm cho Thận Dương bị thương, nó sẽ không làm hóa được Thủy, gây nên bệnh. Vì thế nếu tiếp-tục dùng Ma-hoàng thang để phát hàn thì Dương-khí càng bị thoát, e rằng sẽ biến thành chứng quyết nghịch ... Tại sao thế? Bởi vì nếu xích vi, nếu ta cho xổ làm sẽ làm thương đến Thận Dương, do đó ta không nên tiếp-tục cho ra mồ-hôi. Vì như mạch vi-nhược không nên uống Đại Thanh-long thang vậy. Bởi vì Thái-dương thuộc biếu, Thiểu-âm thuộc lý. Đây là trường-hợp lý của Thiểu-âm do bị xổ làm thành ra hủ, làm cho Thận Dương không hóa được khí, như vậy làm sao có thể tiếp-tục cho ra thêm mồ-hôi? Ta chỉ nên phò-trợ cho khí của

*Thiếu-âm ở lý và trợ cho khí của Thái-dương ở biếu. Nói khác đi, làm thế nào để cho 'tân của Dương đạt ra đến bên ngoài' và 'địch của Âm sung-mãn bên trong'. Như vậy, tự nhiên hạn được giải. Vì như ta dùng phép trị của Quế-chi gia Phụ-tử thang vậy. Nguyên văn có viết : 'đương tự hạn... từ biếu lý thực'; riêng chữ 'đương: nên' thôi, ta cũng đủ hiểu có sự khác biệt giữa 'tự hạn' và 'bất khả tự hạn'. Vì thế ta không thể dùng Ma-hoàng thang."*

*Phương Trong-Hành chú:" Chứng 'thân mình nặng-nè' là do sau khi cho xô sai-lầm làm cho Âm bị hư, mệt-mỏi. Chứng hồi-hộp thuộc Tâm, do Tâm chủ về huyết, khi Âm hư thì huyết cũng hư; do đó Tâm không an. Tất cả chỉ vì không được phép xổ mà lại cho xổ sai-lầm gây ra biến-chứng. Câu 'bất khả hạn' nói cấm, không được tiếp-tục làm mất tân-dịch càng làm tổn thêm cho Âm. Câu 'nên chờ cho tự hạn xuất mới' giải được bệnh' ý nói tuy cho xổ sai-lầm làm cho bị nghịch, nhưng bệnh vẫn chưa biến nặng lầm, nên đợi khi nào tân và dịch phục-hồi, tự hạn sẽ giải được bệnh."*

*Ngô Quốc-Định chú:" Thân mình nặng-nè thuộc Dương hư, bệnh-lý giống như chứng tú-chi nặng-nè thuộc Chân Võ thang chứng. Tâm hồi-hộp thuộc Âm hư, bệnh-lý giống như Chích Cam-thảo thang chứng. Tuy biếu-chứng vẫn còn ta cũng không nên cho phát hạn, nhằm tránh tình-trạng mò-hôi ra nhiều làm vong Dương. Ta nên tùy chứng để tuyên-dụng hoặc Tân-gia thang, hoặc Tiểu Kiến-trung thang... Ta đợi khi nào chính-khí phục-hồi, tự-hạn xuất thì bệnh sẽ khỏi."*

★  
**Điều 51: 脈浮緊者法當身疼痛**

Mạch phù khẩn giả, pháp đương thân đồng thống

**宜以汗解之假令尺中遲者**

nghi dī hán giải chi. Giả lệnh xích trung trì giả,

**不可發汗何以知其然以營**

bát khả phát hàn. Hả dī trì kỳ nhiên? Dī doanh

**氣不足血少故也**

khí bát túc, huyết thiểu có dā.

**Dịch nghĩa:** Từ phép trị vừa nói trên mà suy, ngoài mạch phù sác ra, ta còn có mạch phù khẩn. **Mạch phù khẩn**, theo phép thì thân mình đau nhức, nên dùng Ma-hoàng thang để phát hàn giải bệnh, nay giả-sử mạch xích di trì thì không nên phát hàn. Tại sao ta biết được như thế? Bởi vì doanh-khí là tinh-khí của Thủy-cốc, nó làm hòa-dụu cho ngũ tạng, chan-hòa ra đến lục phủ, sau đó mới nhập vào mạch. Nay nếu mạch xích di trì, ta biết chắc rằng doanh-khí của Trung-tiêu bát-túc, huyết-dịch bị hư thiểu, không còn nhập vào được đến mạch. Tiết trên luận về mạch phù sác, do bị trị sai làm làm hư Âm ở lý, trường hợp này có thể không cần phải dùng thuốc, chỉ còn chờ tự hàn để giải bệnh. Nay mạch di phù khẩn, không dễ ra mồ-hôi, Âm-khí vốn bị hư, không phải do trị sai làm mà ra, do đó không thể chờ đợi có tự hàn để giải. Nếu nói rằng trước bỗ sau tán, hoặc bỗ tán đồng thời, chỉ là nói bừa-bãi.

**Đại-ý:** Điều này tiếp nối điều trên nói về mạch phù khẩn. Ta thấy rằng huyết-dịch kém không nên phát hạn. Khi nào mạch đi trì, ta không nên phát hạn.

**Đường Dung-Xuyên** chính: "Trong điều này, Trần Tu-Viên giải-thích mạch xích trì cùng một lúc với mạch phù khẩn là không đúng lầm... Khi Tâm Hỏa hữu-du thì huyết nhiều và sẽ động nhanh hơn. Khi Tâm Hỏa bất-túc thì huyết kém và sẽ động chậm. Vì thế mạch trì là thuộc huyết hư. Điều trên nói đến mạch vi, đó là mạch động nhẹ mà vi. Mạch vi là do khí hư, chứ không phải do huyết hư. Khi nương theo mạch để vận-hành, cho nên nếu khí hư thì mạch không thể nhịp mạnh-mẽ, do đó mà thành 'vi: nhẹ' cho nên mạch trì hay sác đều do mạch-quản, vì thế không có sự khác nhau giữa xích hoặc thốn. Mạch phù hay trầm là do khí chủ không do mạch-quản và vì thế cho nên có sự khác biệt giữa xích và thốn. Trong cả hai điều trên, Trần Tu-Viên đều giải-thích mạch trì và mạch vi đều do huyết hư, giải như vậy là không ổn. Nên nhớ rằng văn-pháp của Trọng-Cảnh biến-hóa tuyệt-vời, xin độc-giả khá cẩn-thận."

**Thùa Đạm-Am** chú: "Điều trên nói rằng mạch xích đi vi, không nên phát hạn, điều này lại nói rằng mạch xích đi trì, cũng không nên phát hạn. Vì mạch xích chủ về lý, mà cũng chủ về doanh-huyết. Mạch xích trì thuộc doanh-huyết bất-túc. Thủy-phân trong huyết-dịch có thể phát ra thành mồ-hôi. Nay nếu doanh-huyết bất-túc, ta lại phát hạn sẽ làm cho Thủy-phân trong doanh-huyết bị thương-tổn ..."

Tuy nhiên, nếu có chứng thân mình bị đau nhức thì không thể không cho phát hạn. Nhưng trong khi phát hạn, ta phải đồng thời gia thêm loại được bỗn khí và bỗn huyết. Điều này có thể dùng Quá-chí-gia Phụ-tử-thang hoặc Tân-gia-thang để trị. Mạch trì ý nói số chí của mạch đền chậm. Nếu xích mạch trì thì thốn mạch cũng trì. Hai bên tay hữu của hai tay đều trì. Mạch phù khẩn ví với sợi dây xoắn, đó là mạch đi hữu-lực. Nếu trì mà hữu-lực thì có thể cho phát hạn, mà cũng có thể cho xổ. Vậy mà điều này lại không cho phát hạn, đó là vì mạch trì mà nhược.

Chủ chứng của điều này thuộc Thái-dương thương Hàn, thân mình đau nhức, vậy nên hay không nên cho phát hạn? Vẫn-de phải dựa vào mạch. Nếu mạch phù khẩn, phép trị nên phát hạn để giải, nếu mạch xích trì thì không thể dùng hạn để giải. Một số nhà chẩn-giải cho rằng mạch thốn quan phù khẩn còn riêng mạch xích lại trì, trường-hop này không thể cho phát hạn. Đây là một nhân-dịnh sai-lầm. Mạch phù khẩn ý nói mạch đi dưới ngón tay thấy phù kiêm huyền hoạt, hữu-lực, đó là mạch-tương thuộc sác, đó cũng là huyết-dịch xông lên trên tạo thành thế tràn bờ. Mạch xích và quan gần bên nhau, làm sao nó có thể đi riêng thành mạch trì? Cho dù là trì thì cũng thuộc trì mà hữu-lực. Và nếu là thực, tại sao lại không thể cho phát hạn? Điều nên nhớ là: mạch phù khẩn và mạch xích trì là hai mạch-tương khác nhau, riêng nhau, không bao giờ có việc mạch ở thốn quan thì phù khẩn và đồng thời mạch

xích lại trì được."

Lý Đông-Viên chú:" Mạch xích-trung trì không thể dùng Ma-hoàng thang để phát hàn, chỉ nên dùng Tiêu Kiên-thang để điều-hòa. Khi điều-hòa được thì tà sẽ giải. Nếu không giải, ta tiếp-tục dùng, đợi chừng nào mạch xích trung hưu-lực, bấy giờ mới dùng Ma-hoàng để phát hàn."

Chu Vũ-Tái chú:" Khi nào ta tấn-công tà-khí, ta phải chú-ý đến chính-khí. Nay nếu mạch xích-trung trì, đó là chân Dương át hư, mà chân Âm cũng thiểu. Thận là nguồn của huyết-mạch, chưa bao giờ có việc là Thân-khí hư mà doanh-khí lại đầy-dủ. Như vậy, ta còn phát hàn để làm thương đến tân-dịch hay sao? Kiên-trung thang được tạo ra là để giải-quyết cho trường-hợp này vậy."

Châm cứu: châm Phong-môn, Kiên-ngung, Khúc-trì trì thân-thể đau nhức; cứu Khí-hải, Thân-môn làm cường Tâm, vận huyết nhằm chống lại ngoại tà.



### Điều 52: 脈浮者病在表可發汗

Mạch phù giả, bệnh tại biểu, khả phát hàn,  
宜 麻 黃 湯 脉 浮 而 數 者 可 發  
nghi Ma hoàng thang. Mạch phù nhi sác giả, khả phát  
汗 宜 麻 黃 湯 hàn, nghi Ma hoàng thang.

Dịch nghĩa: Phàm mạch phù mà khẩn, mạch xích-trung không trì, đó là bệnh tại biểu, còn doanh-khí không bị

*hư, có thể phát hạn, nên cho uống Ma-hoàng thang, rõ ràng không còn do-dụ. Mạch phù mà sác, mạch xích-trung không vi, đó là bên trong chưa hư, có thể phát hạn, nên cho uống Ma-hoàng thang.*

**Đại-ý:** Điều này tiếp điều trên, nói rõ vấn-đề phát hạn.

**Thừa Đạm-Am** chú:" *Hai điều trên đều nói rằng bệnh có biểu chứng, dù mạch xích thuộc vi hay trì cũng không thể cho phát hạn để trị. Hai điều này luận về mạch phù hoặc phù sác đều có thể dùng phép phát hạn để trị. Khi nói mạch phù tức là nói tà-khí ở tại biểu, chính-khí còn chong-cụ được với tà-khí ở biểu, ta nên nhân cái thế thuận-tiện đó để mà đuổi tà ra ngoài bằng cách cho phát hạn. Câu 'mạch phù' có lẽ nên có thêm chữ khẩn, nếu không Ma-hoàng thang phải đổi thành Quê-chi thang mới đúng.*

**Điều đáng để-ý là cả hai mạch phù và mạch phù sác đều chỉ nói mạch mà không nói chứng và đều chủ về Ma-hoàng thang, nội-dung chưa rõ-ràng..."**

**Vuu Tại-Kinh** chú:" *Cả hai điều đều nói mạch mà không nói chứng.. có vẻ thiếu hoàn-bì. Tuy nhiên nên nhớ rằng chúng ta phải đọc toàn bộ sách của Trọng-Cảnh để khỏi rơi vào tình-huống chẩn-đoán vụn-vặt của một vài điều."*

**Lục Uyên-Lôi** chú:" *Ở đây bốn chữ 'nghi Ma-hoàng thang' có lẽ do người sau thêm vào chứ không phải nguyên-văn của Trọng-Cảnh."*



**Điều 53: 痘常自汗出者此為營**

Bệnh thường tự hàn xuất giả, thủ vi doanh

**氣和營氣和者外不譖以衛**

khí hòa. Doanh khí hòa giả, ngoại bất hài dī vẹ

**氣不共營氣和諧故爾以營**

khí bất cộng doanh khí hòa hài, cō nhī. Dī doanh

**行脈中衛行脈外復發其汗**

hành mạch trung, vẹ hành mạch ngoại. Phục phát kỵ hàn

**和則愈宜桂枝湯**

hòa tắc dù. Nghi Quế chi thang.

Dịch nghĩa: Doanh thuộc Âm, vẹ thuộc Dương. Người bệnh thường có tự hàn xuất, đó là do doanh-khí thực sự đang hòa. Thế nhưng, tại sao doanh-khí hòa lại thường thấy có chứng tự hàn xuất? Đó là vì do vẹ-khí bảo-vẹ bên ngoài không hài-hòa, ý nói do vẹ-khí bị hư không thể cùng hài-hòa với doanh-khí mà ra. Vẹ thuộc Dương, doanh thuộc Âm, Âm và Dương quý ở chỗ hòa-hợp. Nay bản-thân doanh đang hòa nhưng vẹ lại không cùng hài-hòa với doanh, đến nỗi doanh tự vận-hành trong mạch, vẹ tự vận-hành ngoài mạch, tức là không còn tương-hợp nữa. Có thể ví như cảnh vợ chồng không còn hòa-thuận nữa. Ta nên thừa lúc hàn đang xuất ra, ta dùng Quế-chi thang và cho húp cháo nóng. Đây là vì Dương đang bất-túc, ta dùng phép làm ấm để dưỡng khí. Cháo vào bên trong

*Âm thì khí sẽ phục-hồi ở Dương. Như vậy là đang có mồ-hôi nhẹ, ta tiếp-tục cho phát hàn thêm nữa, như vậy Dương-khí sẽ được phán-chán, doanh-khí nhân đó được hòa-hợp trở lại với Dương, nhờ vậy mồ-hôi sẽ dứt và bệnh sẽ khỏi.Ta nên dùng Quê-chi thang.*

**Đại-ý:** Điều này nối tiếp điều trên nói đến quan-hệ giữa doanh-vệ bất hòa trong việc phát hàn.

*Dương Dung-Xuyên chú:" Thuyết của Thành Vô-Kỷ cho rằng Phong làm thương vẹt, Hàn làm thương doanh là đã cẩn-cù vào nội-dung câu nói này. Ông đã quên rằng ở đây Trọng-Cảnh chỉ luận về doanh và vệ tự bệnh chứ không phải do ngoại tà gây nên. Nếu gặp trường-hợp tự hàn do thương Hàn hay trúng Phong thì đó là tà-khí ở tại doanh-phận làm cho vệ không hài-hòa được, phép trị tuy đồng phương với ở đây, nhưng cái lý thật hoàn toàn khác biệt."*

*Chu Nhữ-Minh chú:" Khi thoát ra từ Dương, doanh thoát ra từ Âm. Con người từ lúc mới sinh ra đều đã có đầy-dủ Âm Dương, do đó mà cũng có đủ khí huyết. Khi huyết chính là cái gốc, cái rễ của con người. Vì sao ta gọi huyết là doanh? Vì doanh vận-hành trong mạch nhằm mở rộng vai trò doanh-duong chu thân, vì thế gọi là doanh. Vì sao gọi khí là vệ? Vì vệ vận-hành ngoài mạch, mang ý-nghĩa bảo-vệ. Xét kỹ lại, cả doanh lẫn vệ đều tự có mà không cần dựa vào cái gốc nào hay sao? Ta đáp rằng: Con người nhận lấy cốc-khí vào Vị, Vị đóng vai biến của cốc-khí, nó xuất ra để tưới thấm các kinh-lạc, nuôi-duong cốt-nhục, ngũ tạng lục*

phủ đều nhận lấy khí này. Nếu phân-biệt ra thì phần thanh (trong) thuộc doanh, phần trọc (đục) thuộc vệ. Khi doanh-vệ chu-lưu khắp nơi không ngừng-nghỉ, mỗi ngày, mỗi đêm mạch di 50 độ, nó sẽ gặp nhau ở mạch khí-khẩu vào sáng sớm (bình đán). Ta gọi đó là con đường quán-thông nhau như chiếc vòng ngọc không đầu mối. Do đó, ta biết rằng hai khí doanh và vệ bao giờ cũng theo nhau chứ không bao giờ tách rời nhau.

Nếu huyết-doanh và khí-vệ vận-hành hài-hòa nhau thì làm sao có thể bệnh được? Nói khác đi nếu có một trường hợp nào đó có sự trực-trặc giữa doanh và vệ, trăm bệnh sẽ xảy ra ngay."



#### Điều 54: 病人臟無他病時發熱

Bệnh nhân tạng vô tha bệnh, thời phát Nhiệt,  
自汗出而不愈者此衛氣不  
tự hàn xuất nhi bất dù già. Thủ vệ khí bất  
和也先其時發汗則愈宜桂  
hòa dã. Tiên kỳ thời phát hàn tắc dù, nghi Quế  
枝湯主之 chi thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Tạng phủ của người bệnh không có bệnh gì khác, chỉ có điều là phát Nhiệt định thời. Do đó mà cũng có tự hàn xuất định thời. Mỗi lần phát Nhiệt là có hàn

xuất, nó khác với trường hợp không phát Nhiệt mà hạn vẫn cứ xuất ra, vậy tại sao bệnh không khỏi? Đây đúng như điều mà Nội-kinh đã nói: Âm hư thì Dương bị thoát.

Do đó mỗi lần thoát Nhiệt thì hạn xuất. Đây là vê-khí nhân Dương Nhiệt thoát mà thành bất-hòa. Phép trị nên trước hết, lúc chưa phát Nhiệt, ta cho phát hạn, đó là ta muốn cho cái Dương Nhiệt theo mồ-hôi mà thoát ra ngoài. Ngoài ra ta nên húp cháo lỏng để bồi bổ tinh-khí. Như vậy, bệnh sẽ khỏi. Nên dùng Quê-chi thang làm chủ.

Đại-ý: Điều trên nói về vê-khí bất-hòa là do nó không hòa-điều được với doanh-khí. Điều này lại nói đến vê-khí bất-hòa, là do vê-khí tự mình bất hòa.

Trương Lệnh-Thiều chú:" Hai điều này nói rằng Quê-chi thang có thể làm hòa doanh-vệ để phát hạn mà nó cũng có thể làm hòa doanh-vệ để ngưng hạn."

Kha Vận-Bá chú:" Một thuộc Dương hư, một lại thuộc Âm hư. Tất cả đều có thể làm cho tự hạn xuất, khác nhau là ở chỗ hữu Nhiệt hoặc vô Nhiệt mà thôi. Ta phân-biệt bằng thường hạn xuất: mồ-hôi ra đều-dặn và thời hạn xuất: mồ-hôi ra có lúc. Tất cả đều dùng Quê-chi thang, húp thêm cháo để cho hạn xuất."

Thừa Đạm-Am chú:" Quê-chi thang được mệnh danh là phát hạn chi tể, mà thực ra cũng là loại bồ-ich khí huyết chi tể... Bạch-thực có khả-năng bồ Âm liêm hạn; Cam-thảo, Đại-Táo cũng thuộc loại được bồ-duōng. Thêm vào đó, ta húp cháo nhằm bồ-duōng tân-dịch... Nếu cả khí-huyết đều

*được bỏ thì nội ngoại sẽ hài-hòa. Điều trên được lý-luận Đông-y gọi là tự hạn do biểu bất cố, vậy nếu biểu được cố rồi thì hạn sẽ dứt, chỉ khi nào Âm-dịch được phục-hồi thì nhiệt sẽ không phát, hạn sẽ không xuất ra nữa. Chúng ta thấy rằng, như vậy, Quả-chi thang được ứng-dụng thật là rộng-rãi, vấn-đề là làm thế nào ứng-dụng cho thích-hop và hữu-hiệu mà thôi."*

*Thành Vô-Kỳ chú:* "Tạng không bị bệnh, đó là lý được hòa; vệ-khí bất hòa, đó là biểu bệnh vậy."

*Trương Ân-Am chú:* "Hợp cả hai điều trên lại, ta thấy được vai trò của Quả-chi thang là điều-hòa doanh vệ."

**Châm cứu:** châm Âm-khích, Hậu-khê, Phục-lưu, Đại-chùy. Tất cả nhằm thoái nhiệt và chỉ hạn, đối với đạo hạn (mồ-hôi trộm) lại càng có hiệu-quả cao hơn.



### **Điều 55: 傷 寒 脈 浮 緊 不 發 汗 因**

*Thương hàn mạch phù khẩn, bắt phát hạn, nhân  
致 鮫 者 麻 黃 湯 主 之*

*trí nực giả, Ma hoàng thang chủ chí.*

**Dịch nghĩa:** Trước đây, chúng ta đã thấy nói đến tà-khí theo máu cam để giải bệnh. Trường-hop thứ nhất nói rằng trong 8 đến 9 ngày, nhiệt của tam Dương thịnh, sau khi uống Ma-hoàng thang thì bệnh được giải; trường-hop thứ hai do ở bản kinh của Thái-dương thịnh, không cần phải dùng Ma-hoàng thang mà bệnh cũng có thể theo máu cam

*ngoài để giải. Tuy nhiên, cả hai đều thuộc trường-hop đợi sau khi ra máu cam mới giải. Ngoài ra ta cũng có trường-hop khác hơn, tức là sau khi ra máu cam rồi mà tà vẫn chưa giải. Ta nên phân biệt cho rõ. Nay thương Hán mạch phù khẩn, ta không phát hàn, nhân đó mà đưa đến việc phải chảy máu cam. Máu cam chỉ động lại chứ không chảy, biểu-tà chưa giải, ta dùng Ma-hoàng thang làm chủ. Ta không nên câu-nệ cho rằng hễ có máu cam là không được phát hàn.*

**Đại-ý:** Điều này nói thêm rằng, sau khi ra máu cam mà tà vẫn chưa giải. Ta dựa vào mạch: nếu tà giải rồi thì mạch vi, tà chưa giải thì mạch phù.

**Thừa Đạm-Am** chú: "Các chứng có máu cam không được phát hàn, hoặc đợi có máu cam thì bệnh mới giải, hoặc khi nào có máu cam thì bệnh tự khỏi. Tất cả đều được nói đến ở các điều trên. Ở đây, tác giả sợ rằng người thầy thuốc sẽ câu-nệ vào những chứng kè trên mà không xét đến trường-hop biểu chứng còn hay không, để rồi không dám phát hàn nữa; vì thế điều này cho biết sau khi ra máu cam ta vẫn có thể cho phát hàn. Điều đáng để ý ở tiết này, đó là mặc dù đã ra máu cam nhưng bệnh vẫn chưa giải."

**Chu Phụng-Nghi** chú: "Sau khi ra máu cam mà mạch phù, nên cho uống Ma-hoàng thang để phát hàn. Nếu sau khi ra máu cam mà mạch vi ta không nên cho dùng Ma-hoàng thang, mà chỉ nên dùng Hoàng-cầm Thực-dược thang. Bởi vì sau khi ra máu cam mà mạch phù đó là biểu tà chưa giải; còn nếu

mạch vi tức là biểu đã giải. Trọng-Cảnh đã dạy cho chúng ta cái đại-chỉ trong việc dùng Ma-hoàng thang như thế nào."

Ngô Quốc-Định phân-tích ba trường-hợp về máu cam:

1. Sau khi ra máu cam mà mạch phù, nên dùng Ma-hoàng thang; sau khi ra máu cam mà mạch vi, không nên dùng Ma-hoàng thang.
2. Sau khi có máu cam mà máu không chảy ra, hoặc chỉ chảy ra từng giọt, Nhiệt vẫn không giải, nên dùng Ma-hoàng thang.
3. Câu 'người ra máu cam, không được phát hạn' ý nói người này vốn thường ra máu cam do nguyên-nhân bên trong gây ra, thuộc hư; còn nếu ra máu cam mà biểu tà chưa giải, do nguyên-nhân bên ngoài gây nên, thuộc thực.



### Điều 56: 傷 寒 不 大 便 六 七 日 頭

Thương hàn bất đại tiện lục thất nhật, dầu  
痛 有 热 者 與 承 氣 湯 其 小 便  
thống hưu Nhiệt giả, dū Thừa Khí thang. Kỳ tiểu tiện  
清 者 知 不 在 裡 仍 在 表 也 當  
thanh giả, tri bát tại lý, nhưng tại biểu dã, đương  
須 發 汗 若 頭 痛 者 必 鈎 宜 桂  
tu phát hạn. Như ược dầu thống giả tất nực, nghi Quế  
枝 湯 chí thang.

**Dịch nghĩa:** Các điều trên nói đến hai lần ra máu cam và giải được bệnh, lại thêm một lần ra máu cam mà không giải được bệnh. Đại-chỉ là nói rằng hàn và huyết dị danh đồng loại. Nếu không giải được bằng mồ-hôi thì giải bằng máu. Nếu đã ra máu cam mà không giải được thì giải bằng mồ-hôi. Tất cả đều được trình-bày khá rõ. Tuy nhiên, chúng máu cam phải lấy đầu thống làm đề-cương, bởi vì đầu là nơi hội của các kinh Dương. Mạch Đốc và kinh Thót-dương đều khởi lên ở khoe mắt trong, khi tà Nhiệt thịnh thì nó sẽ vượt ra khỏi Đốc-mạch để ra máu cam. Chúng đầu thống rõ-ràng là bệnh xảy ra ở trên, nhưng nếu xét ở bệnh-cơ, ta thấy chính là do ở dưới: một là do đại-tiện, hai là do tiểu-tiện. Nay nếu thương Hàn mà không đại-tiện được đến sáu ngày, tức là chu-kỳ của lục kinh đã đủ, đến bảy ngày, đúng vào lúc Thái-dương chủ khí, đầu thống hữu Nhiệt, đó là Nhiệt đang thịnh ở khí, lên trên để thừa lên đầu, ta dùng Thừa-kí thang nhằm xua Nhiệt-kí ở dưới và làm tiết được Nhiệt-kí ở lý. Nếu đầu thống mà hữu Nhiệt, tiểu-tiện trong, ta biết Nhiệt không ở tại lý mà vẫn còn ở biều. Vậy ta nên phát hàn. Ma-hoàng thang chuyên làm tiết thoát Nhiệt ở biều, ở đây chúng-trạng lại hiện ra nhát biều nhát lý, đều thuộc đầu thống. Nếu đầu thống không ngừng, cái thể của nó là ắt phải bức huyết xung kên trên gây thành chúng máu cam. Ta có thể biết được nhờ dựa vào chúng đầu thống trước khi có máu cam. Ta dùng Qué-chi thang trước khi chảy máu cam.

**Đại-ý:** Điều này lấy câu 'khi đầu thống ắt phải chảy máu cam' làm chủ để phân-biệt các bất đồng giữa tại lý, tại biếu và tại kinh. Mong rằng người thầy thuốc nên hiểu rõ.

**Thừa Đạm-Am** chú: "Cảm-mạo ngoại-tà 6 đến 7 ngày đầu thống, thân mình phát Nhiệt, ta cho uống Thừa-khí thang. Nếu tiểu-tiện trong, ta biết rằng Nhiệt không ở tại lý, như vậy, không nên dùng Thừa-khí thang mà chỉ nên dùng Quê-chí thang để phát hạch. Nếu đầu thống quá nguy-kịch ắt phải chảy máu cam."

**Kha Vận-Bá** chú: "Đây là một trường-hợp phân-biệt giữa Thái-dương và Dương-minh. Thái-dương chủ về biếu lấy đầu thống làm chủ chứng; Dương-minh chủ về lý lấy không đại-tiện làm chủ. Tuy nhiên, chứng Dương-minh cũng có đầu thống, đó là do nghịch-khí xung lên trên. Chúng Dương-minh không đại-tiện được, đó là Dương-khí quá nặng. Con số 6 đến 7 ngày là thời-kỳ giải bệnh. Khi đến ngày thứ 7 mà vẫn không đại-tiện được, đó là bệnh ở lý. Như vậy, đầu-thống và thân Nhiệt là thuộc Dương-minh, ngoại bất giải lă do ở nội bất thông vạy. Khi cho xổ thì lý sẽ hòa và biếu sẽ được giải. Khi nào bệnh thuộc Thái-dương thì nên dùng Quê-chí thang để phát hạch giải bệnh. Chỉ khi nào sau khi phát hạch, Nhiệt đã thoái nhưng chứng đầu thống chưa trù được, đó là Dương-tà thận ở Dương-vị. Dương-lạc thọ thương, ta biết nó sẽ ra máu cam. Sau khi ra máu cam thì bệnh sẽ khỏi."

Cũng theo Thừa Đam-Am thì mạch chứng và rêu lưỡi của trường-hợp này giống như chứng của Thừa-kí thang. Mạch phải đi hồng sác hữu-lực, hoặc đi trầm sác hữu-lực. Rêu lưỡi thô và hơi vàng, đè lên bụng thấy thực và dày. Nếu châm cứu thì trước hết nên châm Nội-quan, Thừa-son, Nội-dinh. Tuy nhiên, trong lúc châm Nội-quan nên để ý khi nào bệnh-nhân đánh rầm như sắp đại-tiện thì mới châm. Dù sao, trường-hợp này châm-cứu cũng rất rắc-rối, nên uống Thừa-kí thang hơn. Giai-doạn hai nên châm Phong-phủ, Phong-trì, Đầu-duy, Ngoại-quan, Hợp-cốc ...

Trương Lộ chú:" Cả 6 đến 7 ngày không đại-tiện, rõ-ràng là thuộc lý Nhiệt, huống chi có chứng Nhiệt kèm theo, lại càng rõ hơn. Vì thế tuy là có chứng đầu-thổng, nhưng nhất định do cái Nhiệt ở Dương-minh chung-cắt lên, ta dùng Thừa-kí thang. Tuy nhiên, nguyên văn chỉ viết là khả dĩ: khuyên nên dùng mà không nên rõ Đại Thừa-kí thang hay Tiểu Thừa-kí thang, chỉ vì mục-dịch chính không phải nhầm cho xổ, chẳng qua muộn nó để chứng-minh bệnh dang có lý Nhiệt hay không có lý Nhiệt mà thôi.

Nay nếu tiêu-tiện trong chứng-minh rằng lý không có Nhiệt, biết chắc rằng tà chưa nhập vào lý, như vậy, ta không nên cho xổ mà chỉ nên giải biếu. Chỉ vì chứng đầu-thổng phát Nhiệt do Hàn-tà uất ở kinh, cái thể của nó phải đưa đến chứng chảy máu cam. Dù sao thì không có chứng thân mình đau nhức, mắt hoa, ta biết rằng tà-kí chưa nặng lắm, không cần phải dùng Ma-hoàng thang mà chỉ

nên dùng Quέ-chi-thang nhằm giải-tán tà-Nhiệt trong doanh-khí, nhò vây mà Hàn-tà cũng được giải-tán vây."



### Điều 57: 傷 寒 發 汗 解 至 日 許 復

Thương Hán phát hàn, giải chí nhật hứa, phục  
煩 脈 浮 數 者 可 更 發 汗 宜 桂  
phiền, mạch phù sáu giả, khả cánh phát hàn. Nghi Quέ  
枝 湯 主 之 chi thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Nói tổng-quát thì Quέ-chi thang và Ma-hoàng thang được dùng một cách rộng-rãi, trong đó Quέ-chi thang được dùng hết sức tề-nhị. Thương Hán uống Ma-hoàng thang để phát hàn. Sau khi uống thì mồ-hôi xuất, thân mình mát-mẻ, đó là biểu dã giải, đến ngày hàn, bệnh trả lại phát Nhiệt mà bứt-rứt. Đó là biểu-tà dã giải nhưng tà ở cơ-táu chưa giải. Ta chẩn mạch thì thấy mạch không hiện lên phù-nhược của Quέ-chi thang mà lại là phù sáu của Ma-hoàng thang. Ta biết đó không phải là Ma-hoàng chứng chưa giải mà chính là tà-khí ở cơ-táu chưa giải, làm động đến khí của Quân-hỏa gây thành chứng bứt-rứt. Như vậy Ma-hoàng thang không thể trị chứng bứt-rứt, ta thay đổi Ma-hoàng thang bằng phép cho hộp cháo lỏng để điều-hòa nhằm phát hàn. Nên dùng Quέ-chi thang làm chủ, giải được tà ở cơ-táu và chấm-dứt chứng bứt-rứt.

**Đại ý:** Điều này tổng-kết cả 15 điều trên, nói rằng bệnh có sự phân-biệt tại biếu và tại ngoại, thang có sự khác nhau giữa Ma-hoàng thang và Quế-chí thang. Ngoài ra, nó còn nói rộng hơn về vai trò ứng-dụng rộng-rãi của Quế-chí thang.

Kha Vận-Bá chú:" Quế-chí thang vốn chuyên trị chứng phiền. Sau khi uống mà ngoại Nhiệt không giải, trong lúc đó nội Nhiệt nặng hơn, vì thế được gọi là phản phiền (ngược lại bị phiền). Ma-hoàng thang vốn không trị chứng phiền, sau khi uống mồ-hôi ra, ngoại Nhiệt mới giải thì nội Nhiệt đã phát, vì thế được gọi là phục phiền (phiền trở lại).

Khi nói rằng Ma-hoàng thang chủ chi, đó là nói 'định pháp: phép trị theo đúng quy-định'.

Khi nói rằng uống Ma-hoàng thang mà bệnh không giải, lại tiếp-tục dùng Quế-chí thang, phép trị này gọi là 'hoạt pháp:: phép trị sống-động'.

Khi dùng Ma-hoàng thang mà bị phục phiền, ta có thể dùng tiếp Quế-chí thang. Nhưng sau khi dùng Quế-chí thang mà phản phiền thì không thể thay dùng Ma-hoàng thang được. Vả lại mạch-chứng thuộc Ma-hoàng thang chỉ có thể dùng Quế-chí thang để thay đổi trong việc phát hạn, nói như vậy không có nghĩa là trong trường-hop này ta có thể dùng Quế-chí thang trước khi dùng Ma-hoàng thang. Đây gọi là định-pháp trong hoạt pháp vậy."

Thùm Đạm-Am chú:" Chứng phiền là do lý Nhiệt. Ở đây, lúc đầu không có chứng-trạng phiền, chỉ có biếu-chứng. Sau khi phát han hơn nửa ngày mới bắt đầu phiền, đó là

*do phát hàn chưa sạch, tà-khí còn sót lại cùng kháng-cự với chính-khí gây thành chứng phiền. Chứng phiền này khác với chứng phiền do lý Nhiệt gây nên. Ta dựa vào mạch phù sác để biết rằng biểu-tà chưa được đuổi sạch, vì thế ta vẫn dùng Qué-chì thang nhằm phát ra mồ-hôi lâm-tám để giải tà.*

*Trường-hợp khác, nếu sau khi phát hàn, biểu-tà bị đuổi sạch, nhưng vì do mồ-hôi ra quá nhiều nên làm thương đến tân-dịch, do đó gây thành chứng phiền, mạch sẽ không di phù mà chỉ di sặc, sặc mà vô-lực. Như vậy, ta không thể dùng Qué-chì thang để trị. Điều này nói rằng sau khi phát hàn hơn nữa ngày lại bị phiền trở lại, mạch phù sặc, ta dùng Qué-chì thang nhất là phải kèm theo các chứng đau thống, choáng-váng, hoặc thân mình đau nhức và ô Phong. Như vậy quyết không thể chỉ có mỗi một chứng phiền mà thôi. Nếu không, ta không thể dùng Qué-chì thang."*



### **Điều 58. 凡 痘 若 發 汗 若 吐 若 下**

*Phàm bệnh nhược phát hàn, nhược thổ, nhược hán  
若亡津液陰陽自和者必自  
Nhược vong tân dịch. Âm Dương tự hòa giả, tất tự  
愈dù.*

**Dịch nghĩa:** Phép hàn, phép thổ, phép hán là ba phép tấn-công tà-khí. Phàm khi bệnh, nếu dùng phép hàn, nếu

*dùng phép thô, nếu dùng phép há, nếu cả ba phép trên mà dùng đúng thì sẽ trừ được bệnh. Còn nếu dùng phép, hạn, thô hay há mà thái-quá sẽ làm cho vong tân-dịch, có thể đưa đến việc làm vong Dương. Như vậy cho dù các chứng phải thô, phải hạn, phải há còn cần-thiết di nữa, ta cũng không thể tiếp-tục dùng ba phép ấy nữa. Nên dùng thuốc châm-châm, đợi khi nào khí Âm Dương tự hòa, tà-khí sẽ thoái, bệnh tất phai tự khỏi.*

**Đại-ý:** Điều này nói về ba phép hạn, thô, há không được dùng bừa-bãi, sai lầm.

**Trương Lệnh-Thiệu** chú: "Tiếp theo sau đây là 13 điều nữa, đều nhằm làm sáng-tỏ điều này. Ý nói không thể dùng sai-lầm một trong ba phép trên."

**Thùa Đạm-Am** chú: "Phàm mọi-bệnh-chứng, sau khi dùng các phép phát hạn, hoặc phép thô, hoặc phép há, hoặc dùng bất cứ một phép nào đó để làm cho mất tân dịch, bệnh không khỏi, tất cả nên chờ đợi, đợi khi nào Âm Dương, nội ngoại điều-hòa, bệnh sẽ không cần dùng đến thuốc cũng khỏi. Toàn bộ đôi mắt sáng của quyền Thương-hàn luận là nhằm vào việc gìn-giữ tân dịch. Nếu tân dịch bị thương-tồn, cho dù là bệnh chưa khỏi cũng không thể tiếp-tục cho hạn, cho thô hoặc cho há, để rồi làm thương-tồn thêm cho tân dịch. Nếu không, không thể nào tránh khỏi biến-chứng để rồi trăm bệnh hiểm-nguy sẽ xảy ra.

**Có người hỏi:** Làm thế nào biết được là tân dịch đã bị thương-tồn? Các đoạn văn trên có nói đến tái hạn: cho ra

mồ-hôi thêm, trùng hạn; cho mồ-hôi lần nữa, cánh hạn; thay đổi cách phát hạn. Vậy phải dựa vào trình-trạng nào để thực-hiện những điều nói trên?

Đáp: Phải dựa vào mạch-chứng và thiết-chứng (luõi) để tham-chứng cả hai. Nếu mạch còn Vị-khí thì không hiện lên mạch xích vi, nếu thiết (luõi) có thần-khí thì không biểu-hiện bằng tân dịch khô cạn; đó là triệu-chứng mà ta có thể tái hạn, tái thõ, tái há. Nếu tân dịch bị tổn-thương, mạch tuy đi phù, đại, xúc, sác, nhưng mạch xích sẽ biểu-hiện vi, hoặc trầm; án tay lên thấy vô-lực, màu luõi tuy trắng, vàng, dày, nhưng chất của nó sẽ biểu-hiện khô tân-dịch và thiếu hẵn thần-khí. Lúc bấy giờ, tuy có biểu-chứng hoặc lý-chứng, ta cũng không thể tái hạn, tái thõ hoặc tái há, ta nên ngưng dùng thuốc, nhẫn-nại chờ-đợi, lo ăn uống và nghỉ-ngơi là chính, đợi khi nào tân-dịch tự hòa phục-hồi, tức là chính-khí phục-hồi đầy-đủ, tà-khí thoái lui, điều mà chúng ta gọi là đai kỳ liệu pháp. Tuy nhiên, chỉ khi nào bệnh nhẹ thì mới áp-dụng được còn bệnh nặng thì không được. Hai chữ Âm Dương trong điều này không phải chỉ vào mạch mà thôi, nó còn chỉ vào biểu lý, nội ngoại nữa, có thể dùng để chỉ vào huyết khí cũng được."



### Điều 59: 大下之後復發汗小便

不利者亡津液故也勿治之  
Đại hả chi hậu, phục phát hạn, tiễn tiễn  
bất lợi giả, vong tân dịch có dã. Vật trị chi.

## 得 小 便 必 自 愈

**Dịch nghĩa:** Sau khi cho xô-mạnh, lại cho phát hàn, đến nỗi làm cho tiêu-tiện bất-lợi, đó là ta đã làm mất tân-dịch, ta không nên dùng thuốc lợi tiểu để trị, ý nói đợi cho tân-dịch trở lại cho đến khi tiêu-tiện được lợi thì Âm Dương hòa, các chứng biếu lý tắt tự khỏi bệnh.

**Đại-ý:** Điều này nói về trường-hợp cho phát hàn, cho xô một cách sai-lầm, làm mất tân dịch.

Thừa Đạm-Am chú: "Điều này nối tiếp điều trên, luận vấn-dề một cách tổng-quát chứ chưa chỉ rõ loại bệnh-chứng nào. Nói chung, nếu tân-dịch đã bị mất thì nên tu-duông tân-dịch là chính. Ta dùng phép lợi tiểu là không đúng, nhưng phó mặc cho bệnh cũng không đúng,"

Kha Vận-Bá chú: "Khi nói rằng 'vật trị chi: không nên chữa' ý nói không nên dùng phép lợi tiểu, chứ không có nghĩa nhất định chỉ chờ bệnh-tự khỏi. Bởi vì người bệnh bị mất tân-dịch, nếu ta không tìm cách phục-hồi tân-dịch thì làm sao lợi được tiêu-tiện? Phép lợi tiểu trong trường-hợp này là làm sao phục-hồi tân-dịch."

Theo Thừa Đạm-Am thì làm mất tân-dịch làm cho tiêu-tiện bất-lợi, mạch sẽ di vi nhược.



## 下 之 後 復 發 汗 必 振 寒

Điều 60: Há chi hậu, phục phát hàn tắt chấn Hán

# 脈微細所以然者以內外俱

mạch vi tiê. Sở dĩ nhiên giả, dĩ nội ngoại cầu

虛故也. hư có dã.

**Dịch nghĩa:** Sau khi cho xổ, lại cho phát hàn, sẽ làm cho khí bị hư bên ngoài không còn làm ấm cho cơ-nhực và bì-phu, vì thế tất phải chấn Hàn (run lập-cập); huyết bị hư bên trong không còn làm vinh được kinh-mạch vì thế mạch sẽ vi-tê. Tại sao lại như vậy? Do bởi chúng ta cho phát hàn và cho xổ sai-lầm. Khi huyết nội ngoại đều bị hư

**Đại ý:** Điều này nói sau khi cho phát hàn và cho xổ, hậu-quả không chỉ là mất đi tân-dịch, nó còn làm cho khí huyết, Âm Dương nội ngoại bị hư.

**Đường Dung-Xuyên bô:** "Chữ chấn có nghĩa là run lên bần-bật. Phàm người già cả tay thường run lên, đó là do huyết không còn nuôi dưỡng cân nữa. Điều này nói rằng nhân sau khi cho xổ làm thương-tồn đến Âm-huyết, huyết không còn nuôi-nouring đến cân-khí nữa, vì thế cân bị co rút, và nếu không ô Hàn thì không có chỗ phát ra, cân tuy co-rút nhưng chưa đến nỗi phải chấn-dộng. Nhưng đây lại cho phát hàn tiếp, làm thương đến Dương-khí, khí hư sinh Hàn, do đó phải run lên vì lạnh. Chỉ khi nào khí hư thì mạch ứng thành vì Mạch vì có nghĩa là khí không còn vỗ ra ngoài được, và do đó mà nhịp động của mạch thành khinh (nhẹ). Khi nào huyết hư thì mạch mới ứng thành tế, có nghĩa là huyết bị thiều trọng mạch làm cho mạch bị co

*lại đôi lúc thành tiêu. Sở dĩ như vậy là vì bên trong bị cho  
xổ làm huyết bị hư, bên ngoài lại bị phát hàn làm cho khí  
bị hư. Văn-pháp của Trọng-Cảnh, mỗi chữ, mỗi câu đều có  
ý-nghĩa tiếp nối với nhau, không sai-loạn một tơ-hào. Đọc  
xong điều này, ta lãnh-hội được toàn-bộ văn-pháp của  
Thương-hàn luận của Trọng-Cảnh. Đây là trường-hợp  
giống như các chứng của Linh-Quả Truật Cam thang hoặc Chân Võ  
thang. Chỉ khác nhau là các chứng kia chỉ luận thuần về  
Thủy-Hàn, còn ở đây kiêm luận cả khí huyết."*

*Thừa Đạm-Am chú:" Nội ngoại đều hư tức Âm Dương  
lưỡng hư, nếu nhẹ thì dùng Tú-nghịch thang nếu nặng nên  
dùng Tú-nghịch già Nhân-sâm thang để trị."*

*Thành Vô-Kỳ chú:" Phát hàn thì biếu hư mà vong Dương;  
cho xổ thì ly hư mà vong huyết. Chấn Hàn do Dương-khi  
vi; mạch vi-tế do Âm-huyết nhuộc."*

**Châm-cứu:** châm *Chi-dương*, *Tỳ-du* và *Thần-khuyết*. Cả  
ba huyết nên cứu nhiều hơn, nó có thể trị chấn Hàn và  
mạch vi; nó làm mạnh cơ-năng của Tâm, cỗ-động sự vận-  
hành của huyết, sau khi cứu, ta nên húp ít cháo để tăng-  
bổ cho tân-dịch, bệnh sẽ khỏi.

*Ngô Quốc-Định chú:" Bệnh có biếu chứng, nếu cho xổ sẽ  
làm vong Âm; lại cho phát hàn sẽ làm tốn-thương Dương.  
khí. Huyết kém bên trong, tân-dịch kiệt bên ngoài. Cả biếu  
lẫn lý đều bị thương-tốn cho nên phải run lên bần-bật và  
mạch đi vi-tế. Sở-dĩ điều này không có đưa ra phép trị, là  
vì muốn cho chúng ta nên xét kỹ về thể-chất hơn nữa xét kỹ*

mức độ nguy cấp của người bệnh, sau đó mới tùy-nghi mà định phương."

Uông Hô đưa ra các thang phương điều-trị như sau: "Nếu thể-chất người bệnh vốn vô Nhiệt, ta có thể dùng Thược-dược Phụ-tử thang; còn nếu ở người bệnh vốn hữu Nhiệt, ta có thể dùng Hoàng-kỳ Kiến-trung thang."

Mạch vi là nói về mạch-tượng. Sách Tố-vấn gọi là mạch tiêu. Hoạt Bá-Nhân chú: "Mạch vi là mạch đi không rõ (bất hiển), mơ-mơ hồ-hồ, nhẹ-nhàng, như hữu như vô, đó là do biểu-hiện của khí-huyết đều hư." Theo Ngô Quốc-Bình thì, dù sao, khi có mạch-tượng này, bệnh coi như suy lâm rồi.



### Điều 61: 下 之 後 復 發 汗 畫 日 煩

Há chi hậu, phục phát hàn, trú nhật phiền  
躁 不 得 眠 夜 而 安 靜 不 嘴 不  
táo, bất đặc miên. Dạ nhi an tĩnh, bất ầu, bất  
渴 無 表 證 脈 沉 微 身 無 大 热  
khát, vô biểu chứng, mạch trầm vi, thân vô đại Nhiệt  
者 乾 薑 附 子 湯 主 之

giả, Can Khương Phụ tử thang chủ chí.

Dịch nghĩa: Sau khi cho xổ lại cho phát hàn, làm thoát Dương-kì. Ban ngày thuộc Dương. Nay giờ Dương hu trong người đang muốn nhò vào 'đồng khí tương trợ' (của Thiên-kì) nhưng lại không được cho nên bị bứt-rứt, bồn-

*chồn, nằm ngủ không* được. Ban đêm thuộc Âm, Âm thịnh được ở yên nơi Âm-phận, do đó *người bệnh* được an-tĩnh. Nhờ vào không ói, không khát, ta biết được rằng đó không phải là Nhiệt-tà đã truyền vào lý. Vì không có biểu-chứng ta biết được rằng đó không phải do biểu-kí dã gây nên phiền táo. Mạch trầm vi, đó là khí hư ở biểu. Trong tình-hình này, nếu không mau mau phục-hồi Dương-kí thì chắc-chắn Dương-kí sẽ tuyệt trước không thể cứu chữa được nữa. Nên dùng Can Khương Phụ-tử thang làm chủ.

**Đại-ý:** Điều này nói về sau khi cho phát hàn và cho xô làm vong Dương-kí.

*Đường Dung-Xuyên bỗ:* "Trong-Cảnh trong khi biện-chứng đều dựa vào những trường-hợp tương-tự nhau để phân-biệt. Điều này luận về phiền táo không ngủ được, không khác gì với chứng Dương thậm phiền táo'. Phân-biệt từ chứng 'ban đêm người bệnh an-tĩnh' hoặc 'bất ầu, bất khát vô biểu chứng, thân vô đại Nhiệt', bấy giờ mới quyết-doán được đó là vong Dương. Tuy nhiên, nếu giả như mạch không trầm vi thì e rằng đó là thuộc loại phiền táo của ngoại Hán, nội Nhiệt; cũng chưa biết đó có phải là vong Dương hay không? Ta phải xem mạch, nếu là mạch trầm vi, ta sẽ biết chí c đó là Dương hư đến cực. Toàn bộ quyền sách của Trọng-Cảnh trong khi biện-chứng đều tề-nhị như thế cả, ta nên cẩn-thận."

**Thùa Đạm-Am chú:** "Sau khi cho xô lại cho phát hàn khiến

cho Âm hư như điều 59; có khi khiến cho Âm Dương đều hư như điều 60; có khi Âm không hư mà chỉ có Dương hư như điều 61 này.

\* Âm hư thì ta cứ để cho nó tự phục-hồi.

\* Âm Dương đều hư, ta có thể cứu cả Âm lẫn Dương như dùng Nhân-sâm Tú-nghịch thang.

\* Điều 61 này chỉ có Dương hư, ta dùng Can Khương Phụ-tử thang làm chủ.

Sau khi cho xổ, huyết dịch tuôn xuồng dưới làm cho Dương-khi ở Tâm bị hư. Nếu cho phát hàn thì sẽ làm cho độ âm của thân-thể tán ra ngoài, tức là Dương-khi ở vách bì vong. Như thế sẽ thành chúng Dương hư thuần-túy, làm cho ban ngày phiền táo không ngủ được đến ban đêm mới được an-tĩnh.

Chúng phiền táo phần lớn là do lý Nhiệt bị kháng thịn, như Đại Thanh-long chúng, Bạch-hổ chúng; cũng có chúng phiền táo do biếu bất giải làm cho tà Nhiệt bất giải, giống như chúng của Què-chí thang. Ở đây lại là phiền táo do biến-chứng, vì thế đoạn văn tiếp theo chúng-minh rằng bất ảu là do không có Nhiệt của Thiêu-dương chúng; chúng-minh rằng bất khát là do không có Nhiệt của Dương-minh chúng. Nếu không có biến-chứng, cũng không có cái Nhiệt của Thái-dương chúng, thân mình không có đại Nhiệt, cũng không có cái nội ngoại đều Nhiệt, mạch đi trầm vi, như vậy đủ để xác-minh rằng đây thuộc giả Nhiệt của hư

## *Dương phiền táo, của Dương hư Âm thịnh.*

*Âm hư thì nên cứu lấy Âm; cả Âm Dương đều hư thì nên cứu lấy cả hai. Nếu Dương hư phải cứu lấy Dương một cách gấp rút, bởi vì Dương chủ về sinh-hóa, vô Dương sẽ không hóa được, sẽ đi tới chỗ tuyệt mệnh, vì thế ở đây dùng Tứ-nghịch thang, bỏ đi tính hoà-hoan của Cam-thảo, chỉ giữ lấy Khương Phụ mang tính nhanh mà mãnh-liệt để cứu lấy Dương.*

*Khi Dương hư mà thấy có chứng phiền táo, như Chân Vô thang chúng hoặc như Ngô-thù-du thang chúng, người bệnh phải chú-ý, nếu không gồm đầy đủ các chứng như bất ầu, bất khát, vô biểu chúng, mạch trầm vi thì ta không thể xem đó là chứng Dương hư phiền táo, tất nhiên cũng không thể xem là chứng của phương được này (Can Khương Phụ-tử thang). Phép biện chứng nên cẩn-thận."*

**Trình Hiệu-Thiên chú:** "Dùng Can Khương Phụ-tử thang là muôn đi thẳng vào Âm để vãn-hồi Dương."

**Vưu Tại-Kinh chú:** "Trong phép trị, khi nào ban ngày an-tĩnh mà ban đêm nguy-kịch, đó là bệnh ở Thận Âm; khi nào ban đêm an-tĩnh mà ban ngày nguy-kịch, đó là bệnh ở Vị Dương. Nay sau khi phát hàn và cho xổ mà ban ngày phiền táo không ngủ được, ban đêm lại an-tĩnh, đó là tà-khí chưa tận mà Dương-khí đã hư. Ban ngày Dương hư muôn phục-hồi cho nên cùng tranh với tà-khí sẽ làm cho phiền táo không ngủ được; ban đêm Âm vượng, Dương hư, không thể tranh với tà, cho nên phải an-tĩnh. Chứng vô ầu,

vô khát, đó là lý vô Nhiệt; và lại không có chứng dầu thống, ó Hàn thuộc biểu-chứng, mạch không phù mà lại trầm, không hồng mà lại vi, đó là Dương-khí bị suy-thiểu rõ-ràng. Vì thế nên dùng Can Khương Phụ-tử thang nhằm trợ cho Dương hư, xua-duỗi Âm tà còn sót lại."

**Châm cứu:** cứu Thân-khuyết và Quan-nguyên thật nhiều nhằm làm tráng Tâm Dương.

Ngô Thọ nhấn mạnh về mạch trầm:" Mạch trầm ý nói đến mạch pháp, tức là đè mạnh tay xuống cho đến cân cốt, nhằm thẩm-dịnh về hư thực của lý chứng, như: trầm vi, trầm tê, trầm trì, trầm phục; nếu mạch vô lực là không còn thân-khí, đó là Âm thịnh mà Dương vi. Trường-hợp này nên mau mau tìm cách hồi Dương. Nếu là trầm tật, trầm hoạt, trầm thực, tất cả đều là hữu-lực, thuộc Nhiệt thực, có thân-khí. Đây là trường-hợp Dương thịnh mà Âm vi, nên mau mau tìm cách dưỡng Âm để thoát Dương. Nói tóm lại, phép chẩn trầm mạch rất quan-trọng, bởi vì nó giúp chúng ta biết được sự Hàn-Nhiệt Âm Dương, biết được cách dụng được để quyết việc sống chết chỉ nằm trong đường ta kè tóc. Ta không thể không cẩn-thận một cách tuyệt-đối. Nói chung, nếu mạch hữu lực tức là có thân-khí, tức là còn hy-vọng cứu sống, còn nếu trong mạch vô lực, đó là không còn thân-khí, thuộc về khó trị."



## 22: Can Khương Phụ-tử thang phương:

### 乾薑附子湯方

*Can Khương (1 lượng)*

*Phụ-tử (1 củ, dùng sống, chè làm 8)*

Cả hai vị trên cho vào 3 thăng nước, sắc còn lại 1 thăng, bỏ xác, uống âm.

*Thừa Đạm-Am giải phương:* " *Dương-khí bao trùm cả thân, nó trợ-lực cho Tâm rất lớn, nó làm ám Vị-khí giúp cho sự hóa cốc. Khi mà Vị-khí bị Hàn, Thủy-ẩm sẽ không hoá được, thường làm cho Tâm lo sợ, hoảng-hốt. Độ ám của thân-thể bất hòa làm ảnh-hưởng đến tạng Tâm rất lớn. Phương-thang này nghiên về làm ám cho Vị-khí, rồi trợ Dương cho Tâm, lấy Can Khương làm quân, lấy Phụ-tử làm tá. Ban ngày mà phiền táo không ngủ được, đó là Dương-khí ở Vị không hoá được, gây ra lo-sợ, hồi-hộp. Mạch trầm vi là do Dương-khí của Tâm không phán-chấn, không ra đến tú-chi. Vì thế dùng phương-thang này thì Dương-khí sẽ phán-chấn ngay, hiệu-quả rất nhanh,"*

*Trần Úy giải phương:* " *Bên dưới Thái-dương là Thiếu-âm. Thái-dương chứng mà cho xô sai làm sẽ làm cho Dương ở Thiếu-âm bị h...*"

*Sách Hòa-tế cục phương* nói: "... trị bạo trúng Phong lanh, đàm Thủy tích lâu ngày, chứng hoắc-loạn chuyên cân, mọi chứng hú Hàn..."

*Sách Tam-nhân phương* nói: "Can Khương Phụ-tử thang trị trúng

Hàn, bị chóng mặt, xây-xẩm té nhào thình-lình, chứng thở nghịch, chảy nước dãi, tay co-rút, miệng câm, tú-chi quyết-lãnh, hoặc bụng bị táo Nhiệt."

Kha Vận-Bá giải phương:" Phục-linh Tú-nghịch thang làm cỗ Âm để thu-hồi Dương; Can Khương Phụ-tử thang làm cỗ Dương để phổi với Âm. Cả hai phương đều dùng Tú-nghịch thang gia giảm, khác nhau ở chỗ cứu Âm hay cứu Dương mà thôi. Phục-linh Tú-nghịch thang hòa-hoãn hơn so với Tú-nghịch thang, bởi vì muốn cung-cỗ bên trong thì cần phải hòa-hoãn. Can Khương Phụ-tử thang thuộc Dương trong Dương, dùng Phụ-tử sống mà bỏ Cam-thảo thì thế-lực của nó càng bạo hơn so với Tú-nghịch thang, vì muốn hồi Dương thì phải mạnh mà nhanh. Một bỏ Cam-thảo, một lại gia Phục-linh, vậy là tính hòa-hoãn và tính nhanh bạo đã rõ. Quá-trình gia giảm vi-diệu cho thấy sự thần-hiệu trong cách dụng phương của người xưa."



## Điều 62: 發 汗 後 身 疼 痛 脈 沉 遲

Phát hàn hậu, thân-dông thống, mạch trầm trì  
者桂枝加芍藥生薑各一兩  
giả, Quế chi gia Thược dược Sinh Khương các nhất lượng.  
人參三兩新加湯主之  
Nhân sâm tam lượng, Tân gia thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Sau khi phát hàn, tà-khi đã bị đuổi sạch, nhưng thân-mình vẫn còn đau nhức. Đó là huyết hư không còn làm vinh cho thân-mình nữa. Vả lại mạch đi trầm trì.

*Trầm tức là không phù, mà không phù tức là không phải do biếu-tà; trì có nghĩa là không sác khẩn, mà không sác khẩn tức là không phải do biếu-tà gây đau nhức. Ta dùng Quê-chi-gia Thuốc-dược Sinh Khương các nhất lượng, Nhân sâm tam lượng, Tân-gia-thang làm chủ, khi nào huyết vận-hành thì sự đau nhức sẽ khỏi.*

**Đại-ý:** Điều này nói sau khi phát hàn bị mất Âm huyết.

*Đường Dung-Xuyên bô:* "Mạch-pháp của Trọng-Cánh được trình-bày rải-rác khắp nơi trong quyển sách, ta nên chú-ý một cách toàn diện mới mong hiểu được. Có chỗ ông nói vi té, hoặc trầm vi, hoặc trầm trì. Người thầy thuốc vụng-về gấp những cách nói như thế cũng chỉ đọc qua-loa thôi. Trong lúc đó, Trọng-Cánh phân-biệt rất rạch-ròi:

\* *Mạch vi té:* Ông tự chú là: nội ngoại đều hư, bởi vì huyết ở nội hư gọi là té; Dương-khí ở ngoại hư gọi là vi.

\* *Mạch trầm vi:* tức thân vô đại Nhiệt; bởi vì Nhiệt thuộc khí-phận, khi gọi là vô Nhiệt tức là khí hư, khí hư thì không thể vỗ lên (cố động), vì thế mà mạch vi ; ta dùng Phụ-tử làm chủ để bồ khí của Thận và Bàng-quang.

\* *Mạch trầm trì:* trước hết là thân mình đau nhức; bởi vì chúng đau nhức do huyết-phận gây nên. Huyết sinh ra từ Tâm, huyết cũng xuất ra từ Tâm để đi đến các mạch, vì thế sách Mạch-kinh nói rằng: Mạch là phủ của huyết. Sách Nội-kinh nói rằng thủy-cốc vào Vị thì trọc-khí quy về Tâm tràn vào các mạch, mạch-khí vận-hành ở các kinh. Khi Tâm Hòa động mạnh là do nó đang thịnh; Tâm Hòa hư thì nhịp động

sẽ trì (chậm), vì thế phải dùng Quέ-chi để bỏ Tâm Hỏa nhằm sinh ra huyết. Cũng cùng là mạch trầm, nhưng một thuộc trì, một lại thuộc vi, lại được chia làm hai mặt khí và huyết, xin độc-giả cẩn-thận về câu văn."

Thừa Đạm-Am chú:" Nếu bỏ Âm huyết mà tà-khí vẫn chưa giải, ta lại phát hàn tiếp càng làm thương thêm Âm huyết, vì thế Trọng-Cảnh lập ra Tân-gia thang, vừa dưỡng huyết vừa giải tà, giải-quyết cả hai mặt làm cho chính-khí phục-hồi, còn tà-khí được giải sạch, giúp chúng ta một đại pháp-môn nhằm trị-liệu mạch vì hoặc trì đồng thời có biếu-tà.

Mạch trầm trì là chúng thuộc lý Hán. Sau khi phát hàn mà mạch trầm trì thuộc huyết hư không làm sung-mãn mạch-quản. Thân mình đau nhức là do biếu-tà chưa giải sạch mà cũng do huyết không vận-hành một cách thông-sướng làm trở-ngại kinh-lạc mà ra. Tân-gia thang là Quέ-chi thang gia thêm Thuốc-dược, Sinh Khuong và Nhân-sâm. Bạch-thuộc làm thông chúng tỳ và đau nhức thuộc huyết, làm ngưng đau nhức.. Sinh Khuong làm thư-sướng kinh-lạc, cũng làm chỉ thống. Vả lại, Thuốc-dược và Cam-thảo hợp nhau thành loại diệu-phẩm làm bỏ huyết và dưỡng Âm. Nhân-sâm là loại chủ-dược bỏ Âm, Quέ-chi ôn-thông huyết-quản, làm dù đau nhức đồng thời giải được tà-khí còn sót lại. Quέ-chi thang khi được tăng-gia sẽ trở thành một lương-phương đặc-hiệu trị Âm hư kiêm ngoại cảm. Sự phối-hợp thần-diệu của Đông-y có thể xem đây là một điển-hình."

Châm cứu: châm Hợp-cốc, Ngoại-quan, Kiel-ngung-tri

thân mình đau nhức; châm bỗ *Phục-lưu*, *Hậu-khé* nhằm sơ thông Tiêu-trường kinh và Thận-kinh, sinh tân-dịch.

**23 : Quê-chi gia Thược-dược Sinh Khương Nhân-sâm :**  
**Tân-gia thang.**

**桂枝加芍藥生薑人參新加湯**

**Quê-chi** (3 lượng, bỗ bì)

**Thược-dược** (4 lượng)

**Cam-thảo** (2 lượng, chích)

**Nhân-sâm** (3 lượng)

**Sinh Khương** (*Sinh Khương*)

**Đại Táo** (12 quả, bỗ ra)

Tất cả các vị trên cho vào một đấu hai thăng nước, lửa riu-riu sắc còn 3 thăng, bỏ xác, phân ra uống ấm. Ngoài ra cứ theo phép uống của *Quê-chi thang*.

Trần Úy giải phương: "... *Chữ tân gia có nghĩa là khi nào tà thịnh thì kỳ dùng Nhân-sâm, nay nếu tà-khi đã sạch mới tân gia: mới thêm vào."*"

**Ngô Quốc-Dịnh so-sánh:**

Chứng biệt	Chứng trạng	Nguyên-nhân bệnh
<i>Ma-hoảng chứng</i>	Thân mình đau nhức, mạch phủ khẩn, biểu thực vô hạn	Phong Hán bọc bên ngoài
<i>Quê-chi Tân-gia chứng</i>	Thân mình đau nhức, sau khi phát han, mạch trầm trì	Biểu lý đều bị thương-tổn, doanh huyết bất túc.
<i>Phụ-tử thang chứng</i>	Thân mình đau nhức, mạch trầm, tay chân Hán.	Dương hư Hán thịnh, Thủy-là xâm lấp.

Tiên Hoàng chủ:\*\* Chứng này thuộc trung Phong nhưng ta dùng Ma-hoàng thang phát hàn sai lầm làm cho Dương-khí bị hư-tồn, Âm-dịch bị hao-kiệt, tất cả không còn đóng vai nuôi-dưỡng khí huyết, cho nên thân mình bị đau nhức, mạch đi trầm trì. Đây không thuộc chứng thương Hàn-mạch phù khẩn. Ta có thể dùng Quế-chi thang để hòa-giải Dương-khí ở vệ. Do ở sau khi phát hàn sai lầm, ta già nhiều Thược-dược có vị toan tính thu-liễm nhằm liễm hàn-dịch của doanh-phận thuộc Âm; dùng Sinh Khuương nhằm tuyên-thông và cứu-văn Dương-khí đang suy-kiệt; dùng Nhân-sâm nhằm phù-trợ cho nguyên-khí và chân-khí đang hao-tán. Vì thế nên gọi tên là Quế-chi Tân-gia thang. Tuy nhiên, thân mình đau nhức mà mạch trầm trì đều thuộc chứng vô Dương, thế mà ta lại không gia Phụ-tử để ôn kinh phù Dương, đó là vì chưa đến mức cần nhục co giật và hàn xuất không ngừng. Vì thế ta chưa phải dùng đến Chân Võ thang, hoặc Quế-chi gia Phụ-tử thang nhằm cứu cấp."



### Điều 63: 發汗後不可更行桂枝

Phát hàn hậu, bất khả cánh hành Quế chi  
湯汗出而喘無大熱者可與  
thang. Hàn xuất nhi suyễn, vô đại Nhiệt giả, khả dû  
麻黃杏仁甘草石膏湯主之

Ma hoàng Hạnh nhân Cam thảo Thạch cao thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Cho phát hạch và cho xổ sai lầm, chẳng những làm cho bệnh tăng thêm, có khi còn làm ảnh hưởng đến khí của ngũ tạng. Trước hết, ta hãy nói đến trường-hợp Nhiệt-tà thừa lên Phế. Vì khí của Thái-dương cùng tương-hợp với Phế Kim, cùng chủ bì-mao. Ma-hoàng chúng, tiêu Dương thịnh, ta lại dùng Quέ-chi thang, hόp chέo nhằm thόi-thúc mό-hóii. Sau khi phát hạch, không thể thay bằng Quέ-chi thang. Tại sao? Cái Nhiệt của Quέ-chi, tuy có thể làm cho hạch xuất mà không thể trừ được chứng suyễn chính của Ma-hoàng. Thực sự hạch này là Nhiệt hạch, chứ không phải hạch của bản chứng Ma-hoàng. Không có đại Nhiệt nhưng Nhiệt lại thịnh ở bên trong, lên trên thừa lên đến Phế, trong lúc đó bên ngoài lại nhẹ. Ta có thể dùng Ma-hoàng Hạnh-nhân Cam-thảo Thạch-cao thang làm chủ, dùng Thạch-cao làm ngung mό-hóii Nhiệt của Quέ-chi, dùng Ma-hoàng làm xuất được mό-hóii bản chứng của Ma-hoàng thang.

**Đại ý:** Điều này nói đến phát hạch bất giải, tà-khí thừa lên Phế tạo thành chứng Phế Nhiệt.

**Trương Lệnh-Thiệu chú:** Từ đây tiếp theo 5 điều nữa, nói về khí của ngũ tạng bị thương do phát hạch, xổ và ói không đúng phép."

**Kha Vận-Bá c. ú:** Đối với Ôn bệnh và Phong ôn, Trọng-Cảnh không có cho phương thang để trị, nghi có lẽ là phương này chẳng?"

**Thừa Đạm-Am chú:** Đây không phải là Trúng Phong chúng mà chính là Phong-ôn chúng. Phong-ôn chúng là sự trực-

*trặc của Nhiệt : huyệt Nhiệt bốc lên, do đó không thể dùng tiếp Quả-chì thang vì vị tân-ôn của thang này làm cường Tâm tráng Nhiệt. Hạn xuất là tán Nhiệt, suyễn là do trong Phế bị viêm; Nhiệt bị uất đang muốn tiết ra ngoài; không có 'đại Nhiệt' ý nói sau khi cho xuất hạn, Nhiệt đã theo mồ-hôi để thoát ra ngoài, nhất thời không thấy có Nhiệt, chứ thực sự không phải là không có đại Nhiệt. Nhiệt đang uất trong Phế, bệnh đang ở Phế. Do đó, Ma-hoàng làm nở Phế-quản, làm cho Nhiệt trong Phế-quản tiết ra ngoài. Thạch-cao làm tiêu được viêm trong Phế, Hạnh-nhân làm hạ khí, bình suyễn, Cam-thảo làm dùu được Phế-uất.*

*Điều này giống như chứng Phế-viêm thường gặp, y-học Đông-phương gọi là 'Phong-ôn'. Mùa đông và xuân thường khí ôn-táo, thường xảy ra bệnh này, nhiều nhất là ở trẻ con, ta dùng thang này để chữa-trị, kết-quả rất tốt. Nếu tiếng nói bị viêm, ta dùng Ngưu-hoàng đoạt-mệnh tán (thang của Ấu-Ấu tập thành), rất công-hiệu. Khi nào bệnh-nhân bị chứng sắc-diện bạch, bạch-dái màu xanh, mũi lạnh, hô-hấp không ám thì không nên dùng.*

*Thông thường khi nào không có mồ-hôi, ta mới dùng Ma-hoàng. Ở đây, mồ-hôi đã ra mà ta vẫn dùng Ma-hoàng. Tại sao thế ? Đáp: Đây chính là trường-hợp hồi được thật tuyệt-vời. Ma-hoàng không những trị được chứng phài phát hạn, chủ-yếu, nó còn làm nở khí-quản, làm tiết-xuất đậm Nhiệt trong Phế. Chứng Phong-ôn ở đây không giống với chứng Phong-ôn ở điều 7 ..."*

**Vưu Tại-kinh chú:** " Sau khi phát hàn, hàn xuất lại bị suyễn, vô đại Nhiệt, đó là tà-khí không ở tại cơ-tiểu mà đã nhập vào trong Phé. Lúc tà-khí bị bě bên ngoài, Phé đang uất Nhiệt, do đó sau khi phát hàn, tà-khí không theo con đường của mồ-hôi để xuất ra biều, nó sẽ quay vào trong để nhập chung vào Phé. Vì thế, ta dùng Ma-hoàng và Hạnh-nhân, vì hai vị nài vi-tân, sẽ nhập vào Phé, làm lợi Phé-khí, làm tan tà-khí; Cam-thảo vị cam-bình, Thạch-cao vị cam-tân mà Hàn, làm ích cho Phé-khí, trừ được Nhiệt-khí; Quế-chi thì không thi-thố vào đâu được. Bởi vì tà-khí trong Phé, nếu không có Ma-hoàng và Hạnh-nhân thì không thể phát ra, trong lúc đó cái Nhiệt bị Hàn làm uất, nếu không có Thạch-cao sẽ không thể giải trừ được; Cam-thảo không chỉ cứu cái nguy của Phé-khí, mà nó còn giảm bớt tính hung-hân của Thạch-cao nữa."

**Mạch chúng, thiệt chứng và châm cứu:** Mạch phải phù sác, lưỡi có cát đỏ mà rêu trắng, mỏng. Châm *Kiên-ngung*, *Khúc-trì*, *Nội-dình*, *Hợp-cốc* thanh được cái Nhiệt bên trong; châm *Xích-trạch*, *Thái-uyên* có thể bình được khí của chúng suyễn; châm *Túc Tam-lý* có thể làm giáng khí xung Nhiệt.

## 24: Ma-hoàng Hạnh-nhân Cam-thảo Thạch-cao thang phương:

麻 黃 杏 仁 甘 草 石 酒 方

**Ma-hoàng** (1 lượng, bỏ tiết)

**Hạnh-nhân** (50 hạt, bỏ bì và chỗ nhọn)

**Cam-thảo** (2 lượng)

**Thạch-cao** (nửa cân, đập nát, bọc trong bọc vải)

Tất cả các vị trên, dùng 7 thăng nước, trước hết sắc Ma-hoàng cạn chừng 2 thăng, vớt bỏ bọt, sau đó cho các vị còn lại vào, sắc lấy 2 thăng, bỏ xác, uống ấm 1 thăng.

Nguyên-Tê giải phương:" Phương này chuyên trị bệnh Phong-ôn. Luận văn trước đây đã viết : 'Thái dương chi bệnh, phát Nhiệt nhì khát, bát ồ Hán giả, vi ôn bệnh. Nhược phát hạn dī, thân chướng Nhiệt giả, danh Phong ôn'; chứng Phong-ôn này chưa đưa ra phương này để trị, vì đây là trường-hop 'hư bỏ chí', văn của hai điều có khác nhau, nhưng thực sự chúng có những điểm quan-hệ với nhau. Bởi vì, nếu không, sau khi cho phát hạn mà bệnh chưa giải, dùng là phải cho dùng Què-chi thang. Vậy mà ở đây lại nói: 'không thể cho dùng Què-chi thang'. Nhờ đó, ta biết được rằng Dương đang thịnh ở nội.

Câu 'hạn xuất nhì suyễn' ý nói Dương thịnh ở nội và Hỏa lại đang chạy vượt ra ngoài làm cho mồ-hôi xuất ra, và Hỏa-khi chạy lên trên làm cho suyễn.

Câu 'vô đại Nhiệt' có nghĩa là gì ? Chúng ta nhớ lại đoạn trước, khi luận về Ôn-bệnh, có nói :'Phát Nhiệt nhì khát, bát ồ Hán', đó là tà-khí từ nội xuất ra ngoài, đắc được cái tiêu Nhiệt của Thái-dương nhưng không đắc được cái bản Hán của Thái-dương. Nay ở đây lại nói 'vô đại Nhiệt', ý nói tà và Nhiệt đã thịnh ở nội, ngoại Nhiệt đã chuyển sang nhẹ hơn. Độc-giả nên hiểu cho cẩn-thận mới được."

Kha Vận-Bá giải phương:" Phương này là loại được-tể chủ-lực để chữa bệnh Phong-ôn. Mùa đông tà-khí ẩn-tàng, đợi đến mùa xuân, Nhiệt-tà sẽ đi từ nội ra ngoài. Phép trị là nên

thùa lúc Nhiệt-tà xuất mà cho phát hạn. Như vậy, Nhiệt sẽ theo với mồ-hôi để ra ngoài. Chúng này đều hang cường thống giống với thương Hàn, chỉ có khác ở chỗ bắc ô Hàn nhi khát mà thôi. Chúng này hữu Nhiệt mà vô Hàn, vì thế dùng Mù hoàng thang mà bỏ Qué-chi, thêm Thạch-cao nhằm giải được chứng "hiểu lý đều Nhiệt". Kỳ Bá đã từng viết 'Chưa dày và ngày, có thể cho ra mồ-hôi để hết bệnh' là thế. Bệnh này thuộc Phong-ôn, mạch Âm Dương đều phù. Chứng của nó là tự hạn và thân mình nặng-nè, đó là Dương phù ánh-huáng đến vẹ-kí bên ngoài, làm bế khí, cho nên thân mình nặng-nè. Nên dùng Ma-hoàng khai biếu để đuổi tà; Âm phù không tàng tinh được, hạn xuất nên dùng Thạch-cao để trán Âm và thanh Hỏa. Khi mà biếu lý đều nhược thì trung khí không còn vận-hành thăng-giáng một cách thông-sướng nữa. Vì thế ngủ nhiều và mũi ngáy, tiếng nói khó-khăn. Nên dùng Hạnh-nhân và Cam-thảo để-thông khí. Thang này có đầy-dủ tính-năng thăng giáng, khinh trọng, đủ sức trị chúng trên. Chúng ta biết rằng Hỏa-tà bị nội uất khác với dư Nhiệt của ngoại cảm, phép trị cũng khác nhau. Phương cũng có thể dùng trong trường-hợp Ôn-bệnh lúc sơ-khởi, nhằm giải biếu, thanh lý; trong trường-hợp sau khi cho phát hạn nhằm bình nội Nhiệt đang thịnh; trong trường-hợp sau khi cho xổ nhằm triệt cho hễ. tà-kí đang lưu-luyện, giống với trường-hợp Phong Hàn bù ; giải phải dùng Qué-chi thang ương."



## Điều 64: 發 汗 過 多 其 人 又 手 自

Phát hàn quá da, kỳ nhân thoa thủ tự  
冒 心 心 下 悸 欲 得 按 者 桂 枝  
mạo Tâm, Tâm hạ quý, dục dắc án giả, Quê chi  
甘 草 湯 主 之 Cam thảo thang chủ chí.

Dịch nghĩa: Đây nói về tình-huống làm thương đến Tâm-khí. Khi phát hàn quá nhiều làm hư đến Tâm-dịch, người bệnh vòng tay lại tự che lấy vùng Tâm (tim) mình. Vì các nơi khác còn được bảo-vệ cho nên còn an-ủn. Dưới Tâm bị hối-hộp, ta chỉ muốn đè-án lên đó, ta nên dùng Quê-chi Cam-thảo thang làn chủ trị.

Đại ý: Điều này nói việc phát hàn quá nhiều đến nỗi làm thương-tổn đến Tâm-khí.

Vua Tại-Kinh chú: "Tâm thuộc Dương-tạng, mồ-hôi thuộc dịch của Tâm. Khi phát hàn quá nhiều sẽ làm thương-tổn đến Tâm Dương. Người bệnh muốn vòng tay đè lên, đó là lý hu muốn có sự bảo-hộ từ bên ngoài..."

Quê-chi và cam-thảo gồm hai vị tân và cam hợp nhau. Đó là lương-tế làm tăng Dương hóa khí."

Châm cứu: Cứu huyệt Thủy-phân từ 20 đến 30 tráng, sẽ làm tăng được nhịp tim, Thủy-khí sẽ hóa ược tốt.

### 25: Quê-chi Cam-thảo thang phương:

桂 枝 甘 草 湯 方

Quê-chi (4 lượng, bỏ bì)

Cam-thảo (2 lượng, chích)

Cả hai vị trên, dùng ba thăng nước, sắc còn 1 thăng,  
uống bỏ xác.

Trương Lệnh-Thiều giải phương:" Ta dùng Quê-chi để gìn-  
giữa Tâm-khí, dùng Cam-thảo để trợ cho Trung-thổ,  
phòng Thủy-nghịch, ngăn Thận-khí thừa lên Tâm."

Kha Vận-Bá giải phương:" Đây là loại lương-tế bỏ Tâm...  
Phương này dùng Quê-chi lùn Quân, chỉ dùng Cam-thảo  
làm Tá nhằm bỏ cho Dương-khí của Tâm, như vậy dù cho  
mồ-hôi có ra nhiều nhưng không đến nỗi phải vong Dương.  
Vị tân của Khuong làm tán khí, Táo thì mang tính trê,  
không thích-hop phải loại ra; càng không dùng được  
Thực-dược vì không muôn vị khô của nó làm tiết-thoát  
khí. Chỉ có cam và ôn tương đặc nhau, khí được hòa thì  
chứng hồi-hop được bình. Nó khác với chứng 'giữa Tâm bị  
hồi-hop mà bứt-rứt, hoặc dưới Tâm có Thủy-khí phải hồi-hop'."



### Điều 65: 發汗後其人臍下悸者

Phát hàn hậu, kỳ nhân tē hạ quý giả,  
欲作奔豚芍苓桂枝甘草大  
dục tác bôn đồn, Phục linh Quê chi Cam thảo Đại  
棗湯主之 Táo thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Điều là trường-hop làm thương đến Thận-khí.  
Sau khi phát hàn quá nhiều làm cho Thận Dương bị hư,  
do đó Thủy-tà theo với Thủy-khí để xung lên trên, vì thế

*dưới rún của người bệnh động, đường như có chứng bôn-dộn. Dù sao, thì đó cũng chỉ là 'dục tác : sắp xảy ra', chứ chưa phải đã xảy ra thực sự. Ta nên lợi-dụng lúc chưa thành chứng, dùng Phục-linh Quê-chì Cam-thảo Đại-táo thang làm chủ trị.*

**Đại-ý:** Ý nói sau khí phát hạn làm thương đến Thận-khí.

*Thứa Đạm-Am chú:" Điều trên vừa nói đến phát hạn làm thương đến Dương-khí của Tâm. Ở đây lại nói đến Tâm Dương bị hư làm ảnh-hưởng đến Thận Dương cũng hư, làm giảm đi khả-năng bài-tiết Thủy-đạo. Thủy định trệ lại ở bụng, đúng như Trần Tu-Viên đã nói :'Thận Dương bị hư, do đó Thủy-tà theo với Thủy-khí để xung lên trên'. Thủy-khí lưu lại trong các màn mõ của Trường, trong lúc đó nguyên-khí chưa phải hoàn-toàn bị hư-nhược, Thủy-khí đã tác-động làm cho dưới bụng bị động, sôi. Chúng ta nên phân biệt 'tề hạ quý và tề hạ động khí'.*

'Động-khí' có nghĩa là Âm hư, nhịp đập của động-mạch hiện rõ ra ngoài, sự nhịp và ngưng của nó tùy thuộc vào nhịp của Tâm. Còn 'tề hạ quý' thuộc Dương hư, cái động của nó do Thủy-khí nằm trong các màn mõ của Trường sôi-động, nó không đồng nhịp với nhịp của Tâm, có phần nhanh hơn.

*Câu 'dục tác bôn-dòn' ý nói sắp thành bô! đòn chưa thành hòn. Đó là do Thận-khí bị ảnh-hưởng của Dương hư vì phát hạn quá nhiều mà ra. Bôn-dòn ý nói có một luồn khí xung mạnh từ dưới bụng lên đến Tâm. Người ta cảm*

thấy luồng khí này giống như con heo chạy nhanh. Sách Kim-quỹ yêu-lược nói: 'Bệnh bôn-dòn khởi lên ở thiêu-phúc, xung lên trên đến yết-hầu, khí nó phát-tác, đau như muôn chết...'.

Trong thang này Phục-linh và Đại-táo, trong đó Quê-chi hợp với Phục-linh nhằm ôn hóa Thủy-khí, ôn giáng xung-nghịch; Cam-thảo và Đại Táo làm hòa-hoãn nhịp sôi-dộng, và lại nó còn hóa được Thủy-độc, bởi vì tiết này quan-trọng ở Thủy-độc, gần như muôn gây thành chứng bôn-dòn. Như vậy phải có Phục-linh và Đại-táo để hóa Thủy, giải độc. Nó khác với thang trên chỉ dùng có Quê-chi để mà giáng được chứng xung-nghịch."

Đường Dung-Xuyên bổ: "Tất cả hai điều này đều nói về tại sao sau khi cho phát hạn mà lại thương thương đến Tâm-khí và Thận-khí. Trần Tu-Viên biết rất rõ cái 'nhiên: như thế, nhưng ông lại chưa rõ cái 'sở dĩ nhiên: tại sao như thế. Bởi vì Thận thuộc Thủy, làm chủ vệ-khí; Tâm Hỏa xuống dưới giao cho Thận, thế là Đơn-diền, từ Khi-hải, nó sẽ chung-cắt Thủy trong Bàng-quang, hợp nhau và hóa thành khí nhằm làm sung và đạt ra đến bên ngoài thân-thể, gọi là doanh-vệ. Doanh xuất ra từ Tâm, thuộc Hỏa, thuộc huyết; vệ xuất ra từ Thủy thuộc khí. Khi nào mồ-hôi ra nhiều, đó là làm tiết-thát vệ Dương và làm thương thương đến Thận-khí. Do đó mà Khi-hải dưới rún bị hư, thành ra 'quý: sôi-dộng'; Dương-khí trong Khi-hải không còn chung-cắt để hóa khí nữa, do đó mà Thủy trong Bàng-quang muốn tràn lên trên gần thành như chứng bôn-dòn. Phương thang này không

dùng loại bồ Thận, chỉ dùng Cam, Táo, Phục-linh để khắc-chế Thận Thủy, dùng Quê-chi để dẫn-đạo Tâm Hỏa, nhằm làm cho nó giao xuống dưới rún, nhờ đó mà Thận Thủy hóa được khí, bệnh khỏi.

Điều trên nói về phát hàn mà làm thương đến Tâm-kí, lại nói thêm rằng nhân vì mồ-hôi ra quá nhiều cho nên làm thương đến doanh-kí, Tâm Hỏa đi theo doanh-kí mà tiết nhiều ra ngoài, Tâm-kí bị hư, người bệnh chỉ muốn vòng tay lại để đè lên Tâm, làm cù-chì bảo-vệ vùng dưới Tâm. Vùng dưới Tâm là muôn nói đến màn cách-mạc, Tâm Hỏa theo con đường Bào-lạc xuyên xuống dưới cách-mạc có liên-hệ đến Phế, xuống dưới để nhập vào Khi-hải. Do ở Tâm Hỏa không còn giăng-mắc ở màn cách-mạc, cho nên dưới Tâm bị hồi-hộp. Ta dùng Quê-chi để tuyên-sướng được Tâm Dương. Màn cách-mạc và Vị cùng liên-lạc nhau vì thế ta dùng Cam-thảo làm thực cho Vị. Nếu ta nghiên-cứu kỹ hai điều này, ta sẽ biết được nguyên-lưu của doanh-vệ, biết được con đường khí-hóa của Thủy Hỏa vậy."

**Châm-cứu:** châm Thủy-phân, Quan-nguyên trị Thủy-kí và tăng-cường cơ-năng của Tâm; cứu Thận-du nhằm bồ Thận, tiết được nước tiểu ra ngoài.

#### 26: Phục-linh Quê-chi Cam-thảo Đại Táo than ; phương:

茯苓桂枝甘草大棗湯方

*Phục-linh (nửa cân)*

*Cam-thảo* (2 lượng, chích)

*Đại Táo* (15 quả, chè ra)

*Quê-chí* (4 lượng, bò bì)

Tất cả các vị trên, dùng một đấu nước cam-lan. Trước hết sắc Phục-linh giảm 2 thăng, sau đó cho các vị thuốc còn lại, sắc lấy 3 thăng, bò xác, uống âm 1 thăng. Uống ngày 3 lần. Phép làm nước cam-lan: lấy 2 đấu nước đổ vào trong chậu lớn, dùng gáo múc nước dội lên dội xuống, cho tới khi trên trên mặt nước nổi bọt giöng như có 5 đến 6 ngàn hạt châu đuổi nhau. Ta lấy nước đó sắc thuốc.

Trần Úy giải phương:" *Quê-chí bảo-vệ Tâm-khí bên trên, Phục-linh làm an cho Thận-khí bên dưới. Hai loại dược-vật này đều có thể hóa được Thủy-khí của Thái-dương. Cam-thảo và Đại Táo bò Trung Thủ, ức-chê sự tràn-lan của Thủy-tà. Nước cam-lan đưa thuốc đi nhanh. Các dược-vật đi xuống nhằm ngăn chặn chứng bôn-dòn thành hình.*"



## 發汗後腹脹滿者厚朴

Phát hàn hậu, phúc trưởng mǎn giả, Hậu phác

## 生薑半夏甘草人參湯主之

Sinh Khương Bán hạ, Cam thảo Nhân sâm thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Đây nói về Tỳ-khí bị thương. Sau khi phát hàn, ngoại-tả đã giải, nhưng bụng bị trưởng-mãnh, bởi vì dù cho mồ-hôi có xuất ra từ doanh-vệ, nhưng thực sự nó lại bẩm-thụ từ Thủy-cốc của Trung-tiêu. Nay nếu do phát hàn làm thương đến Trung-khí, đến nỗi Trung-tiêu bị hư,

*không còn vận-hành và thăng-giáng được nữa, mới sinh ra trưởng-mãn. Ta dùng Hậu-phác Sinh Khuong Bán-hạ Cam-thảo Nhân-sâm thang làm chủ tri.*

**Đại-ý:** Điều này luận về phát hạch làm thương Tỳ-khí.

Thừa Đạm-Am chú: "Bụng trưởng-mãn có hư-tính nhưng cũng có thực-tính. Cứ nhìn phương thang này, ta thấy nó thuộc hư-tính. Có khi người bệnh này Vị-khí vốn không kiện (khỏe), có khi vốn đang bị bệnh về Trưởng Vị. Sau khi phát hạch làm thương đến Dương-khí, làm cho Vị Dương bị hư, sinh ra trưởng-mãn, Thủy-cốc không tiêu-hóa gây thành trưởng-mãn. Ta dùng Sinh Khuong hợp với Bán-hạ,, vừa giáng được vừa làm ấm được Vị-khí, vừa giáng được trệ-khí; Cam-thảo và Nhân-sâm bỗ cho Trung-khí vốn đã bị thương-tổn. Đây là lối trị hư-tính.

*Thực-tính trưởng-mãn thuộc tích-trệ hữu-hình, đại-tiện bê-tắc không thông, ta dùng Thừa-khí thang làm chủ. Như vậy về mặt chẩn-đoán, ta không thể không cẩn-thận.*

*Trưởng-mãn thực-tính: đè lên bụng, dù nhẹ hay nặng, ta vẫn cảm thấy có sức bật đàm-hồi, mạch thực, rêu lưỡi dày. Trưởng-mãn hư-tính: đè nhẹ tay, ta thấy có sức bật lên, đè mạnh tay thì trái lại, ta cảm thấy như không-rỗng, vô-lực, mạch đi nhu hoặc hư-dại, rêu lưỡi mỉ ng, chất lưỡi nhạt, có thể dày nhưng thua. Sự phân-biệt thíc và hư-dai-khai là như thế.*

*Ở đây, phúc trưởng-mãn mà ta không dùng thuốc xổ, như vậy đủ cho ta thấy trong Trưởng Vị đang rỗng.*

*Phương này không những trị trường-mãn thuộc hư-tính. Ngoài ra những người ăn không ngon, cảm thấy bụng bị đầy, dùng nó cũng rất hay."*

**Thành Võ-Kỳ** chú: " *Phương thang này hòa được Tỵ Vị và làm giáng khí.*"

**Châm cứu:** châm *Túc Tam-lý* làm giáng được khí của Trương Vị; châm *Nội-quan*, *Công-tôn* cũng trị bệnh ở Trưởng Vị.

### **27: Hậu-phác Sinh Khuong Bán-hạ Cam-thảo Nhân-sâm thang phương:**

**厚朴生薑半夏甘草人參湯方**

**Hậu-phác** (nửa cân, bỏ bì, nướng)

**Sinh Khuong** (nửa cân, cắt ra)

**Bán-hạ** (nửa cân, rửa sạch)

**Nhân-sâm** (1 lượng)

**Cam-thảo** (2 lượng)

Tất cả 5 vị trên, dùng nước 1 đấu, sắc còn 3 thăng, bỏ xác, uống ấm 1 thăng, ngày uống 3 lần.

**Ngô Quốc-Định** giải phương: " *Phương thang này trừ được chứng kiệt tân-dịch sau khi cho xuất hàn. Vì hư thành trưởng, ta dùng vị khổ-ôn của Hậu-phát làm tuyên-thông trệ-khí rồi lại cùng Sinh Khuong làm hưng-phản cơ-năng của Vị; dùng Bán-hạ trừ tích-thủy, phòng được chứng ủu-nghịch; dùng Nhân-sâm, Cam-thảo bổ hư, trợ cho Vị. Như vậy, Vị được kiện ắt nó sẽ tiêu ra chất chua, tiêu-hóa được những gì chua iêu-hóa, chứng trưởng-mãn sẽ khỏi.*"

**Tiền Hoàng** chú: "Hậu-phác vị khỗ tân, tinh ôn, làm hạ khí, khai trệ, trừ đàm, bình được Vị-khí và trừ chứng phúc mẫn. Nó là loại thần-dược trị được chứng kết khí. Đây tuy Dương-khí đã bị thương, nhưng chưa bị xổ lâm, vì thế trong hư lại có thực, chỉ vì Vị-khí chưa bình, cho nên dùng nó làm Quân; Sinh Khuong làm tuyên-thông Dương-khí; Bán-hạ làm lợi cách-mạc, cho nên đóng vai Thần; Nhân-sâm và Cam-thảo bồ Trung-thở, hòa Vị-khí, vì thế nó cứu được cái hư-nhuộc sau khi phát hạn. Tuy nhiên, vì đây không phải là loại dược quan-trọng trong việc trừ trường-mẫn, cho nên cân-lượng hơi nhẹ. Từ đó mà suy, nếu Vị-khí chưa bị hư nặng, trong lúc đó tà-khí có vẻ thực hơn, ta có thể dùng chung với Chỉ-thực và Đại-hoàng, nhờ đó mà ta phân-biệt được hư-thực."

**Trương Lệnh-Thiều** chú: "Phương thang này trị chứng Tỳ-khí bị thương sau khi cho phát hạn. Mồ-hôi tân-dịch của Thùy-cúc ở Trung-tiêu. Sau khi cho phát hạn, làm vong tân-dịch, làm cho Tỳ-khí bị hư. Tỳ hư thì không thể chuyên-vận được nữa mà thành chứng trường-mẫn. Ôi. Thiên-khí không giáng, Địa-khí không thăng sẽ thành chứng trường-mẫn. Hậu-phác sắc xích (đỏ), tinh ôn, vị khỗ, nó trợ cho Thiên-khí giáng xuống; Bán-hạ cầm được khí nhát Âm để sinh ra, có thể làm thăn - được Âm-khí, giúp cho Địa-khí thăng lên. Sinh Khuong làm thông trệ-khí; Cam-thảo, Nhân-sâm bồ trung và tu-sinh Âm-dịch.

*Khi mà tân-dịch đầy đủ trở lại thì thương hàn sẽ giao nhau, như vậy chứng trưởng-mãn sẽ triệt tiêu vây."*



### **Điều 67: 傷 寒 若 吐 若 下 後 心 下**

Thương Hàn nhược thở nhược há hậu, Tâm hàn

逆 滿 氣 上 沖 胸 起 則 頭 眩 脈

nghịch mǎn, khí thường xung hung, khởi tắc đầu huyễn, mạch

沉 緊 發 汗 則 動 經 身 為 振 振

trầm khẩn, phát hanh tắc động kinh thân vi chấn chấn

搖 者 茯 苓 桂 枝 白 朮 甘 草 湯

dao giả, Phục linh Quê chi Bạch truật Cam thảo thang

主 之 chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Đây nói về trường-hợp làm thương đến Can-khí. Thương Hàn, nếu sau khi cho ói và cho xổ làm thương đến Trung-khí, dưới Tâm là bộ-vị của Tỳ, khi Thở bị hư thì Phong Mộc sẽ thừa lên, vì thế bị nghịch và đầy (mǎn), khi xung lên đến ngực. Đó là Âm của mạch bị bệnh, khi xung lên đến Tâm vây. Khi ngồi lên sẽ bị huyễn (choáng-váng), tiêu do Mộc mà ra. Mạch trầm khẩn, đó là mạch của Can. Sau khi phát hanh thì bị động đến (Thái-dương) kinh, thân mình bị chao đảo, lắc-lu, đó là vì kinh-mạch không hư, cho nên Phong Mộc lay-dộng, lắc-lu. Phép trị Can bệnh, nên thực cho Tỳ. Tuy nhiên, đầy

*không phải là vân-dè dè-dàng. Ta nên dùng Phục-linh, Quê-chi Bạch-truật, Cam-thảo thang để chủ trị.*

**Đại-ý:** Điều này nói về trường-hợp cho ói, cho xổ làm cho thương đến Can-khí.

**Đường Dung-Xuyên** chính:" Có những điểm tương đồng ở đây với chứng của Chân-võ thang, tức là cũng choáng-váng, thân mình lắc-lư mà Trần Tu-Viên chưa nói rõ. Tuy nhiên, Chân-võ thang dùng Phụ-tử làm ám Thủy-khí, chứng này nhẹ hơn, cho nên chỉ dùng Quê-chi để hóa Thủy. Lời thiên chúa không biết rằng mạch trầm khẩn là triệu-chứng của Hán Thủy đang ở bên trong, lại giải là mạch của Can, giải nhu vậy là sai. Khi giải là khi lên trên xung đền ngực là thuộc Quyết-âm bệnh, rồi lại giải đầu choáng-váng là do Phong Mộc gây nên, không những không hợp với chứng của Chân-võ thang, tức như đối với phương này về phép trị của Phục-linh và Quê-chi cũng không hợp. Lời chúa của Trương Lệnh-Thiệu cũng sai."

**Trương Lệnh-Thiệu** chúa:" Phương này trị về chứng sau khi cho xổ, cho ói làm thương đến Can. Câu 'Tâm hạ nghịch mãn' ý nói dưới Tâm là bộ-vị của Tỳ, Tỳ chủ về Thủy-cốc của Trung-tiêu, khi cho ói và cho xổ sẽ làm thương đến tân-dịch, làm cho Tỳ hư thành chứng mãn Tỳ hư thì Can-khí cũng thừa lên thành chứng nghu h-mã... Trong phương này, ta chỉ dùng một vị Quê-chi để trị Can, kỳ dù đều để làm sung-thực cho Tỳ."

Bản của Ngô Quốc-Định viết khác hơn, gọi là 'đính chính':

"Thương Hán nhược thô hắc hậu, Tâm hạ nghịch mẫn, khí thường xung hung, khởi tắc dầu huyền. Phục linh Quế chi Bạch truật Cam thảo thang chủ chi; mạch trầm khẩn, phát hàn tắc động kinh, thân vi chấn chấn dao giả, Chân vō thang chủ chi."

Ngô Quốc-Định chú:"*Chứng 'Tâm hạ nghịch mẫn, khí thường xung hung, khởi tắc dầu huyền' đó là vì sau khi cho xô và ói, ngoại tà đã giải nhưng Dương-khí đại hư, sự vận-hóa của Trung-tiêu mất đi lề thường của nó, làm cho Thủy-khí bị đình-súc. Nó thừa lúc hư để xung lên trên làm cho Vị-hoãn bị nghịch và mẫn, gây nên chứng choáng-váng. Ta dùng Linh Quế Truật Cam thang để vận-hành đình Thủy, để làm kiện Tỳ Vị. Khi Tỳ Vị được kiện và Thủy-khí được trừ thì chứng nghịch mẫn do khí thường xung sẽ khỏi. Nay nếu tà-khí thịnh, nó lại nhập vào lý, như vậy mạch sẽ trầm khẩn. Nếu như ta tái phát hàn sẽ làm thương đến Dương-khí, sẽ làm cho thân mình lạnh run, lắc-lư, giống như dùng Đại Thanh-long thang phát hàn. Trường-hợp này, ta nên dùng Chân-vō thang để cường Tâm, kiện Vị, vận-hành được Thủy-khí.*"

Sách Thương-hàn loại-phương chú:"*Đây cũng là chứng do Dương hư làm động đến Thủy ở Vị, ta gọi là chứng của Chân-vō thang nhưng nhẹ hơn, vì thế phép trị cũng theo giống với Chân-vō thang.*"

## 28: Phục-linh Quế-chi Bạch-truật Cam-thảo thang phương:

茯苓桂枝白朮甘草湯方

Phục-linh (4 lượng)

**Quế-chi** (3 lượng, bỏ bì)

**Bạch-truật** (2 lượng)

**Cam-thảo** (2 lượng)

Tất cả 4 vị trên, dùng 6 thăng nước, sắc còn 3 thăng, bỏ xác, phân ra uống làm 3 lần.

**Thành Vô-Ký** chú: " *Dương bất túc ta dùng vị cam để bổ. Phục-linh, Bạch-truật sinh tân-dịch và làm ích Dương; khi ở lý bị nghịch, nên dùng vị tân để phát tán. Quế-chi Cam-thảo hành Dương, tán khí.*"

**Trần Niệm-Tô** chú: " *Truật và Thảo hòa được Tỳ Vị nhầm vận-hóa tân-dịch; Linh và Quế vận-hóa Bàng-quang nhầm bổ-tán hóa-khí.*"

**Ngô Quốc-Định** chú: " *Cả hai thang đều dùng để trị Dương hư, định-âm, chỉ khác có Bạch-truật và Đại-táo.*" Ông so-sánh giữa Linh Quế Cam Táo thang và Linh Quế Truật Cam thang:

Tên phương thang	Chủ chứng	Nguyên-nhân bệnh	Mục-dịch trị-liệu
Linh Quế Truật Cam thang	Dưới Tâm bị nghịch mản, khí lên trên xung vào ngực, ngồi lên bị choáng-váng, mạch trầm khẩn.	Sau khi cho xổ và ói, Dương-khí ở Tỳ Vị bị hư, định-âm ở lại Trung-thố	Dùng Bạch-truật quan-trọng ở tại kiện Tỳ.
Linh Quế Cam Táo thang	dưới rún bị sôi động, sắp thành chứng bón-đ้อน.	Sau khi cho fát hạn làm Dương bị hư, Thủy động bên dưới.	Dùng Đại Táo bồi thêm Phục-linh, quan-trọng ở tại ché Thủy.

## Điều 68: 發 汗 痘 不 解 反 惡 寒 者

Phát hàn, bệnh bát giải phản ô Hàn giả,  
虛 故 也 茯 藥 甘 草 附 子 湯 主  
hư có dã. Thuốc dược Cam thảo Phu tử thang chủ  
之 chi.

**Dịch nghĩa:** Người đang hư-nhuược, không nên cho phát hàn. Nay người bị chứng hư-nhuược mà lại cho phát hàn, sau đó, bệnh đáng lẽ được giải nhưng lại không giải, không ô Hàn mà, ngược lại, lại ô Hàn. Vì người do vốn đang bị hư-nhuược vậy. Bệnh hư thì nên bổ, nên dùng Thuốc-dược Cam-thảo Phụ-tử thang làm chủ trị.

**Đại ý:** Phép cứu người sau khi bệnh-nhân bị hư mà lại phát hàn.

**Thừa Đạm-Am chú:** "Câu 'phát hàn, bệnh bát giải' không cho ta biết bệnh gì. Tuy nhiên, suy ra từ phương này, ta có thể biết đây là bệnh-chứng do sinh-lý cơ-năng bị phản-thường; câu 'phản ô Hàn' chứng tỏ rằng trước khi bệnh, người bệnh không có ô Hàn; câu 'bệnh bát giải' cho thấy bệnh này không thuộc ngoại cảm. Nay xin kể ra những bệnh-chứng do cơ-năng sinh-lý bệnh phản-thường. Ví dụ: người làm việc nặng nhọc có thể phát Nhiệt, đầu thống, toàn thân đau nhức; có khi do à ợ uống làm thương-tổn đến Trung-tiêu thành chứng phát Nhiệt, đầu thống, phúc thống, khí nghịch, tay chân lạnh, tinh-thần uể-oải... Tất cả các tình-huống trên, chúng ta có thể nghĩ-ngoại như thế nào đó

*trong một thời-gian, bệnh sẽ khỏi. Vậy mà, người thầy thuốc đoán lầm, cho phát hạch vì tưởng đó là cảm-mạo; thế là được không trúng bệnh, bệnh tất nhiên không thể giải được, nó sẽ làm thương đến Dương-khí, làm cho bị ô Hàn. Ô Hàn là triệu-chứng của Tâm Dương bị hư-vi; Tâm Dương bị hư-vi thì sự vận-hành cũng hư-vi, huyết bị tý. Trong phương-thang này, Thược-dược làm thông huyết tý, Phụ-tử làm cường-tráng Tâm Dương. Phân-lượng của Thược-dược và Cam-thảo trong phương-thang này cũng nhằm trị chứng tú-chi bị co-quắp do huyết tý gây ra."*

*Đường Dung-Xuyên bồ:" Bệnh hư thì nên bồ. Vấn-dề là bồ ở đâu? Bồ như thế nào? Lời thiền-chú chỉ nói có chữ 'hư mà thôi, như vậy chưa đủ. Ở đây, rõ-ràng là Dương của Thái-dương Bàng-quang hư, do bởi phát hạch làm tiết-thoát quá nhiều Dương-khí, vệ Dương không còn đuổi ta ra ngoài được, vì thế bệnh không thể giải được. Dương hư thì sẽ ô Hàn, ta dùng Phụ-tử để làm chủ cho việc bồ Dương hư ở Bàng-quang; Thược-dược, Cam-thảo chỉ dùng để điều-hòa doanh-khí trợ cho mồ-hôi mà thôi. Khi mà doanh-khí được điều-hòa thì chất dịch của mồ-hôi sẽ không còn bị đại thương, Dương-khí phán-chấn trở lại, nhờ vậy mà vệ-khí bên ngoài sẽ đuổi được tà. Giải hư ở đây chính là nói chỉ vào Bàng-quang, lời-lẽ thật chặt-chẽ ... "*

*Thành Vô-Kỳ chú:" Hạn xuất thì doanh hư; ô Hàn là vệ hư, ta dùng Thược-dược Cam-thảo Phụ-tử thang bồ doanh vệ."*

**Mạch-chứng, thiệt-chứng, châm-cứu:** Dựa vào chứng ô Hàn,

để suy, mạch phải trì hoặc trầm-trì, chất lưỡi phải nhạt. Cứu *Thần-khuyết*, *Khi-hải*, *Quan-nguyên* nhằm tăng-cường Tâm-lực, ôn-thông huyết-quản.

### 29: *Thuốc-dược Cam-thảo Phụ-tử thang phương:*

#### 芍藥甘草附子湯方

*Thuốc-dược* (3 lượng)

*Cam-thảo* (3 lượng)

*Phụ-tử* (1 củ, nướng, bỏ bì, chè làm 8 miếng)

Tất cả 3 vị trên, dùng 5 thăng nước, sắc còn 1 thăng 5 hợp, bỏ xác, phần uống ấm làm 3 lần.

*Ngô Quốc-Định giải phương:* "Phát hàn xong mà bệnh vẫn chưa trù, như vậy là ta đã phát hàn không đúng phép; ó Hàn ở đây không phải là ó Hàn trong lúc phát Nhiệt thuộc Thái-dương chứng, mà chính là huyết-dịch tuân-hoàn không còn vượng, làm cho thân-thể quyết-lạnh mà ó Hàn. Vì thế ta dùng Thuốc-dược để ích cho Âm huyết, dùng Cam-thảo để hòa Trung-khí và bổ hư, dùng Phụ-tử để cường Tâm, tráng Dương. Nay xét những trường-hop mà Thương-hàn luận đề-cập đến chữ 'hư', phần lớn là một vài chữ xen vào nội-dung rộng mà thôi, nhưng ở đây, ta thấy nêu chữ 'hư' một cách riêng lẻ, cho nên nó mang tính-cách quan-trọng hơn."

*Chu Dương-Tuân* thú: "Mồ-hôi nhiều làn Dương hư, trong lúc đó Âm vốn đang nhược, bỏ Âm phải dùng Thuốc-dược, hồi Dương nên dùng Phụ-tử. Thể bệnh không thể không kiêm dùng cả hai để tu-trợ cho Âm Dương. Tuy nhiên,

*Trọng-Cảnh lại sợ nhất Âm, nhất Dương không tương hòa,  
cho nên ông dùng Cam-thảo để đóng vai hòa-hợp. Thế là  
Âm Dương được hòa, mọi việc êm xuôi."*



### **Điều 69: 發汗若下之病仍不解**

Phát hàn, nhược há chi, bệnh nhưng bất giải,

### **煩躁者茯苓四逆湯主之**

phiền táo giả, Phục linh Tú nghịch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Phát hàn làm hư, sau khi cho xổ lại càng làm cho tà nhập vào Âm, tạo thành nguy chứng. Nay Thái dương bệnh, phát hàn, bệnh không giải, nếu cho xổ thế mà bệnh vẫn không giải, thịnh-linh lại thêm chứng phiền táo, bởi vì dưới Thái-dương là Thiếu-âm. Mồ-hôi là chất dịch của Tâm, vì cho xổ làm thương đến Thận-dịch, thế là Âm Dương Thủy Hỏa bị ly-cách. Ta dùng Phục-linh Tú-nghịch thang làm chủ trị.

**Đại-ý:** Đây nói về dạng người bị hư, bị cho phát hàn sai lầm và cho xổ sai lầm, e rằng khí Thủy Hỏa bị suy, bị ly-cách, nên khó trị. Chữ 'phiền' ý nói Dương không còn gấp được Âm. Chữ 'táo' ý nói Âm không còn gấp được Dương.

**Chú-ý:** bản của Thừa Đạm-Am có thêm vào nguyên văn như sau: "Phát hàn, nhược há chi, bệnh nhưng bất giải, phiền táo, từ nghịch giả, Phục-linh Tú nghịch thang chủ chi."

**Thừa Đạm-Am chú:** "Cho phát hàn hoặc cho xổ có khi làm cho Âm hư, có khi làm cho Dương hư, có khi làm cho Âm

*Dương đều hư; nếu là Âm hư, ta cứ để cho Âm tự phục-hồi; nếu là Dương hư, ta dùng Can Khương Phụ-tử thang; nếu là Âm Dương đều hư, ta dùng Nhân-sâm Tứ-nghịch thang.* Tất cả đã được nói ở các điều trên rồi. Tiết này nói về trường-hop sau khi phát hạn rồi, nếu lại cho xổ mà bệnh vẫn chưa khỏi, phiền táo, tú nghịch, như vậy là phải thuộc Dương hư. Nhân vì Dương hư, Thủy-âm xung-động lên trên gây thành chứng phiền. Ta dùng Can Khương, Phụ-tử làm cường Tâm, sinh ra khí âm; dùng Phục-linh làm lợi Thủy, trừ phiền; dùng Nhân-sâm, Cam-thảo, một là để hòa Âm, một nữa là để bồi-bổ lại cho sự tồn-thất của tinh-khí do phát hạn và xổ gây ra."

**Mạch chúng, thiệt chúng và châm cứu:** Mạch phải vi-nhược kèm sác, lưỡi chất nhạt, rêu trắng, trơn. Châm cứu như điều 68.

**Ngô Quốc-Định** chú: "Nay xét chứng phiền táo của Can Khương Phụ-tử thang thuộc chứng phiền táo ban ngày nằm không an giấc, nhưng đến đêm lại yên-tĩnh. Đó là Dương hư thuần-túy. Còn chứng phiền táo của điều này, không những phiền táo ban ngày, mà ngay cả ban đêm cũng thế. Đó là do Âm Dương đều hư. Trên thực-tế lâm-sàng, người thầy thuốc nên phân-biệt cho rõ."

### 30: Phục-linh Tứ-nghịch thang phương:

茯苓四逆湯 方

**Phục-linh** (4 lượng)

**Nhân-sâm** (1 lượng)

**Phụ-tử** (1 củ, dùng sống, bỏ bì, chẻ làm 8 miếng)

**Cam-thảo** (2 lượng, chích)

**Can Khuong** (1 lượng rưỡi)

Tất cả các vị trên, dùng 5 thăng nước, sắc còn 3 thăng, bỏ xác, uống âm 7 hợp, ngày 2 lần.

Trương Lệnh-Thiệu giải phương:" *Kinh Thiếu-âm bị phát hàn và xổ làm hư khí Thủy Hỏa, tinh-dịch của Tâm và Thận bị hư đến nỗi bệnh không giải làm cho Âm Dương Thủy Hỏa bị ly-cách, phiền táo. Phiền tức là Dương không có Âm; táo là Âm không gặp được Dương. Phục-linh và Nhân-sâm trợ cho Tâm-chủ, dứt được cái phiền của Dương. Tú-nghịch bỏ Thận tăng nhầm định được cái táo của Âm.*"

Thành Vô-Kỳ chú:" *Tú-nghịch thang nhầm bỏ Dương, già Nhân-sâm, Phục-linh nhầm ích Âm.*"

Kha Văn-Bá giải phương:" *Trước hàn sau xổ, theo phép thì đó là thuận. Vậy mà biếu lại không giải, đó là cho xổ một các sai-lầm đến phải vong Âm. Âm Dương đều hư, gây thành phiền táo, vì thế mới dùng Phục-linh Tú nghịch thang để làm vững cho Âm, vãng-hồi Dương. Nếu trước xổ sau hàn, theo phép thì nghịch, vậy mà biếu chúng, ngược lại, lại giải: bên trong không ói, không khát, dương như Âm Dương tự hòa, nhưng kỳ thực là do phát hàn sai lầm đến phải vong Dương. Đó gọi là Dương hư lòn i nhiễu-loạn đến Âm-phận, ban ngày thì phiền táo. Vì thế ta nên dùng Can Khuong Phụ-tử thang làm vững Dương để phổi với Âm. Cả hai*

thang này đều dùng Tứ-nghịch thang để gia-giảm. Điểm khác nhau là một dàng cứu Âm, một dàng lại cứu Dương. Khương và Phụ thuộc Dương trong Dương. Dùng Phụ-tử sống mà bỏ Cam-thảo càng làm tăng tính dũng-mạnh của nó hơn. Như vậy, nếu Tứ-nghịch thang được xem là hòa-hoãn thì rất hòa-hoãn, vì nó làm vững-vàng cho lý bên trong. Và nếu Tứ-nghịch thang được xem là dũng-mạnh thì nó rất dũng-mạnh, vì nó đóng vai 'hồi Dương' vậy. Một dàng bỏ Cam-thảo, một dàng gia Phục-linh. Phép 'gia giảm' cho ta thấy sự thần-diệu của y-học Đông-phương vậy."



### Điều 70: 發汗後惡寒者虛故也

Phát hàn hậu, ó Hàn giả, hư cō dā.

不惡寒但熱者實也當和胃

Bất ó Hàn, dǎn Nhiệt giả, thực dā: Dương hòa Vị

氣與調胃承氣湯

khi, dứ Điều Vị Thùa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Nói chung, tuy bệnh biến đa-dạng, nhưng không ra khỏi hư và thực. Phản sau khi phát hàn, người bệnh ó Hàn, đó là do hư. Sau khi phát hàn, không chỉ không ó Hàn, và lại còn trường-hợp chỉ có Nhiệt, đó là thực. Đây chỉ i ì sau khi phát hàn làm cho Vị bị táo, gây thành chứng trực Nhiệt. Ta nên điều-hòa Vị-khí, dùng Điều Vị Thùa-khí thang.

**Đại-ý:** Điều này tổng-kết các điều trên, ý nói hư-chứng

rất nhiều loại, nhưng các loại thực-chứng cũng không ít. Ngoài ra hai chữ 'Vị-khí' được nêu lên nhằm nêu rõ vai-trò của Điều Vị Thừa-khí thang, ý-chỉ rất là vi-diệu, vì Thái-dương bệnh tùy theo tình-huống 'vì hay thịnh' để chuyển kinh.

Ví-dụ: Dương vi sẽ chuyển sang thuộc Thiếu-âm, thành hư-chứng, bởi vì Thái-dương và Thiếu-âm cùng biều-lý nhau. Dương thịnh sẽ chuyển sang thuộc Dương-minh, thành thực chứng, bởi vì Thái-dương và Dương-minh thuộc kinh tương truyền cho nhau.

**Thừa Đạm-Am** chú:" Các điều trên đều nói đến phép trị các chứng hư do sau khi phát hạn hoặc sau khi cho xổ. Thế nhưng cũng có những trường-hợp biến-chứng thuộc thực-chứng. Chúng ta nên tùy theo lẽ biến-hóa đó mà trị, không nên theo mãi một thành-kiến.

Điều này được chia làm hai đoạn nhỏ:

\* Từ " Phát hạn hậu, ô Hàn giả, hư cõ dã", thuộc chứng của Thược-dược Cam-thảo Phụ-tử thang;

\* Đoạn còn lại nói rằng sau khi cho phát hạn thì "bất ô Hàn, dản Nhiệt giả, thực dã". Đó không phải là hư mà là thực, do Thái-dương tiến sang Dương-minh chứng. Bấy giờ trong Trường Vị chưa bị táo-kết, chưa thấy bụng bị đầy. Vì thế ta dùng Điều Vị Thừa-khí thang cho tiêu lỏng nhẹ, trước hết là tả được cái gốc gây thành Nhiệt, bệnh sẽ khỏi.

Nên chú-ý: nếu chỉ có Nhiệt mà không ô Hàn, đó là Nhiệt đang thịnh, gây thành phiền, khát, ta dùng Bạch-hồ thang; nếu thấy bụng bị đầy, đó là thuộc Tiểu Thừa-khí chứng;

nếu chỉ thấy Nhiệt mà không phiền táo thì thuộc Điều Vị Thừa-khí thang. Bởi vì dù bệnh đang ở Dương-minh, nhưng chưa năng lâm, do đó mà không gọi là 'há: xổ' mà chỉ gọi là 'hòa' mà thôi. Dương-minh là chỉ vào Trường Vị. Ở đây, Trọng-Cảnh chỉ nói Vị, đó là đã bao-quát Trường ở trong đó rồi. Nhiệt tức không hòa, chỉ cần trừ được Nhiệt sẽ làm cho Vị-khí được hòa."

Mạch-chứng, thiệt chứng, châm cứu: Nếu thực thì mạch phải sác đại, hoặc hoạt sác, rêu luối phải hóa vàng, nếu hư thì như điều 68.

Nếu thực thì châm Khúc-trì, Hợp-cốc, Túc Tam-lý, Nội-dịnh. Nếu hư thì cứu theo điều 68.



### Điều 71: 太陽病發汗後大汗出

Thái dương bệnh phát hàn hậu, đại hàn xuất

胃中乾煩躁不得眠欲得飲  
Vị trung can, phiền táo bất đắc miên, dục đắc ẩm  
水者少少與飲之令胃氣和  
Thủy giả, thiểu thiểu dù ẩm chi, lệnh Vị khí hòa  
則愈若脈浮小便不利微熱  
tắc dù. Nhuộc mạch phù, tiểu tiện bất lợi, vi Nhiệt,  
消渴者五苓散主之  
tiêu khát giả, Ngũ linh tán chủ chí.

**Dịch nghĩa:** Điều quan-ý trong việc trị thương Hàn là bảo-tồn tân-dịch. Thái-duong bệnh, sau khi phát hạn, mồ-hôi ra ào-át, thủy-cốc của Dương-minh kiệt, vì thế trong Vị bị khô. Thở bị táo bên trong, Tâm không giao với Thận, át phải bứt-rút; Thận không giao với Tâm át phải bòn-chòn không nằm ngủ được. Đó là trường-hop mà Nội-kinh gọi là 'Vị bất hòa', do đó nằm không yên vạy. Muốn được uống nước, tân-dịch trong người cùng loại với Thủy, Thủy bên trong khô cạn, vì thế muốn có Thủy bên ngoài cứu-trợ. Dù vạy, chỉ nên cho uống từng chút, từng chút, khiên cho Vị có được Thủy, không còn khô nữa, khi được nhuận và hòa thì bệnh khỏi, không nên cho dùng Ngũ-linh tán. Nếu như mạch phù, tiêu-tiện bất-lợi, đó là Tỳ-khi không không vận-chuyển được nữa và tân-dịch trong Vị cũng không vận-hành được nữa. Chứng vi Nhiệt vẫn còn, biếu-tà chưa giải, tiêu khát, tức là muốn uống mà bị tiêu, đó là Nhiệt thậm bên trong. Vì mạch phù ở biếu, cho nên mới vi Nhiệt, vì Tỳ không chuyển-vận cho nên tiêu-tiện bất-lợi và tiêu khát. Ta dùng Ngũ-linh tán, vì nó có thể bồ-tán Thủy-kí, dùng nó làm chủ.

**Đại-ý:** Điều này nói rằng sau khi cho phát hạn, phân-biệt được tân-dịch trong Vị bị khô kiệt và không còn vận-hành. Thái-duong bệnh khi nào Vị-kí hòa thì khỏi bệnh.

Trương Lệnh-Thiều nói rằng từ đây hợp với 4 điều kế tiếp, đều luận về sau khi cho phát hạn, sinh ra chứng phiền khát.

**Thùa Đạm-Am** cho rằng điều này chia làm hai đoạn nhỏ:

"Đoạn 1: Từ "Thái dương bệnh ... hòa tắc đũ": Đoạn này nói về sau khi cho phát hàn, biếu tà chưa giải, nhưng vì phát hàn quá nhiều, làm tiêu-hao quá nhiều nước, làm ảnh-hưởng đến Vị, do đó mà phiền táo không ngủ được. Cơ-thể đòi hỏi một lượng nước lớn, vì thế nên khát và thèm uống nước. Bấy giờ nên cho uống nước một các từ-từ, chủ-yếu là làm tu-nhuận lại cho Vị-khi dần-dần, khi nào Vị-khi hòa thì bệnh khỏi. Nếu ngược lại, ta cho uống nước thoái-mái, chứng 'định Thủy' sẽ xảy ra ngay.

Đoạn 2: Từ "Nhược mạch phù ... Ngũ linh tán chủ chi": Đoạn này nói về sau khi phát hàn mà mạch phù, vì Nhiệt. Đó là biếu-chứng vẫn còn. Tiêu-tiện bất-lợi, tiêu khát ẩm Thủy, nó cũng sẽ đưa đến chứng 'định Thủy'. Thủy-khí ở Trung và Hạ-tiêu không đạt được lên trên, cỏ bị khô thành ra chứng khát nước. Tuy nhiên, mặc dù khát nước, nhưng khi uống vào lại ói ra. Bạch-truật trong Ngũ-linh tán sẽ làm cho nước được hấp-thu; Trạch-tả làm tá để sinh tân-dịch, ngưng khát, lợi tiêu-tiện; Tru-linh làm lợi Thủy; Phục-linh trừ được chứng phiền; Quế-chì giải biếu. Tất cả nhằm giải Nhiệt, ngưng khát, lợi tiêu-tiện, thích-hop với chứng 'mạch phù, tiêu-tiện bất-lợi, vi Nhiệt, tiêu khát'."

**Đường Dung-> uyên bồ:** "Ngũ-linh tán trị định Thủy, lợi tiêu-tiện. Nhưng tại sao lại có thể làm chỉ khát? Trần Tu-Viên thiền chú cho là do 'Tỳ không còn chuyên-vận, tân dịch không còn được vận-hành'. Giải như vậy là chưa đạt. Chúng ta nên nhớ

răng tân-dịch trong miệng là do khí của Bàng-quang hóa ra. Khí này ví như ta chung-cắt nước trong cái nồi hơi, hơi nước thoát ra ngoài vậy. Nước này sẽ đóng lại ở nắp nồi. Cũng vậy, con người khi uống nước vào trong, nước sẽ thoát ra khỏi Vị theo con đường của mòn mõ của Tam-tiêu để rồi nhập vào Bàng-quang. Bàng-quang đóng vai cái nồi nước để được chung-cắt. Phàm con người khi hít vào, khí Thiên Dương sẽ vào Phế, qua Tâm, rồi xuống dưới Đơn-diền, hoặc Bào-thát. Bào-thát hay Đơn-diền sẽ đóng vai cái lò lửa, có thêm cùi để đốt lên, chung-cắt Thủy trong Bàng-quang. Đó là con đường của Tâm Hỏa xuống dưới giao với Thận Thủy. Sau khi chung-cắt, phần hóa-khí sẽ bốc lên trên, phần nước còn lại sẽ là nước tiểu, bài-tiết ra ngoài.. Con đường tiểu-tiện được lợi, con đường tân-dịch được bổ-tán khắp chu thân ... là theo đúng với cái lý đó. Nay nếu chỉ dựa vào Tỳ không vận-chuyển mà thôi thì cái lý sẽ không thực. Chúng này tiểu-tiện bất-lợi, tiểu khát là do bởi hạn bị xuất ra quá nhiều, Dương-khí bị tiết-thoát ra ngoài làm cho thân bị vi Nhiệt và mạch phù. Khi Dương-khí bị thoát thì bên trong không còn Hỏa để chung-cắt Bào-thát (Khí-hải), do đó Thủy không còn hóa-khí. Ta dùng Quê-chi làm chủ, nó sẽ dẫn Tâm Hỏa xuống dưới để giao cho Thủy để hóa khí; Bạch-truật làm thăng tân-dịch; Phục-linh làm lợi Thủy. Đây là loại diệu-tể làm lợi Thủy hóa khí, thăng tân-dịch, trừ Nhiệt, con đường hoá khí là 'hế."

Châm cứu: châm Hợp-cốc, Ngoại-quan làm thoái Nhiệt,

giải biếu; châm Trung-cực, Túc Tam-lý, Âm Lăng-tuyễn nhằm làm lợi tiểu.

### 31: Ngũ Linh tán phương: 五 蒂 散 方

*Tru-linh* (18 thù, bỏ bì)

*Trạch-tả* (1 lượng 6 thù rưỡi)

*Phục-linh* (18 thù)

*Quế-chí* (1/2 lượng, bỏ bì)

*Bạch-truật* (18 thù)

Tất cả 5 vị trên, nghiền thành bột, mỗi liều là 1 muỗng nước hòa với nước cơm sôi, ngày 3 lần. Uống nhiều nước nóng, chờ ra mồ-hôi là bệnh khỏi. Mọi kiêng cử như trước.

Tiền Thiên-Lai chú: "Một lượng đài Hán tức ngày nay 2 tiền 7 phân."

Uống Linh-Hữu chú: "Ngày xưa gọi là thù, tức nay 6 thù là 1 phân, tức 2 tiền rưỡi. 24 thù là 1 lượng."

Nguyên-Tê chú: "Chữ '蒂' có nghĩa là 'lệnh: làm chủ hiệu-lệnh trong việc hóa-khí, thông-hành tân-dịch'. *Tru-linh*, *Phục-linh*, *Trạch-tả* đều thuộc loại dược-phẩm hóa khí; *Bạch-truật* làm vận-chuyển ở Tỳ, tất cả đều làm cho khí được hóa, Thủy được hành. Tuy nhiên, tà-khí ở biếu lẩn lý không thể chỉ do lợi Thủy mà giải được cả hai, vì thế phải gia Quế-chí để giải. Sở dĩ phải nghiền nát thành 'tán' bột là vì muốn cho nó có tác-dụng 'tán' khí. Uống nhiều nước nóng nhằm trợ cho Thủy bốc-tán ra khắp bốn phương: bên trên, nó làm '蒸' ư cho Tâm Phế; bên ngoài nó đạt đến bì mao. Mồ-hôi vùn xuất nhẹ ra thì phiền Nhiệt của biếu lý sẽ

*giải. Ta hòa với nước cơm để uống, đó là muốn dùng theo phép uống của Quê-chì thang, có uống kèm theo cháo lỏng."*



## Điều 72: 發汗已脈浮數煩渴者

Phát hàn dī, mạch phù sá, phiền khát giả.

五苓散主之 Ngũ linh tán chủ chi.

**Dịch nghĩa:** *Chứng phiền khát do Vị bị khô, cảm dùng Ngũ-linh tán. Nếu chứng khát do Tỳ không chuyên-vận, tuy không có vi Nhiệt và tiêu-tiện bất-lợi, ta dùng Ngũ-linh tán. Phát hàn xong rồi, biếu-tà cũng giải xong, mạch lẽ ra phải hoãn, nay mạch không hoãn mà phù sá, vì mồ-hôi là khí Thủy-cốc của Trung-tiêu hóa ra, phiền khát là do mồ-hôi xuất ra làm thương đến Trung-khí, Tỳ không còn vận-chuyển, làm cho Thủy và tân-dịch không bô-tán được, ta dùng Ngũ-linh tán làm chủ đè trị, vì Ngũ-linh tán giáng mà có thể thăng, Sơn-trạch thông được khí. Thông là giúp cho vận-hành bô-tán chủ không chỉ là đi xuống.*

**Đại ý:** Điều trên nói về sau khi cho ra mồ-hôi mà tà chưa giải, bị phiền khát, điều này nói về tà-khí đã giải rồi mà lại bị phiền khát.

**Phương Trung-Hành chú:** "Tứ linh nhầm làm lợi Thủy. Mạch phù sá ý nói ngoại biếu chưa trừ, vì thế dựa vào Quê để hòa. Đó là ý-nghĩa mà chúng ta thường cho rằng Ngũ-linh có khả-năng lưỡng giải: biếu và lý."

## Điều 73: 傷 寒 汗 出 而 渴 者 五 苓

Thương Hàn hàn xuất nhí khát giả, Ngũ linh

## 散 主 之 不 渴 而 心 下 悸 者 荸

tán chủ chí; bất khát nhí Tâm hạ quý giả, Phục

## 苓 甘 草 湯 主 之

linh Cam thảo thang chủ chí

**Dịch nghĩa:** Mồ-hôi có loại thuộc huyết-dịch, có loại thuộc Thủy-tân (dịch). Thương Hàn mồ-hôi xuất ra mà khát, đó là thuộc mồ-hôi của Thủy-tân Hạn xuất làm cho Tỳ hư, tân-dịch không vận-hành lên trên, nên thành chứng khát. Ta dùng Ngũ-linh tán làm chủ trị. Nếu như mồ-hôi ra mà không khát, đó là thuộc mồ-hôi của huyết-dịch. Tâm chủ về huyết-mạch, ta dùng Phục-linh Cam-thảo thang làm chủ trị. Trong phương thang này, Phục-linh và Quế-chi nhằm bảo-vệ Tâm-khi, Cam-thảo và Sinh Khuong nhằm điều-hòa kinh-mạch.

**Đại ý:** Đoạn đầu của điều này nói rõ thêm ý-nghĩa của điều trên, ý nói về mồ-hôi thuộc Thủy-tân (dịch); đoạn sau nhằm bổ cho mồ-hôi thuộc huyết-dịch, cho nên mới đưa ra phương khác để trị.

Thừa Đạm-Am chú: "Điều 73 này nói một cách đại-cương về mồ-hôi ra: khát hay không khát nước. Ta phân-biệt ra để sử-dụng hai phương thang khác nhau. Nội-dung có vẻ khá giản-lược. Ta thấy ở chứng Ngũ-linh tán vì có nối-tiếp với nội-dung hai điều trên, cho nên không cần thêm chi-tiết cũng được. Như ; riêng phần của Phục-linh Cam-thảo thang thì

*không thể chỉ dựa vào chứng 'hạn xuất bát khát' mà có thể đủ để dùng phương thang này được. Câu văn chắc chắn là phải có sót mất (khuyết văn). Kha Vận-Bá nói: 'Nên thêm câu: Tâm hạ quý.' Thực vậy, Phục-linh Cam-thảo thang nguyên dùng để trị chứng Thủy-âm và Tâm hạ quý ... Trong Phục-linh Cam-thảo thang, Phục-linh trị chứng hồi-hộp (quý); Quế-chi trị chứng làm cho xung-khí giáng xuống; Quế và Linh hóa được Thủy; Sinh Khương làm ôn Vị, Cam-thảo làm hòa-hoãn Trung-khí."*

*Đường Dung-Xuyên chính:*" Khi phân-biệt một cách cùng-ép loại 'huyết dịch chi hạn' và 'Thủy dịch chi hạn' là chưa hiểu về nguyên-ý của hạn. Trong những điều nói về Ma-hoàng chứng, Quế-chi chứng và chứng nói về Bôn-dòn, tôi đã có nói về mò-hôi rất rõ. Bởi vì khi 'hạn xuất mà khát', đó là là do thương Hàn, bì mao khai rồi tự-hạn xuất, vệ Dương ở Bàng-quang bị thoát ra ngoài, Thủy không còn hóa được khí, tân-dịch không còn bô-tán, vì thế ta dùng Ngũ-linh-tan để hóa khí, bô-tán tân-dịch. Khi mà tân-dịch thăng lên thì chứng khát sẽ dứt; khi mà khí được bô-tán ra thì chứng Hàn sẽ khỏi. Trường-hop 'hạn xuất bát khát' cũng thuộc thương Hàn bì mao khai, hạn tự xuất, không khát tức là Thủy bên trong vẫn còn có thể hóa khí, có thể bô-tán tân-dịch. Có điều là hạn tự xuất là do Dương-khí của Bàng-quang theo với hạn mà xuất ra ngoài, trong lúc đó tà lại không đi theo, vì thế ta dùng Phục-linh để liễm, dùng Quế và Khương chuyên để tán Hàn. Hàn hết, hạn cũng ngưng,

tương-tự với chứng của Quέ-chi tự hạn xuất vậy. Tuy nhiên, tự hạn của Quέ-chi chứng hơi ő Phong, cho nên hạn tuy xuất nhưng không nhanh, ta dùng Bạch-thuược để vận-hành cái trệ của doanh huyết làm cho hạn xuất ra nhanh, không trệ và lưu lại. Chứng hạn xuất ở đây là quá nhanh, e rằng nó ra mãi không ngừng, vì thế ta không dùng Bạch-thuược để hành huyết mà chỉ dùng Phục-linh để lợi Thủy, làm cho Thủy-khí quay vào trong mà không bị thoát ra ngoài. Phần thiền chú nói về 'Linh Quέ bảo-vệ Tâm-khí' là không hợp với ý-chỉ, còn như nói 'Khương Thảo điều kinh mạch' lại càng mờ-hồ hơn nữa."

**Mạch chứng, thiệt chứng, châm cứu:** Mạch phải phù sá, rêu phải trắng mỏng. Châm Trung-hoān, Thủy-phân ôn Trung-khí, hóa thủy, giáng xung-khí, dứt hối-hộp.

### 32: Phục-linh Cam-thảo thang phương:

#### 茯苓甘草湯方

<b>Phục-linh</b>	(2 lượng)
<b>Quέ-chi</b>	(2 lượng, bỏ bì)
<b>Sinh Khương</b>	(3 lượng, cắt mỏng)
<b>Cam-thảo</b>	(1 lượng, chích)

Tất cả 4 vị trên, dùng 4 thang nước, sắc còn 2 thang, bỏ xác, phân ra uống ấm làm 3 lần.

Trần Úy giải phương:" Điều này nối tiếp các điều trên, uống Ngũ-linh tán thì âm nước nóng để cho ra mồ-hôi. Người ta biết rằng cái dụng của Ngũ-linh tán là ở mồ-hôi, nhưng lại không biết rằng chứng của Ngũ-linh là ở khát. Chứng

*khát của Ngũ-linh là do Tỳ không vận-chuyển, không liên-quan gì đến Vị Táo. Từ đó suy ra, khi nào nó không vận-hành được lên trên sẽ thành chứng khát; không vận-hành được ở giữa sẽ thành chứng Thủy nghịch; không vận-hành được xuống dưới sẽ thành chứng tiêu-tiện bất-lợi. Cho nên tuy rằng có bệnh phiền Nhiệt, nhưng trách-nhiệm vẫn là do Thủy và tân-dịch không phân-bố được ở bốn phương...*

*Luận-văn viết: 'Hạn xuất nhì khát', như vậy ta biết rằng tân-dịch của Thủy-cốc ở Trung-tiêu phát tiết làm thương Tỳ, Tỳ bị thương cho nên không vận-chuyển được tân-dịch thành ra chứng khát, vì thế ta dùng Ngũ-linh tán nhằm bồ-tán Thủy và tân-dịch. Còn nếu như 'bất khát', đó là tân-dịch ở Trung-tiêu chưa bị thương, ta chỉ dùng Phục-linh Cam-thảo thang, trong đó Phục-linh lợi Thủy, không để cho Thủy ở thận tràn lên trên thành mồ-hôi."*



### *Điều 74: 中風發熱六七日不解*

*Trúng Phong phát Nhiệt, lục thất nhật bất giải*

*而煩有表裡證渴欲飲水水*

*nhi phiền, hữu biểu lý chứng, khát dục ẩm Thủy, Thủy*

*入則吐者名曰水逆五苓散*

*nhập tắc thô giả, danh viết Thủy nghịch, Ngũ linh tán*

*主之 chủ chi.*

*Dịch nghĩa: Ngũ-linh tán không chỉ trị chứng bồ-tán*

*Thủy và tân-dịch bên trong mà thôi, nó còn trị chứng Thủy nghịch ở biếu lý chứng nữa. Như trung Phong, phát Nhiệt, sáu ngày thuộc số ngày mà lục kinh đã truyền hết, bảy ngày nó trở lại với Thái-dương, nhưng chứng phát Nhiệt vẫn chưa giải, lại phiền, ta gọi đó là biếu chứng. Lại có chứng thuộc cả biếu lẫn lý. Vì khát muôn uống nước thuộc lý chứng; hợp lại mà nói, gọi chung là biếu lý chứng. Bởi vì Phong thuộc Dương tà, khi Dương Nhiệt thậm thì khát, không liên-quan gì đến việc phát hạn làm vong tân-dịch. Nội-kinh viết: 'Uống nước vào Vị sẽ làm tràn ngập tinh-khí; bên trên nó lên đến Tỳ, Tỳ sẽ làm tán tinh-khí, lên trên nữa sẽ quy vào Phế.' Nay Tỳ không tán được tinh để quy vào Phế, cho nên khi uống nước vào sẽ gây thành chứng ói, ta gọi tên là Thủy-nghịch, ý nói Thủy nghịch ở Trung Thở mà không tán ra được. Ta dùng Ngũ-linh tán làm chủ trị, trợ cho Tỳ-khí để Tỳ vận-chuyển.*

**Đại-ý:** Điều 74 này nói về Ngũ-linh tán trị Thủy-nghịch.

Sách Y-tông Kim-giám chú:" Câu Trung Phong phát Nhiệt, lục thát nhật bất giải nhi phiền' là nói về biếu-chứng; câu 'khát dục ẩm Thủy, Thủy nhập tắc thở' là nói về lý-chứng. Có trường-hợp khát muôn uống nước, nước vào làm khỏi bệnh như điều trên đã nói: 'Vì can, cho uống nước ít ít, chờ cho Vị hoà thì khỏi bệnh'. Trường-hợp này cũng khát muôn uống nước, uống vào không tiêu, nghịch lên trên và ói ra, do đó mà gọi là Thủy-nghịch. Tại sao uống vào thì ói ra? Đó là do Nhiệt-tà nhập lý, cùng đánh nhau với Thủy-ẩm. Tam-tiêu

*mất đi, chức-năng chung-cắt Thủy hóa khí, không làm được thông-diều Thủy-đạo. Thủy Nhiệt không hòa, Thủy không có đường để ở yên bên dưới, vì thế mà Thủy vào thì phải ối ra ngay. Tiêu-tiên chắc-chắn bất-lợi. Nên dùng Ngũ-linh tân, bên trong lợi, bên ngoài giải, uống nhiều nước nóng vào làm cho xuất mồ-hôi, nước tiểu được thông, nhờ vậy mà cả biểu lắn lý đều được giải."*

*Đường Dung-Xuyên chính:*" Trong-Cảnh nói về trung Phong gồm có Nhiệt Phong và Hàn Phong. Trần Tu-Viên trong khi thiền chú cố-chấp gọi Phong là Dương-tà, lại giải sai chứng khát nước này thuộc Dương Nhiệt thậm, ông không biết rằng chứng khát muốn uống nước thuộc Ngũ-linh tân là do Thủy bị đình, không hóa được khí, khí không bốc-tán khắp nơi thì tân-dịch không thăng. Nói tóm lại, đây là vấn-dề hóa khí hành Thủy là chủ, nếu giải là do Dương Nhiệt thì làm sao hợp với ý-nghĩa của phương thang?"

*Phương Hữu-Chắp chú:*" Chứng Thủy-ẩm ngầm có bên trong, vì thế Thủy bên ngoài không vào được. Bởi vì Thủy-ẩm cũng là Thủy. Nay Thủy và Thủy gặp nhau (cũ và mới), cả hai không chịu nhau, gọi là chứng Thủy nghịch."



**Điều 75: 未 持 脈 時 病 人 叉 手 自  
冒 心 師 因 教 試 令 咳 而 不 咳**  
Vị trí mạch thời, bệnh nhân thoả thủ tự  
mạo Tâm, sư nhân giáo thí lệnh khai nhi bất khai

者此必兩耳聾無聞也所以  
giả, thử tái lưỡng nhĩ lung vô văn dã. Sở dĩ  
然者以重發汗虛故如此  
nhiên giả, dĩ trùng phát hàn hư, có như thử.

**Dịch nghĩa:** Tâm chủ về mồ-hôi thuộc huyết-dịch, bên trên có nói đến Phục-linh Cam-thảo thang, nay xin nói thêm ... Lúc người thầy thuốc chưa nắm được mạch của bệnh-nhân, chỉ thấy bệnh-nhân xoa tréo hai tay đè che vùng Tâm lại, vì vùng dưới Tâm đang hồi-hộp, trong lúc đó, người thầy thuốc thử bảo bệnh-nhân ho, nhưng bệnh-nhân không ho, đó rõ-ràng bệnh-nhân bị diếc hai tai, không nghe được gì. Sở dĩ có tình-trạng như thế, do ở ta đã trùng (hai lần) phát hàn, Dương-khí không còn xung lên ở ngực, vì thế bệnh-nhân xoa hai tay trước ngực, tinh-khí làm cho tai bị diếc. Dương-khí và tinh-khí không phải là một, cũng không phải là hai. Sau khi phát hàn, nó bị hư, vì thế mới thành chứng bệnh trên. Phục-linh và Cam-thảo thang há có thể trị được hay sao ?

**Đại-ý:** Đây nói về mồ-hôi bị phát thái-quá, thương đến khí Tâm và Thận, không thể dùng Phục-linh Cam-thảo thang

**Chu Tông-Siêu nhận-xét:** "Chứng nhĩ lung do chính-khí hư khác với chứng nhĩ lung do tà-khí thịnh ở Thiếu-dương. Sự phân biệt là ở xoa tay đè lên ngực."

Theo Đường Lăng-Xuyên thì điều này khó giải, nên để khuyết-nghi, cùn nghiên-cứu thêm:

## Điều 76: 發汗後飲水多必喘以

Phát hàn hậu, ẩm Thủy đa, tất suyên, dĩ

水灌之亦 水 灌 Thủy quán chi, diệc suyên.

**Dịch nghĩa:** Có một chứng tương-tự với Ngũ-linh chứng, nhưng lại khác nhau. Sau khi cho phát hàn, Phé-khí đã hú, nếu uống nước nhiều thì sẽ bị tình-trạng uống lạnh đến phai suyên vì làm thương đến Phé. Hoặc dùng nước đê xối tắm, đó là làm cho Hán thương Phé, cũng sẽ suyên. Đây há chỉ dùng Ngũ-linh tán mà có thể trị được ư ?

**Đại ý:** Đây nói về sau khi cho phát hàn mà suyên vì làm thương đến Phé, không thể dùng Ngũ-Linh tán để trị một cách nhầm lẫn được.

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Thủy hóa thành khí, khí lên trên xuất ra ngoài một cách thuận-lợi thì không bị suyên. Thủy xuống dưới mà không bị định lại thì không bị trở ngại. Nay nếu uống nước quá nhiều, Thủy bị định mà không hóa khí được, vì thế thành ra suyên. Nguyên-văn không có đề-cập đến vấn-dề 'ẩm lạnh Thủy', lời thiền chú không thông hiểu được cái lý 'khí không hóa sẽ bị định Thủy', vì thế mới thêm chữ 'lạnh' vào chữ Thủy và lại giải rằng ẩm lạnh thương Phé, như vậy là đã giải chưa đúng. Lời thiền chú lại cho rằng 'Thủy quán' là tắm nước lạnh làm cho thân hình bị Hán làm thương đến Phé. Trần Tu-Viên không biết rằng xưa nay trong phép trị bệnh, chưa ai dám dùng nước tắm ướt cả thân. Cho nên chữ 'cần' ở đây chẳng

*qua muôn nói rằng người bệnh không muốn uống mà vẫn cứ ép uống ... Thủy bị đình cũng thành suyễn, đó là vì khí không hóa được. Ý-nghĩa này đã được tôi giải-thích ở những điều trước rất rõ."*

Kha Văn-Bé chú:" *Chưa phát hàn, do Phong Hán mà suyễn, đó là Ma-hoàng chúng. Sau khi cho xổ mà suyễn nhẹ, ta dùng Quả-chì gia Hậu-phác Hạnh-nhân thang; suyễn mà hàn xuất, ta dùng Cát-cần Hoàng-cầm Hoàng-liên thang. Đây nói về sau khi phát hàn, tân-dịch bị thiểu, uống nước nhiều thành suyễn, thuộc Ngũ-linh chúng. Ta dùng nước xối tắm cũng thành suyễn, đó là 'hình Hán ẩm lanh', có thể làm thương đến Phế, khi bị bức xung lên trên thành suyễn. Đài Hán trị bệnh có phép 'Hỏa công' cũng có phép 'Thủy công' ... "*"



### **Điều 77: 發汗後水藥不得入口**

*Phát hàn hậu, Thủy dược bất đắc nhập khẩu,*

### **爲逆若更發汗必吐下不止**

*vì nghịch, nhược cánh phát hàn tất thở há bất chỉ.*

Dịch nghĩa: *Vẫn còn loại Thủy nghịch tương-tụ với chứng Ngũ-linh tán. Sau khi phát đại hàn, thuốc và nước đều không uống vào miệng được, bởi vì mồ-hôi là khí Thủy-cốc thuộc Túc Dương-minh Vị, nay vì cho xuất đại hàn đến phải làm tháo, g đến khi này, do đó Vị-khí bị đại hu, không còn điều-i ành và thu-nap được nữa, phép trị này*

gọi là nghịch. Nay nếu không hiểu rõ, lại cho phát hàn tiếp sẽ làm cho Vị hư và Dương bại, trúng Phong, thương hàn đều thoát, át sẽ thô và tiêu chảy không ngừng.

**Đại ý:** Điều 77 này luận về sau khi cho phát hàn, vị hư, thuốc và nước không uống vào được, không hợp với Ngũ-linh tán. Từ điều 75 đến 77 này, tất cả có liên-hệ với nhau, cho nên không có đưa ra phương để chữa. Tuy nhiên, đọc sách của Trọng-Cánh, ta nên từ chối chưa nói gì để hiểu được cái phải nói gì; từ chối chưa có phương gì để mà hiểu được đó là phương gì? Có như vậy mới gọi là biết đọc sách của ông.

Nói chung thì ở điều này các nhà chú-giải đều chưa thống-nhất trong việc đưa ra một phương để trị. Tiền Hoàng và Đơn-Ba Nguyên-Giản đề-nghị dùng Bán-hạ già Phục-linh thang để chữa-trị.



### Điều 78: 發汗吐下後虛煩不得

Phát hàn, thô, hả hậu, hư phiền bất đắc

眠若劇者必反覆顛倒心中

miên, nhược kịch giả, tất phản phúc điên đảo, Tâm trung

懊農梔子豉湯主之若少氣

áo nùng, Chi tử Xì thang chủ chi; nhược thiểu khí

者梔子甘草豉湯主之若嘔

giả, Chi tử Cam thảo Xì thang chủ c, nhược ầu

# 者 桔 子 生 薑 叟 湯 主 之.

giả Chi tử Sinh Khương Xì thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thiếu-âm Quân-hỏa nằm ở trên, Thiếu-âm Thận-thủy nằm ở dưới. Trung-thô nằm ở giữa đóng vai giao-thông. Nay nếu sau khi phát hạn, cho ói và cho xô làm thương-tổn cả Thượng, Trung và Hạ-tiêu, do đó mà Quân-hỏa ở Thượng-tiêu không thể xuống dưới để giao với Thận-thủy; Thận-thủy ở Hạ-tiêu cũng không lên trên để giao với Tâm-hỏa. Như vậy là Hỏa ở một mình bên trên, Dương không còn gặp được Âm, vì thế Tâm bị hư để rồi bứt-rứt (phiền). Vị-lạc bất hòa cho nên bệnh-nhân không nằm ngủ được, nếu tình-trạng nguy-kịch hơn, mất ngủ nặng sẽ làm cho bệnh-nhân trăn-trở, lăn-lộn (diên-dảo), đó là bứt-rứt đến cực. Trong Tâm không còn suông-khoái để rồi buồn-bực, áo-não. Ta dùng Chi-tử Xì thang làm chủ, bởi vì Chi-tử nhập vào Tâm kéo Tâm-hỏa xuống giao cho Thận; Đậu Xì nhập Thận, đưa Thận-thủy lên cho Tâm. Thủy Hỏa được giao nhau, bệnh sẽ khỏi. Nếu người bệnh bị thiểu khí, đó là do Trung-khí hư, không vận-hành lên xuống được nữa, ta dùng Chi-tử Cam-thảo Xì thang làm chủ, đó là điều mà Nội-khinh thường gọi là làm cho Âm Dương giao nhau thì Trung-khí sẽ hòa. Nếu bệnh-nhân bị ói, đó là Nhiệt-khí bị nghịch lên trên, ta dùng Chi-tử Sinh Khương Xì thang làm chủ, nhờ Sinh Khương làm tan khí, ngưng ói.

**Đại ý:** Điều này nói về phát hạn, cho ói, cho xô làm

thương-tổn đến khí của Tam-tiêu, đến nỗi Thủy Hỏa của Thiếu-âm không còn giao nhau.

Trương Lệnh-Thiều chú:" Từ đây đến 6 điều kế-tiếp luận về các chứng thuộc Chi-tử Xị thang, gồm có Nhiệt, Hàn, hư, thực.

Thừa Đạm-Am chú:" Câu 'phản phúc điên đảo' hình-dung cho tình-trạng mất ngủ trầm-trọng; câu 'Tâm trung áo não' hình-dung cho tình-trạng Tâm phiền trầm-trọng. Ta dùng Chi-tử Xị thang để trị, bởi vì cả hai vị này đều thuộc khô Hàn. Nếu đã thanh Tâm trừ phiền xong thì Hàn sẽ tiêu và Nhiệt cũng thoái."

**Châm cứu:** Nếu hư phiền mất ngủ: châm Gián-sứ, Lê-doài. Nếu trong Tâm phiền não, trăn-trở không an: châm Gián-sứ, Cự-khuyết, Lao-cung, Dũng-tuyền. Nếu kiêm thêm chúng thiểu khí: châm thêm Thái-uyên. Nếu kiêm thêm chúng ói: châm thêm Nội-quan, Túc Tam-lý.

### 33: Chi-tử Xị thang phương: 桀子豉湯方

**Chi-tử** (14 quả, xé ra)

**Hương Xị** (4 vóc, đùm vào túi lụa)

Dùng 4 thăng nước; trước hết sắc Chi-tử còn khoảng 2 thăng ruối, sau đó cho Hương Xị vào, sắc còn 1 thăng ruối, bỏ xác, uống chia ra uống ấm làm 2 lần. Nếu ói được thì ngừng lại, không uống tiếp nữa.

Thừa Đạm-Am chú:" Chi-tử Xị thang là mèt giải phương chuyên trị ôn bệnh sau khi cho hàn, chè thò và cho xổ.

*Bệnh tà tuy đã giải nhưng Nhiệt-dộc tàn-du thường là chưa sạch, nó sẽ biến thành chứng triều Nhiệt sau giờ ngọ hoặc thành chứng ngũ Tâm phiền Nhiệt, mất ngủ, tất cả đều thuộc phương thang này cả. Ta có thể dựa vào thiết chẩn và mạch chẩn để biết: nếu là mạch của chứng ôn bệnh chưa giải thì thuộc hoạt sác, rêu lưỡi vàng; sau khi giải thì mạch sẽ sác mà không hoạt; sác mà vô lực đó là mạch đã làm thương đến Âm, rêu vàng hoá thành rêu trắng mỏng..."*

*Nguyên Tê chú:" Câu 'đắc thô chỉ hậu phục: khi nào ói thì dừng lại, không nên uống tiếp' làm cho nhiều người tưởng rằng phương thang này cũng dùng để chữa về chứng ói, người cao-minh như Kha Vận-Bá mà cũng tin như vậy. Duy chỉ có Trương Ân-Am và Trương Lệnh-Thiều cực-lực phân-biệt trường-hợp này rất rõ và có nêu lên Qua-de tán. Qua-de tán có dùng 2 vóc Hương Xì, có lẽ vì vậy mà người ta hiểu lầm phương thang này chuyên-trị về chứng ói. Kẻ ngu này mỗi lần dùng phương này phần nhiều là không có ói, cũng có khi có ói. Nhưng nói chung, ói hay là không ói là do hiệu-quả của sức mạnh của thuốc đã thắng hay không đối với bệnh mà thôi. Nếu uống vào mà không ói, đó chỉ là kết-quả bình thường, còn nếu như uống vào mà ói ngay, đó là trận đánh thắng như lôi-dinh nổi dậy. Dù sao thì phương thang này cũng không phải là dùng để cho ói. Tuy nhiên nếu bệnh-nhân nhở ói mà hết bệnh, đó cũng là sự thần-liệu của nó. Chỉ-tử sắc-tượng của nó mà*

*dỏ (xích), nó là tương của Tâm, vị của nó khô, thuộc Hỏa, tinh Hán. Nó sẽ dẫn Hỏa Nhiệt đi xuống dưới; Đậu Xí hình-dáng giống như quả Thận, sắc đen (hắc), nhập vào Thận. Khi chế-tạo thành Xì, nó sẽ khinh mà phù. Nó sẽ dẫn Thủy-dịch thăng lên trên; Âm Dương như vậy là được hòa; Thủy Hỏa kỵ té. Nhờ đó mà các chứng phiền-não, kết thống đều được giải. Nguyên bản đã liệt nó vào Thái-dương, chủ về giải chứng phiền, nó không phải là loại được-tê chủ về ói."*

**34: Chi-tử Sinh Khương Xị thang phương:**

Tất cả như Chi-tử Xị thang, thêm Sinh Khương 5 lượng.

**35: Chi-tử Cam-thảo thang phương:**

Tất cả như thang trên, thêm Cam-thảo 2 lượng, nếu ói thì không phải uống tiếp.

Trần Úy nhận xét:" Chi-tử Xị thang thì chúng ta đã nói nhiều ở trên rồi. Nay nếu sau khi phát hàn và ói làm cho trung-khí bị hư, thương hàn không còn giao-thông được nữa, vì thế phải gia Cam-thảo để bồi trung; trường-hợp ói, đó là sau khi thở và há làm thương đến Vị Dương, trung-khí bất hòa phải nghịch lên trên, vì thế ta gia thêm Sinh Khương để làm hòa-hoãn cho Vị, ngưng được nghịch khí."



**Điều 79: 發 汗 若 下 之 而 煩 热 胸**

Phát hàn nhược há chi nhi p ǎn Nhiệt, hung

# 中 窒 者 桀 子 豉 湯 主 之

trung trắc giả, Chi tử Xì-thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Phát hàn xong lại cho xô, Nhiệt-khí đáng lẽ theo với mồ-hôi để giải, nhưng lại không giải, trái lại bị phiền Nhiệt. Phiền Nhiệt không giải, nó lưu lại ở giữa ngực, làm cho ngực bị ngăn cách bế-tắc bất thông. Ta dùng Chi-tử Xì-thang làm chủ. Bởi vì vùng giữa ngực thuộc lý của Thái-dương và đồng thời là biểu của Dương-minh. Tình-huống bế-tắc không thông là do phiền Nhiệt gây nên, ta phải làm sao cho phiền Nhiệt được giải thì bệnh cũng sẽ được giải.

**Đại-ý:** Điều 79 này nói rõ thêm vai trò của Chi-tử Xì-thang, không chỉ có thể làm thông được thượng hạ, nó còn có thể điều-hòa được trung-khí. Nay xét chứng này thường hay xảy ra, ta nên để ý.

Thừa Đạm-Am chú:" Khi có Nhiệt chưa chắc đã gây thành phiền, nhưng nếu đã bị phiền chắc-chắn là phải có Nhiệt. Nhiệt có hư có thực, không giống nhau . Điều 79 này nói rằng sau khi cho phát hàn hoặc cho xô mà bị phiền Nhiệt, đó là vì nó đã làm thương đến Âm. Âm hư thì sẽ gây thành Nhiệt và phiền. Vả lại sau khi phát hàn hoặc cho xô Nhiệt-tà vẫn chưa giải, nó còn lưu lại bên trong đưa đến tình-trạng thực-quản hoặc hung-xoang (lồng ngực) sinh ra bế-tắc không thông, khi ăn vào như có cái gì đó chặn lại ... Nói tóm lại, chứng này do phiền Nhiệt gây nên, làm ứng-tắc lồng ngực, ăn giống với điều trên. Chi-tử Xì-thang

*nguyên dùng để trị chứng phiền sau khi bị ói, xổ và phát hàn. Chứng phiền Nhiệt ở đây đúng vào trường hợp nói trên, vì thế phải dùng thang này. Chi-tử khổ Hàn làm thanh được chứng phiền Nhiệt, lòng ngực được giải-tỏa ...”*

*Đương Dung-Xuyên chú:* “*Vùng giữa ngực do Tâm và Phế ở Thượng-tiêu điều-hành. Khi ta giải bế-tắc ở vùng ngực, tức là ta đã điều-hòa được trung-khí. Nếu ta hiểu nhầm-lẫn giữa Thượng-tiêu và Trung-tiêu, đó là một điều sai-lầm. Ta nên biết rằng màn cách-mạc liên-lạc với cột sống phía sau, còn ở phía trước nó bám vào dến xương trước của lòng ngực, và nó cũng giăng-mắc khắp nơi với Phế-hệ, với Bào-lạc, rồi thông với Tâm. Chủ hung-trung là chỉ vào vùng phía trên cách-mạc, tức thuộc Phế-hệ, tức thuộc bộ-vị của Phế, Bào-lạc và Tâm. Nội-kinh nói: Phế đóng vai chủ tiết-chế Tâm Hỏa, không cho thái-quá. Nay nhân vì Tâm Hỏa thái-quá, thanh Kim của Phế không chế-ngự nổi, làm cho phiền Nhiệt. Nhiệt thậm thì khí ủng, vì thế vùng ngực bị nghẽn. Chi-tử có hoa trắng, có hạt đỗ, vì nó đặc được khí của Kim và Thủy để rồi quy về Tâm Nô đóng vai Phế Kim, tiết-chế Tâm Hỏa, chuyên chữa-trị vùng trên cách-mạc và Bào-lạc. Phương-chứng của Trọng-Cảnh thật là tinh-vi.”*

**Châm-cứu:** châm *Gián-sú*, *Lệ-doài* trị chứng hú phiền không ngủ được; châm *Gián-sú*, *Cụ-khuyết*, *Lao-cung*, *Dũng-tuyễn* trị chứng Tâm bị áo-não; châm *Thái-uyên* trị chứng thiếu khí; châm *Nội-quan*, *Túc Tam* ý trị chứng ói.



## Điều 80: 傷 寒 五 六 日 大 下 之 後

Thương Hàn ngũ lục nhật, đại hả chi hậu,

身 熱 不 去 心 中 結 痛 者 未 欲  
thân Nhiệt bất khú, Tâm trung kết thống giả, vị dục  
解 也 梔 子 豉 湯 主 之

giải dã, Chi tử Xì thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn từ năm đến sáu ngày, lục kinh  
đã chuyển qua, sau khi cho xổ mạnh, thân-nhiệt không  
khỏi, trong Tâm bị kết và thống, ta biết vùng lý của Thái-  
dương và vùng biếu của Dương-minh bị kết mà chưa giải.  
Ta dùng Chi-tử Xì thang làm chủ.

**Đại ý:** Điều 80 này nêu rõ Chi-tử Xì thang không chỉ trị  
thăng giáng mà còn có thể giải biếu lý nữa.

Thừa Đạm-Am chú: "Thương hàn là danh-xưng tổng-quát  
về ngoại cảm. Tuy nhiên, nó không chỉ nói về Thái-dương  
thương hàn: đầu hàng cường thống, phát Nhiệt ố Hàn,  
không có mồ-hôi... Trong điều thứ 80 này, rõ-ràng là nói  
về ôn bệnh. Nếu không, biếu tà chưa giải mà cho xổ  
mạnh, như vậy làm sao không gây ra trăm thứ biến-  
chứng? Ít nhất nó cũng thành chứng kết hung: kết ở ngực,  
hoặc tiêu chảy không ngừng. Nhiệt chưa chứng ôn bệnh tự  
lý phát ra, nội ngoại đều Nhiệt, nếu cho xổ sẽ làm thoát  
được cái lý Nhiệt ... Nay ôn bệnh, sau khi cho xổ mà thân  
Nhiệt lại không giảm, đó chính là ý-nghĩa mà đoạn kế-tiếp  
đã nói: vị dục & ủi. tức là biếu Nhiệt không theo con đường

xổ ra để giải. Sau khi cho xổ làm thương đến Âm-dịch, phiền Nhiệt không nằm yên được..."



**Điều 81: 傷 寒 下 後 心 煩 腹 滿 臥  
Thương Hàn hả hâu, Tâm phiền, phúc mẫn, ngọa  
起 不 安 者 桔 子 厚 朴 湯 主 之  
khởi bất an giả, Chi tử Hậu phác thang chủ chi.**

**Dịch nghĩa:** Thương hàn, sau khi cho xổ, đa số thuộc hư Hán. Tuy nhiên, cũng có khi tà Nhiệt lưu lại ở Tâm, ở phủ và ở Vị gây thành chứng thực Nhiệt. Nhiệt-khí bẩm-thụ ở Tâm, làm cho Tâm ô Nhiệt thành phiền. Nhiệt hăm vào bụng, sẽ làm cho bụng bị bất thông thành chứng đầy bụng. Nhiệt lưu lại ở Vị, sẽ làm cho Vị bất hòa, nằm hoặc ngồi đều không an. Ta dùng Chi-tử Hậu-phác thang làm chủ. Chỉ-thực làm bình Vị, Hậu-phác làm cho Tỳ được vận-hóa, hợp với Chi-tử làm ngưng chứng bứt-rứt.

**Đại ý:** Điều này nói rõ Chi-tử Hậu-phác thang có thể làm thanh được dư Nhiệt của thương Hán sau khi cho xổ. Nay xét, chứng này xảy ra rất thường, ta nên lưu ý.

**Thân Vô-Ký chú:** "Sau khi cho xổ, nếu chỉ có chứng đầy bụng mà không có Tâm phiền, đó là tà-khí nhập lý, là lý thực; nếu chỉ có Tâm phiền mà không có bụng đầy, đó là tà-khí ở ngực thuộc hư phiền; nếu đã phiền mà luôn cả đầy bụng nữa, đó là tà-khí bị ủng-tắc giữa vùn ngực và bụng. Khi bị đầy thì không ngồi được, khi bị ủn thì không

năm được. Ta dùng thang này sẽ tiết ra cái phiền và trừ được chứng đầy bụng."

### 36: Chi-tử Hậu-phác thang phương: 桔子厚朴湯方

**Chi-tử** (14 quả, xé ra, vị khô hàn)

**Hậu-phác** (4 lượng, chích)

**Chi-thực** (4 quả, ngâm nước, bỏ ruột, sao, vị khô hàn)

Tất cả ba vị trên, dùng ba thăng rưỡi nước, sắc còn một thăng rưỡi, bỏ xác, chia uống làm hai lần, nếu uống ấm một lần mà ói thì ngưng lại không uống tiếp phần còn lại.

Thừa Đạm-Am chú:" Trong thang này chỉ có Chi-thực mà không có Hương Xì, chắc là có sự thiếu-sót chăng? ... Nên gọi là Chi-tử Hậu-phác Xì thang mới đúng."

Kha Vạn-Bá chú:" Tâm phiền thì khó nằm yên, bụng đầy thì khó ngồi dậy. Khi mà nằm xuống và ngồi dậy đều không yên, đó là do Tâm đưa cái Nhiệt đến Vị, khác với chứng phản phúc điên đảo. Chi-tử trị phiền, Chi-thực làm dịu được chứng đầy bụng. Đây là một diệu -phương giải được cả Tâm lẫn phúc (bung)."

Châm-cứu: châm Gián-sú, Lao-cung, Dũng-tuyền nhằm thanh được Tâm vu Thận ... châm Túc Tam-lý, Công-tôn nhằm điều-hòa Tỷ Vị, trị được chứng bụng đầy.



### Điều 82: 傷寒醫以丸藥大下之

Thương hàn, y dĩ hoàn được đại há chi,

身熱不占微煩者梔子乾薑

thân Nhiệt bắt khứ, vi phiền giả, Chi tử Can Khương  
**湯主之** thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** *Thương Hàn kèm theo Chi-tử chứng, người thầy thuốc không biết dùng Chi-tử, ngược lại, dùng loại được chế thành hoàn để cho xô lán. Loại được thành hoàn thường lưu lại lâu ở Trung-tiêu để rồi hâm vào bên trong Tỳ. Thân Nhiệt không khỏi, đây là do Nhiệt của Thái-âm Tỳ Thổ đang phát ra ở thân mình. Người bệnh hơi bứt-rứt, bởi vì Tỳ thuộc Chí-âm, bên trong nó ở ngôi Trung-thổ, Dương-kì ở Thương-tiêu không quay vào Trung-thổ được. Nhiệt này ở trên, trong lúc đó Hàn ở tại trung (giữa), ta dùng Chi-tử Can Khương thang làm chủ.*

**Đại ý:** Điều 82 này nói về sau khi cho xô làm cho Tỳ-kì bị hư Hàn. Chi-tử nên phối với Can Khương nhằm làm ấm Tỳ Thổ vậy.

Trần Úy nhận xét: " Chi-tử tính Hàn, Can Khương tính Nhiệt, cả hai tương phản nhau, tại sao lại dùng chung? Ta đâu biết rằng Tâm bệnh mà bứt-rứt, ngoài Chi-tử ra thì không thể nào thanh Tâm được. Bệnh nào phải dùng thuốc này, có gì lạ đâu? Vả lại Đậu Xị hợp với Chi-tử mang ý-nghĩa giao-cầu giữa quẻ Khám và quẻ Ly mà thôi. Còn Can Khương hợp với Chi-tử cũng chính là ý-nghĩa Hòa sinh Thổ vậy."

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Thân Nhiệt không giảm, đó là chứng thuộc về thương Hàn. Cho nên u nái bắt khứ: không giảm, không phải là dựa vào sau i cho xô thương

*Tỳ thì thân mình mới Nhiệt. Chữ vi phiền: hơi bứt-rứt  
cũng không phải sau khi cho xổ mới có, mà đó là do Nhiệt  
của Thái-âm Tỳ Thở mà ra. Ta không biết rằng Can  
Khương trị chứng tiêu chảy không ngừng do xổ mà ra.  
Trường-hợp này nên dùng Can Khương gấp để làm ôn Tỳ.  
Trong khi dùng thuốc ta nên phân-biệt sự khác nhau của  
Hàn Nhiệt. Ta cứ xem điều kế-tiếp, nói rằng nếu bệnh-  
nhân vốn có chứng tiêu chảy (đường) nhẹ, không được  
dùng Chi-tử thang. Ở đây, khi dùng Can Khương là để cứu  
cho trường-hợp sau khi cho xổ mà phải tiêu chảy nhẹ. Điều  
đáng để ý là trong điều 82 này, ta không loại bỏ Chi-tử  
mặc dù có tiêu chảy, đó là vì có kèm thêm chứng 'thân  
Nhiệt vi phiền'. Tiêu chảy ở đây là bệnh tạm thời, cho nên  
chỉ cần dùng Can Khương là đủ, khác với tiết sau đây  
thuộc chứng tiêu chảy săn có, vì thế ở đây vẫn có thể dùng  
được Chi-tử."*

*Thùa Đạm-Am chú:" Ôn bệnh thuộc chứng mà Thượng.  
Trung và Hạ-tiêu, cả Tam-tiêu đều bị Nhiệt. Sau khi ta  
dùng thuốc hoàn để cho xổ mạnh, Nhiệt ở Trung-tiêu và  
Hạ-tiêu đều bị thoát dòng thời làm thương đến Dương-  
khí, gây thành chứng hư Hàn, trong lúc đó cái Nhiệt ở  
Thượng-tiêu và cái Nhiệt bên ngoài vẫn chưa thoát, vùng  
ngực bị phiền mà ngoại Nhiệt vẫn không khỏi vì thế ta  
dùng Chi-tử để làm thanh cho Thượng-tiêu, Nhiệt thoát  
thì chứng phiền ắng dứt; ta dùng Đậu Xị để thanh ngoại  
Nhiệt, nhằm gi được thân Nhiệt; ta dùng Can Khương*

*dể làm âm Trung-tiêu và Hạ-tiêu, dứt hàn Hàn, vì chứng hàn Hàn thường kèm theo tiêu chảy hoặc phúc thống. Tuy trong nguyên văn không có nói rõ như thế, nhưng vai trò của Can Khương dù cho chúng ta biết được điều ấy.*

*Ngoài ra tuy trong nguyên văn, trong phương thang chỉ ghi Chi-tử Can Khương thang mà không có Đậu Xị. Dù sao thì trong các chứng thuộc Chi-tử đều phải có Đậu Xị. Vả lại, các chứng có thân Nhiệt không thể thiếu Đậu Xị trong việc trị-liệu, vì thế trong điều này chúng ta phải thêm Đậu Xị vào mới đúng.. Người xưa dùng thuốc hoàn là để cho xổ, Trần Tu-Viên lại nói 'dùng hoàn là để hoà-hoãn lưu lại bên trong', nói như vậy là không đúng.."*

**Ngô Quốc-Định** chú:" Thuốc xổ thường là thuốc khổ Hàn, vì thế sau khi cho xổ mạnh mà thân Nhiệt không giảm, hơi bứt-rứt, đó là tà Nhiệt ở Thượng-tiêu không theo thuốc xổ để giải được, nó vẫn lưu lại ở giữa ngực; trong lúc đó Tỳ Vị do xổ mà bị tổn-thương đến nỗi không thể dùng đến tính tuyên-hóa của Hương Xị , mà phải dùng Chi-tử làm thanh cho Nhiệt-khí còn dư lại, gia thêm Can Khương, tính của nó tân ôn nhầm làm hưng-phấn Tâm, làm thông-sướng huyết-quản, làm cho sự vận-hành của huyết được vượng hơn, trị được chứng hư sau khi cho xổ mạnh."

**Kha Văn-Bá** chú:" Dụng Chi-tử để giải chứng phiền, thêm Can Khương nhầm trực được nội Hán ; làm tán biếu Nhiệt: bệnh được trị."

**Sơn Điền Chính Trân** chú: "Chữ hoàn được ở đây ý nói đến loại hoàn trị ngực bị hâm... Phàm thương Hàn mà nhiệt thịnh, tuy có khi cũng cho phép xổ, nhưng không nên dùng hoàn được để xổ quá mạnh. Tại sao thế? Vì hoàn được chỉ có thể làm hòa-diệu Trường Vị, nhưng nó không thể trị được chứng thân nhiệt. Nay gặp chứng thương Hàn nhiệt thịnh, người thầy thuốc cho dùng hoàn được xổ mạnh, thân nhiệt lại không giảm, thêm chứng bứt-rứt, đó là do nội bị hư mà phải bứt-rứt. Theo phép thì phải dùng Chi-tử Xị thang để làm chủ, nhưng chỉ vì có bứt-rứt nhưng lại không có chứng kết thống ở trong Tâm và chứng áo náo, vì thế ta bỏ Hương Xị, gia Can Khương: một là để giải nhiệt, một nữa là để phục-hồi chứng hư. Nếu trong ngực còn nhiệt và trong Vị còn Hàn, ta dùng Hoàng-liên, Can Khương, từ là dùng cả Hàn lân nhiệt vậy."

**Châm-cứu:** châm Khúc-trì, Hợp-cốc, Gián-sứ nhằm thoái nhiệt trừ phiền; châm Thiên-xu, K iến-ly, Khi-hải nhằm làm ấm cho Trường Vị.

### 37: Chi-tử Can Khương thang phương:

梔子乾薑湯方

**Chi-tử** (14 quả, bỏ ra)

**Can Khương** (1 lượng)

Tất cả hai vị trên, dùng 3 thăng rưỡi nước, sắc còn 1 thăng rưỡi, bỏ xác, phân uống ấm làm 2 lần, nếu ói thì ngưng uống tiếp

Kha Vạn-Bá chú:" Đây là phương thang hóa-thân của Cam-thảo tả Tâm thang."

Trương Lệnh-Thiệu chú:" Chi-tử dẫn-dắt Dương Nhiệt để xuống dưới; Can Khuong làm âm Trung-thở để đưa khí đạt lên trên. Khi ở thượng hạ giao nhau, do đó chứng phiền Nhiệt sẽ dứt."



### Điều 83: 凡用梔子湯病人舊微

Phàm dụng Chi tử thang, bệnh nhân cựu vi

### 溏者不可與服之

đường giả bất khả dữ phục chi.

Dịch nghĩa: Phàm trong phép dùng Chi-tử thang, nếu bệnh-nhân vốn có chứng tiêu chảy sắn, đó là thuộc Tỳ-khí hư Hán, cho nên bệnh không thể hóa Nhiệt, do đó mà xuất-hiện chứng hư Hán. Nhu vậy không nên cho uống.

Đại ý: Điều 83 này nói về Chi-tử thang tuy có thể chỉ phiền thanh Nhiệt, tuy nhiên, điều nên nhớ là tính khô Hán không thích-nghi với chứng bệnh hư Hán.

Nam Nguyên-Tâ chú:" Chi-tử xuống dưới để bẩm-thụ tinh-khí của Hán-thủy; lên trên kết với thực-khí của Quân-hỏa. Nó chẳng những khai dậy khí của Thủy-âm để tưới lên trên mà nó còn có thể dẫn-dắt khí của Hỏa-nhiệt để đi xuống dưới. Vì thế đối với các chứng trung, Trọng-Cảnh dùng nó để đóng vai Quân. Tuy nhiên chúng ta thấy rằng nếu dùng sống thì tính-năng của nó mới có ác-dụng. Nay

có người đem nướng cháy đèn, nó sẽ trở thành vật vô dụng.

Năm Mậu-thìn, niên-hiệu Gia-khánh nguyên niên, lệnh thân của quan Lại-bộ Tạ Chi-Điền bị bệnh đau cổ cứng, thống, thân mình đau nhức, dưới Tâm bị đầy, tiêu-tiện bất lợi. Thầy thuốc cho uống thuốc giải-biểu nhưng không có mồ-hôi và ngược lại, lại bị bứt-rứt, sáu mạch hồng-sát. Lúc sơ chẩn nghi là do Thái-dương và Dương-minh hợp bệnh. Cuối cùng người thầy thuốc kết-luận rằng trước hết bệnh ở Thái-dương vô-hình, sau lại bệnh ở Thái-dương hữu-hình. Nay nếu từ bệnh Thái-dương hữu-hình mà người bệnh tiêu-tiện được lợi, thì tất cả các bệnh-khí sẽ theo con đường kinh-khí vô-hình thoát ra ngoài dưới dạng mồ-hôi. Ta dùng Qué-chí khứ Qué-gia Phục-linh, Bạch-truật thang, khi uống vào thì bệnh giảm, nhưng đêm đến lại không ngủ được. Cuối cùng người ta mới hiểu ra đây là bị hư-phiền do di-hại của các vị tân-nhiệt. Nay nếu dùng các loại được Táo-nhân, Viễn-chí, Phục-linh ... bệnh sẽ trở lại. Ta dùng Chi-tử Xị thang, bệnh sẽ khỏi."

Thừa Đạm-Am chú:" Câu 'cựu vi đường: vốn đang tiêu chảy nhẹ' ý nói người bệnh vốn đang hư Hàn trong Vị. Nay nếu có chứng Tâm phiền, ta không dùng tiếp loại được khổ Hàn vì sợ làm thêm Dương-khí, vì thế mới nên rõ điều cầm dùng. Tuy nhiên, nếu người bệnh vốn bị hư Hàn mà lại có thêm Chi-tử chúng thì làm sao? Trường hợp này ta cứ đ ể Chi-tử Can Khương Xị thang phương là được."

Thành Vô-Kỳ cl. "Bệnh-nhân vốn có chứng tiêu chảy săn,

*dó là lý hư mà Hàn ở bên dưới, tuy có chứng phiền nhưng không phải do uẩn Nhiệt, vì thế không thể dùng Chi-tử thang. Nội-kinh viết: 'tiên tiết nhì hậu sinh tha bệnh; trước hết là tiêu chảy, sau đó mới sinh thêm bệnh khác'. Phép trị bản, át phải điều-hòa trước rồi sau đó mới trị đến bệnh khác."*

*Ngô Quốc-Định chú:*" Các điều trên luận về các chứng thuộc về Chi-tử thang, ngoài ra, trong thiên Dương-minh cũng có 2 điều nói về Chi-tử thang, thiên Quyết-âm cũng có 1 điều nói về Chi-tử thang. Dưới đây là bảng phân-tích các chứng thuộc Chi-tử thang:

<b>Hiệu-nghiệm của Chi-tử thang</b>	Tiết Nhiệt, hỏa trọc, giải phiền, thanh uất.
<b>Chủ chứng</b>	1) hư-phiền, không ngủ được (chứng nhẹ) 2) trăn-trở, ngá-nghiêng, trong Tâm áo-nào.(chứng nặng) 3) phiền Nhiệt, giữa ngực bị nghẽn. 4) thân nHIệt, giữa Tâm bị kết thông
<b>Kiêm chứng</b>	Thiếu khí : Chi-tử Cam-thảo Xì thang Ói : Chi-tử Sinh-khương thang
<b>Biển chứng</b>	Tâm phiền, bụng đầy, nằm ngồi không an: Chi-tử Hậu-phác thang
<b>Cấm ky</b>	Thân Nhiệt, hơi phiền : Chi-tử Can Khương thang Chứng vốn có tiêu chảy, lý Hàn, bên dưới bị hư.

\*

**Điều 84: 太陽發汗汗出不解其人仍發熱心下悸頭眩身闊**  
 Thái dương phát hàn, hàn xuất bất giải, kỳ nhân nhưng phát Nhiệt, Tâm hạ quý, đầu <sup>đầu</sup> yèn, thân nhuận

# 動 振 振 欲 辭 地 者 真 武 湯 主

động, chấn chấn dục tịch địa giả, Chân vō thàng chủ  
之 chi

**Dịch nghĩa:** Người bệnh hư thì không nên cho phát hạn, bởi vì sau khi cho phát hạn sẽ có biến-chứng vô thường. Nay xin nói về trường-hợp của Thái-dương. Thái-dương bệnh mà cho phát hạn, đáng lẽ Nhiệt phải được giải, nay mồ-hôi đã xuất rồi mà Nhiệt vẫn không giải, đó là chính-khi bị hư, người bệnh vẫn phát Nhiệt. Mồ-hôi thuộc Tâm-dịch, khi mà Tâm-dịch bị thoát thì dưới Tâm bị hồi-hộp. Ôi. Tâm-dịch hòa-hợp thì nó sẽ lên trên làm thấm não-tủy. Nay tâm-dịch bát-túc, não-khí sẽ bị bát-túc để rồi làm cho đầu bị choáng-váng. Tỳ chủ cả thân mình lẩn tú-chi, nay Tỳ-khí do phát hạn mà thành hư, vì thế nó không thể vận-hóa ra đến cơ-nhục làm cho thân mình không giữ vững được, phải lắc-lư, và vì không vững cho nên muồn té nhào xuống đất, ta dùng Chân-vō thang làm chủ trị.

**Đại-ý:** Điều 84 này nói về Thái-dương bệnh mà phát hạn thành biến-chứng, đưa ra một phương để cứu chữa.

**Trương Lệnh-Thiệu chú:** " Phần này gồm 8 điều, đều nói về bệnh hư không nên cho phát hạn!"

**Đường Dung-Xuyên chính:** " Thương-hàn phát Nhiệt là một chứng do sự tương-tranh giữa vệ-dương của bản thân và Hán-khí bên ngoài. Vì thế mỗi khi có chứng phát Nhiệt thì nên phát hạn làm cho vệ-dương được tiết-thoát ra

ngoài, Hàn-khí cũng theo với vệ-dương mà thoát ra ngoài. Nay nếu vệ-dương đã tiết-thoát ra rồi, mồ-hôi cũng đã ra rồi, trong lúc đó Hàn-khí vẫn chưa giải, nó vẫn lưu lại nơi cơ-nhục để phát Nhiệt. Bên trong, nó động đến Bàng-quang, bên trên nó lấn vào đến Tâm làm cho dưới Tâm bị hò-hộp, Thủy-khí theo với Can-mạch lên đèn Vị làm cho đầu bị choáng-váng. Mỗi lần hạn xuất là mỗi lần kinh-mạch bị mất đi sự nuôi-dưỡng; nay khi Hàn-thủy lại phạm đến cân-mạch làm cho thân mình bị lắc-lư, lảo đảo muôn té xuống đất, tất cả do ở Dương-khí bị tiết-thoát ra ngoài, Hàn-thủy bạo-phát lên. Vì thế ta dùng Sinh Khuong và Bạch-thuộc để điều-lý doanh-vệ nhằm làm tan được Hàn-khí bên ngoài; ta dùng Phụ-tử làm chủ trợ Thận-dương nhằm đuổi Hàn-khí bên trong. Linh Truật trị được Thủy, đóng vai tá, chặn không cho Thủy tràn lên trên, như vậy sẽ không còn choáng-váng và dưới Tâm cũng không còn hòi-hộp. Khi mà Hàn-khí bị đuổi thì Dương-khí sẽ mở rộng để làm thu-suông cân-khí, do đó mà thân mình sẽ không còn lắc-lư muôn té nữa, kết-quả rất cao.

Lời thiền chú của Trần Tu-Viên cho rằng "Tâm-dịch bị mất thì hòi-hộp, não bị bất-túc thì bị choáng-váng, Tỳ-khí không vận-hóa đến kinh-mạch thì bị chấn-động" ... là nói không đúng lắm..."

Kha Vận-Bá chú:" Thận-dịch nhập vào Tâm thành mồ-hôi. Hạn xuất mà bệnh vẫn chưa giải, đó là vì Dương-khí của Thái-dương còn yếu, không thể làm tròn nhiệm-vụ bảo-vệ

bên ngoài cho vững, trong lúc đó thì Âm-khí của Thiếu-âm đang hú, không còn làm tròn nhiệm-vụ tàng tinh để bảo-vệ bên trong; người bệnh vẫn phát Nhiệt và dưới Tâm bị hồi-hộp, đó là Dương-khí bị thoát ra ngoài để cho Thận-thủy xâm-lăng Tâm mà thành bệnh. Đầu choáng-váng, người run lên là do dưới Tâm bị hồi-hộp mà nên, người bị lảo đảo... Thủy theo Hỏa để phát ra, Thận-hỏa bốc lên trên, Thủy-tà cũng nhân đó mà theo lên trên. Nay nếu ta làm cho Thận-hỏa quy nguyên thì Thủy-khí sẽ tự nhiên quay trở xuồng, do đó mà ngoại Nhiệt cũng được giải. Điều này sử-dụng Chân-võ thang hoàn-toàn nhằm mục-đích giáng Hỏa lợi Thủy. Điểm trọng-yếu là ở "phát Nhiệt, dưới Tâm bị hồi-hộp" chứ không phải ở chứng quyết nghịch. Nhưng, một đằng là do Thái-dương Hán Thủy xâm-lăng vào trong, cho nên phải dùng Quê-chi, ở đây lại do tà Thủy của Thiếu-âm tràn-ngập, vì thế nên dùng Phụ-tử. Nên nhớ là tiểu-tiện bất-lợi hoặc Tâm hạ quý không thuộc Chân-võ thang.

Tiền Hoàng chú: "Chứng Hạn xuất không giải, vẫn phát Nhiệt, đó không phải giống nhu thường-hợp biểu-tà phát Nhiệt như trước đây, mà chính là chứng vong Dương sau khi phát hạn, chính là hư Dương đã phù tán ra ngoài. Chứng dưới Tâm hồi-hộp không phải là chứng Tâm hồi-hộp. Bởi vì vùng dưới Tâm, trên Vị-hoãn, trong khoảng cựu-vĩ (xương trước ngực), trong khoảng khí-hải, được sách Linh-khí gọi là Chiên-trung hoặc Đản-trung, tức là biển của khí. Khi ta cho phát hạn sai lầm làm vong

*Dương, thì Dương-khí vùng Chiên-trung bị bất-túc, làm cho người bệnh lão-đảo muôn té... Ta dùng Chân-võ thang là muôn bồ cái hư, phục-hồi Dương-khí."*

### 38: Chân-võ thang phương : 真 武 湯 方

*Phục-linh (3 lượng)*

*Thuộc-dược (3 lượng)*

*Sinh Khương (3 lượng)*

*Bạch-truật (2 lượng)*

*Phụ-tử (1 củ, nướng, bỏ bì, cắt làm 8 miếng)*

Tất cả 5 vị trên, dùng nước 8 thang, sắc còn 3 thăng, bỏ xác, uống ám 7 hợp, uống ngày 3 lần. Nếu ho, ta gia Ngũ-vị-tử (nửa cân), Té-tân (1 lượng), Can Khương (1 lượng). Nếu tiêu-tiện lợi, ta bỏ Phục-linh. Nếu hạ lợi, ta bỏ Thuộc-dược, gia Sinh Khương (2 lượng). Nếu ói, ta bỏ Phụ-tử, gia Sinh Khương.

*Trương Lệnh-Thiều giải-phương:* "Bệnh hư không nên cho phát hạn, bởi vì sau khi cho phát hạn bệnh không những không giải mà lại còn có biến chứng khác. Chân-võ thang là thần-dược trong việc trấn Thủy. Tính của Thủy là động, nay nếu Thủy động cục, bất an, ta nên dùng loại thần-dược này để trấn nó. Phục-linh là dư-khí của cây tùng, nó tiềm-phục ở dưới gốc-rễ của cây tùng, vì thế khi uống vào, nó cũng quy-phục vào Tâm-thần, làm cho ngưng chứng hồi-hộp. Phụ-tử tạo lại khí sinh Dương ở Hạ-tiêu để dẫn lên đèn đầu não, châm-dứt chứng choán, sảng. Thuộc-dược tu-duong doanh-huyêt. Sinh Khương ứng để thông kinh-mạch, làm dứt được chứng run và lâ u. Bạch-truật

dùng để tu-duōng khi Trung-thở để rồi có thể đưa ra để nuôi khắp tử chi."

**La Động-Dật giải-phương:**" Tiêu Thanh-long thang trị biếu bát giải, có Thủy-khí và bệnh mà trong ngoài đều bị Hàn-thực. Chân-võ thang trị biếu đã giải có Thủy-khí và bệnh mà trong ngoài đều bị hàn. Chữ Chân-võ là chỉ vào vị thần điều-hành bắc-phương Thủy, vì thế mà lấy nó để đặt tên cho phương thang, nói lên vai trò trấn Thủy của nó.

Trong thân-thể con người, Tỳ đóng vai trấn Thủy (tức là ché Thủy), Thận đóng vai chủ của Thủy; Thận lại là quan: cánh cửa lớn của Vị. Nay nếu trong Thận không còn Dương-khí, cho dù là bộ máy của Tỳ có vận-hóa, nhưng cánh cửa của Thận không mở ra thì Thủy cũng bị kiệt. Vì không còn ai ché-khắc được Thủy, cho nên Thủy phải tràn-nghập, vọng-hành, tạo nên chứng bệnh trên. Ta dùng tính-vị tân-Nhiệt của Phụ-tử làm tráng-khí nguyên-dương của Thận, nhờ vậy mà Thủy có chủ. Bạch-truật ôn-táo, kiễn-lập ở trung Thở, nhờ vậy mà Thủy được có chỗ để ché. Sinh Khương tân-tán, đóng vai tá cho Phụ-tử để phù-trợ cho Dương-khí; trong cái bồ đã ngầm ý tán. Phục-linh tính đậm, đóng vai tá cho Bạch-truật nhằm kiện cho Thở. Trong vai trò ché Thủy đã ngầm có vai trò lợi Thủy. Quan-trọng nhất là vai trò của Thược-dược khổ giáng thật tê-vi. Bởi vì trong thân-thể con người, Dương lấy gốc ở Âm, Nay nếu ta chỉ dùng ìn Nhiệt để bỏ Dương, không dùng tính khổ-giáng để i tá thì e rằng chân Dương sẽ bay bồng

mất. Thuốc-dược là hoa nở mùa xuân, đến mùa giao với hạ mới khô, ta dùng nó để thu-liễm Dương-khí đã bị tản-mạn để quy về gốc rễ. Trong chứng hạ-lợi, ta phải giảm Thuốc-dược, chính là vì Thuốc-dược khổ giáng, vậy. Ta già Can Khuong vì ta muốn dùng Tháp để thắng Thủy Hàn. Thủy Hàn làm thương Phé, phải ho. Ta già Tê-tân, Can Khuong là để thắng Thủy Hàn. Ta già Ngũ-vị tử là để thu Phé-khí. Khi nào tiêu-tiện lợi thì bỏ Phục-linh vì sợ quá lợi sẽ làm thương đến Thận. Khi nào bị ối, ta bỏ Phụ-tử, già bội thêm Sinh Khuong, bởi vì chứng này không phải do Hạ-tiêu mà là do Thủy đình ở Vị, vì thế không cần phải làm ám Thận để hành Thủy mà chỉ cần làm ám Vị nhằm làm tán Thủy, và lại, công-năng của Sinh Khuong còn có thể làm dứt ối."

Trương Lộ chú:" Phương thang này vốn dùng để trị chứng Thủy-ấm nội-kết thuộc Thiếu-âm bệnh, vì thế trước hết dùng Truật Phụ, kiêm Phục-linh, Sinh Khuong nhằm giúp cho Tỳ vận-hành Thủy-đạo. Cái lý này thì mọi người có thể hiểu dễ-dàng. Đến như vai-trò tê-nhị của Thuốc-dược, ta thấy được tài-năng của bậc thánh-nhân. Nói rõ hơn, chứng này tuy thuộc bản bệnh của Thiếu-âm, nhưng thực sự do Thủy-ấm nội-kết, cho nên bụng đau, tiêu chảy, từ chi đau-nhức, nặng-nề, nhưng ngược lại, tiêu-tiện bất-lợi. Nếu là cực hư, cực Hàn thì thi tiêu-tiện ắt phải trong, sao lại có thể bất-lợi được. Như vậy ta biết gay rắng bệnh-nhân không chỉ là chân Dương bất-túc, c... chân Âm cũng đã suy-hư. Nếu ta không dùng Thuốc-d... : để củng-cố cho

*Âm thì làm sao thắng được tính mãnh-liệt của Phụ-tử? Vì như Phụ-tử thang và Thược-dược Cam-thảo Phụ-tử thang chẳng hạn, ta vẫn dùng chung Thược-dược và Phụ-tử. Tác-dụng làm ám kinh-mạch và bảo-hộ doanh-khí của nó không khác gì với tác-dụng bảo-hộ Âm để hồi Dương vậy. Người sau, khi dụng dược, mấy ai hiểu được tâm-pháp của Trọng-Cảnh."*

*Trình Tri giải phương." Bạch-thông thang phương, Thông-mạch thang phương, Chân-võ thang phương, tất cả đều là những thang phương thuộc chứng ha-lợi của Thiếu-âm. Bạch-thông, Tứ-nghịch thang đều dùng Phụ-tử sống, duy chỉ có Chân-võ thang là dùng Phụ-tử nướng chín. Bởi vì Phụ-tử mà dùng sống thì làm ám kinh-mạch, tán Hàn, khi nướng chín thì làm ám Trung-thở, trừ đàm-ǎm. Bạch-thông thang phương lấy việc làm ám Dương-khí làm chủ, Chân-võ thang phương nhằm làm tăng-ích Dương-khí làm trọng, vì thế ta thấy rằng, trong phép dụng được tùy trường-hợp mà việc khinh trọng thật là khác nhau. Sinh Khuong tá-trợ cho Sinh Phụ-tử nhằm làm ôn kinh-mạch, nhưng Sinh Khuong giúp cho Thục Phụ-tử nhằm làm tán được đàm-ǎm."*

**Ngô Quốc-Định so-sánh được và chứng giữa Phụ-tử thang và Chân-võ thang:**

Thang danh	Phụ - tử thang	Chân-võ thang
	Bào Phụ-tử : 2 củ	Bào Phụ-tử : 1 củ
	Phục-linh : 3 lượng	Phục-linh : 3 lượng
Nhài	âm : 2 lượng	
Bạch	át : 4 lượng	Bạch-truật : 2 lượng
Bạch	yc : 3 lượng	Bạch-thược : 3 lượng

	Sinh Khương :	Sinh Khương : 3 lưỡng
Chứng-trạng	Thiếu-âm bệnh, miệng hòa, lung-sợ-lạnh, tay chân lạnh, thân minh đau nhức, các khớp xương đau nhức, mạch trầm	Dưới Tâm hồi-hộp, đầu choáng-váng, thân minh tắc-lư, muốn té xuống đất. Thiếu-âm bệnh, hai, ba ngày không khỏi, đèn bồn, nấm ngày, bụng đau, tiểu-tiện bất-lợi, tứ chi đau nhức và nồng-nề
Nguyên-nhân bệnh	Lý Dương suy-nhuệ, biểu-khí cũng hư theo, cảm-cốt kém tần-dịch, Hán-tà theo để lấn-công.	Tỳ Dương hư, Thủy-khí dinh bên trong.
Công-dụng	Tương-đồng: Ôn Tháp, tán Thủy, trần thống	Ôn Tháp, tán Thủy, trần thống
	Bất-tương-đồng:Nghiêng về ôn bổ để tráng nguyên Dương (trọng-tâm của bệnh là ở ngoại Hán.)	Nghiêng về ôn, tán để trục Thủy-khí (trọng-tâm của bệnh là ở Thủy-ẩm bên trong)



### Điều 85: 咽喉乾燥者不可發汗

Yết-hầu can táo giả, bất khả phát hàn.

**Dịch nghĩa:** Phát hàn là một vấn-dề không thể khinh thường được, vì thế trước khi cho phát hàn, ta phải thẩm-sát cho kỵ-lưỡng nhằm ngăn-chặn những chuyện không hay xảy ra. Yết-hầu là nơi kinh-mạch của tam Âm đi dọc theo. Nay xét mạch của Túc Thái-âm Tỳ, Túc Thiếu-âm Thân, Túc Quyết-âm Can đều đi áp dọc theo yết-hầu, nếu tinh-huyết của tam Âm bị hư thiểu, khô, còn lên trên để tuối thấm cỗ họng, để cỗ họng phải khô, ta không nên

*cho phát hạn. Nếu cho phát hạn một cách nhầm-lẫn thì tính-mệnh khó bảo-toàn, còn nói chi đến biến chứng.*

**Đại-ý:** Từ đây tiếp theo một số điều đều nói về trường-hợp cấm phát hạn, nếu không sẽ thành biến chứng.

Thừa Đạm-Am chú:" *Yết-hầu khô, táo, nên dùng Mạch-môn-dông thang. Nếu đang có chứng cảm-mạo mà cần phải phát hạn mới khỏi được, trong trường-hợp này, ta cũng dùng Mạch-môn-dông thang gia Thông Xì, nhằm làm cho phát vi hạn. Ma-hoàng và Quê-chi truyệt-dối không được dính môi. Nếu ta dùng Tiêu Sát-hồ thang thì cũng được.*"

Ngô Quốc-Định chú:" *Con người khỏe mạnh thì tân-dịch sung-túc, nó bô-tán khắp thân-thể cho nên ta không cảm thấy yết-hầu bị khô táo. Khi nào Phế và Vị bị tổn, Âm bị hư, Dương kháng, Âm-tinh không sao thừa lên trên được, bấy giờ yết-hầu mới bị khô táo. Khi ta cho phát hạn một cách sai lầm, nếu bị ở Thiếu-dương thì tình-thể sẽ nặng hơn; nếu bệnh ở Thái-âm sẽ ra máu cam và vong huyết; nếu bệnh tại Thiếu-âm thì tân-dịch bị khô kiệt. Tất cả các trường-hợp trên đều bị cấm phát hạn trong phép điều-trị...*

Nay xét trong Thương-hàn luận, các chứng thuộc miệng luội và yết-hầu khô táo, gồm: Bạch-hồ già Nhân-sâm thang chứng, Đại Thừa-khí thang chứng, Đại-hâm-hung thang chứng, Ngũ-linh tán chứng. Trong sách Kim-quỹ yếu-lược ta có: Kỳ-tiêu lịch hoàng hoàn, Ôn-kinh thang chứng, Tiểu Kiền-trung thang chứng, Khô-ngạnh thang chứng, Bạch-tán chứng..."

**Điều 86: 淵 家 不 可 發 汗 發 汗 必**

Lâm gia bất khả phát hàn, phát hàn tắt  
**便** 血 tiễn huyết.

**Dịch nghĩa:** Người có bệnh lâm (tiểu-tiện nhỏ giọt và đau buốt) gọi là lâm gia. Đó là tân-dịch đã bị hư từ lâu, ta không nên cho phát hàn, bởi vì phát hàn sẽ càng làm cho tân-dịch bị kiệt bên ngoài và huyết sẽ động bên trong, ảnh hưởng đến Chiên-trung, tắt phái bị tiểu ra huyết. Nói thế nghĩa là gì? Nội-kinh nói rằng Bàng-quang là nguồn sinh tân-dịch, nằm cạnh Bàng-quang là bào-thắt, là huyết-hải... Thái-dương Nhiệt kết ở Bàng-quang thì huyết tự chảy xuống. Chứng 'lâm' do ở Bàng-quang hóa khi không vận-hành lên đến bì-mao, tân-dịch chỉ theo di xuống dưới mà thôi, để rồi thành chứng 'lâm'. Bàng-quang đã khô kiệt, ta lại cho phát hàn nữa, như vậy sẽ động vào huyết ở bào-thắt làm cho tiểu ra huyết.

**Thừa Đạm-Am chú:** "Chứng 'lâm': tiểu-tiện xuất huyết hoặc Thận xuất huyết, có thể dùng Trư-linh thang. Nếu có cảm-mạo, ta gia thêm Thông Xì vào Trư-linh thang, hoặc Tiểu Sài-hồ thang."

**Ngô Quốc-Định chú:** "Điều trước đây nói về yết-hầu bị khô táo, đó là tân-dịch ở Thượng-tiêu bị bất-túc. Ở đây nói về chứng 'lâm-gia', do tân-dịch ở Hạ-tiêu bất-túc. Bệnh thấy ra khác nhau ở thượng hoặc hạ, nhưng nguyên-nhân cũng là một: tân-dịch khô kiệt thì không nên cho phát hàn."



**Điều 87: 瘟家雖身疼痒不可發**

Sang gia tuy thân đồng thông, bất khả phát  
**汗 汗 出 則 痙(厔)** hàn, hàn xuất tắc kinh (chỉ).

**Dịch nghĩa:** *Chứng thuộc ung-nhọt, lâu ngày huyết làm sung bì-phu và làm nhiệt cơ-nhục bị hư, tuy thân mình bị đau nhức, đó là bệnh thuộc biếu của Thái-dương. Trường hợp này cũng không thể dùng Ma-hoàng thang để phát hàn. Nếu phát hàn sẽ làm nội thương đến huyết ở cân mạch, như vậy huyết không còn làm vinh cho cân-mạch được nữa, tất phải làm cho bị co cắn.*

**Thừa Đạm-Am** chú: "...(Chứng này) không nên phát hàn, nếu bị cảm-mạo chỉ nên dùng Kiến-trung thang làm ấm và dưỡng huyết, xuất mồ-hôi nhẹ, hoặc uống Tiểu Sàl-hồ thang."

**Ngô Quốc-Định** chú: "Chứng 'thân mình đau nhức' ở đây do ở doanh-huyết hư-thiểu-lại bị cảm bở ngoại-tà làm cho huyết-mạch bị ngưng-sắc, lưu-hành bất-sướng mà thành. Trong lúc đó chứng 'thân mình đau nhức' thuộc Ma-hoàng thang là do Hán-tà ngưng-sắc, trệ-khí, làm cho cân-mạch không còn thư-sướng mà thành. Nguyên-nhân bệnh không giống nhau, vì thế một d่าง phải cho phát hàn, một d่าง không được phát hàn."

**Tiên Hoàng** chú: "Chữ 'sang gia' chỉ vào loại nhọt có mủ, máu nhiều, bệnh Dương-mai kết độc, Mā-đao-hiệp anh..."

**Uông Hồ** chú: " (Bệnh này) nên dùng Quế-chi gia Cát-căn thang.

*Tuy vậy, ta nên → Vương Nhật-Hưu cho dùng Tiểu Kiến-*

trung thang gia Quy và Kỳ là hay nhất."

Lục Uyên-Lôi chú:" Chữ 'sang-gia' có hai nghĩa: một là ta bị đao kiém làm cho thương-tích, mất máu quá nhiều; hai là bệnh thuộc ung mủ, chảy mủ lâu ngày, đây chính là huyết-dịch bị tồn-thất."



**Điều 88: 鼻家不可發汗 汗出必  
額上陷脈急緊直視不能 眇  
ngạch thượng hâm, mạch cấp khẩn, trực thị bất năng huyền,  
不 得 眇 bát đắc miên.**

Dịch nghĩa: Huyết đi theo con đường của Đốc-mạch để xuất ra ngoài gọi là nực: máu cam. Mồ-hôi là huyết-dịch. Phàm những người bị chứng máu cam gọi là nực-gia. Đó là huyết của tam Dương kinh đều hư, vì thế, ta không nên cho phát hàn. Khi hàn xuất tức là trùng vong Âm-dịch làm cho trên trán tất phải hâm vào, mạch khẩn-cấp, mắt bị ngó thẳng trùng, không liếc qua lại được, không ngủ được. Tại sao lại như vậy? Bởi vì mạch của Thái-dương khởi lên ở khói mắt trong, lên trán ... trên đó mạch của kinh Dương-minh khởi lên ở vùng mũi lên giao với mạch của Thái-dương; mạch của Thiêu-dương khởi lên ở khói mắt ngoài. Cả ba kinh Dương này cùng giao-án-thông nhau ở vùng trán, mũi và mắt. Nay nếu huyết ứa ba kinh

*Dương không còn làm vinh cho vùng này nữa, sẽ làm cho vùng trán bị lõm xuống, mạch bị khẩn-cáp. Huyết của tam Dương không còn tươi cho mắt, vì thế mắt bị đứng tròng, ngó thẳng. Huyết của Dương bị hư thiểu thì vê-khí không còn vận-hành ở Âm-phận nữa, do đó mà bị mất ngủ. Đây thuộc nguy-chứng của tam Dương.*

*Đường Dung-Xuyên chính:* "Phát hàn sē trùng vong Âm-khí", nói như vậy là không đúng. Bởi vì mồ-hôi xuất ra ở khí-phận, thuộc Dương. Khi mồ-hôi xuất thì vùng trán bị hâm vào, bởi vì những người bệnh chảy máu cam thì Âm-huyết đã mất, chỉ dựa vào Dương-khí để cho vùng trán không bị hâm. Nay nếu cho phát hàn, sẽ làm vong Dương, sẽ làm cho Âm-huyết và Dương-khí ở vùng trán, cả hai đều bị kiệt. Lý-luận này nói rất rõ ở sách Kim-quỹ yêu-lực, khuyên độc-giả đối với vấn-dề Âm Dương và khí-huyết, nên nhận-định cho rõ."

*Thừa Đạm-Am* chú: "... Vậy nếu nay những người bị chứng nục-gia ma lại bị cảm-mạo (cảm phát hàn), ta phải làm sao? Ta nên dùng Hoàng-liên A-giao thang già Thông Xị để cho ra mồ-hôi nhẹ, hoặc dùng Tiểu Sài-hò thang cũng được."

*Uông Hô* đề-nghị dùng Tê-glác Địa-hoàng thang, nhưng chúng ta thấy dù sao thì thang này cũng chỉ là loại thang được trị chứng máu cam thông thường mà thôi. Hứa Thúc-Vi đề-nghị dùng Hoàng-kỳ Kiên-trung thang, vì thang này chủ về chứng đoạt hắc làm động đến huyết; gia thêm Tê-giác. Nhưng Ngô Q. Định cho rằng chứng máu cam thuộc về

cái Nhiệt của kinh Dương-minh, thang trên đây e rằng không thuộc loại dược-tế trị kinh Dương-minh. Theo ông, chứng máu cam và mồ-hôi thì Thông Xì thang chuyên trị cái Nhiệt của kinh Dương-minh.



**Điều 89: 亡 血 家 不 可 發 汗 發 汗**  
Vong huyết gia, bất khả phát hàn, phát hàn  
**則 寒 慄 而 振** tắc hàn lật nhi chấn.

**Dịch nghĩa:** Huyết theo đường Âm-kinh cùng với mạch Xung và mạch Nhâm để xuất ra, khi nào dùng phép thở hoặc hả sê làm thoát huyết, đều gọi là vong huyết gia. Huyết thuộc Âm, vong huyết tức là vong Âm, vì thế không thể cho phát hàn, nếu phát hàn, đó là Âm bị vong thì Dương không có chỗ nương-tựa, Âm thoát ra ngoài sẽ làm cho người bệnh bị lạnh đến run lên. Nội-kinh nói: Mạch sắc tức là vô huyết; đó là tình-trạng quyết và Hán.

**Đường Dung-Xuyên bô:** Chữ Hán lật nhi chấn' giống như câu tắt chấn Hán, nội ngoại câu hư đã nói ở phía trước. Trường-hop trước đây là do sau khi xổ làm vong Âm, cân-mạch không còn được nuôi-duong nữa, ta lại phát hàn làm vong Dương thêm, như vậy Hán-khí phát-động, cân-mạch không thể tự giữ mình được, vì thế mà thành lạnh run.

**Điều (89) này thuộc về vong huyết gia, Âm-cân vốn đã bị thất dương, ta lại cho phát hàn để thà vong Dương, Hán-khí phát-động, cân-mạch không thể giữ mình được**

vì thế mà thành lạnh run."

Sách Y-tông kim-giám chú:" Phàm sau khi thắt huyết, huyết-khí chưa phục-hồi, gọi là vong-huyết-hu-gia, đều không thể cho phát hàn. Bởi vì lúc mới thắt huyết, sự bảo-vệ vũng-chắc bên ngoài là do Nhiệt Dương. Tuy nhiên, sau khi vong huyết, Nhiệt sẽ di theo huyết mà thoát ra ngoài. Như vậy, Nhiệt sẽ không còn bảo-vệ bên ngoài nữa và khi cũng theo với vong huyết để thoát, như vậy là nguy đeん Dương. Nay ta lại cho phát hàn sẽ làm cho Dương-khí bị suy-vi, không còn gì để chống đỡ bên ngoài, vì thế phải bị lạnh run là tất nhiên."

#### Vấn-đề trị-liệu:

Theo Ngô Quốc-Định thì chúng này nếu dụng được, nên để ý loại được chủ về Hàn lương, loại được chủ về Ôn Nhiệt. Nếu sau khi thắt huyết, cơ-năng bị suy-thoái, ta dùng loại ôn Nhiệt nhằm đun-dẩy các cơ-năng ôn-định.

Theo Uông Hô thì nên dùng Thực-dược Địa-hoàng thang.

Theo Đơn Ba Nguyên Gián thì nên dùng Thực-dược Cam-thảo Phụ-tử thang hoặc Nhân-sâm Tứ-nghịch thang. Theo Sơn Diền Chính Trân nên dùng Can Khương Phụ-tử thang.

Tào Gia-Đạt nói:" Ta đã từng chữa cho một thiêu-phụ họ Tống bị bệnh băng huyết, ô Hàn, trùm mèn kín nằm ngủ. Ta dùng Đại Thực Địa 4 lượng, Sinh-lộ sâm 3 lượng, Trần-bì 5 tiền. Uống xong một tê thì tay chân ấm, uống hai tê thì chún' băng-huyết ngưng chảy. Lúc đầu ta chưa bao giờ dùng i loại Quế Phụ, bởi vì ta biết rằng khi mà

*huyết-phận* được sung thì Dương-kì tự phục-hồi, chứng lạnh run cũng như thế. Ta có người bạn thường dùng Phụ-tử Lý-trung thang để trị huyết chứng, đó là vì ông ta chưa thâm hiểu cái lý nói trên. Như vậy chưa đủ gọi là có một trị-pháp hay nhất để trị chứng vong huyết."



**Điều 90: 汗家重發汗必恍惚心亂小便以陰疼與禹餘糧丸**  
Hạn gia trùng phát hàn, tất hoảng hốt, Tâm loạn, tiểu tiện dĩ Âm đông, dữ Vũ dư lương hoàn.

**Dịch nghĩa:** Một người vốn đã bị bệnh hay do mồ-hôi, gọi là **hạn-gia**. Tâm chủ huyết, mồ-hôi thuộc Tâm-dịch. Người bị bệnh này chắc-chắn Tâm hư huyết thiểu, nay nếu phát hàn thêm thì thần-khí của Tâm-chủ không biết dựa vào đâu, do đó mà tất phải hoảng-hốt và Tâm bị loạn. Vả lại, khi thần-khí của Tâm-chủ bị hư, không còn đi xuống để giao với Thận, Thận-khí cũng bị cô (một mình), do đó mà sau khi tiểu-tiện thì tiền Âm, tức niệu-quản bị đau buốt, ta dùng Vũ-du-lương hoàn để chữa.

"Kẻ ngu này xét rằng phương này đã bị thất truyền, Vương Nhật-Hưu có làm một phương để bổ-sung, dùng Vũ-du-lương, Xích Thạch-chỉ, Sinh-tử Bạch-bì, mỗi thứ 3 lượng, Xích Tiêu-đậu nửa thăng, tất cả nghiên thành bột, trộn với mật làm thành hoàn to bằng v. i dặn. Dùng 2 thăng nước sắc còn một thăng, sáng chí mỗi lần uống

*một nửa. Dù sao thì đây cũng là loại dược-phẩm nhầm lợi Thủy mà thôi, không có ý-nghĩa gì cao sâu cả."*

**Đường Dung-Xuyên** chính: "Chứng bệnh do Tâm và Thận bất giao thì rất nhiều. Tại sao ở đây chỉ thấy xuất-hiện chứng 'Âm đông: đau buốt đường niệu-đạo'? Lời thiền chú của Trần Tu-Viên cho rằng chứng Âm-dông là do thân-khí của Tâm không giao đến Thận làm cho Thận bị 'cõi một mình'. Lập-luận này mới nghe qua đường như rất tinh-tường, nhưng xét theo chứng thì không phù-hop. Ta nên biết rằng con đường niệu-quản của tiền Âm chính là con đường hạch-khieu của Bàng-quang. Khi nào Bàng-quang có đủ tân-dịch để làm nhuận cho con đường này thì tiêu-tiện lợi và nước tiểu không làm đau buốt. Nội-kinh nói: 'Bàng-quang là quan-năng của bến nước, nơi tàng-chứa tân-dịch, nhờ nơi đó mà khai-hóa mới có thể xuất ra vậy'. Chữ 'xuất' này nói lên con đường khai-hóa thành tân-dịch, bên dưới nó xuống để thành niệu-vụ làm nhòn cho niệu-đạo, bên trên nó xuất ra để làm sung cho bì-mao. Nay ta lại phát hiện thêm thì tân-dịch sẽ bị thoát ra cạn hết theo con đường bì-mao, trong lúc đó tân-dịch bên dưới niệu-đạo cũng bị kiệt luôn. Vì thế mà niệu-quản bị rít và tiêu-tiện bị đau buốt.

*Riêng chứng hoảng-hốt và Tâm loạn cũng không phải do Tâm-huyết hư thiểu, vì Tâm phiền là do huyết hư, Tâm hồi-hộp là do Dương hư, còn Tâm loạn là do Dương-khí bay vượt ra ngoài; giống với trường-hop Hỏa bức thành vong Dương là 'ho kinh hồn và phát cuồng lên vậy.'*"

Ngô Quốc-Định cho rằng chứng-trạng và phép trị chứng bệnh này qua các phương-thang, qua các nhà-chú-giải xưa nay có nhiều mâu-thuẫn. Ông nêu ra như sau:

\* Sách Y-tông-kim-giám nói: "Vũ-dụ-lương-hoàn là loại được trị-bệnh ly, không thích-hợp với chứng này. Có lẽ 5 chử này là chử thừa ở chỗ khác đưa vào đây chăng?"

\* Tào Gia-Đạt cũng đồng-ý với ý-khiến của sách Y-tông-kim-giám, đều cho rằng Vũ-dụ-lương-hoàn một mặt đã mất tích, lại nữa nó không đúng với chứng-bệnh."

Chính vì thang này bị mất tích, cho nên nhiều nhà y-học đều tạm đồng-ý với thang bổ-sung của Vương-Nhật-Hữu đã kể ra trong phần thiền-chú của Trần-Tu-Viên.



### Điều 91: 痘人有寒復發汗胃中 Bệnh nhân hữu Hán, phục phát hàn, Vị trung 冷 必 吐 虫 lanh, tất thòi hôi.

Dịch nghĩa: Không chỉ bị vong-huyết mới cầm-phát hàn, ngay như những người vốn bị chứng Hán, cũng không được cho phát hàn. Bệnh-nhân có sẵn chứng Hán, nay lại cho phát hàn. Mồ-hôi này thuộc tráp của Trung-tiêu, nay nếu phát hàn sẽ làm cho Dương-khí của Trung-tiêu càng hư-hơn, trong Vị tất bị Hán, và lại nếu trong Vị không còn Dương-Nhiệt để hóa-khí thì loại giun thuột im sẽ sinh ra, do đó người bệnh sẽ ói ra giun. Trường-hết Nhiệt mà

cũng ói ra giun thì không thuộc bệnh-lý dâ nói trên.

**Trương Lệnh-Thiệu** chú: "Trong bao nhiêu điều nói về phát hàn trong nhóm này, cuối cùng kết lại ở Vị-khí. Như vậy cho thấy không chỉ cho ói, cho xô mới làm thương đến Vị-khí mà ngay cả cho phát hàn cũng làm thương đến Vị-khí. Phép trị thương Hàn, điều quan-trọng là dùng làm tổn-thương đến Vị-khí. Nên cẩn thận."

**Trương Chi-Thông** chú: "Giun thuộc Âm-vật, nếu trong Vị không còn Dương-khí thì trong khoảnh-khắc, nó sẽ sinh ra giun và và xuất ra ngoài ngay."

**Kha Văn-Bá** chú: "Chữ 'hữu Hàn' ở đây chỉ vào một người trong lúc không bệnh cũng bị Hán thường-xuyễn. Nội bị Hán thì không thể hóa vật, âm-thực đình-trệ để rồi sinh ra giun. Nay một người có nội Hán, nếu ta lại phát hàn thêm, mà hàn được sinh ra từ cốc-khí, nếu cốc-khí thoát ra ngoài, Dương sẽ hư ở vùng Vị-hoān. Nếu không có gì để nuôi giun thì giun sẽ động đậy tràn lên, xuất ra ở miệng."

**Uông Hô** dè-nghẹ dùng Ô-mai hoàn và Lý-trung thang để chữa.

Theo Ngô Quốc-Định Ô-mai hoàn dùng để chữa trị giun, nếu lúc chưa phát hàn, ta chỉ nên dùng Lý-trung thang mà thôi.

**Ngô Quốc-Định** trình bày các chứng bị cảm phát hàn:

Tân-dịch bất túc	Hạn-gia : Dương-khí và Âm-dịch đều bất-túc, khi phát hạn thì bị hoảng-hốt, Tâm loạn, tiểu-tiền niệu đạo bị đau buốt.
	Yết-hầu khô táo: tân-dịch bất-túc.
	Lâm-gia: Thận Âm bị hao-tổn từ lâu, Bang-quang có Nhiệt, khi hạn xuất thì tiểu ra huyết.
	Ung nhợt : doanh huyết hao-tổn từ lâu, khi phát hạn thì co cắn.
Huyết khí bất túc	Máu cam: Âm hư, Hỏa viêm, khi hạn xuất thì trán bị hâm vào, mạch cấp khẩn, mắt ngó thẳng, không liếc nhìn được.
	Chứng vong huyết : khí và huyết đều hư, khi phát hạn thì lạnh run.
	Mạch trì, thân mình đau nhức : doanh-khí bất túc, không được phát hạn.
Lý bị Hàn	Dương-khí Trung-tiêu bất túc, phát hạn thì trong Vị bị lạnh, bị ói ra giun.



*Điều 92: 本發汗而復下之此爲逆也若先發汗治不爲逆本 nghịch dã; nếu tiên phát hạn, trị bất vi nghịch. Bản 先下之而反汗之爲逆若先 tiên há chi, nhi phản hạn chi, vi nghịch; nếu tiên 下之治不爲逆 há chi, trị bất vi nghịch.*

*Dịch nghĩa: Bệnh về khí ở bên ngoài, đán → phải phát*

*hạn để giải tà ra ngoài, nhưng lại cho xô, làm cho khí thoát từ trong ra. Đó gọi là trị nghịch lại. Nếu như phát hạn trước mà ngoại tà chưa giải hết, nó lại quay vào trong, nhân đó ta cho xô, đó là trị không bị nghịch. Bệnh về khí bên trong, đáng lẽ phải cho xô trước để mà trừ bên trong, nhưng ngược lại, ta lại cho phát hạn, tà thoát ra từ ngoài, đó là trị nghịch lại. Nếu như cho xô trước mà nội-tà chưa ra hết, nó đang muốn đi từ trong ra ngoài để thoát, ta nhân theo cái thế ấy mà phát hạn, đó là trị không nghịch vậy.*

Trương Lệnh-Thiệu chú:" Phần này gồm 6 điều, 4 điều đầu nói về bệnh-khí, nó sẽ theo sự xuất-nhập của chính-khí để mà xuất nhập, trong lúc đó chính-khí cũng sẽ tùy theo sự ra vào của bệnh-khí để ra vào. Ta có thể theo nội để giải, hoặc ta theo ngoại để giải, hoặc ta cứu-chữa cái lý, hoặc ta cứu-chữa cái biếu, không nên cứu-chữa nghịch lại. Năm điều đầu nói về Âm Dương được hòa thì sự xuất-nhập của chính-khí sẽ bình-thường, nhờ vậy bệnh-khí cũng theo đó để giải. Điều cuối cùng nói về khí Thái-dương đi theo khí doanh vệ để vận-hành ngoài mạch, rồi vào trong mạch."



### **Điều 93: 傷 寒 醫 下 之 繢 得 下 利**

Thương Hán, y há chi, tục đắc há lợi,  
清 穀 不 止 身 疼 痛 者 急 當 救  
thanh cốc bất ỉ, thân đồng thống giả, cấp đương cứu

裡後身疼痛清便自調者急  
lý, hậu thân đồng thống, thanh tiện tự điều giả, cấp  
當救表救裡宜四逆湯救表  
đương cứu biểu, cứu lý nghi Tứ nghịch thang, cứu biểu  
宜桂枝湯  
nghi Quế chi thang.

**Dịch nghĩa:** Thái-dương thương Hán, người thấy thuốc  
hiểu sai-làm nên cho dùng phép xô, vì xô làm cho nên  
chính-khí bị nội hâm, tiếp-tục tiêu chảy ra cơm lợn-cợn  
không ngừng. Tuy ta biết rằng toàn thân đau nhức là  
thuộc biểu, nhưng bấy giờ ta không thể hiềm gì cả, nên  
gấp rút phải cứu lý. Sau khi cứu lý, ta xét sự đau nhức  
toàn thân, ta biết rằng biểu-chứng vẫn chưa giải, nhưng  
nhi tiễn vẫn tốt vì tự điều-hòa, ta biết được lý-chứng đã  
khỏi, nên gấp rút phải cứu biểu. Khi cứu lý, ta nên dùng  
Tứ-nghịch thang nhằm phục-hồi Dương-khí; khi cứu  
biểu, ta nên dùng Quế-chi thang nhằm giải phần cơ nhục.

**Đại-ý:** Điều 93 này nói về trước cho xô và sau cho phát  
hạn, ta thấy được rằng sau khi cho xô có thể làm cho biểu  
lý đều hư, nên cứu cả biểu lẫn lý, không nên câu-nệ vào  
một thứ-tự nào cả.

**Thừa Đạm-Am chú:** "Tiêu chảy phân còn lợn-cợn, đó là  
phân vẫn chưa tiêu-hóa được, do Trường Vị bị hư Hán...  
Chữ 清 thanh có nghĩa như chữ 圊 thanh: dì cầu, dì đại-tiện, ý  
nói vào cầu tiêu để đại-tiện. Bệnh thươn, Hán, nếu cần  
phải cho giải biểu mà người thấy thuốc kỵ ho xô sai-làm,

có khi biến thành chứng tiêu chảy ra phân lợn-cợn, cũng có khi thành chứng Dương-tà hầm xuống dưới, hợp với Nhiệt để thành tiêu chảy. Trường-hợp một do hư Hàn, trường-hợp hai là do Trường Vị bị Nhiệt. Ván-dè hư, thực, Hàn, Nhiệt, tuyệt-đối khác nhau, ta phải hết sức cẩn-thận để phân-biệt. Nếu thuộc hư Hàn, ta nên làm ôn cho lý, dùng Tứ-nghịch thang làm chủ; nếu thuộc Trường Vị Nhiệt, ta nên làm thanh cho lý, dùng Cát-cân Hoàng-liên thang làm chủ.

Cùng do bị cho xổ sai-lầm mà thành bệnh, một thuộc hư Hàn, một thuộc Trường Vị Nhiệt, ta nên xét cẩn-thận thể-chất bẩm-thu tự-nhiên của người bệnh như thế nào để chữa-trị. Nếu gặp người thể-chất bạc-nhược, sự tiêu-hóa của Trường Vị không mạnh, mỗi khi gặp Phong Hàn tiêu chảy, đa số có Thấp Nhiệt; còn như những người mà ngày thường ăn quá nhiều món cao-lương, béo-bở, sẽ bị chứng tiêu chảy do Trường Nhiệt. Điều này trước hết nên cứu hư Hàn rồi sau mới giải biếu, đó là một nguyên-tắc trị-liệu quan-trọng. Nếu ôn lý nên dùng Tứ-nghịch thang, nếu giải biếu nên dùng Quế-chí thang. Dù sao, những phương thang ở đây cũng chỉ những thí-dụ tổng-quát chứ không phải là phương-pháp cố-định, bất biến."

**Mạch chúng, thiệt chúng và châm cứu:** Mạch phù mà vi, rêu lưỡi phải mỏng mà trắng. Châm *Đại-trũ*, *Khúc-trì*, *Hợp-cốc*, *Ngoại-quan* nhằm giải biếu; cứu *Thiên-xu*, *Khí-hải*, *Túc Tam-*, nhằm ôn lý.

**Ngô Quốc-Dìn** "hứa:" Đây nói về bệnh có biếu-chứng lắn

lý-chứng, ta nên tùy theo tình-huống để mà quyền-biến, tùy theo bệnh hoán hay cấp, khinh hay trọng để mà thi hành việc chữa-trị. Cái nào cấp thì làm trước, hoặc tiên biếu hậu lý, hoặc tiên lý hậu biếu, hoặc biếu lý kiêm trị..."



**Điều 94: 痘發熱頭痛脈反沉若不差身體疼痛當救其裡宜四逆湯** Tứ nghịch thang.

Bệnh phát Nhiệt, dầu thống, mạch phản trầm, nhược bất sai, thân thể đồng thống, đương cứu kỳ lý, nghi

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương bệnh, phát Nhiệt dầu thống, khi mà thống ở biếu thì mạch phải phù, nay ngược lại, mạch lại trầm. Đó là do chính-khí bị nội hư. Nếu đã cho phát hàn mà vẫn không bớt, thân mình lại đau nhức, mạch trầm là tà-khí nội phục, nên dựa vào mạch chứng để cứu cái lý, nên cho dùng Tứ-nghịch thang. Nội-kinh viết: 'Thái-dương bản Hàn mà tiêu Nhiệt', chứng này thuộc phát Nhiệt của tiêu chứ không hiện ra ố Hàn của bản, bởi vì khí của bản Hàn trầm ở bên trong, như vậy bên ngoài không có ố Hàn nhưng bên trong có chân Hàn.*

**Đại ý:** Điều 94 này nói về bệnh tại biếu mà lại đặc lý mạch, nên cứu lấy lý, không giống như điều trên, hễ thấy 'thân đau nhức' là chỉ cứu lấy biếu thôi. Khí của Thái-dương bên ngoài vận-hành ở tam Dương theo với biếu,

bên trong vận-hành ở tam Âm theo với lý. Nay bệnh thuộc biểu chứng mà lại đắc lý mạch, e rằng trầm tát kiêm vi, dẽ xảy ra tình-trạng 'lý sương kiên băng chí : di trên sương mà băng tuyết đến' vậy.

Theo Thừa Đạm-Am, câu văn này có lẽ o-sót, hàm-hồ.

Ngô Quốc-Dịnh chú:" *Biểu bệnh không hiện ra lý chứng, mạch suy dần, đó là chứng-triệu của bệnh sắp khỏi; nay nếu bệnh không giảm, đó là Dương-chứng hiện ở Âm-mạch; Nhiệt phát ra ở biểu, đó là hư Dương thoát ra ngoài; mạch trầm là thuộc Hàn tụ ở lý, chân Âm nội phục, khi Âm Dương nghịch, như vậy thân mình sẽ đau nhức. Ta nên làm ám để hồi Dương, làm tiêu Âm-khi tụ ở lý.*"

Kha Vận-Bá chú:" *Đây là Thái-dương Ma-hoàng chứng. Bệnh như đang ở biểu và mạch phải phù thì trái lại, lại trầm, đó gọi là nghịch. Nếu phát hạn mà bệnh vẫn không khỏi, thân mình đau nhức không thôi, ta căn-cứ vào mạch trầm để biết rằng bệnh đang ở lý. Dương-chứng mà hiện Âm-mạch, đó là triệu-chứng của Dương đang tiêu dần và Âm đang trường dần. Nhiệt tuy phát ra ở biểu, đó chỉ là hư Dương, Hàn lại dựa vào lý, đó là chân Âm vậy. Chắc chắn là có lý-chứng đang phục-tàng chưa hiện ra. Ta nên dựa vào biểu Dương đang còn, thửa lúc Âm chưa phát hẳn, ta dùng phép 'nghênh nhị đoạt chí' nhằm tránh được cái họa thành quyết-nghịch. Khi nào lý hòa thì biểu tự giải. Khi nào tà-khi ín-công thì khí sẽ bị hư. Nếu mạch hưu-du mà khí bất-túi theo chúng để trị, nếu chúng hưu-du mà*

mạch bất-túc, ta theo mạch để trị. Bởi vì cái gì hữu-dư túc là nó đã vay mượn để tăng thêm, chính cái bất-túc mới là chân bệnh. Đó là tâm-pháp chữa bệnh của Trọng-Cánh."

Trình Úng-Mao chú:" Điều 94 này thuộc Thiếu-âm trong Thái-dương, còn Ma-hoàng Phụ-tử Té-tan thang lại thuộc chứng Thái-dương trong Thiếu-âm. Tất cả phát ra ở Dương, nhưng bệnh ở Âm, gọi là Dương bệnh hiện ra ở Âm-mạch."

Một số nhà chú-giải cho rằng câu này có nhiều chỗ khiếm-khuyết, cần nghiên-cứu lại.



**Điều 95: 太陽先下之而不愈因**  
Thái dương, tiên hả chí nhì bất dù nhân  
**復發汗以此表裡俱虛其人**  
phục phát hạn. Dĩ thử biểu lý câu hưng, kỳ nhân  
**因致冒冒家汗出自愈所以**  
nhân trí mạo, mạo gia hạn xuất tự dù. Sở dĩ  
**然者汗出表和故也裡未和**  
nhiên giả, hạn xuất biểu hòa cõi dã. Lý vị hòa,  
**然後復下之** nhiên hậu phục hả chí.

Dịch nghĩa: Thái-dương bệnh, trước hết phải cho phát hạn, nay lại cho xổ trước, bệnh không khỏi, nhân đó mới tiếp-tục cho phát hạn. Đây là đã cho xổ và cho phát hạn sai-lầm đến nỗi biểu lý đều hưng, Âm Dương không cùng giao-tiếp nhau, người ấy có cảm-giác như vậy cuồng lộn

*ngược đến phải uất-mạo, đó là Âm hư ở dưới mà Dương xung ở trên. Người bị chứng uất-mạo, nếu mồ-hôi ra thì bệnh sẽ tự khỏi. Vì sao như vậy? Đó là vì Dương già thêm vào Âm, đắc được Âm-khí để hòa nhau, hạn xuất thì biều được hòa vậy. Bởi vì khí của biều lý cùng theo nhau, vì thế biều hòa thì lý cũng hòa, không cần phải tiếp-tục cho xổ. Nếu khi nào lý chưa hòa thì mới tiếp-tục cho xổ.*

**Đại-ý:** Điều 95 này nối tiếp điều trên nói về trường-hợp phát hạn trước, rồi sau đó mới cho xổ.

Các bản đều viết nguyên văn như chúng ta đã trình-bày trên, riêng bản của Thừa Đạm-Am lại viết khác: "Thái dương bệnh, kỳ nhân mạo, tiên há chi nhi bất dū, nhân phục phát hạn, dī thử biều lý câu hư. Nhân mạo chứng hạn xuất tự dū. Sở dī nhiên giả, hạn xuất biều hòa cō dā, đắc lý vị hòa, nhiên hậu phục há chi."

Thừa Đạm-Am cho rằng viết như các bản khác mà chúng ta đã thấy là do ở sự ngụy soạn; do ở sự bất-thông của Vương Thúc-Hòa . Ông dẫn lời của Thư Trì-Viễn lý-luận như sau: nguyên-văn viết là:

'Thái-dương bệnh' ắt phải đầu hàng cường thống, ô Hàn và phát Nhiệt.

'há chi nhi bất dū', như vậy tức rõ-ràng thuộc Thái-dương bệnh mà chưa giải.

'nhân phục phát hạn', như vậy không thể nói là không đúng, thế nhưng ở đây chúng ta không bàn đến bệnh có giải được hay không.

'dī thử biều lý c 'hư' kỳ nhân trí mạo', nội-dung của hai câu

này rõ-ràng nói về chứng mạo do mồ-hôi mà thành. Như vậy tại sao còn viết thêm câu 'hạn-gia, hạn-xuất-tự-đứ'?

'Sở dĩ nhiên giả, hạn xuất biểu hòa cõi dã'. Như vậy người ta đã phát hạn trước, nhưng tại sao biểu lại chưa hòa? Và lại Thái-dương ở đây chưa kiêm luôn Dương-minh chúng, vậy tại sao lại thêm vào hai câu rất vô lý như 'đắc lý vị hòa, nhiên hậu há chí'? Huống chi trước đã có cho xổ một lần rồi? Như vậy, lời lý-luận của Thư Trì-Viễn thật chí lý.

Thừa Đạm-Am chú thêm:" *Chữ mạo ý nói huyền mạo, ý nói chứng mà trên đầu như có vật gì thật nặng kéo xuống, đè xuống làm choáng-váng như chứng đầu thống, ta gọi đây là thực mạo. Phép trị là phải cho hạn xuất nhằm giải-tán Hán-tà bên ngoài; nếu huyết và nhiệt sung vào bên trong, vậy nếu cho phát hạn cũng có thể tự hòa được. Trường-hop nếu như chứng mạo chỉ xuất-hiện sau khi cho phát hạn hoặc cho xổ, đó gọi là hư mạo, dù cho phác hạn hoặc cho xổ đều không trị được. Trường-hop này ta nên cho dùng Cản-hiệu Bạch-truật thang. Cũng có khi do ở Trường Vị không trong sạch, trọc nhiệt chứng-cắt lên trên thành chứng mạo, đó cũng thuộc loại thực mạo, nên dùng thuốc xổ Thừa-kí thang.*"

Mạch chứng; thiệt chứng, châm-cứu; mạch phải phù, rêu lưỡi phải trắng. Châm Thương-tinh, Thái-dương, Phong-trì nhằm sơ-thông kinh-lạc ở đầu, giải-tán chứng sung huyết nhằm trị chứng mạo; châm Hợp-cốc, Kinh-cử nhằm phát hạn để giải biểu.

Ngô Quốc-Định chú:" *Thái-dương bệnh vĩ không nên cho*

xỗ. Nếu trước hết chúng ta cho xỗ một cách sai lầm, lý-khí tuy hư, nhưng biếu-tà chưa hãm. Nhân đó ta lại cho phát hạn tiếp làm cho biếu-khí hư thêm, nhưng tà vẫn chưa giải, do ở mồ-hôi bị cho xuất ra quá nhiều, thứ-tự bị xáo-trộn, thê của biếu lý đều hư, tà-khí uất-trệ, chính-khí vi-nhược không thể đạt lên trên đến đỉnh đầu. Người bệnh cảm thấy đầu và mắt như bị uất-mạo, tức là như có vật gì đó làm đảo lộn. Trường-hợp này nếu việc đại-tiện được điều-hòa thì chính-khí sẽ phục-hồi, tân-dịch được trả lại, nhờ đó tà-khí sẽ theo với mồ-hôi để giải ra ngoài, khỏi bệnh. Nếu như biếu giải mà lý vẫn chưa hòa, ta nên cho xỗ một cách nhẹ-nhang nhằm làm sơ-tán cái thực ở lý."

Trình Úng-Mao chú:" Cho xỗ trước nhưng bệnh vẫn chưa khỏi, sẽ làm mất đi Âm-dịch, nhân đó lại phát hạn thêm làm cho doanh theo vệ mà xuất ra ngoài làm hao-tán tân-dịch ở Tâm, do đó mà biếu lý cùng bị hư cả hai; tuy không có tà-khí làm nhiễu-loạn, nhưng khi bị hư thì Dương vẫn kháng lên trên, tân-dịch không còn lên đến trên để làm hòa-diệu được nữa, sẽ đưa đến tình-trạng bị uất-mạo. Phải cho hạn xuất để tân-dịch đến để làm điều-hòa, như vậy mới trù được chứng uất-mạo. Tại sao thế? Bởi vì hạn xuất thì biếu hòa vây. Ta chỉ dùng loại hòa ở biếu chứ không dùng loại phát ở biếu. Nếu lý chưa hòa, tức là cho dù Dương-khí đã quay vào trong nhưng Âm-khí vẫn chưa được trả lại đà... Loại được làm hòa cho biếu là Quê-chi già Phụ-tử thang, l. ặc Đại Kiến-trung thang..."

## Điều 96: 太陽病未解脈陰陽俱

Thái dương bệnh vị giải, mạch Âm Dương cùu

微停必先振慄汗出而解但  
vi (định) tắt tiên chấn lật, hạn xuất nhì giải; đán  
陽脈微者先汗出而解但陰  
Dương mạch vi giả, tiên hạn xuất nhì giải; đán Âm  
脈微者下之而解若欲下之  
mạch vi giả, hả chí nhì giải. Nhược dục hả chí  
宜調胃承氣湯主之  
nghi Điều Vị Thùa khí thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thái-dương bệnh, chưa giải, chẩn mạch thấy  
mạch Âm xích và Dương thốn không hiện ra đại, không  
hiện ra vi mà đều hiện ra định (?). Khi Âm Dương vận-  
hành ở giữa, sẽ biến-dịch, át trước hết thành lạnh run,  
mồ-hôi xuất ra thì bệnh giải. Đó là nếu tà-khí thực ở  
biểu thì mạch Dương thốn át phải đại hơn Âm xích, chứ  
không định lại cả hai. Giả-sử chỉ có mạch Dương thốn  
chuyển sang vi, thì bấy giờ mới định lại một lúc với mạch  
Âm xích. Khi nào Dương gặp Âm thì cho phát hạn trước  
sẽ giải. Nếu tà thực ở lý thì mạch Âm xích sẽ đại hơn  
Dương thốn và sẽ không cùng định lại. Giả sử chỉ có mạch  
Âm xích chuyển sang vi, bấy giờ nó mới cùng với Dương  
thốn định lại, đây là Âm gấp Dương. Ta cho xổ bệnh sẽ  
giải. Nếu có cho xổ cũng không nên thái, chỉ nên

## dùng Điều Vị Thừa-khi thang làm chủ.

**Đại-ý:** Điều 96 này nói về phép cho xổ hoặc cho hạn là để hòa Dương. Về nguyên-văn, chúng ta thấy có sự khác nhau giữa các bản in: có bản viết là 'mạch Âm Dương câu định' nhưng có bản lại viết là 'mạch Âm Dương câu vi'. Văn-dề này hy-vọng sẽ được nghiên-cứu lại sau.

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Thật khó mà giải được những chứng bệnh nếu cả hai mạch cùng vi. Lời thiền chú của Trần Tu-Viên thêm vào hai chữ giả sử và chuyển sang là để giải-thích một cách gượng ép. Dù sao đi nữa, khi phải thêm chữ vào để giải-thích cũng rất khó mà giữ được nguyên-ý của nguyên-văn. Chúng ta thử đọc lại nguyên văn: 'Âm Dương câu định'. Chữ 停 定 đều đủ cho ta thấy rằng Dương-mạch chủ biếu, chủ vệ-khí, còn Âm-mạch chủ lý, chủ doanh-huyệt. Chữ 'câu định' ý nói biếu lý, doanh vệ đều được hòa, doanh và vệ tương-hợp nhau. Chúng lạnh run, nếu hạn xuất thì bệnh được giải, đó là ý-nghĩa của doanh vệ được hòa vây.... Tiếp theo là nói về doanh vệ bất hòa, mạch không '停均定 quân'. Nếu chỉ có Dương-mạch vi, đó là vệ bất hòa, vì thế nên cho phát hạn trước, làm cho vệ được hòa, bệnh được giải; nếu chỉ có Âm-mạch vi, đó là doanh bất hòa, vì thế nên cho xổ, làm cho doanh-huyệt được hòa-sướng, bệnh sẽ khỏi. Văn-pháp của Trọng-Cánh đại-chỉ là nhu thế. Duy có điều là, toàn bộ sách của Ông, những chỗ nói về mạch vi đều không có cho phép được phát hạn và c  $\rightarrow$  xổ. Vậy mà ở đây, mạch vi mà lại cho

phép phát hạn và cho phép xổ. Cái lý của nó thật không thể hiểu nổi, có thể do ở sao chép có sai-lầm chăng? Hoặc có thâm-nghĩa nào đó còn chờ chúng ta nghiên-cứu thêm?"

Thừa Đạm-Am chú:" Thái-dương bệnh, biều-chứng chưa giải, mạch ở Thủ Túc, Âm Dương đều vi, tất phải lạnh run lên, chứng nào hạn xuất mới giải. Nếu chỉ có mạch Thốn-khẩu ở tay vi, ta nên cho phát hạn trước để giải bệnh. Trường-hợp cần xổ, ta cho dùng Điều Vị Thừa-khí thang.

Chữ "định" trong câu 'mạch Âm Dương câu định' phải sửa lại là 'vi'. Câu văn kế-tiếp viết là "Âm mạch vi", 'Đương mạch vi' dù để chứng-minh điều này. Nếu mạch ở đây quả thực là định, tức là mạch đã tuyệt rồi. Chữ Âm trong câu 'mạch Âm Dương' nói về mạch Phù-dương thuộc kinh Thiêu-âm; chữ Dương là nói về mạch Thốn-khẩu thuộc kinh Thái-âm..."

Ngô Quốc-Định chú:" Chữ 'vi' trong câu 'mạch Âm Dương câu vi' bản xưa viết là 佛 định. Thành Võ-Kỳ cho rằng đây có nghĩa là điều-hòa, một số người khác cho là định chỉ. Ý-nghĩa nào cũng thông, nhưng nên sửa lại là vi thì đúng hơn.

Cái gọi là 'Thái-dương bệnh vi giải' ý nói các chứng đầu hàng cường-thống, phát Nhiệt, ô Hàn, ô Phong ... vẫn còn. Bấy giờ đáng lẽ mạch phải phù. Nay nếu hai mạch Thốn và Xích đều vi, đó là bệnh-nhân vốn có bẩm-chất hư-nhược, chính-khí tương-tranh với tà-bệnh, nó kháng tà và xuất ra ngoài. Khi doanh-vệ bị uất-tụ không thể xuất ra ngoài được, nhân đó mà mạch n hụp nhẹ, yếu như có như không. Ông Hà Mộng-Dao nói: Người xưa i mạch vi thuộc

phù'. Ông Đông Tây-Viên nói: Phàm khi nào mạch không nhịp mạnh vào đầu ngón tay, mạch-thể tồn-tiểu, tức là mạch vi'. Vì thế điều 96 này nói mạch vi, nên hiểu là phù nhược vô lực. Biểu bệnh mà hiện vi-mạch, đó là chính-khí hư trước, chính-khí cùng tranh với tà-khí, vì thế mà phải lạnh run lên, tuy có hạn xuất nhưng sự suy-nhuược của chính-khí không thể đuổi tà ra ngoài. Nếu mạch Thốn vi, đó là tà-khí trệ ở biểu, cái thể của bệnh là hướng ra ngoài, ta có thể dùng loại được-tế phát hàn để giải; nếu mạch Xích vi, đó là tà-khí trệ ở lý, cái thể của bệnh là hướng vào trọng, ta có thể dùng phép xổ để giảm bớt cái thể của bệnh, nên dùng Điều Vị Thừa-khí thang nhằm đuổi tà-khí đang hâm bên trong."

Thành Vô-Kỳ chú:" Mạch Âm Dương đều định, không nghiêng bên nào, đó là Âm Dương được hòa. Nội-kinh nói: 'Ba bộ vi Thốn-khẩu, Quan-thượng, Xích-trung mà đại tiểu, phù trầm đồng dǎng nhau, đó là mạch Âm Dương hòa-bình, tuy có bệnh nặng cũng khỏi'. Nay mạch Âm Dương đang hòa, nếu lạnh run, cho phát hàn thì giải. Nếu Dương mạch vi: Dương bất-túc, Âm hữu-du. Nội-kinh nói: 'Dương hư Âm thịnh, cho phát hàn là khỏi'. Nếu Âm-mạch vi, đó là Âm bất-túc còn Dương hữu-du. Nội-kinh nói: 'Dương thịnh Âm hư, cho xổ là khỏi'."

Uông Hê chú:" Chữ 'vi' trong chữ 'mạch vi' không có nghĩa là vi nhược, mà chính là tà-khí làm trệ để mạch-dạo thành nhỏ mà phục thấp xuống; nếu tà trệ ở kinh thì biểu-khí không điều-hòa và thông-đạt được. Vì thế nếu gọi là Dương-mạch đó là tà trệ ở phủ, lý khi không còn thông-

sương; nếu gọi là Âm-mạch vi, đó là hạn xuất thì giải. Trọng-Cảnh không có đưa ra phương-thang để trị. Sách Thiên-kim phương nói: nên dùng Qué-chi thang."

Ngô Quốc-Định chú:" Chữ 微 vi thì nguyên-tác viết là 停  
định. Nay xin sửa lại là định."



**Điều 97: 太陽病發熱汗出者此  
謂營弱衛強故使汗出欲救  
邪風者宜桂枝湯**  
Thái dương bệnh, phát Nhiệt, hạn xuất giả, thử  
vì doanh nhược, vệ cường, có sử hạn xuất, dục cứu  
tà Phong giả, nghi Qué chi thang.

Dịch nghĩa: Thái-dương gây bệnh, lúc nào cũng phát Nhiệt, hạn tự xuất ra, nên chủ-trọng đến doanh-vệ. Bởi vì mồ-hôi trong thân-thể con người là do doanh trong mạch làm chủ, và do vệ ngoài mạch gìn-giữ. Đây là trường-hop doanh-khí bị vệ-khí nhập chung vào, cho nên phải nhuộc, còn vệ-khí bị tà-phong vào ô-khách cho nên bị cường. Và vì bị cường cho nên mồ-hôi không còn làm chủ nữa, vì bị cường cho nên mồ-hôi không còn vững-vàng nữa, tà-phong sẽ làm hại, vì thế sẽ khiên cho mồ-hôi xuất ra. Muốn cứu-trị được khỏi bị tà-phong, ta nên dùng Qué-chi thang nhằm điều-hòa doanh-khí và vệ-khí.

**Đại ý:** Điều 97 này nói về tà-khí của Thé luồng xuất-

nhập nội ngoại theo con đường của doanh vê.

**Đường Dung-Xuyên bô:** "Lời thiên-chú của Trần Tu-Viên  
đối với điều (97) này thật là tinh-tường. Thành Vô-Ký chủ-  
trương 'Phong thương vê', qua điều này, rõ-ràng là sai-lầm.  
Trong-Cảnh nói rất rõ rằng tà-phong thương doanh sẽ làm  
cho doanh-khí bị nhược."

**Thùa Đạm-Am** chú:" Bệnh 'phát Nhiệt hàn xuất' tức là trúng  
Phong. Đây là do doanh-khí bị nhược, ý nói doanh-khí bị  
hư. Mà doanh chủ về gìn-giữ bên trong (nội thủ). Khi nó  
hư sẽ không thể thu-nạp Âm-dịch, đến nỗi phải tiết-thoát  
ra ngoài thành ra mồ-hôi.

Chữ 'vệ cường' ý nói vệ-khí bị cường, mà vệ thì chủ về  
làm chủ bên ngoài. Khi ngoại-khí bị cường thì lỗ mồ-hôi  
hở ra, mồ-hôi sẽ theo đó mà thoát ra ngoài. Quê-chi thang  
diều-hòa doanh-vê, dẫn huyết vào trong, do đó nó có thể  
làm dứt mồ-hôi, giải được cơ-biêu."

**Ngô Quốc-Định** nhận-xét:" Lý-thuyết về doanh-vệ xuất ra  
từ Linh-khu và Nan-kinh. Đó là một lối nói khác đi về  
khí-huyết. Thương-hàn luận có nói nhiều lần về doanh-vệ,  
nhưng không thấy nói đến khí-huyết, vì thế cũng không có  
nói đến phép trị. Vì nó xuất ra ở Linh-khu và Nan-kinh,  
cho nên người sau phô-diển ra cho rằng bệnh thương Hàn  
thuộc Âm-tà, thuộc doanh-phận. Người ta phổi Ma-hoàng  
ở doanh, và phổi Quê-chi ở vệ. Tuy nhiên, việc vận-dụng  
Ma và Quê trong phép trị bệnh thật bao-la, uyển-chuyển.  
Ta nên chú ý."

**Điều 98: 傷寒五六日中風往來**

Thương Hàn ngũ lục nhật, trúng Phong vāng lai

寒熱胸脅苦滿默默不欲飲  
Hàn Nhiệt, hung hiếp khổ mǎn, mặc mặc bất dục ẩm  
食心煩喜嘔或胸中煩而不  
thực, Tâm phiền hỉ ầu, hoặc hung trung phiền nhi bất  
嘔或渴或腹中痛或脅下痞  
ầu, hoặc khát, hoặc phúc trung thống, hoặc hiếp hạ bī  
硬或心下悸小便不利或不  
ngạnh, hoặc Tâm hạ quý, tiểu tiện bất lợi, hoặc bất  
渴身有微熱或咳者小柴胡  
khát, thân hưu vi Nhiệt, hoặc khái giả, Tiểu Sàì hò  
湯主之 thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương Hàn đến năm sáu ngày, đó là kinh mạch đã chuyển xong một chu kỳ khí vừa đến Quyết-âm, vì lúc đó khí trung hiện là Thiếu-dương chủ về khu-chuyển. Thương Hàn như thế, trúng Phong cũng như thế. Chứng của nó là vāng lai Hàn Nhiệt, đó là tình-trạng khu-chuyển của Thiếu-dương. Ngực là bộ-vị của Thái-dương, hông sườn là bộ-vị của Thiếu-dương. Khi mà Thái-dương không có đường để xuất ra và khi mà Thiếu-dương không còn đóng vai chốt của xoay thì người bệnh sẽ trở thành khổ mǎn. Chủ 默mặc gồm chủ 黑 và chủ 黑 hắc,

đó chính là cái hỏa bị ẩn-lấp, bị uất, không thể mở rộng ra, vì thế sẽ làm cho dáng-diệu người bệnh bị dày-dàu. Đó là Mộc và Hỏa bị uất bên trong, đến nỗi làm cho Vị-lạc bị bất-hòa, vì thế nên người bệnh không muốn ăn uống. Mộc và Hỏa giao-kháng, vì thế Tâm bị bứt-rứt. Mộc thích được điều-hòa và thông-đạt, thăng lên trên, vì thế thường hay ói. Như vậy bệnh-khi thì ở tại Thái-dương, còn mê-khi thì ở tại Quyết-âm. Khi trung-hiện của Quyết-âm chính là Thiếu-dương chủ về khu-chuyển. Bởi vì Thiếu-dương du-hành ở Tam-tiêu, bên ngoài tạng-phủ. Mười một tạng-phủ còn lại đều được "quyết" ở Thiếu-dương, vì thế nó sẽ xảy ra kiêm thêm 7 chứng khác nhau: hoặc khí làm mê ở Tâm mà không làm mê ở Vị, sẽ làm cho ngực bứt-rứt mà không ói; hoặc khí làm mê Táo-khi của Dương-minh, sẽ làm cho khát; hoặc khí làm mê ở Tỳ của Thái-âm, sẽ làm cho trong bụng bị thống; hoặc khí làm mê ở Can của Quyết-âm, sẽ làm cho dưới hông sườn bị căng cứng có khói; hoặc khí làm mê ở Thận của Thiếu-âm, sẽ làm cho dưới Tâm bị hồi-hop mà tiêu-tiện bất-lợi; hoặc khí Thái-dương mượn con đường khu-chuyển của Thiếu-dương trong cái thể để hướng ra ngoài, sẽ không khát, thân mình bị vi Nhiệt, hoặc bị ho, đó là bị mê ở Phế của Thái-âm. Ông Các huyệt kinh du đều nằm ở dọc theo hai bên sống lưng, do Thái-dương làm chủ. Khi của ngũ tạng xuất ra ở ngực, cũng thuộc Thái-dương. Nay khi của Thái-dương bị nghẹt ở ngực mà không thể xuất ra ngoài được, tuy nó không c -động đến chân tạng hữu hình bên trong,

*nhưng nó cũng can-động đến khi tang vô-hình bên ngoài để rồi biểu-hiện ra các dạng biến-chứng của ngũ tang ra ngoài. Nếu không có sự vũng-vàng của thế-lực của Thiếu-dương khu-chuyển thì tà-kì can-phạm vào người sẽ không bị đuổi ra ngoài được. Vậy ta nên dùng Tiều Sài-hồ thang nhằm tạo ra sự khu-chuyển làm chủ.*

**Đại-ý:** Điều (98) này bàn về khí Thái-dương không thể xuất-nhập dễ-dàng từ ngực, nó bị nghịch trong khoảng hung-cách, vì thế nó có thể muộn con đường khu-chuyển của Thiếu-dương để xuất-nhập dễ-dàng.

**Trương Tiền-Đường** nói: "Phần này gồm 15 điều, đều kết-luận về những chứng-trí thuộc Sài-hồ thang. Tiều Sài-hồ thang làm điều-dạt khí của Thái-dương, tức là làm cho khí Thái-dương xuất-nhập từ con đường của Thiếu-dương khu-chuyển. Điều cần nhớ là vai trò của Sài-hồ ở đây không phải là giải khí của Thiếu-dương, vì thế mới tùy theo chứng mà gia-giảm. Ông Lý Sĩ-Tài nói rằng Sài-hồ là loại dược-phẩm dẫn kinh Thiếu-dương, nếu như bệnh ở tại Thái-dương mà dùng một cách sai-lầm sớm hơn thì sẽ có khi dẫn 'tặc' giặc vào nhau. Kẻ nào không nhận-định rõ-ràng thì thật là nguy-hiểm."

**Đường Dung-Xuyên** bô: "Nội-kinh nói: Thiếu-dương đóng vai khu (chốt cửa). Trên thực-tế lâm-sàng, ta thấy quả thực có chứng bệnh gọi là khu. Nội-kinh lại nói: Mười mốt kinh còn lại đều nhận lấy quyết của Thiếu-dương. Trên thực-tế lâm-sàng, ta thấy quả thực có chứng bệnh ở con đường quyết đó. Bởi vì

chữ 'quyết' có nghĩa là 'quyết Thủy: vạch một đường rãnh để nước chảy thông nhau'. Ví như một ống nước được thông thì nước sẽ chảy thông, không bị nghẽn. Nói khác đi, sự vận-hành thông-sướng của 12 kinh đều do con đường của Thiếu-dương. Thiếu-dương ở đây là muôn nỗi đền Tam-tiêu. Tam-tiêu là các màn mõ giăng khắp chu thân.. Cái gốc của Tam-tiêu xuất ra từ Thân-hệ. Rồi từ Thân-hệ, các lớp mõ và màn mõ được sinh ra từ dưới hông sườn và dưới bụng, nó sẽ bao-bọc và kiên-iết khắp từ Tiêu-trường, Đại-trường, Bàng-quang. Bên trên, nó lên để sinh ra các màn mõ ở Can và Đòm, từ đây, nó sẽ sinh ra cách-mạc ở trước ngực, trừ bên trong lòng ngực lên trên bao-bọc Phê-hệ và Tâm-hệ, đặc-biệt là Tâm-bào-lạc. Nó lại lên trên sinh ra màn ở yết-hầu... Đó là con đường di của phủ Tam-tiêu ở bên trong thân mình. Cũng từ đó, nó xuyên ra bên ngoài với cân-cốt, sinh ra lớp 'phì-nhục: thịt mõ. Lớp trong của thịt mõ là bắp thịt nạc. Giữa lớp thịt mõ và thịt nạc là một lớp màn mõ nhăn-nheo (văn-lý). Đó là con đường của doanh-vệ xuất nhập uỷ. Ta cũng gọi đó là tấu-lý.

Tấu-lý chính là 'biểu: bên ngoài' của Tam-tiêu. Khi nào tà-khí ở tấu-lý, nó sẽ tranh nhau với Dương-vệ sẽ gây thành Hán; và khi nào nó vào trong tranh với Âm-doanh sẽ gây thành Nhiệt. Cho nên tình-trạng Hán Nhiệt vãng lai ở vùng ngực, cũng sẽ xảy ra ở các màn mõ giăng khắp vùng đó. Khi tà-khí ở tại cách-mạc, nó sẽ gây nên tình-trạng ngực và hông sườn bị 'tỷ-ù (khô mõ).

*Thiêu-duong Đồm Hỏa du-hành trong khoảng của Tam-tiêu, bên trong nó thông với Tâm-bào-lạc. Khi mà Hỏa bị uất, không còn thông-dạt, nó sẽ làm cho người bệnh có thái-độ đau-dàu. Phàm khi con người uống nước, nước sẽ từ Vị tán-nhập vào cách-mạc. Bên dưới nó tán vào các mản mõ để nhập vào Bàng-quang. Phàm khi con người ăn vào, thức ăn sẽ hóa thành chất trấp-dịch, từ trong ruột xuất ra vào các mản mõ để rồi đạt đến ngũ tạng. Khi tà-khí vào để ở tại các mản mõ sẽ làm cho Thủy không đi xuống dưới được, vì thế người bệnh sẽ không muốn uống nước. Chất trấp-dịch không tiêu-hành sẽ làm cho người bệnh không muốn ăn.*

*Chữ Tâm bứt-rút là do Tương-hỏa của Tam-tiêu vào trong hợp với Tâm-bào-lạc. Chúng thường hay ói là do Tam-tiêu thuộc phủ hành Thủy mà nay Thủy không xuống bên dưới được, do đó nó đi ngược lên trên để ói ra. Có thể nếu chỉ hợp với Tâm Hỏa gây nên chúng bứt-rút ở ngực mà thôi, chứ Thủy không bị thương-nghịch thì không bị ói; hoặc nếu Hỏa của Tam-tiêu có thể làm tiêu được Thủy thì sẽ khát nước; hoặc khí trong Can-cách bức vào trong bụng và trong mản mõ, sẽ làm cho bụng bị đau; hoặc tà-khí kết ở hai mạn mõ bên hông sườn, sẽ làm cho dưới hông sườn bị căng cứng có khói; hoặc tam-tiêu bị Hỏa nhược mà Thủy thịnh, Thủy-khí nghịch lên trên trong khoảng mản mõ của cách-mạc dưới Tâm, sẽ làm cho dưới Tâm bị hồi-hộp; hoặc phủ tam-tiêu không Nhiệt thì khát g bị chúng tiêu-*

khát. Nhưng nếu tà-khí ở tại biếu của tam-tiêu, bức vào trong vùng của tấu-lý sẽ làm cho thân mình bị sốt nhẹ; hoặc nếu tà-khí di từ màn cách lên đến Phế, xung vào yết-hầu sẽ sê thành chứng đàm Hỏa, khi nó phạm vào Phế thì sẽ bị ho.

Nói tóm lại, tất cả đều do Thủy Hỏa trong các màn mõ của tam-tiêu bị uất mà gây thành các chứng bệnh kè trên. Ta dùng Tiểu Sài-hồ thang nhằm 'lán Hỏa, giáng Thủy' làm chủ để chữa các chứng bệnh trên. Tuy nhiên, chúng ta còn phải tùy theo mỗi chứng xuất-hiện để gia-giảm thì kết-quả sẽ tốt hơn. Rất tiếc là lời thiền-chú chưa nói rõ từng trường-hợp một, chỉ dẫn lời của Nội-kinh để phát-hoa mà thôi. Ta có thể biết được chúng là 'nhiên: như thế' 'nhưng biết được cái 'sở dĩ nhiên: tại sao như thế ? : "

Thừa Đạm-Am chú-giải cũng như nhiều nhà khác, nhưng ông nhấn mạnh:" Câu 'vãng lai Hàn Nhiệt ở đây khác với chứng Hàn Nhiệt' trong 'phát Nhiệt ố Hàn' của Thái-dương bệnh. Bởi vì Hàn Nhiệt của Thái-dương chứng trong lúc ố Hàn thì thân vẫn Nhiệt, trong lúc phát Nhiệt vẫn ố Hán. Còn ở đây, trong lúc ố Hán thì thân không Nhiệt, trong lúc phát Nhiệt thì không ố Hán. Hết Hán thì Nhiệt, hết Nhiệt lại Hán: một đi một đến, vì thế gọi là 'vãng lai', đó là chứng-trạng đặc-biệt của Thiếu-dương . Tuy nhiên, chứng-trạng này khác với chứng bệnh 'ngược: sốt rét'. Bởi vì chứng sốt rét xảy ra có định-kỳ: có khi một ngày xảy ra một lần, hoặc hai đến ba " "tày xảy ra một lần, không nhất định gì

cả. Bệnh xảy ra ở bán biếu bán lý..."

**Mạch-chứng, thiết-chứng, châm-cứu:** Mạch phải huyền sác, lưỡi chất hồng, rêu trắng hoặc vàng mỏng không đều trên lưỡi. Châm huyệt Kỳ-môn: sơ-thông kinh-lạc của Tỳ và Can, đây là huyệt chủ-yếu của Thiếu-dương, châm huyệt Đại-chùy, Gián-sứ: trị Hàn Nhiệt vãng lai; châm huyệt Túc Lâm-khấp: dẫn Thủy-khí đi xông từ hông sườn, hoặc làm giảm chứng bī-mān ở hông sườn và ngực.

Ngoài ra nếu châm Gián-sứ, Nội-quan: trị khai-thông lồng ngực, trị Hỏa uất; châm Thượng-hoãn, Túc Tam-lý làm giáng chứng Vị nghịch và chứng bứt-rứt ở ngực, dứt ói; châm Nội-quan, Lao-cung dứt chứng khát; châm Liêm-tuyễn, Phục-lưu làm thăng tân-dịch, dứt chứng phúc thống; châm Thiên-xu, Khí-hải nhằm sơ-thông khí của bụng; châm Cụ-khuyêt làm giáng Thủy nghịch, khai két ở ngực; châm Ngoại-quan, Khúc-trì, Hợp-cốc nhằm trị thân mình hữu Nhiệt; châm Xích-trạch, Thái-uyên nhằm tuyêt Phế-khí, dứt ho."

### 39 : Tiêu Sài-hồ thang phương: 小柴胡湯方

**Sài-hồ** (nửa cân)

**Hoàng-cầm** (3 lượng)

**Nhân-sâm** (3 lượng)

**Cam-thảo** (3 lượng)

**Bán-hạ** (nửa thăng, rửa sạch)

**Sinh Khuong** (3 lượng, cắt miếng)

**Đại Táo** (12 quả, bỏ ra)

Tất cả 7 vị trên, dùng nước 1 đấu 2 thăng, sắc còn 6 thăng, bỏ xác, rồi sắc thêm còn 3 thăng, uống ấm 1 thăng, ngày 3 lần. Dưới đây là phương gia giảm:

- \* Nếu trong ngực bút-rút mà không ói, bỏ Bán-hạ, Nhân-sâm, gia Quát-lâu thực một quả.
- \* Nếu khát nước, bỏ Bán-hạ, gia Nhân-sâm, hợp chung lại thành ra 4 lượng ruối, Quát-lâu 4 lượng. Nếu trong bụng đau, bỏ Hoàng-cầm, gia Thược-dược 3 lượng.
- \* Nếu dưới hông bì mẫn, bỏ Đại-táo, gia Mẫu-lệ 4 lượng.
- \* Nếu dưới Tâm bị hôi-hộp, tiểu-tiện bất-lợi, bỏ Hoàng-cầm, gia Phục-linh 4 lượng.
- \* Nếu không khát, bên ngoài có sốt nhẹ, bỏ Nhân-sâm, gia Quế 3 lượng, uống ấm cho ra mồ-hôi nhẹ, bệnh khỏi.
- \* Nếu ho, bỏ Nhân-sâm, Đại Táo, Sinh Khương, gia Ngũ-vị-tử nửa thăng, Can Khương 2 lượng.

Trong Lệnh-Thiều giải phương:" Khi Thái-dương không thể xuất-nhập theo con đường của ngực, nó bị nghịch trong khoảng ngực và hông sườn, bên trong nó can-động ở tạng-kí, nên biết rằng chỉ có con đường khu-chuyển của Thiếu-dương để khi Thái-dương thoát được ra ngoài mà thôi.

Sài-hồ tháng hai sinh chồi non, đó là nó cảm khí nhất Dương sơ sinh. Mùi thơm của nó lên trên đạt thăng đến mây xanh trên Trời. Nó lại bẩm-thụ khí của Thái-dương, vì thế nó có thể theo con đường khu-chuyển của Thiếu-

*dương để đạt được khí của Thái-dương.*

*Bán-hạ sinh ra chồi non vào giữa mùa hạ, nó cảm khí của nhất Âm sơ sinh, nó tựa vào Âm-khí đang thăng lên.*

*Hoàng-cầm khí vị khô Hàn, bên ngoài thực, còn bên trong rỗng, nó có thể giải được ngoại Nhiệt trong thân.*

*Cam-thảo, Nhân-sâm, Đại Táo trợ cho Tỳ Thổ ở Trung-tiêu, do đó khí sẽ từ trong đạt được ra ngoài. Sinh Khuông đóng vai tán và tuyên-thông.*

*Đây là phương đi từ nội ra ngoại. Ké ngu này xét rằng tuy nguyên văn điều này được liệt vào phần của Thái-dương, đó là vì vô-luận thương Hàn, trúng Phong, trong thời-gian 5 hay 6 ngày, kinh-khí đi hết một vòng thì phải trở lại Thái-dương. Bệnh 'vâng lai Hàn Nhiệt' thuộc về Thiếu-dương. Đây là trường-hợp mà phương thang phải đưa khí của Thái-dương theo con đường khu: chốt cửa' để đi từ trong ra ngoài, chứ không phải là giải bệnh cho Thiếu-dương. Phần lớn các nhà chú-giải đã đưa nó vào Thiếu-dương thiên, đó chẳng qua là nhầm-lẫn vây.*

\* hoặc 'giữa ngực phìền', đó là tà-khí xâm-nhập vào chỗ quân-chủ, ta bỏ Bán-hạ, tức là bỏ cái Táo.

\* hoặc 'không ói', đó là trong Vị được hòa, không bị hú, ta bỏ Nhân-sâm (bỏ cái bỏ), gia Quát-lâu thực khô Hàn, dẫn Hỏa Nhiệt giảm xuống.

\* hoặc 'khát nước', đó là Dương-minh Táo Kim thịnh, ta

*bỏ cái vị tân của Bán-hạ, bởi Nhân-sâm nhầm sinh tân-dịch, gia Quát-lâu căn nhầm dấn Âm-dịch thăng lên trên.*

\* hoặc 'phúc trung thống', đó là tà-khí can-động đến Trung Thổ, ta bỏ cái khổ Hàn của Hoàng-cầm, gia Thuộc-duoc nhầm làm thông Tỳ-lạc.

\* hoặc 'dưới hông suồn bị khói cúng', đó là Can-khí của Quyết-âm không thư-suồng, ta gia Mẫu-lệ, tức là dùng cái thuần 'mẫu: thuần giống đực' nhầm phá được cái 'tân: giống cái' của Can, vì vị của nó hàm, có thể làm mềm được cái cứng-rắn, nó kiêm trừ được cái bì-mẫn dưới hông suồn; ta bỏ tính can-hoan của Đại Táo, vận-hành nhanh hơn.

\* hoặc 'dưới Tâm bị hồi-hộp', tiều-tiện bất-lợi, đó là Thủy-khí thừa lên trên, làm cho dưới Tâm bị tích Thủy, ta bỏ Hoàng-cầm, vì sự hàn-khổ sẽ làm thương đến Quân-hóa, gia Phục-linh nhầm bảo-vệ Tâm-khí để chế Thủy-tà.

\* hoặc 'không khát, thân mình hơi sờ', đó là bệnh vẫn còn ở Thái-dương, cho nên không cần Nhân-sâm để sinh tân-dịch, ta gia Quê-chi nhầm làm cho xuất mồ-hôi nhẹ.

\* hoặc 'khái: ho' sẽ làm thương Phé. Phé-khí nghịch lên trên gia thêm cái Nhiệt của Can Khương, nhầm làm ấm Phé. Dùng tính liễm của Ngũ-vị giáng nghịch khí. Phàm chứng ho phải bỏ Nhân-sâm, đó là bí-thuật của Trường-sa Thái-thú Trường Trọng-Cảnh. Đã có cái ôn của Can Khương, thì không dùng cái tán của Sinh Khương; đã có cái liễm của Ngũ-vị thì không cần cái hoan của Đại Táo."

Đường Dung-Xuyên giải phương:" Sài-hồ mà Trương Trọng-Cảnh dùng đều thuộc vùng Tú-xuyên tròng. Thân nó thẳng đứng, giữa ruột rỗng. Nó có tác-dụng thông Tam-tiêu (tức các mèn mõi); sắc nó thanh, khí nó thơm. Nó sinh ra vào mùa xuân, và lớn lên vào mùa xuân, nó bẩm-thu được khí Thiếu-dương của Trời Đất, nó khác với các loại Sài-hồ tròng ở các nơi khác. Bởi vì các loại Sài-hồ khác tính rất liệt (nồng, đậm-đặc), không thuộc về tính của Thiếu-dương. Nếu ta dùng bùa-bài có thể thương-tồn đến khí của con người, còn hơn cả Khuong-dộc-hoạt. Người đọc sách của Trọng-Cảnh, thấy Trọng-Cảnh dùng Sài-hồ của Tú-xuyên mới biết được sự vi-diệu của ông trong việc dùng thuốc."



### Điều 99: 血 弱 氣 罢 腰 理 開 邪 氣

Huyết nhược khí tận, tẩu lý khai, tà khí

因 入 與 正 氣 相 搏 結 於 脊 下

nhân nhập dứ chính khí tương bác, kết ư hiệp hạ.

正 邪 分 爭 往 來 寒 热 休 作 有

Chính tà phân tranh, vãng lai Hán Nhiệt, hưu tác hưu

時 默 默 不 欲 時 臟 脍 相 連 其

thời mặc mặc bất dục thực, tạng phủ tương liên kỳ

痛 必 下 邪 高 痛 下 故 使 嘘 也

thông tắt há. Tà cao thông hạ, có sử ầu dâ.

小柴胡湯主之服柴胡湯已

Tiểu Sài hò thang chủ chi. Phục Sài hò thang dĩ.

渴者屬陽明也以法治之

khát giả, thuộc Dương minh dã, dĩ pháp trị chi.

**Dịch nghĩa:** Điều trên nói về bệnh của Thái-dương, chuyển đúng vào giai-đoạn của kinh Quyết-âm. Khi trung-hiện của Quyết-âm là Thiểu-dương. Khi Thiểu-dương chủ về 'khu: chót của'. Bệnh Thái-dương này phải nhở chót của Thiểu-dương chuyển ra ngoài. Nội-kinh nói: 'Thiểu-dương bên ngoài chủ về tấu-lý, bên trong chủ về Tam-tiêu.' Tấu có nghĩa là nơi thông-hội của nguyên-khí và chân-khí, là nơi mà huyết-khí rót vào. Nay huyết nhuộm, khí tận, như vậy át tấu-lý tự mở ra. Tà-khí mà Thái-dương đang nhận lấy, nhân lúc khí-huyết đang hư đê mà nhập vào. Tà-khí, thế là, cùng với chính-khí của Thiểu-dương, cả hai cùng tranh nhau, đê rồi kết lại dưới hông sườn là nơi bộ-vị của Thiểu-dương. Chính và tà ở vào thế bất-lưỡng-lập, át sẽ phân-tranh. Chính-khí thắng thì Nhiệt, tà-khí thắng thì Hàn, khi đang phân-tranh thì sẽ vãng lai Hàn-Nhiệt. Chúng ly hợp vô định, và chúng ngưng lại hoặc xảy ra theo đúng với thời. Nội-kinh nói: 'Thiểu dương chí thượng, Tường-hỏa chủ chi'. Ở đây khi Dương-mình Hỏa bị uất không thu-thái được, tượng của nó là người bệnh tỏ ra buồn đau-dầu. Thái-độ dầu-dầu chính là chứng chuyển-hiện của Thiểu-ương.

*Chúng 'không-muốn ăn-uống' là do Mộc-khí bị uất bên trong, làm cho Vị-lạc bất-hòa. Vì bị bệnh sẽ ảnh-hưởng đến Tỳ. Các mản mõ của tạng phủ vốn cùng liên-lạc với nhau. Khi mà Tỳ bệnh thì sự đau nhức xảy ra ở dưới, tức là cái mà trước đây gọi là 'phúc trung thông' uệ. Tuy nhiên, đã nói là phúc trung thì không thể là 'hở' bên dưới' được. Nay ta thấy Vị-tà nằm ở chỗ cao thuộc Vị-hoān, uệ mà sự đau nhức lại nằm ở phía dưới. Tà-khí ở cao sẽ làm cho bị ỏi. Ta dùng Tiêu Sài-hồ thang làm chủ, tức là dùng cái thể khu-chuyển của Thiếu dương để điều-đạt khí của Thái-dương. Nếu sau khi uống xong Sài-hồ, mà ngược lại, lại bị khát nước, đó là khi Thái-dương chưa thể giải được qua con đường của khu-chuyển của Thiếu-dương, để rồi chuyển thuộc vào con đường Táo-hóa của Dương-minh. Ta cứ theo phép dùng Bạch-hồ gia Nhân-sâm thang để trị.*

**Đại-ý:** Điều 98 trên nói về khí của Thái-dương nghịch ở giữa ngực làm động đến khí của ngũ tạng. Điều này lại nói về khí Thái-dương kêt ở dưới hông sườn làm thương đến Thái-âm và Dương-minh, ta cũng phải nhờ vào con đường khu-chuyển của Thiếu-dương để chuyển.

**Đường Dung-Xuyên bô:** "Tấu-lý là con đường xuất nhập của doanh-huyết và uệ-khí. Nay nếu huyết nhuộc, khí tận; thì con đường này sẽ rỗng, tà-khí nhân đó mà nhập vào. Nó sẽ đi từ Tấu-lý vào đến dưới hông sườn, hai mạn mõ hai bên đó cũng thuộc phủ Tam-tiêu. Tam-tiêu lấy gốc ở Thận-hệ, từ Thận-hệ mà sinh ra hai mạn mõ đó. Xu tà-khí nhập

vào đây thì chính-khí muôn ra cũng không được, thế là nó kết lại dưới hông sườn. Hàn Nhiệt ngưng lại và phát-tác theo đúng thời của nó, cũng đều do sự tiền-thoái của chính-khí và tà-khí.

Tam-tiêu là phủ hành Thủy và hỏa cốc, nay nếu có bệnh 'không muôn ăn uống', đó là do con đường có lỗ rỗng của Tam-tiêu nối liền giữa Thượng-tiêu và Vị bị bất-thông, do đó mà ăn không vào được. Nội-kinh có nói đến Đại-lạc của Vị, đó chính là con đường của mản mõ nói trên. Các mản mõ thuộc Tỳ, cùng liên-hệ với Vị. Nếu tà-khí ở tại Tỳ, nó sẽ kết lại ở hông sườn, hoặc ở các mản mõ của Đại-trường và Tiêu-trường, như vậy sẽ thống mà không thông.

Ôi! Nếu tà-khí ở Thượng-tiêu, thủy-cốc không vào được và đau nhức ở phía dưới (Hạ-tiêu), nghịch-khí chạy lên trên sẽ làm ói ra thủy-cốc. Nếu đã uống Sài-hồ thang rồi mà lại bị khát, đó là tuy đã ói xong, Thủy đã xuống rồi, nhưng Hỏa trong mản mõ của Tam-tiêu vẫn chưa dứt. Nó chung-cát mản mõ làm cho khô táo, từ đó nó chuyển sang với Táo-khí thuộc Dương-minh."



### Điều 100. 得 病 六 七 日 脈 遷 浮 弱

Đắc bệnh lục thất nhật, mạch trì phù nhược,  
惡 風 寒 手 足 溫 醫 二 三 下 之  
ó Phong Hán, thủ túc ôn, y nhì tam há chí,

不 能 食 而 脊 下 滿 痛 面 目 及  
bất năng thực nhi hiệp hạ mản thống, diện mục cập  
身 黃 頸 頸 強 小 便 難 者 與 柴  
thân hoàng, cành họng cường, tiếu tiện nan giả, dǚ Sài  
胡 湯 後 則 下 重 本 渴 而 飲 水  
hò thang hậu tát há trọng, bản khát nhi ẩm Thủy  
嘔 者 柴 胡 湯 不 中 與 也 食 穀  
ǎu giả, Sài hò thang bất trúng dù dā, thực cốc  
者 嘘 giả uyết..

Dịch nghĩa: Tà-khí ở Thái-dương chưa giải, ta có thể nhò Sài-hò thang với vai trò khu-chuyển để giải ra ngoài. Khi mà khí của Thái-dương hâm vào trong, ta không thể dùng Sài-hò thang để làm hú trong lý. Nay đặc bệnh được 6 ngày, đó là khí đã chuyển hết lục kinh để rồi lại phục ở Thái-dương. Đó là ngày thứ bảy. Ta chẩn mạch thấy mạch trì, đó là khí hư; mạch phù nhược là huyết hư. Khi huyết đều hư để rồi hiện lên chúng ô Phong thuộc Thái-dương và luôn cả ô Hàn. Đây ngoài chúng Thái-dương bình thường ra, còn có mạch khác nhau và chúng khác nhau nữa, như tay chân âm thuộc về Thái-âm. Đây là khí hư luôn cả huyết hư. Người làm y không biết, ngược lại, cho xô hai đến ba lần, làm hư trung-khí đến nỗi không ăn được, dưới bông suôn thuộc bộ-vị của Thiếu-dương. Vì

vai trò khu-chuyển bị nghịch không còn vận-chuyển được nữa cho nên không có chứng vãng lai Hán Nhiệt, duy chỉ có chứng đầy và chứng thống, mắt và mặt cùng với thân mình đều vàng. Đó là Thổ-khí hư ở Thái-âm cho chân-sắc của Thái-âm hiện ra. Cố trước và cố sau bị cứng làm bất-lợi đối với kinh-khí của Thái-âm, Tỳ không còn làm chức-năng chuyển-hóa khiên cho tiêu-tiện khó-khăn. Đây là dấu-hiệu của trung-khí bị hư. Sài-hồ thang đại kỵ đối với lý-khí bị hư. Nó chỉ thích-hợp với chứng bệnh nào cần khu-chuyển khí từ bên trong xuất ra ngoài mà thôi. Nay nếu cho dùng Sài-hồ thang mà lý-khí hư-hãm sẽ bị tiêu chày nặng ở hậu-âm. Ối và khát là chứng của Sài-hồ thang, nay vốn khát, vậy mà uống nước vào lại ối ra, đó là Vị hư. Sài-hồ thang không phải là loại được-tể của Vị, không được dùng, nếu dùng thì càng làm cho trung-khí bị hư thêm, ăn cơm vào thì ối. Đây do ở sự sai lầm khi cho xô đến hai ba lần, dùng Sài-hồ thang lại bị sai lầm tiếp-tục.

**Đại-ý:** Điều thứ 100 này ý nói khí của Thái-dương hãm vào vùng của Thái-âm. Khí của Thái-âm và Dương-minh hư, không thể vận-chuyển ra ngoài nhưng lại không thuộc vai trò của Sài-hồ thang.

**Dương Dung-Xuyên** bô: "Mạch phù chủ về Dương, về bên ngoài. Mạch trì-nhược chủ về Dương-khí hư-nhược, chủ không có nghĩa là huyết hư. Dương-khí không phán-chấn cho nên phải ô Phong, ô Hàn. Thủ túc ôn' khác với thủ túc bị triều Nhiệt, ý nói Dương-khí bị hư-nhược thì thủ-túc bị quyết-lạnh. Người làm y không biết điều này cho là Dương

*hư, thế là cứ cho xổ đến hai, ba lần làm cho Tỳ tất bị Hàn. Khối mõ trên màn mõ thuộc về Tỳ, khi mà khối mõ và màn mõ bị Hàn, không còn hóa được Thủy-cốc nơi Trường Vị, vì thế mà người bệnh không muốn ăn. Khối mõ to nằm ở hai bên hông sườn. Khi Hàn-khi quay về đây sẽ làm cho dưới hông sườn bị đầy và thống. Khi mà các màn mõ ở khắp chu thân bị Hàn, đó là Dương-khí ở Tỳ Thổ bị hư đến cực. Màu sắc của Thổ là màu vàng, tuy cỗ trước và cỗ gáy bị cứng nhưng cũng Hàn, chứ không phải Phong Nhiệt. Tiêu-tiện khó-khăn cũng là do Thủy vận-hành trong các khối mõ không còn trơn-tru nữa. Khi nói Khi nói rằng Tỳ không còn vận-hành kiện nữa, cũng không thể nói 'nó do Nhiệt được. Nay nếu dùng Tiêu-Sài-hồ thang để thanh-lợi các màn mõ, nó sẽ làm cho màn này bị nở rộng không thu lại được, Đại-trường và Tiêu-trường sẽ sa xuống dưới, hậu-âm cũng sẽ buông xuống, tức là cái mà ngày nay chúng ta gọi là thoát giang.*

*Đại-trường và Tiêu-trường dĩnh đến cao màn mõ, màn mõ thì dựa vào các khối mõ. Tất cả đều dĩnh nhau và đỡ cho nhau. Nay các khối mõ bị hư, mềm, ta lại dùng Sài-hồ thang làm sơ cho các màn mõ, vì thế nó bị buông lỏng xuống dưới. Cái lý này ngày nay ít người biết đến, vì thế tôi không thể không nói cho rõ hơn.*

*Ngoài ra khi bị chứng khát, ta cứ nghĩ rằng đó là do Táo Nhiệt, trong lúc đó uống nước vào thì ói trở ra. Đó là chứng khát do tân-dịch không còn thăng lên trên, còn ói là*

*do hư Hàn, khói mõ của Tỳ không còn hóa Thủy được nữa. Vai trò của Sài-hồ là làm sơ-thông cho các màn mõ của Tam-tiêu, nay nếu dùng không đúng chỗ, nó sẽ làm cho thực-cốc không hóa được, để rồi bị ối nghịch. Như vậy ta thấy rằng các khói mõ (cao du) không hóa được Thủy-cốc và tình-trạng các màn mõ không thông-lợi, cả hai rất khác nhau. Ta phải nắm được cho được các yếu-chỉ trên mới gọi là hiểu được chỗ tinh-túy mà Trương Trọng-Cảnh dùng để luận chứng."*

*Ngô Quốc-Dịnh chú:* "Đây nói về Thái-dương bệnh kiêm lý hư, biến-chứng do cho xổ sai-lầm, ky dùng Sài-hồ thang. Ta có thể chia điều này ra làm 2 đoạn:

1) Đoạn 1: 'Đắc bệnh lục thất nhật ... thủ túc ôn'. Đoạn này nói rõ về bệnh kéo dài được một số ngày và những chứng-trạng ban đầu.

2) Đoạn 2: 'nhị tam há chi ...thực cốc giả uyết'. Đoạn này chỉ rõ những biến-chứng do sau khi cho xổ sai-lầm, chỉ rõ thêm hậu-quả sau khi cho dùng Tiểu Sài-hồ thang.

*Tất cả những chứng 'mạch phù nhược ... ô Phong, ô Hàn ... thủ túc ôn ... cảnh họng cường' đường như thuộc Thái-dương chúng. Nay mạch đi trì mà thủ túc ôn, thân lại không Nhiệt, chắc-chắn đó không thuộc Quê-chi chúng. Trong luận-văn, ta thấy có câu 'Thương Hàn mạch phù nhĩ hoãn, thủ túc ôn giả, hệ tại Thái-âm'. Huống chi mạch trì là thuộc tạng, như vậy rõ-ràng điều này có những chứng thuộc Thái-dương*

*biểu-tà mà kiêm Thái-âm lý Hàn. Trường-hợp này giải biểu còn không được, nói chi đến cho xô đến hai ba lần.*

*Tỵ Vị thọ thương cho nên không ăn được. Can-khí nghịch cho nên dưới hông sườn bị đầy và thống. Đờm-trấp chảy ra nghịch chiều bị uất ở cơ-biểu, vì thế sắc mặt, mắt và thân hình bị vàng. Đầu cổ bị cứng', đó là biểu-tà chưa giải. Tiểu-tiện khó-khăn', đó là tân-dịch bị kiệt ở lý. Bệnh tại Tỵ Vị mà không phải thuộc Thiếu-dương bán biểu bán lý vì thế không thể dùng Tiểu Sài-hồ thang; nay nếu dùng sai Tiểu Sài-hồ thang đến nỗi Hàn ở lý nặng hơn, khi hư hâm xuống dưới sẽ làm cho bên dưới bị chứng 'hậu trọng', bên trên thành ói nghịch. Bệnh-thế có vẻ bất-trị..."*

**Ngô Quốc-Dịnh** nói thêm rằng điều này thuộc biểu lý hư Hàn, đó là một điều khá rõ-ràng. Vấn-đề trị-pháp lại rất nhiều cách, chỉ tùy chúng để thực-hiện việc chữa-trị, không cần phải câu-nệ vào một phép nào cả.

Kha Văn-Bá nói: " 'Mạch Phù-nhuược' thuộc Quέ-chi mạch; 'ő Phong Hàn' thuộc Quέ-chi chứng. Tuy nhiên, thủ túc ôn mà vô Nhiệt, mạch trì thuộc Hàn, tức là vô Dương, thuộc tạng, đó là biểu lý đều hư Hàn. Theo phép thì phải 'ôn trung tán Hàn', thế mà lại cho xô đến hai ba lần. Dương-khí ở Vị bị ướng tán, không ăn được. Khi ăn cơm vào phải ói, uống nước vào thì cũng ói. Hư Dương thoát ra ngoài vì thế sắc mặt, đôi mắt, cả thân người đều vàng. Phép-khí không hóa cho nên tiểu-tiện khó-khăn mà khát. Doanh-huyết bất-túc cho nên cổ và gáy bị cứng. Cái chót của Thiếu-dương

*không còn làm chủ được, cho nên dưới hông sườn bị đầy và  
thống... Nó không thuộc chúng của Sài-hồ thang.*

**Sách Y-tông kim-giám** và **Tiền Hoàng** cũng lập luận  
*nhus Kha Vận-Bá.*

*Thánh Vô-Ký lập-luận dựa vào lý hư: " Mạch được sau đến  
bảy ngày, mạch trì phù-nhuộc, ô Phong Hàn, thủ túc ôn,  
đó là tà-khí tại bán biếu bán lý chưa thực, ta lại cho xổ  
đến hai ba lần, làm hư Vị-khí, làn tồn tân-dịch. Tà-khí  
uẩn-tích bên trong, vì thế không ăn được và dưới hông  
sườn bị đầy, đau. Vì hư là do Nhiệt chưng-cắt bốc lên ra  
đến bên ngoài làm cho mắt, mặt và toàn thân bị vàng.*

*Cô và gáy bị cứng, nếu dùng Sài-hồ thang làm mắt tân-  
dịch, nhất định sẽ đưa đến chứng 'hậu trọng'. Khi nào không  
do uống nước mà bị ói, đó là chứng của Sài-hồ thang; nếu  
do uống nước mà bị ói, đó là Thủy đinh ở dưới Tâm. Sách  
Kim-quỹ yếu-lược nói: 'Bị khát, uống nước rồi ói, đó là Thủy đinh  
dưới Tâm. Đây thuộc chứng của Âm-gia'.*

*Khi nào uống nước, nước đinh lại rồi ói, hoặc khi nào  
ăn vào, thức ăn tụ lại rồi ói ra ... tất cả đều không thích-  
ứng với Tiểu Sài-hồ thang, ta nên đề-ý."*



# Điều 101: 傷 寒 四 五 日 身 热 惡 風

Thương hàn tứ ngũ nhật, thân Nhiệt ô Phong.

頸項強脅下滿手足溫而渴

cảnh hạng cường, hiệp hạ mẫn, thủ túc ôn nhi khát

者 小 柴 胡 湯 主 之

giả, Tiểu Sài hồ thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Điều trên đây có nói đến uống xong Sài-hồ thang thì bị khát, ta biết là dùng sai-lầm. Nay thương Hàn bốn đến năm ngày, thuộc về thời-kỳ Dương hư nhập vào Âm. Thân Nhiệt ô Phong, cổ và gáy bị cứng, tà vẫn ở vùng Thái-dương, không nhập vào lý. Đầu hông sườn bị đầy, đó là có quan-hệ đến khu-chuyển của Thiếu-dương, còn vẫn-dè tay chân ấm lại thuộc về Thái-âm. Nay tay chân ấm mà khát, chứng này không can-hệ gì đến Thái-âm, mà chỉ quan-hệ đến Dương-minh. Trên đây, chúng ta có nói đến 'uống Sài-hồ xong thì khát', theo lý thì phải dùng phép trị Dương-minh. Trường-hop này không phải do uống Sài-hồ thang mà khát, vì thế chúng ta phải dùng tác-dụng khu-chuyển để trị, tức là phải dùng Tiểu Sài-hồ thang làm chủ-trị. Đến như các chứng 'đầu cổ cứng, hông sườn bị đầy, tay chân ấm' ... đều đúng trong phép trị này. Bởi vì một là do dùng phép xô làm cho lý hư, còn một không cho xô cho nên lý không hư.

Đại ý: Điều này nối tiếp với hai điều trên rồi nói rộng ra về vai trò của Sài-hồ thang.

**Đường Dung-Xuyên** bồ:" Các chúng ở đây đều giống với điều trên, chỉ có điều là ở đây, người bệnh chưa bị cho xô sai-lầm, mạch cũng không phù-nhược. Đó là khói mõ của Tỳ chưa thọ thương, tà còn ở tại các màn mõ, cho nên ta có thể dùng phép thanh-sơ bằng cách dùng Tiểu Sài-hò thang. Một dạng bệnh ở khói mõ cao-du thuộc Thái-âm Tỳ Thổ; một dạng bệnh ở các màn mõ thuộc Thiếu-dương Tam-tiêu: một hư, một thực, cách nhau rất xa. Trọng-Cảnh nêu lên hai trường-hợp diễn-hành này là mong cho người thầy thuốc nêu cẩn-thận trong việc chẩn-trị."

**Tiền Hoàng** chú:" Chứng 'thân Nhiệt, ó Phong, hạng cường' đều thuộc Thái-dương biều chứng; chứng 'hiếp hạ mãn' là do tà đã truyền vào đến Thiếu-dương; chứng 'thủ túc ôn nhi khát' cho ta biết tà-khí chưa nhập vào Âm. Nói về Thái-dương biều chứng, ta nên dùng phép hàn giải, tuy nhiên, vì dưới hông sườn bị dày, ta biết rằng tà-khí đã nhập vào đến Thiếu-dương. Trọng-Cảnh có nói:' Thương hàn trúng Phong, có biều-hiện về chứng của Sài-hò, ta chỉ cần thấy có một chứng là dùng được thang này ngay, không cần có đủ các chứng (thuộc Sài-hò).' Ở đây, mặc dù có kèm theo chứng của Thái-dương, nếu ta cho phát hàn thì bị vi-phạm, vì thế ta nên dùng Tiểu Sài-hò thang làm chủ trị. Tuy nhiên, Tiểu Sài-hò thang trong trường-hợp này, ta nên gia-giảm sao cho thích-hợp. Ví-dụ Thái-dương biều chứng chưa trù, ta nên bỏ Nhân-sâm, gia Quế-chi; nếu dưới hông sườn bị dày, ta nên gia Mẫu-lệ; nếu khát, ta bỏ , 'n-hạ, gia Quát-lâu căn...'"

## **Điều 102. 傷 寒 涼 溫 陰 暖 弦 法**

Thương Hán Dương mạch sắc, Âm mạch huyền, pháp

**當 腹 中 急 痛 先 與 小 建 中 湯**  
đương phúc trung cấp thống, tiên dū Tiếu Kiến trung thang,  
**不 差 者 小 柴 胡 湯 主 之**  
bất sai giả, Tiếu Sài hồ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương thương Hán* đúng vào thời-kỳ của Quyết-âm chủ khí, *Dương-mạch sắc* (sáp), đây là do sự khu-chuyển của Thiếu-dương không chuyển ra ngoài được; *Âm-mạch huyền*, đây là dō tà-kí của Quyết-âm Mộc xuồng đến Thái-âm, làm cho doanh-kí của Thái-âm thọ thương. Theo phép thì trong bụng cấp thống, trước hết ta nên dùng *Tiểu Kiến-trung thang* nhằm tạo lại doanh-kí cho Trung-tiêu, làm giảm dần chứng đau bụng. Nếu vẫn không giảm bệnh, ta dùng *Tiểu Sài-hồ thang* làm chủ-trị, nhằm làm cho chốt của xoay-chuyển, khi chốt của xoay-chuyển, tà-kí sẽ chuyển ra ngoài, chứng đau bụng sẽ dứt.

**Đại-ý:** Điều này nói về Thái-dương bệnh nhằm vào thời-kỳ của Quyết-âm chủ khí, làm ảnh-hưởng đến Thái-âm, bụng bị đau. Trước hết, ta nên bỏ bên trong, sau đó dùng vai trò xoay-chuyển đưa tà-kí ra ngoài. Theo nguyên-tắc, khi đau bụng, ta dùng *Tiểu Sài-hồ thang* bỏ Hoàng-cầm gia Bạch-thực.

**Dương Dung-Xuyên bô:** "Dương-mạch thuộc khí-phận. Vệ-kí di theo con đường của các màn mờ đở a ngoài, đạt đến

*khắp nơi của bì-mao. Nếu các mản mõ không còn thông-lợi nữa thì vệ-khí khó thoát ra ngoài, do đó mạch ứng theo để thành sắc (sáp).*

*Âm-mạch thuộc huyết-phận. Huyết tàng-chứa nơi các khói mõ. Khi huyết bị trệ thì các khói mõ bị Hàn, khí không còn cùng lưu-thông với huyết nữa. Như vậy, huyết vận-hành bị khí ngăn trở gây thành chứng thống. Đây là ý-nghĩa của câu nói 'thống tắc bất thông' vậy.*

*Vì thế, trước hết, ta dùng Tiêu Kiến-trung thang nhằm làm ấm các khói mõ (cao du). Chữ 'Kiến trung' là chỉ vào vùng Trung-tiêu. Phương-thang này làm ấm lại các khói mõ ở Trung-tiêu. Khi mà các khói mõ được ấm trở lại thì huyết sẽ không còn ngưng-trệ, và khi trong các mản mõ sẽ tự thông-sướng, thế là chứng đau bụng cũng dứt luôn.*

*Nay nếu các khói mõ đã được ấm trở lại, nhưng chứng đau bụng vẫn chưa dứt, đó là do huyết-phận ở các khói mõ được thông-lợi nhưng các đường di li-ti trong các mản mõ chưa thông-lợi, làm cho Dương-khí không xuất ra ngoài được. Ta dùng tiếp Tiêu Sài-hồ thang nhằm làm sơ-thông các mản mõ, như vậy Dương-khí được cung được thông-lợi, bệnh khỏi. Kiến-trung thang và Sài-hồ thang cùng dùng chung nhau, ít được nhiều người hiểu rõ ..."*

*Ngô Quốc-Định chú:" Thương Hán mạch sắc là do khí huyết hư, mạch huyền là do Âm Hán thịnh. Vả lại mạch huyền cũng là mạch của Thiếu-dương. Bụng là do Thái-âm làm chủ. Kì Hán thịnh ở lý sẽ làm cho bụng bị đau*

*thắt lại. Đây là trường-hợp Thiếu-dương bệnh kiêm lý-khí bị hư Hàn. Trước hết ta dùng Tiểu Kiến-trung thang nhằm làm ấm lý-khí. Khi mà lý-khí bình-phục thì chứng đau bụng sẽ dứt, tuy dứt nhưng biểu-chứng của Thiếu-dương vẫn còn. Ta dùng tiếp Tiểu Sài-hồ thang nhằm làm tan hết tà-khí ở Thiếu-dương. Đây gọi là phép trị đi từ trong ra ngoài, nói rõ mạch nhưng sơ-lược về chứng."*

*Kha Vận-Bá chú:" Trọng-Cánh có đưa ra vài trường-hợp một chứng mà dùng đến hai phương-thang. Như dùng Ma-hoàng thang phát hàn giải bệnh, nửa ngày sau lại bị chứng bứt-rứt, ông dùng tiếp Quế-chì thang cho phát hàn tiếp-tục. Dù sao thì cũng nên nhớ rằng đây là trường-hợp cá-biệt, chứ không thể thành một cái gì tất nhiên. Con đường trước dùng Ma-hoàng thang, sau dùng Quế-chì thang gọi là đi từ ngoại vào nội. Con đường trước dùng Kiến-trung thang, tiếp theo dùng Sài-hồ thang gọi là đi từ nội ra ngoại."*

**Ngô Quốc-Định** luận về chứng đau bụng :

" Tà-khí nhập vào lý, cùng đánh nhau với chính-khí gây thành chứng đau bụng."

Sách **Thương-hàn chứng trị minh diều** viết:" Chứng phúc thống (đau bụng) không cho nhán, không cho xoa-bóp, thuộc thực; cho nhán, cho xoa-bóp, thuộc hư; lúc đau lúc hết, thuộc thực; đau không ngừng, thuộc hư.

*Phàm khi Dương-tà nhập vào lý, lý-khí bị thực, bụng trương lên, đại-tiện bón cứng, thuộc thực; Âm-tà truyền vào lý, lý-khí bị Hàn, bụng mềm, tiêu chả thuộc hư.*

*Mạch đến hoạt đại hữu lực, thuộc thực; mạch huyền-tê vô lực, thuộc hư.*

*Tất cả phải theo Hán Nhiệt, hư thực để trị. Chứng Nhiệt thì dùng phép thanh; chứng Hán thì dùng phép ôn; chứng thực dùng phép xổ; chứng hư dùng phép bồi."*

Sách **Hoạt-nhân thư phân-tích:**" Thương Hán phúc thông được phân ra làm 4 chứng để trị. Phúc thông, phúc mãn (bung đau, bụng đầy) dựa vào vị-trí khác nhau để phân-biệt:

**1: Đau ở Dương-vị nhưng không thực ở Vị, ta dùng các loại như Tiểu Kiến-trung thang, Hoàng-liên thang ... để trị.**

**2: Đau ở Dương-vị nhưng thực ở Vị, ta dùng các loại như Đại Thừa-khi thang ...**

**3: Đau từ Dương-vị chạy đến Âm-vị, ta dùng các loại như Quế-chí già Thược-dược thang, Quế-chí già Đại-hoàng thang...**

**4: Đau ở Âm-vị, ta dùng các loại như Chân-võ thang, Đào-hoa thang, Tứ-nghịch thang ...**

Phép trị chứng đau bụng do Hán Nhiệt, hư thực, đại-khai là như thế. Còn như các chứng đau bụng do sán-khi, có giun, tuy không nằm trong những điều vừa nói trên, nhưng tất cả đều thuộc Hán-tà, ta dùng các loại như Ô-đầu Phụ-tử Can Khương Thục tiêu ..."

#### **40: Tiểu Kiến-trung thang phương :**

**小建中湯方**

**Quế-chí**

*(3 lượng, bồi bì)*

<i>Cam-thảo</i>	(2 lượng, chích)
<i>Đại Táo</i>	(12 quả, bóc ra)
<i>Thược-dược</i>	(6 lượng)
<i>Sinh Khuong</i>	(3 lượng, cắt miếng)
<i>Giao-di</i> ( <i>Mạch-nha</i> )	(1 thăng)

Tất cả 6 vị trên, dùng nước 7 thăng, sắc lấy 3 thăng, cho Mạch-nha vào, lại sắc bằng lửa riu-riu cho tan rồi uống ấm 1 thăng, ngày uống 3 lần.

Trình Phù-Sinh luận phương:" *Thương Hàn hai đến ba* ngày, tà vẫn còn đang ở tại biểu, chưa kịp truyền vào lý. *Chứng hồi-hộp là do Dương hu, chứng bứt-rứt là do Âm hu*, vì thế ta dùng vị khô của Thược-dược để tăng-cường cho Âm, dùng vị tân của Khuong Quê để phù Dương, rồi lại dùng vị cam ôn của Cam-thảo và Đại Táo nhầm làm hòa-hoãn trung-khí. Khi trung-khí được kiện (mạnh lên) thì tà không thể nhập vào lý được. Ngoài ra, Khuong và Quê có thể xưa tà ra ngoài. Đây là phương-pháp lập một phương-thang duy nhất để chữa bệnh: vừa bồi-dưỡng chính-khí, vừa xưa đuổi tà-khí cho một người bệnh."

Sách TQYhọc Đại Từ-diễn luận phương:" *Phương này chính là Quê-chí thang bồi thêm Thược-dược, gia thêm Giao-di (Mạch-nha)... Tên là Tiểu Kiến-trung ý nói 'tiểu kiêm-lập:: xây-dụng, phục-hồi một cách nhẹ-nhàng trung-khí'. Bồi vì dù là trung-khí có bị hư, nhưng biểu vẫn chưa hòa, ta không dám dùng phép đại bồi. Vì thế chỉ dùng vị toan-khổ của Thược-dược làm tăng-ích Âm-khí, đóng vai Quân, nhầm tả Mộc-*

*khi từ trong Thổ-kì; lại dùng tinh ôn của Giao-di, Cam-thảo đóng vai Thần, nhầm bồ Tỳ, dưỡng Vị. Thủy cũng dựa vào cái thể của Mộc để khinh-lòn Thổ.*

*Dùng vị tân-Nhiệt của Quế-chi nhầm phù-trợ cho Dương, xua-duỗi Hàn-Thủy. Tinh-vị tân-ôn của Đại-táo và Sinh-Khương đóng vai Sú, có khả-năng phát-tán Dương-kì, làm cho Dương-kì vận-hành ra đến khắp kinh-lạc và bì-mao.*

*Điều-hòa và kiến-lập lại Trung-thổ mà không uống cháo lỏng để cho xuất hàn, bởi vì trọng-tâm chính là nhầm cùu lấy cái hư ở Trung-thổ chứ không nhầm giải biếu của thương-Hàn. Khi mà cái hư ở Trung-thổ được cùu, khi doanh-vệ được hòa thì tân-dịch có thể được sinh ra, hàn xuất thì bệnh giải, chứng bứt-rứt và hồi-hộp sẽ tiêu-trừ.*

*Các vị Khương và Quế có thể xua tà ra ngoài. Đây là phương-pháp lập một phương-thang duy nhất để chữa bệnh: vừa bồi-duỗi chính-kì, vừa xua đuổi tà-kì cho một người bệnh. Vì thế, đối với các chứng thuộc hu-lao cũng có thể dùng được. Những người vốn có chứng ối và chứng uống rượu (ẫu-gia, tửu-gia) không thể dùng, vì e rằng vị ngọt sẽ trợ cho chứng ối, và lại người có tật nhậu-nhẹt cũng không ưa vị ngọt."*

*Thành Vô-Ký chú:" Tỳ thuộc Thổ, ứng với Trung-ương, nằm giữa bốn tạng còn lại. Tỳ còn thuộc Trung-châu, trị Trung-tiêu, sinh-dục doanh-vệ, thông-hành tân-dịch. Mỗi lần Tỳ mất đi sự điều-hòa thì doanh-vệ sẽ mất đi sự sinh-*

*dục, tân-dịch mất đi sự thông-hành. Vì thế chúng ta phải dùng thang này để ôn, để kiện (xây-dựng lại) tạng Trung-thổ. Vì thế người ta mới gọi tên thang này là "Kiên-trung".*

*Giao-di (mạch-nha) vị cam-ôn; Cam-thảo vị cam bình. Khi mà Tỳ muôn hoãn ta cho dùng vị ngọt để làm cho hoãn. Muốn kiện Tỳ, ta dùng vị cam làm chủ. Do đó trong thang này Gao-di đóng vai Quân, Cam-thảo đóng vai Thần. Quê-chi vị tân Nhiệt: tân đóng vai tán, nhuận, khi nào doanh-vệ bất-túc thì ta làm nhuận và tán; Thuộc-dược vị toan vi Hán: toan đóng vai thu-liêm, tân-dịch không vận-hành kịp, ta làm cho thu-liêm để vận-hành, do đó ta xem Quê-chi và Thuộc-dược làm Tá; Sinh Khương vị tân-ôn, Đại Táo vị cam-ôn, Vị là nguồn của vệ-kí, còn Tỳ là gốc của doanh. Sách Hoàng Đế châm kinh nói: 'Doanh xuất Trung-tiêu, vệ xuất Thương-tiêu'. Vệ thuộc Dương, cho nên nếu vệ bất-túc ta phải dùng vị tân để tăng-cường; doanh thuộc Âm, cho nên nếu doanh bất-túc ta phải dùng vị cam để bồi-dưỡng. Tân và cam hợp nhau thì Tỳ Vị được kiện và doanh-vệ được thông. Vì thế ta xem Khương Táo làm Sú. Có ý-kiến (Minh-lý luận) cho rằng Quê-chi thang đóng vai giải biếu cho nên phân-lượng của Thuộc-dược ít hơn; Kiên-trung thang đóng vai ôn trung (lý) cho nên phân-lượng của Thuộc-dược nhiều hơn... Thực sự thì phân-lượng khác biệt giữa hai thang do ở hai vấn-dề xa và gần: tà-kí ở bì-phu thuộc về gần, vì thế Thuộc-dược ít hơn; tà-kí của Tâm và phúc (bung) thuộc về xa, vì thế Thuộc-dược nhiều hơn."*

Uông Hồ chủ:" *Sách Nội-dài phuơng nghĩ nói* : Trong Quέ-chi thang thì phân-lượng của Quέ-chi và Thược-dược bằng nhau, bởi vì Thược-dược đóng vai Tá cho Quέ-chi, nhằm trị vē-khí. Trong Kién-trung thang thì Thược-dược nhiều hơn quá bán, còn Quέ-chi ít hơn, bởi vì đây là Quέ-chi Tá cho Thược-dược, nhằm tăng cho doanh-khí... Ké ngu này cho rằng trong Quέ-chi thang-phuơng, Thược-dược làm Tá cho Quέ-chi, tức là tân và cam tương hợp, tân mà trợ biếu; trong Kién-trung thang-phuơng, Quέ-chi làm Tá cho Thược-dược, tức là toan và cam tương hợp, thu-liễm mà bồ trung. Chúng ta thấy rằng nếu đạt được đến ý-nghĩa như trên thì mới thấy được ý-nghĩa ché phuơng của Trọng-Cảnh là cao-minh, sáng-suốt vây."



### Điều 103: 嘴 家 不 可 用 小 建 中 湯 Âu gia bất khả dụng Tiêu Kiến trung thang.

以 甜 故 也 dĩ diềm cõ dã.

Dịch nghĩa: Người có chứng ói không thể dùng Tiêu Kiến trung thang, vì thang này có vị ngọt.



## Điều 104: 傷 寒 中 風 有 柴 胡 證 但

Thương Hàn trúng Phong, hữu Sài hò chứng dẫu

## 見 一 證 便 是 不 必 悉 具

kiến nhất chứng tiện thị, bất tất tất cụ.

Dịch nghĩa: Thương Hàn trúng Phong, nếu thấy có một triệu-chứng thuộc Sài-hò là đủ, không cần phải có tất cả.

Đại ý: Chu Tông-Siêu nhận xét: "Xét về mặt thương Hàn, thang này có nhiệm vụ đóng vai khu-chuyên của Thiếu-dương nhằm chuyên khí Thái-dương từ trong ra ngoài; về mặt trúng Phong, phương-thang này theo đúng nguyên-lý của tiêu bản, tức là Quyết-âm không cùng tiêu bản mà cùng khí trung-hiện Thiếu-dương vậy."

Lưu Động chú: " Các chứng thuộc Sài-hò thang gồm:

1: vãng lai Hàn Nhiệt. 2: hung hiếp khô män.

3: mặc mặc bất dục thực. 4: Tâm phiền hỉ ảu.

Trong bốn chứng trên đây, chỉ cần thấy có một chứng xuất-hiện, là ta dùng ngay Sài-hò thang mà không cần đợi phải có đủ cả bốn chứng."



## Điều 105: 凡 柴 胡 湯 痘 證 而 下 之

Phàm Sài hò thang bệnh chứng nhi há chi,

若 柴 胡 證 不 罷 者 復 與 柴 胡

nhiệt Sài hò chứng bất bai giả, phục dữ Sài hò

湯 必 蒸 蒸 而 振 却 發 热 汗 出  
thang, tất chung chung nhì chấn, khước phát Nhiệt, hạn xuất  
而 解 nhì giải.

**Dịch nghĩa:** Tiêu Sài-hồ chúng, cho dù có dùng phép xổ sai lầm, nhưng lý-khí chưa hu, cũng có thể dùng tiếp tục. Phàm có bệnh-chứng thuộc Sài-hồ thang như chúng ta đã nói trước đây, đó là bệnh đang ở vùng chốt cửa, đang muốn chuyển ra ngoài để giải bệnh. Trong lúc đó người thầy thuốc cho dùng phép xổ. Như vậy có thể e rằng tà-khí nhân đó nhập vào lý. Nay nếu ta thấy Tiêu Sài-hồ chúng vẫn chưa khỏi, ta nên mau mau cho uống Sài-hồ thang thêm lần nữa. Khi tà-khí chuyển theo chốt cửa ra ngoài, người bệnh thấy nóng hâm-hâm và hơi run, đó là Nhiệt thoái làm cho người bệnh phát Nhiệt, hạn xuất thì bệnh giải. Bởi vì dù sao, sau khi cho phát hạn, cũng có làm hư đến tân-dịch của Trung-tiêu. Khi phát hạn gây nên sự biến-động như vậy.

**Đại-ý:** Điều này nói thêm về sự vi-diệu của Sài-hồ thang, đó là vai trò chốt cửa của nó.

**Đường Dung-Xuyên bô:** "Thiều-duong tức là Tam-tiêu, bên trong là các mản mõ, bên ngoài là Táu-lý. Nó nằm ở vị-trí bán biếu bán lý, giới-hạn ngay vị-trí nội Âm và ngoại Dương, vì thế Nội-kinh mới ví nó như là chốt cửa. Tà-khí của Thiều-duong, đi từ Táu-lý nhập vào lý; chính-khí của Thiều-duong cũng đi từ Táu-lý để xuất ra ngoài."

Sài-hồ sinh vào ngày xuân, thân nó mọc thẳng lên, giữa thân cây rỗng, có màu trắng giống với các màn mờ trong thân-thể, vì thế nó có thể di theo con đường của các màn mờ và tấu-lý chuyên khi xuất nhập ngoài trong. Ở đây, khi cho xổ, tà-khí đã nhập vào lý, chính-khí lại đang muốn thoát ra ngoài, cho nên người bệnh thấy nóng hâm-hâm và hơi run. Đó là chính-khí và tà-khí đang tranh nhau. Nếu như chính thẳng tà, Dương-khí xuất ra ngoài được, phát Nhiệt, đó là tà-khí theo mồ-hôi để giải. Tình-trạng nóng hâm-hâm là do Âm bao bên ngoài làm uất Dương; Hàn Nhiệt giao-tranh nhau cho nên phải hơi run lên và hạn không xuất ra được. Khi nào chúng uất đã giải thì chỉ có Nhiệt mà không Hàn, mồ-hôi xuất ra, bệnh giải."

Lục Uyên-Lôi chú:" Sài-hồ thang không phải là loại được-tể dùng để phát hạn. Khi chúng ta uống thang này vào mà hạn xuất bệnh giải, ta gọi đây là '瞑眩 minh huyền' vậy. Phàm khi nào dùng loại phương thang không chuyên phát hạn nhưng lại phát hạn, dùng loại phương thang không chuyên cho ói hoặc xổ, nhưng lại ói và xổ, ta gọi đó là 'minh huyền'. 'Minh huyền' có nghĩa là bệnh thoắc-nhiên được giải. Kinh-nghiệm cho biết, 'minh huyền' của Sài-hồ thường xảy ra tình-trạng gọi là '戰汗 chiến han'. 'Minh huyền' của Tà-Tâm thang phần lớn là thuộc về chứng tiêu chảy; 'Minh huyền' của Ô-Phụ tố lại thuộc ói ra nước ..."

Sách Thương-hàn chứng-trị minh-diều chú:" Phàm các chứng thương Hàn dịch-chứng bị chiến han, thân-thể

*bệnh-nhân thình-lình bị lạnh đến run, cầm đánh lập-cáp, ta nên mau mau cho uống ấm Khương-mê-thang, nhằm trợ cho Dương-khí; trong chốc-lát không còn run nữa, phát Nhiệt, hàn xuất, bệnh sẽ giải. Hoặc người bệnh ô-Nhiệt, cởi bỏ quần áo chiếu-chăn, trong lúc đó hàn bị bế, ta mau mau dùng Sinh Khương Đậu Xì Tử-tò thang nhằm phát hàn. Có người chính-khí hư, không thắng được tà-khí, run lập-cáp mà không có mồ-hôi, đây là trường-hợp khó chữa. Có khi trong một thời-gian nào đó, hoặc chờ đến tối xuất được mồ-hôi thì bệnh sẽ khỏi. Còn nếu như chờ mãi mà vẫn chưa có mồ-hôi, tâm-thần bị hôn-loạn, mạch thoát dần, ta nên mau cho dùng Nhàn-sâm Khương Táo thang để cứu nguy. Có khi người già bị bệnh hư-nhuộc, run lập-cáp mà vẫn không có mồ-hôi, tiếp theo đó là hôn-mê, bất tinh nhân-sự. Đó là chính-khí không cứu vẫn được..."*

Sách Ôn-dịch luận chú:"*Bệnh đang được xổ lại không cho xổ làm cho khí-huyết tiêu-hao, cho nên ngay khi cho xổ thì cũng gây thành chứng chiến-hạn. Nhưng nếu chỉ có chiến (run lập-cáp) mà không xuất hàn là chứng nguy-hiểm, bởi vì trung-khí đang hư-vi, chỉ có thể giáng mà không thể thắng-phát. Ngay hôm sau cứ đến đúng lúc lại tiếp-tục phát run lập-cáp; nếu người thấy quyết-lanh mà hàn xuất là sống; khi nào không thấy quyết-lanh mà hàn cũng không xuất thì chết, bởi vì chính-khí bị thoát, không thắng nổi tà-khí; khi nào run lập-cáp, có quyết-lanh mà không mồ-hôi, đó là khí chân Dương vẫn đang còn , biếu-*

*khi khô-cạn, bệnh sẽ giải dần dần..*

*Phàm khi nào run lâp-cáp kéo dài không dứt, thình-linh thân mình bị lạnh như thây ma, hai hàm răng cắn chặt, mắt trợn trừng, như vậy là phải chết. Ta gọi đây là chứng '痙 kinh'. Phàm khi nào người bệnh bị run lâp-cáp (chiến) ta không nên di-dộng hoặc làm náo động người bệnh, chỉ nên đắp mèn cho ấm mà thôi ...*

*'犴汗 cuồng hận' là phục-tà đang náo động bên trong, chỉ cần hận xuất là bệnh giải. Vì người bệnh chính-khi còn sung-mãn, họ sẽ nằm ngồi không an, như cuồng, như dại. Trong khoảnh-khắc, đại hận lâm-ly, cù-chỉ cuồng đại không còn, mạch tĩnh, thân-mình mát-mẻ, bệnh dứt ngay."*



**Điều 106: 傷 寒 二 三 日 心 中 悸 而  
Thương Hán nhị tam nhật, Tâm trung quý nhì  
煩 者 小 建 中 湯 主 之  
phiền giả, Tiểu Kiến trung thang chủ chi.**

**Dịch nghĩa:** Thiếu-dương chót của có thể vận-chuyển khí từ trong ra ngoài, cũng có thể từ ngoài vào trong. Nay thương Hán bệnh, uống xong thuốc giải biếu, các chứng ố Phong, ố Hán đã giải, nhưng chứng nội hư lại hình-thành dần dần, đến ngày thứ hai là thời-kỳ Dương-minh làm chủ khí, đến ngày thứ ba là thời-kỳ Thiếu-dương làm chủ khí. Ngoại tà đã sạch, cho nên vai trõ bên ngoài không còn nữa, tuy nhiên, bên trong bệnh vẫn chuyển vào Tâm-bào-

lạc. Tâm-bào-lạc chủ huyết, huyết hư thì trong Tâm bị hồi-hộp. Tâm không chỉ bị hồi-hộp, và lại còn bị bút-rút. Bởi vì tà-khí chỉ làm bứt-rứt ở huyết-phận của Tâm-chủ mà thôi, chứ không gây ảnh-hưởng nơi khí-phận của chốt cửa, vì thế ta dùng Tiêu Kiến-trung thang làm chủ trị.

**Đại-ý:** Thiếu-dương Tam-tiêu, bên trong hợp với Quyết-âm Tâm-bào chủ về huyết, vì thế nó có thể đi theo con đường chốt cửa để vào bên trong. Tâm-bào chủ về huyết, huyết hư thì thân-khí không còn nơi nương-tựa để rồi tự bị hồi-hộp. Ở đây chứng hồi-hộp (quý) thuộc về hư quý, và chứng bứt-rứt (phiền) cũng thuộc về hư phiền.

**Đường Dung-Xuyên** bồ: " Tam-tiêu tức là các màn mõ bên trong; Bào-lạc có tên thường gọi là khói mõ 'hộ Tâm'. Cách-mạc lên trên liên-lạc với Phé-hệ, với Tâm gọi là Bào-lạc đúng như **Nội-kinh** đã nói: Các màn mõ liên-hệ với các khói mõ được **Nội-kinh** gọi là 'Cao-hoang'. Cao tức là các khói mõ, còn du tức là các màn.mõ.

Tiêu Sái-hồ thang đóng vai làm sơ-thông các màn mõ. Tiêu Kiến-trung thang đóng vai làm ôn bồ cao-du (các khói mõ). Cao du thuộc Tỳ Thổ quản-lý. Hỏa của Tâm-bào đi xuống nhằm làm ám cho tất cả các khói mõ trong chu thân. Đây là con đường Hỏa sinh Thổ. Đây cũng là ý-nghĩa của chữ 'Kiến trung thang'. Trong đó, ta dùng Quê-chi nhập vào Tâm làm chủ, còn các dược-vị khác đều nhằm bồ Tỳ."

**Trần Bình-Bá** nói: " Điều này chỉ nói đến chứng Tâm trung phiền quý mà không nói đến 'vô hạn ố Hán', như vậy đủ cho

chúng ta thấy rằng sau khi uống Ma-hoàng thang, biểu thực đã giải nhưng lý hư lại tăng dần, vì thế phải dùng Tiêu Kiến-trung thang để làm chủ trị."

Sách Y-tông kim-giám chú:" Thương Hán đến hai, ba ngày, chưa cho phát hàn mà Tâm đã bút-rút mà hồi-hộp, như vậy nhất định trung-kì vốn đã hư. Tuy có biểu chứng, ta cũng không thể cho phát hàn. Bởi vì chứng Tâm bút-rút là do Dương đã hư, Tâm phiền là do Âm đã nhược, vì thế ta nên cho dùng Tiêu Kiến-trung thang, trước hết là để xây-dựng lại, phục-hồi lại (kiến) khí Trung-thở, đồng thời cũng điều-hòa được doanh-vệ."



### Điều 107: 太陽病過經十餘日反

Thái dương bệnh, quá kinh thập dư nhạt, phản  
二三下之後四五日柴胡證  
nhị tam há chi, hậu tứ ngū nhạt, Sài hồ chúng  
仍在者先與小柴胡湯嘔不  
nhiên tại giả, tiên dū Tiêu Sài hồ thang. Âu bất  
止心下急鬱鬱微煩者爲未  
chỉ, Tâm hạ cấp, uất uất vi phiền giả, vi vi  
解也與大柴胡湯下之則愈  
giải dā, dū Đại Sài hồ thang hả chí tắc dū.

Dịch nghĩa: Thiếu-dương là chốt cửa của Dương, Thiếu-

âm là chốt cửa của Âm. Cả hai khí cùng thông nhau. Nay Thái-dương bệnh hơn mười mấy ngày. Bệnh mười ngày là thuộc chủ-khí của Thiếu-âm, người thầy thuốc, ngược lại, lại cho xô đến hai ba lần. Thế là đã làm nghịch lại cái chốt cửa của Thiếu-âm. Bốn năm ngày sau, tức là bệnh được khoảng mười lăm, mười sáu ngày, đúng vào lúc Thiếu-dương chủ khí, khi Thái-dương không hâm xuống dưới lại muốn đi theo chốt cửa để ra ngoài, vì thế ta biết Sài-hồ chúng vẫn còn, trước hết ta dùng Tiều Sài-hồ thang nhằm giải ngoại biếu. Nếu người bệnh lại ôi không ngừng, đó là khi Thái-dương không theo con đường chốt cửa để xuất ra mà lại theo con đường chốt cửa để nhập vào làm ảnh-hưởng đến vùng thuộc Quân-chủ. Bên ngoài có chứng-tượng dưới Tâm cấp mân, bên trong có bệnh-tình của chứng uất-uất hơi bứt-rứt. Đó là bệnh chưa giải. Ta dùng Đại Sài-hồ thang để cho xô, đó là xô ra tà-khí mà không tấn-công việc đại-tiện, bệnh sẽ khỏi.

**Đại-ý:** Đây nói về bệnh đang ở tại chốt cửa. Ta dùng Tiều Sài-hồ thang, nhờ chốt cửa đưa khí từ trong ra ngoài, lại dùng Đại Sài-hồ thang cũng dùng chốt cửa để đưa tà-khí từ trong xuống dưới.

Đường Dung-Xuyên bổ:" Nếu chỉ chấp vào chủ khu: chốt cửa để mà giải-thích về Thiếu-âm kinh thì ta sẽ không thể nào hiểu rõ chúng 'ôi không ngừng' được. Còn đối với chúng 'Tâm hạ cấp', nếu chỉ nói là 'vùng Quân-chủ' thì rất hàm-hồ. Chúng đều biết rằng vùng gọi là 'Tâm hạ' là chỉ vào vùng thuộc cách-mạc trước i. vực, còn chủ cấp có nghĩa như là 'lý cấp'

hoặc 'thiếu-phúc-cấp', tức là một dạng co-thắt cách-mạc. Khi nào các mản cách-mạc thông-lợi thì sẽ giải được cái uất-trệ. Khi Hỏa trong các mản mõ của Tam-tiêu thịnh thì nó sẽ thiêu đốt cách-mạc thành ra chứng cấp; khi nào Hỏa đó hợp với Tâm-bào thì sẽ thành chứng phiền (bứt-rút); khi nào Hỏa nghịch thì thành chứng ói không ngừng. Chứng nặng ở Tiểu Sài-hồ thang, vì thế ta chỉ dùng nó để so-tán chứ không thể giáng được Hỏa. Muốn giáng Hỏa ta phải dùng Đại Sài-hồ thang, vì trong Đại Sài-hồ thang, Đại-hoàng làm cho khí xuống dưới, Hỏa không còn nghịch bệnh sẽ khỏi. Ta lại còn dùng vị Sài-hồ nhằm thông-đạt cách-mạc; khi mà cách-mạc được thông-đạt thì không còn chứng cấp."

Ngô Quốc-Định chú:" Bệnh-co của điều này bắt đầu ở Thái-dương bệnh, truyền đến Thiếu-dương, do Tiểu Sài-hồ thang-chứng chuyển-biến thành Đại Sài-hồ thang chứng; và lại nó còn ám-thị rằng từ Đại Sài-hồ thang-chứng có thể di-hành sang Dương-minh bệnh. Ta thấy được sự khác biệt trong vai-trò của Tiểu và Đại Sài-hồ thang. Ngoài ra nó còn chứng-minh rằng ở đây Thiếu-dương trước rồi mới đến Dương-minh, như vậy những gì mà Nội-kinh nói 'nhi nhật Dương minh, tam nhật Thiếu-dương ...' chưa hẳn là một quy-luật.

Chữ 'quá kinh' ý nói biểu-chứng đã giải, bệnh-tà chuyển-nhập Thiếu-dương hoặc Dương-minh. Mặc dù cho xổ lầm, nhưng mãi đến bốn năm ngày sau chứng Sài-hồ thang vẫn còn. Ta nên cho dùng Tiểu Sài-hồ thang trước...

Tuy Thiếu-dương chưa giải, nhưng Vị đã thực. Ở đây,

Vị thực cũng chưa đến nỗi phải dùng Đại Thùa-khí thang. Nhưng dù sao thì Vị cũng đang thực, không lẽ ta không cho xổ ? Vì thế ta phải dùng Đại Sài-hồ thang, vừa hòa được biếu, vừa tả được lý, bệnh sẽ khỏi."

Lâm Lan chú:" Chứng ầu bát chỉ thuộc chứng bán biếu bán lý vẫn còn; nhưng chứng Tâm hạ cấp, uất uất vi phiền', chắc chắn trong ruột đang có phân táo-bón, nếu không cho xổ thì không thể lành bệnh, vì thế người xưa cho dùng Đại Sài-hồ thang để chữa."

Thang-Bản Cầu-Chân chú:" Tiểu Sài-hồ thang có Sinh Khuong, Bán-hạ, vì thế có thể dùng để trị chứng ói. Thế nhưng tác-dụng trấn ói của nó chỉ phát-huy ở hung-hiếp bị khổ-mãm mà thôi. Nó không có tác-dụng ở chứng 'Tâm hạ cấp'. Tiểu Sài-hồ thang tuy không có tác-dụng trị Đại-tiên bí, nhưng chứng tiện không do nội bị thực do Thủy-độc nghịch lên trên mà không giáng xuống, nên trong thang này không có Chi-thực và Đại-hoàng, hai vị thuốc chuyên xổ bệnh-độc do nội thực.

Tuy nhiên, Đại Sài-hồ thang cũng có Sinh Khuong, Bán-hạ có tác-dụng trấn ói, tuy có phần giống với Tiểu Sài-hồ thang, nhưng chứng này không chỉ có 'hung-hiếp khổ mān', còn có 'Tâm hạ cấp', tức là bệnh-độc làm cho thực bên trong, tiện bí, vì thế nó khác với Tiểu Sài-hồ thang."

Mạch-chứng, thiệt-chứng, châm-cứu: Mạch phải huyền đại hoặc trầm kết, rêu lưỡi phải vàng mà dày. Châm Trung-hoàn, Túc Tam-lý giải phiền cấp và ói, hợp với Thùa-sơn,

*Chi-câu trị tiện bí; châm Gián-sứng ngương chứng phiền, ngung ói, thoái Nhiệt.*

#### 41: Đại Sài-hồ thang phương: 大 柴 胡 湯 方

Sài-hồ	(1/2 cân)
Hoàng-cầm	(3 lượng)
Thuốc-dược	(1/2 thăng, rửa sạch)
Bán-hạ	(1/2 thăng, rửa sạch)
Sinh Khuong	(5 lượng)
Chi-thực	(4 lượng, nướng)
Đại Táo	(12 quả, bỏ ra)

Tất cả 7 vị trên dùng nước khoảng 1 đấu 2 thăng, sắc còn 6 thăng, bỏ xác, sắc thêm còn 3 thăng, uống ấm 1 thăng, ngày 3 lần.

Đại Sài-hồ thang phương còn một phương khác nữa, trong đó có Đại-hoàng. Vương Thúc-Hòa nói rằng nếu không có Đại-hoàng e không phải là Đại Sài-hồ thang. Như vậy, phương này có hai pháp, Trọng-Cánh đều lập-luận khác nhau để dùng cả hai. Chốt cửa của Thiếu-dương quan-hệ với cánh cửa đóng lại của Dương-minh, vì thế dùng Đại-hoàng để điều-hòa Vị-khí.

Trần Úy giải phương: "Phàm Thái-dương bệnh khí không nghịch lên mà đang ở bên trong. Khí này muốn mượt đường chốt cửa của Thiếu-dương để thoát ra ngoài. Trọng-Cánh gọi đây là Sài-hồ chứng:

\* Tiểu Sài-hồ thang-chứng: Tâm bứt-rút, hoặc giữa ngực bứt-rút, hoặc dưới Tâm hối-hộp (quý); điểm quan-trọng ở tai

'dưới hông sườn bị khổ mǎn'.

\* **Đại Sài-hồ thang-chứng:** không ở dưới hông sườn mà ở dưới Tâm, gọi là 'Tâm hạ cấp, uất uất vi phiền'; 'Tâm hạ bī ngạnh'. Đây là sự khác nhau giữa hai phương-thang này.

Ta còn điểm khác nhau nữa:

\* **Tiểu Sài-hồ thang chứng:** hay ói hoặc giữa ngực bị bứt-rứt không ói.

\* **Đại Sài-hồ thang chứng:** không phải chỉ không ói mà lại ầu và thở; không chỉ ói mà còn ói không ngừng. Sở dĩ như vậy là vì khí của Thái-dương không theo ra ngoài nữa mà lại nhập vào trong, xâm-phạm vào vùng của Thiếu-âm Quân-chủ. Phương này dùng Thuốc-dược, Hoàng-cầm, Chỉ-thực, Đại-hoàng là vì bệnh-thể đã vào trong sâu, phải dùng vị khổ để giải chứng phiền cấp bên trong; ta lại dùng Sài-hồ và Bán-hạ để khơi dậy khí nhất Âm và nhất Dương; dùng Sinh Khương, Đại Táo để tuyên-phát khí Trung-tiêu. Vì bệnh-thể đang nhập vào trong sâu mà bệnh-tình lại muốn xuất ra ngoài. Vì thế thang này mượn đường của Thiếu-dương để đưa khí thoát ra ngoài, khác với Thừa-kí thang."

Chu Dương-Tuần chú:" **Đại Sài-hồ chủ-trị ở Thiếu-dương, kiêm thêm lý-chứng.** Nay ngoại-tà chưa giải, như vậy ta không thể trị lý-chứng; và nếu lý-chứng đang còn, không thể dùng phép chuyển ra ngoài. Vì thế trong lúc dùng phép hòa, ta lại gia thêm loại ít loại được-vị làm tiêu chảy nhẹ, ta dùng vị khổ Hàn của Chỉ-thực, Đại Táo nhăm tiết-

thoát cái Nhiệt của Dương-minh. Ta dỗi Cam-thảo ra Thược-dược là vì chúng phiền uất không không hợp với vị cam, do đó ta dùng tính thu-liễm nhằm tu-nhuận cho Can. Tại sao thế ? Bởi vì Đởm và Can cùng quan-hệ nhau. Ta làm vinh cho Can thì chúng phiền của Đởm sẽ giải. Trọng-Cảnh luận về Thái-dương kinh, trong chứng-trạng tà-khí nhập Bàng-quang, ông cho dùng Ngũ-Linh tán; trong chứng-trạng Thiếu-dương kiêm Dương-minh, ông đưa ra Đại Sài-thang, đều thuộc phép lưỡng giải cả biểu lẫn lý."



### Điều 108: 傷 寒 十 三 日 不 解 胸 脊

Thương Hàn thập tam nhật bất giải, hung hiếp  
滿而嘔日晡所發朝熱已而  
mản nhi ầu. Nhật bô sở phát triều Nhiệt, dĩ nhi  
微利此本柴胡證下之以不  
vi lợi. Thủ bản Sài hò chúng há chi dĩ bất  
得利今反利者知醫以丸藥  
đắc lợi, kim phản lợi giả, tri y dĩ hoàn được  
下之此非其治也潮熱者實  
há chi, thủ phi kỳ trị dã. Triều Nhiệt giả thực  
也先宜小柴胡湯以解外後  
dã, tiên nghi Tiểu Sài hò thang dĩ giải ngoại, hậu  
以柴胡加芒硝湯主之  
dĩ Sài hò gia Mång tiêu thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương Hán bệnh đã 13 ngày, các kinh đã truyền hết một vòng rồi trở lại với kinh Thái-dương. Nếu bệnh vẫn không giải, nó sẽ giao cho Dương-minh chủ khí, tức là bệnh sẽ truyền vào kinh để đến với Dương-minh. Dương-minh chủ về 'hợp: đóng lại', cũng là chủ vùng ngực; Thiếu-dương chủ về 'khu: chốt cửa' và chủ về hông sườn. Ngực và hông sườn đã bị đầy mà lại ối, đó là do Dương-minh chủ hợp, khí không chuyển ra ngoài theo con đường của Thiếu-dương chủ khu được. Khi nào mặt trời xé, tức là vào những giờ thân, dậu, tuất, lúc mà Dương-minh vượng, do đó mà người bệnh có lúc bị sốt. Sau khi sốt giảm thì bị tiêu chảy nhẹ. Đây vốn là Sài-hồ chứng, nhưng ta lại không biết dùng Đại Sài-hồ thang-phương để cho xổ, vì thế mà không đại-tiện..được. Nay, ngược lại, người bệnh bị tiêu chảy nhẹ, ta biết đó là do người thầy thuốc đã dùng thuốc hoàn để cho xổ, trị như vậy là không đúng phép. Chứng triều Nhiệt là do khi Dương-minh đang thực. Trước hết nên dùng Tiêu Sài-hồ thang để giải tà-khí của Thái-dương bên ngoài. Sau đó, ta dùng Sài-hồ gia Mang-tiêu thang để giải tà-khí của Dương-minh bên trong, làm chủ trị. Bởi vì bệnh hung-hiếp mãn mà ối là do bởi Thái và Thiếu-dương bị bệnh; còn xé chiều mà có lúc bị sốt, đó là bệnh của Táo-khí thuộc Dương-minh.

**Đại ý:** Điều (108) này nói về khí của Thái-dương bị nghịch ở Dương-minh trung Thổ. Bệnh này cũng phải giải bằng cách cho tà-khí theo con đường của 'khu: chốt cửa' để

thoát ra ngoài. Sài-hồ già Mang-tiêu thang cũng nằm trong con đường 'khu-chốt cửa' mà thôi. Nó khác với Thủa-khí thang.

**Thừa Đạm-Am** chú: "Trời xế chiều' thuộc về thời-gian của giờ thân và giờ đậu. 'Triều Nhiệt' là nói cơn sốt có lúc. Nhiệt bệnh của Dương-minh là do Đại-trường kết-thực. Sách Thương-hàn Minh-lý luận có nói.' Triều Nhiệt ý nói triều như là nước thủy-triều. Nó bao giờ cũng lên đúng lúc. Mỗi ngày phát một lần gọi là triều Nhiệt. Nếu như mỗi ngày phát hai đến ba lần, hoặc năm lần, ta gọi là phát Nhiệt, chứ không phải là triều Nhiệt. Triều Nhiệt thuộc Dương-minh, tất nhiên nó sẽ phát vào lúc xế chiều'.

Bệnh ngực và hông sườn bị đầy mà ối, trời xế chiều thì sốt đó là bệnh chung của Thiếu-dương và Dương-minh, tức là thuộc Sài-hồ chúng. Nội-dung của điều này không dùng Đại Sài-hồ thang, bởi vì người thầy thuốc đã cho uống thuốc hoàn, đã có tiêu chảy nhẹ, khí ở phủ đã thông. Thế nhưng phép xổ trên không làm xổ được cái táo-bón do kết thực gây ra. Vì thế ta phải dùng thêm Mang-tiêu để phát được cái kết-táo mà không dùng Chỉ-thực, sợ làm thương-tồn đến Vị-khí."

**Chu Vũ-Tái** chú: "Bệnh thuộc Dương-chứng không được cho xổ, vốn phải dùng phép của Thiếu-dương chứng để trị. Nay, ngược lại, lại cho xổ, đó là thuốc hoàn-dược cho xổ sai-lầm. Tính của thuốc hoàn là trì-trệ, làm cho tiêu chảy, tà-khí ở lý chưa đi, làm thương đến tân-dịch. Vì thế tuy có tiêu chảy nhẹ, nhưng chứng ngực đầy và triều Nhiệt vẫn như cũ, chứng hông sườn đầy và chứng ối vẫn còn. Bấy giờ

*nếu ta dùng Đại Sài-hò thang e rằng tân-dịch đang bị thương-tổn sẽ làm cho tà-khí nội ngoại đều không ổn. Vậy ta chỉ nên cho dùng Tiểu Sài-hò thang, trước hết nhầm giải ngoại-tà, sau đó ta lại gia Mang-tiêu nhầm đuổi cái Nhiệt ở huyết-phận. Đây chính là phương-pháp tuyêt-vời của thánh-nhân nhầm cứu-văn tân-dịch, do chữa bệnh sai-lầm mà thành biến-chứng."*

**Mạch-chứng, thiêt-chứng, châm-cứu:** Mạch phải huyền đại, huyền sác, lưỡi có rêu dày màu vàng.

*Châm Kỳ-môn, Túc Lâm-khấp, Nội-quan nhầm trị ngực và hông bị đầy mà ói; châm Gián-sú, Chi-câu, Thừa-sơn, Nội-dịnh nhầm chữa chứng sốt vào mỗi xế chiều.*

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Chứng 'ngực đầy mà ói' là vùng cách-mạc của Tam-tiêu bị uất-trệ. Chứng 'sốt vào mỗi xế chiều' là do thực Nhiệt của Dương-minh Đại-trường bị táo-kết. Trước hết nên dùng Tiểu Sài-hò thang nhầm trị chứng ói và đầy, Sau đó dùng Mang-tiêu thang nhầm trị táo-thực. Được vậy thì khí ở cách-mạc sẽ thông lên trên, bệnh sẽ khỏi.

*Cái thực của Đại-trường có đi xuống cũng không làm cho tiêu chảy, nay bệnh đã khỏi nhưng lại có tiêu chảy nhẹ, tại sao vậy ?*

*Bởi vì chứng bệnh này, trước hết là ói và đầy, sau đó mới triều Nhiệt. Như vậy, chứng xảy ra sau thuộc 'tiêu', còn chứng xảy ra trước thuộc 'bản'. Chứng ói và đầy thuộc Tiểu Sài-hò thang, cần phải được thăng đật. Nếu như chúng ta cho dùng Đại Sài-hò thang để cho xổ mà vẫn chưa thấy tiêu*

chảy, đó là vì tà-khí thuộc 'Ấu và Mãn: ói và đầy', đang muốn đạt lên trên, không thể làm cho tiêu chảy được.

Tại sao chúng ta biết được rằng phải dùng Đại Sài-hồ thang thì mới xổ được? Đó là vì điều này đang nối tiếp điều trên. Ta lại biết nếu là thuộc Đại Sài-hồ thang bản chứng, tuy có cho xổ nhưng không xổ, đó chính là chứng mà ở đây ta gọi là 'Ấu Mãn triều Nhiệt' đã dứt, nhưng lại có tiêu chảy nhẹ. Như vậy ta biết ngay người thấy thuốc đã dùng loại hoàn-dược để công-phá riêng, cương ép phải xổ. Trị như vậy là không đúng phép, do đó có biến-chứng xảy ra.

Ở đây ta thấy bản bệnh thuộc Thái-dương chứng, tiêu bệnh lại thuộc Dương-minh chứng. Người thầy thuốc không phân-biệt được cái nào tiên, cái nào hậu, lại dùng hoàn-dược cho xổ sai-lầm. Đoạn sau nói tiếp về bản-chứng của Đại Sài-hồ thang: đầy và ói; tiêu-chứng là: triều Nhiệt. Đó là thực Nhiệt của Dương-minh Đại-trường. Phép trị là phải phân tiên hậu. Trước hết phải cho uống Tiểu Sài-hồ thang để giải ngoại-tà nhằm làm cho khí ói và mân được đạt lên trên, sau đó dùng Sài-hồ già Mang-liêu thang nhằm tiết được thực Nhiệt của Đại-trường, nhò vây chứng triều Nhiệt sẽ khỏi... Đại Sài-hồ thang dùng để trị Vị-khí. Vị-khí thông với các mản mõ. Các khói mõ của con người đều mang sắc vàng để ứng với màu của Thổ. Mản cách-mạc dưới Tâm nối liền với Tỳ và Vị. Hai bên hông sườn có nhiều mạn mõ, khi Nhiệt ở tại các khói mõ sẽ làm cho nó bị trướng và tắc. Vì thế điều (107) trên nói về chứng 'Tâm hạ cấp', có dùng

*Đại-hoàng, bởi vì Đại-hoàng sắc vàng, vị khô ... Còn ở điều (108) này thì dùng Mang-tiêu nhằm trị Đại-trường. Đại-trường nằm ở dưới vùng Hạ-tiêu. Vùng Hạ-tiêu ít khói mờ, chỉ có các màn mờ làm thông giữa Đại và Tiểu-trường. Đại-trường thuộc Táo Kim, Mang-tiêu sắc bạch thuộc Kim, chất của nó nhuận, trị Táo, vị Hàn chạy thẳng xuống Hạ-tiêu, vì thế dùng nó để trị chứng Táo của Đại-trường. Nếu phân-biệt được như vậy thì mới biết được sự tinh-tế của Trọng-Cảnh trong việc dụng dược."*

Trịnh Úng-Mao chú: "Chứng hưng hiệp mãn mà ôi, triều Nhiệt thuộc bản-chứng của Sài-hồ thang. Nếu biết rằng dùng Đại Sài-hồ thang cho xổ là khỏi bệnh, tại sao sau khi khỏi lại có tiêu chảy nhẹ? Vì người thầy thuốc không dùng vị tân Hán của Sài-hồ để xổ mà lại dùng tính độc Nhiệt của hoàn-dược để xổ. Tuy rằng sau khi cho xổ có tiêu chảy chút ít, nhưng Nhiệt càng nhiều hơn, nó lưu lại bên trong thành chứng 'thực Nhiệt'. Bởi vì cho xổ như vậy, chỉ có dịch-thủy bị bức phải chảy ra mà thôi, chất cốc vẫn còn lưu lại bên trong.

Triều Nhiệt thuộc thực-chứng, Trọng-Cảnh sợ mọi người hiểu lầm rằng sau khi cho xổ thì bên trong bị hư, vì thế mới nêu rõ chứng triều Nhiệt để nhắc-nhở. Cái 'thực' sau khi dùng phép công không phải do Vị thực, mà nó chính là do tà Nhiệt tạo thành. Ta chỉ cần dùng Tiểu Sài-hồ thang giải-trù ngoại-tà, sau đó dùng Đại Sài-hồ thang có Mang-tiêu để rửa sạch chứng táo-kết, nhưng không thể dùng

*Đại-hoàng.*"

Ông Hô chú: " Hai chữ 'triều Nhiệt' lê ra phải nói thêm 'hạn xuất' mới đủ. Tuy nhiên, Thái-dương trúng Phong cũng 'phát Nhiệt hạn xuất'. Ta phải phân-biệt thế nào ?

Thái-dương trúng Phong 'phát Nhiệt hạn xuất' thì hạn xuất rõ-ràng, còn Dương-minh đại Nhiệt hạn xuất phải gọi là 'triều', bởi vì chữ 'triều' ở đây chỉ ngọn nước dâng lên có lúc, chỉ cần làm nhuận da một lúc mà thôi ..."

#### 42 . Sài-hồ-gia Mang-tiêu thang phương:

##### 柴 胡 加 芒 硝 湯 方

Sài-hồ	(2 lượng 6 thù)
Bán-hạ	(20 thù)
Hoàng-cầm	(1 lượng)
Cam-thảo	(1 lượng, chích)
Sinh Khuong	(1 lượng, cắt ra)
Nhân-sâm	(1 lượng)
Đại Táo	(4 quả, bóc ra)
Mang-tiêu	(2 lượng)

Tất cả 7 vị trên, cho vào nước 4 thăng, sắc lấy 2 thăng, bỏ xác, cho Mang-tiêu vào, rồi lại sắc tiếp-tục, đợi khi nào sôi nhẹ, chia ra uống ấm làm 2 lần.

Ngô Quốc-Định giải phương:" *Đây là phương-tế kiêm trị cả Thiểu-dương lẫn Dương-minh. Vì cho xổ làm làm cho Vị-khí táo-kết lưu lại bên trong, ta phải dùng Sâm Thảo để phù-trợ cho Vị-khí; gia Mang-tiêu để làm nhuận cho chúng táo-kết, cũng lại. Ta không dùng Đại-hoàng là bởi vì Đại-*

*hoàng mang tinh kích-thích, còn Mang-tiêu thì không. Khi ta cho xổ làm làm thương đến khi của Dương-minh, ta không thể làm thương-tồn tiếp-tục.*

*Sài-hồ gia Mang-tiêu thang phương cũng như Đại Sài-hồ thang phương, cả hai đều trị Thiếu-dương và Dương-minh hợp bệnh. Tuy nhiên, Đại Sài-hồ thang trị "Thiếu-dương chứng kiêm lý thực, nhưng chính-khí chưa hư", còn Sài-hồ gia Mang-tiêu thang phương trị "Thiếu-dương chứng lý thực (phân táo, cứng), nhưng chính-khí đã hư". Nay xin liệt-kê những điểm khác nhau như dưới đây:*

a) Giống nhau: Cả hai đều trị Thiếu-dương bệnh kiêm lý thực.

b) Khác nhau:

\* Đại Sài-hồ thang: lý thực nhưng chính-khí chưa hư, vì thế không dùng Sâm, Thảo mà chỉ gia Chỉ-thực, Thuốc-duo, Đại-hoàng.

\* Sài-hồ gia Mang-tiêu thang: táo-kết nặng mà chính-khí đang hư, vẫn dùng Sâm, Thảo, nhưng gia Mang-tiêu nhằm phá chứng táo, cứng trong Vị, không dùng Đại-hoàng.

Uông Hô chú: "Người thầy thuốc dùng hoàn-duo, tức là Ba-đậu tiêu hoàn từ duoc, nó cưỡng-bức người bệnh phải xổ thật mạnh cho phân ra ngoài. Ba-đậu tính tân-liệt (mạnh), sẽ làm thương-tồn rất mạnh đến Vị-khí. Nay nếu lại dùng Đại Sài-hồ thang thì sức mạnh của Chỉ-thực và Đại-hoàng sẽ làm cho khí trong Vị vốn đã đang thọ tà, lại chịu sự tấn-công

nặng hơn. Vì thế Trọng-Cảnh cho dùng Sà-hồ già Mang-Nêu, trong đó Nhân-sâm, Cam-thảo phù-trợ cho Vị-khí. Vả lại, sau khi tiêu chảy nhẹ thì chất dịch đã tiết ra, phân táo sẽ còn lại bên trong. Mang-tiêu có thể thăng Nhiệt và tấn-công phân cứng. Tính của nó đi xuống thật nhanh, không hại đến Vị-khí. Đó là cách làm nhất-cử luồng-tiện vây."



**Điều 109. 傷 寒 十 三 日 不 解 過 經**  
Thương Hán thập tam nhật, bất giải, quá kinh  
譖 語 者 以 有 热 也 當 以 湯 下  
thiêm ngữ giả, dĩ hūu Nhiệt dã, đương dĩ thahg há  
之 若 小 便 利 者 大 便 當 硬 而  
chi. Nhược tiêu tiễn lợi giả, đại tiễn đương ngạnh, nhi  
反 下 利 脈 調 和 者 知 醫 以 丸  
phản há lợi, mạch điều hòa giả, tri y dĩ hoàn  
藥 下 之 非 其 治 也 若 自 下 利  
dược há chí, phi kỵ trị dã. nhược tự há lợi  
者 脈 當 微 厥 今 反 和 者 此 爲  
giả, mạch đương vi quyết, kim phản hòa giả, thử vi  
內 實 也 調 胃 承 氣 湯 主 之  
nội thực dã. Điều Vị Thừa khí thang chủ chí.

Dịch nghĩa: Thương Hán đến ngày thứ 13, kinh đã đì trọn một chu, để rồi trở lại ở Thái-dương; bệnh không giải, như vậy bệnh-khí cũng đã qua Dương-minh của Vị-

*phủ, gọi là quá kinh. Người bệnh nói sàm, đó là do Vị-phủ có Nhiệt. Ta nên dùng thang-dược để cho xổ. Nếu tiêu-tiện được lợi, đó là tân-dịch, đại-tiện phải cứng. Nay đại-tiện không cứng, nhưng, trái lại có tiêu chảy. Ta chẩn mạch, mạch vẫn không khác với chúng, tạm gọi là điều-hòa. Ta biết rằng người thầy thuốc đã dùng hoàn-dược để cho xổ, đó là phép trị không đúng. Nếu Vị-khí bị hư Hàn để rồi phải tiêu chảy, mạch phải vì mà tay chân cũng quyết-lạnh. Nay mạch và chúng của Dương-minh Vị-phủ không khác nhau, tức là ngược lại gọi là hòa, bởi vì hoàn-dược có tính hoãn, lưu lại bên trong, không đi. Đây là nội thực. Ta dùng Điều Vị Thừa-khí thang để làm chủ trị, nhằm xua đuổi khí đang ở lại bên trong, tức là đã hòa được Vị-khí.*

**Đại-ý:** Điều (109) trên nói về bệnh-khí theo con đường của kinh-khí để qua đến Dương-minh. Dương-minh thuộc chúng nội thực, ta dùng hòa-dược để tấn-công cho xổ, dễ dẫn đến biến-chứng tiêu chảy; trong lúc đó lý thực vẫn còn, ta có thể dùng Điều Vị Thừa-khí thang để làm hoãn bớt lại.

**Thừa Đạm-Am chủ:** "Điều (108) thuộc Thiếu-dương và (109) thuộc Dương-minh, cả hai khi dùng hoàn-dược đều bị biến-chứng tiêu chảy.

*Chữ 'quá kinh' ý nói bệnh thương Hàn đã trải qua một số ngày, không còn ở Thái-dương nữa mà đã truyền vào các kinh khác rồi. Chữ 'nói sàm' chỉ vào chứng-trạng đặc-biệt thuộc Dương-minh bị Nhiệt kết, trọc-khí có độc-tố làm*

cho bệnh-nhân bị mê-loạn. Thành-phần nước ở Trường Vị bị hấp-thu đi từ Thận sang Bàng-quang làm cho đại-tiện bị táo cứng và vỡ nát ra. Tiêu-tiện được thông-lợi cho biết rằng thành-phần nước ở Đại-trường bị khô-ráo.

Trường-hợp này không thể thấy chúng tiêu chảy. Nay, ngược lại, lại có chứng hạ-lợi, nếu không dùng thuốc xổ-ắt sẽ tự-lợi. Chứng tự-lợi thuộc Thái-âm, mạch phải vi mà tay chân phải bị quyết-lạnh. Nay mạch lại điều-hòa, đó rõ ràng không phải chứng tự-lợi. Người thầy thuốc cho dùng hoàn-dược để cho xổ. Thế nhưng, cái mà hoàn-dược cho xổ lại là thành-phần nước còn lại trong Đại-trường chứ không phải là phân đang bị táo-kết. Vì thế dù cho có xổ, nhưng bệnh cũng sẽ không khỏi, mà ngày càng làm cho phân càng bị táo-kết hơn. Sở dĩ phải dùng Điều Vị Thừa-kí thang là vì Đại-trường đang bị thương bởi chữa-trị sai-lầm. Không nên dùng đến Đại Thừa-kí thang."



### Điều 110: 太陽病不解熱結膀胱

Thái dương bệnh bất giải, Nhiệt kết Bàng quang  
其人如狂血自下下者愈其  
kỳ nhân như cuồng, huyết tự há, há giả dù. Kỳ  
外不解者尙未可攻當先解  
ngoại bất giải giả, thượng vị khả công, đương tiên giải  
其外外解已但少腹急結者  
kỳ ngoại, ngoại giải dĩ, dǎn thiêu phúc, cấp kết giả.

# 乃 可 攻 之 宜 桃 核 承 氣 湯

nǎi kě cóng chí, nigh Đào hạch Thừa khí thang.

Dịch nghĩa: *Thái-dương bệnh không giải, nếu bệnh đi từ ngực và hông sườn vào trong trai qua vùng của Dương-minh và Thiếu-dương, đó là chứng của Tiểu Sàihò thang. Nay bệnh di từ đường kinh ở lưng để nhập vào phủ của mình, gọi là Nhiệtết ở Bang-quang. Bang-quang nằm ở vùng Thiếu-phúc. Nội-kinh viết: 'Bang-quang là bào-thất'. Bào-thất là huyết-hài nằm bên ngoài Bang-quang, nhưng cùng Bang-quang chung-cắt huyết trong bào. Huyết thuộc Âm, ở đây nó không thăng Dương, vì thế người bệnh như cuồng; nếu huyết tự di xuồng thì Nhiệt sẽ theo huyết để xuồng thì bệnh tự khỏi. Nếu tà-khí ở bên ngoài giống như Quế-chi chứng mà không giải, chúng ta cũng chưa thể dùng phép công, mà trước hết nên giải ngoại-tà; nếu ngoại-tà đã giải, nhưng thiếu-phúc lại bị cấp-kết, đó là cái Nhiệt vô-hình đã kết thành hữu-hình làm ảnh-hưởng đến huyết. Bây giờ mới có thể dùng phép công. Nên dùng Đào-hạch Thừa-khí thang phương.*

Đại-ý: Điều (110) nói về tà-khí của Thái-dương đi theo kinh để vào đến phủ của nó là Bang-quang để gây bệnh.

Thừa Đam-Am chú: "Huyết ứ có nghĩa là huyết-dịch đã vượt ra khỏi huyết-quán, mất đi cái tính của huyết-dịch để trở thành tử huyết: màu tim bầm". Danh-từ y-học gọi là 'huyết-ứ hoặc gọi gọn hơn là 'ứ'. Tử-huyết, về mặt sinh-lý, không những mất đi tác-dụng của huyết mà còn di-hại đến toàn

thân vì độc-chất của nó biến-thành mọi thứ bệnh-tật, ví như bệnh ngoài da, bệnh nhọt, triều Nhiệt, hoặc những bệnh thuộc đau nhức chạy lan khắp nơi.

Nó có thể làm cho huyết-quản bị Hàn hoặc trở-tắc sự tuần-hoàn: nặng thì có thể tạo thành chứng 'trúng Phong thiên phế' đi đến tử-vong, nhẹ thì có thể một bộ-phận nào đó trên người bị đau nhức, mất khả-năng vận-động. Phàm những chứng bệnh thuộc mạn-tinh hoặc kỳ-bệnh, quái-tật, có thể nói phần lớn là do 'huyết-ứ gây nên'. Các phương thang như Đào-hạch Thùa-khi thang, Hà Ú-huyết thang, Đế-đương hoàn thang, Quê-chí Phục-linh hoàn... đều dùng để trị ú-huyết rất hay.

Chữ 'như cuồng' ý nói bệnh chưa đến nỗi bị cuồng, chỉ là do độc-tố của ú-huyết gây nên. Nay phải làm thế nào để cho ú-huyết xổ xuồng được thì bệnh sẽ khỏi.

Chữ 'thiểu-phúc' là chỉ vào vùng huyết Quan-nguyên, Trung-cực, bên trong là thuộc vùng của Bàng-quang. Nay nếu Nhiệt kết ở thiểu-phúc thì tất nhiên Nhiệt kết Bàng-quang' chứ không phải 'Nhiệt kết ở bên trong Bàng-quang'. Nếu như ú-Nhiệt mà "kết ở bên trong Bàng-quang' thì huyết sẽ di theo con đường tiêu-tiên thoát ra ngoài.

Câu 'thiểu phúc cắp kér ý nói bên trong thì ú-Nhiệt ngưng-trệ còn bên ngoài thì bì-nhục kiên-cấp (căng cứng lên). Đây chính là chứng-hậu bên ngoài của chứng 'súc huyết ú, chửa lại'. Đào-nhân và Đại-hoàng làm phá ú-huyết; Quê-chí làm thông huyết-quản, đồng thời làm giáng chứng xung-nghịch; Mang-tiêu thì làm mềm được khói u; Cam-thảo

*làm hoãn được tình-trạng căng-cáp. Thê là chứng ú-huyết do Nhiệt kết ở thiểu-phúc được rửa sạch."*

**Châm-cứu:** Châm *Hợp-cốc*, *Ngoại-quan* nhằm giải ngoại chứng; châm *Trung-lù du*, *Thú-liêu* làm chuyên-biến vùng thiểu-phúc; châm *Huyêt-hải Tam Âm-giao*, *Âm Lăng-tuyễn* nhằm làm tan Nhiệt-trệ; châm *Ủy-trung* làm phóng huyết, giải ú-Nhiệt, ú-huyết tuy chưa giải nhưng có thể làm cho nó bài-tiết ra ngoài, tức là do tác-dụng của sinh-lý, nó sẽ theo con đường của đại-tiện và tiêu-tiện để ra ngoài hết sạch.

**Kha Vận-Bá** chú: " *Huyêt của mạch Xung và Nhịm hội nhau ở thiểu-phúc. Nay Nhiệt làm cho huyêt không xuống dưới được, nó sẽ kết và làm cho thiểu-phúc bị cắp. Tuy nhiên, vì là bệnh từ ngoài vào, trước hết ta phải thẩm-định sự khinh-trọng của biểu Nhiệt để mà trị biểu, tiếp theo mới dùng đến Đào-hạch Thừa-khí thang để công phàn huyêt bị kết bên trong.*"

#### 43: Đào-hạch Thừa-khí thang : 桃 核 承 氣 湯

*Đào-nhan* (40 hạt, bỏ bì và dầu nhọn)

*Đại-hoàng* (4 lượng)

*Quê-chi* (2 lượng, bỏ bì)

*Cam-thảo* (2 lượng, chích)

*Mang-tiêu* (2 lượng)

Cho 4 vị vào 7 thăng nước, sắc còn 2 thăng, bỏ xác, xong mới cho Mang-tiêu vào, lại cho lên lửa sắc tiếp cho đến khi sôi nhẹ, đem xuống trước hết uống ấm 5 hợp, ngày

ba lần, phải có tiêu chảy nhẹ.

**Trần Úy giải phương:** "Cây đào đặc được Dương-kí của mùa xuân, nhân của nó vị khô, thuộc loại được hành huyết. Nó được sự giúp sức của Đại-hoàng đuôi được cái cù, dành được cái môi; nó được sự giúp sức của Mang-tiêu để thanh Nhiệt tiêu ú; nó được Cam-thảo giúp để chủ-trì Trung-thở. Ta dùng đến 2 lượng Quê-chi, các nhà chư-giải đều cho là dễ giải ngoại-tà, thực sự họ không biết rằng vị tân của Quê-chi có thể hành khí; khí vận-hành được thì huyết mới vận-hành được. Nội-kinh đã nói: 'Huyết ở trên thì hay quên, huyết ở dưới thì như cuồng'."

**Ngô Quốc-Định giải phương:** "Ta phân-biệt chứng tiễn huyết: nếu do tiền-âm tiêu ra huyết gọi là niệu-huyết, còn do hậu-âm tiêu ra huyết gọi là tiện-huyết. Trong này có câu 'huyết tự há, há giả dù' ý nói trong đại-tiễn có lẩn huyết; lại có câu 'kỳ ngoại bất giải giả, thương vị khả công, dương tiên giải kỳ ngoại'. đây chính là phương-pháp trị-liệu nhât-quán của sách Thương-hàn luận: tiên giải biếu, hậu trị lý. Ở phần cuối của phương-té này, ta có câu: '... phải có tiêu chảy nhẹ, như vậy dù thấy phương-té này cũng thuộc về xổ. Khi đại-tiễn ra huyết có nghĩa là những vết nhọt trong ruột đều có thể dùng thuốc xổ (ruột bị thương Hàn thì cầm dùng), dùng như vậy là để rửa sạch đường ruột, trừ được tác-dụng tai-hại của độc-tố bên trong. Vai trò của Điều Vị Thừa-kí thang là thanh-trừ chất uế bên trong. Đào-nhân có tác-dụng trấn-tĩnh hô-hấp, trừ được chứng 'như cuồng'; Quê-

*chi giáng được xung-nghịch nhằm hỗ-trợ cho công-năng của Điều Vị Thừa-kì thang ...”*

Tiên Hoàng giải phương: “Theo Thần-nông bán-thảo thì Đào-nhân chủ-trị về ú huyết và huyết bế; Đại-hoàng làm xổ được ú-huyết tích-tụ, rửa sạch Trường Vị, đuổi cũ tạo mới; Mang-tiêu làm tan được khói u, đuổi huyết, chính là ý-nghĩa của câu nói Nhiệt đậm bên trong phải dùng vị hàn để chữa; tác-dụng của Quέ-chi là làm thông huyết-mạch, tiêu ú-huyết; Cam-thảo bảo-vệ Tỳ Vị, làm hòa-hoãn được tính Hán của Đại-hoàng và Mang-tiêu.”

Vưu Tại-Kinh giải phương: “Phương-tէ này dùng vị khô Hán của Đại-hoàng trừ Nhiệt, làm sạch Trường Vị, đóng vai quân; dùng vị hàn Hán của Mang-tiêu nhập vào huyết làm tiêu khói u, đóng vai thần; dùng vị tân ôn của Quέ-chi, dùng vị tân nhuận của Đào-nhân làm công việc trực huyết, tán tà, đóng vai sú; dùng Cam-thảo với vị cam làm hòa-hoãn cái thể mạnh của các vị khác, không để chúng làm thương-tồn đến chính-kì, đóng vai tá.”



### Điều 111: 傷 寒 八 九 日 下 之 胸 滿

Thương Hán bát cửu nhật, hả chi hung mǎn.

煩 驚 小 便 不 利 謳 語 一 身 盡  
phiền kinh, tiểu tiện bất lợi, thiêm ngữ, nhất thân tận  
重 不 可 轉 側 者 柴 胡 加 龍 骨  
trọng, bất khả chuyển trắc dã. Sài hồ gia Long cốt

# 牡 碼 湯 主 之 Mẫu lệ thang chủ-chì.

Dịch nghĩa: Thương Hán đến ngày thứ tám, dùng vào lúc Dương-minh chủ khí, ngày thứ chín, dùng vào lúc Thiếu-dương chủ khí, ta cho xô làm thương đến khí của Dương-minh, vì thế ngực bị đầy và làm nghịch khí của Thiếu-dương gây thành chứng bứt-rứt và kinh sợ. Bởi vì Thiếu-dương thuộc Tam-tiêu, bên trong nó hợp với Tâm-chủ Bảo-lạc. Tiêu-tiện bất-lợi bởi vì Thiếu-dương Tam-tiêu là quan-năng khai ngoài nước, nay lại bị thất đi chức-năng của nó. Nói sàm do Dương-minh Vị-khí bị bất-hòa; cả thân mình bị nặng-nè không thể xoay-trở, đó là do kinh Thiếu-dương tuần-hành dọc theo bên hông thân người làm cho khó xoay-trở. Ta dùng Sài-hồ gia Long-cốt, Mẫu-lệ thang làm chủ-trị.

Đại ý: Điều (111) này luận về khí Thái-dương bị bệnh, do người thầy thuốc vung-về cho xô sai-lầm đến nỗi cả ba kinh Dương đều bị bệnh, đồng thời đưa ra phương trị cho trường-hợp này: nó tu-nhuận cho chứng Táo của Dương-minh, trợ cho chốt của Thiếu-dương, đồng thời Thái-dương không mất đi chức-năng 'khai' của mình. Bệnh-khí sẽ thoát ra bằng con đường của Thiếu-dương.

Thành Võ-Kỳ chú:" ... Ta dùng Tiểu Sài-hồ thang để trừ chứng hung mãn nhi phiền'; gia Long-cốt, Mẫu-lệ, Diên-dơn nhằm thu-liêm thân-khí để trấn được chứng lo sợ; gia Phục-linh nhằm vận-hành được tân-dịch, làm lợi tiêu-tiện; gia Đại-hoàng nhằm đuổi được cái Nhiệt ở Vị, trừ dữ

*chứng nói sàm; gia Quê-chi nhầm vận-hành Dương-khí, giải được chứng thân mình nặng-nè."*

Vưu Tại-Kinh chú: "Thương Hán sau khi cho xổ làm, tà-khí có khi tập-trung vào một nơi như két hung, há lợi, cũng có khi nó tản-mạn ra toàn thân như những chứng đã kể trong điều (111) này. Chứng hung mẫn là do tà-khí phạm ở trên; chứng 'tiểu-tiện bát-lợi' là do tà-khí phạm ở dưới; chứng 'phiền kinh' là do tà-khí làm động ở Tâm; chứng thièm ngủ là do tà-khí kết ở Vị. Tất cả các chứng trên đều thuộc ở lý.

*Chứng 'nhất thân tận trọng, bất khả chuyển trắc' do tà-khí tấn-công khắp cân-mạch, cốt-nhục, thuộc biếu. Bệnh hợp cả biếu lý, thượng hạ thì phải dùng phép trị cả Âm Dương, hợp tán. Ta dùng Sài-hồ, Quê-chi để giải ngoại-tà, trừ được chứng thân mình nặng-nè; dùng Long-cốt, Mẫu-lệ, Diên-dơn nhầm trấn được ở lý, dứt được chứng bứt-rứt, lo-sợ; dùng Đại-hoàng nhầm hòa được Vị-khí, dứt chứng nói sàm; dùng Phục-linh nhầm lại tiểu-tiện ở Bàng-quang; dùng Nhân-sâm, Khuong, Táo nhầm làm ích khí, dưỡng doanh-vệ, làm nòng-cốt trong việc đuổi tà-khí. Thế là biếu-lý, hư-thực được xử-lý thích-đáng, tà-khí được trừ sạch."*

**Mạch-chứng, thiệt-chứng, châm-cứu:** Mạch phải huyền sác, tế sác, lưỡi phải hồng, rêu vàng. Châm *Nội-quan*, *Gián-sú* trị ngực đầy, bứt-rứt, lo-sợ, nói sàm; châm *Âm Lăng-tuyên*, *Túc Tam-lý*, *Trung-cực* làm thông tiểu-tiện; châm *Nội-dịnh* làm thanh được Vị Nhiệt; châm *Đại-chùy*, *Đại-bao* trị chứng toàn thân nặng-nè.

**44: Sài-hồ gia Long-cốt, Mẫu-lệ phương thang:**

**柴 胡 加 龍 骨 牡 碚 方 湯**

**Bán-hạ** (2 lượng, rửa sạch)

**Đại Táo** (6 quả)

**Sài-hồ** (4 lượng)

**Sinh Khuong** (1 lượng ruồi)

**Nhân-sâm** (1 lượng ruồi)

**Long-cốt** (1 lượng ruồi)

**Diên-don** (1 lượng ruồi)

**Qué-chi** (1 lượng ruồi, bỏ bì)

**Phục-linh** (1 lượng ruồi)

**Đại-hoàng** (2 lượng)

**Mẫu-lệ** (1 lượng ruồi)

Tất cả các vị trên, dùng 8 thăng nước, sắc còn 4 thăng, xong cho Đại-hoàng cắt nhỏ vào, sắc tiếp sôi vào dạo, bỏ xác, uống ấm 1 thăng.

Sách Nội-dài phuơng-nghị nhận-xét: "Ta dùng Sài-hồ làm quân nhầm làm thông được tà-khí ở biểu-lý, trừ được chứng hung hiếp mẫn; dùng Nhân-sâm và Bán-hạ làm Thần, gia Sinh Khuong, Đại Táo làm thông tân-dịch; gia Long-cốt, Mẫu-lệ, Diên-don nhầm thu-liễm thần-khí trấn được chứng lo-sợ, tất cả làm Tá; gia Phục-linh nhầm làm lợi tiêu-tiện, vận-hành tân-dịch; gia Đại-hoàng để đuổi Nhiệt ở Vị, dứt chứng nói sàm; gia Qué-chi để vận-hành Dương-khí, giải được chứng toàn thân nặng-nề, tất cả đều làm Sứ. Tất cả 11 vị trên trị được bệnh thương Hàn lý

nghịch. Đứng ra nó gồm 12 vị, nhưng có bàn in không gồm Hoàng-cầm, cho nên chỉ còn 11 vị."

Ngô Quốc-Định phân-tích Đại Sài-hồ thang và các biến-chứng :

Thiểu-dương chứng lý thực: Đại Sài-hồ thang	chứng-trạng:	ői không thôi, dưới Tâm bị cấp, uất-uất hơi bứt-rứt, ngực, hông sườn bị đầy mà ői, trời xé chiều thì phát triều Nhiệt.
	bệnh-lý:	bệnh tuy nặng, chính-khí chưa hư
Thiểu-dương chứng bị cho xổ sai-làm, chính-khí bị hư, tà-khí làm loạn;		
1) Sài-hồ gia Mang-liêu thang :	chứng-trạng:	há lợi, triều Nhiệt
	bệnh-lý:	bị thực tuy thảm nhưng chính-khí chưa hư
2) Sài-hồ gia Long-cốt, Mẫu-lệ thang :	chứng-trạng:	ngực đầy, bứt-rứt, kinh-sợ, tiểu-liện bài-lợi, nói sầm, toàn thân nặng-nề.
	bệnh-lý:	tà-khí đã tán-kháp chu thắn, biểu lý, trên dưới đều bệnh.



### Điều 112: 傷 寒 腹 滿 譬 語 寸 口 脈

Thương hàn, phúc mẫn, thièm ngũ, Thốn khâu mạch

浮 而 繫 此 肝 乘 脾 也 名 曰 縱

phù nhi khắn. Thủ Can thừa Tỳ dã, danh viết 'Tung',

刺 期 門 thích Ký môn.

Dịch nghĩa: Thương Hán, bụng bị đầy, đó là thuộc Thái-âm chứng; nói sầm thuộc Dương-minh chứng; mạch không nên phù khắn, vậy mà ta lại được mạch Thốn-khâu cả ba

*bộ phù mà khắn, gọi là huyền, mạch huyền thuộc Can. Đây là Can thừa lên Tỳ. Sách Nội-kinh viết: 'Các chứng thuộc về bụng bị trưởng to lên đều thuộc về Nhiệt', lại nói: 'Can-khí thịnh thì nói nhiều'. Ở đây, bụng bị đầy mà lại nói sầm, đó là do Can thịnh mà biến thành vây. Khi Can vượng thì nó sẽ xâm-phạm vào cái nó sở-thắng, tức là tác động lên Tỳ Thổ, gọi là 'tung', tức là ý thế ngang dọc để hiệp kè khác, nên châm hai huyệt Kỳ-môn, nhằm ngăn chặn sự ngang tàng này.*

**Đại ý:** Điều (112) này hợp với điều (113), sau khi luận về bệnh thuộc về tạng hữu-hình, mà không phải khí vô-hình. Khi nào ở khí vô-hình thì gọi là Thái-âm, là Quyết-âm ..., còn ở tạng hữu-hình thì phải gọi là Can, là Phé.

**Thành Vô-Ký chú:** "Chứng 'Bụng đầy, nói sầm' thuộc Tỳ Vị; chứng 'mạch phù mà khắn' thuộc mạch của Can. Tỳ bệnh mà hiện Can-mạch, đó là Mộc thừa Thổ, gọi là Tung'.... Huyệt Kỳ-môn là huyệt Mộ của Can, châm huyệt này nhằm tả được vượng-khí của Can-kinh."

**Sách Y-tông kim-giám chú:** Thương Hàn mạch phù khắn, đó là chứng biếu Hàn của Thái-dương; chứng 'bụng đầy, nói sầm' thuộc lý Nhiệt của Thái-âm và Dương-minh. Nếu ta định phát hạn do con đường của Thái-dương thì e phạm đến khi ở lý của Thái-âm và Dương-minh; và nếu định cho xổ theo con đường của Thái-âm và Dương-minh thì lại ngại đến khi ở biếu của Thái-dương. Như vậy việc chữa-trị trở thành luồng nan. Do đó mà ta không dùng

*được cả hai phép trị trên, ta chỉ còn cách dùng phép châm mà thôi. Tuy nhiên, trong phần luận của Thái-âm, ta thấy có nói rằng nếu biếu của Thái-dương chưa giải mà có thêm chứng bụng đầy, đau của Thái-âm, ta dùng Quê-chì già Đại-hoàng thang cũng được. Đây là trường hợp Can thừa Tỳ, gọi là Tung, châm huyệt Kỳ-môn...*

**Ngô Quốc-Định** dẫn **Nội-kinh**, định nghĩa:

- \* Thủy hành thừa Hỏa, Kim hành thừa Mộc ----- Tung
- \* Hỏa hành thừa Thủy, Mộc hành thừa Kim ----- Hoành
- \* Thủy hành thừa Kim, Hỏa hành thừa Mộc ----- Nghịch
- \* Kim hành thừa Mộc, Mộc hành thừa Hỏa ----- Thuận



**Điều 113: 傷 寒 發 热 嘔 呕 惡 寒 大  
渴 欲 飲 水 其 腹 必 滿 自 汗 出  
小 便 利 其 痘 欲 解 此 肝 乘 肺  
也 名 曰 橫 刺 期 門**  
Thương Hàn phát Nhiệt, sắc sắc ô Hàn, đại khát, dục ẩm Thủy, kỳ phúc tắt mẫn, tự hạn xuất, tiểu tiễn lợi, kỳ bệnh dục giải. Thủ Can thừa Phế dã, danh viết Hoành, thích Kỳ môn.

**Dịch nghĩa:** Thương Hàn phát Nhiệt, đó là bệnh tại biếu. Thái-dương chủ biếu mà Phế cũng chủ biếu, người bệnh co-ro vì ô Hàn, đó là vì bì-mao bị hư. Thái-dương chủ bì-mao mà Phế cũng chủ bì mao, Kim bị Hỏa khắc, cho nên

*người bệnh khát dữ-dội, muốn uống nước. Uống nước quá nhiều, Phé-khí không còn thông-diều Thủy-dạo, cho nên bụng tật phải bị đầy. Nếu tự hạn xuất thì chứng phát Nhiệt ô Hàn sẽ có lối thoát; tiêu-tiện lợi thì chứng bụng đầy sẽ có lối thoát, như vậy là Phé-khí được quyền-biển để thực-hiện nhiệm-vụ chế-tiết của mình, đó là bệnh muốn giải với những chứng phát Nhiệt ô Hàn, bụng đầy đó là Can Mộc thừa Phé Kim đang hư, gọi tên là 'Hoành', ý nói vọng hành thao-túng, ngang-ngược, không còn sợ ai cả. Ta châm huyệt Kỳ-môn để chữa chứng 'Hoành'.*

**Đại-ý:** Huyệt Kỳ-môn là huyệt Mộ của Can, là nơi hội của kinh Quyết-âm và mạch Âm-duy, khi châm vào sẽ thông được những nơi mà Sái-hồ thang không vào được. Khi châm vào, ta bảo bệnh-nhân hít vào 5 lần, ngưng trong giây lát, ta rút kim ra từ-từ, đó là phép bình tả.

**Thừa Đạm-Am chú:** "Đây rõ-ràng là thuộc biều Hàn, thượng Nhiệt kiêm đình Thủy..."

**Thành Vô-Kỳ** chú: "Chứng Thương Hàn phát Nhiệt, sắc sắc ô hàn' đó là Phé bệnh; chứng 'đại khát, dục ẩm Thủy,' là do Can-khí thắng... Châm Kỳ-môn là để tả Can-khí đang thịnh. Khi khí của Can và Phé được bình, Thủy tán và tân-dịch được thông, bên ngoài tự hạn xuất, bên trong tiêu-tiện được lợi, bệnh sẽ khỏi."



## Điều 114: 太陽病二日反躁反熨

Thái dương bệnh nhị nhật, phản táo, phản úy

其背而大汗出火熱入胃胃  
 kỵ bối nhi đại hàn xuát. Hỏa Nhiệt nhập Vị. Vị  
 中水竭躁煩必發讐語十餘  
 trung Thủy kiệt, Táo phiền tắt phát thièm ngũ. Thập dư  
 日振慄自下利者此爲欲解  
 nhật chấn lật, tự há lợi giả, thủ vi dục giải  
 也故其汗從腰以下不得汗  
 dā. Cố kỵ hạn tùng yêu dī hạ bất đắc hạn,  
 故欲小便不得反嘔先欲失  
 có dục tiểu tiện bất đắc, phản ầu. (Tiêu) dục thất  
 洩足下惡風大便硬小便當  
 sūu. túc hạ ó Phong. Đại tiện ngạnh, tiểu tiện đương  
 數而反不數及不多大便已  
 số, nhi phản bất số cùp (bất) da. Đại tiện dī.  
 頭卓然而痛其人足心必熱  
 đầu trác nhiên nhì thông, kỵ nhân túc tâm tắt Nhiệt,  
 穀氣下流故也  
 cốc khí há lưu có dā.

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương bệnh được hai ngày, đúng vào lúc Dương-minh chủ khí, đó là bệnh ở Thái-dương mà đắc khí của Dương-minh làm cho dao-dộng bất-an, ngược lại tạo nên chứng Táo, nó lại lên làm chán-dộng đến khí của Quân-hỏa, ngược lại gây thành chứng phiền (bứt-rứt), ở giữa nó làm mất tân-dịch ở Vị, tắt phải phát ra chứng*

*nói sầm. Hơn mười ngày, lại đến thời-kỳ Thiếu-âm chủ khí, được Thủy-âm của Thiếu-âm hỗ-trợ, nhờ vậy mà Âm-khí được phục-hồi, Dương-Nhiệt được trừ, trước hết ta thấy người bệnh có hiện-tượng lạnh run, tự há lợi. Đó là Dương-minh đặc được khí của Thiếu-âm, Âm Dương để rồi bệnh muôn khỏi. Ôi! Khí Âm Dương biến-hóa thật là huyền-diệu khôn-lường. Nếu luận về một bộ-vị nào đó trên cơ-thể con người thì nửa phía trên của thân thuộc Dương, nửa phía dưới của thân thuộc Âm. Vì như Dương-khí ở phía trên không xuống dưới để giao với Âm, cho nên mồ-hôi từ phía thất lung không xuất ra được, muôn tiêu-tiện cũng không được, ngược lại phải ối. Nếu Âm ở dưới mà không lên trên được để giao với Dương thì muôn tiêu cũng không tiêu được, phía dưới chân ô Phong. Thế nhưng, trên và dưới sở dĩ không giao nhau được, đó là do Vị bị thực làm ngăn-cách. Trước đó Vị chỉ bị kiệt, nhưng sau đó đại-tiện sẽ bị táo-cứng. Đại-tiện bị cứng thì phải theo phép mà làm cho thông, không nên câu-nệ vào các chứng đại-tiện cứng, tiêu-tiện phải nhiều lần mà ngược lại không nhiều lần và cũng không nhiều. Nếu được thông và sau khi thông, đại-tiện xong thì chứng táo-kết sẽ khỏi, Hỏa-tà sẽ tiết ra ngoài, được vây Âm-khí sẽ vận-hành để thông lên trên, làm cho đầu thấy đau lâng-lâng; Dương-khí được sáng-sủa để đi xuống dưới để tiếp nối cho phía dưới, làm cho lòng bàn chân tắt Nhiệt. Đó là do cốc-khí đi xuống dưới được rồi vậy.*

**Đại-ý:** Từ điều (114) này trở đi gồm 11 điều nữa, đều nói

về những sai lầm khi dùng Hỏa để chữa bệnh, nhằm chứng-minh rằng Thái-dương là chủ khí của các kinh Dương. Dương thuộc Hỏa cho nên không thể dùng Hỏa công Gọi là không nên dùng Hỏa, tức là phải để ý Khuong-độc, Kinh-phòng, Khuong-phụ, Qué, Thủ ... Theo Đường Dung-Xuyên thì điều (114) này văn-lý quả phúc-tạp và khó hiểu, e rằng có chỗ sơ-sót; văn-cú lại không mạch-lạc, ý-nghĩa không quán-thông, nhiều bản in nội-dung khác nhau, ta nên để khuyết-nghi và nghiên-cứu lại cho rõ-ràng hơn.



### Điều 115: 太陽中風以火劫發汗

Thái dương trúng Phong, dì Hỏa kiếp phát hàn,  
邪風被火熱血氣流溢失其  
tà Phong bị Hỏa Nhiệt, huyết khí lưu dật, thất kỳ  
常度兩陽相熏灼其身發  
thường độ, luồng Dương tương huân chua, kỳ thân phát  
黃陽盛則欲衄陰小便難陰  
hoảng. Dương thịnh tắc dục nục, Âm hư tiểu tiện nan; Âm  
陽俱虛竭身體則枯燥但頭  
Dương cát hư kiệt, thân thể tắc khô táo, dàn đầu  
汗出劑頸而還腹滿微喘口  
hạn xuất, tê cảnh nhi hoàn. Phúc mẫn vi suyễn, khẩu  
乾咽爛或不大便久則譫語  
can, yết lan, hoặc bất đại tiện, cửu tắc thiêm ngư,

甚者至喊手足躁擾捻衣摸  
thậm giả chí uyết, thủ túc táo nhiễu, niệm y mạc  
床小便利者其人可治  
sàng, tiểu tiện lợi giả, kỳ nhân khả trị.

Dịch nghĩa: *Thái-dương* bệnh trúng Phong, dùng *Hỏa* để bức cho phát hàn, tà Phong càng bị *Hỏa* Nhiệt bức huyệt-khi phải tràn-ngập ra ngoài, mất đi cái thường-dộ vận-hành của Âm Dương. *Lưỡng Dương* cùng đốt nóng lẫn nhau, thân mình bị phát thành màu vàng. Nay giả-thiết *Dương-tà* thịnh ở *Dương-vị* thì nó có thể thừa cái thê của *Dương* để muôn chảy máu cam, làm cho tà-khí theo con đường của máu cam để giải bệnh. Còn như *Dương-tà* thịnh, thừa vùng hư của Âm-phận để mà nhập sâu vào vùng khô cạn của tân-dịch của con người, như vậy tiểu-tiện sẽ khó-khăn để rồi Âm-khí và *Dương-khí* đều bị hu-kiệt. Ta quan-sát thấy toàn thân-thê sẽ không có mồ-hôi và khô-táo, thê nhưng mồ-hôi dầu bị *Hỏa* Nhiệt công lên trên phải xuất ra; vì tân-dịch không còn có thê vận-hành chu thân nên nó theo con đường ở cổ để quay về. Tà Nhiệt uất lại bên trong sẽ làm cho bụng bị đầy, hơi suyên; tà Nhiệt hơ nóng bên trên sẽ làm cho miệng khô, cổ họng loét; lúc dầu thì khí *Dương-minh* táo-kết hoặc chỉ thấy có chứng không đại-tiện được, thời-gian hơi lâu sau ắt sẽ làm cho thần-trí bị loạn và nói sàm. Nặng hơn nữa là khi sẽ bị nghịch đèn phải ói, đó là bệnh đã đi quá sâu rồi vậy. Tay chân là cái gốc của kinh *Dương*, khi tà Nhiệt kháng-

*thịnh thì tay chân bị táo-máy, quờ-quạng, vò áo, sờ giường, tất cả chứng-minh rằng chán-Âm đã bị vong, e rằng sức mạnh của được khó thắng. Ta bắt-buộc phải thẩm-sát lại xem đường tiêu-tiện còn lợi hay không để biết rằng một chút chán-Âm tưởng như đã mất mà vẫn chưa mất. Được vậy, ta hy-vọng người bệnh vẫn còn trị được.*

**Đại-ý:** Điều (115) này nói về việc dùng Hỏa để công bệnh trở thành nguy-chứng ... Nếu bệnh-nhân tiêu-tiện còn lợi thì còn có thể trị được.

*Thừa Đạm-Am chú:" Thái-dương bệnh trúng Phong, nên dùng Quê-chi thang để làm cho vi hạch. Nay người thầy thuốc lại dùng Hỏa để tấn-công, cướp lấy mồ-hôi, thế là cái Nhiệt của Phong-tà lại bị cái Nhiệt của Hỏa-công hổ-trợ; Nhiệt càng lên cao , huyết-dịch càng sôi-sục để tràn-ngập khắp nơi, mất đi cái lẽ thường-độ của sự vận-hành. Phong-Nhiệt và Hỏa-Nhiệt đốt nóng tân-dịch, huyết-cầu băng-hoại, chất trấp tràn ra ngoài; tan vào trong huyết, làm cho toàn thân bị vàng, gọi là 'hoàng-dản'.*

*Bấy giờ Nhiệt-độc kháng-thịnh đưa huyết lên trên làm cho Dương-thịnh muôn chảy máu cam; tân-dịch lại bị đốt nóng, thủy-phân bị tiêu-hao quá nhiều sẽ làm cho Âm hư và tiêu-tiện khô-khăn. Âm Dương, nội ngoại đều bị Nhiệt chung-cắt, tân-dịch bị khô-cạn, hư-kiệt, bi-phu không còn tươi-nhuận, làm cho thân-thể bị khô-táo. Nhiệt chung-cắt lên trên làm cho đầu bị xuất mồ-hôi ... Bệnh nặng như vậy, theo phép là không trị được nữa, nhưng nếu còn tiêu-*

*tien duoc thi con co the tri duoc."*

**Mạch-chứng, thiệt-chứng, châm-cứu:** Các chứng-trạng loại này gồm nhiều dạng như: thân-thể vàng, muốn ra máu cam, bụng đầy, tiểu-tiện khó-khăn, hơi suyễn, cổ họng bị loét... vì thế mạch và lưỡi cũng không giống nhau. Tuy nhiên, vẫn không ra khỏi mạch hồng đại, hoạt sác, rêu vàng ...Châm-cứu:

- thân vàng: châm *Chí-dương, Tỳ-du, Uyền-cốt, Công-tôn, Âm Lăng-tuyễn.*
- máu cam: châm *Hợp-cốc, Khúc-trì, Lê-doài, Chí-âm.*
- tiểu-tiện khó-khăn, châm *Phục-lưu, Gián-sú.*
- miêng khô, cổ họng loét: châm *Thiểu-thương, Ngư-tế, Thiên-dinh, Liêm-tuyễn.*
- Mồ-hôi đầu: châm *Chi-câu, Thủa-sơn, Nội-dinh.*
- Ói: châm *Nội-quan, Chiên-trung, Thuợng-hoân.*
- tay chân quờ-quạng: châm xuất huyết 12 tĩnh huyết của 12 kinh, châm trọng thích 12 hợp huyết của 12 kinh.

Hoàng Khôn-Tái đưa ra các phương-thang để trị các chứng như sau:

- \* Dùng **Ma-hoàng Thạch-cao thang** làm tiết-thoát biếu Nhiệt
- Dùng **Đại-hoàng Mang-tiêu thang** làm tiết-thoát lý Nhiệt.
- Dùng **Bán-hạ Sinh Khương thang** làm giáng nghịch khí.
- Dùng **Tru-linh Hoạt-thạch thang** trị Thấp.

Khi mà cả biếu lân lý đều được thanh thì thần-khí sẽ sáng-suốt trở lại.

Theo **Đơn Ba Nguyên Giản** thì câu văn trên e có chỗ sơ-sót,

bởi vì đây là chứng thuần Dương vô Âm vậy làm thế nào có thể nói 'Âm Dương câu hư kiệt' cho được ? Vậy chắc là hậu-nhân có chỗ thêm bớt sai-lầm. Riêng câu 'tế cảnh nhi hoàn', chữ 'tế' chưa được các nhà chú-giải giải-thích rõ-ràng. Vậy, chữ 'tế' phải hiểu là 'chỉ: đến nơi' thì đúng hơn.

Ngô Quốc-Định nhận-định về chứng đầu hạn như sau: "Nói đại-khai thì 'đầu hạn' thuộc Dương-chứng, có hư mà cũng có thực. Hư thì Dương-khí lên trên rồi thoát; thực là do tà-Nhiệt lên trên làm ủng-tắc. Bởi vì đầu là nơi hội của các kinh Dương. Phàm bệnh thương Hàn mà mồ-hôi xuất ra khắp chu thân, gọi là 'Nhiệt việt' (viết tức là vượt ra ngoài). Khi nào toàn thân không có mồ-hôi tức là Nhiệt không vượt ra ngoài được, nó phải lên trên để chung-cắt Dương-phận, vì thế chỉ có mồ-hôi xuất ra ở trên đầu mà thôi. Muốn trị Nhiệt bị chung-cắt, ta phải đuổi Nhiệt, hoặc bằng phép thanh, phép tán; nếu nặng, ta có thể dùng phép xổ. Nếu thuộc chứng khí bị thoát là do phần lớn ở cho xổ sai-lầm làm thương đến Âm, hoặc bị khắc-phạt thái-quá, hoặc bị tiết-tả không ngừng đến nỗi Âm bị kiệt ở dưới và Dương thoát lên trên. Ở dưới thì thủy không thông mà ở trên thì mồ-hôi ra ở đầu. Đó là triệu-chứng chí-nguy."

Về chứng 'tay chân quờ-quạng', Ngô Quốc-Định đưa ra chứng của Đại Thừa-khí thang, như vậy ta có thể dựa vào mạch-chứng để phân-biệt sự tồn-vong của Vị-khí. Tuy có thể dùng phép xổ để trị, nhưng vẫn rất nguy-hiểm. Chỉ khi nào mạch thực thì mới thực-hiện phép trị như trên.

## Điều 116: 傷 寒 脈 浮 醫 以 火 迫 劫

Thương Hán mạch phù, y dĩ Hỏa bức kiếp

之 亡 陽 必 驚 狂 起 臥 不 安 者

chi, vong Dương, tất kinh cuồng, khởi ngoại bất an giả,

桂 枝 去 芍 藥 加 蜀 漆 龍 骨 牡

Quế chi khứ Thược dược gia Thực tất Long cốt Mẫu

蠟 救 逆 湯 主 之 lẻ cứu nghịch thang chủ chi.

Dịch nghĩa: *Thương Hán, mạch phù* thuộc bệnh của *Thái-dương*, nên dùng *Ma-hoàng thang* để làm hóa khí ở *Bàng-quang thành* *tân-dịch*, rồi xuất ra ở *bì-mao thành* *mồ-hôi*, như vậy là bệnh sẽ khỏi. *Thái-dương* tương-hợp với *Quân-hỏa*; *Thái-dương* trong *Dương* chủ về *thần-khí* ở *Tâm*, nay người thầy thuốc dùng *Hỏa* để *bức-cướp* *đến nỗi* làm *vong cái Dương* của *Quân-hỏa* ở *Thương-tiêu*, làm cho *thần-khí* *trôi-nỗi*, thoát ra, *át phai* *kinh sợ* và *cuồng*, nằm ngoài không an. Ta dùng *Qué-chì khứ* *Thược-dược* *gia* *Thực-tất* *Mẫu-lệ* *Long-cốt* *cứu nghịch* *thang* làm *chủ-trị*.

Đại ý: Điều (115) luận về thương Hán trúng Phong, ta dùng Hỏa cướp đi mồ-hôi, chứng-trạng quan-trọng nhất là 'vong Âm', nếu tiêu-tièn còn lợi là còn trị được; điều (116) thuộc thương Hán, lại dùng Hỏa để cướp mồ-hôi, chứng-trạng quan-trọng lại ở 'vong Dương'. Đã 'vong Dương' thì khó mà chờ đợi Dương-khí hồi-phục một mình, vì thế ta dùng thang trên, dù từ Thủ Quyết-âm để cứu bệnh.

Phàm vong Dương trong Âm, ta phải dùng Phụ-tử để

cứu Dương; đây là vong Dương trong Âm nhưng do dùng Hỏa cướp mồ-hôi mà ra, vì thế nó không hợp với Phụ-tử.

**Thùa Đạm-Am** chú:" *Thuơng Hán mạch phù, đó là bệnh ở biếu, ta nên cho phát hàn để giải, vậy mà người thầy thuốc lại dùng Hỏa để cướp lấy mồ-hôi đến nỗi vệ-khí ở ngoài phải bị thoát mất, Hỏa-độc cướp vào đến bên trong, gây thành chứng cuồng, nằm ngồi không an. Ta thấy vì là biếu chứng chưa giải, nên dùng Quê-chi thang; vì nằm ngồi không an, ngực có đàm-trọc, ta bỏ Thuốc-duoc và gia Thục-tất; vì kinh cuồng, ta gia Long và Mẫu để trấn.*"

**Châm-cứu:** châm *Hợp-cốc*, *Ngoại-quan* xua đuỗi biếu-tà; châm *Đại-lăng*, *Gián-sứ*, *Phong-long*, *Nội-dình*, *Túc Lâm-kháp* chữa chứng kinh cuồng, giáng đàm-trọc, hòa Vị-khí.

**Ngô Quốc-Định** chú:" *Thuơng Hán mạch phù, đó là bệnh-tà đang ở biếu, nên dùng Ma-hoàng thang phát hàn, hoặc dùng Quê-chi thang giải cơ. Nay nếu dùng Hỏa để cướp lấy mồ-hôi đến nỗi đại-hạn lâm-ly. Mồ-hôi là chất dịch của Tâm. Khi mồ-hôi ra thì Tâm Dương sẽ theo Dương-khí của Tâm mà tiết ra ngoài. Sách Tố-vấn nói: 'Âm ở bên trong đóng vai gìn-gữ cho Dương (bên ngoài)'. Nay Âm không còn liêm được Dương, Dương sẽ thoát, tán loạn, làm cho kinh-cuồng, nằm ngồi không an ... Chứng vong Dương trong điều (116) này khác với chứng vong Dương của Phụ-tử Tú-nghịch thang. Điều (116) này vệ Dương ở cơ-biểu bị vong, còn Dương thịnh bên trong nội-tạng bụng, ngực xung lên trên để bỗ-sung; khi vệ-khí nguy-kịch thì sẽ làm cho bụng,*

*ngực bị động mạnh, giống như kinh cuồng; nằm ngồi không an chính là chứng-trạng của kinh cuồng.*

*Ngoài ra, chứng vong Dương trong điều (116) này cũng khác với chứng vong Dương do ra nhiều mồ-hôi khi uống làm Ma-hoàng thang và Đại Thanh-long thang, bởi vì Hỏa-tà từ ngoài vào trong. Phần biếu tuy có thể đã giải nhưng Hỏa-tà lại đi từ ngoài vào trong bức-loạn thần-minh, Tâm Dương bất-an thành ra chứng kinh-cuồng. Trọng điểm của nó ở Tâm Dương Ma-hoàng thang và Đại Thanh-long thang thì Dương di từ trong ra ngoài; mồ-hôi ra rồi, biếu tuy đã giải rồi, nhưng đồng thời Dương cũng theo mà vong-thoát ra ngoài, vì thế mới có những chứng-tượng lạnh run và mạch vi, trọng-diểm của nó là ở vệ Dương."*

**Ngô Quốc-Định** đưa ra biếu-đồ so-sánh giữa các chứng vong Dương của Quê-chi khứ Thược-dược gia Thục-tát Mẫu-lệ Long-cốt cứu nghịch thang, Quê-chi Cam-thảo Long-cốt Mẫu-lệ thang và Sài-hồ gia Long-cốt Mẫu-lệ thang:

Tên phương-thang	Nguyên-nhân bệnh	Chứng-trạng	Mục-dich trị-liệu
Quê-chi khứ Thược-dược gia Thục-tát Mẫu-lệ Long-cốt cứu nghịch thang	Thương-Hàn mạch phù, thầy thuốc dùng Hỏa cốt.	vong Dương át bị kinh cuồng, nằm ngồi không an người bệnh cảm thấy ngực bị đầy.	Trấn an Tâm thần, làm cỏ Dương, và hòa vệ.
Quê-chi Cam-thảo Long-cốt Mẫu-lệ thang.	Hỏa nghịch lại cho xổ, tiếp theo lại dùng thiêu châm	Phiền táo	trấn nghịch, cứu Dương
Sài-hồ gia Long-cốt Mẫu-lệ thang	Thương-Hàn tám đèn chín ngày lại cho xổ, rồi lại dùng Hỏa châm	ngực đầy, phiền, kinh sợ, tiêu-liện bất lợi, nói sầm, toàn thân nặng-nề không xoay-trở được	trấn nghịch, cung-cổ không cho thoát Dương thanh giải lý Nhiệt.

**Ngô Quốc-Định so-sánh giữa các chứng vong Tâm Dương, vong Thận Dương, vong vệ Dương:**

Bệnh-cơ	Nguyên-nhân	Chứng-trạng	Trị-pháp	Phương-tệ
Vong Tâm Dương	Tâm thần bị Hỏa cướp	kinh cuồng, nằm ngồi, không an	hồi-phục Dương để trấn an Tâm thần	Qué-chí khứ Thực-dược gia Thực-lát Long-cốt Mẫu- lệ cứu nghịch thang
Vong Thận Dương	phát hạn động đến Thận-khí	quyết nghịch, há lợi, mạch vi-tế.	ôn Thận, hồi Dương.	Chân-võ thang, Tứ- nghịch thang
Vong vệ Dương	hạn xuất, biểu hư.	hạn nhiều, ó Hàn	cung-cố vệ Dương nhằm làm thực ở biểu	Qué-chí gia Phụ-tử thang Thực-dược Cam-thảo Phụ-tử thang

**Vưu Tại-Kinh luận:** "Dương ở đây là Dương của Tâm, tức là cái mà ta gọi là thần-minh vậy; chứng 'vong-Dương' là do Hỏa-khí thông với Tâm, nay thần-minh bị Hỏa cướp không còn tự giữ lấy mình nữa, đây khác với chứng 'phát hạn vong Dương'; bởi vì 'phát hạn' sẽ làm dao động đến tinh-khí, quyết nghịch và ảnh-hưởng đến cơ-nhục, vì thế ta nên dùng Tứ-nghịch thang. Nay nếu bị Hỏa cướp sẽ làm động đến thần-khí làm cho kinh cuồng, ngồi nằm không an, ta nên dùng Long và Lê; khứ Thực-dược là vì ta muốn dùng Cam-thảo để phục-hồi Tâm Dương nhanh hơn, nhưng lại không dùng vị toan, giống nhu trường-hợp sau khi cho phát hạn, người bệnh vòng hai tay che lấy Tâm, dưới Tâm bị hồi-hộp muốn được

đè lên, ta dùng Quê-chi Cam-thảo thang' vậy. Thục-tất túc Thường-sơn miêu, vị tân, có thể trừ được tà-Nhiệt kết khí ở giữa ngực. Chúng này do Hỏa-khí làm bức Tâm-bào bên trong, vì thế ta nên trực tà-khí."

45: Quê-chi khứ Thược-dược gia Thục-tất Mẫu-lệ Long-cốt cứu nghịch thang phương:

桂 枝 去 芍 藥 加 蜀 漆 牡 蛤  
龍 骨 救 逆 湯 方

*Quê-chi* (3 lượng, bỏ bì)

*Cam-thảo* (2 lượng, chích)

*Sinh Khuong* (3 lượng, cắt miếng)

*Đại Táo* (12 quả, bỏ ra)

*Mẫu-lệ* (5 lượng, nướng)

*Long-cốt* (4 lượng)

*Thục-tất* (3 lượng, rửa sạch)

Trước hết, ta dùng 1 đấu 2 thăng nước sắc Thục-tất giảm 2 thăng, xong cho các vị khác vào, sắc tiếp còn 3 thăng, bỏ xác, uống âm 1 thăng.

Trương Lệnh-Thiệu giải phuơng:" *Thương Hàn mạch phù, bệnh ở Dương. Thái-dương cùng tương-hợp với Quân-hỏa, đều chủ về Tâm-thần, thuộc Thái-dương trong Dương. Người thầy thuốc dùng Hỏa để cướp lấy mồ-hôi làm mất đi Dương của Quân-chủ. Nó không phải là Dương-khí được sinh ra từ Hạ-tiêu. Tâm thuộc Hỏa, khi bị bức, nó sẽ làm cho thần-khí bay bổng ra ngoài vì thế mà thành chúng kinh cuồng, nằm ngồi không an. Quê-chi sắc xích vì thế sẽ*

*nhập vào Tâm. Ta dùng nó để bảo-vệ Tâm-khí, dùng Long và Mẫu làm Tá nhằm lấy được khí ở Thủy để chế Hỏa-tà. Thuốc-dược khô-bình không thích-hợp với chúng vong Dương, vì thế nên bỏ đi. Dùng Thục-tát nhằm làm thông và đuổi Dương Nhiệt, vì thế mới dùng Cam-thảo, Đại Táo, Sinh Khuong nhằm hỗ-trợ cho Trung-tiêu. Bệnh ở Dương mà lại dùng Hỏa để cướp khí gọi là 'nghịch', vì thế thang này gọi là 'Cứu nghịch'.*

Sách Y-tông kim-giám chú: "Qué-chi thang mà khú Thược-dược là vì sợ cái Âm-tinh trì-trệ của nó, ngoài ra nó còn chế được Qué-chi ngăn không cho Qué-chi thoát nhanh ra ngoài, mất đi tính cấp-cứu của phương thang. Huống chi ta gia Long-cốt và Mẫu-lệ lại càng không cần đến Thược-dược. Thục-tát khí-vị khô Hán, mà Hán thì có thể thăng Nhiệt, khô có thể thăng nghịch, Hỏa-tà đang thăng và nghịch sẽ bị thanh và giáng."



### Điều 117: 形 作 傷 寒 其 脈 不 弦 繫

Hình tác thương Hán, kỳ mạch bất huyền khẩn

而 弱 弱 者 必 渴 被 火 者 必 譴  
nhi nhược; nhược giả tát khát; bị Hỏa giả tát thièm  
語 弱 者 發 热 脈 浮 解 之 當 汗  
ngú. Nhược giả phát Nhiệt, mạch phù giải chí dương hàn  
出 愈 xuát, dù.

**Dịch nghĩa:** *Bệnh-hình, lúc mới bắt đầu phát-tác giống hệt như là thương Hán, hiện ra các chứng như ố Hán, thê-thống, vô hạn ... Mạch như thế là huyền-khẩn. Nay mạch lại không huyền-khẩn mà lại nhược. Mạch nhược tức là Âm bất-túc, Dương-khí hâm vào vùng Âm-phận làm thương đến tân-dịch. Miệng người bệnh át phải khát. Nay nếu bị Hòa đốt thì tân-dịch càng bị vong, trong ngực táo Nhiệt át phải nói sàm. Tuy nhiên nếu mạch nhược, tuy không thể cho phát hàn, nhưng nếu thấy có phát Nhiệt ta tiếp-tục bắt mạch, tức là trong nhược lại thấy phù, ta không ngại phải uống Quê-chi thang, uống thêm vài ngum cháo. Đó là ta đã theo phép dưỡng Âm để giải, mồ-hôi sẽ xuất ra, bệnh khỏi.*

**Đại ý:** Điều (117) này nói về mạch nhược cũng không thể dùng Hòa để công. Trọng-Cánh không có đưa ra phương thang để chữa-trị. Trinh Hiệu-Thiên đề-nghị dùng Đại Thanh-long thang, Đường Dung-Xuyên đề-nghị dùng Tiểu Sál-hồ thang khứ Bán-hạ, già Quát-lâu cǎn, đồng thời dùng Quê-chi thang, dùng mỗi bên một nửa, uống ấm nhằm cho ra mồ-hôi nhẹ.

Trương Chí-Thông chú:" *Đây là trường-hợp hình-thể tự phát ra Hán Nhiệt chứ không phải do cảm Hán-tà của Trời, dù vậy cũng không thể dùng Hòa để công được. Ôi! Khi nào chính-khí bị tà-khí tân-công thì mạch đi huyền, khi nào chính-khí và tà-khí giằng-co nhau thì mạch đi khẩn. Trường-hợp ở đây không thuộc ngoại-tà, do đó mạch không đi huyền-khẩn mà chỉ đi nhược. Mạch nhược thuộc*

Âm hư. Khi nào mạch đi phù túc là khi đã vận-hành được  
khắp chu thân ở vùng phu-biều, do đó mới nói "đương hạn  
xuất nhi dã"



### Điều 118: 太陽病以火薰之不得

Thái dương bệnh, dí Hỏa huân chi, bắt đắc

汗其人必躁到經不解必清  
hạn, kỳ nhân tất táo, đáo kinh bất giải tất thanh  
血名爲火邪 huyệt, danh vi Hỏa tà.

Dịch nghĩa: *Thái-dương bệnh, theo phép thì phải phát hạn. Hạn của Thái-dương sinh ra từ huyết-dịch của Hạ-tiêu. Nay nếu dùng Hỏa để đốt nóng sẽ làm cho huyết-dịch bị thương để rồi không có mồ-hôi. Huyết-dịch ở Hạ-tiêu sinh ra từ Thận, khi Thận bị thương thì người bệnh sẽ bị chứng tay chân bồn-chồn. Nếu kinh đã truyền đủ 7 ngày sẽ quay lại với Thái-dương kinh vậy mà cũng không có mồ-hôi để giải. Hỏa-tà tấn-công xuống dưới tất sẽ tiêu ra huyết. Nội-kinh viết: 'Âm-lạc bị thương thì sẽ tiêu ra máu'. Đó là do Hỏa-tà gây nên, gọi tên là Hỏa-tà.*

Đại ý: Điều 118 này luận về Hỏa-tà nghịch xuống dưới.

Theo Thừa Đạm-Am thì *Hỏa-công* gồm những động-tác như: *thiêu châm, ôn châm, ngải cứu, hoặc đốt miếng ngói* cho nóng để hơ sau lưng, hoặc hơ nóng giường nằm rồi cho bệnh-nhân nằm lên...

Trương Chí-Thông chú: "HỎA LÀM THƯƠNG THẦN-KHI CỦA

Tâm-chủ, vì thế người bệnh bị 'táo: tay chân bồn-chồn': Táo là chứng mà bên trên làm thương đến thân-khí của Tâm-chủ, bên dưới làm động đến khí của Thiếu-âm ... "



**Điều 119: 脈浮熱甚反灸之此爲實實以虛治因火而動必咽燥睡血**  
Mạch phù, Nhiệt thậm, phản cứu chi. Thủ vi thực, thực cí hư trị. Nhân Hỏa nhi động, tất yết燥睡血 táo tháo huyết.

Dịch nghĩa: *Mạch phù, Nhiệt thậm, đó là Dương-khí đang thực, không nên cứu, ngược lại, lại cứu. Đây chính là cái thực của bệnh-chứng, vậy mà ta lại cho dùng phép cứu, là phép chữa bệnh khi nào khí bị hâm xuồng mà thôi. Bệnh thực mà trị theo hư. Bệnh-nhân bị Hỏa nên động, át nó sẽ lên trên để làm cho cổ họng bị táo, bên trong nó làm động đến huyết để rồi bị ói máu, bởi vì Hỏa-khí thông với Tâm. Nội-kinh nói: "Mạch của Thủ Thiếu-âm, lêm trên dọc theo cổ họng". Nội-kinh lại nói: "Dương-lạc bị thương thì huyết tràn ra ngoài".*

**Đại-ý:** Điều (119) này luận về Hỏa-tà nghịch lên trên đến cổ họng.

Trần Tu-Viên nói rằng chúng này có thể dùng Đại-hoàng tà Tâm-thang, hoặc có thể gia Hoàng-cầm, tức là chứng-trị của sách Kim-quỹ. Một số nhà y-học cũng đồng-ý với ý kiến của Trần Tu-Viên.

*Điều 120: 微數之脈慎不可灸火*

Vi sác chi mạch, thận bát khả cứu; nhân  
火爲邪則爲煩逆追虛逐實  
Hỏa vi tà tắc vi phiền nghịch, truy hư trực thực,  
血散脈中火氣雖微內攻有  
huyết tán mạch trung, hỏa khí tuy vi, nội công hưu  
力焦骨傷筋血難復也  
lực, tiêu cốt thương cân, huyết nan phục dã

**Dịch nghĩa:** *Mạch vi là mạch hư, mạch sác là mạch thuộc Nhiệt. Hư Nhiệt thịnh thì chân Âm hư, phải cản-thận không thể cho cứu, nếu lỡ cứu làm nhân đó làm cho Hỏa thịnh thành tà-khí. Nếu nó tấn-công lên trên thì gọi là phiền-nghịch. Vả lại Âm vốn đang hư, ta lại truy đuổi bằng Hỏa làm cho hư càng hư thêm. Nhiệt vốn đang thực, ta truy đuổi bằng Hỏa làm cho thực càng thực thêm. Âm chủ về doanh-huyết và vận-hành trong mạch, nó bị truy đuổi, thế của nó ắt phải làm cho huyết tán trong mạch. Hỏa của ngái cứu, khí của nó tuy vi-nhuộc, nhưng khi tấn-công bên trong thì thật là hưu-lực, làm cho cốt bị khô, cân bị thương. Thật là đáng sợ. Sở dĩ như vậy là vì cân và cốt nhơ vào sự nuôi-dưỡng của huyết. Nay huyết bị Hỏa đốt phải tán vào trong mạch. Khi mà huyết bị tán thì khó phục-hồi trở lại, suốt đời sẽ trở thành người tàn-phế, ai thấu được nỗi khổ của họ?*

**Đại ý:** Điều (120) này luận về Hỏa-tà nghịch ở giữa. Người bị hư Nhiệt, ta dùng Hỏa tấn-công sẽ làm tan huyết vào trong mạch, như vậy rất rất khó phục-hồi. Đường Dung-Xuyên cho rằng có thể dùng **Thực-dược Cam-thảo thang** để cứu, may ra được một đến hai người trong mươi người.

Ngô Quốc-Định chú: "Mấy điều trước đây đều nói về Dương đang thực Nhiệt, Âm không bị hư. Vì Âm không hư cho nên huyết không thiểu. Thực Nhiệt mà bị Hỏa đốt nóng thì Nhiệt càng tăng lên làm thương đến Dương, vì thế phải thổi huyết, làm thương đến Âm, phải tiêu ra huyết. Như vậy dù thấy cái thẻ của Hỏa dù là 'vị nhẹ', nhưng sự tấn-công của nó vào bên trong thật là mạnh và tai-hại."

Điều (120) này mạch vi, tức là Âm hư, huyết thiểu; mạch sáu thuộc Nhiệt, đúng như Nội-kinh đã nói 'Âm hư sinh nội Nhiệt' vậy. Trường-hop này nếu ta lại dùng Hỏa để cứu, tức là đã làm cho 'hư lại càng hư thêm', đã 'Nhiệt lại làm cho Nhiệt thêm'. Huyết-mạch sẽ mất đi lẽ vận-hành thường-dộ của nó, không còn gì để nhu-nhuận cân và cốt, vì thế cân và cốt ngày càng khô-lai, thành ra suy-nhuược. Ta chỉ dùng phép cứu khi nào khí Hàn Thấp làm trở-tắc bên trong, Dương-khí không đạt tối, các khớp xương bị đau-nhức. Còn nếu như trường-hop chân Âm bị kiệt bên trong, hư Dương lại bay thoát ra ngoài thì tuyệt không thể dùng phép cứu. Đây chính là trường-hop nếu lên để chúng ta cẩn-thận trong khi dùng phép cứu vậy."



*Điều 121: 脈浮宜以汗解用火灸*

Mạch phù, nghỉ dī hạn giải, dụng Hỏa cứu  
之邪無從出因火而盛病從  
chi, tà vô tùng xuất, nhán Hỏa nhi thịnh, bệnh tùng  
腰以下必重而痺名火逆也  
yêu dī hạ tất trọng nhí tỳ, danh 'Hỏa nghịch' dā.  
欲自解者必當先煩乃自汗  
Dục tự giải giả, tất đương tiên phiền, nái tự hàn  
而解何以知之脈浮故知汗  
nhi giải. Hả dī tri chi? Mạch phù có tri hạn  
出解也 xuất giải dā.

Dịch nghĩa: *Mạch phù, bệnh tại biểu, nên dùng phép phát hàn để giải bệnh, nếu dùng ngoài cứu để cứu sẽ làm thương đến Âm huyết, không thể có mồ-hôi, tà-khí không có lồi ra, ngược lại, nó sẽ nhận theo cái thể của Hỏa để mà già thêm cho thịnh. Tinh của Hỏa là bốc nóng lên trên, làm cho Dương-khí cũng bay theo lên trên, rồi không quay trở xuống nữa, vì thế bệnh sẽ xảy ra từ thắt lưng trở xuống, át phải nặng và tý. Nội-kinh nói: "Chân-khí không còn chu-lưu gọi là tý". Đây là trường-hop Hỏa làm hại đến khí cho nên không gọi là 'khí tý', mà gọi tên là Hỏa-nghịch vậy. Tuy nhiên, trước khi cứu, ta vẫn biết rằng phải làm sao cho có tự hạn thì bệnh mới giải. Vậy nên, khi bệnh muốn tự giải, tức là đang sắp có tự hạn xuất. Nội-*

*kinh nói: "Tại Tâm là mồ-hôi", tức là huyết-dịch của Tâm muốn hóa thành mồ-hôi, át trước hết phải bứt-rứt, khi nào có mồ-hôi xuất rồi thì mới giải được bệnh. Tại sao ta biết được nhu thế? Vì khi ta chẩn mạch thấy mạch phù, có triệu-chứng ngoại xuất, vì thế ta biết được khi nào mồ-hôi xuất ra thì bệnh sẽ giải.*

**Đại-ý:** Điều (121) này luận về bệnh-hình sau khi cho cứu sai-lầm, nhưng cũng nêu lên mạch-chứng mà bệnh sẽ khỏi trước khi dùng phép cứu.

**Trương Chi-Thông** chú: "Các chứng tự giải có khi theo con đường 'chảy máu cam', có khi do 'tiêu ra máu', có khi do 'tiêu ra máu' ... Đây là chứng của Thái-dương hàn xuất, ta có thể dựa theo mạch, theo chứng ... để biết. Tài-năng vi-diệu của Trọng-Cánh nằm rải-rác trong các thiên sách, ta nên tham-hợp để nghiên-cứu thì mới hiểu đầy-dủ."

**Kha Vạn-Bá** chú: "Các kinh đều có chứng phiền, nhưng kinh Dương thì thường nặng hơn, cho nên, có loại gọi là 'phát phiền', 'phản phiền', 'cánh phiền', 'nội phiền' ... Bởi vì phiền chính là do Dương-tà làm nhiễu-loạn bên trong. Mồ-hôi chính là Dương-khí phát ra ngoài. Mạch phù là mạch của Dương-thịnh; mạch phù tức là Dương tự phát, như vậy tất trước hết phải có 'phiền' bứt-rứt. Thấy có 'phiền' thì ta phải đợi cho mồ-hôi xuất ra, dùng vội-vã đầu thang để trị. Hán xuất thì Dương-thịnh, do đó Hán-tà tự giải. Nếu như 'phiền' mà không có mồ-hôi, hoặc có mồ-hôi mà bệnh không giải, ta phải thẩm mạch để định chứng. Ma-hoàng

thang hoặc Thanh-long thang có thể tùy-nghi để dùng."

Ngô Quốc-Định chú thêm:" Câu 'tà vô tùng xuất' ý nói sau khi dùng Hỏa để trị sa-lâm, biếu-tà không thể theo mồ-hôi để ra ngoài; câu 'nhân Hỏa nhi thịnh' ý nói sau khi cứu sa-lâm thì tà Nhiệt càng nặng; câu 'ý ... ý nói bệnh ma-mục, bát-nhân, thống ...; câu 'Hỏa nghịch' ý nói phàm dùng Hỏa tri-liệu để rồi hình-thành các biến-chứng."



### Điều 122: 燒針令其汗針處被寒

Thiêu châm lệnh kỳ hạn, châm xú bị Hàn,  
核起而赤者必發奔豚氣從  
hạch khởi nhí xích giả, tất phát Bôn đòn. Khi tùng  
少腹上衝心者灸其核上各  
thiếu phúc thường xung Tâm giả, cứu kỳ hạch thường các  
一壯與桂枝加桂湯更加桂  
nhất tráng, dứ Quέ chi gia Quέ thang, cánh già Quέ  
二兩 nhí lượng.

Dịch nghĩa: Mồ-hôi là chất dịch, nếu ta dùng thiêu châm để cho có mồ-hôi, sẽ làm cho Tâm-dịch bị hư, nơi mũi kim châm vào bị hàn, hạch sẽ nổi lên thành màu đỏ. Đó là Tâm bị hư bên trong, Hàn-khi tỏa ra bên ngoài, làm cho màu sắc của Tâm hiện ra. Thiếu-âm thường thuộc Hỏa, nhưng Thiếu-âm hạ thuộc Thủy. Khi Hỏa suy thì Thủy sẽ thừa lên, vì thế ắt thành chứng Bôn-dộn. Khi sẽ từ thiêu-

*phúc lên để xung vào Tâm. Ta cứu trên chỗ có hạch, mỗi chỗ một tráng nhằm trợ cho Tâm Hỏa và làm tán Hán-kí, rồi lại cho dùng kèm Quê-chi gia Quê thang, lại gia thêm hai lượng Quê (hoặc ba lượng Quê) nhằm làm ôn Thiếu-âm Thủy-tạng, châm-dứt chứng hư-don.*

**Đại-ý:** Điều (122) này luận về trường-hợp Hán bên ngoài ràng-buộc Hỏa bên trong. Ta dùng Hỏa cứu để làm tán uất. Uông Linh-Hữu nói rằng: "Đây là Thái-dương bệnh chưa phát Nhiệt, dùng sai-lầm phép thiêu-châm để khai-phát tấu-lý dẫn Hán-kí nhập vào tạng, phải dùng phép chữa-trị như trên. Nếu như trường-hợp bên trong có uất Nhiệt, ta sẽ thấy hiện ra chứng phiền-táo, nó không nằm trong nội-dung của điều (122) này."

**Phương Trung-Hành** chú:" *Ta dùng Quê-chi thang là để giải chứng 'dục tự giải' ở phần cơ; ta gia Quê-chi là vì Quê di vào Âm và có thể phạt Thận-tà, tiết-thoát chứng Bôn-dòn. Đừng quên, chúng ta gia Quê, chứ không phải Quê-chi. Trong phương-thang, có khi ta vào đến 5 lượng Quê.*"

**Trương Quân-Hành** đặt vấn-đề:" *Thiêu-châm là dùng Hỏa-công mà thành nghịch, tại sao lại còn dùng phép cứu?*"

**Trương Lệnh-Thiều** đáp:" *Cứu ở đây là cứu nơi bị Hán-tà; ngoại Hán ràng-buộc nội Hỏa, Hỏa bị uất bên trong vì thế mà nỗi thành hạch màu đỏ.*"

**Mạch-chứng, thiết-chứng, châm-cứu:** Mạch phải phù mà huyền, rêu lưỡi phải trắng mỏng; châm *Chương-môn*. *Trung-cực, Tam Âm-giao.*

## 46 : Qué-chi gia Qué-thang phuong: 桂枝加桂湯

Riêng thang này, chúng ta thấy các sách của các nhà chú-giải y-học thêm vào từ 2 đến 3 lượng Qué. Phương Trung-Hành cho rằng Qué ở đây là Qué chử không phải Qué-chi, nhưng Thùa Đạm-Am lại cho là Qué-chi. Như vậy, trong phương thang này có đến 5 lượng Qué-chi.



### Điều 123: 火逆下之因燒針煩燥

Hỏa nghịch, há chi, nhân thiêu châm phiền táo  
者桂枝甘草龍骨牡礪湯主  
giả, Qué chi Cam thảo Long cốt Mẫu lệ thang chủ  
之 chi

**Dịch nghĩa:** *Chứng Hỏa-nghịch giống như bệnh-tượng của chứng Vị-thực, người thầy thuốc ngộ-nhận cho đó là chứng lý-thực, vì thế cho dùng phép xổ, xổ xong, bệnh không khỏi, nhân đó lại dùng đến thiêu-châm. Khi cho xổ là đã đoạt khí Âm ở lý, dùng thiêu-châm lại bức đến hư Dương. Âm Dương phân-ly tạo thành chứng bứt-rứt, bồn-chòn. Ta dùng Qué-chi Cam-thảo Long-cốt Mẫu-lệ thang làm chủ-trị.*

**Chú-ý:** Bản của Thùa Đạm-Am lại viết khác với các bản xưa: "Hỏa nghịch thiêu châm hàn chi, nhân phiền táo giả, Qué Linh Cam-thảo Long-cốt Mẫu lệ thang chủ chi."

**Đại-ý:** Điều (123) nay luận về Hỏa nghịch thành phiền táo, ta sử-dụng phương thang này nhằm tái-lập con đường

## Tâm Thận giao nhau.

Thừa Đạm-Am chú:" Trước hết bị *Hỏa-nghịch*, rồi lại dùng thiêu châm để phát hàn, nhân đó đưa đến chứng *Thủy-nghịch phiền-táo*, ta dùng Quế và Linh để hóa *Thủy* trừ phiền, dùng Long Mẫu để trấn tĩnh an táo.

Nguyên-văn viết là 'Hỏa nghịch, hà chí, nhân thiêu châm', như vậy là chưa sai-lầm đến 3 lần mà chỉ đưa đến một chứng phiền-táo, chỉ nhẹ-nhang thế thôi sao?"

Thừa Đạm-Am cho rằng nên bỏ chữ 'hà chí' thêm Phục-linh vào thành ra Quế Linh Cam-thảo Long-cốt Mẫu-lệ thang phương.

**Châm-cứu:** châm *Cụ-khuyết*, *Kiến-lý*, *Tam Âm-giao*. Trong đó, *Cụ-khuyết* và *Kiến-lý* giáng được *Thủy-nghịch* để trừ phiền; châm *Tam Âm-giao* giáng nghịch trị táo.

Ngô Nghi-Lạc chú:" Người bệnh đã bị *HỎA-NGHỊCH*, người thầy thuốc lại cho xổ tiếp theo, thế là chân Âm bị trùng thương, nhân cái dư-độc của thiêu-châm làm cho người bệnh phiền-táo, bất-an, ngoại-tà chưa dứt thì chân Dương muốn vong, vì thế ta dùng Quế-chí để giải ngoại, dùng Long-cốt, Mẫu-lệ để an nội, dùng Cam-thảo để ôn-bỗ nguyên-khi và làm tan được biểu Hán."

Tiên Hoàng chú:" Nhân phát hàn rồi lại cho xổ sai-lầm, bệnh vẫn không giải mà lại táo, ta dùng Phục-linh Tú-nghịch thang làm chủ-trị. Bởi vì vừa cho phát hàn lại vừa cho xổ cả hai đều làm vong Dương, phải dùng phép tri 'ôn kinh phục Dương'. Ở đây, tuy có dùng phép phát hàn và cho xổ, nhưng chưa ra mô-hôi, và lại còn kiêm thêm *HỎA-TÀ*,

trong lúc đó biểu chưa giải, vì thế chỉ có thể dùng phép giải cơ và trấn nghịch."

47 : Quê-chi Cam-thảo Long-cốt Mẫu-lệ thang phương:  
桂枝甘草龍骨牡礪湯

Quê-chi	(1 lượng)
Cam-thảo	(2 lượng, chích)
Mẫu-lệ	(2 lượng)
Long-cốt	(2 lượng)
Phục-linh	(4 lượng)

Tất cả các vị trên nghiền ra bột, cho vào 5 thăng nước, sắc còn 2 thăng rưỡi, bỏ xác, uống ấm 8 hợp, ngày 3 lần.

Trần Úy nhận xét:" Hỏa nghịch tức là Dương "kháng" ở trên, nếu ta cho xổ thì Âm bị "hâm" bên dưới. Dương kháng ở trên không thể gặp Âm cho nên phải phiền; Âm hâm bên dưới không thể gặp Dương cho nên phải táo. Ta dùng Long-cốt, Mẫu-lệ thuộc loài vật thủy-tộc nhằm úc-chê kháng Dương, để nó xuống dưới giao với Âm; ta lại dùng Quê-chi thuộc tân-ôn đưa Âm-khí lên trên giao với Dương. Vi-diệu nhất vẫn là Cam-thảo, ta dùng nhiều để tu-trợ cho Trung-tiêu, làm cho Âm Dương thương hạ giao-thông nhau ở trung-thổ, được vậy chứng phiền-táo sẽ bình."



Điều 124: 太陽傷寒者加溫針必

Thái dương thương Màn giả, gia ôn châm, tất  
驚也 kinh dã.

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương thương Hàn, nếu ở kinh-mạch, nên dùng kim để châm, nếu như ở biếu, ở cơ thì nên phát hàn, không nên châm-thích. Nếu gia ôn châm làm thương đến kinh-mạch, sẽ làm cho thần-khí của kinh-mạch bay ra ngoài, vì thế người bệnh tất bị kinh sợ, đúng như Nội-kinh đã nói: "Nầm ngồi như kinh sợ cái gì, đó là thần-khí đã bay đi rồi vậy".*

**Đại ý:** Điều (124) này tổng-kết 10 điều trên, ám-thị rằng Nhiệt-bệnh thì không thể dùng phép ôn châm.



**Hết thiên Thái-dương trung.(gồm 82 thiên)**

*Thiên HÀ*

*Biện-chứng và  
MẠCH, CHỨNG và TRỊ PHÁP  
trong  
THÁI-DƯƠNG BỆNH*

*Điều 125: 太陽病當惡寒發熱今*

Thái dương bệnh, dương ô Hàn, phát Nhiệt, kim  
自汗出不惡寒發熱關上脈  
tự hàn xuất, bát ô Hàn phát Nhiệt. Quan thương mạch  
細數者以醫者吐之過也一  
té sáu giả, dí y giả thô chi quá dã. Nhất  
二日吐之者腹中饑口不能  
nhị nhật thô chi giả, phúc trung cơ, khẩu bát nǎng  
食三四日吐之者不喜糜粥  
thực; tam tú nhật thô chi giả, bát hỉ mi chúc,  
欲食冷食朝食暮吐以醫吐  
dục thực lanh thực, triều thực mò thô, dí y thô  
之所致也此爲小逆  
chi sở tri dã. Thủ vi tiếu nghịch.

Dịch nghĩa: *Thái-duong bệnh, đáng lẽ phải ô Hàn, phát Nhiệt, nay vì cho ói mà làm thương đến trung-khí, tân-dịch bị tiết-thoát ra ngoài để rồi tự hạn xuất ra. Hạn xuất*

rồi và ngoại-chứng cũng nhẹ, không ô Hàn và phát Nhiệt. Khí của Tỵ Vị bất-túc, cho nên mạch quan thương di tê sác. Đây không thuộc bản-bệnh, mà do bởi người thầy thuốc cho xô thái-quá. Nếu một hai ngày sau mới ói, thì đó là do ngày thứ hai là ngày mà khí Dương-minh làm chủ, khi ói thì Vị-khí bị thương-tổn, nhưng Tỵ-khí thì chưa bị thương-tổn, Tỵ vẫn còn vận-hóa được, vì thế bệnh-nhân cảm thấy trong bụng đói. Vì Vị-khí không nạp cho nên miệng không ăn được. Trường-hợp ba bốn ngày sau mới ói, là vì ngày thứ tư là lúc Thái-âm chủ khí, khi ói thì Tỵ bị thương-tổn, nhưng Vị lại không bị thương-tổn; Tỵ bị thương-tổn thì không thăng được cốc-khí, cho nên không thích ăn cháo. Vị chưa bị thương-tổn cho nên bệnh-nhân thích ăn thức ăn lạnh. Sáng sớm thuộc Dương, Vị thuộc Dương Thổ lại chưa bị thương-tổn, cho nên người bệnh có thể ăn buổi sáng; chiều thuộc Âm, Tỵ thuộc Âm Thổ, Tỵ Âm đã hư cho nên chiều bị ói. Tại sao như thế? Đó là do người thầy thuốc cho ói sai-lầm mà gây nên vậy. Ta gọi đây là tiêu-nghịch.

**Đại-ý:** Điều (125) này luận về chứng bệnh khí nghịch do người thầy thuốc cho ói sai-lầm mà ra. Tiếp theo dưới đây là 3 điều nữa, cũng bàn về những biến-chứng do cho ói sai-lầm gây ra.

Lục Uyên-Lôi chú:" Phàm bệnh thuộc Dương-chứng, thức ăn có độc, chạy lên trên bức vào vùng ngực và cổ họng, ta phải dùng phép cho nôn; còn nếu không như vậy, ta không

thể cho dùng phép nôn một cách bùa-bại. Thái-dương bệnh, tà-khí ở bì-phu, lại càng không thể cho nôn ... Mạch 'quan-thượng' thuộc Tỵ Vị, mạch tesselate thuộc huyệt, mạch sác thuộc Nhiệt. Nay cho ói sai lầm sẽ làm thương-tổn đến tân-dịch trong Vị, vì thế mạch ở quan-thượng tesselate sác, bụng đói mà không muốn ăn, ăn vào ói ra ngay, đó là vì Vị Nhiệt; nếu như sáng ăn vào mà chiều ói, đó là Vị Hàn. Hàn có nghĩa là bần huyết, Nhiệt có nghĩa là sung huyết. Số ngày từ 'một hay hai, ba hay bốn' chỉ nói đến bệnh còn ở cạn hay sâu mà thôi, không nên câu-nệ một cách máy-móc ... "

Vì trong chứng này, Trọng-Cảnh không có đưa ra thang phương để điều-trị, cho nên Uông Hô đưa ra Tiêu Bán-hạ thang, hoặc Bán-hạ Can Khuông thang; Đơn Ba Nguyên Kiên đưa ra Quýt-bì Trúc-nhự thang, hoặc Trúc-diệp thang ... tức là Trúc-diệp Thạch-cao thang khứ Cam-thảo.

**Châm-cứu:** châm Trung-hoàn, Túc Tam-lý khỏi ngay, hoặc uống Ngô-thù-du thang, trị chứng sáng ăn chiều ói, hoặc uống Đại-hoàng Cam-thảo thang trị chứng đói không muốn ăn.



**Điều 126: 太陽病吐之但太陽病當惡寒今反不惡寒不欲近衣者此爲吐之內煩也**  
 Thái dương bệnh, thó chi; đản Thái dương bệnh  
 當 惡 寒 今 反 不 惡 寒 不 欲 近  
 đương ô Hán, kim phản bất ô Hán, bất dục cận  
 衣 者 此 為 吐 之 內 煩 也  
 y giả. Thủ vi thó chi nội phiền dā.

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương bệnh, không nên cho ói, vậy mà lại cho ói. Chỉ có Thái-dương bệnh, đáng lẽ phải ó Hàn, nay, ngược lại, sau khi cho ói, lại không ó Hàn, không muốn mặc quần áo. Đó là do dùng phép ói làm thương đến khí của Tâm-chủ ở Thượng-tiêu. Dương-kì không chỗ để nương vào, gây thành chứng bứt-rứt bên trong vậy.*

Sách Y-tông Kim-giám chú: "Thái-dương bệnh, nếu biểu đã giải thì phải 'không ó Hàn', lý đã giải thì phải 'không ó Nhiệt'. Nay ngược lại, 'không ó Hàn, không muốn mặc quần áo', đó là ó Nhiệt. Đây là do, sau khi cho ói, biểu giải nhưng lý không giải, bên trong sinh phiền Nhiệt. Chứng 'vô hạn' phiền Nhiệt là Nhiệt ở biểu, thuộc Đại Thanh-long thang chứng; 'hữu hạn' phiền Nhiệt là Nhiệt ở nội, thuộc Bạch-hổ thang chứng."

*Sau khi ói và xổ xong, trong lòng phiền não, 'vô hạn' phiền Nhiệt, đại-tiện tuy phân cứng, đó là Nhiệt còn ở trong, thuộc Chi-tử Xị thang chứng; nếu 'hữu hạn' phiền Nhiệt' đại-tiện cứng, đó là Nhiệt đã nhập vào phủ, thuộc Điều Vị Thừa-kí thang chứng. Nay do ói mà sinh ra phiền Nhiệt, đó là chứng 'hư-phiền' do tân-dịch đã bị thương, chứ không phải loại 'thực-phiền' do sau khi phát hạn và xổ gây ra. Các phép trên đều không nên dùng, chỉ nên dùng Trúc-diệp Thạch-cao thang, làm ích khí và sinh tân-dịch, trừ Nhiệt, bớt phiền."*



## **Điều 127: 病人脈數數爲熱當消**

Bệnh nhân mạch sác, sác vi Nhiệt, dương tiêu

穀引食而反吐者此以發汗  
cốc dǎn thực, nhì phán thô già. Thủ dī phát hàn,  
令陽氣微膈氣虛脈乃數也  
lệnh Dương khí vi, cách khí hư, mạch nai sác dā;  
數爲客熱不能消穀以胃中  
sáu vi khách Nhiệt, bất năng tiêu cốc, dī Vị trung  
虛冷故吐也 hư lanh, có thô dā.

Dịch nghĩa: Mạch của bệnh-nhân, mỗi tức 6 đến 7 chi, gọi tên là sác; mạch sác thuộc Nhiệt-chứng, khác với chứng hư-lanh, vì thế mạch sác quả là Nhiệt, mà Nhiệt thì phải tiêu cốc và làm cho thèm ăn, vậy mà, ngược lại, lại ối trở ra. Đây không phải Nhiệt, chỉ do quá phát hàn, làm cho Dương-khí phát ra ngoài thành yếu. Dương thọ khí ở giữa ngực, cho nên, khí ở giữa cách-mạc cũng bị hư, mạch mới đi sác. Sác là do khách Nhiệt ngoại lai, không phải do bản Nhiệt bên trong Vị. Không có Nhiệt thì không thể tiêu cốc-khí, đó là trong Vị bị hư lanh cho nên phải ối vậy.

Đại ý: Hai điều trên nói về ối, là do dùng phép ối mà tiếp-tục ối, còn điều (127) này nói về chứng ối không do dùng phép ối mà vẫn phải ối.

Đường Dung-Xuyên bồ:" Nội-dung ở đây giống với trường-hop khí động do Vị bị không-hư. Bởi vì 'Dương-khí vi' ý nói khí trong Vị 'vi: yếu'; chữ 'cách' đây ý nói đến vùng ngực: cách-mạc thông với Vị và Vị-hoãn, rồi lại thông với Tâm-bào. Con đường Tâm-Hỏa sinh Thổ đều do Tâm-bào; khí

từ Tâm-bào truyền vào cách-mạc để chung và hóa thức ăn trong Vị. Tâm lại chủ huyết-mạch ... Nay khi ở cách-mạc bị hư, Tâm Hỏa không còn sinh được Vị Thổ, do đó mà khách-khí thừa hư để nhập vào trong cách-mạc, làm loạn huyết-mạch của Tâm-chủ, vì thế mạch mới di sács.

Như vậy, mạch sács không phải do Nhiệt từ trong Dương-minh Vị gây nên, mà chính là do khách-khí từ bên ngoài vào trong, xâm-nhập vào cách-mạc gây nên. Nhiệt không ở Vị mà ở cách-mạc vì thế Vị bị lạnh, bị hư, cho nên phải ối ..."

Tiền Hoàng chú:" Điều (127) này muốn nói đến chúng trúng Phong sau khi phát Nhiệt, tự hạn xuất, khiến cho Dương-khí ở vùng ngoài bì-phu lẩn Dương-khí bên trong Vị đều bị 'vì: yếu', tông-khí trong vùng cách-mạc của ngực bị đại hư, vì thế hư Dương bị bốc lên, bị động, khiến cho mạch di sács. Nếu như Dương-khí ở Vị-hoãn thịnh thì có thể tiêu cốc, thèm ăn. Tuy nhiên, mạch sács này không phải do Nhiệt-khí thịnh ở trong Vị gây nên mà chính là do sau khi cho phát hạn sai-lầm, Dương-khí bị suy-vi, khí ở cách-mạc bị không-hư, hư Dương thoát ra ngoài gây nên. Chính vì không phải do chân Dương ở Vị-hoãn, mà ta biết là do khách Nhiệt. Trong Vị bị hư-lãnh, làm cho ta ăn vào không tiêu cốc; không chỉ là ăn không tiêu, ngoài ra, Vị còn không chịu nạp cốc, cho nên phải ối."

**Châm-cứu:** châm kích-thích mạnh Gián-sú, Trung-hoãn, Túc Tam-lý.

## Điều 128: 太陽病過經十餘日心

Thái dương bệnh, quá kinh thập dư nhật, Tâm

下溫溫欲吐而胸中痛大便  
hạ ôn ôn dục thô, nhì hung trung thống, đại tiện  
反溏腹微滿鬱鬱而煩先此  
phản đường, phúc vi mẫn, uất uất nhì phiền. Tiên thủ  
時自欲極吐下者可與調胃  
thời tự (dục) cực thô há giả, khả dū Điều Vị  
乘氣湯若不爾者不可與但  
Thùa khí thang; nhược bất nhī giả, bất khả dū. Đản  
欲嘔胸中痛微溏者此非柴  
dục ầu, hung trung thống, vi đường giả, thủ phi Sài  
胡證以嘔故知極吐下也  
hò chứng, dī ầu có tri cực thô há dā.

Dịch nghĩa: Thái-dương bệnh, nếu đã qua kinh rồi mà vẫn chưa giải, ta nên thảm-định xem bệnh đang ở kinh nào, không nên chỉ câu-nệ vào số ngày mà kinh đó đang trực-nhật. Nếu ta tính phỏng khoảng hơn 10 ngày, có thể nó đang lưu ở vùng Dương-minh, như vậy dưới Tâm sẽ âm-âm muôn ối, nhưng trong ngực bị thống, bởi vì vùng dưới Tâm từ giữa ngực thuộc khí Dương-minh làm chủ, hoặc nó đang lưu ở vùng Thái-âm, như vậy, đại-tiện sẽ, ngược lại, hơi lỏng (chảy), trong bụng hơi đầy.

Vị-lạc lên trên thông với Tỳ, mạch của nó lại lên trên

đến cách-mạc rót vào Tâm; khi Tỵ bị bát-hòa thì sẽ làm cho uất-uất bị bứt-rứt. Thế nhưng, các chứng vừa kể trên, hoặc hư, hoặc thực, tất phải thẩm-dịnh bệnh-tình của bệnh-nhân. Hơn 10 ngày trước đây, ta tự nhớ lại bệnh-tình, nếu lúc đó rất muôn ói, rất muôn tiêu, đó chính là Vị thực, có thể dùng Điều Vị Thùa-khi thang nhằm làm hòa Vị-khi. Nếu không như thế, đó là hư chứng, không thể dùng. Trường-hợp nếu chỉ muôn ói mà không có chứng 'dưới Tâm ám-ám', chỉ có giữa ngực thông mà không có chứng 'uất-uất hơi phiền', chỉ có hơi tiêu chảy mà không có chứng 'bung đầy'. Đây không phải thuộc Sài-hồ chúng, nói chi nhận là Thùa-khi chúng? Thế nhưng, Thùa-khi chúng bắt nguồn từ đâu? Đó là chứng ói, thuộc chứng 'ám-ám muôn ói', vì thế ta biết được rằng trước đó rất muôn ói, rất muôn tiêu vậy.

Đại-ý: Điều (128) này nói về bệnh-chứng trong lúc đang suy-đoán, chỉ dựa vào tình-hình ói và tiêu để định bệnh.

Thành Vô-Kỳ chú:" Chứng 'Tâm hạ ôn ôn dục thô, uất uất vi phiền, hung trung thống', tất cả phải nói là do tà Nhiệt ở-khách tại vùng ngực; chứng 'đại tiện phản đường, phúc vi mãn' chứng tỏ tà Nhiệt đã di xuống Vị. Bệnh đã lâu ngày, nếu chưa cho xổ hoặc ói, chỉ có dựa vào con đường truyền kinh của tà-khi mà thôi, cũng không nên cho xổ, chỉ nên dùng Sài-hồ thang nhằm tiêu-trù tà-khi ở hai vùng Thượng-tiêu và Trung-tiêu; nếu đã cho xổ và ói rồi, làm thương đến Vị-khi. Vị-khi hư thì tà-khi thừa hư để nhập vào Vị, thành ra

thực. Trường hợp này không phải là vai-trò của Sát-hồ thang nữa, mà phải thay vào bằng Điều Vị Thừa-kí thang để hạ cái Nhiệt của Vị. Chữ 'đã' đủ cho ta biết rằng Vị-kí trước đó đã bị làm cho động, làm cho thương-tồn rồi."



### Điều 129: 太陽病六七日表證仍

Thái dương bệnh lục tết nhất, biểu chứng nhưng

在脈微而沉反不結胸其人  
tại, mạch vi nhì trầm, phản bất két hung. Kỳ nhân  
發狂者以熱在下焦少腹當  
phát cuồng giả, dī Nhiệt tại Hạ tiêu, thiếu phúc dương  
硬滿小便自利者下血乃愈  
ngạnh mǎn, tiểu tiện tự lợi giả, hả huyết nái dù.  
所以然者以太陽隨經瘀熱  
Sở dī nhiên giả, dī Thái dương tùy kinh, ứ Nhiệt  
在裡故也抵當湯主之  
tại lý cõ dā, Đè đương thang chủ chí.

Dịch nghĩa: Thái-dương bệnh được sáu ngày, qua đến ngày thứ bảy, đúng vào lúc Thái-dương chủ khí, biểu-chứng vẫn còn, mạch đáng lẽ phải phù, nay mạch lại vi mà trầm. Đó là tà không còn ở biểu mà đang ở lý. Thái-dương bệnh truyền vào trong, phần lớn là ở vùng hung-cách. Nay ngược lại, tà không kết ở hung, đó là bệnh không đang ở trên mà đang ở dưới. Người bệnh phát

*cuồng, đó là tà Nhiệt thịnh bến trong làm bức-loạn thần-minh. Chứng này do Nhiệt ở Hạ-tiêu, thiếu-phúc phải cứng và đầy, nhưng tiêu-tiện và huyết đều ở vùng thiếu-phúc, đọng lại mà không vận-hành gây thành chứng đầy và cứng. Nếu tiêu-tiện tự lợi, không quan-hệ gì đến vùng Bàng-quang, mà chính là ở vùng huyết-phận của mạch Xung và Nhâm, ta phải dùng được để xô cho được huyết thì bệnh mới khỏi. Tại sao nhu vậy? Bởi vì biếu Nhiệt của Thái-dương đi theo kinh để ú Nhiệt lại tại vùng lý của thiếu-phúc. Ta dùng Đề-đương thang làm chủ-trị.*

**Đại-ý:** Chứng này khác với chứng của Đào-hạch Thừa-kí thang. Chứng kia nhẹ, còn chứng này nặng hơn. Chứng kia do Nhiệt kết ở Bàng-quang, tức là do tà-khí ở cơ-tấu của Thái-dương đi dọc từ sống lưng xuống kết ở Bàng-quang. Chứng này do ú Nhiệt ở lý, tức là do tà-khí ở phủ-biểu của Thái-dương đi từ giữa ngực xuống kết ở thiếu-phúc.

**Tiền Hoàng** chú: "Thái-dương bệnh đến ngày thứ sáu và bảy, đúng vào lúc tà-khí nhập vào lý, không thể nào biếu-chứng còn tồn-tại. Nếu biếu-chứng vẫn còn tồn-tại thì, theo phép, mạch phải phù, nay, ngược lại, mạch lại vi mà trầm, rõ-ràng tà-khí không còn ở biếu nữa. Khi mà tà-khí không còn ở biếu thì tà-khí của Thái-dương phải hâm nhập vào giữa ngực để thành 'kết hung'. Nay, ngược lại, lại không kết hung mà người bệnh lại 'phát cuồng'. Tại sao thế?

*Bởi vì tà không ở tại vùng khí-phận của Dương-phận, vì thế mạch vi; tà không ở tại hung-cách của Thương-tiêu,*

nhưng lại ở vùng dưới, vì thế mạch trầm. Nhiệt ở Hса-tiêu thuộc Đào-hạch Thừa-khí thang, ta gọi đó là 'Nhiệt kết Bàng-quang'

Khi Nhiệt-tà bị nóng bốc làm cho huyết sôi nóng tràn bùa-bãi ra ngoài, lưu lại ở vùng thiêu-phúc, do đó thiêu-phúc phải đầy và cứng. Nhiệt ở tại huyết-phận của Âm-phân, không làm thương đến khí-phận của Dương-phận, được vậy thì khì-hóa của Tam-tiêu mới vận-hành tốt, tiêu-tiện tự lợi. Như vậy, ta phải cho xô ra máu thì bệnh mới khỏi. Tại sao thế? Thái-dương lấy Bàng-quang làm phủ, biêu-tà tại kinh của Thái-dương theo đường kinh nhập vào phủ, tà-khí của uất Nhiệt sẽ ú-súc ở lý và gây nên bệnh. Nhiệt ú ở Bàng-quang, bức huyết vọng-hành tràn-ngập vào hồi-trường làm cho thiêu-phúc bị đầy và cứng.

Điều (110) thuộc Đào-hạch Thừa-khí thang, không nói đến mạch; điều (129) này lại nói đến mạch vì mà trầm; điều kia nói 'như cuồng', điều này lại nói 'phát cuồng'; điều kia nói 'thiêu phúc cắp kết', điều này lại nói 'thiêu phúc ngạnh mẫn'; điều kia nói 'huyết phải tự thoát xuống mới khỏi bệnh', nếu như huyết không tự thoát xuống thì mới nên dùng Đào-hạch Thừa-khí thang để cho huyết xuống; điều này lại nói 'huyết phải được cho xô xuống mới khỏi bệnh'. Cả hai đều có chỗ bất đồng của nó. Vì thế điều này không dùng Đào-hạch Thừa-khí thang mà phải dùng đến Đề-dương thang làm chủ-trị."

Ngô Quốc-Định nhận xét: " Nay xét: chúng 'súc huyết' và chúng 'súc Thủy' đều do tà-khí của Thái-dương kinh nhập vào phủ. Thế nhưng, một là do Nhiệt và tà kết nhau; một

*nữa là do Nhiệt và Thủy kết nhau. Chứng-trạng và cách trị-liệu khác nhau rất nhiều."*

Ông đưa ra bảng nhận xét dưới đây:

BỆNH DANH	Sát-thủy chứng	Sát-huyết chứng
NGUYỄN NHÂN	Dương-tà nhập phủ, Thủy và Nhiệt kết nhau, bệnh ở tại khí-phận của Bàng-quang.	Dương-tà nhập phủ, Nhiệt và huyết kết nhau, bệnh ở tại huyết-phận thuộc Hса-tiêu.
CHỨNG-TRẠNG	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. - Phát Nhiệt, ố Hán, hàn xuất.</li> <li>2. - Phiền khát, hoặc khái, hoặc thèm uống nước, uống vào ối ra ngay.</li> <li>3. - Tiểu-liện bất-lợi.</li> <li>4. - Lý cấp, hoặc thiếu-phúc mẫn.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. - Kiêm biểu-chứng hoặc vô biểu-chứng.</li> <li>2. - Như cuồng hoặc phát cuồng.</li> <li>3. - Tiểu-liện tự-lợi.</li> <li>4. - Thiếu-phúc cấp-kết hoặc đầy và cứng.</li> </ol>
MẠCH-TƯỢNG	Phù-sát	Trầm-vi hoặc trầm-kết
NGUYỄN-TÁC TRI-LIỆU	Hóa-khí, lợi-Thủy	Thông-ứ, trực-huyết
CHỦ-PHƯƠNG	Ngũ-linh-tán	Đào-hạch Thủ-khi-thang Để-dương-thang (dùng-thang hoặc hoàn)

**Đường Dung-Xuyên bỏ chính:** "Cuồng' thuộc về thực-chứng, vì thuộc về hуết-chứng. Vậy tại sao ở đây mạch vi lại chủ về cuồng? Bởi vì dù cho 'cuồng' thuộc thực-chứng, nhưng lại do huyết ở Âm-phận thực chứ không phải khí ở Dương.

*phận thực. Sách Kim-quỹ nói rằng 'Dương-khí hư thành chứng cuồng', ý nói huyết ở Âm-phận thực và khí ở Dương-phận đã bị hư. Ở đây, mạch vĩ chính vì khí ở Dương-phận bị hư, ta biết bệnh không ở tại Dương-phận. Mạch tần ứng với bệnh đang ở lý. Tiếp nối với Thái-dương chứng ở những điều đã nói trên thì khí Thái-dương đều xuất và nhập theo con đường giữa ngực. Nếu mạch ứng ở lý, tà sẽ kết ở ngực. Nay bệnh, ngược lại, không ở trong cách-mạc giữa ngực, tức là không bị chứng kết-hung, trong lúc đó người bệnh lại 'phát cuồng'. Nội-kinh nói: 'Huyết ở dưới thì người bệnh như cuồng'. Đây là Nhiệt đang ở Hạ-tiêu, tức là ở tại vùng 'huyết-thát' giữa hai mản mô. Huyết-kết ở đây gọi là 'tử phách', phách sẽ làm náo-loạn đến hồn, và do đó mà thành ra cuồng. Huyết-thát liên-hệ ra phía sau với Đại-trường, phía trước với Bang-quang, tức là ngay vùng của thiêu-phúc, vì thế vùng này sẽ bị dày và cứng.'*

*Giả-thiết Nhiệt kết ở Bang-quang thì tiêu-tiện sẽ không thông, nay tiêu-tiện rõ-ràng tự lợi, ta biết chắc rằng bệnh không ở Bang-quang, mà ở ngay trong huyết-thát. Ta phải tấn-công khỏi huyết-kết để cho nó tan theo con đường của Đại-trường mà ra ngoài, bệnh sẽ khỏi."*

#### 48: - Đè-dương thang phương:: 抵 當 湯 方

*Thùy-diệt (30 con, nướng)*

*Manh-trùng (30 con, nướng, bỏ cánh)*

*Đào-nhân (30 hạt, bỏ bì và đầu nhọn)*

*Đại-hoàng (3 lượng, ngâm rượu)*

**Trương Lệnh-Thiều giải phương:** "Thái-dương có kinh, có khí đồng thời cũng có phân-biệt ngoại và biếu. Đào-nhân Thừa-kì thang chữa chứng Nhiệt kết Bàng-quang, đó là tà-kì ở cơ-tấu của Thái-dương. Tà-kì này đi từ sống lưng xuống dưới kết ở Bàng-quang, vì thế điều (110) mới nói 'kỳ ngoại bất giải giả, thương vị khả công: nếu tà-kì bên ngoài không giải, ta cũng không thể dùng phép công'. Như vậy vùng cơ-tấu được xem là ngoại.

**Để dương thang chữa chứng ứ Nhiệt tại lý, đó là tà-kì ở vùng phu-biểu của Thái-dương.** Tà-kì này đi từ giữa ngực xuống dưới kết ở thiếu-phúc. Biểu-kì thông với ngực, vì thế điều (129) này mới nói: 'Biểu chúng nhưng tại ... phản kết kết hung: biểu-chứng vẫn còn, ngược lại, không kết ở hung'. Như vậy, bì-mao được xem là biểu.

**Ta thấy rằng, khí của Thái-dương xuất-nhập theo con đường ở ngực; mạch của Thái-dương đi dọc theo cột sống lưng, xuống dưới kết lạc với Bàng-quang. Khi kinh bệnh, ngoại-tà nhập vào lưng để kết ở Bàng-quang, chứng này được nói rõ ở Đào-nhân Thừa-kì thang phèo rồi. Trường-hop khí gây bệnh ở biểu-tà, nó đi từ ngực vào, không kết ở Bàng-quang, vì thế không viết là 'Nhiệt kết Bàng-quang' mà chỉ nói 'phản bất kết hung'. Nhiệt tại Hạ-tiêu, ý nói Hạ-tiêu chính là chỗ khởi lên của hai mạch Xung và Nhâm, gọi là Bảo-trung. Mạch Xung khởi lên từ Khí-nhai, mạch Nhâm khởi lên ở Trung-cực, lên trên chòm lông mày, tất cả đều ở vùng thiếu-phúc. Vì thế điều trước nói 'thiếu-phúc cấp kết',**

còn điều này nói 'thiếu-phúc ngạnh mẫn'. Chữ "cấp kết ý nói tình-trạng khẩn-cấp phải cho thoát xuống dưới mới khỏi bệnh, không nên dùng phép công. Đó là ý-nghĩa cầu há giả dū, chỉ cần dùng Đào-nhân Thừa-kí thang là đủ.

Chữ 'ngạnh mẫn' ý nói phải 'há huyết nái dū: phải cho xổ ra huyết mới khỏi bệnh' ý nói phải dùng đến phép công mới xổ ra huyết, như vậy phải dùng Để-dương thang mới được. Ta đã phân-biệt rõ hai chứng. Trở lại vẫn-de, Thái-dương bệnh sáu đến bảy ngày, đúng và lúc Thái-dương chủ khí, biếu-chứng vẫn còn, đáng lẽ mạch phải phù, nay lại vì mà trầm, đó là khí đi theo đường kinh và lạc, trầm vào trong để rồi tỏa ra bên trong. Nếu nó tỏa ra ở ngực thì phải kết ở ngực, nay, ngược lại, nó không kết ở ngực, ta biết rõ biếu-tà di từ ngực để xuống dưới, ở lại vùng Âm-phận. Âm không thăng được Dương, cho nên phải 'phát cuồng'. Nhiệt ở Hạ-tiêu làm cho thiếu-phúc cứng và đầy, cứng và đầy nhưng tiêu-tiễn lại tự lợi, ta biết ngay nó không ở vùng khí-phận vô-hình, mà ở vùng huyết-phận hữu-hình. Trong phương thang, ta dùng Mạnh-trùng và Thủy-diệt, một con thuộc loại bay, một con thuộc loại lặn dưới nước, đều thuộc loại hút máu. Nhiệt bên trên theo kinh nhập vào thì con vật biết bay sẽ '抵 đế: chống lại'; huyết bên dưới thuộc vào ứ Nhiệt, con vật biết lặn sẽ '抵 đế: chống lại'. Ngoài ra còn có Đào-nhân, dùng cái uy của vị tướng-quân, trống khua lên là quân sẽ tiến đánh để chống kẻ thù, trừ kẻ địch. 'Tú vật' này đóng vai 'Đài-dương: cự lại' kẻ địch, vì thế có tên là Để-dương thang vây."

Ngô Quốc-Định chú:" *Thủy-diệt vị hàn bình, chủ về trực ác-huyết, ú-huyết, guyết-bé, phá huyết-ú tích-tu, không con, lợi thủy-dạo. Manh-trùng vị khô, vi Hàn, chủ về trực ú-huyết, phá huyết hạ tích, kiên-bì, trưng-hà, Hàn Nhiệt, thông-lợi huyết-mạch và cùu-khiếu. Người xưa cho rằng con vật biết bay thì bay vào Dương-lạc, con vật biết lặn thì lặn vào Âm-lạc. Chính vì chúng biết chạy thẳng vào huyết-lạc, cho nên cái công-năng phá kêt, hành ú rất mạnh. Người Tây-phương thường dùng dĩa sống hút máu để trừ những chỗ bị viêm ... Đè-dương thang dùng những con vật này để làm tan huyết hoặc phá huyết bị ngưng-kêt, rồi làm cho ú-huyết bài-tiết ra ngoài; ta già Dao-nhân khai uất, khứ bê; ta già Đại-hoàng trừ cầu, hạ Nhiệt. Đây là loại được-tế trực huyết, hành ú, sức mạnh của nó còn hơn cả Dao-nhân Thừa-kí thang. Bởi vì Dao-nhân Thừa-kí thang chủ về huyết mội ú, còn Đè-dương thang chủ về huyết ú đã lâu. Đây là điểm khác biệt giữa hai phương-thang trong ứng-dụng lâm-sàng.*"

Kha Văn-Bá chú:" *Thủy-diệt là loại côn-trùng rất thích hút máu. Manh-trùng là loại phi-trùng hút máu cũng rất dữ-dội. Trong Đè-dương thang, ta dùng cả hai loại trùng dưới nước và bay bổng để tấn-công bệnh với nhiệm-vụ chính là phá ú huyết: 'đồng khí tương cầu'. Ngoài ra ta dùng Dao-nhân làm tá nhầm đuổi cũ đón mới; ta dùng vị khô Hàn của Đại-hoàng iề đuổi tà Nhiệt."*"

Phương Hữu-Chấp chú:" *Chữ 'đè-dương' phải đọc là 'đáng';*

chữ '抵' phải hiểu là '至 chí'. Ta hiểu hai chữ này là 'chí  
dáng: rất xứng-dáng' trong vai trò chống lại kẻ địch."



### Điều 130: 太陽病身黃脈沉結少

Thái dương bệnh, thân hoàng, mạch trầm kêt, thiếu  
腹硬小便不利者爲無血也  
phúc ngạnh, tiểu tiện bất lợi giả, vi vô huyết dā;  
而小便自利其人如狂者血  
nhi tiểu tiện tự lợi, kỳ nhân như cuồng giả, huyết  
證諦也抵當湯主之  
chứng đé dā. Đè đương thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Huyết và Thủy phải dựa vào thiểu-tiện lợi  
hay bất-lợi để phân-biệt. Nay xin nói rõ hơn: Thái-duong  
bệnh, tà-khí từ ngực hâm vào trung-thô, cho nên thân  
mình vàng, mạch trầm-kết, thiếu-phúc cũng, tiểu-tiện  
bất-lợi, đó là Tỳ-khí không còn vận-hành được nữa. Thủy  
tụ ở thiểu-phúc, đây là vô huyết; nếu tiểu-tiện tự lợi, người  
bệnh như cuồng, đó không phải là Thủy tụ mà là huyết  
tụ. Đây rõ là huyết chứng, nhưng cần phải xem kỹ lại có  
phải thuộc huyết-chứng hay không, mới được dùng Đè-  
duong thang làm chủ-trị, nếu không thì không thể dùng.

Ngô Quốc-Định chú:" Theo sách Thương-hàn luận thì  
chứng 'thân hoàng' được chia làm hai trường-hợp :

- 1) do súc huyết phát hoàng.

## 2) do Thấp Nhiệt phát hoàng.

Riêng ở điều (130) này, chứng 'thân hoàng' do Nhiệt và huyết kết nhau, huyết-dịch ú-súc, doanh-khí không còn vận-hành ra toàn thân được, hình-thình chứng thân hoàng. Ta chứng-minh:

1) Mạch trầm kết : trầm là mạch ở lý; kết là mạch đến động mà 'trung chỉ: giữa chừng ngưng', đó là triệu-chứng khí huyết ngưng-trệ.

2) Vùng thiêu-phúc cứng lên: đó là Nhiệt và huyết kết lại, đinh-ú ở Hạ-tiêu.

3) Tiêu-tiện tự lợi: tà ở tại huyết-phận, không dính-dáng gì đến vùng khí-phận.

4) Như cuồng: Cái Nhiệt của Thái-dương nhập xuống Hạ-tiêu, rồi cùng kết với huyết, làm cho thân-khí hỗn-loạn, đây là chứng súc-huyết. Ta nên dùng Đè-dương thang là thang-phương chuyên phá huyết, trực ú. Bởi vì 'thân hoàng' không phải là chủ chứng, vì thế nếu trừ được ú huyết thì chứng 'thân hoàng' sẽ tự khỏi."

Ngô Quốc-Định làm bảng so-sánh:

Phân biệt	Súc huyết phát hoàng	Thấp Nhiệt phát hoàng
Tiêu-tiện	Tiêu-tiện tự lợi - màu không đổi	Tiêu-tiện bất-lợi - sắc vàng mà đục (trọc)
Thần chí	Như cuồng, hoặc phát cuồng.	Thần-trí tĩnh-táo, không có như cuồng, hoặc phát cuồng.
Mạch tượng	vị sắc mà trầm, hoặc trầm kết	phù hoặt mà sắc hoặc nhu sắc

Sắc mặt	vàng mà trơn như mỡ, hơi nóng	sắc vàng mà tươi như quả quýt
Nguyên-nhân bệnh	Nhiệt và huyết kết	Nhiệt và Thủy kết
Liệu pháp	Phá huyết trực ứ	Lợi Thủy thanh Nhiệt

Phương Hữu-Chấp chú: "Chữ '諦' có nghĩa là thẩm-dịnh, xét-doán, ý nói trường-hợp này, chắc-chắn là thuộc huyết-chứng, không còn nghi-ngò gì nữa."

\*

**Điều 131: 傷 寒 有 热 少 腹 满 應 小  
便 不 利 今 反 利 者 爲 有 血 也  
當 下 之 不 可 餘 藥 宜 抵 當 丸  
Đương hàn hưu Nhiệt, thiểu phúc mǎn, ưng tiếu  
tiện bất lợi, kim phản lợi giả, vi hưu huyết dã.**

Dịch nghĩa: Nội-kinh có nói: Nhiệt bệnh cũng thuộc về loại của thương Hán, nay thương Hán có Nhiệt, đến nỗi tất cả Nhiệt đều quy về thiểu-phúc, vì thế thiểu-phúc bị dày; thiểu-tiện đáng lẽ phải bất-lợi, nay, ngược lại, lại lợi. Nhiệt quy về huyết-hải, dày là chứng hưu huyết. Nên dùng phép xô nhẹ, nhưng lại sợ dư được-lực quá yêu, trong lúc bệnh-căn thâm-trọng, khó trù, vì thế phải dùng loại mạnh thích-hợp để xử-lý, phải dùng Đè-dương hoàn, bất khả dư được.

Đại-ý: Điều 131 này lại biến thang-dược thành hoàn-dược, phân lượng lại rất nhẹ, dùng hoàn tức là uống luôn

cả xác thuốc, đây gọi là 'pháp ngoại chi pháp: phép trị ngoài phép trị'.

Trần Tu-Viên giải phương: "Mạch của Đè-dương thang thì phù mà vi, trầm mà kết. Chứng của Đè-dương thang là phát cuồng, thiểu-phúc cung, đầy, tiểu-tiện tự lợi, trong đó có khi thêm chứng phát vàng; nếu xét thấy tiểu-tiện bất-lợi, đó là khí của Bang-quang không hóa; nếu tiểu-tiện tự lợi đó không phải do khí của Bang-quang không hóa, mà chính là do cái ú-huyết ở Hạ-tiêu không bị trực xuất. Thê mới biết dùng Đè-dương thang rất khó nhưng không thể không dùng. Sự phân-biệt giữa thang và hoàn ở đây chính là trong chứng Đè-dương hoàn, này thiency Trọng-Cảnh có thêm hai chữ 'hữu Nhiệt', đó là Nhiệt ú ở lý, nhưng phát ra bên ngoài. Thiếu-phúc lại đầy, tiểu-tiện lại bất-lợi rồi ngược lại tự-lợi. Chứng-trạng khá nặng, nhưng phép trị lại không được gấp, vì thế mới thay thang-dược thành hoàn-dược, đó là dùng phép trị hòa-hoàn hơn. Câu 'bất khả dư dược' có nghĩa là uống luôn cả xác thuốc không chừa dư lại."

Đến đây, ta thấy câu 'bất khả cư dược' thật khó hiểu, Trần Tu-Viên cho rằng 'uống luôn cả xác thuốc', còn Ngô Quốc-Định thì cho rằng 'chỉ được uống Đè-dương hoàn thôi, ngoài ra không được uống loại dược gì khác nữa'. Sách Y-tông Kim-giám thì cho rằng 'ngoài Đè-dương thang ra, không còn loại dược-phương nào đủ súc trực huyết ú, đó là loại dược-phương xứng-đáng nhất không thay-thế được'.

Ngô Quốc-Định chú:" Thương Hán biểu chứng, thiểu-phúc

dày, đó là bệnh ở Hạ-tiêu. Tiêu-tiên bất-lợi là súc-thủy chứng; nay, ngược lại, tiêu-tiên lại tự-lợi, lại có chứng-hậu thiêu-phúc cứng, dày, ta biết ngay đó là súc-huyết chứng.

Phép trị súc-huyết chứng, nếu nhẹ dùng Đào-hạch Thừa-kí thang, nếu nặng thì dùng Đế-dương thang; tuy nhiên, Đế-dương thang chứng thì thiêu-phúc cứng dày, còn Đào-hạch Thừa-kí thang chứng thì thiêu-phúc cấp-kết. Chứng 'thiêu-phúc dày' là nằm giữa hai chứng; chứng 'huyết kết' thì nặng so với Đào-hạch Thừa-kí thang, nhưng lại nhẹ hơn so với Đế-dương thang, vì thế mới có việc đổi thang ra hoàn, nhằm dùng phép xô nhẹ và hòa-hoãn hơn. Chứng Đế-dương hoàn không đè-cập đến 'phát cuồng', có lẽ có sơ-sót về lời văn chăng? hay là vì bệnh còn nhẹ, chưa đạt đến mức 'như cuồng hoặc phát cuồng'?"

#### 49: Đế-dương hoàn phương : 抵當丸方

Thủy-diệt (20 con, ngào)

Manh-trùng (20 con, ngào, bỏ cánh, bỏ chân)

Đào-nhan (25 hạt, bỏ bì và đầu nhọn)

Đại-hoàng (3 lượng)

Tất cả 4 vị trên tán bột làm thành 4 hoàn, dùng nước 1 thăng sắc 1 hoàn còn 7 hợp; trong thời-gian trọn ngày sau phải tiêu ra huyết, nếu như vẫn chưa ra, tiếp tục sắc uống

Phương Hữu-Chap chú: " Trị cấp thì dùng thang, trị hoãn thì dùng hoàn."

Ngô Quốc-Định đưa ra biểu đồ:

		Đào-hạch Thùa-khí thang	Để-dương thang	Để-dương hoàn
Bất- đồng chứng	phúc chẩn	thiểu-phúc cấp kết (chỉ có một chứng)	thiểu-phúc cứng đầy (gồm nhiều chứng khác)	
	bệnh-cơ	ứ huyết mới kết, nhẹ can, dễ xổ thông.	ứ huyết kết lâu, nặng mà sâu, khó xổ thông.	
	liệu- pháp	khi nào biểu đã giải mới được công ở lý	ly-chứng cấp, tuy có biểu-chứng, vẫn nên công trước ở lý.	
	dung dược	dùng loại dược trực ứ hỏa-hoan, sau khi uống có tiêu chảy nhẹ, không nhất định có ra máu.	dùng loại dược trực ứ mạnh, uống xong hết ngay hôm sau sẽ ra máu.	
Tương- đồng		như cường	tiểu-liên tự-lợi	
Phụ-chú			vẫn còn thận vàng, mạch trầm-kết ...	mạch-chứng giống với để- dương thang, chứng sâu mà hỏa-hoan, không thể không công, nhưng lại không thể dùng thuốc mạnh để công. Công-dung của nó nằm giữa Đào-hạch Thùa- khí thang và Để-dương thang.



**Điều 132: 少陽病小便利者以飲**  
 Thiểu dương bệnh, tiểu tiện lợi giả, đĩ ẩm  
**水多必心下悸小便少者必**  
 thủy da, tất Tâm hạ quý, tiểu tiện thiểu giả, tất  
**苦裡急也** khổ lý cấp da.

**Dịch nghĩa:** Biện-chứng về huyết-chứng, ta thường dựa  
vào tiểu-tiện lợi hay bất-lợi, ngoài ra còn phải dựa vào các

*kiêm-chứng nữa. Nội-kinh nói rằng uống nước vào Vị, tán vào Tỳ, lên trên đến Phế, xuống dưới đến Bàng-quang. Đây nói về Thái-dương bệnh, tiêu-tiện lợi, đó là do người bệnh uống nước quá nhiều. Nếu uống nước nhiều mà tiêu-tiện lợi, sẽ không có chứng dưới Tâm hồi-hộp. Nay nếu Thủy tràn lên trên, như vậy dưới Tâm sẽ hồi-hộp, đó là Tâm sợ Thủy úc-chế mà thành bệnh, nên tiêu-tiện ít. Nếu khí không hóa được, sẽ bị chứng khổ lý cấp, như vậy, há có phải chỉ là chỉ độc có huyết-chứng thôi đâu.*

**Chú-ý:** Điều 132 này, về nguyên-văn, có chỗ sai-biệt:

\* Trần Tu-Viên, Đường Tôn-Hải, Thành Vô-Kỷ ... viết như trên.

\* Ngô Quốc-Định, Thừa Đạm-Am viết khác hơn:

"Thái dương bệnh, dĩ ẩm Thủy đa, tiêu tiện lợi giả, tất Tâm hạ..."

**Đường Dung-Xuyên** chính: " *Lời thiền-chú của Trần Tu-Viên giải-thích đã ghép hai câu 'Tâm hạ quý' và 'tiêu tiện thiểu' lại thành một ý liên tục, như vậy đã làm cho nội-dung bị xáo-trộn. Bởi vì điều trên đã dùng chứng 'tiêu-tiện lợi hay bất lợi' để phân-biệt hữu huyết hay vô huyết. Điều này lại dùng chứng 'tiêu tiện bất lợi' để phân-biệt Thủy đang ở trên hay ở dưới. Khi nói rằng 'tiêu tiện lợi giả' là ý nói Thủy không kết ở dưới, do uống nước quá nhiều nên nó đình lại ở trong khoảng hung-cách, rồi tràn ngập lên trên đến dưới Tâm, làm cho dưới Tâm bị hồi-hộp. Đây là trường-hợp Thủy ở trên, cho nên Bàng-quang không bị chứng 'lý cấp'.*

*Nay nếu tiêu-tiện bất lợi, do uống nhiều nước, nếu nước*

*không định lại ở trong khoảng hung-cách, nó sẽ xuống dưới két lại ở Bàng-quang, nó không tràn lên trên để tạo thành chứng 'dưới Tâm bị cấp', mà thành ra chứng khô vì lý cấp. Lời-lẽ của Trọng-Cảnh rất rõ-ràng, sáng-sủa, xin độc-giả tĩnh-tâm để nghiên-cứu cho tường-tận."*

*Trương Tiều-Đường chú:* "Điều trên dùng chứng 'tiểu-tiện lợi hay bất-lợi' để phân-biệt chứng 'có huyết-chứng hay không'. Điều này lại dùng chứng 'tiểu-tiện nhiều hay ít' để phân-biệt 'có huyết-chứng hay không'. Nó đã tổng-kết cả ý của 3 điều trên, nhắc chúng ta không nên xem thường vấn-dề 'huyết chứng'. Sự cẩn-thận và khéo-léo như thế là đã quá cùng-cực vậy."

*Ngô Quốc-Định* chú: "Thái-dương bệnh mà uống nước nhiều, rõ-ràng là Vị bị táo. Nếu Vị Dương chưa suy, như vậy, nó có thể phân-bố ra ngoài, thành mồ-hôi để giải bệnh. Nay nếu Vị Dương không còn sung-túc, Trưởng Vị không còn hấp-thu được nước làm cho nước trong Vị không xuống dưới Trưởng được, như vậy tuy rằng tiểu-tiện lợi, nhưng nước vẫn đinh-lại dưới Tâm gây thành chứng hồi-hop. Trưởng-hop này nên cho dùng Phục-Linh Cam-thảo thang. Nếu như uống nước nhiều mà vẫn tiêu ít, nước bị đọng lại ở Bàng-quang không thoát ra ngoài được, sẽ làm cho lý bị cấp. Đây là trưởng-hop Thủy súc ở Hạ-tiêu, nên dùng Trú-linh thang. Nguyên-nhân bệnh của hai chứng trên đều do uống nước nhiều mà thành. Ta dựa vào các chứng tiểu-tiện lợi hay bất-lợi, Tâm hạ quý, thiểu-phúc cấp làm chứng-cứ để biết được bộ-vị của Thủy-ẩm đang đinh-súc ở đâu."

*Điều 133 + 134:*

問曰 Ván viết:

病有結胸有臟結其狀何如

Bệnh hữu kết hung, hưu tạng kết, kỳ trạng hà nhu?

答曰按之痛寸脈浮關脈沉

Đáp viết: Án chi thống, thốn mạch phù, quan mạch trầm,

名曰結胸也 danh viết kết hung dã.

何爲臟結 Hà vị tạng kết?

答曰如結胸狀飲食如故時

Đáp viết: Như kết hung trạng, ẩm thực như cũ, thời

時下利寸脈浮關脈小細沉

thời há lợi; thốn mạch phù, quan mạch tiểu tế, trầm

緊名曰臟結舌上白苔滑

khắn, danh viết tạng kết; thiệt thương bạch dài hoạt

者難治 giả, nan trị.

臟結無陽證不往來寒熱其

Tạng kết vô Dương chứng, bất vãng lai Hàn Nhiệt, kỳ

人反靜舌上苔滑者不可攻

nhân phản tĩnh, thiệt thương dài hoạt giả, bất khả công

也 dã.

Dịch nghĩa: *Hỏi:* "Thái-dương chủ khai, bệnh lại có loại không xuất nhập được nội ngoại, nó cố-kết ở giữa ngực, ta gọi là 'kết hung'; Thiểu-âm chủ khu, nay nếu nó không

dóng vai chốt cửa được đẽ xuất nhập, thành cỗ-kết nhau ở tạng, ta gọi là 'tạng kết', bệnh-trạng như thế nào?"

**Đáp:** "Kết-khi có chính, có tà. Chính-khi của Thái-dương cùng kết với tà-khi trong vùng hữu-hình của cách-hung. Ta đẽ xuống nêu thấy đau, Thái-dương chủ bì-mao, cho nên mạch thốn phù, vì bệnh-khi kết ở giữa ngực cho nên mạch quan trầm. Ta gọi tên là 'kết hung' vậy.

"Thế nào gọi là tạng kết?"

**Đáp:** "Ngực tuy chưa kết; nhưng Âm-tà nghịch ở dưới Tâm, bè ngoài giống như là chứng-trạng của kết hung, nhưng bên trong nó phát ở Thiếu-âm, khác với chứng kết hung phát ra ở Thái-dương; bên trên nó không tấn-công vào đến hung và Vị, vì thế nên ăn uống như thường; bên dưới nó ảnh-hưởng đến tạng-khi, vì thế thường hay tiêu chảy. Thốn mạch phù, là do thân-khi của Thiếu-âm nổi ra bên ngoài. Quan mạch tiêu té là do tạng-khi của Thiếu-âm hư bên trong, trầm khẩn là do tạng-khi của Thiếu-âm kết bên trong. Vậy ta gọi đây là chứng tạng-kết. Lưỡi là chỗ thoát của Tâm, trên lưỡi có rêu trắng, trơn, đó là Âm Hàn nặng bên dưới, trong lúc đó Quân-hỏa suy bên trên, bệnh này rất khó trị."

Bệnh-trạng của tạng-kết đã rõ, nhưng bệnh-chứng của tạng-kết không thể không nói rõ thêm. Tạng-kết phát ra ở Thiếu-âm; Thiếu-âm trên là Hỏa, dưới là Thủy, bản Nhiệt, tiêu Hàn, khi nào nó có được cái Dương Nhiệt của Quân-hỏa hóa-khi thì mới vô bệnh. Nay nó không có được cái

*Nhiệt-hóa, sē thành chứng tạng-kết vô Dương-chứng. Thiếu-âm chủ khu, nay bệnh không thấy có chứng vãng lai Hàn Nhiệt, đó là Dương-khí của Thiếu-âm không đi theo được con đường chốt của để ra ngoài. Dương động mà Âm tĩnh, vì thế người bệnh, ngược lại, lại tĩnh, rêu trên lưỡi tròn, đó là do Quân-hóa đang suy-vi còn khí của Âm Hàn đang thịnh, không nên dùng phép công.*

**Đại-ý:** Đây là nội-dung bàn tiếp về mạch-chứng chủ-yếu của chứng *kết-hung*, phân-biệt với chứng *tạng-kết*, đồng thời thuyết-minh rõ khi nào hу-tà thắng thì khó trị.

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Chứng tạng-kết ý nói đến vùng của khối mõ có khe hẹp nằm dưới Hạ-tiêu, tức là giữa Đon-diền, huyết-thát, giống như sách Kim-quỹ yếu-lược nói đến chữ tạng trong câu 'phụ nhân tạng Táo'. Như vậy, nó không phải chỉ chung về ngũ tạng như chúng thường hiểu. Huyết-thát hay Bào-cung có mạn mõ lên trên thông với hông sườn và ngực, xuồng dưới thông với Đại-trường, vì thế bên trên nó giống như kết hung, bên dưới lại thường thường bị tiêu chảy. Cả hai đều mô-tả vùng bị chứng tạng kết. Phàm huyết-thát có nhiệt, nó sẽ phát ra ở trong khoảng các mản mõ gây thành chứng vãng lai Hàn Nhiệt.

Vậy, chứng tạng-kết đều thuộc Âm-chứng, không thuộc Dương-chứng, vì thế mà nó không có vãng lai Hàn Nhiệt. Trong chương này, Trọng-Cảnh nói đến hung-cách, hiệp-mạc, Hạ-tiêu, khói mõ để cho thấy rõ là đơn-diền đều thông với khắp nơi trong cơ-thể thông qua các mản mõ. Thiếu-âm,

*trên Hỏa, dưới Thủy, khí của nó giao-hội với Dương-minh ở trung-thổ, cho nên mạch của nó hiện ở quan thì trầm, không khác với chứng kết hung, nhưng tiêu tê khẩn thuộc tạng Âm hư Hàn mà kết thành chứng."*

Trình Hiệu-Thiên nhận xét: "Mạch phù là do Hàn-khí làm thương ở biểu; mạch trầm là do tà-khí đã nhập vào lý. Điều trên chỉ nói đến mạch trầm, trầm mà hưu-lực. Điều này nói đến kiêm cả trầm mà tiêu tê khẩn. Sự phân-biệt của mạch phải rõ như thế."

Ngô Quốc-Định chú: "Khi nào đè lên thấy đau, đó là chủ-chứng của chứng kết hung, đây là trường-hợp tà-nhiệt cùng kết nhau với đàm-thủy ở giữa ngực, vì thế nên đè xuống thấy đau. Mạch thốn phù, còn mạch quan trầm, đó là chủ-mạch của chứng kết hung, bởi vì chứng kết hung là do có biểu-tà nhưng lại cho xổ sai-lầm mà thành. Vả lại, vị-trí của bệnh nằm bên trên, khi cho xổ sai-lầm cho nên tà-nhiệt hâm vào lý, nó sẽ đánh nhau với đàm-thủy hưu hình ở vùng ngực, do đó mạch quan trầm.

Hai chứng tạng-kết và kết-hung tuy về mặt chứng-trạng có những điểm tương-dồng, nhưng về mặt bệnh-lý và trị-liệu thì khác nhau nhiều lắm:

1/ *Chứng kết-hung thuộc Dương, thuộc thực, thuộc Nhiệt; chứng tạng-kết thuộc Âm, thuộc hư, thuộc Hàn, tính-chất hoàn-toàn tương-phản.*

2/ *Nói riêng về mạch-tương thì mạch thốn phù là mạch-tương giống nhau, nhưng mạch quan thì khác.*

*Chứng kết-hung thì mạch quan trầm, còn chứng tạng-kết thì mạch quan tiêu té, trầm khẩn. Mạch quan chủ về Trung-tiêu, mạch trầm chủ về lý; mạch quan của kết-hung trầm, đó là trầm mà hữu-lực, thuộc thực. Riêng mạch té tiêu là mạch bất-túc, và lại mạch khẩn chủ về Hán, chủ về thống; như vậy, chứng tạng-kết mạch tiêu té, trầm khẩn, đó là chứng-hậu thuộc hư Hán; từ đó ta suy ra, cho dù mạch thốn của nó có phù thì cũng là phù mà vô-lực."*

Lục Uyên-Lôi chú: "Điều này ý muốn phân-biệt chứng trạng của hai chứng kết-hung và tạng-kết, thế nhưng chắc chắn không phải nguyên-văn của Trọng-Cánh.

Tại sao chúng ta biết nhau thế ?

1 / Trong Thương-hàn luận hoặc Kim-quỹ yếu-lược, lối văn làm theo thể vấn-đáp, hoặc có xưng 'sư viết', tất cả đều viết bằng lối văn nông cạn, khác hẳn với văn-phong của toàn quyển sách.

2 / Vương Thúc-Hòa rất giỏi và rất tin vào mạch-pháp, vì thế ông đã đặt tên cho sách mình là **Mạch-kinh**. Trong lúc đó, Trọng-Cánh nói rất rõ về chứng như lại sơ lược về mạch, nội-dung điều này lại bàn về mạch rõ hơn là chứng.

3 / Chứng kết-hung thì đau-đớn khôn xiết, vì thế ba chữ 'án chi thống' không đủ để xác-định bệnh-chứng một cách đơn-giản được. Nói khác đi, chỉ cần đè lên ngực thấy đau thôi, đủ để chúng ta kết-luận đó là bệnh kết-hung chưa ?

4 / Thường thì tạng-kết là tử-chứng như điều 169 đã

nói, vì thế chúng ta không thể so với chúng kết-hung với chúng tạng-kết được.

5 / Giả-sử như chứng-trạng của tạng-kết giống như chứng-trạng của kết-hung thì chúng ta cũng sẽ đau-dớn vô cùng, không ăn uống gì được, vậy câu 'ăn uống như thường' là thế nào ?

Dựa vào 5 điều lý-luận trên, chúng ta đoán chắc rằng đây không phải là nguyên-văn của Trọng-Cánh."



### Điều 135: 痘發於陽而反下之熱

Bệnh phát ứ Dương, nhì phản há chi, Nhiệt  
入因作結胸, nhập nhân tác kết hung.  
病發於陰而反下之因作痞  
Bệnh phát ứ Âm nhì phản há chi, nhân tác bĩ.  
所以成結胸者以下之太早  
sở dĩ thành kết hung giả, dĩ há chi thái tảo  
故也結胸者項亦強如柔瘻  
cố dã. Kết hung giả, họng diệc cường như nhu kinh  
狀下之則和宜大陷胸丸方  
trạng. Há chi tắc hòa, nghỉ Đại hâm hung hoàn phương.

Dịch nghĩa: Nay xin nói về nguyên-nhân, chứng-trạng và phép trị chứng kết-hung. Bệnh phát ở Thái-dương, Thái-dương khí chạy ra ngoài, muốn giải phải theo con đường

*phát hàn, vây mà ta, ngược lại, lại cho xô; kết-quả là Nhiệt thừa hư nhập vào trong, kết ở vùng hữu-hình của hung-cách. Đó là nguyên-nhân thành chứng kết-hung.*

*Bệnh phát ra ở Thiếu-âm, Thiếu-âm chủ về lý, đáng lẽ ta nên cứu-chữa ở lý, vây mà ta, ngược lại, lại cho xô. Nếu tà-khí kết ở dưới thì sẽ thành chứng tạng-kết. Nay tà không kết ở tạng, nhưng kết ở dưới Tâm, do đó mà thành chứng bī. Chứng bī phát ở Âm, không có phép nào liên-quan đến phép xô, dù xô sớm hay muộn. Phép trị này chúng ta sẽ nói ở sau. Nay Dương-chứng sô-dī thành kết-hung, đó là do ta cho xô sớm quá vây.*

*Mạch Thái-dương lên trên đầu và cổ gáy, nay chứng kết-hung là do khí kết ở trong, vì thế nó không chạy ra ngoài làm cho kinh mạch bị bất-lợi, kết-quả là cổ gáy cũng bị cứng, giống như chứng-trạng co-giật cân-nhục. Ta cho xô sẽ làm thông được kết-khí bên trong, như vậy kinh mạch bên ngoài tự hòa; nên dùng Đại-hâm hung-hoàn phương.*

**Đại-ý:** Nói về nguyên-nhân bệnh-chứng của chứng bī và kết-hung.

**Trương Tiễn-Đường** chú: "Tạng-kết cũng như Bì-kết đều phát ra ở Âm, nhưng lại khác nhau. Tạng-kết thì kết ở dưới, tức là kết ở khí Âm Hàn ở Hạ-tiêu, còn bì-kết thì kết ở trên, tức là kết ở hóa-khí của Quản-hỏa ở Thượng-tiêu."

**Ngô Quốc-Định** chú: "Câu 'bệnh phát ứ Dương' ý nói bệnh ở Thái-dương, người bệnh có thể-chất trắng-kiện, lòng ngực

có dàm Thủy định-kết, nếu ta cho xổ sai-làm thì Nhiệt-tà sê hâm vào trong rồi cùng tranh nhau với dàm Thủy, kết ở dưới Tâm thành chứng kết-hung.

Câu 'bệnh phát ở Âm' ý nói người bệnh Dương không thịnh, thê-lỵ yêu, đồng thời trong ngực không có dàm Thủy định-kết. Vì thế sau khi cho xổ sai-làm Nhiệt-tà sê hâm vào bên trong kết-tụ thành chứng Bī-kết.

Nhân có Thủy-ǎm hữu-hình gây thành kết-hung, vì thế dùng tay đè dưới Tâm bị cứng, đau. Riêng chứng Bī-kết do Nhiệt-tà vô-hình kết-tụ bên trong, không có Thủy-ǎm đè kết, vì thế nên chỉ cảm thấy có khói, làm cho bứt-rứt chứ không đau nhức.

Nguyên-tắc trị-liệu của sách Thương-hàn luận là : nếu biều-chứng chưa giải thì không thể dùng xổ để công; nay cho xổ sớm quá làm cho biều-tà hâm vào trong, rồi kết lại với lý-tà, thành chứng kết-hung; đến như chứng bī-kết, đa số không có thực-tà bên trong, như vậy không cần biết bệnh xảy ra lâu hay mới, ta không thể cho phép xổ; huống chi cho xổ sớm quá tất nhiên phải thành chứng Bī-kết."

Thành Vô-Kỳ chú: "Khi nói rằng 'phát Nhiệt ô Hàn', đó là phát ở Dương, nay ta lại cho xổ, như vậy Dương-tà ở biều sê nhập vào lý rồi kết ở lồng ngực, gọi là kết-hung. Khi nói rằng 'vô Nhiệt ô Hàn' ý nói phát ở Âm, nay ta lại cho xổ, như vậy Âm-tà ở biều sê nhập vào lý rồi kết ở dưới lồng ngực thành Bī-kết."

Châm-cứu: Châm Thân-trụ, Đại-chùy, Phong-trì, Phè-

*du, Cách-du, Thái-uyên, Trung-phủ, Chiên-trung, Úc-trung, Thuợng-hoãn, Phong-long.* Cách mỗi hai ngày ta châm một lần, cách mỗi 7 ngày ta dùng *Bả-dậu, Hoàng-liên* nghiền thành bột đắp lên huyệt Chiên-trung, cứu 7 tráng, cho đến khi bệnh khỏi.

### 50: Đại Hâm-hung hoàn phương : 大陷胸丸方

*Đại-hoàng* (nửa cân)

*Đình-lịch* (nửa thăng, sao)

*Mang-tiêu* (nửa thăng)

*Hạnh-nhân* (nửa thăng, bỏ bì và đầu nhọn, nướng đen)

Giã nát trước hai vị, rây sạch, xong cho vào Hạnh-nhân và Mang-tiêu, nghiền nát dẽo như sáp, xong dùng một viên thuốc to bằng viên đạn, xong lại giã chung với chừng một tiền bột Cam-toại, 2 hộp mật ong tốt, dùng hai thăng nước sắc còn một thăng uống ngay. Sau một đêm thì xổ; nếu như vẫn chưa xổ thì uống tiếp cho đến khi nào xổ được mới thôi. Việc cầm-ky cứ theo phép cũ.

Tiền Hoàng giải-phương: " *Đại-hoàng, Mang-tiêu, Cam-toại* tức là thuộc *Đại Hâm-hung thang*; 2 hộp mật ong tốt chính là 10 quả *Đại Táo* trong *thang Thập Táo thang*. Khi tăng thêm *Đình-lịch* và *Hạnh-nhân*, đó là vì ngực là nơi ở của Phế, Chiên-trung biến của khí, trên nó thông với Phế để hô-hấp; nay tà-khí kết ở hung-cách, cứng, đầy mà đau, khí-đạo bị trả-tắc, như vậy sẽ bị thiểu khí, phiền táo, đó là cái hại của Thủy kết ở ngực và hông sườn vây. Vì thế ta dùng *Đình-lịch* và *Cam-toại* nhằm trực được Thủy để tả Phế, dùng *Hạnh-nhân* nhằm lợi Phế và hạ khí. Liều-lượng

dùng chỉ bằng viên đạn nhỏ, hòa thêm mật ong tốt nhầm hòa-hoãn được dược-tinh."



**Điều 136: 結 胸 證 其 脈 浮 大 者 不  
可 下 下 之 則 死** Kết hung chúng, kỳ mạch phù đại giả, bất  
khả hả. Há chi tắc tử.

**Dịch nghĩa:** Có những trường-hợp không được cho xổ, phải dựa vào mạch để chẩn-đoán. **Kết hung chúng, thốn-mạch đáng lẽ phải phù, quan-mạch đáng lẽ phải trầm,** nay chẩn thấy mạch phù mà đại. Mạch phù là mạch bên ngoài, mạch đại là mạch chính-khí hư. Tà kết ở Trung-tiêu, trong lúc đó chính-khí lại hư và phù bên ngoài, vậy **nhất định không thể cho xổ.** Nay nếu cho xổ sai-lầm, khi ở lý sẽ tiết ra ngoài, kết-quả là chính-khí không chỗ nương-tựa: ngoại ly nội loại thoát, như vậy sẽ chết.

**Đại-ý:** Kết-hung là do chính-khí kết với tà-khí bên trong. Nếu mạch đi phù đại, đó là tà thực cỗ-kết bên trong, trong lúc đó chính-khí hư lại thoát ra ngoài.

**Trương Tiễn-Đường chú:** "Nói chính-khí là nói chủ, nói tà-khí là nói khách. Nay nếu chính và tà cùng kết nhau, tức là khách lưu lại mà chủ-nhân vẫn đang ở nhà, trường-hợp này, ta có thể cho xổ được. Nếu như tà đang ở trong nhà mà chủ-nhân lại chạy thoát ra ngoài, như vậy, không thể dùng phép xổ được."

**Ngô Quốc-Định chú:** "Kết-hung chúng ... mạch phù đại,

dưới Tâm tuy kết nhưng biểu-tà vẫn còn nhiều, đó là Nhiệt kết chưa thực, cho nên không được dùng phép xô. Tuy rằng mạch đại là do Nhiệt-tà đang đốt nóng, mạch kiêm phù là do biểu thực, nay nếu cho xô sai-lầm, lại càng làm cho lý hư thêm. Từ đó, biểu-tà còn sót lại sẽ thừa hư để nhập vào lý, Nhiệt bệnh càng thêm, chính-khí càng hư, sẽ chết. Vì thế phép trị trước hết nên giải biểu... Mạch đại cùng loại với mạch hồng, ta chỉ dựa vào hữu-lực hoặc vô-lực để biện luận Hàn-Nhiệt..."



### Điều 137: 太陽病脈浮而動數浮

Thái dương bệnh; mạch phù nhì động sác. Phù  
tắc vi Phong, sác tắc vi Nhiệt, động tắc vi thống.  
數則爲風數則爲熱動則爲痛  
sác tắc vi hu. Đầu thông phát Nhiệt, vi đạo hạn  
數則爲虛頭痛發熱微盜汗  
sác tắc vi hu. Đầu thông phát Nhiệt, vi đạo hạn  
出而反惡寒者表未解也醫  
xuất, nhì phản ó Hàn giả, biểu vị giải dâ. Y  
反下之動數變遲隔內拒痛  
phản há chi, động sác biến trì, cách nội cự thống.  
胃中空虛客氣動膈短氣煩  
vi trung không hư, khách khí động cách, đoạn khí phiền  
熱心中懊憹陽氣內陷心下  
Nhiệt, Tâm trung áo nùng, Dương khí nội hâm, Tâm hạ

因硬則爲結胸大陷胸湯主  
nhân ngạnh, tắc vi két hung, Đại Hâm hung thang chủ  
之若不結胸但頭汗出餘處  
chi. Nhược bất két hung, dǎn dàu hàn xuât, dư xú  
無汗臍頸而還小便不利身  
vô hàn, tē cành nhì hoàn, tiếu tiện bất lợi, thân  
必發黃也 tất phát hoàng da.

Dịch nghĩa: Bệnh trúng Phong của Thái-dương, mạch đi phù mà động sác, vì tính của Phong là phù ra ngoài, vì thế mạch phù túc thuộc Phong, Phong thuộc Dương-tà, vì thế sác túc thuộc Nhiệt; Âm Dương cùng đánh nhau, vì thế động gây thành chứng thống. Tà thịnh thì chính hư, vì thế mạch sác túc thuộc hư. Thái-dương cơ-biểu bị bệnh, như vậy dầu thống được nhiệt-hoa ở tiêu Dương sẽ phát Nhiệt. Phàm khi bị chứng thương Phong sẽ có tự hạn xuất ra; hạn xuất ít thì ô Phong, hạn xuất nhiều thì cũng ô Hàn, không có chứng đao hạn xảy ra, mà chứng đao hạn cũng không có ô Hàn. Nay vì đạo-hạn xuất ra, nhưng, ngược lại, lại ô Hàn, đó là chứng trúng Phong lâu ngày, tuy rằng nó khác với chứng mới trúng Phong, do biếu-tà chưa giải vây. Người thầy thuốc, ngược lại, lại cho xổ, do đó biếu-tà thừa hư nhập vào trong, vì thế mạch động sác biến thành mạch trì; tà-khí và hung-cách khí bên trong đánh nhau thành ra thống. Vì bị xổ, cho nên trong Vị bị không-hư. Khách-khí được tự-do ngang-dọc, làm động đèn

**cách-hung.** Trên màn cách là Tâm và Phế, chủ về thở khí ra ngoài; dưới màn cách là Can và Thận, chủ về hít khí vào. Nay khách-khí làm động đến màn cách, vì thế nên sự hô-hấp không còn liên-tục, vì thế nên người bệnh bị thở khì ngắt. Khi trên và dưới không còn giao nhau, vì thế thành chứng phiền táo. Khi phiền táo đến cực thì trong lòng bức-bối. Tất cả là do khí của Thái-dương di theo tà-khí để hâm vào trong. Nhân đó mà dưới Tâm bị cứng, tức là khi đã két ở ngực, ta dùng Đại Hâm-hung thang làm chủ-trị.

**Nếu như không bị két hung,** mà nó lại két ở vùng của Thái-âm Tháp Thổ, như vậy là Tháp và Nhiệt cùng dụng nhau, bên trên nó sẽ chung cát lên đến đầu, làm cho chỉ có mồ-hôi ở đầu xuất ra mà thôi, tân dịch không đạt đến khắp nơi khác, thành ra các nơi khác không có mồ-hôi, chỉ đến cổ là dứt. Nếu tiêu-tiện bất lợi, khí Tháp Nhiệt nhân vì không có lối thoát, sẽ uất lại bên trong và đốt nóng bên ngoài, làm cho thân mình nhất định bị vàng.

**Đại-ý:** Điều này nói về cho xổ sai-lầm để Nhiệt-tà hâm vào trong thành chứng két hung, hoặc phát hoàng.

**Ngô Quốc-Định** chú: "Ta chia điều trên thành ba đoạn:

1 / Từ 'Thái dương bệnh' đến 'biểu vị giải': mạch và chứng đều thuộc Thái-dương biểu chứng, nên dựa vào biểu để trị.

2 / Từ 'ý phản há chí' đến 'Đại hâm hung thang chủ chí': nói rõ biểu-chứng nhưng sau khi cho xổ sai-lầm chuyển thành bệnh két-hung hoặc phát hoàng.

3 / Từ 'nhược bất kết hung' đến 'thần tật phát hoàng' : ý nói sau khi cho xổ sai-lầm, nếu không bị kết-hung thì cũng bị phát hoàng. Nay xin trình bày biểu-dồ như sau :

**Biểu đồ: Kết hung và phát hoàng chúng:**

		phù : Phong Hán tại biểu	
	mạch	động : tà thịnh	
Biểu tà		sát : Nhiệt thịnh	
	chứng	- dầu thông, thân Nhiệt phản ố Hàn: chứng-hậu của biểu Nhiệt	
		- vi đạo-hạn xuất : mồ mòn do vệ-kí nhập vào trong, bì-mao, cơ-tấu không đóng lại.	
Biểu-tà chưa giải, thầy thuốc lại cho xổ	kết hung	<p>đóng sác biến tri : tà kết ở lý</p> <p>hung-cách cực đau-dồn : chính và tà cùng tranh nhau.</p> <p>khách-kí làm động hung-cách : tà-kí khuấy-dộng ở trên</p> <p>thở ngắn, phiền táo : tà-kí ngắn trở khí đạo.</p> <p>Trong Tâm bức-bối : tà-kí uất lòng ngực</p>	<p>Dương-kí hâm vào trong, nhẫn đó dưới Tâm</p> <p>bị cứng, Nhiệt kết với Thủy</p>
	phát hoàng	<p>chỉ có mồ-hôi dầu xuất ra : Nhiệt chứng-cắt bên trong</p> <p>các nơi khác không mồ-hôi : Nhiệt không đạt ra ngoài.</p> <p>tiểu-tien bắt-lot : Thấp-kí không tiết xuống dưới.</p>	<p>Thấp-Nhiệt chứng cắt</p>

**Trương Lộ** chú: "Mạch động là mạch của Âm Dương tranh nhau: Dương động thì hàn xuất; Âm động thì phát Nhiệt. Tuy nhiên, đa số trường-hop mạch Âm hàn phát Nhiệt, động ở xích nội, còn mạch Dương hàn tự hàn thì động ở Thốn-khẩu."

Sách **Kim-quỹ** yếu-lược viết: "Mạch động mà nhược, khi động thì thành kinh-sợ (kinh), khi nhược thì thành hồi-hộp (quý)."

**Châm-cứu:** chứng 'kết-hung': Châm *Thân-trụ*, *Phê-du*, *Trung-phủ*, *Kỳ-môn*, *Thái-uyên*, *Khúc-trì*, *Thông-ly*, *Gián-sú*. chứng 'hoàng-dản': châm *Chí-dương*, *Tỳ-du*, *Uyển-cốt*, *Công-tôn*, *Túc Tam-ly*, *Khúc-trì*.

**Đường Dung-Xuyên chính:** "Mạch động thì đầu phải thống, mạch phù thì phải phát Nhiệt; mạch sác thuộc hàn, như vậy phải xuất đạo-hạn. Nếu nhu bên trong hàn tất không ố Hàn; nay, ngược lại, lại ố Hàn. Hàn là do biếu-tà chưa giải, chứ không phải do nội hàn. Bệnh ở biếu thì nên dùng phép tán, người thầy thuốc không biết con đường 'biểu-tà dùng phép tán', vì thế họ mới cho xổ và mạch động sác sẽ biến thành trì trệ. Đây không phải là mạch trì do hàn Hàn, mà chính là do sau khi xổ làm xáo-trộn mạch-tượng..."

**Hung-cách** là con đường vận-hành của chính-khí, cũng là con đường mà tà-khí nhập vào, rồi chính-khí chống lại gây thành đau-dớn. Bởi vì chính-khí sinh ra từ khí-hải, nó lên trên đến hung-cách, được sự hỗ-trợ của Vị-khí khiến cho chính-khí ra ngoài được, nhưng tà-khí không vào

được. Nay do vì sau khi xổ, Vị-khí bị không-hu, nó không phù-trợ được cho chính-khí nữa, vì thế tà-khí mới vào được hung-cách. Thế là tà-chính tương-tranh ...

Hung-cách là con đường của hô-hấp. Khi tà và chính cùng tranh nhau, thì con đường hô-hấp bất-thông, vì thế hơi thở bị ngăn. Tà-khí vào trong gây thành chứng phiền, chính-khí khó ra thì thành chứng táo (tay chân bồn-chồn). Khi mà phiền táo đến cực thì sẽ làm cho trong Tâm bị bức-bối. Tại sao thế?

Bởi vì nguyên-khí của con người sinh ra từ trong nước của Bàng-quang; nó vào trong Khí-hải, rồi lên trên đến hung-cách. Khí sinh ra từ Thủy, nay nó bị trở-tắc, hâm vào trong lồng ngực, thế là sẽ hóa trở lại Thủy. Thủy và Nhiệt-tà kết lại: Thủy Hòa giao-kết dưới Tâm thành khói cứng, gọi là kết-hung. Văn-mạch của Trọng-Cảnh rõ-ràng như vậy, nhưng Trần Tu-Viên không biết rằng màn mờ trong hung-cách xuống dưới đạt đến khí-khai, bên trong thông với Tâm-bào, lên trên ra đến miệng và mũi, ra ngoài thông với bì-mao, vì thế lời chú của ông không thông.

Câu 'nhược bất kết hung' ý nói rõ rằng màn hung-cách đang thông-lợi, vì thế khí mới xuất lên trên được.

Câu 'dẫn đầu hạn xuất, cư xú vô hạn', ý nói Nhiệt-tà đi từ bì-mao khắp chu thân."

### 51: Đại Hâm-hung thang phương: 大陷胸湯方

**Đại-hoàng** (6 lượng, bỏ bì)

**Mang-tiêu** (1 thăng)

Tất cả các vị trên, dùng 6 thǎng nước, trước tiên sắc Đại-hoàng, lấy 2 thǎng, bỏ xác, xong cho Mang-tiêu vào, đợi sôi một vài dạo, rồi lại cho Cam-toại vào. Uống ám 1 thǎng, nếu thông lợi thì ngưng uống.

Trần Úy giải phương: "Sự phân biệt giữa thang và hoàn :

\* Ta dùng hoàn khi nào sợ thuốc làm cho xổ quá nhanh, vì thế cho uống cả xác thuốc hòa với mật, nhằm làm cho tà-khí bên trong xuất ra một cách hòa-hoãn hơn.

\* Ta dùng thang khi nào ta muốn cho xổ nhanh hơn.

Trần Sư-Lượng giải phương: "Kết-hung là bệnh kết ở trong lồng ngực, nhưng liên-hệ tối dưới Tâm. Con người có mản cách-mạc là để ngăn ngăn trên dưới. Nếu như cách-mạc ngăn được tà thì tà sẽ ở lại lồng ngực; còn như cách-mạc không ngăn được tà thì tà sẽ liên-hệ từ ngực xuống dưới đến Vị. Nếu cả ngực và Vị đều bị bệnh thì mới thành chứng kết hung được. Nếu chỉ có ngực bị tà còn Vị chưa bị tà, sẽ thành chứng hung-hiệp mân thuộc bán biếu bán lý. Nếu chỉ có Vị thọ tà mà ngực không thọ tà thì sẽ thành chứng Vị gia thực thuộc Dương-minh bệnh. Cả hai đều không thuộc chứng kết-hung. Chúng ta phải phân-biệt cho kỹ trong quá-trình chẩn-doán mới tránh được sai-sót."

Thành Vô-Ký giải phương: "Đại-hoàng được gọi là tướng-quân, vị khổ của nó có thể rửa sạch nước do; Mang-tiêu còn có tên là Tiêu-thạch, vị hàm của nó có thể làm mềm vật cứng; Cam-toại có thể xông thǎng vào trong. Ba vị này

có sức mạnh làm phá tan kêt-khí ở hung-cách."

Vương Vũ-Thái chú: "Cái gì thấp thì mình đưa nó lên, cái gì cao thì mình hâm nó lại, tất cả nhằm lập thế quân-bin. Tà của chứng kêt-hung thuộc về cao, vì thế nên hâm nó xuống cho bình lại ..."



### Điều 138. 傷 寒 六 七 日 結 胸 热 實

Thương Hàn lục thất nhật, kêt hung Nhiệt thực,  
脈 沉 而 緊 心 下 痛 按 之 石 硬  
mạch trầm nhi khẩn, Tâm hạ thống, án chi thạch ngạnh  
者 大 陷 湯 主 之 giả, Đại hâm thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Kêt-hung có khi không do cho xổ sai-lầm gây nên. Thương Hàn sáu ngày đủ một chu kỳ, đến bảy ngày trở lại Thái-dương, bệnh không giải theo con đường biếu, mà kêt lại ở ngực, như vậy, tà-khí của thương Hàn bị uất để thành Nhiệt thực. Mạch đi trầm lại khẩn. Mạch trầm thuộc lý, nay dưới Tâm bị thống, đè lên thấy cứng như đá, không thể dùng loại được nào khác hơn là phải dùng Đại hâm thang làm chủ trị.

Đại ý: Điều này nói về chứng kêt-hung không do xổ sai-lầm gây ra.

Thành Vô-Kỳ chú: "Bệnh ở biếu lại cho xổ, Nhiệt nhập vào trong, thành chứng kêt-hung. Điều này không nói về hậu quả của phép xổ mà nói về 'thương Hàn sáu bảy ngày', như vậy là thực Nhiệt truyền vào lý. Mạch trầm thuộc lý,

*mạch khẩn thuộc lý thực. Vì dưới Tâm bị thống, đè lên thấy cứng, vì thế thành chứng kết-hung, ta dùng Đại hâm-hung thang nhằm cho xổ Nhiệt-kết."*

**Trương Khiêm-Thiện** chú: "Cho xổ sóm, thành kết-hung, đó là lẽ thường của sự việc; do Nhiệt-thực kết-hung, đó là lẽ biến của sự việc ... Nguyên-nhân gây bệnh có thể khác, chứng trị chỉ có một lý mà thôi."

**Ngô Quốc-Định** chú: "Người bệnh vốn bị chứng Thủy-Ẩm, khi biểu-tà nhập lý, cả hai cỗ-kết lại, tụ lại nơi Vị-hoán, làm cho thương hạ không còn thông nhau; mạch trầm khẩn ý nói bệnh không ở ngoài, mà là đang ở bên trong; chứng 'Tâm hạ thống, đè thấy cứng như đá', đó là chất độc của bệnh đã nặng lầm rồi, vì thế ta dùng Đại hâm-hung thang nhằm phá được cái chất độc kết lại bên trong."

**Trình Úng-Mao** chú: "Chứng kết-hung tuy nói rằng do Dương-tà hâm vào trong. Tuy nhiên, hai chữ Âm Dương ở đây không dựa vào trúng Phong hay thương Hàn mà phải dựa trên Hàn Nhiệt, hư thực để phân biệt. Biểu Nhiệt thịnh thực nhập vào Vị, sẽ thành chứng-trạng thuộc Dương-minh; biểu Nhiệt thịnh thực chuyển nhập vào hung-cách sẽ thành chứng kết-hung. Vì thế chứng kết-hung không nhất thiết phải do cho xổ sai-lầm mà ra."

**Kha Vận-Bá** chú: "Chứng kết-hung do Nhiệt-thực mà cũng do Hàn-thực:

\* *Thái-dương bệnh, cho xổ sai-lầm, thành Nhiệt-thực kết-hung, bên ngoài không có đại Nhiệt, nhưng bên trong*

có đại Nhiệt.

\* *Thái-âm bệnh, cho xổ sai-làm, thành Hàn-thực kết-hung, bên dưới bị kết thành khối cứng, ngoài hay trong đều không có nhiệt-chứng.*

*Trầm là mạch thuộc lý, mạch khẩn thuộc Hàn, đây là loại mạch do Thủy-kết ở hung hiếp; chứng dưới Tâm đầy, đau, đè xuống thấy cứng như đá, đây là chứng do Thủy kết ở hung hiếp. Tuy nhiên, mạch và chứng đó không khác với chứng Hàn-thực kết-hung, vì thế phải xét cho kỹ, khi nào thấy 'bệnh phát ra ở Dương, nhưng do xổ sai-làm để nhiệt nhập vào, gây thành bệnh' thì mới có thể dùng Đại hâm-hung thang được. Đây chính là ý-nghĩa câu trị bệnh ấy phải tìm ở gốc' vậy.*



### Điều 139: 傷 寒 十 餘 日 热 結 在 裡

Thương Hàn thập dư Nhật, Nhiệt kết tại lý.

復 往 來 寒 热 者 與 大 柴 胡 湯  
phục vāng lai Hàn Nhiệt giả, dù Đại Sài hò thang.  
但 結 胸 無 大 热 者 此 爲 水 結  
Đản kêt hung vô đại Nhiệt giả, thử vi Thủy kêt  
在 胸 脊 也 但 頭 微 汗 出 者 大  
tại hung hiếp dâ; đản đầu vi hàn xuất giả, Đại  
陷 胸 湯 主 之 Hâm hung thang chủ chi.

Dịch nghĩa: *Thái-dương thương Hàn hơn mười mấy*

*ngày, Nhiệt kết ở lý. Ta gọi giữa ngực là vùng lý của Thái-dương. Nay nếu được chốt cửa của Thiếu-dương xoay-chuyển, lại thành chúng vāng lai Hán-Nhiệt, đó là Thái-dương muốn xuất ra ngoài, ta nên dùng Đại-Sài-hồ thang làm chủ-trị. Nếu chỉ kết-hung mà không có đại-Nhiệt, đó là khí Thái-dương Hán Thủy không vận-hành ở vùng phu-biểu mà lại nhập vào trong để kết lại ở vùng ngực và hông sườn. Toàn thân không có mồ-hôi, chỉ có trên đầu có xuất mồ-hôi nhẹ, đó là Thủy nghịch ở ngực mà không tiết ra ngoài được. Ta dùng Đại-hâm-hung thang làm chủ-trị. Nay giá như Thủy tiết xuống dưới, còn chính-khí vận-hành lên trên, như vậy thì sự xoay-chuyển sẽ được thông-lợi. Đại-Sài-hồ thang là loại được của xoay-chuyển chốt cửa, còn Đại-Hâm-hung thang lại là loại được dùng để tiết-thoát tà-khí. Tuy rằng nó không phải là chốt cửa xoay-chuyển, nhưng nếu khi tà-khí tiết ra rồi thì sự bế-tắc ở xoay-chuyển cũng sẽ thông-dat.*

*Đường Dung-Xuyên bổ:* "Nhiệt kết ở lý, như có chứng kết-hung. Nếu không có chứng 'vāng lai Hán-Nhiệt', chỉ có phiền, thống, đại-Nhiệt... thế là chúng ta có thể dùng Đại-hâm-hung thang. Nay lại có chứng 'vāng lai Hán-Nhiệt', như vậy là Nhiệt-tà tuy nhập vào kết ở trong nhưng chính-khí đang muốn xuất ra bên ngoài. Ta nên dùng Đại-Sài-hồ thang, trong đó Đại-hoàng đóng vai đoạt khí kết-Nhiệt, Sài-hồ làm điều-dat chính-khí, như vậy biếu và lý đều được giải cả hai.

*Nếu chỉ có kết-hung mà không có chứng vāng lai Hán-Nhiệt*

và lại cũng không có chứng đại Nhiệt hâm hung gây phiền táo, đây chính là do Thủy kết tại hung hiếp, chứ không phải do Nhiệt kết. Giả-sử chỉ do Thủy kết, vậy Hỏa không chung lên trên, do đó mà không có mồ-hôi dầu, trường-hợp này không được dùng Đại hâm-hung thang vậy.

Còn như tuy không có đại Nhiệt nhưng vẫn có Nhiệt, tức là tuy Hỏa không kết nhưng vẫn chung cất lên trên, làm cho mồ-hôi dầu xuất ra, như vậy không chỉ có Thủy kết mà thêm Hỏa chứng. Trường-hợp này nên dùng Hâm-hung thang nhằm đoạt Thủy kiêm tả Hỏa.

Đại Sài-hò chứng là do tà-khí kết nhưng chính-khí muôn xuất ra, đây là chứng Thủy kết nhưng Hỏa vẫn đốt nóng. Trần Tu-Viên trong lời thiền chú đã giải từ câu "Thủy kết" về sau đều liệt cả vào Thủy chứng, như vậy là không thuận lâm so với văn-pháp và phương trị."

Trương Tiên-Đường chú: "Đây nói về Thái-dương không thể xuất ra theo con đường của chốt cửa, đến nỗi Thủy nghịch lên đến ngực rồi thành chứng kết-hung. Khi Thái-dương Hán Thủy bên trong xuất ra ở hung-cách, bên ngoài đạt đến bì-phu. Nếu xuất ra theo con đường chốt cửa thì sẽ có chứng vāng lai Hán Nhiệt, còn nếu không xuất ra được từ con đường của chốt cửa mà kết lại ở vùng hữu-hình của hung-cách, thế là khí vô-hình của Hán Thủy sẽ kết lại thành Thủy hữu-hình vậy."

Ngô Quốc-Định chú: "Nguyên-nhân của kết-hung là do Nhiệt nhập vào trong; nguồn gốc của kết-hung là Thủy kết.

*Thiêu-Nhiệt hoặc Thùy thì không thể gọi là kêt-hung.*

*Trường-hợp trị sai-lầm làm cho Nhiệt lưu lại ở hung-cách, đó là Chi-tử Xì thang chúng; nếu chỉ do Thùy kêt làm cho dưới Tâm bị dày, cứng, hông sườn đau, ta gọi là huyền-ấm, thuộc Thập Táo thang chúng; vì thế ở đây, Trọng-Cảnh đã nói rõ thêm trường-hợp Nhiệt thực kêt hung."*

*Dưới đây là bảng lược-dồ phân-biệt giữa bộ-vụ sâu hay cạn của Đại Sài-hồ thang chúng và Đại hâm hung thang chúng:*

Phân-biệt	Đại hâm-hung thang	Đại Sài-hồ thang
Nguyên-nhân bệnh	Thùy kêt hung hiếp	Nhiệt kêt ở lý (Dương-minh)
Ngoại-hậu	Bên ngoài không có đại Nhiệt	vắng lai Hán Nhiệt (Thiếu-dương)
chứng-hậu chủ-yếu	hung mẫn, cứng, đau không sờ tay được	dưới Tâm có bì-khối, cứng, hơi uất và bứt-rứt
Liệu-pháp	khai kêt, trục Thùy	hòa giải công ở lý

Kha Vận-Bá chú: " *Khi cho xô sai-lầm làm cho Nhiệt nhập vào, tà của Thái-dương Hán Thùy cũng theo với Nhiệt để hâm vào trong khoảng hung hiếp; Thùy-tà và Nhiệt-tà kêt nhau lại mà không tán ra, vì thế mới gọi tên là kêt-hung. Đại hâm-hung hoàn phương được Trọng-Cảnh dùng Cam-toại và Đinh-lịch để làm gì? Lúc chưa cho xô, có đại Nhiệt, sau khi xô lại không có đại Nhiệt, như vậy ta biết rằng đại Nhiệt đã thua hư để nhập vào lý rồi. Câu 'chỉ có mồ-hôi nhẹ trên đầu' ý nói Nhiệt-khí đã chưng lên trên; câu 'các nơi khác đều không có mồ-hôi' ý nói Thùy-khí đã kêt lại bên trong. Khi mà Thùy đã kêt bên trong thì Nhiệt không tán ra được. Khi Nhiệt kêt bên trong thì Thùy không vận-hành được, vì thế ta dùng Cam-toại để tấn-công*

trục-tiếp Thủy-kết; ta dùng Mang-tiêu, Đại-hoàng nhằm  
trục xuất Nhiệt-kết ... ”

Lục Uyên-Lôi chú: “Đây chính là chứng cách-mạc viêm và  
chứng Vị-thực. Ta có thể phân-biệt bằng hai tính: can (khô) và Thấp. Tính can thuộc Đại Sàihò; tính Thấp thuộc  
Đại hâm-hung. Riêng tính Thấp có thêm vãng lai Hàn Nhiệt,  
ta không ngoại dùng kiêm cả Đại Sàihò. Tóm lại, Đại Sàihò là  
phương-tệ thông-dụng cho cả hai tính Thấp và khô.”



**Điều 140:** 太陽病重發汗而復下  
Thái dương bệnh, trùng phát hàn, nhi phục hàn  
之不大便五六日舌上燥而  
chi. Bất đại tiễn ngũ lục nhật, thiệt thượng táo. nhi  
渴日晡所小有潮熱從心下  
khát, nhật bô sở tiễn hưu triều Nhiệt, tùng Tâm hạ  
之少腹硬滿而痛不可近者  
chi thiểu phúc ngạnh mǎn nhi thống bất khả cận giả.  
**大陷胸湯主之** Đại Hâm hung thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thái-dương bệnh, lại cho phát hàn thêm,  
rồi lại cho xổ thêm, như vậy đã làm mất tân-dịch, nếu  
tân-dịch mất ở dưới thì không đại-tiễn được. Tính từ lúc  
không đại-tiễn được, cho đến năm sáu ngày sau, đúng vào  
thời Dương-minh chủ khí, tân-dịch bị vong ở trên, vì thế  
trên lưỡi bị táo mà khát. Khi Dương-minh vượng vào giờ

*thân và dậu, vì thế lúc trời xế bóng, người bệnh hoi sốt, đó là kiêm thêm táo chứng của Dương-minh. Từ Tâm đi xuống đến thiêu-phúc bị cứng, đầy, không ai có thể đến gần, phải dùng Đại Hâm-hung thang làm chủ-trị.*

**Đại-ý:** Điều này nói về cho phát hạn, cho xổ sai-lầm làm mất tân-dịch, thành chứng táo và kết-hung.

Trương Tiên-Đường chú: "Nội-kinh nói rằng 'khí Nhị Dương thuộc duy' ý nói kinh Dương-minh thống duy (ràng-buộc cả) vùng phía trước ngực và bụng. Con đường xuất nhập của khí Thái-dương là ở phía trước của hung-cách vùng ngực. Vùng từ dưới Tâm đến thiêu-phúc là do khí của Dương minh thống-duy. Hai đường kinh Dương này cùng quán-thông nhau. Vì thế đây là bệnh ở Thái-dương kiêm cả chứng triều Nhiệt của Dương-minh."

**Đường Dung-Xuyên bô:** "Chứng 'tùng Tâm hạ chí thiêu phúc ngạnh mẫn nhl thông' là chỉ về các màn từ hung-cách đến các màn mõ Thượng, Trung, Hạ-tiêu đều có kết Nhiệt; nếu kiêm cả chứng 'nhật bô triều Nhiệt, bất đại liệt' đó là trong Đại-trường cũng có kết Nhiệt. Phàm khi nào nói đến 'triều Nhiệt' đều phải ứng với Đại-trường Táo Kim, tức đến thời thân, dậu vượng mới phát Nhiệt. Màn mõ của Đại-trường và Hạ-tiêu cùng liên-hệ nhau, ta dùng Đại Hâm-hung thang làm cho kết Nhiệt trong Đại-trường bị quét sạch, bệnh khỏi.

Trên có nói 'kết hung nhì Tâm trung áo nùng', đó là nói đến tà-khí di từ màn mõ của Thượng-tiêu đến hợp với Tâm-bào. Đây lại nói về 'kết hung nhì nhật bô triều Nhiệt', tức là nói

đến tà-khí từ màn mõ của Hạ-tiêu xuống dưới hợp với Đại-trường. Độc-giả nên đọc cho kỹ để hiểu rõ vai trò liên-hệ giữa Tam-tiêu và tạng-phù con người."

Ngô Quốc-Định chú:" Thái-dương bệnh nếu trùng phát hàn, sẽ làm thương tân dịch; nếu cho xổ thêm thì càng làm thương đến lý-khí, khí tà Nhiệt sẽ hâm vào trong, gọi là 'Thái-dương Thủy của Thái-dương kết ở lồng ngực, Táo của Dương-minh kết ở Đại-trường'. Vì có Thủy-kết dưới lồng ngực ảnh hưởng tới thiêu-phúc, thành chứng cung đầy không cho đến gần, ta dùng Đại Hâm-hung thang để tấn-công kết Nhiệt."



**Điều 141: 小結胸病正在心下按之則痛脈浮滑者小陷胸湯主之** chữ chi.

Tiểu kết hung bệnh, chính tại Tâm hạ; án chi tắc thống, mạch phù hoạt giả, Tiểu Hâm hung thang

**Dịch nghĩa:** Chứng kết hung còn phân biệt Đại và Tiểu. Bệnh Tiểu Kết-hung dì từ lồng ngực để xuống kết với lạc-mạch của Vị, chỉ xảy ra ngay từ dưới Tâm mà thôi, chứ không như Đại Kết-hung thang ở trên cao, mà cũng không ở vùng thiêu-phúc. Tà-khí ở lạc-mạch, khi chúng ta đè lên mới thấy đau, không như Đại Kết-hung đau đến không cho đè lên được, mạch phù mà hoạt. Mạch phù thuộc ngoại, mạch hoạt thuộc Nhiệt. Bên trong có kết Nhiệt nhítng kinh khí vẫn muốn thoát ra ngoài, ta dùng Tiểu

### **Hâm-hung thang làm chủ trị.**

**Đại-ý:** Điều này phân biệt Tiêu và Đại Kết-hung chứng.

**Đường Dung-Xuyên** chính: "Trong Đại Kết-hung chứng, Trọng-Cảnh chỉ nói đến 'Tâm hạ ngạnh mân', chít chưa từng nói đến 'lên trên cao': Chúng ta nên biết rằng chữ 'Tâm hạ' là chỉ vào màn cách-mạc dưới Tâm. Tâm Hỏa xuống dưới để giao với huyết thất, phải đi từ vùng màn cách-mạc này. Nguyên-khi của nước trong Bàng-quang, lên trên đến Phế thành hô-hấp, cũng đi từ vùng màn cách-mạc này. Thủy và Hỏa giao-kết ở vùng màn cách-mạc này, sẽ gây thành chứng kết-hung bất cứ Đại hay Tiêu. Sách của Trọng-Cảnh, khi nói đến 'Tâm hạ' là nói đến vùng này.

\* Tiêu Kết-hung chứng chỉ xảy ra ở vùng 'Tâm hạ' mà thôi, không liên-hệ đến vùng bụng và hông sườn.

\* Đại Kết-hung chứng thì xuống đến phía dưới của vùng bụng và hông sườn.

Như vậy, các màn mõ đóng vai nối liền giữa màn cách-hung với vùng hông sườn. Trần Tu-Viên tỏ ra rất mơ-hồ về câu nói 'chính tại Tâm hạ', khác biệt với câu nói của điều 140 'tùng Tâm hạ chí thiêu phúc' .

Điều 141 này chỉ nói 'chính tại Tâm hạ', ý muốn nói tình-trạng Thủy Hỏa kết còn nhẹ, vì thế khi tấn-công Thủy, không dùng đến Cam-toại mà chỉ dùng Bán-hạ; khi tấn-công Hỏa không dùng đến Mang-tiêu, Đại-hoàng mà chỉ dùng Quát-lâu, Hoàng-liên."

**Ngô Quốc-Dịnh** chú: "Bệnh ở phía dưới Tâm gọi là Kết-hung. Tiêu khác với Đại ở chỗ:

\* Không cần phải ăn cũng đau là thuộc về Đại.

\* Khi nào dùng tay ăn xuống thấy đau là thuộc về Tiêu. Đây bởi vì Nhiệt-khí còn nhẹ, tà kết còn cạn. Chứng này nhẹ hơn chứng Đại. Chứng Kết-hung mạch lẽ ra phải trầm khẩn, hoặc thốn phải phù, quan phải trầm, nay mạch lại đi phù hoạt. Phù thuộc Dương Nhiệt; hoạt chủ về có đàm. Khi đàm và Nhiệt kết lại nhau sẽ làm cho mạch đi phù hoạt. Ta dùng Tiêu Hâm-hung thang để tẩy đàm ẩm, giáng Hỏa, bệnh sẽ khỏi."

**Trương Kiêm-Thiện** chú: "Chứng Đại Kết-hung là do Thủy kết ở ngực và bụng, vì thế mạch trầm khẩn. Chứng Tiêu Kết-hung là do đàm kết phía dưới Tâm, vì thế mạch vi hoạt. Khi mà Thủy kết thì nên dùng phép cho đi xuống, như Cam-toại, Đinh-lịch, Hạnh-nhân, Mang-tiêu, Đại-hoàng; khi nào đàm kết, ta nên dùng phép cho tiêu, như Quát-lâu, Bán-hạ..."

## 52: Tiêu Hâm-hung thang phương: 小陷胸湯方

**Hoàng-liên** (1 lượng)

**Bán-hạ** (nửa cân, rửa sạch)

**Quát-lâu thực** (1 hạt to)

Tất cả ba vị trên, dùng sáu thăng nước, sắc trước Quát-lâu, còn lại ba thăng, bỏ xác, cho các vị còn lại vào sắc chung nhau, còn lại hai thăng, lại bỏ xác, phân ra uống ẩm làm ba lần.

**Trương Lệnh-Thiều giải phương:** "Trong phương này, ta dùng Hoàng-liên nhằm giải cái Nhiệt kêt dưới Tâm, ta dùng Bán-hạ so-tán kêt-khi ở trong lạc-mạch. Hình dáng của Quát-lâu vươn dài ra ví như lạc-mạch, tính Hàn lương, nó sẽ đưa kêt Nhiệt đi xuống."

**Ngô Quốc-Định giải phương:** "Chủ chứng của chứng này thuộc trường-hợp khinh-chứng của Đại Hâm-hung thang, vì thế ta không dùng phép cho xổ, mà dùng phép giải. Bởi vì Hoàng-liên khô Hàn, có công-năng tiêu Nhiệt, kiện Vị; Bán-hạ tân Táo, có sức mạnh giáng nghịch, trực đàm; Quát-lâu thực cam nhuận, sinh tân-dịch nhằm tiêu-hóa thức ăn, giúp cho Hoàng-liên trị lý Nhiệt, rồi lại trợ cho Bán-hạ để trực đàm-ǎm. Đây là trường-hợp kêt-khi còn nhẹ, cho nên ta không dùng phép xổ, mà chỉ dùng phương thang này nhằm giải Nhiệt, hành Thủy, bệnh sẽ khỏi."

**Tiền Hoàng giải phương:** "Tà kêt ở đây tuy nhẹ nhưng cũng thuộc Nhiệt kêt, vì thế ta dùng tính khô Hàn của Hoàng-liên nhằm giải Nhiệt, khai kêt. Tà kêt ở ngực, sẽ làm cho Vị-khi không vận-hành, đàm-ǎm tích-tụ, vì thế ta dùng tính tân-ôn của Bán-hạ nhằm làm cho hóa-trục đàm-ǎm, giải kêt. Ta lại dùng tính cam Hàn của Quát-lâu thực làm giáng cái Hỏa ở Thượng-tiêu, đàm-khi sẽ giáng."



## Điều 142: 太陽病二三日不能臥

Thái dương bệnh, nhị tam nhật, bất năng ngọa,

但 欲 起 心 下 必 結 脈 微 弱 者  
dǎn dục khởi. Tâm hạ tắt kết; mạch vi nhược giả.  
此 本 有 寒 分 也 反 下 之 若 利  
thứ bản hữu Hàn phận dã. Phản há chi, nhược lợi  
止 必 作 結 胸 未 止 者 四 日 復  
chỉ tắt tác kết hung, vị chỉ giả, tứ nhật phục  
下 之 此 作 協 熱 利 也  
há chi. Thủ tác hiệp Nhiệt lợi dã.

Dịch nghĩa: *Thái-dương* bệnh được hai đến ba ngày, đúng vào lúc *Thiều-dương* chủ khí, vậy mà vẫn không có được cái chốt cửa của *Thiều-dương*, không thể vận-hành đúng chức-năng của mình, vì thế cảm thấy nằm không an, và không thể nằm được, ngồi dậy không an nhưng lại chỉ muốn ngoài dậy, đó là vì bệnh-khí không chuyển ra ngoài được, vì thế dưới Tâm tắt sẽ bị nội kết, mạch đi vi nhược. Đây là do cái bản của *Thái-dương* có *Hàn-phận* vậy. Tại sao ta nói được như thế? Vì *Thái-dương* bản thuộc *Hàn* mà tiêu thuộc *Nhiệt*. Nay bệnh thuộc bản *Hàn*, nhưng người thầy thuốc lại ngộ-niệm cho là thuộc tiêu *Nhiệt*, để rồi ngược lại, lại cho xô. Nếu tiêu chảy ngưng, đó là tà-khí không di xuống mà lại trở lên trên, át phải gây ra chứng Tiêu Kết-hung. Nếu tiêu chảy chưa ngưng, sau bốn ngày, lại cho xô nữa, tà-khí sẽ hâm xuống dưới, nó biến cái bản *Hàn* thành tiêu *Nhiệt*, ánh-hướng đến *Thái-âm* Tỳ, thế là phát-tác thành chứng hiệp-Nhiệt (hiệp với tiêu *Nhiệt* của

*Thái-dương) để rồi lại tiêu chảy tiếp.*

**Đại-ý:** Điều này ý nói Thái-dương bệnh mà cho xổ sai lầm, nếu không thành chứng Kết-hung thì cũng thành chứng Hiệp-Nhiệt-lợi.

**Uông Hồ chú:** "Chữ 'Hàn phân' ý nói đến đậm-ẩm, bởi vì đậm-ẩm vốn thuộc Hàn, vì thế mới gọi là 'Hàn-phân'."



**Điều 143:** 太陽病下之其脈促不  
結胸者此爲欲解也脈浮者  
必結胸也脈緊者必咽痛脈  
弦者必兩脅俱急脈數者頭  
痛未止脈沉緊者必欲嘔脈  
沉滑者協熱利脈浮滑者必  
下血

Thái dương bệnh, hả chi, kỳ mạch xúc, bất  
kết hung giả, thủ vi dục giải dã. Mạch phù giả,  
tắc kết hung dã; mạch khẩn giả, tát yết thống; mạch  
弦 giả, tát luồng hiệp câu cáp; mạch sác giả, đau  
huyền giả, tát luồng hiệp câu cáp; mạch sác giả, đau  
痛未止 giả, tát yết thống; mạch trầm khẩn giả, tát dục ầu;  
mạch trầm hoạt giả, Hiệp Nhiệt lợi; mạch phù hoạt giả, tát  
沉滑者協熱利脈浮滑者必  
下血 há huyết.

**Dịch nghĩa:** Kinh-khí không chỉ lên xuống để thông nhau  
nhưng còn đi bằng con đường xuất nhập nữa. Ta có thể  
dựa vào mạch-tương để biết được chứng bệnh. Thái-dương

*bệnh, ngoại chứng chưa giải, nhất định không thể cho xổ, nếu cho xổ sai lầm, tà-khí sẽ hâm vào trong, biến-chứng rất phức-tạp. Nếu mạch xúc, đó là do Dương-tà nặng bên trong, muốn xuất ra ngoài mà không xuất ra được. Tuy không thành chứng Kết-hung, nhưng trong ngực vẫn có nhiệt-tà, sở dĩ nói là không kết-hung, đó là tà-khí dễ-dàng tán ra ngoài. Ta gọi đây là trường-hop muốn giải mà chưa giải được vậy. Nếu mạch phù, đó là bệnh ở Thượng-tiêu, đây là bệnh thuộc Thái-dương nhưng lại cho xổ sớm quá, vì thế tất-nhiên phải bị chứng Kết-hung. Nếu mạch khẩn, mạch của thương Hàn là khẩn, đây do tà còn ở tại yết-hầu, vì thế tất-nhiên yết-hầu phải bị thống. Nếu mạch huyền, đó là do tà-khí hâm vào ngực, chót của không xoay-chuyển được, vì thế tất-nhiên hai hông sườn bị co-rút. Nếu mạch tê-sắc, mạch tê thuộc Âm, mạch sắc chủ nhiệt, đây do Dương-tà hâm vào Thiếu-âm, hai Hỏa cùng đốt nhau, ví thế tất-nhiên phải bị chứng dầu thống không ngừng. Mạch trầm khẩn, mạch trầm là thuộc lý, mạch khẩn chủ Hàn, Thái-dương Hàn-tà xâm-nhập vào Dương-minh, vì thế tất-nhiên muốn ối mưa. Nếu mạch trầm hoạt, trầm thuộc lý, hoạt thuộc Thủy, tà-khí của Thái-dương hâm vào Thái-âm, Thủy lưu Tháp, vì thế thành chứng Hiệp-Nhiệt lợi. Nếu mạch thuộc phù hoạt, phù sinh Phong, hoạt chủ Nhiệt, tính của Phong là phù, là động, nó sẽ làm ảnh-hưởng đến Quyết-âm, vì thế tất-nhiên phải tiêu ra huyệt.*

**Đại ý:** Điều trên nói về kinh-khí tương thông từ trên xuống dưới, điều này nói về kinh-khí tương-thông từ trong ra ngoài.



**Điều 144: 痘在陽應以汗解之反**

Bệnh tại Dương ứng dī hàn giải chi, phản  
以冷水澣之若灌之其熱被  
dī lānh thuy soạn chi, nhược quán chi, kỳ Nhiệt bị  
卻不得去彌更益煩肉上粟  
khuốc băt đặc khú, di cánh ích phiên, nhục thượng túc  
起意欲飲水反不渴者服文  
khởi, ý dục ẩm thuy, phản băt khát giả, phục Văn  
蛤散若不差者與五苓散寒  
cáp tán. Nhược băt sai giả, dù Ngũ linh tán. Hán  
實結胸無熱證者與三物小  
thực kết hung, vô Nhiệt chứng giả, dù Tam vật Tiểu  
陷胸湯白散亦可服

Hâm hung thang, Bạch tán diệc khả phục.

**Dịch nghĩa:** Thủy bên trong két, gây thành chứng Kết-hung; Thủy bên ngoài nhập vào bì-phu, cũng có thể thành chứng Tiểu Kết-hung. Bệnh tại biểu của Thái-dương, nên dùng phép giải hàn để giải bệnh. Trái lại, người ta lại dùng nước lạnh làm ướt ngoài người, trong lúc người

**bệnh bị nước lạnh làm ướt khắp người, Dương Nhiệt ở tại  
biểu sẽ bị nước lạnh ngăn lại, không thoát ra được. Kết-  
quả càng làm cho người bệnh bị Nhiệt hơn và bứt-rứt  
hơn.** Nhân vì bị nước lạnh ngăn trở, lỗ chân lông bị vít lại,  
trên da thịt bị nổi lên thành hạt nhỏ. Vì bên trong có  
Nhiệt, cho nên ý thì thèm uống nước, nhưng vì ngoại Hán  
ức-chế nội Nhiệt, ngược lại, người bệnh không thấy khát.  
**Ta nên uống Văn-cáp tán nhầm xua đuổi Thủy-khí.** Nếu  
vẫn không khỏi, ta dùng Ngũ-linh tán, nó sẽ trợ cho Tỳ  
Thô để vận-chuyển từ trong ra ngoài bì-phu để tán Thủy-  
khí. Nếu như Hán Thủy làm thực bên ngoài, Dương Nhiệt  
bị ngăn cản bên trong để gây thành chứng Hán thực Kết-  
hung, không có cái Nhiệt-chứng ở cơ-biểu, ta dùng Tam-  
vật Tiêu Hâm-hung thang, đây gọi là phép phản trị, tức là  
dùng khổ Hán để làm tiết-thoát cái Nhiệt; hoặc dùng Bạch-  
tán, tức là dùng tân ôn để làm tán kết-khí theo phép túng-  
tri, cũng được.

**Đại-ý:** Điều này nói rằng ngoài chứng Tiêu Kết-hung,  
chúng ta còn có chứng Hán thực Kết-hung.

**Đường Dung-Xuyên** chính: "Chữ '濕soạn' có nghĩa là bên  
ngoài xối nước lạnh; chữ '溼 quán' ý nói bên trong lại uống  
nước lạnh. Như vậy, cái Nhiệt sẽ bị cái lạnh bên ngoài  
ngăn lại, không xuất ra ngoài được; bên trong nó cũng bị  
cái lạnh ngăn lại, không vào trong được. Thế là nó ngừng  
lại trong khoảng cơ-nhục để rồi nổi lên những mụn nhọt  
trên da thịt. Chứng này do Nhiệt và Thủy không kết ở

*ngực, mà chỉ kêt ở ngoài vùng bì-phu, cơ-nhục. Người bệnh vì vậy muốn uống nước, nhưng vì trong Vị không có Nhiệt, cho nên không khát nước. Ta dùng Văn-cáp, bởi vì trên vỏ nó có nếp nhăn, sù-sì. Nay ta dùng vật có da nhăn, sù-sì để chữa bệnh ngoài da đang nổi nhọt sù-sì, nó sẽ làm thấm nước, lợi Nhiệt, cả hình lân tượng đều hợp nhau.*

*Lời thiền-chú của Trần Tu-Viên giải-thích chữ quán và chữ soạn đều thuộc xối nước lạnh từ bên ngoài là không đúng lâm. Chính Trương Trọng-Cảnh đã dùng chữ 'phản dĩ; ngợi lại, lại dùng ...', và dùng chữ 'nhược: nếu như là có ý chia hai trường-hợp ra khác nhau. Ông lại dùng chữ 'nhục thương' là có ý nhán, mạnh bệnh xảy ra ở ngoài da, ngoài vỏ, ta dùng Văn-cáp tán là vì ta cũng dùng vỏ sò, vỏ nghêu để trị Nhiệt và Thủy ở ngoài bì nhục. Nếu không khỏi, ta có thể dùng Ngũ-linh tán cũng nhầm tán Nhiệt lợi Thủy."*

### 53: Văn-cáp tán phương 文 賴 散 方:

**Văn-cáp** (5 lượng)

Nghiền thành tán, hòa chung 1 tiền bột với 5 hợp nước sôi rồi uống.

*Vương Tân-Tam chú:" Cáp (vỏ sò, vỏ nghêu) bẩm-thụ được cương-kí của Thiên nhất đê sinh ra, vì thế có thể dùng một mình mà thế công của nó rất mạnh; vị hàn, tính táo, hàn Hàn có thể thắng Nhiệt, Hàn Táo có thể thấm Thấp, chỉ cần như thế là bệnh khỏi. Ta nên dùng loại có vân nhăn-nheo màu tím thì tốt, vì nó bẩm-thụ đầy đủ khí Âm Dương, nếu ta dùng loại sắc u-ám, không có vân nhăn-nheo sẽ làm cho bệnh-nhân điện-cuồng lên."*

Đoạn cuối của điều này có những khác biệt rất quan trọng. Thừa Đạm-Am trình bày và lập-luận như sau:

"Hàn thực kết hung, vô Nhiệt chứng giả, dứ Tam vật Tiêu Bạch-tán.  
Hâm Hung thang bất khả phục."

Thừa Đạm-Am giải-thích: "... Hâm-hung thang nhất định cầm uống, bởi vì Hàn thực kết hung do Hàn ẩm làm ngưng đàm kêt ở giữa ngực, nay nếu dùng ba vật thuộc khổ Hàn như Hoàng-liên, Bán-hạ, Quát-lâu sẽ làm cho đàm bị ngưng nhiều hơn, không giải được. Bạch-tán gồm Ba-đậu, Cát-cánh, Bối-mẫu, cả ba có sắc trắng, được gọi là Tam-vật Tiêu Bạch-tán, uống rất ít..."

Ngô Quốc-Dịnh trình bày và bỏ đi 7 chữ, chỉ còn giữ lại:  
"Hàn thực kết hung, vô Nhiệt chứng giả, dứ Tam-vật Bạch-tán."

#### 54: Bạch-tán phương: 白 散 方

Cát-cánh (3 phần)

Ba-đậu (1 phần bỏ bì, tâm, nướng nghiền như cao)

Bối-mẫu (3 phần)

Nghiền hai vị thành bột, xong cho Ba-đậu vào cối giã nát, hòa với nước trắng uống. Người mạnh uống chừng nửa tiền, người gầy giảm bớt thuốc. Bệnh ở bên trên cách-mạc thì sẽ nôn ói, bệnh ở bên dưới cách-mạc thì sẽ tiêu chảy. Nếu không tiêu chảy, cho ăn chén cháo nóng; nếu tiêu chảy không ngừng thì cho ăn chén cháo nguội ...

Trần Úy giải phương:" Ba-đậu tính tan Nhiệt, có thể làm tan Hàn thực và phá Thủy-ẩm; Bối-mẫu khai được chứng kết ở ngực, thông Phế-khi. Phương này không dùng thang

mà chỉ dùng tán, là để dê tán khí. Cho ăn cháo nóng là vì muốn hỗ-trợ cho cái Nhiệt-thể của Ba-dâu đang tấn-công; cho ăn cháo nguội là vì muốn ngăn cái Nhiệt-thể của Ba-dâu bớt lại. Ta không dùng nước uống mà lại dùng cháo lỏng là vì ta muốn mượn cốc-khí để trợ cho Vị-khí vậy."

V-tông kim-giám giải phương: "Phương này trị chứng Hàn-thực Thủy kết-hung, là một phương thuốc cực mạnh. Ba-dâu đóng vai quân, vị tân cực-kỳ mãnh-liệt, nó công Hàn, trực Thủy, phá lũy đập thành; Bối-mẫu đóng vai tá, nó khai-phá kết-khí ở ngực; Cát-cánh đóng vai sứ, nó giúp cho Ba-dâu, cùng truy đuổi tà-khí ở ngực ..."

Ngô Quốc-Dịnh làm bảng so-sánh :

Phân biệt	Đại Kết-hung chứng	Tiểu Kết-hung chứng	Hàn-thực Kết-hung chứng	Tạng-kết chứng
Chứng trạng	Dưới Tâm đau, đè lên cứng như đá, từ dưới Tâm đến thiểu-phúc cứng đày, đau, không cho đến gần, cổ gáy cứng	Ngay dưới Tâm, đè lên mới thấy đau	Chứng-hậu giống như Đại Kết-hung chứng, duy không thấy có Nhiệt chứng.	Ăn uống như thường, thường bi tiêu chảy, rêu lưỡi trắng,trơn.
Mạch tương	Do xổ sai lầm, mạch thôn phù, mạch quan trầm, động sác biến tri; nếu không, mạch trầm khẩn.	mạch phù hoạt		mạch quan tiểu tê trầm khẩn
Nguyên nhận	Nhiệt và Thủy kết (do cho xổ sai lầm, Nhiệt-tà nhập vào lý)	Nhiệt và đàm kết	Hàn và đàm-thủy kết nhau	thuần do Âm kết

Liệu- pháp	Nên trực Thủy, nếu cấp nên dùng Đại Hâm-hung thang. nếu hoãn-dùng hoãn.	Nên dùng Tiểu Hâm-hung thang. thanh Nhiệt, tiêu dầm, khai két	Nên dùng Tam-vật Bạch-tan, hóa Thủy Hàn, phá két thực	nên trị
Phụ chú				Có khi dưới hông sườn có khói u, đau dần qua rùn và thiểu phác, nhập vào bộ sinh-duc, cung gọi là Tạng-kết, đó là do Âm-thịnh, Dương-tuyệt, tử chứng.



### Điều 145: 太陽與少陽並病頭項

Thái dương dữ Thiếu dương tịnh bệnh, đầu hạng

強痛或弦冒時如結胸心下

cường thống, hoặc huyền mạo, thời như kết hung, Tâm hạ

痞硬者當刺大椎第一間肺

bì ngạnh giả, đương thích Đại chày đê nhất gian, Phé

俞肝俞慎不可發汗發汗則

du, Can du: thận bất khả phát hạn, phát hạn tắc

譫語脈弦五六日譫語不止

thiêm ngủ, mạch huyền. Ngũ lục nhật, thiêm ngủ bất chỉ,

當刺期門 đương thích Kỳ môn.

**Dịch nghĩa:** Đã có những chứng Kết-hung thực sự, thì  
cũng có những trường-hợp xảy ra giống như là chứng Kết-  
hung. Thái-dương cùng hợp bệnh với Thiếu-dương. Kinh  
mạch của hai đường kinh Dương giao-hội nhau ở vùng

*dầu và cỏ gáy, vây nên khi thọ tà thì dầu và cỏ gáy bị cứng, đau. Kinh-mạch của hai đường kinh Dương này khởi lên ở mắt, vận-hành ở đầu, vì thế khi thọ tà-khí thì đầu mắt hoặc sưng bị hoa, choáng-váng. Ôi. Khi bệnh ở Thái-dương sẽ bị Kết-hung, bệnh ở Thiếu-dương thì dưới hông sườn bị khói u cứng. Nay cả hai Dương đều bị bệnh, tất nhiên không phải thuộc chứng Kết-hung, vây mà có lúc như là có chứng Kết-hung, không có chứng cứng đau dưới hông sườn, mà gây thành chứng dưới Tâm bị khói u cứng, ta nên châm giữa đốt thứ nhất xương đại-chùy nhằm tiết-tả tà-khí của Thái-dương và Thiếu-dương cùng bệnh. Nếu chưa hết, châm tiếp huyệt Phé-du, nhằm làm thông Phé-khí và làm vận-hành được khí-hóa ở Bàng-quang, tà-khí sẽ được tiết-tả ra ngoài; lại châm huyệt Can-du nhằm tả tà ở Thiếu-dương, bởi vì Can và Đồm cùng biểu lý nhau. Cẩn-thận, không nên cho phát hàn, vì sợ sẽ làm kiệt huyệt-dịch ở kinh-mạch. Nay nếu lỡ cho phát hàn thì kinh-mạch sẽ bị Táo Nhiệt phải nói sàm. Tướng Hỏa thịnh lên làm cho mạch đi huyên. Nếu trong năm sáu ngày, chứng nói sàm không dứt, vì ngày thứ sáu là ngày Quyết-âm chủ khí, vì sợ cái Hỏa của Thiếu-dương và cái Phong của Quyết-âm cùng hợp nhau, Hỏa đắc Phong càng nóng bừng hơn, vì thế ta nên châm huyệt Kỳ-môn của kinh Can, nhằm áp-dụng phép nghênh nhi đoạt chí.*

**Đại-ý:** Điều này ý nói Thái-dương và Thiếu-dương cùng bệnh, ánh-hương đến kinh-mạch, như chứng Kết-hung, ta nên dùng phép châm tǎ.

**Y-tông kim-giám chú:** "Bệnh-trạng chưa định, không nên dùng được, nên châm Phê-du nhằm tả khi Thái-dương, vì Thái-dương thông với Phê; châm Can-du nhằm tả khi Thiếu-dương, vì Can hợp với Đởm, nếu cho phát hàn, sẽ làm cho tà-khí của hai kinh Dương thừa Táo dễ nhập vào Vị, thành chứng nói sàm. Nếu mạch đi đại thì thuận, có thể cho xổ. Nay mạch lại đi huyền mà không đại, năm sáu ngày mà chứng nói sàm không dứt, đó là Thô bệnh mà hiện ra mạch của Mộc, cản thận, không nên cho xổ, nên châm huyết Kỳ-môn nhằm tả trực-tiếp Can-khí."



**Điều 146:婦人中風發熱惡寒經水適來得之七八日熱除而脈遲身涼胸脅下滿如結胸狀譫語者此爲熱入血室也當刺期門隨其實而瀉之**

Phụ nhân trúng Phong, phát Nhiệt ó Hàn, kinh nước thích lai, đặc chi thất bát nhật, Nhiệt trừ nhì, mạch trì, thân lương, hung hiếp hạ mẫn, như két hung trạng, thièm ngú giả, thủ vi Nhiệt nhập huyết thất dã.

Đương thích Kỳ môn, tùy kỳ thực nhị tả chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở kinh mạch mà như két hung, không chỉ xảy ra ở đàn ông. Người phụ-nữ bị trúng Phong, phát Nhiệt, ó hàn, đúng vào lúc biểu-tà đang thịnh mà kinh-

*nguyệt lại đến. Vì kinh-nguyệt là do mạch Xung, Nhâm và kinh Quyết-âm làm chủ, mà huyết của ba kinh này đều dựa vào kinh Dương-minh. Nay thời-kỳ đặc bệnh kéo dài bảy đến tám ngày, đúng vào thời-kỳ Dương-minh chủ khi, bệnh-tử thừa cơ nhập vào lý, vì thế ngoại Nhiệt đã trừ mà mạch trì, thân mình mát, đó là biểu-chứng đã giải-quyết xong, tà vẫn vận-hành ở trong khoảng mạch Nhâm, Xung và Quyết-âm, vì thế dưới ngực và hông sườn vẫn bị đầy, giống như chứng-trạng Kết-hung. Nhiệt và huyết cùng xung-dot nhau khiến cho người bệnh nói sầm. Đây là do Nhiệt nhập vào huyết-thát vây. Phép trị là phải chú-trọng đến Can-khi, nên châm huyết Kỳ-môn, rồi theo cái thực để châm tâ. Thực có nghĩa là gì? Tà thịnh gọi là thực vây.*

**Đại-ý:** Điều này và điều sau đều bàn về người phụ-nữ bị Nhiệt nhập huyết thát, bệnh ở kinh-mạch, chứng-trạng giống như chứng Kết-hung.

**Đường Dung-Xuyên** chính: " *Lời thiền chú cho rằng mạch Xung Nhâm và Quyết-âm tuần-hành trong khoảng ngực và hông sườn. Trần Tu-Viên không biết rằng mạch Xung Nhâm và Quyết-âm đều khởi lên ở huyết-thát, mà huyết-thát chính là một khe hẹp giữa hai màn mõ nằm dưới Hateria. Bên trên nó liên-hệ với hai khói mõ bên hông sườn. Nhiệt nhập huyết thát sẽ liên-hệ đến khói mõ ở hông sườn, đến vùng cách-mạc ở lồng ngực, làm cho vùng này bị trướng-mãnh như chứng Kết-hung. Nếu chỉ luận kinh-mạch mà không luận về các liên-hệ của màn mõ thì chưa hiểu nổi tài-năng luận bệnh của Trọng-Cánh. Huyết Kỳ-môn*

nằm dưới cùng của hông sườn, nó liên-hệ với cách-mạc phía trước và với Can nằm phía sau, vì thế mới có tên là *huyệt Kỳ-môn*. Nó *huyệt mỗ* của Can-kinh. Chữ '募.mỗ' có nghĩa là 'mặt mạc: mản mỗ của cách-mạc'. *Châm huyệt Kỳ-môn* cũng là để chữa chứng Kết-hung và huyệt-kết vậy."

Ngoài thuyết của Đường Dung-Xuyên về huyết-thát, chúng ta còn ba thuyết nữa:

1/ *Huyết-thát là Xung-mạch*: Thành Vô-Kỷ cho Xung-mạch là nơi chứa doanh-huyết, cũng là nơi kinh huyết tập-hội. Vương Băng viết: "Mạch Xung là huyết-hải". Chúng ta thấy mạch Xung khởi lên từ huyết Khí-xung, theo kinh Thiếu-dương, dọc theo cạnh rún lên trên, đến ngực thì tản ra. Bệnh chứng của điều này có liên-quan đến vùng ngực bị đầy, giống như chứng Kết-hung...

2/ *Huyết-thát thuộc tang Can*: Kha Vận-Bá nói: "Huyết thát đây là chỉ vào Can. Can tàng huyết, cho nên gọi nó là huyết-thát ... ta chữa bệnh trên bằng cách châm huyệt Kỳ-môn hoặc cho dùng Tiếu Sài-hồ thang, chính vì có liên-quan đến kinh-mạch của Can và Đởm vậy."

3/ *Huyết-thát là tử-cung*: Sách Vệ-sinh bảo-giám viết: "Sách Tô-vấn gọi huyết-thát là 'nữ tử bào', tức là 'sản trường (tử cung)'. Trương Chí-Thông cũng chú như vậy.



## 得 續 日 七 八 風 中 人 帚 Điều 147:

Phụ nhân trúng Phong, thát bát nhật, tục đắc

寒熱發作有時經水適斷者  
Hàn Nhiệt, phát tác hữu thời, kinh thủy thích đoạn giả,  
此爲熱入血室其血必結故  
thứ vi Nhiệt nhập huyết thất. Kỳ huyết tắt kết, có  
使如瘧狀發作有時小柴胡  
sử như ngược trạng, phát tác hữu thời, Tiêu Sài hò  
湯主之 thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Chúng ta đã biết trường-hợp kinh-nguyệt  
chưa đến lúc đến, nhưng do bệnh mà đến; ở đây thuộc  
trường-hợp kinh-nguyệt đã đến rồi, lại nhân có bệnh để có  
lúc phải gián-doạn. Tại sao thế? Người phụ-nữ bị trúng  
Phong được bảy tám ngày, dù Nhiệt đã thoái, thân mát  
rồi, nhưng tiếp-tục bị Hàn Nhiệt trả lại, nó phát-tác có  
lúc, kinh-nguyệt đang đến lại bị gián-doạn. Tại sao như  
thế? Đó là vì kinh-nguyệt gián-doạn bên trong thì Hàn  
Nhiệt phát ra bên ngoài. Đây cũng gọi là Nhiệt nhập  
huyết-thất. Huyết này bị tà-khí ngăn-trở, át phải kết lại.  
Huyết kết ở mạch Xung Nhịp và Quyết-âm, bên trong nó  
chưa nhập vào tạng, bên ngoài nó chưa ra ở biểu, tức là nó  
đang ở trong khoảng biểu lý, thuộc Thiếu-dương, vì thế  
khiên cho gây nên chứng-trạng như sốt rét. Nó phát-tác  
có lúc. Ta dùng Tiêu Sài-hò thang để chủ trị. Đó là ta  
dùng cánh cửa Thiếu-dương để chuyển tà-khí ra ngoài. Tý  
khí được vận-hành thì huyết cũng không còn bị kết nữa

**Đại ý:** Điều này nối tiếp điều trên nói về chứng trúng

Phong nỡi người phụ-nữ để Nhiệt nhập huyết-thát. Kinh-nghuyệt đã đến nhưng bị gián-đoạn. Ta nên biết có cái khác nhau trong cái giống nhau, cái giống nhau trong cái khác nhau để rồi áp -dụng phép trị, hoặc bằng châm-cứu, hoặc bằng phương-dược.

**Đường Dung-Xuyên** chính:" Câu nói 'trong khoảng biểu lý là thuộc Thiếu-dương' không những chưa rõ về vấn đề huyết-chứng, mà cũng không rõ về chứng sốt rét. Bởi vì tà ở trong khoảng biểu lý thì chỉ có thể vãng lai Hàn Nhiệt chứ không phát-tác ... Vệ-khí phát ra ở trong nước của Bàng-quang, nó thấu qua huyết-phận; huyết thuộc doanh, khí thuộc vệ. Chứng-trạng này do Nhiệt nhập huyết-thát ở trong các màn mõ của Hạ-tiêu, huyết sẽ bị kết và làm ngăn-trở vệ-khí. Khi nào chúng tranh nhau thì phát ra Hàn Nhiệt, sau đó thì Hàn Nhiệt dứt. Đó là ý-nghĩa câu 'phát tác hưu thời', không khác gì với chứng sốt rét. Hai chữ 'cố sử: vì thế khiến cho ...' ý nói rõ rằng vệ-khí xuất ra từ trong màn mõ. Huyết kết ở trong màn mõ, vì thế khiến cho vệ-khí không vận-hành được. Ta dùng Sài-hồ thang là để cho các màn mõ thông-đạt nhau, bệnh sẽ khỏi. Khi nào ta biết rằng Nhiệt nhập huyết-thát là nhập vào các màn mõ ở Hạ-tiêu, tức là ta cũng biết chứng sốt rét này cũng ở trong các màn mõ. Các màn mõ của Tam-tiêu này sẽ ra tối bên ngoài cơ-nhục gọi là tấu-lý. Trần Tu-Viên nói đến bán biểu bán lý, tức là chỉ biết có tấu-lý bên ngoài mà không biết có các màn mõ bên trong, như vậy là chưa hiểu được cái tinh-ý của Trọng-Cảnh vây."

Phương Hữu-Cháp chú: "Chữ 'thích lai giả' ý nói nhân khi Nhiệt nhập vào huyết-thát, nó bức-bách huyết xuất ra, khi huyết xuất ra thì Nhiệt cũng giải; chữ 'thích đoạn giả' ý nói Nhiệt thừa lúc huyết xuất ra để nhập vào huyết-thát, cùng tranh nhau với huyết còn lại, cả hai lưu lại, không ra ngoài, vì thế mới nói 'huyết sẽ kết lại'."



### Điều 148: 婦人傷寒發熱經水適

Phụ nhân thương Hán, phát Nhiệt, kinh Thủy thích

來晝日明了暮則譖語如見  
lai. Trú nhật minh tiêu, mỗ tắc thiêm ngú, như kiến  
鬼狀者此爲熱入血室無犯  
quỷ trạng giả, thử vi Nhiệt nhập huyết thát, vô phạm  
胃氣及上二焦必自愈

Vị khí cung thương nhị Tiêu, tất tự dù.

Dịch nghĩa: Nhiệt nhập huyết thát, không chỉ là có ở trung Phong, mà ở thương Hán cũng có. Người phụ-nữ bị thương Hán, Hán uất nên phát Nhiệt. Đúng vào lúc đó, kinh-nguyệt đến quá nhiều không ngừng, vì thế nên huyết-thát bị không-hư, Nhiệt-tà thừa hư để nhập vào trong. Ban ngày thì Dương-kì làm chủ, ban đêm thì Âm-kì làm chủ. Nay Dương-kì không bị bệnh, vì thế ban ngày người bệnh vẫn tinh-táo; nhưng vì Âm-kì bị bệnh, cho nên ban đêm thì bệnh-nhân nói sùm, như tình-trạng của một

*người đang thấy ma-quỷ. Người thầy thuốc nên nhân lúc kinh-nghuyệt vừa đến để mà định được chứng-bệnh. Đây gọi là Nhiệt nhập huyết-thất, chứ không phải do Dương-minh Vị bị thực. Chính vì không phải do Dương-minh Vị bị thực, vì thế không nên cho dùng thuốc xổ để phạm vào Vị-khi và khi Thượng-tiêu và Trung-tiêu. Thứ nhất nếu cho nôn mửa sẽ làm thương đến khí ở Trung-hoãn, và nếu cho phát hạch, sẽ làm thương đến Vị-khi. Ta chỉ nên chờ đợi khi nào kinh-nghuyệt ra hết thì huyết trong huyết-thất sẽ sinh ra, rồi nhờ tinh-khi của cốc-khi nuôi Vị bệnh tắt tự khỏi. Tuyệt đối, ta không chữa-trị một cách vọng-dộng sẽ sinh ra tai biến.*

**Đại-ý:** Đây nói về bệnh-nhân bị thương Hàn cũng làm cho Nhiệt nhập huyết-thất.

*Đường Dung-Xuyên chính:* "Lời thiền-chú cho rằng "kinh-nghuyệt vừa đến nhưng quá nhiều không ngưng, nên Nhiệt thừa hư để nhập vào trong", chúng ta hãy xem điều trên 'kinh-nghuyệt ngưng', mà Nhiệt vẫn nhập vào huyết-thất, chứng-minh rằng lời thiền-chú là không đúng. Vả lại cuối câu lại nói "tắt được tự khỏi bệnh" ý nói Nhiệt-khi sẽ theo kinh-nghuyệt thoát ra ngoài nên bệnh tự khỏi. Trần Tu-Viên chú rằng "huyết tự sinh trả lại ở Vị", chưa đủ để chứng-minh cái lý "bệnh tự khỏi". Ông không biết rằng câu "vô phạm Vị khí, cập thượng nhị tiêu" có nghĩa là huyết-thất ở Hạ-tiêu, vì thế không nên chạm đến Trung-tiêu và Hạ-tiêu. Câu 'thiền-ngữ như kiến quỷ' được thiền chú "cho là nhờ kinh-nghuyệt vừa đến mới

*phân-biệt được chúng đó không thuộc Dương-minh. Ông không biết rằng trong Dương-minh thiên không có chỗ nào ghi lại việc thấy ma quỷ cả. Chúng 'kiên quỷ trạng' chuyên thuộc vào trường-hợp Nhiệt nhập huyết thất mà thôi. Dương-minh chứng chỉ biểu-lộ chứng 'nói sàm' mà thôi. Chứ 鬼quỷ chính là chữ 鬼 phách. Hồn thuộc khí, phách thuộc huyết, khi huyết bị chết thì phách cũng chết, phách sẽ che lấp hồn, vì thế mới sinh ra chứng 'như thấy ma-quỷ'. Chúng thung Hàn ở dàn ông cũng có như vậy. Tất cả đều do Nhiệt nhập huyết-thất. Chúng 'nói sàm, nói nhiều, nói bừa' là do Tâm. Nay Dương-minh Nhiệt hợp với Tâm-bào sẽ gây thành chứng nói nhiều. Vì thế chúng đa ngôn, vọng ngữ đều không quan-hệ gì đến phách cả, khi nào Nhiệt nhập huyết-thất thì mới thấy quỷ. Trần Tu-Viên trong lần này có vài chỗ còn sơ-sót vậy."*

#### Ngô Quốc-Định so-sánh ba chứng 'Nhiệt nhập huyết thất' :

Nguyên-nhân		thời-kỳ có kinh-nguyệt (vừa đến hoặc bị ngưng) bị thọ tà-khí
Chứng-trạng	1	Hàn Nhiệt như sốt rét, phát tác có lúc — Nhiệt kết cơn cạn, thiên về vùng biểu
	2	Nhiệt đã trừ nhưng mạch tri, thân minh mát, dưới hung hiếp bị dày như Kết-hung trạng, nói sàm — Nhiệt kết sâu, thiên về ố lý.
	3	Ban ngày tinh-táo, ban đêm nói sàm, như thấy có ma-quỷ — Âm bệnh nhưng Dương không bệnh.
Trị-liệu		thiên về biểu — dùng Sái-hồ thang
		thiên về lý — châm huyết Ký-môn.
cẩm-ký trong việc chữa trị		Không được chạm đến Vị-khí và Thượng, Trung-liêu (tức là cẩm dung 3 pháp: phái hạn, cho nòn mửa, cho xổ.)

## Điều 149: 傷 寒 六 七 日 發 热 微 惡

Thương Hàn lục thất nhật, phát Nhiệt, vĩ ô

寒 支 節 疼 痛 微 嘴 心 下 支 結

Hàn, chi tiết đông thống, vĩ ầu, Tâm hạ chi kết,

外 證 未 去 者 柴 胡 桂 枝 湯 主

ngoại chứng vị khứ giả, Sài hồ Quέ chi thang chủ

之 chi.

Dịch nghĩa: Thương Hán sáu bảy ngày là giai-doạn trở lại Thái-dương chủ khí, phát Nhiệt, đây là lúc bệnh ở tiêu-kí của Thái-dương, hơi ô Hàn, đây là lúc bệnh ở bản-kí của Thái-dương. Bệnh-kí không xuất nhập bằng con đường của ngực, phải kết lại ở các chi của kinh-mạch, tức nơi giao nhau của cốt tiết, vì thế các chi-tiết bị đau nhức. Kinh-kí đang uất muôn được sờ-tán, vì thế hơi nôn mửa. Các chi-lạc dưới Tâm kết, nhưng không kết được ở chính-lạc của kinh-mạch, ngoại chứng chưa khỏi vì khí Hàn Nhiệt vẫn còn. Ta dùng Sài-hồ Quέ-chi thang làm chủ trị, vì chúng ta muốn lợi-dụng tính giải ngoại để đưa Thái-dương khí ra ngoài, giải được kết-kí ở các chi tiết.

Đại ý: Điều này nói về khí-hóa của Thái-dương kết lại ở các biệt chi của kinh-mạch.

Đường Dung-Xuyên chính: "Câu 'Phát Nhiệt, ô Hàn, các khớp xương ở tứ chi đau nhức' thuộc về Quέ-chi chúng. Câu 'ầu nி Tâm hạ chi mān' thuộc Tâm hạ mān của Sài-hồ chúng. Câu 'ngoại chứng chưa giải' chứng-minh rằng Sài-hồ chúng là

chứng mà bệnh sắp vào trong nhưng Quê-chi chứng đang còn, không thể dùng đơn-dộc Sài-hồ thang, mà phải hợp với Quê-chi thang để trị. Ý-nghĩa rất-rõ-ràng.

Trần Tu-Viên thiền chú cho rằng chi tiết ở đây là những chi-lạc nối-kết với kinh-mạch bên ngoài. Ông cũng cho rằng Tâm hạ chi lạc cũng là chi lạc. Tuy nhiên, chúng ta nghiên-cứu sách của Trọng-Cảnh thì cái gọi là chi tiết đều chỉ từ chi. Trong lúc đó chữ chi trong câu Tâm hạ chi kết khác hẳn với chữ tú chi ... Chữ chi trong chi kết chính là những màn mờ li-ti thông trên dưới của cách-mạc, chứ không phải là chi của tú chi. Nó chính là ý-nghĩa của chữ chi ảm, chi mẫn: trường dày lên."

Thừa Đạm-Am chú :" Chữ 'chi tiết' chỉ toàn bộ các khớp xương trong cơ-thể ...; chữ 'chi kết' là tình-trạng khi bị trường-mẫn rồi kết lại."

### 55: Sài-hồ Quê-chi thang phương: 柴胡桂枝湯方

Sài-hồ	(4 lượng)
Quê-chi	(1 lượng ruồi, bò bì)
Hoàng-cầm	(1 lượng ruồi)
Nhân-sâm	(1 lượng ruồi)
Cam-thảo	(1 lượng, chich)
Bán-hạ	(2 hợp ruồi, rửa sạch)
Thuốc-dược	(1 lượng ruồi)
Đại Táo	(6 trái, bóc ra)
Sinh Khuong	(1 lượng ruồi, cắt mỏng ra)

Tất cả 9 vị trên, dùng 7 thăng nước, sắc còn 3 thăng, bỏ

xác, uống âm.

Trần Úy giải phương: "Đây nói về thương Hàn sáu đến bảy ngày đã hết một vòng, trở lại Thái-dương chủ khí, khi này không xuất nhập được bằng con đường ở ngực, kết ở kinh-mạch rồi đến chi lạc, ta dùng Qué-chi thang trừ phát Nhiệt, ó Hàn, rồi lại dựa vào chốt cửa của Tiểu Sài-hồ thang nhằm chuyển khí Thái-dương xuất ra ngoài."



**Điều 150: 傷寒五六日已發汗而**  
Thương Hàn ngũ lục nhật, dĩ phát han, nhì  
**復下之胸脅滿微結小便不**  
phục há chi, hung hiệp mǎn, vi kêt, tiễu tièn bát  
**利渴而不嘔但頭汗出往來**  
lợi, khát nhi bát ầu, đản dầu hạn xuất, vãng lai  
**寒熱心煩者此爲解也柴胡**  
Hàn Nhiệt, Tâm phiền giả. Thủ vi giải dã. Sài hồ  
**桂枝乾薑湯主之**  
Qué chi Can Khương thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thương Hàn năm sáu ngày, dùng vào lúc Quyết-âm chủ khí. Nội-kinh viết: Quyết âm chi thương trung hiện Thiếu dương, đã cho phát hàn, lại cho xổ, như vậy đã làm nghịch lại với chốt cửa của Thiếu-dương, khí không theo ra ngoài được, vì thế ngực và hông sườn bị đầy. Nó không giống với kết-khí của chứng Kết-hung, chỉ

*hởi kết mà thôi. Khí không đi xuống được, vì thế nên tiều-tiện bất-lợi. Nội-kinh viết: Thiếu dương chi thương Hỏa khí trị chi, vì thế nên phải khát. Vì chốt cửa hút không xuất nhập được, cho nên khát mà không nôn-mửa. Nhiệt kết ở trên chử không ở dưới, vì thế nên không nơi nào có mồ-hôi, chỉ có đầu là xuất mồ-hôi. Thiếu-dương muôn xoay chốt cửa nhưng không được, vì thế thành vāng lai Hán Nhiệt, Tâm bị bứt-rứt, đó là vì Thiếu-dương và Quyết-âm biêu lý nhau, Quyết-âm bên trong thuộc Tâm-bào, chủ về mạch-lạc. Nói tóm lại, bệnh của Thái-dương, sau sáu ngày sẽ sang đến Quyết-âm, trong lúc đó lại không có chốt cửa của Thiếu-dương để thoát ra ngoài, ta gọi là bệnh chưa giải vây. Nên dùng Sài-hồ Quê-chi Can Khuong thang làm chủ trị. Thang này có thể đạt biều, chuyên khu, giải két, chỉ khát, lý trung...*

**Đại-ý:** Điều này nói về Thái-dương bệnh, đến lúc trực của khí Quyết-âm, gây thành chứng vi-kết.

**Đường Dung-Xuyên** chính: "Khi cho phát hạn thì Dương-khí phải thoát ra ngoài, rồi lại cho xổ, Dương-khí lại bị hâm xuống dưới. Thủy-âm động bên trong, nghịch ở ngực và hông sườn, vì thế ngực và hông sườn bị đầy và vi-kết, tiều-tiện bất lợi. Thủy-kết thì tân-dịch không thăng, vì thế phải khát. Chứng này đồng ý-nghĩa với Ngũ-linh tán chứng. Dương-khí bị ngăn bên ngoài, không tản ra được ở tu-chi, chỉ có thể mạo-phạm lên trên, mồ-hôi phải xuất ra trên đầu, trong lúc đó Dương-khí toàn thân không xuất ra

ngoài được, thành chứng vāng lai Hàn Nhiệt. Chứng này đồng ý-nghĩa với Tiểu Sài-hồ thang chứng. Hàn Thủy bị bế ở hung-cách và tấu-lý, Hỏa không thoát ra ngoài được, nó quay lại Tâm-bào, làm cho Tâm bị bứt-rút, ta dùng Sài-hồ nhầm làm thông được các mòn mõ và tấu-lý, ta lại dùng Sinh Khuong để tán Hàn Thủy, lại dùng Quát-lâu, Hoàng-cầm nhầm thanh được cái Hỏa đang uất bên trong.

Ôi! Phép tán Hàn, át trước hết phải trợ cho Hỏa. Chứng này có Tâm phiền, đó chính là Hỏa uất bên trong, đầu tiên ta dùng Quέ và Khuong trợ cho Hỏa, vì thế thấy có chứng hơi bứt-rút, lại uống thêm Quέ Khuong, thế là Hỏa sẽ được thoát ra ngoài, thế là hạn xuất, bệnh khỏi."

### 56: Sài-hồ Quέ-chi Can Khuong thang phương:

### 柴 胡 桂 枝 乾 薑 湯 方

Sài-hồ	(nửa cân)
Quέ-chi	(3 lượng, bỏ bì)
Quát-lâu cǎn	(4 lượng)
Can Khuong	(2 lượng)
Hoàng-cầm	(3 lượng)
Cam-thảo	(2 lượng, chích)
Mău-lệ	(2 lượng, ngào)

Bảy vị dùng nước 1 đấu 2 thăng, sắc còn 6 thăng, bỏ xác, sắc thêm còn 3 thăng, uống ấm 1 thăng, ngày 3 lần, uống lần đầu hơi bứt-rút, uống tiếp xuất hạn bệnh khỏi.

Trương Lệnh-Thiệu giải phương:" Ta dùng Sài-hồ, Quέ-chi, Hoàng-cầm nhầm chuyên được chốt của Thiêu-dương,

*thông-dặt khí của Thái-dương ra ngoài; dùng Mâu-lệ mở đường cho khí của Quyết-âm, tức là giải được khí kêt ở ngực và hông sườn; dùng Quát-lâu cẩn nhầm dấn Thủy-dịch thăng lên trên, dứt chứng phiền khát; sau khi cho phát hạn và xô làm cho trung-khi bị hư, vì thế ta dùng Can Khương, Cam-thảo nhầm ôn trung."*



**Điều 151: 傷 寒 五 六 日 頭 汗 出 微**

Thương Hán ngũ lục nhật, đầu hàn xuất, vi  
惡 寒 手 足 冷 心 下 滿 口 不 欲  
ó Hán, thủ túc lanh, Tâm hạ mân, khẩu bất dục  
食 大 便 硬 脈 細 者 此 爲 陽 微  
thực, đại tiện nganhh, mạch tê giả, thủ vi Dương vi  
結 必 有 表 復 有 裡 也 脈 沉 亦  
kết, tất hữu biếu, phục hữu lý dâ, Mạch trầm diệc  
在 裡 也 汗 出 爲 陽 微 假 令 純  
tại lý dâ. Hạn xuất vi Dương vi, giả lệnh thuần  
陰 結 不 得 復 有 外 證 悉 入 在  
Âm kết, bất đắc phục hữu ngoại chứng, tất nhập tại  
裡 此 爲 半 在 裡 半 在 外 也 脈  
ly, thủ vi bán tại lý, bán tại ngoại dâ. Mạch  
雖 沉 繫 不 得 爲 少 陰 痘 所 以  
tuy trầm khắn, bất đắc vi Thiểu âm bệnh, sở dĩ

然者陰不得有汗今頭汗出  
nhiên giả, Âm bất đắc húu hàn, kim đầu hàn xuất.  
故知非少陰也可與小胡  
cố tri phi Thiếu âm dã, khả dã Tiếu Sái hò  
湯設不了了者得屎而解  
thang. Thiết bất liêu liêu giả, đắc thỉ nhi giải.

Dịch nghĩa: Thương Hán năm sáu ngày, thuộc lúc Thiếu-âm chủ khí, khí truyền nhưng bệnh không truyền, bệnh vẫn ở tại kinh của Thái-dương. Khi của Thái-dương chung cát lên trên, vì thế mồ-hôi dầu xuất ra. Bản-khí của Thái-dương thuộc Hán, vì thế hơi ô Hán; tiêu-khí của Thái-dương không thể vận-hành ra đến tú-chi, vì thế tay chân lạnh. Tất cả thuộc chứng của Thái-dương ở biếu. Dưới Tâm bị đầy, miệng không muốn ăn, đại-tiện phân cứng, đây thuộc chứng của Thái-dương truyền vào lý. Mạch của Thái-dương không nên té, lại hiện lên mạch té. Tại sao? Mạch té là mạch của Thiếu-dương, vậy là Dương chuyên thành vi, ta gọi đây là Dương bị vi kết, vì thế chứng hiện ra tất có chứng dầu hạn xuất, vì ô Hán, tay chân lạnh, thuộc biếu; lại cũng có chứng dưới Tâm bị đầy, không muốn ăn, đại-tiện phân cứng, thuộc lý vậy.

Tù đó suy ra, nếu tùy theo chứng để chúng ta thẩm mạch thì được, nhưng nếu bỏ chứng để nói suông về mạch thì phần lớn không đáng tin-cậy. Không chỉ mạch té thuộc lý, ngay như mạch trầm cũng thuộc lý. Tuy rằng chúng ta

nên theo chứng để thẩm mạch, nhưng cũng không nên câu nệ vào một phép nào cả. Vì như chúng mồ-hôi đều xuất ra chẳng hạn, ta có thể kết luận do Dương vì, giả sử như chứng thuần Âm-kết của Thiếu-âm, không thể có ngoại chứng nào, sẽ nhập vào lý, để rồi cơn đau dần xuống đến thiếu-phúc, nhập vào Âm-cân (bộ sinh-dục). May mà chứng này thuộc phân nửa ở lý, phân nửa ở ngoại. Mạch tuy trầm khẩn, nhưng thực sự không thể là bệnh tang-kết thuộc Thiếu-âm. Sở dĩ như vậy, là vì kinh-lạc của tam Âm đến vùng cổ thì quay trở lại, Thiếu-âm chứng không thể có mồ-hôi ở đâu được. Nay đâu lại có mồ-hôi, vì thế ta biết ngay chốt cửa của Dương bị trực-trặc chứ không phải do chứng tang-kết của Thiếu-âm. Ta dùng Tiêu-Sài-hồ thang nhằm trợ cho sự vận-hành của chốt cửa, nhờ đó mà tà-khí trong ngoài sẽ bị đuổi sạch. Nay giả như ngoại-tà được giải nhưng lý-tà chưa dứt hẳn, Vị-khí bất-hòa, khi nào ta được ra phân thì bệnh giải. Ta gọi đây là Dương bị vi-kết giống như chứng của Âm, nhưng khác với chứng Âm-kết.

**Đại-ý:** Điều này nói về chứng Dương bị vi-kết giống như chứng thuần Âm, tuy hiện ra mạch ở lý, nhưng thực sự khác hẳn với chứng thuần Âm-kết của Thiếu-âm.

**Ngô Quốc-Định chú:** "Điều này có thể chia làm hai đoạn:

I / Từ "Thương Hán ngũ lục nhật ... phục hữu lý dâ"

Các chứng-trạng như 'đầu hàn xuất, vi ô Hán, thủ túc lạnh. Tâm hả mẫn, bất dục thực, mạch trầm lê' rất giống Thiếu-âm

*chứng, chỉ khác nhau ở 'đại-tiện ngạnh' mà thôi. Trong đó  
đầu han xuất. Ở Hán' giống biểu chứng, còn 'thủ túc lanh, Tâm hả  
mẫn, bất dục thực, đại-tiện ngạnh' thì giống như lý chứng. Tuy  
nhiên trong biểu chứng thì mồ-hôi xuất ra toàn thân, chứ  
không chỉ riêng xuất ra ở đầu; Mạch thuộc lý-chứng không  
thể trầm té. Nhờ vậy, ta biết được Dương-khí đang bị uất,  
đại-tiện ngạnh kết thuộc chứng Dương vi-kết. Cái gọi là  
Dương vi-kết, chính là Dương-kết còn cạn, bệnh chưa hoàn  
tàn nhập vào lý, nhưng cũng không hoàn toàn ở biểu. Đó  
là ý-nghĩa câu 'hữu biểu phục hữu lý'.*

## *2 / Từ "Mạch trầm, diệc tại lý dã ...đắc thi nhi giải"*

*Đoạn này nhắc đi nhắc lại rằng đây không thuộc  
Thiểu-âm chứng, đồng thời còn nói rõ phép trị chứng  
Dương vi-kết. Chứng 'mạch trầm té, trầm khẩn, Ở Hán, thủ túc  
lanh', giống như chứng thuần Âm-kết của Thiểu-âm Dương  
hư, nhưng chứng thuần Âm-kết thì Âm thắng bên trong,  
mạch-tương phải trầm, trong lúc đó chứng Dương vi-kết  
thuộc Dương uất ở lý, mạch-tương cũng trầm. Nhưng 'đầu  
han xuất, đại-tiện ngạnh, vì Ở hàn' dù cho ta thấy rõ Dương  
Nhiệt đang uất bên trong, bốc lên trên, nhờ đó, chúng ta có  
thể quyết đoán rằng chứng này không thuộc Âm bệnh...  
Sau khi dùng Tiêu Sài-hò thang mà tinh-thần người bệnh vẫn  
chưa sáng-khoái, đó là vì đại-tiện bị cứng, vậy chờ khi nào  
tiêu ra phân thì bệnh sẽ hoàn toàn giải. Điều này cũng cho  
chúng ta thấy có thể dùng Điều Vị Thừa-khí thang hoặc Sài-hò già  
Mang-tiêu thang."*

**Điều 152: 傷寒五六日嘔而發熱**

Thương Hán ngũ lục nhật, ẫu nhi phát Nhiệt

者柴胡湯證具而以他藥下  
giả, Sài hò thang chứng cụ, nhi dĩ tha dược há  
之柴胡證仍在者復與柴胡  
chi, Sài hò chứng nhưng tại giả, phục dù Sài hò  
湯此雖已下之不爲逆必蒸  
thang. Thủ tuy dĩ há chi, bát vi nghịch, tất chưng  
蒸而振卻發熱汗出而解  
chung nhi chấn, khuốc phát Nhiệt, hạn xuất nhi giải.

若心下滿而硬痛者此爲  
Nhược Tâm hạ mân nhi ngạnh thống giả, thủ vi  
結胸也大陷胸湯主之

kết hung dã. Đại Hâm hung thang chủ chí.

但滿而不痛者此爲痞柴  
Đản mân nhi bát thống giả, thủ vi bī, Sài  
胡不中與之宣半夏瀉心湯  
hò bát trung dù chí, nghi Bán hạ Tả Tâm thang.

**Dịch nghĩa:** Thương Hán năm sáu ngày, đây là thời mà  
ba kinh Quyết-âm, Thiếu-âm và Thái-âm giao nhau. Thái-  
dương chủ về khai, chúng nôn mửa mà phát Nhiệt, đó là  
chứng-tương đầy đủ của Sài-hò thang, vậy mà người thầy  
thuốc lại dùng loại dược khác để cho xổ, may mà khi

chưa hâm xuông dưới, các chứng thuộc Sài-hồ vẫn còn, ta có thể dùng tiếp-tục Sài-hồ thang. Đây là lý-do tại sao tuy dùng thuốc xổ mà không gây thành nghịch. Sau khi uống thuốc, chính-khí và tà-khí tranh nhau, khí chính-khí thắng thì tà-khí phải thoát ra ở biếu, tất phải nóng hùng-hực và run lên. Nóng hùng-hực là chứng-tương xuất khí của Tam-tiêu, run lên là chứng-tương của địa-khí xuất ra như sấm vang. Sau đó là phát Nhiệt, hàn xuất, bệnh được giải. Khi của Thiếu-dương là chốt cửa, nó thông lên đến Trời cao, nếu dùng phép xổ thì dưới Tâm bị dày và cứng, đau, dày gọi là Kêt-hung. Ta nên dùng Đại Hâm-hung thang làm chủ trị. Nếu chỉ có dày nhưng không đau, đó là bệnh phát ra ở Âm, cho xổ sai-làm gây nên. ta gọi dày là chứng bì. Chứng bì là do cảm khí Nhiệt hóa của Thiếu-âm, không có chứng-tương của Thiếu-dương. Đây không hợp với Sài-hồ thang, nên dùng Bán-hạ Tá Tâm thang.

Đại-ý: Điều này lại nói về Tiêu Sài-hồ thang chứng, Đại Hâm-hung thang chứng, đưa tới Bì chứng, ý nói không được dùng Đại Hâm-hung thang, ngay cả Sài-hồ thang cũng không được dùng, đặc biệt đưa ra Bán-hạ Tá Tâm thang phương để giới-thiệu điều kể tiếp ...

Ngô Quốc-Định chú:" Điều này luận về Thái-dương chứng nhưng cho xổ làm, không biến thành hoại-chứng, nhưng biến thành Kêt-hung chứng hoặc Bì chứng. Đó là vì chính-khí của người bệnh còn sung-thực, tạng phủ chưa có vấn-dề gì. Nay nếu người bệnh vốn có chứng Thùy-âm, khi ta cho xổ sai làm, nó sẽ biến thành chứng Kêt-hung, hoặc

nếu Vị của người bệnh bị hư-nhuộc, nếu ta cho xổ sai-lầm, sẽ biến thành Bì chứng. Cứ bàn về chứng-trạng thôii, Sài-hồ chứng thuộc bệnh ở ngực và hông sườn nhưng ảnh-hưởng đến Vị; Tả Tâm chứng thuộc Vị bệnh nhưng ảnh-hưởng đến ngực và hông sườn ... "

Trương Chi-Thông chú:" Điều này chia làm ba đoạn:

\* Đoạn một: luận về Sài-hồ chứng, tuy cho xổ sai lầm nhưng không bị nghịch, ta tiếp tục cho uống Sài-hồ thang.

\* Đoạn hai: luận về hậu-quả sau khi cho xổ biến thành Kết-hung chứng, nên dùng Đại Hâm-hung thang.

\* Đoạn ba: luận về Bì chứng, chỉ bị đầy mà không thống, không thể uống Tiểu Sài-hồ thang, chỉ nên uống Bán-hạ Tả Tâm thang."

Sách Thương-hàn uẩn-yếu chú về chữ 'Tâm hạ' :" Chứng 'Tâm hạ mân' ý nói bệnh xảy tại ngay bên dưới Tâm, bên trên Vị. Bệnh này là dưới Tâm tự bị đầy chứ không phải do xổ sai lầm gây ra. Trường-hợp do cho xổ sai-lầm gây ra chứng đầy, ta gọi là Bì-khí. Phàm chứng 'Tâm hạ mân', nếu ta dùng tay đè lên chỉ thấy mềm, đó là hư-khí; còn nếu đè lên cảm thấy dưới tay thấy mềm, như có tiếng nước, đó là đang có định-thủy. Nếu đè xuống thấy cứng và đau, đó là thực... Tả Tâm ở đây không có nghĩa là tà cái Nhiệt của Tâm Hỏa, mà chính là tà khí bì-mân dưới Tâm."

### 57: Bán-hạ Tả Tâm thang: 半 夏 瀉 心 湯

Bán-hạ (nửa cân, rửa sạch)

Hoàng-cầm (3 lượng)

<i>Can Khuong</i>	(3 lượng)
<i>Nhân-sâm</i>	(3 lượng)
<i>Cam-thảo</i>	(3 lượng, chích)
<i>Hoàng-liên</i>	(1 lượng)
<i>Đại Táo</i>	(12 quả, bỏ ra)

Bấy vị này dùng 1 đấu nước, sắc còn 6 thăng, bỏ xác, sắc tiếp lấy 3 thăng, uống âm 1 thăng, ngày uống 3 lần.

*Trần Úy giải phương:* "Trong thang này bàn về chứng Bì, Bì lấy từ què 否 Bì có nghĩa là Thiên-khí không giáng, Địa-khí không thăng, Thiên Địa bé-tắc. Vì đại khổ của Hoàng-cầm và Hoàng-liên dùng để giáng Thiên-khí. Vì tân cam của Khuong, Táo, Nhân-sâm làm thăng Địa-khí, thế là từ què Bì chuyển thành què Thái, Bán-hạ đóng vai quân. Nhân vì bệnh bắt đầu ở nôn ói, ta dùng Bán-hạ nhằm giáng nghịch-khí. Đây là Tiêu Sài-hò thang bỏ Sài-hò, gia Hoàng-liên, thay Sinh Khuong bằng Càn Khuong. Cố nhân trị bệnh theo con đường chính-thông là thế."

*Ngô Quốc-Định giải phương:* "Phương thang này nhằm mục-dịch ngưng nôn ói, kiện Vị-khí. Bán-hạ đóng vai quân nhằm làm giáng nghịch, ngung ói; Can Khuong khai két-khí; Hoàng-cầm, Hoàng-liên, điều-dạt nội Nhiệt; Nhân-sâm, Cam-thảo, Đại Táo bỏ Tỳ ich Vị. Bởi vì chứng Bì-khí thực sự là do khí trướng lên làm đầy ngực và làm đầy vùng Vị hoan. Khi nào Vị-khí được kiện lên thì khí trướng-mòn sẽ không còn và chứng Bì-mòn cũng sẽ khỏi."



**Điều 153: 太陽少陽並病而反下**

Thái dương Thiếu dương tịnh bệnh nhì phân hán  
之成結胸心下硬下利不止  
chi, thành Kết hung, Tâm hạ ngạnh, hán lợi bất chỉ,  
水漿不下其人心煩  
thủy tương bất hán, kỳ nhân tâm phiền.

**Dịch nghĩa:** *Thái-dương và Thiếu-dương cùng bệnh, nên dùng phép chuyển chốt cửa của Thiếu-dương để trị, người thầy thuốc không biết như vậy, ngược lại, ông lại cho xổ, làm nghịch lại chốt cửa trong thành chứng Tiểu Kết-hung, dưới Tâm bị cứng; làm nghịch lại chốt cửa bên dưới, làm cho Hạ-tiêu bị nghịch, tiêu chảy không ngừng; làm nghịch lại chốt cửa bên trên, làm cho Thượng-tiêu không nạp, cơm nước không nuốt được; làm nghịch lại chốt cửa ở Trung-tiêu, làm cho Vị-lạc bất-lợi, người bệnh bị bứt-rứt ở Tâm.*

**Đại ý:** Điều này nói về Thái-dương và Thiếu-dương cùng bệnh, và những biến-chứng sau khi cho xổ sai-lầm.

**Ông Hô chú:** "Thái-dương bệnh không được xổ, Thiếu-dương bệnh cũng cấm xổ. Nếu xổ thì Dương-tà thừa hư, lên trên kết ở ngực làm cho dưới Tâm bị cứng; bên dưới nó nhập vào Đại-trường làm cho tiêu chảy không ngừng; ở giữa nó làm thương-tốn Vị làm cho cơm nước không nuốt được vào. Người bệnh bị Tâm phiền, đó là chính-khí đă hư, tà Nhiệt làm cho bồn-chồn không an (táo). Trọng-Cánh

nói: 'Kết-hung chúng dày đủ mà bút-rút, bòn-chòn(phiên táo), phải chết'."

Kha Vận-Bà chú:" Cánh cửa đóng của Dương-minh bị hư bên dưới; cánh cửa mở của Thái-dương bị hỏng bên trên; chốt cửa của Thiếu-dương vô chủ, người bệnh bị Tâm phiền, đó là dày đủ chứng Kết-hung, nếu người bệnh bị phiền táo thì phải chết."



**Điều 154:脈浮而緊而復下之反入裡則作痞按之自濡但氣**  
Mạch phù nhì khẩn, nhì phục hả chi, phản  
nhập lý tắc tác bī, án chi tự nhu, dǎn khi  
**痞耳** bī nhī.

Dịch nghĩa: Ta đã biết tịnh bệnh không thể cho xổ, nhưng ta cũng phải biết bệnh thuộc Âm chứng cũng không thể cho xổ. Nay thương Hán bệnh ở biếu, mạch phù nhưng tại Âm nên thành mạch khẩn. Trong mạch phù mà hiện khẩn, ta có thể định đó là biếu-chứng của Thiếu-âm. Tại sao ta nói được như vậy? Thiên Thiếu-âm nói: 'Thiếu-âm bệnh, được hai ba ngày, ta dùng Ma-hoàng Phụ-tử Cam-thảo thang để phát vi hàn. Bởi vì hai ba ngày sau không có lý-chứng, vì thế nên mới phát vi-hàn. Người thầy thuốc không biết lý-do phát vi hàn, lại cho xổ, mạch khẩn lúc đầu hiện ở phù, nay ngược lại, chuyển sang để nhập vào lý, biến thành trầm khẩn. Bệnh phát ở Âm nhưng lại cho

*xô sai lầm, át sê thành Bì-chứng, đè xuống thấy mềm-mại, chứng kết-hung là chứng kết đau nhức hữu hình, còn đây chỉ là bù-khí vô hình mà thôi.*

**Đại-ý:** Điều này nói rõ thêm về nguyên-nhân gây thành Bì chứng.

**Đường Dung-Xuyên** chính:" Nói rằng 'mạch khẩn thuộc Thiếu-âm chúng' là không hợp với mạch-pháp của Trọng-Cánh. Bởi vì mạch khẩn là do Hàn-khí bế Hòa-khí. Mạch phù khẩn chủ tại biểu, gây bệnh trong khoảng bì-mao, cơ-tấu; mạch trầm khẩn chủ tại lý. Khi nói 'phản nhập lý' ý nói mạch vốn phù nhuyễn ngược lại thành trầm, đây là con đường từ ngoại nhập vào nội, chủ về khí hâm nhập hung-cách thành Bì-chứng. Khi nói 'đản khí bù tặc là Trọng-Cánh tự chủ-giải lời của mình, ý nói Bì-chứng chỉ là loại khí đậm Nhiệt vô hình, nó khác với chứng Kết-hung thuộc loại đậm hữu hình. Chúng ta nên lưu-ý."



**Điều 155: 太陽中風下利嘔逆表**  
Thái dương trúng Phong, há lợi, ầu nghịch, biếu  
**解者乃可攻之其人蟄蟄汗**  
giải giả, nái, khả công chi. Kỳ nhân tráp tráp hạn  
**出發作有時心下痞硬滿引**  
xuất, phát tác hữu thời, Tâm hạ bì, ngạnh mản dẫn  
**脅下痛乾嘔短氣汗出不惡**  
hiếp hạ thống, can ầu, đoán khí, hạn xuất, bất ô

寒者此表解裡未和也十聚

Hàn giả. Thủ biếu giải, lý vị hòa dâ. Thập Táo

湯主之 thang chủ chí.

Dịch nghĩa: Có khi do Phong kích Thủy mà thành Bì-chứng. Thái-dương trúng Phong, làm động đến khi Hàn Thủy. Thủy-khi dao-dộng bên dưới thành chứng tiêu chảy; Thủy-khi dao-dộng bên trên thành chứng ói nghịch; tuy nhiên, nếu Phong-tà ở biếu, ta phải đợi khi nào biếu giải xong mới có thể dùng phép công. Nếu người bệnh mà Thủy dao-dộng bên trong thì sẽ xuất ra mồ-hôi lấm-tắm như mưa nhỏ; Thủy có lớn, có ròng, cho nên việc phát-tác ra mồ-hôi cũng có lúc; đầu thống, dưới Tâm bị bù-khí mà cũng đầy, và đau đần đèn dưới hông sườn. Thủy-tà ở giữa, ngăn-trở khi thăng giáng: trên không xuống dưới được cho nên phải ói khan; dưới không lên trên được cho nên hơi thở phải ngắn. Chứng-trạng xem chứng khá nguy. Đó là lý-chứng chưa hòa, nhưng do có chứng hàn xuất, không ố Hàn, ta biết ngay đó là biếu dâ giải nhưng lý chưa hòa vậy. Ta dùng Thập Táo thang làm chủ trị.

Đại-ý: Điều này nói về Thái-dương trúng Phong, Phong là kích-động khí Hàn Thủy gây thành Bì-chứng.

Chữ 'trấp trấp' có nghĩa là mồ-hôi ra như mưa nhỏ.

Ngô Quốc-Định chú:" Tất cả các chứng đều do Thủy-ẩm nội kết, Thủy-khi ngăn trở trên dưới thông nhau. Ta dùng Thập Táo thang để trục Thủy-tà. Nhưng riêng Thập Táo thang thì

*không phải là loại dược-tê giải biếu, trừ Nhiệt, như vậy tất phải chờ khi nào biếu giải xong thì dùng mới hữu hiệu. Chứng mồ-hôi lâm-tâm như mưa nhỏ ở đây giống như 'tụ hàn xuất' trong chứng Thái-dương trúng Phong, nhưng vì nó xuất ra có lúc, cho nên nó phải khác với chứng Thái-dương trúng Phong. Chứng dầu thông thì giống với biếu chứng, nhưng vì không ở Hàn, nên không thuộc biếu chứng. Phutong thang trong điều này dùng sau khi biếu-chứng đã giải xong, nếu như biếu-chứng chưa giải mà lật-dật tấn-công thì tà-khí sẽ hâm vào gây nên kịch biến..."*

## 58: Thập Táo thang phương: 十棗湯方

*Nguyên-hoa (ngào)*

*Cam-toại*

*Đại-kích*

Ba vị trên dùng cân lượng ngang nhau, giã nát thành tán, dùng 1 thăng ruồi nước, trước hết sắc 10 quả Táo to còn 8 hợp, bỏ xác, cho thuốc tán vào, người mạnh uống một muỗng chừng một tiền, người gầy yếu uống nửa tiền, uống ấm vào sáng sớm. Nếu xổ nhẹ, bệnh chưa khỏi, sáng hôm sau uống tiếp, thêm nửa tiền, sau khi xổ nhanh xong, uống thêm nước cháo để bồi-duong sức khỏe trở lại.

*Ngô Quốc-Định giải phương:*" *Nguyên-hoa, Đại-kích, Cam-toại đều là loại dược-tê cho xổ thật mạnh. Người xưa thấy rằng nó trực Thủy rất hay, nên gọi nó là "Trực Thủy dược" ... Còn như phải uống nó vào lúc sáng sớm, vì lúc bấy giờ trong bụng còn trống, tác-dụng, hiệu-nghiem nhanh.*"

Kha Vạn-Bá giải phương: "Cam-toại, Nguyên-hoa, Đại-kích, tất cả đều thuộc tân khổ, khí Hàn, đều bẩm-thụ khí tối độc, thế mà lại chung sức nhau một nhiệm-vụ, khí đồng nhau, khai thông rãnh nước, xô cục mạnh, uồng vào là tai-họa của Thủy sẽ bình ngay. Thế nhưng vì tà-khí cầu-kết nhau lâu, thành hư, lại gặp loại độc-dược công tà mạnh; Tỳ Vị tất phải suy-nhuược. Nếu như không có loại dược-tề nhầm kiện Tỳ, điều Vị, tà-khí bị đuổi sạch thì nguyên-khí cũng theo đó mà thoát sạch, vì thế ta mới chọn nhiều trái Táo to mập làm quân, chuẩn-bị bồ-ditông Tỳ Vị đang hư-nhuược. Tài lập phương của Trọng-Cánh trong trường-hợp này là vừa xua đuổi Thủy-tà, vừa hòa-giải cái độc của dược, vừa bồi-bổ ngay khi nguyên-khí bị hư-nhuược."

Ngô Quốc-Định giải tiếp: "Thập-Táo-thang phương này, cùng với Tiểu Thanh-long thang phương, Chân-võ thang phương, Ngũ-linh tán phương, tất cả đều dùng để trị chứng Thủy-ẩm. Tuy nhiên, ta phân-biệt như sau:

\* Tiểu Thanh-long thang *chứng*: do Hàn-tà ràng-buộc bên ngoài, làm cho Thủy-khí không tuyên-hóa được, do đó ta dùng nó để phát hàn nhầm tán Thủy-tà.

\* Ngũ-linh tán *chứng*: thuộc Bàng-quang khí-hóa không vận-hành được, vì thế ta dùng nó để hóa khí, lợi Thủy.

\* Chân-võ thang *chứng* thuộc Thận Dương hư-nhuược, Thủy-khí nội tích, vì thế ta dùng nó để ôn kinh, tán Thủy.

\* Thập-Táo-thang *chứng* thuộc Thủy-tà đình-trệ ở vùng

ngực, hông sưởn, kết lại không tán, vì thế ta dùng nó để xổ trực Thủy-âm."



### Điều 156: 太陽病醫發汗遂發熱

Thái dương bệnh, y phát hàn, toại phát Nhiệt  
惡寒因復下之心下痞表裡  
ó .Hàn, nhàn phục hán chí, Tâm hạ bì, biếu lý  
俱虛陰陽氣並竭無陽則陰  
câu hư, Âm Dương khí tinh kiệt, Vô Dương tắc Âm  
獨復加燒針因胸煩面色青  
độc, phục già thiêu châm, nhàn hung phiền, diện sắc thanh  
黃膚潤者難治今色微黃手  
hoàng, phu nhuận già, nàn trị, Kim sắc vi hoàng, thủ  
足溫者易愈 túc ôn già, dị dù.

Dịch nghĩa: Thái-dương bệnh ở cơ phu, nên dùng Quέ-chi thang để giải cơ, người thầy thuốc lại dùng Ma-hoàng thang sai-lầm để phát hàn, như vậy đã làm thương đến vùng biếu của Thái-dương, đưa đến chứng phát Nhiệt, ó Hàn. Nếu ta dùng Quέ-chi thang để chữa thì tốt hơn, đằng này ta lại nhân đó để cho xổ, như vậy là ảnh-hưởng đến Thái-âm, làm hư-nhược vùng lý. Dưới Tâm bị chứng Bì, làm cho biếu lý đều hư, Âm-khí và Dương-khí đều bị kiệt. Âm-Dương đều bị kiệt cho nên không còn giao nhau nữa, vì thế nên thành chứng Bì. Hướng chí tình-nghĩa của Âm

*Dương rất nặng. Nói một cách nồng cạn, khí thuộc Dương, huyết thuộc Âm; Nói một cách sâu-xa hơn thì Dương có Dương-khí, Âm có Âm-khí. Âm-khí là khí vô-hình, nó đi theo Dương-khí để tuần-hành trong ngoài. Âm-khí vô-hình khác với Âm-huyết hữu-hình. Âm-huyết hữu-hình độc-hành trong kinh-mạch. Nay nếu không còn Dương thì Âm sẽ bị cô-dộc, người thầy thuốc không thể không biết cái lẽ này, vậy mà họ lại dùng phép thiêu châm nhằm trợ một cách mạnh bạo khí Dương Hỏa. Khí tần-công vào ngực gây thành chứng phiền. Thổ-khí bị bại, nên Mộc-khí xuất-hiện làm cho sắc mặt hiện lên màu xanh vàng, thế là Tỳ đã bị thương-tổn, cơ-phu bị co-giựt, nan-tri. Nay nếu sắc-diện hơi vàng, đó là Thổ chưa bị mất bản sắc của nó, tuy chán được ám, vì Thổ-khí chuyển-vận Dương-khí đến từ chi, bệnh có thể dè khôi.*

**Đại ý:** Điều này nói về phép phát hạn và xô sai lầm, làm thương khí Âm Dương thành chứng Bỉ, không thể dùng phép thiêu châm.

Đường Dung-Xuyên cho rằng vấn-dề luận về Âm Dương của nguyên-văn điều này cũng như lời thiền chú của Thừa Đạm-Âm quá quan-trọng nên ông không dám bàn thêm vì sợ phạm đến tâm-pháp của thánh-sư Trọng-Cánh; ông xin dể khuyết, chờ nghiên-cứu sâu hơn.



### Điều 157: 心下痞按之濡其脈關

Tâm hạ bì, ấn chi nhu, kỳ mạch quan

# 上浮者大黃黃連瀉心湯 主 thương phù giả. Đại hoàng Hoàng liên Tả Tâm thang chủ 之 chi.

Dịch nghĩa: *Dưới Tâm có chứng Bì, dùng tay đè lên thấy mềm, đây là bệnh ở khí vô hình. Mạch quan thương phù, đây là do Thiếu-âm Quân-hòa kháng. Ta dùng Đại-hoàng Hoàng-liên Tả Tâm thang làm chủ trị, nhằm tú cái Hòa kháng thịnh của Thiếu-âm, chứng Bì-kết được giải.*

Đại-ý: Đây là chứng bì do cảm khí của Thiếu-âm Quân-hòa tạo thành, đây cũng là phép chính trị.

Đuòng Dung-Xuyên bô:" *Chứng Kết-hung tá Tâm ý nói đến vùng cách-mạc. Đây chính là con đường mà Hỏa của Tâm-bào theo huyết xuống bên dưới Hạ-tiêu. Cách-mạc là Thương-tiêu, cũng là Thủy ở thương nguồn. Nếu nói rằng Tam-tiêu là con đường khai nguồn nước toàn thân, thì đây chính là con đường giao-thông trên dưới. Vì thế nên đây cũng chính là nơi thành-hình các chứng Kết-hung, Bì-chứng. Kết-hung là thực-chứng hữu-hình. Bì-khí thuộc hư-chứng vô-hình. Kết-hung gồm khí kết cả Hàn lẫn Nhiệt, lại phân biệt thành hai loại Hàn-thực, Nhiệt-thực. Riêng Bì-chứng là tình-trạng tương-giao bất hòa giữa Thủy và Hỏa; ta phân-biệt 'Đơn Hỏa bì' và 'Đơn Thủy bì'. Thập Táo thang thuộc loại được-tề trị 'Đơn Thủy bì' còn Đại-hoàng Hoàng-liên Tả Tâm thang này lại thuộc loại được-tề trị 'Đơn Hỏa bì'. Trong-Cánh nêu lên hai trường-hop diễn-hình để chúng ta lưu-ý rõ hơn."*

## 59: Đại-hoàng Hoàng-liên Tả Tâm thang:

### 大黃黃連瀉心湯

*Đại-hoàng* (2 lượng)

*Hoàng-liên* (1 lượng)

Cá hai vị trên cho ngâm vào nước đun sôi khoảng 100  
đạo, trong thời-gian ngắn, vắt lấy nước, bó xác, phân uống  
âm hai lần.

Trong bản của Ngô Quốc-Định, thang này gồm 3 vị, tức  
là có thêm vị Hoàng-cầm. Sách **Thiên-kim** **dực-phương**,  
Lâm Úc đều đồng ý cho rằng thang này phải có thêm  
Hoàng-cầm; tương-tự như Phụ-tử Tả Tâm thang vậy.

**Ma-phí thang**, theo các nhà-chú-giải, chính là đun nước sôi  
đến trăm đạo, trên mặt nước sủi bọt như tơ rỗi, cũng có  
tên là **Bách-phí thang**.

*Trần Ủy giải phương:* "Trong phương này, ta dùng vị *đại*  
*khô*, *đại* *Hàn* của *Đại-hoàng* *Hoàng-cầm* nhằm giáng *Hòa*,  
*Hòa* giáng thì *Thủy* tự *thăng*..."



## Điều 158: 心下痞而復惡寒汗出

Tâm hạ bì, nhì phục ô Hàn, hàn xuất  
者附子瀉心湯主之  
già: Phụ tử Tả Tâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** *Dưới Tâm có chứng Bì, đó là khí Thiếu-âm*  
*Quản-hoa kết bên trong; lại bị ô Hàn, đó là đặc khi bùn*  
*Hàn của Thái-dương; và lại còn ra mồ-hôi, đó là khí bùn*

*Hàn của Thái-duong thực còn khi tiêu Dương lại hư. Ta dùng Phụ-tử Tả Tâm thang làm chủ trị. Đây là tiêu bản của Thái-duong Thiếu-âm tương-hợp nhau, Thùy Hỏa tương-tế nhau, nếu như không thông lẽ Âm Dương Thùy Hỏa thì không thể hiểu được lẽ huyền-vi của nó.*

**Đại-ý:** Điều này nói lên chứng-trạng và phép trị của Bì-chứng kiêm cả Dương hư.

*Ngô Quốc-Định* chú: "Điều này tương-tự như điều trên, tức là đều có 'Tâm hạ bì, ô Hàn'. Duy trong điều này, chúng 'Tâm hạ bì' thuộc Dương hư tự hạn, Hàn Nhiệt hô-tạp nhau, vì thế ta dùng loại được khô Hàn để thanh Nhiệt, giải bì, lại dùng loại được tân ôn để ôn kinh phù Dương, giải-quyết cả đôi bên."

*Tiền Hoàng* chú: "Tà-khí của thương Hàn uất Nhiệt, nhập vào trong thành chúng Bì, đứng ra không hẳn là thực-chứng; vậy mà có chứng ô Hàn, hạn xuất. Ta biết ngay đó là khí chân Dương ở mệnh-môn đã hư, đến nỗi vệ-khí không còn kín-dáo nữa, huyền-phủ (lỗ chân lồng) không kín-dáo nữa, mồ-hôi xuất ra, thành chứng ô Hàn."

### 60: Phụ tử Tả Tâm thang: 附子瀉心湯

**Đại-hoàng** (2 lượng)

**Hoàng-liên** (1 lượng)

**Hoàng-cầm** (1 lượng)

**Phụ-tử** (2 củ, nướng, bỏ hi, dập ra, sắc lấy nước)

Cho ba vị Đại-hoàng, Hoàng-liên, Hoàng-cầm vào ngâm với nước đun sôi khoảng 100 долю, trong thời-gian

ngắn, vắt lấy nước, bỏ xác, cho nước trấp Phụ-tử vào, phân uống ấm hai lần.

Trần Úy giải phương:" Dưới Tâm có Bì-chứng, đó là do cảm khí bản Nhiệt của Thiếu-âm Quân-hòa mà thành; lại ô Hàn, đó là do khí bản Hàn của Thái-dương Hàn Thủy; lại bị hạn xuất, đó là do khí bản Hàn của Thái-dương năng, trong lúc đó tiêu Dương lại bị đại hụ, đang muốn thoát ra ngoài. Phép trị thương Hàn phải lấy Dương-khí làm chủ. Trường-hop này, không thể dùng vị khổ Hàn, nhưng vì chứng Bì chưa giải, cho nên không thể không dùng vị đại khổ, đại Hàn của Đại-hoàng, Hoàng-liên, Hoàng-cầm nhằm giải khí bản Nhiệt của Thiếu-âm, nhưng lại sợ bị vong Dương, cho nên dùng vị đại ôn của Phụ-tử nhằm làm ôn tiêu Dương của Thái-dương. Vai trò của Phụ-tử thật kỳ-diệu."

Ngô Quốc-Định giải phương:" Trong lúc ô Hàn không nên có mồ-hôi, trong lúc có mồ-hôi, không nên ô Hàn. Nay cả hai lại xảy ra cùng lúc, đó là thân-thê bị hư-nhuược, mồ-hôi xuất, nên dùng loại được làm cường Tâm để cứu-trị, vì thế nên mới nấu trước Phụ-tử, kết-quả sẽ to hơn, vì nó sẽ phù Dương, liêm hạn, ba vị Đại-hoàng, Hoàng-liên, Hoàng-cầm vì được ngâm với nước sôi cho nên nó nhẹ hơn, đóng vai thanh Nhiệt, giải Bì..."



## Điều 159: 本以下之故心下痞與

Bản dī hả chi, cõ Tâm hạ bī, dù

瀉心湯痞不解其人渴而口

Tả Tâm thang, bī bất giải, kỳ nhán khát nhi khẩu

躁煩小便不利者五苓散主

táo phiền, tiểu tiện bất lợi giả, Ngũ linh tán chủ

之 chi.

Dịch nghĩa: Thủy Hoả bất giao gây thành chứng Bī, Thổ-khi không vận-chuyển được, cũng có thể gây thành chứng Bī. Thương Hàn trúng Phong, hiện lên chứng ô Hàn thuộc bản bệnh, nhưng không thấy chứng phát Nhiệt thuộc tiêu bệnh. Người thầy thuốc không rõ bệnh, cho nên sau khi xuất hàn lại cho xổ bằng loại Thừa-khí thang, vì thế dưới Tâm thành chứng Bī, rồi dùng Tả Tâm thang nhằm giải Dương-khí của chứng Bī, nhưng chứng Bī vẫn chưa được giải. Sở dĩ như vậy là vì mồ-hôi xuất làm thương đến khí ở Trung-tiêu ở giữa, làm thương khí Hạ-tiêu ở dưới. Tất cả là ở Tỳ bị hư. Tỳ hư thì khí không thăng lên trên được để bỗ-tán tân-dịch, vì thế người bệnh bị chứng khát và trong miệng bị táo phiền, Tỳ hư thì khí không vận-hành xuống dưới được để điều-hành Thủy-đạo, khiến cho người bệnh tiểu-tiện bị màu đỏ, hoặc bất-lợi. Ta dùng Ngũ-linh 'án làm chui trị'.

Đại ý: Điều trên bàn về Thủy Hoả bất giao thành chứng Bī, điều này nói về Tỳ Thổ không vận-hành, tưới khắp

cũng gây thành chứng Bì.

**Đường Dung-Xuyên bồ:** "Hư-kí của Thủy Hút gây thành chứng Bì, phân làm Đơn-thủy-bì thuộc thực-chứng của Thập Táo thang; lại có Đơn-thủy-bì thuộc hư-chứng của Ngũ-linh tán. Phép biện-chứng rất tinh-nhẹ. Trong nguyên-văn, có lè bên dưới chữ 'bản' bị mất đi một đoạn văn."

**Phương Hữu-Cháp chú:** "Tà Tâm thang trị Bì nhưng Bì không giải, như vậy cho ta thấy rõ ràng đây không thuộc chứng Bì của khí tụ; câu 'khát nhì khẩu khát phiền, tiêu tiên bất lợi' là do tân-dịch rít, không vận-hành, dùnham ngưng-tụ, nội Nhiệt thậm và Thủy kêt. Ngũ-linh tán làm nhuận tân-dịch, giải táo khát, dẫn Thủy-ẩm, giải kêt Nhiệt, được xem là một phép tiêu-trữ chứng Bì mãn."

**Phương Hữu-Cháp chú:** "Ngũ-linh tán có giáng, có thăng, có khả-năng làm giao-thông trên dưới, tuyên-thông khí-hoa, kiêm vận-hành tà-kí ở biểu lâm lý. Tà ở Tâm không nhất-thiết phải tả ra từ Tâm, mà tả từ Tiêu-trường, đây cũng là một cách chữa chứng Bì. Chứng khát ở đây cảm uống thức lạnh, chỉ nên uống nước gừng tốt nhất."



## Điều 160: 傷 寒 汗 出 解 之 後 胃 中

Thương Hán hàn xuất, giải chi hậu, Vị trung  
不 和 心 下 痘 硬 乾 憶 食 臭 脅  
bất hòa, Tâm hạ bì ngạnh, can ái, thực xú; chíp

# 下有水氣腹中雷鳴下利者

hạ hữu Thủy khí, phúc trung lôi minh hả lợi, giả.

# 生薑瀉心湯主之

Sinh khương Tả Tâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Tỳ bất hòa thành chứng Bì, Vị bất hòa cũng thành chứng Bì. Thương Hàn hụt xuất, sau khi ngoại tà đã giải thấy trong Vị bất hòa, bất hòa thì khí trệ và kết bên trong, vì thế dưới Tâm bị Bì, cứng, và nếu bất hòa thì khí nghịch, xung lên trên, vì thế ói khan. Bởi vì Thủy-cốc làm chủ Vị, cho nên nếu Vị hòa thì Thủy-cốc tiêu và Thủy hóa. Đây là trường-hợp Thủy-cốc không tiêu mà hủ nát ra, vì thế ăn vào có mùi hôi-thối. Thủy không hóa mà tràn ngang vì thế dưới hông sườn có Thủy-khí, trong bụng sôi như sám nổ, tiêu chảy. Vì Thủy-cốc không tiêu, thức ăn chưa thành phân, vậy mà buộc phải tiêu xuống, như vậy là nghịch thế, bất bình, khi mà một vật không được bình-hòa thì sẽ vang lên lớn tiếng. Ta dùng Sinh Khương Tả Tâm thang làm chủ trị.

**Đại ý:** Điều trên bàn về Tỳ không chuyển-vận gây thành chứng Bì. Điều này nói về Vị-khí bất-hòa cũng thành chứng Bì.

**Đường Dung-Xuyên chính:** Trần Tu-Viên nói rằng "vật bất bình thì lớn tiếng" để giải-thích chứng sôi ruột như sám vang thì có vẻ hơi gượng-ép. Chúng ta biết rằng Trọng-Cảnh khi nói đến Thủy và khí đều phân-biệt rất rõ-ràng.

Nếu chỉ có Thủy mà không có khí thì Thủy sẽ đình lại và khí không có âm-thanh, do đó không có sấm vang; nếu có khí mà không có Thủy thì khí vận-hành nhưng Thủy không bị kích-động, do đó cũng không có sấm vang. Chỉ khi nào khí và Thủy cùng tranh nhau, do đó sẽ sinh ra chứng sấm vang và tiêu chảy. Nay xét lại các chứng thuộc Tà Tâm thang đều do Bì-kết trong vùng cách-mạc. Nội-kinh gọi Vị có đại lạc, Vị lạc thông với cách-mạc, vì thế các chứng Tà Tâm thang trị vùng cách-mạc đều có loại được làm Vị được hòa. Vị hòa thì giúp cho khí kết ở vùng cách-mạc được thông.

Tuy nhiên, trong các chứng khác đã kể, bao giờ cũng nói cách trị cách-mạc kiêm cả phép trị Vị, duy trong điều này nói cách chữa Vị bệnh kiêm cả phép chữa cách-mạc. Khi bệnh ở vùng cách-mạc thì không bệnh ở thực-quản, vì thế ăn vào không hồi thối, trong Đại-trường cũng không bệnh, vì thế không bị tiêu chảy. Duy chỉ khi nào có sự bất-hòa giữa Thủy Hỏa trong Vị, kiêm cả chứng Bì ở vùng cách-mạc, thì không những khí đại nghịch xuất ra từ giữa cách-mạc thành chứng q, ngoài ra thức ăn trong Vị cũng bị nghịch phải thối ra; không những Thủy và khí từ trong cách-mạc tràn sang dưới hông sườn, ngoài ra suốt tuyến đường Đại Tiêu-trường và Vị bị Thủy-khí xung-dot nhau thành tiếng vang như sấm nổ, tiêu chảy. Chúng ta suy nghĩ cho kỹ để biết, qua điều này, quan-hệ giữa Trường Vị, và cách-mạc, và cũng biết thêm nguồn gốc của Hỏa

*nghịch, Thủy tà."*

Ngô Quốc-Định chú:" Nay xét chúng này tuy có Thủy-khí nhưng không thành chứng Kết-hung, vì ngoại-tà đã giải; ta không dùng Ngũ-linh tân, vì người bệnh không khát và không tiêu chảy, ta chỉ dùng Sinh Khương Tả Tâm thang làm hòa cho Vị-khí, bệnh sẽ khỏi."

### 61: Sinh Khương Tả Tâm thang: 生 薑 滉 心 湯

<i>Sinh Khương</i>	(4 lượng, cắt ra)
<i>Cam-thảo</i>	(3 lượng, chích)
<i>Nhân-sâm</i>	(3 lượng)
<i>Can Khương</i>	(1 lượng)
<i>Hoàng-cầm</i>	(3 lượng)
<i>Bán-hạ</i>	(nửa cân, rửa sạch)
<i>Hoàng-liên</i>	(1 lượng)
<i>Đại Táo</i>	(12 quả, bồ ra)

Tám vị trên dùng 1 đấu nước, sắc còn 6 thăng, bỏ xác, xong sắc tiếp lấy 3 thăng, uống âm 1 thăng, ngày 3 lần.

Trần Úy giải phương: " Thái-dương là kinh của Hàn Thủy. Khi khí Hàn Thủy bị thương bên ngoài thì ta dùng phép hàn để giải; nếu khi Hàn Thủy nhập vào trong thì không thể dùng phép hàn để giải. Khi nào dùng phép hàn giải xong mà thấy hiện ra chứng khác thì đó thuộc về trách-nhiệm của Thủy-khí. Chứng ở điều này là như thế. Riêng chứng Tâm hạ bì ngạnh lại thuộc chứng chung của Tả Tâm thang.

Trần Bình-Bá giải phương: " Vị tân ôn của Sinh Khương

*dóng vai quān, làm tán khí, làm tuyên-tán Thủy-khí, lại dùng vị cam ôn của Can Khương, Nhân-sâm, Cam-thảo nhằm gìn-giữ và bồi-duōng trung-thổ; sau cùng dùng vị khổ Hán của Hoàng-cầm, Hoàng-liên giải Nhiệt, tán Bī. Sở dĩ ta gọi tên là Sinh Khương Tả Tâm thang chính vì vừa dựa vào chức-năng tả chứng Bī dưới Tâm, một mặt lại dùng vai trò bồi trung, tán Thủy của nó. Nếu như không có Thủy-khí thì không dùng vị tân tán của Sinh Khương và Bán-hạ, và nếu như không có ảnh-hưởng đến trung-khí thì đã không dùng đến Can Khương, Nhân-sâm, Cam-thảo để bồi trung. Tả Tâm thang của Trọng-Cánh gồm có năm chứng, trừ Đại-hoàng Hoàng-liên Tả Tâm thang theo phép chính trị ra, tất cả đều thuộc phương thang được phép gia-giảm."*

*Y-tông Kim-giám giải phương:*" Ta gọi tên là Sinh Khương Tả Tâm thang, vì ý-nghĩa của nó ở chỗ làm tán chứng Bī thuộc Thủy-khí gây ra. Sinh Khương, Bán-hạ làm tán Thủy-khí dưới hông sườn; Nhân-sâm, Đại Táo bồi hưu cho trung-thổ; Can Khương, Cam-thảo làm ôn lý Hán; Hoàng-cầm, Hoàng-liên tả Bī Nhiệt."



**Điều 161: 傷 寒 中 風 醫 反 下 之 其  
Thương Hàn trúng Phong, y phản há chí, kỳ  
人 下 利 日 數 十 行 穀 不 化 腹  
nhân há lợi nhật số thập hành, cốc bất hóa, phúc**

中雷鳴心下痞硬而滿乾嘔  
trung lôi minh, Tâm hạ bì ngạnh nhì mân, can ầu.  
心煩不得安醫見心下痞謂  
Tâm phiền bất đắc an. Y kiến Tâm hạ bì, vị  
病不盡復下之其痞益甚此  
bệnh bất tận, phục hả chi, kỳ bì ích thậm, thủ  
非結熱但以胃中虛客氣上  
phi kết Nhiệt, đản dĩ Vị trung hư, khách khí thường  
逆故使硬也甘草瀉心湯主  
nghịch, có sử ngạnh dã, Cam thảo Tả Tâm thang chủ  
之 chi.

Dịch nghĩa: *Thái-dương bệnh; hoặc thương Hàn, hoặc trúng Phong, đều không nên cho xổ, người thầy thuốc, ngược lại, lại cho xổ, sẽ làm hư Trường Vị, như vậy Thủy Hàn bên dưới không giao lên trên được, vì thế người bệnh bị tiêu chảy, một ngày đi tiêu đến vài chục lần. Cốc-khi không hóa, trong bụng sôi như sấm nổ. Hòa Nhiệt bên trên không xuống dưới được, vì thế dưới Tâm bị chứng Bì, cứng và đầy, ói khan, Tâm bùt-rút không an. Đây là do Thủy Hòa thương hạch không giao nhau, ý-nghĩa thật là sâu-xa. Vậy mà người thầy thuốc không biết gì cả, khi thấy dưới Tâm có chứng Bì thì cho là bệnh Nhiệt-tù chưa khỏi, tiếp tục lại cho xổ, khi ở dưới tiếp tục đi xuống, khi ở trên tiếp tục lên cao, chứng Bì ngày càng nặng hơn. Đây*

**không phải do Nhiệt-kết, chỉ là do cho xổ sai làm nên đến nỗi trong Vị bị hư, khách-khí thừa hư nghịch lên trên, khiến cho dưới Tâm bị cứng. Ta dùng Cam-thảo Tả Tâm thang làm chủ trị nhằm làm cho thương hạch được thông nhau, điều-hòa trung-khí vây.**

**Đại-ý:** Điều này tiếp điền trên, nêu lên chúng Vị bị hư.

**Y-tông Kim-giám** chú: "Vô luận là thương Hàn hay trúng Phong, nếu biếu chưa giải, đều không thể cho xổ; nếu người thầy thuốc cho xổ sai-làm sẽ hoặc bị chứng Bì, hoặc bị chứng ly. Nay vì xổ mà ngày đi tiêu đến vài chục bộn, Thủy-cốc không hóa, trong bụng kêu vang như sấm, đó là do tà-khí thừa lúc lý hư để tạo thành chứng tiêu chảy. Chứng Tâm hạch bì ngạnh nhĩ mẫn, can ầu, Tâm phiền bất đắc an, đó là do tà-khí hâm vào ngực để nghịch lên trên vây. Chứng bì và tiêu chảy, vừa biếu vừa lý, theo phép thì nên dùng Quả-chí gia Nhân-sâm thang để giải cả hai. Vậy mà người thầy thuốc lại cho rằng chỉ có chứng dưới Tâm có Bì, dùng phép xổ, chứng Bì càng nặng hơn. Như vậy dù cho chúng ta thấy rằng đây không phải là chứng Bì do Nhiệt-kết, cũng không phải do Hàn kết, mà chính là do xổ sai làm làm cho trung-khí bị hư, tà-khí nghịch lên trên, một chứng Bì do Dương bị hâm, Âm bị ngưng tạo thành vây. Ta phải dùng Cam-thảo Tả Tâm thang nhằm hoàn được cái cắp và hòa được cái trung-khí vây."

**Ngô Quốc-Định** chú: "Phương chung Cam-thảo Tả Tâm thang này và Phụ-tử Tả Tâm thang tuy cùng nhiệm-vụ phủ Dương là

*chính, nhưng cũng có chỗ khác nhau:*

\* Phụ-tử Tả Tâm thang chứng do ô Hàn hàn xuất, Dương đang ở biếu, sợ rằng sẽ bị vong Dương ra ngoài, vì thế phải dùng Phụ-tử để cung-cố Dương.

\* Cam-thảo Tả Tâm thang lại quan-trọng ở chỗ Vị bị hư, Dương đang vi-nhuộc bên trong, vì thế ta dùng Cam-thảo và Can Khuông nhằm làm ích Dương. Tuy rằng cả hai đều nhằm cứu Dương là chính, nhưng có cách trị khác nhau ở biếu và lý, nên chú-ý."

## 62: Cam-thảo Tả Tâm thang phương: 甘草瀉心湯

<i>Cam-thảo</i>	(4 lượng, chích)
<i>Hoàng-cầm</i>	(3 lượng)
<i>Can Khuông</i>	(3 lượng)
<i>Bán-hạ</i>	(nửa thăng, rửa sạch)
<i>Đại Táo</i>	(12 quả, bỏ ra)
<i>Hoàng-liên</i>	(1 lượng)
<i>Nhân-sâm</i>	(3 lượng)

Tất cả bảy vị dùng một đấu nước, sắc còn 6 thăng, bỏ xác, sắc tiếp lấy 3 thăng, uống ấm 1 thăng, ngày 3 lần.

Trần Bình-Bá giải phương:" Bệnh hư thì phải bổ , vì thế ta dùng vị cam ôn để bồi hư, tà-khách thì phải trừ, ta lại dùng vị khô Hàn để tiết-thoát Nhiệt ... Đây là dùng theo phép thang dịch của Y Doãn."

Ngô Quốc-Định giải phương:" Ta dùng Cam-thảo, Đại Táo, Nhân-sâm để bồi cái hư của Trường Vị, đồng thời làm hòa-hoãn được trung-th襍; dùng vị tân của Bán-hạ, Can

*Khuong để giáng nghịch, ngưng ói, và giải chứng Bì Hàn đang ngưng kết; dùng vị khổ Hàn của Hoàng-cầm, Hoàng-liên để tả chứng Bì Nhiệt đang hâm bên trong."*

Một số nhà y-học cho rằng phương thang này không có Nhân-sâm. Ngô Quốc-Định so-sánh năm loại Tả Tâm-thang:

Phương danh	Đại-hoàng Hoàng-liên Tả Tâm thang	Phụ-tử	Bán-hạ	Sinh Khuong	Cam-thảo
Hoàng-liên	1 lượng	1 lượng	1 lượng	1 lượng	1 lượng
Hoàng-cầm	1 lượng	1 lượng	3 lượng	3 lượng	3 lượng
Bán-hạ			nửa tháng	nửa tháng	nửa tháng
Cam-thảo			3 lượng	3 lượng	4 lượng
Nhân-sâm			3 lượng	3 lượng	3 lượng
Can Khuong			3 lượng	1 lượng	3 lượng
Đại Táo			12 quả	12 quả	12 quả
Sinh Khuong				4 lượng	
Đại-hoàng	2 lượng	2 lượng			
Phụ-tử		1 củ			
Chứng- trạng	Dưới Tâm Bì, đờ, thấy mầm, quan thượng mạch phủ (Tâm khí Bì- kết, không cứng)	Dưới Tâm Bì, lại thêm xuất (Đại- hoàng Hoàng-liên Tả Tâm thang chứng kiêm Dương hư.)	Chứng Bì đầy, nôn nghịch (đờ, lèn thấy cứng, dày).	Dưới Tâm Bì khàn, ăn vào thở, dưới họng có Thủy-khi, bụng sôi như sâm, tiêu chảy (kém đàm ẩm)	tiêu chảy ngày vái chục bận, cảm không tiêu, bụng sôi như sâm, dưới Tâm Bì cứng mà dày, ợ khàn, Tâm phèn không an, lại bị xổ, chứng Bì căng nặng (kiêm chứng Vị hư)

Nguyên-nhân	Nhiệt-tả két-tu	Nhiệt-tả hữu-du. Dương-khi bất túc	Sái-hồ-chứng. xổ-sai làm-thành Bì	Vị-hư.Thủy-và khí bất-hòa	cho xổ-sai 2 lần. Vì-khi càng hư. khách-khi nghịch lên trên
Liệu-pháp	thanh-Nhiệt-tả Bì	phù-Dương-tả Bì	khai-kết-tiết Bì	hòa-Vi-tiết Bì	bổ-Vi-tiết Bì

☆

### Điều 162: 傷 寒 服 湿 藥 下 利 不 止

Thương Hàn phục thang dược, há lợi bất chỉ,  
 心 下 痘 硬 服 滉 心 湯 已 復 以  
 Tâm hạ Bì ngạnh, phục Tả Tâm thang dĩ, phục dĩ  
 他 藥 下 之 利 不 止 醫 以 理 中  
 tha dược há chi, lợi bất chỉ, y dĩ Lý trung  
 與 之 利 益 甚 理 中 者 理 中 焦  
 dĩ chỉ, lợi ích thậm. Lý trung giả, lý Trung tiêu.  
 此 利 在 下 焦 赤 石 脂 禹 餘 糧  
 Thủ lợi tại Hạ tiêu, Xích thạch chỉ vũ dư lương  
 湯 主 之 復 利 不 止 者 當 利 其  
 thang chủ chi, phục lợi bất chỉ giả, đương lợi kỳ  
 小 便 tiếu tiễn.

Dịch nghĩa: Không chỉ ở Thương-tiêu và Trung-tiêu mới có chứng Bì, Hạ-tiêu cũng có thể bị Bì. Thương Hàn mà uống nhầm thuốc công để xổ, sau khi xổ, khí ở Hạ-tiêu chỉ đi xuống mà không lên trên được, vì thế nên tiêu chảy

**không ngừng.** Khi ở Trung-tiêu chỉ lên mà không xuống được, vì thế dưới Tâm bị chứng Bì cung. Ta phải kéo cái Hỏa Nhiệt ở dưới Tâm giao xuống dưới bằng cách uống Tả Tâm thang, uống xong thì chứng Bì dưới Tâm sẽ khỏi, thế là thương trung hạ được hòa. Nay ta lại cho uống loại được khác để cho xổ, như vậy khi ở Hạ-tiêu lại xuống thêm đèn không còn lên được nữa; vì thế tiêu chảy không ngừng. Người thầy thuốc lại cho rằng khí ở Trung-tiêu bị hư Hán, lại cho uống Lý-trung thang, tiêu chảy càng nặng hơn. Bởi vì Lý-trung thang là loại được ôn-bổ Tỳ Vị, chức-năng của nó là trị Trung-tiêu. Chứng tiêu chảy này không ở Trung-tiêu nhưng ở tại Hạ-tiêu. Ta nên dùng Xích-thạch chì Vũ-du lương thang làm chủ trị. Nếu như vẫn còn tiêu chảy không ngừng, ta nên cho lợi tiêu-lien.

Đại-ý: Tiết này bàn về Hạ-tiêu bất hòa cũng thành chứng Bì, bệnh biến đa doan.

**Đường Dung-Xuyên** chính: "Chứng này bàn về trị Bì, đến nỗi bị tiêu chảy. Chữ 'đã' trong câu 'phục Tả Tâm thang đã' ý nói chứng Bì đã trị xong, lại cho xổ sai làm, thế là tiêu chảy không ngừng. Trọn ý của câu trên ý nói chứng Bì đã dứt, chỉ còn tiêu chảy không ngừng mà thôi. Vì thế đoạn văn sau chỉ nói 'trị lợi chủ không nói 'trị Bì'. Trần Tu-Viên có vẻ lúng-túng chính vì chưa thông Tam-tiêu là gì.

Câu của Trọng-Cánh nói 'Lý trung giả, lý Trung-tiêu' là nói đến các mản mồ vùng Tiêu-trường, Tỳ, Vị. Câu 'thứ lợi tại Hạ-tiêu' là nói đến các mản mồ vùng Đại-trường, Bàng-

*quang, vì thế mới dùng Xích-thạch-chì Vũ-dư-lương thang để trị. Nếu như tiêu chảy vẫn còn, ta nên cho lợi tiêu-tiện, vì muốn cho nước theo con đường tiêu-tiện thoát ra ngoài, chứ không xâm-nhập vào Đại-trường nữa. Nếu chúng ta nắm được con đường giao-thông ở Hạ-tiêu qua các màn mõ, ta sẽ hiểu tại sao cho lợi tiêu-tiện lại chưa được chúng tiêu chảy... ta cũng sẽ biết được Hạ-tiêu không thể gây thành chúng Bì ở vùng ngực và các chứng Bì mãn đều xảy ra ở vùng cách-mạc ở Thượng-tiêu. Có lúc ta thấy bệnh có liên-quan đến Trung và Hạ-tiêu chẳng qua vì có sự tương-thông giữa các màn mõ với nhau mà thôi. Cái lý gây bệnh đường như giống nhau mà cũng khác nhau là thế đấy."*

### 63: Xích Thạch-chì Vũ-dư-lương thang phương:

#### 赤石脂禹餘糧湯方

*Xích-thạch-chì*

*(1 cân, nghiền nát)*

*Vũ-dư-lương*

*(1 cân, nghiền nát)*

Hai vị trên dùng 6 thăng nước, sắc còn 2 thăng, bỏ xác, uống làm 3 lần.

Kha Vận-Bá giải phương:" Cam, Khuông, Sâm, Truật có thể bỏ Dương-khí bị hư ở trung-cung, nhưng không đủ để cùng-cố Hạ-tiêu. Chúng tiêu chảy này do Hạ-tiêu, vì thế không thể dùng loại được-tề lý trung. Đại-trường không vũng lỗi do Vị, quan-môn không bế, lỗi do Tỷ. Hai vị thạch-được Xích-thạch-chì và Vũ-dư-lương này đều thuộc tinh-khí của Thủ kết thành, nó sẽ làm vũng cho Trường Vị. Muốn trị chúng ngon ở Hạ-tiêu, phải bồi-đuống cai gốc của

Trung-tiêu vũng-chắc. Chúng bệnh này Thổ hư nhưng  
Hỏa chưa hư, vì thế không nên dùng Khuong, Phụ. Phảm  
các logi được thảo đều bẩm-thụ khí Giáp Ất, như vậy ta  
dùng loại thạch thuộc Thổ, bẩm-thụ khí Mậu Kỷ, trị theo  
iỏi dòng khí tương cầu vẫn hơn."



### Điều 163: 傷 寒 吐 下 後 發 汗 虛 煩

Thương Hán thô há hậu, phát hàn, hư phiền;  
脈甚微八九日心下痞硬脅  
mạch thậm vi. Bát cửu nhật, Tâm hạ Bì ngạnh, hiếp  
下痛氣上衝咽喉弦冒經脈  
hạ thống, khí thường xung yết hầu, huyền mao, kinh mạch  
動惕者久而成痞  
động dịch giả, cửu nhì thành nuy.

Dịch nghĩa: Thương Hán sau khi cho nôn, cho xổ, lại  
phát hàn, như vậy là đã đoạt huyết-dịch trong kinh-mạch  
để thành hàn. Tâm chủ huyết, vì thế bị hư phiền, Tâm  
chủ mạch vì thế mạch di thậm vi. Tâm ngày sau đứng vào  
lúc Dương-mình chủ khí, đến chín ngày sau đứng vào lúc  
Thiếu-dương chủ khí, vậy mà không vận-chuyển được, vì  
thế dưới Tâm bị Bì cứng, mà dưới hông sườn cũng đau.  
Nếu nặng thì Âm hư Dương kháng, khí sẽ xung-lên đến  
yết hầu; huyết không lên để tuồi cho đầu và mắt, vì thế có  
lúc bị hoa mắt, choáng váng. Kinh-mạch bị kinh động,  
bởi vì sau khi cho ói, xổ rồi lại phát hàn làm cho huyết ứ.

*kinh-mạch bị kiệt, không lấy gì để nuôi cân, lâu ngày sẽ thành chứng nuy.*

**Đại-ý:** Điều này bàn về một loạt về cho ói, xổ, phát hàn, trong đó phép phát hàn sai lầm là nặng nhất.



### *Điều 164: 傷 寒 發 汗 若 吐 若 下 解*

*Thương Hàn phát hàn, nhược thổ, nhược há, giải*

**後 心 下 痘 硬 噴 氣 不 除 者 旋**

*hậu, Tâm hạ Bí ngạnh, ái khí bất trừ giả, Toàn*

**覆 代 赭 石 湯 主 之**

*phúc Đại giả thạch thang chủ chi.*

**Dịch nghĩa:** *Thương Hàn phát hàn, nếu cho ói, cho xổ, sau khi bệnh giải, dưới Tâm Bí cứng, ợ khí không dứt, đây là do trung-khí bị thương, hư-khí nghịch lên trên. Ta dùng Toàn-phúc Đại-giả thạch làm chủ trị.*

**Đại-ý:** Đây nói về tà-khí còn sót lại sau khi bệnh khỏi, ta nên dùng phép bỗ -dưỡng trung-khí, tránh nghịch.

**Ngô Quốc-Dịnh chú:** "Ba phép phát hàn, thổ, há là ba phép trị bệnh. Khi tà ở biếu, ta dùng phép hàn giải; tà ở hung cách, ta dùng phép thổ; tà ở tại Đại-trường, ta dùng phép há để công. Tuy nhiên, trong quá-trình chữa trị, chính-khi nhất định không tránh khỏi bị tồn thương. Điều này nói rằng sau khi dùng các phép trên để chữa bệnh, bệnh tuy đã khỏi, nhưng Vị-khí bị suy, sinh ra biến-chứng. Do vì Vị-khí bị hư nhược, thức ăn vào Vị gây thành chứng Bí cứng,

ở khi không dứt. Ta dùng Toàn-phúc Đại-giả thạch thang nhằm bồ Vị, trấn nghịch, trừ chúng Bī, trừ chứng ợ."

Phương Hữu-Cháp chú:" Chữ 'giải' ý nói đại-tà đã đuổi xong, dưới Tâm Bī cứng, ợ không dứt, đó là chính-khi chưa hồi-phục, Vị-khi còn suy-nhuộc, khi nghịch lên."

#### 64: Toàn-phúc Đại-giả thạch thang phương :

#### 旋覆代赭石湯方

<i>Toàn-phúc hoa</i>	(3 lượng)
<i>Nhân-sâm</i>	(2 lượng)
<i>Sinh Khương</i>	(5 lượng)
<i>Đại-giả</i>	(1 lượng)
<i>Cam-thảo</i>	(3 lượng, chích)
<i>Bán-hạ</i>	(nửa thăng, rửa sạch)
<i>Đại Táo</i>	(12 quả, bóc ra)

Tất cả bảy vị, dùng nước một đấu, sắc lấy 6 thăng, bỏ xác, sắc tiếp lấy 3 thăng, uống ấm 1 thăng, ngày ba lần.

Du Lân-Châu giải phương:" Đây chính là biến pháp của Sinh Khương Tả Tâm thang. Cả hai thang này đều có chứng 'Tâm hạ Bī ngạnh', nhưng Sinh Khương Tả Tâm thang quan-trọng ở chỗ Thủy-khí di xuồng dưới gây thành chứng lợi. Riêng Toàn-phúc Đại-giả thạch thang lại quan-trọng ở chỗ Vị hư có Thủy-ấm, Thủy-khí nghịch lên trên gây thành chứng ợ. Muốn trị chứng Thủy-khí di xuồng gây thành chứng tiêu chảy, tất phải dùng Sinh Khương để tán Thủy; muốn trị chứng Vị hư kèm Thủy-ấm thành ợ, ta dùng Giả-thạch nhằm trấn nghịch. Hai phương thang này có chỗ tương đồng và tương

*dị, cho ta thấy tài dụng được diệu-kỳ của Trọng-Cảnh.*"

*La Đông-Dật giải phương:" Phương thang này là thánh phương trị chính-khí hư, khí bất quy nguyên. Bởi vì sau khi cho dùng phép hàn, hả, thồ xong, tà-khí tuy đã giải xong, Vị-khí cũng bị hư-tồn không nhỏ. Vị-khí hư Tam-tiêu cũng nhân đó mà mất đi vai trò của mình. Dương không có chỗ quay về nên không thăng, Âm không có chỗ nạp vào nên không giáng, vì thế trọc-tà lưu-trệ, Thủy-ẩm nghịch lên trên làm thành chứng dưới Tâm Bí cứng, ợ khí không dứt. Trong phương, ta dùng Nhân-sâm, Cam-thảo để dưỡng chính, bồ hư, dùng Khuong, Táo để hòa Tỵ, dưỡng Vị, thế là trung-châu được hòa. Đại-giả thạch đắc được vị cam của Thô-khí mà tính trầm, vai trò của nó là trầm nghịch, dẫn Nhân-sâm nhầm đưa khí quay xuống dưới; Toàn-phúc hoa vị tân mà nhuận, dùng nó để khai Phé, điều Thủy-ẩm; Bán-hạ đóng vai tá trầm Thủy-ẩm ở trên. Nếu không có hai vị này thống-lĩnh trên dưới thì làm sao trừ được ợ khí và tiêu được chứng Bí cứng dưới Tâm?"*



### **Điều 165: 下後不可更行桂枝湯**

*Há hậu bất khả cành hành Quê chi thang.*

**若汗出而無大熱者可與麻**

*nhuoc hạn xuất nhi vô đại Nhiệt giả, khả dù Ma*

**黃杏子甘草石膏湯**

*hoàng Hạnh tử Cam thảo Thạch cao thang.*

**Dịch nghĩa:** Cho xổ quá sớm sẽ gây thành chứng Kết-hung, chứng Bì, đó là lě thường; ngoài đó ra, còn có biến-chứng mà chúng ta cũng phải biết. Thái-dương ôn bệnh, Phong Thấp chứng, Nhiệt từ trong phát ra, nên dùng loại lương tán để trị, không nên cho xổ sớm quá. Sau khi cho xổ, tuy không thành chứng Kết hay Bì, nhưng vì xổ quá sớm, nội Nhiệt chưa kịp quay về Vị-phù, chỉ cho rã phân chít không ra Nhiệt; Nhiệt ở lại càng lâu càng nặng hơn. Muốn giải cái Nhiệt này, tất nhiên không thể dùng thêm Quê-chì thang, bởi vì như vậy là dùng Nhiệt để tăng Nhiệt. Chúng ta nên biết rằng chứng ôn bệnh Phong Thấp thuộc Hòa-thể rất mạnh. Nay nếu Hòa bức bên ngoài, thì sẽ bốc lên mồ-hôi xuất ra; Hòa bức bên trên thì mũi kêu thành chứng suyễn; nếu nội Nhiệt đã thậm nhưng bên ngoài lại không có đại Nhiệt ta có thể dùng Ma-hoàng Hạnh-tử Cam-thảo Thạch-cao thang, thuận thể dùng lương giải Nhiệt. Đây là trường-hợp sau khi cho xổ mà không thành chứng Bì, thành chứng khác hơn.

**Đại-ý:** Điều này nói về tri pháp và chứng-trạng sau khi cho xổ, dư Nhiệt bức Phé.

**Hoàng Khôn-Tái chú:** "Sau khi cho xổ biếu Hàn chưa giải, làm uất đến Phé-khí, Phé uất thì sinh Nhiệt, Nhiệt chứng cát ở bì-mao nhưng không tiết được ra ngoài, vì thế hạn xuất thành suyễn; biếu Hàn lý Nhiệt, nên cho dùng Ma Hạnh Cam Thạch thang giải cả hai."



## Điều 166: 太陽病外證未除而數

Thái dương bệnh ngoại chứng vị trù nhì số  
下之遂協熱而利利下不止  
há chi, toại hiệp Nhiệt nhì lợi, lợi há bất chỉ.  
心下痞硬表裡不解者桂枝  
Tâm hạ Bì ngạnh, biếu lý bất giải giả, Quê chi  
人參湯主之 Nhân sâm thang chủ chỉ.

Dịch nghĩa: *Thái-dương bệnh, không dùng Quê-chi thang giải cơ, ngoại chứng chưa trù, người thầy thuốc lỗ-mang, cho xô nhiều lần làm cho Vị bị hư; khi hư cục thì sinh Hàn, khí trung-thở không đủ sức đuổi tà Nhiệt để giải cơ, thế là nó hiệp-dồng với tà Nhiệt để thành chứng tiêu chảy; tiêu chảy không ngừng làm cho Dương-khí ở Vị cảng hư, Âm-tà nghịch lên trên làm cho dưới Tâm bị Bì cứng. Đây gọi là biếu lý không giải, ta dùng Quê-chi Nhân-sâm thang làm chủ trị.*

Đại ý: Điều này cùng với điều tiếp sau nói về Thái-dương biếu lý không giải, thành chứng Bì.

Trình Ứng-Mao chú: "Đây là chứng tiêu chảy gọi là 'hiệp Nhiệt' ... Quê-chi hành Dương bên ngoài để giải biếu; Lý-tung trợ Dương bên trong để ngưng tiêu chảy. Âm Dương luồng trị, đều được gọi là bồ chính-khí, khiên cho tà-khí tự giải ra ngoài. Nay chứng Bì này không có khách-khí Dương-tà nghịch lên trên, hâm vào vùng cách-mạc, nhưng ta phải đề-phòng Dương nhập vào Âm, vì thế trong Tả Tâm

thang, không những ta không được dùng Hoàng-cầm và Hoàng-liên, ngay cả Thuốc-dược trong Qué-chi thang cũng không được dùng. Chứng tiêu chảy do hiệp Nhiệt, xưa nay ta thấy mọi người đều cho rằng Dương-tà hâm vào Hatiêu, nếu vậy làm sao ta dám dùng Lý-trung thang. Chứng tiêu chảy có phân làm hai chứng Hàn và Nhiệt, nếu chỉ có biểu Nhiệt không giải thì đó chính là 'hiệp Nhiệt lợi : tiêu chảy hiệp Nhiệt' vậy."

Ngô Quốc-Định so sánh hai chứng Qué-chi Nhâm-sâm thang và Cát-căn Cầm Liên thang:

Phương thang	Qué-chi Nhân-sâm thang	Cát-căn Cầm Liên thang
Chứng-đạng	tiêu chảy không ngừng, dưới Tâm Bì cứng, (mạch phủ mà nhược, rêu lưỡi nhạt trắng, miệng không khát)	tiêu chảy, suyễn mà hâm xuất (mạch hoạt sắc, rêu lưỡi vàng, miệng khô mà khát).
Bệnh-lý	Thái-dương bệnh, xổ sai lầm, biểu tà chưa hết mà lý-khi đã bị đại thương, vì thế thấy được biểu chứng phát Nhiệt, lại thấy được lý-chứng hư Hán..	Thái-dương bệnh, xổ sai lầm, biểu tà hâm vào trong, lý Nhiệt chứng cát bức lên trên thành suyễn, chứng cát ra ngoài thành han xuất, chạy xuống bên dưới thành chứng tiêu chảy.

### 65: Qué-chi Nhân-sâm thang phương:

### 桂枝人參湯方

*Qué-chi* (4 lượng)

*Cam-thảo* (4 lượng, chích)

*Bạch-truật* (3 lượng)

*Nhân-sâm* (3 lượng)

*Can Khuong* (3 lượng)

Tất cả 5 vị trên, dùng 9 thăng nước, sắc trước 4 vị lấy 5 thăng, xong cho Qué-chi vào, sắc tiếp lấy 3 thăng, uống

ám ban ngày 2 lần, ban đêm 1 lần.

Trần Úy giải phương: "Trong phương dùng Nhân-sâm trị lấy hú; dùng Quế-chi giải biếu tà."

Trình Ứng-Mao giải phương: "Quế-chi nạp muộn hơn các vị khác chính vì Quế-chi vị tân, thơm, nên sắc trong lửa lâu quá thì khí sẽ tán, sức giải biếu sẽ kém đi."

Lục Uyên-Lôi cũng giải-thích nhu trên.



## Điều 167: 傷 寒 大 下 後 復 發 汗 心

Thương Hàn đại há hậu, phục phát hạn, Tâm  
下 痘 惡 寒 者 表 未 解 也 不 可  
hạ Bī, ó Hàn giả, biếu vị giải dā, băt khă  
攻 痘 當 先 解 表 表 解 乃 可 攻  
công Bī, đương tiên giải biếu, biếu giải nă khă công  
痘 解 表 宜 桂 枝 湯 攻 痘 宜 大  
Bī, giải biếu nghi Quế chi thang; công Bī nghi Đại  
黃 黃 連 瀉 心 湯  
hoàng Hoàng liên Tả Tâm thang.

Dịch nghĩa: Chúng ta thử nói về nội Nhiệt. Thương Hàn, sau khi cho xô mạnh, lại cho phát hạn, như vậy khí của Đại-trường nghịch lên Tâm và ngực, vì thế dưới Tâm Bī, chứng ô Hàn vẫn còn, đó là biếu chưa giải. Khi nào khí từ ngoài vào trong thì nên trị bên ngoài trước, trị bên trong

sau, vì thế ta không thể tấn-công vào chứng Bī, mà trước hết nên giải biếu, phải đợi khi nào chứng ố Hán ở biếu giải xong, bấy giờ mới có thể tấn-công vào chứng Bī. Khi nào giải biếu nên dùng Qué-chí thang, còn tấn-công chứng Bī nên dùng Đại-hoàng Hoàng-liên Tà Tâm thang.

**Đại-ý:** Điều này chỉ ra phép trị chứng Bī do xổ sai lầm nhưng biếu tà chưa giải.

Theo Ngô Quốc-Định thì phép trị chứng Bī có biếu chứng, có lý chứng, có cả biếu lẫn lý. Phép trị được phân-biệt như sau:

1/ Biểu lý đồng bệnh, nhưng trước giải biếu rồi sau mới trị lý, đó là vì lý-chứng chưa hư. Giải biếu thì nên dùng Qué-chí thang, công Bī thì dùng Đại-hoàng Hoàng-liên Tà Tâm thang.

2/ Biểu lý đồng bệnh, nhưng trước trị lý, sau mới trị biếu, đó là vì lý-khí đại hư mà cấp. Cứu lý nên dùng Tứ-nghịch thang, cứu biếu nên dùng Qué-chí thang.

3/ Biểu lý đồng bệnh, lý tuy hư nhưng không cấp lầm, biếu chứng vẫn còn, như vậy ta kiêm trị cả biếu lẫn lý: dùng Qué-chí Nhân-sâm thang.



### Điều 168: 傷 寒 發 热 汗 出 不 解 心

Thương Hán phát Nhiệt, hàn xuất bất giải, Tâm  
中 痘 硬 嘔 吐 而 下 利 者 大 柴  
trung Bī ngạnh, ầu thô nhì há lợi giả, Đại Sài  
胡 湯 主 之 hò thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bì chứng có thể giải từ trong, cũng có thể giải từ ngoài. Thương Hán phát Nhiệt, hụt xuất không giải được, tà-khí kết giữa Tâm nhưng dưới Tâm bị Bì cứng. Mặc dù tà đã kết tụ, nhưng khí vẫn muôn xung lên trên, vì thế thành nôn ói, lên trên rồi lại xuống dưới, vì thế đồng thời lại tiêu chảy. Ta nên nhận cái thế của nó để đạt khí, ta dùng Đại Sài-hồ thang làm chủ trị, tức đưa khí từ giữa lên trên để đưa khí Thái-dương ra ngoài. Ta đừng nghĩ rằng chữa chứng Bì, ngoài Tả Tâm thang ra không còn phương nào khác.

**Đại ý:** Điều này chứng-minh thêm chức-năng của Đại Sài-hồ thang. Theo Trần Tu-Viên thì trong trường hợp này, Đại Sài-hồ thang không nên dùng Đại-hoàng.

Ngô Quốc-Định phân-tích, so-sánh: "Chứng 'phát Nhiệt' Tâm trung Bì ngạnh, hả lợi' của điều này gần giống với Quê-chí Nhân-sâm thang chứng, thế nhưng đối với vấn-dề 'hư thực Hán Nhiệt' thì cả hai lại khác nhau hoàn toàn. Đại Sài-hồ thang chứng thuộc thực, thuộc Nhiệt; Quê-chí Nhân-sâm thang chứng thuộc hư, thuộc Hán. Ta phân-biệt thành năm điểm:

1/ **Đại Sài-hồ thang chứng:** Tâm trung Bì ngạnh, do tà-khí làm cách-trở kết ở Vị-hoãn;

**Quê-chí Nhân-sâm thang chứng:** Tâm trung Bì ngạnh, do Vị-khí hư nhược, khách-khí nghịch lên trên.

2/ **Đại Sài-hồ thang chứng:** chưa cho xổ thì đã nôn ói;

**Quê-chí Nhân-sâm thang chứng:** cho xổ nhiều lần mà vẫn không nôn ói.

3/ **Đại Sài-hồ thang chứng:** phát Nhiệt mà không ố Hàn, do tà-khí truyền vào trong hóa Nhiệt;

**Qué-chi Nhân-sâm thang chứng:** biểu chưa giải, chứng tố các biểu-chứng như ố Hàn, phát Nhiệt ... vẫn còn.

4/ **Đại Sài-hồ thang chứng:** tiêu chảy, tất nhiên tiêu không thông-suống, phân vàng đỗ, mùi cực thối;

**Qué-chi Nhân-sâm thang chứng:** tiêu chảy không ngừng là dương nhiên.

5/ **Đại Sài-hồ thang chứng:** miệng phải đắng, rêu vàng.

**Qué-chi Nhân-sâm thang chứng:** miệng bình thường, rêu lưỡi trắng.



### Điều 169: 痘如桂枝證頭不痛項

Bệnh như Qué chi chứng, đau bất thống, hạng  
不 強 寸 脈 微 浮 胸 中 痞 硬 氣  
bất cường,寸mạch vi phù, hung trung Bī ngạnh, khí  
上 衝 咽 喉 不 得 息 者 此 爲 胸  
thường xung yết hầu, bất đắc tức giả, thủ vi hung  
有 寒 也 當 吐 之 宜 瓜 蒂 散  
hữu Hàn dã, đương thòi chi, nghi Qua đê tán.

Dịch nghĩa: Tổng luận về Kết-hung chứng, ta thấy ngoài Đại, Tiêu Hầm-hung thang, ta còn có phép thở để bỏ. Bệnh giống như Qué-chi chứng, nhưng đau không đau, cò không cứng, ta biết ngay đó là bệnh không ở tại kinh-

*mạch của Thái-dương. Mạch thốn chủ ở thượng, di vi phù. Giả-thiết như đó là Phong-tà, thì nó phải đau từ ngực, đến đầu. Nay đầu và cổ gáy như thường, chỉ có giữa ngực bị Bī cứng. Tại sao thế? Vì giữa ngực là con đường xuất nhập của khí Thái-dương, mà khí bản Hán đang làm tắc nghẽn con đường xuất nhập này. Khi phải xung lên trên đến yết-hầu, làm thành suyễn, không thở kịp. Đây chính là giữa ngực có Hán-khí vậy. Nội-kinh viết: 'Thái dương chi thượng, Hán khí chủ chí', nay Hán-khí làm tắc ở ngực, khí Thái-dương không thể thoát ra bằng con đường này vậy bắt phải nôn ói, tức là mượn con đường trên cao để xuất ra ngoài. Nên chờ dùng Qua-dê tán. Trường-hop này chứng-minh rằng chứng Kết-hung bất nhất, phần lớn do xổ xuống thành bệnh, có khi do nhiều lý-do khác thành bệnh, phép trị không cầu-nệ chỉ dùng Đại, Tiểu Hâm-hung thang để chữa.*

**Đại-ý:** Điều này nói về Vị cá Thủy-ẩm, ta dùng phép thở để trị.

*Thưa Đạm-Am chú: "Chứng này do giữa ngực có Hán-ẩm, Hán-ẩm tức là Thủy-ẩm, cũng gọi là đậm-ẩm, nó định lại ở giữa ngực, gây thành chứng Bī cứng. Chính Hán-ẩm bức lên đến yết-hầu, làm cho hô-hấp trở nên khó-khăn, đến không thở kịp. Mạch vi phù là chứng-hậu của khí-huyệt nở lên trên. Ta nên thừa cái thể xung lên của nó, dùng phép nôn ói để chữa-trị, nên dùng Qua-dê tán.*

*Nếu dùng phép châm, ta châm Nội-quan, sâu ba phân,*

xong áp-dụng phép châm xoay cùu số 6 lần, phép châm xoay lực số 3 lần, rồi lại dùng phép châm tỳ ngọ đảo cùu 3 lần, bảo bệnh-nhân thở khí ra vài lần, để khí đưa lên trên, sẽ nôn ói ra."

Dụ Gia-Ngôn chú: "Hàn ở đây là nói đậm. Đàm-ẩm động bên trong, thân mình át có mồ-hôi, thêm vào đó là phát Nhiệt, ô hàn, giống chứng trúng Phong, nhưng đau không đau, cỗ không cứng, đây không phải là Phong nhập từ ngoài vào, mà chính là đậm đang uẩn-kết bên trong, làm bế-tắc giữa ngực, nên dùng Qua-dé tán, nhầm đưa đậm lên trên để nôn ra ngoài."

Trịnh Ứng-Mao chú: "Tà-khí uẩn-súc ở vùng ngực, đó là do vùng ngực có Hàn-tà. Chứng Bì cứng, nếu do nôn ói hoặc cho xổ thì thuộc hư, không do nôn ói hoặc cho xổ thì thuộc thực. Nếu thực-tà làm bế-tắc Tâm-hung, nghĩa là con đường của Trung-tiêu và Hạ-tiêu bị trói-ngại hoàn-toàn, vì thế không thể không theo con đường của Thượng-tiêu để thoát ra ngoài."

Một số nhà chú-giải cho rằng chữ 'thốn' nên sửa lại là chữ '其' kỵ'.

Theo Ngô Quốc-Định thì trong sách của Trọng-Cánh ba phép hàn, thở hay há đều được dùng, nhưng phép hàn, há được dùng nhiều nhất, riêng phép thở chỉ có một phương Qua-dé tán này thôi. Xưa nay người thầy thuốc thiện dụng phép này chỉ có Trương Tùng-Chính, về sau này, không nghe có ai cả. Vì dùng phép này gây cho bệnh-nhân

nhiều nguy-hiểm, nhiều đau-dớn cho nên ít ai dám dùng.

### 66: Qua-dé tán phương: 瓜蒂散方

**Qua-dé** (1 phần, nướng vàng)

**Xích Tiêu-dáu** (1 phần)

Mỗi vị trên giã cho nát thành bột, ta lại dùng Đậu Xị 1 hợp, dùng nước nóng 7 hợp nấu nhừ lỏng ra, bỏ xác, lấy nước tráp, sau đó dùng 1 muỗng chừng 1 tiền thuốc bột pha với nước tráp Đậu Xị uống ám ngay. Nếu vẫn chưa nôn, ta uống thêm một ít, cho đến khi nào sắp nôn được mới thôi. Những người vốn bệnh vong huyết, hư, không nên uống Qua-dé tán.

**Y-tông kim-giám** giải phương: " Giữa ngực là phủ của khí thanh Dương. Các loại tà-khí khi nhập vào giữa ngực làm trở-tắc Dương-khí đến nỗi ngực bị đầy, Bì cứng, Nhiệt-khí xung lên trên, táo khát, Tâm phiền, buồn nôn, mạch đi xúc cấp, đó là Nhiệt đang uất-kết; nếu ngực đầy Bì cứng, khí xung lên yết-hầu khô thở, tay chân lạnh, muốn nôn mà không nôn được, mạch trì khẩn, đó là Hàn uất-kết.

Phàm khí Hàn Nhiệt ở ngực, dù uất-kết với khí hay uất-kết với âm để gây bệnh, tất cả đều không thuộc phép hạn hay xổ. Ta phải dùng loại dược-phẩm toan khổ nhằm đưa khí trào lên, nôn ra. Khi Thượng-tiêu được thông thì Dương-khí được phục-hồi, chúng Bì cứng sẽ tiêu, vùng ngực sẽ được hòa.

Vị của Qua-dé cực khô, Xích-dáu vị cay toan, và hai hợp nhau, chúng sẽ làm sơ-thông thực-tà ở giữa ngực và được

xem là đệ-nhất dược-phẩm dùng trong phép nôn; Hương Xị tráp đóng vai tá, tất cả hợp nhau để uống, đó là phép mượn cốc-khi để bảo-vệ Vị-khí. Nếu uống vào mà chưa nôn nên uống tiếp ít ít; sở dĩ 'khi nào sắp nôn được mới thôi' là vì sợ uống tiếp sẽ làm tổn-thương nguyên-khí ở vùng ngực.

Người thời nay không hiểu rõ cái tinh-nghĩa của Trọng-Cảnh, không dám dùng, thật đáng tiếc. Riêng những người vốn có bệnh vong huyết, bệnh hư, đó là vì vùng ngực trung-khí đã hư, không thể cho uống bùa-bài."



### Điều 170: 痘連在臍下素有腹陰筋者死名少腹入陰筋引旁痛

Bệnh, hiệp hạ tố hữu Bí, liên tại tể

旁痛引少腹入陰筋者此名  
bàng, thống dǎn thiếu phúc, nhập âm cân giả, thủ danh  
臟結死 Tạng kết, tử.

Dịch nghĩa: Hung-kết tại Thiếu-âm thuộc nan trị, tại Quyết-âm thuộc bất-trị. Người bệnh dưới hông sườn vốn có chứng Bí, chứng này liên-hệ đến cạnh rún thuộc vị-trí huyết Thiên-xu. Đây là lúc Tỳ-khí đại hư, Can-khí tự vượng, tất cả đều do chân Dương của Thận bị suy-bại, làm cho khí ở vùng ngực không bô-tán được; huyết không còn nuôi dưỡng Can Mộc, khí tam Âm đều hư, đúng lúc đó Hàn-tà nhập vào trong làm cho chân-khí ở tạng kết lại không thông-sướng, sự đau-dồn chạy từ cạnh rún xuống đến thiếu-phúc, nhập vào âm-cân. Đó là vì âm-cân và

*thiếu-phúc đều thuộc Quyết-âm, Quyết-âm thuộc Âm trong Âm, nó không được khí trung-hiện hóa cho, ta gọi đây là chứng Tạng-kết, nhất định phải chết. Nói tóm lại, nếu khí kết ở Thiếu-âm mà không được Quán-hóa hóa khí gọi là nan-tri, không thể dùng phép công, nhưng có hy-vọng cứu được; nếu khí kết ở Quyết-âm, đó là lưỡng Âm giao ở tận, tuyệt đối không còn Dương, nhất định phải chết.*

**Đại-ý:** Điều này nói về chứng Tạng-kết thuộc tử chứng.

**Đường Dung-Xuyên** chính: "Chữ 'tạng' trong chứng Tạng-kết ở đây giống như trong câu 'phụ nhân tạng Táo' trong Kim-quỹ yêu-lược, là chỉ vào vùng huyết-thát trong bào-cung. Phàm nam nữ đều có huyết-thát bào-cung. Đây là một khe hẹp do hai màn mõ khép lại tạo thành, nó lên trên liên-lạc với khối mõ dưới hông sườn, xuống dưới nó thông với tiền-âm (bộ sinh-duc). vì thế trong điều này sự đau-dớn kéo dài từ trên cạnh rún kéo xuống đến âm-cân, tức tiền-âm.

Trong phần luận về các chứng 'kết-khí' này, Trọng-Cảnh đã nói tất cả các chứng thuộc vùng hung-mạc, hiếp-mạc, Tỳ, Vị và các chứng thuộc vùng Hạ-tiêu, rồi lại luận cả chứng Tạng-kết trong huyết-thát của bào-cung. Như vậy là ông đã luận đầy đủ suốt Thuận, Trung và Hạ-tiêu. Trần Tu-Viên không biết Tam-tiêu là gì, cho nên chỉ mới nói đến vị-trí của Tam-tiêu, nói đến Tỳ-khí ... Chúng ta nên biết rằng bào-cung chính là nơi quản-lý Thận và Can. Vì thế khi Dương-khí trong Thận và Can bị bại, sẽ gây thành chứng gọi là Tạng-kết. Chúng Tạng-kết tức là chúng mà

*ngày nay chúng ta gọi là 'súc âm', chữ 'nhập âm-cản' ý nói  
dương-vật bị teo rút vào trong."*



### **Điều 171: 傷 寒 痘 若 吐 若 下 後 七**

Thương Hán bệnh, nhược thõ, nhược há hậu, thất  
八 日 不 解 热 結 在 裡 表 裡 俱  
bát nhạt bát giải. Nhiệt kết tại lý. Biểu lý cầu  
熱 時 時 惡 風 大 渴 舌 上 乾 燥  
Nhiệt, thời thời ó Phong, đại khát, thiệt thương can Táo  
而 煩 欲 飲 水 數 升 者 白 虎 加  
nhi phiền, dục ẩm Thủy số thăng giả. Bạch hổ gia  
人 參 湯 主 之 Nhân sâm thang chủ chi.

*Dịch nghĩa: Bệnh ở lạc khác với bệnh ở kinh, Kim-quy  
yếu-lực có luận về Nhiệt cực làm thương đến lạc-mạch.  
Nay Thái-dương bệnh khi ở lạc-mạch, như vậy là bên  
trong nó hợp với Táo-hoa của Dương-minh. Bệnh Thương  
Hán, nếu sau khi cho nôn, nếu cho xô, trung-khí sẽ bị thó  
thương, đến ngày thứ bảy, đúng vào thời-ky chủ-khí của  
Thái-dương, ngày thứ tám, đúng vào thời-ky chủ khí của  
Dương-minh, bệnh vẫn chưa giải, như vậy là tiêu Dương  
của Thái-dương và Táo-khí của Dương-minh hợp nhau,  
gây thành Nhiệt. Nhiệt kết ở lý, biểu lý cùng bị Nhiệt.  
Nhiệt làm thương đến khí ở biểu, vì thế thường bị ó  
Phong; Nhiệt làm thương khí ở lý, vì thế bị khát dữ-dội.*

*khi Táo Nhiệt làm cho trên lưỡi bị khô láo và bứt-rứt, chỉ muôn uống đèn vài thang nước mới đỡ khát. Ta phải cho uống Bạch-hồ già Nhân-sâm thang làm chủ trị, nhằm thanh cái Nhiệt của Dương-minh.*

**Đại ý:** Bàn về phép trị của chứng bệnh do tà nhập vào lý, Dương-minh Táo Nhiệt làm thương tân-dịch.

**Trương Tiền-Đường** chú: "Tà-khí trúng vào người, trước hết là ở bì-mao, sau đó là cơ-nhục, sau nữa là lạc-mạch. Phé chủ bì-mao, Tỳ chủ cơ-nhục, Dương-minh chủa lạc-mạch. Thái-dương bệnh, khi ở bì-mao, nó sẽ hợp với Phé bên trong, ta dùng Ma-hoàng thang để lợi Phé-khí; khi ở cơ-nhục, nó sẽ hợp với Tỳ bên trong, ta dùng Quế-chí thang, Việt-tỳ thang nhằm trợ cho Tỳ-khí; khi ở lạc-mạch, nó sẽ hợp với Dương-minh bên trong, ta dùng Bạch-hồ thang nhằm thanh cho khí Dương-minh. Tuy vậy, ta vẫn gọi chung là Thái-dương bệnh, bởi vì Thái-dương là chủ khí của các kinh Dương, bì-mao hay cơ-nhục, hay lạc-mạch đều thống thuộc vào Thái-dương. Cả ba chứng tiếp nhau đều nói về Thái-dương gây bệnh ở lạc-mạch, hợp nhau ở Dương-minh, đều thuộc Nhiệt-chứng của Bạch-hồ thang."

**Uông Hòe** chú: "Câu 'thời thời ô Phong' ý nói Nhiệt cực, hàn xuất, không thu-liêm được, tái-lý thua, vì thế nên thường bị ô Phong; chứng 'lý Nhiệt' ý nói trong Vị bị Táo Nhiệt, vì thế bị đại khát; câu 'thiệt thương can Táo nồi phiền, dục ẩm Thủy số thăng' là do sau khi cho nôn, xổ Vị-khí bị hư, bên trong mất tân-dịch, vì thế nên bị khát nặng."

## Điều 172: 傷 寒 無 大 热 口 燥 渴 心

Thương Hàn, vô đại Nhiệt, khẩu Táo Khát; Tâm  
烦 背 微 惡 寒 者 白 虎 加 人 參  
phiền, bối vi ô Hàn giả, Bạch hổ gia Nhân sâm  
湯 主 之 thang chủ chi.

Dịch nghĩa: "Bệnh thương Hàn, Tiêu Nhiệt của Thái-dương hợp với Táo-khí của Dương-minh, Nhiệt thịnh bên trong, bên ngoài, ngược lại, không có đại Nhiệt. Dương-minh liên-lạc với vùng miệng, thuộc vào Tâm, vì thế nếu miệng Táo khát, Tâm bứt-rút. Kinh Thái-dương tuần-hành dọc sau cột sống, kinh Dương-minh di dọc theo trên mặt, Nhiệt cùng gặp nhau ở Dương-minh, vậy là Dương-minh bị thực còn Thái-dương bị hư, thế là sau lưng hơi ố Hàn, như thế dù cho ta thấy Táo Nhiệt ở Dương-minh ngày càng thịnh. Ta dùng Bạch-hổ gia Nhân-sâm thang làm chủ trị.

Đại ý: Điều này nói rõ về chứng-trạng của Bạch-hổ thang.

Ngô Quốc-Định chú: "Chứng 'lung hơi ố Hàn' là do nội Nhiệt chung-cắt làm cho biểu ra mồ-hôi nhiều, gần giống với chứng 'ó Phong'; tuy nhiên, điều trên thuộc lý hư, biểu uất, còn điều này thuộc biểu hư lý uất."

Y-tông kim-giám chú: "Thương Hàn thân vô đại Nhiệt, không bứt-rút, không khát, miệng bình thường, lung ố Hàn, thuộc Phu-tử thang chủ trị, thuộc Thiếu-âm bệnh."

Nay thương Hàn thân vô đại Nhiệt, ta biết Nhiệt đã rời

*biểu để nhập vào lý, miệng Táo khát. Tâm bứt-rứt, ta biết  
Nhiệt đã nhập vào đến Dương-minh. Tuy rằng đều có  
chứng 'lung hơi ô Hàn', gần giống với Thiếu-âm, thế nhưng  
Thiếu-âm chứng thì miệng bình thường, nay ở đây miệng  
Táo khát, không bình thường; lung ô Hàn, không thuộc  
Dương hư, ô là do Dương-minh nội Nhiệt chưng cát ở lưng.  
hạn xuất làm cho vùng cơ-nhục đang bị hờ, vì thế nên hơi  
ô Hàn, Bạch-hồ thang làm chủ, nhằm đưa thuốc di thẳng vào  
Dương-minh, thanh Nhiệt thật mạnh; ta già Nhân-sâm là  
có ý cung cố vùng cơ-nhục đang bị hờ bên ngoài vậy."*



**Điều 173: 傷 寒 脈 浮 發 热 無 汗 其  
Thương Hàn mạch phù, phát Nhiệt vô hạn, kỵ  
表 不 解 不 可 與 白 虎 湯  
biểu bát giải, bát khà dù Bạch hổ thang.  
渴 欲 飲 水 無 表 證 者 白 虎  
Khát dục ẩm Thủy, vô biểu chứng giả, Bạch hổ giả  
加 人 參 湯 主 之 Nhân sâm thang chủ chi.**

**Dịch nghĩa:** *Tuy rằng Bạch-hồ thang só-trường về giải  
Nhiệt ở lạc-mạch, nhưng đối với biểu Nhiệt thì lại không  
thể dùng được. Thương Hàn mạch phù, phát Nhiệt, vô  
hạn, biểu chưa giải, không thể cho dùng Bạch-hồ thang;  
nếu khát muốn uống nước là do Nhiệt cực làm thương đến  
lạc-mạch, ta có thể đoán thẳng rằng không có biểu chứng,  
ta dùng Bạch-hồ giả Nhân-sâm thang làm chủ trị.*

**Đại-ý:** Điều này nói về Bạch-hồ thang có thể giải cái  
Nhiệt ở lạc-mạch nhưng không thể giải được biểu Nhiệt.

**Ngô Quốc-Định** chú: "Ta trình bày chiếc chìa khóa biện-  
chứng giữa Bạch-hồ thang và Bạch-hồ già Nhâm-sâm thang. Nếu 'phát  
Nhiệt vô hạn' tuy có Táo khát, mạch hoặc phù hoặc hồng, đó  
là Đại Thanh-long chứng, đó là vì biểu chưa giải, phải giải  
biểu trước; nếu 'phát Nhiệt hữu hạn', lại thêm Táo khát, đó là  
Nhiệt thựch ở lý, tân-dịch thoát ra ngoài, trường-hợp này  
mới nên dùng Bạch-hồ thang. Đã có Bạch-hồ thang chứng, lại  
thêm chứng 'Tâm hạ Bì ngạnh', bấy giờ mới có thể dùng Bạch-  
hồ già Nhâm-sâm thang."

Ông nhắc-nhở chúng ta là nếu 'biểu bắt giải, hạn bắt xuất'  
thì không nên dùng Bạch-hồ thang và Bạch-hồ già Nhâm-sâm thang.



### **Điều 174: 太陽少陽並病心下硬**

Thái dương, Thiếu dương tịnh bệnh, Tâm hạ ngạnh.

頸項強而弦者當刺大椎肺  
cánh hạng cường nhì huyền giả, dương thích Đại chủy, Phế  
俞肝俞慎勿下之

du, Can du, thận vật há chi.

**Dịch nghĩa:** Thái-dương và Thiếu-dương cùng bệnh,  
dưới Tâm cứng, cổ trước và cổ gáy cứng mắt bị hou. Đây  
là bệnh của Thái-dương cùng nhập vào với Thiếu-dương.  
Thiếu-dương chứng cảm cả phát hạn lâm xổ. Ngày bệnh ở  
tại kinh chí không ở khí, nên châm huyệt Đại-chủy, Phế.

*du, Can-du, nhằm làm thoát tà-khí ở kinh. Cân-thận, không nên cho xô. Trong chứng Tiểu Kết-hung, Trọng-Cánh cầm dùng phép phát hàn là vì sợ nỗi sàm, ở đây cầm dùng phép rõ là vì sợ bệnh chuyển thành Kết-hung thật sự.*

**Đại-ý:** Tất cả ba điều trên ý nói Thái-dương hợp bệnh với Thiểu-dương gây bệnh.

**Thừa Đạm-Am** chú: "Thái-dương bệnh chưa giải, lại cùng Thiểu-dương gây bệnh, gọi là 'Thái Thiểu tịnh bệnh', châm Đại-chùy nhằm trị chứng cò cứng và mắt hoa, châm Phé-du, Can-du nhằm trị Tâm hả cứng."



**Điều 175: 太陽與少陽合病自下利者與黃芩湯若嘔者黃芩  
利  
半夏生薑湯主之**

Thái dương dǔ Thiểu dương hợp bệnh, tự hả lợi giả. dǔ Hoàng cầm thang. Nhược ầu giả. Hoàng cầm  
gia Bán hạ Sinh Khương thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Hợp bệnh khác với tịnh bệnh. 'Tịnh' có nghĩa là bệnh của kinh kia cùng đến để gây bệnh cùng kinh khác. 'Hợp' có nghĩa là cả hai cùng hợp đồng nhau thành bệnh. Thái-dương cùng Thiểu-dương hợp bệnh. Thái-dương chủ mồ của, Thiểu-dương chủ chốt của. Nay Thái-dương không thể thoát ra ngoài bằng con đường chốt của, lại theo chốt của để hâm vào trong, vì thế nên bệnh tự tiêu chảy. Ta dùng Hoàng-cầm thang nhằm thanh được cái

*Nhiệt đã hâm vào trong, nhờ đó khi Thái-dương thoát được ra ngoài. Nếu bị nôn, đó là chốt cửa của Thiếu-dương đang muốn theo con đường của Thái-dương để xung lên trên, ta dùng Hoàng-cầm gia Bán-hạ Sinh Khuong thang làm chủ trị.*

**Đại-ý:** Thái-dương cùng Thiếu-dương hợp bệnh, Tà Nhiệt của Thiếu-dương di-chuyển đền Trường Vị thành chứng tiêu chảy.

**Ngô Quốc-Định :** "Chứng-trạng của điều này gồm tiêu chảy và nôn, chưa xảy chứng gì khác. Nếu là tiêu chảy thì giống như chứng tiêu chảy do Đại-trường bị Hán, giống với một số chứng tiêu chảy do tiêu-hóa không tốt gây ra, vì thế ta cho uống Hoàng-cầm thang nhằm kiện Vị để ngưng tiêu chảy; Khi Vị-khí nghịch lên trên thì thành chứng nôn, ta gia thêm Sinh Khuong Bán-hạ nhằm tán nghịch, ngưng nôn, các chứng khác cũng khỏi theo."

### 67: Hoàng-cầm thang phương: 黃 苓 湯 方

**Hoàng-cầm** (3 lượng)

**Cam-thảo** (2 lượng, chích)

**Thuốc-dược** (2 lượng)

**Đại Táo** (12 quả, bóc ra)

Bốn vị trên dùng nước sắc lấy 3 thăng, bỏ xác, uống âm 1 thăng, ban ngày uống 2 lần, ban đêm 1 lần.

**Trần Úy giải phương:** "Trong khi dùng phép xổ, Trọng-Cánh-không bao giờ dùng Thuốc-dược, duy có phương này ông đã dựa vào lẽ quyền-biến để dùng nhằm tẩy cái Nhiệt.

*đã hâm vào lý, đây không thể xem là một định pháp.*"

**68: Hoàng-cầm gia Bán-hạ Sinh Khương thang phương.**

**黃芩加半夏生薑湯 方**

Hoàng-cầm thang phương gia thêm :

**Bán-hạ** (nửa cân, rứt sạch)

**Sinh Khương** (1 lượng ruồi, cắt ra)

Cách dùng giống như Hoàng-cầm thang phương.

**Uông Hô chú:** "Đây là Tiêu Sài-hò thang gia giảm. Nhiệt không ở tại bán biếu, mà đã nhập vào bán lý, vì thế ta dùng Hoàng-cầm làm chủ, không cần Nhán-sam-hồ trung.

**Tiền Hoàng giải phương:** "Hoàng-cầm triệt cái Nhiệt, lại dùng Thược-dược đê liêm Âm; Cam-thảo, Đại Táo hòa-hoàn trung-khí và tân-dịch đã bị đoạt ở bên dưới; nếu bị nôn đó là tà-khí không xuống dưới mà lại nghịch lên trên. Tà ở tại Vị-khẩu, khi ở giữa ngực nghịch, thành chứng nôn, vì thế ta gia vị tàn hoạt của Bán-hạ, gia vị tàn tán của Sinh Khương. đây là phương-dược chuyên trị nôn."



**Điều 176: 傷寒胸中有熱胃中有**

Thương Hàn, hung trung hữu Nhiệt, Vị trung hữu

**邪氣腹中痛欲嘔者黃連湯**

tà khí, phúc trung thống, dục ầu giả. Hoàng liên thang

**主之** chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thái-dương nếu cùng bệnh chung với Thiếu-

*dương thì Thiếu-dương làm chủ. Chúng ta cũng nên nhớ rằng khi Thiếu-dương Tam-tiêu du-hành từ Thương, Trung, Hạ-tiêu. Thương-tiêu chủ ở hung, Trung-tiêu chủ ở Vị, Hạ-tiêu chủ ở phúc. Thương Hán giữa ngực có Nhiệt, đó là nghịch ở Thương-tiêu; trong Vị có khí Hán-tà, đó là nghịch ở Trung-tiêu; trong bụng bị đau, đó là nghịch ở Hạ-tiêu; muôn buồn nôn, đó là khí Thương, Trung, Hạ-tiêu muôn thoát ra ngoài theo con đường chót của. Phép trị nên dùng Hoàng-liên thang làm chủ trị.*

**Đại-ý:** Điều này nói rõ chép trị và chứng trạng của chứng thương Nhiệt, hạ Hán.

*Đường Dung-Xuyên bô:" Chủ 'hung trung' ở đây ý nói trong vùng cách-mạc và Tâm-bào. Nếu không rõ cách-mạc thì không thể hiểu 'hung trung' là vật gì cả. Vẫn lại 'hung trung và Vị' có giới-hạn khác nhau. Trong chứng này chỉ có Tâm-bào là có Nhiệt, kỳ du như Vị trung, phúc trung, Đại và Tiều-trường đều có Hán-khí, vì thế ta chỉ dùng một vị Hoàng-liên nhằm thanh được cái Nhiệt ở Tâm-bào là được, ngoài ra là trị Hán."*

**Ngô Quốc-Định** chú:" Chủ 'hung trung' trong điều này thực ra là chỉ vào Vị; chủ 'Vị trung' lại chỉ vào Trường; chủ 'tả-khí' chỉ vào Hán-tà. Phản bệnh-biến cơ chuyển thì phản thương-bộ dè bị Nhiệt, phản hạ-bộ dè bị Hán; Vị ở trên, Trường ở dưới, vì thế phản nhiều Vị bị Nhiệt, còn Trường bị Hán. Chứng Vị trung hữu Nhiệt thường gây chứng buồn nôn, chứng Trường trung hữu Hán thường gây thành

*chứng thống* ... "

Theo Hoàng Khôn-Tái thì trong Vị có Hàn-tà, nếu Đởm-tà thừa Vị sẽ gây thành chứng buồn nôn; nếu Can-tà thừa Tỳ sẽ gây thành chứng phúc thống.

Sách *Chư bệnh nguyên lưu* viết: " *Khi vinh-vệ không điều-hòa đến nỗi Âm Dương bì-tắc, nếu Dương hợp với bên trên sẽ gây thành chứng Nhiệt ở trên; Âm hợp với bên dưới sẽ gây thành chứng Hàn ở dưới. Thượng-tiêu hữu Nhiệt, có thể làm cho trong cổ họng sinh nhọt, hung-cách bị bứt-rứt, đầy; Hạ-tiêu có Hàn sẽ làm cho bụng bị trướng, ruột bị sôi, đau thắt, tiêu chảy.*"

Ngô Quốc-Định nhận xét tiếp : " *Nay xét Sinh Khương Tá Tâm thang chứng, Cam-thảo Tá Tâm thang chứng và Hoàng-liên thang chứng ở điều này đều thuộc chứng Hàn và Nhiệt. Duy có hai chứng trên thuộc Hàn Nhiệt Bi-kết ở giữa ngực, vì thế dưới Tâm bị Bì-chứng; Hoàng-liên thang chứng ở đây Hàn là thuộc Hàn, Nhiệt thuộc Nhiệt như những chứng kể trên.*"

### 69. Hoàng-liên thang phương: 黃連湯方

<i>Hoàng-liên</i>	(3 lượng)
<i>Cam-thảo</i>	(3 lượng)
<i>Can Khương</i>	(3 lượng)
<i>Què-chi</i>	(3 lượng, bỏ bì)
<i>Nhân-sâm</i>	(2 lượng)
<i>Bán-hoa</i>	(nửa thăng, rửa sạch)

Tất cả 7 vị trên dùng nước 1 đấu, sắc còn 6 thăng, uống ấm, ban ngày uống 3 lần, ban đêm uống 2 lần.

Thang phương này nghi không phải của Trọng-Cánh.

Ngô Quốc-Định so-sánh các chứng-trạng và trị-pháp giữa **Hoàng-liên thang - Tiểu Sài-hồ thang, Bán-hạ Tả-tâm thang**:

<i>Phương danh</i>	<i>Tiểu Sài-hồ thang</i>	<i>Bán-hạ Tả Tâm thang</i>	<i>Hoàng-liên thang</i>
Chứng-trạng	ngực họng sùn khổ mân, Tâm phiền, hay nôn.	Bí mân, nôn nghịch	phúc thông, ầu thắc
Bệnh-lý	Vâng lai Hàn Nhiệt, kêt ở dưới họng sùn	Hàn Nhiệt kêt ở một vị-trí	Thương Nhiệt, Hạ Han
Sài-hồ	nửa cân		
Bán-hạ	nửa cân	nửa cân	nửa cân
Hoàng-liên		1 lượng	3 lượng
Hoàng-cầm	3 lượng	3 lượng	
Quê-chi			3 lượng
Nhân-sâm	3 lượng	3 lượng	3 lượng
Cam-thảo	3 lượng	3 lượng	3 lượng
Sinh Khương	3 lượng		
Can Khương		3 lượng	3 lượng
Đại Táo	12 quả	12 quả	12 quả
Cách sắc thuốc	bò xác, sắc tiếp, làm cho dược-tinh hòa-hợp, cương nhu-tương-ié.	bò xác, sắc tiếp, làm cho ôn-tuong hòa-hợp	chỉ sắc 1 lần, dựa vào sức mạnh cá-bié特.
Cách uống	uống âm 1 tháng, ngày 3 lần	lần uống 1 tháng, ngày 3 lần	ngày uống 3 lần, đêm 2 lần, không định lượng.

Sách **Thương Hàn loại phương nhấn mạnh:** "Thang này tức Bán-hạ Tả Tâm thang bỏ *Hoàng-cầm*, gia *Quê-chi*; phép trị của các *Tả Tâm thang* đều trị các chứng bệnh trong khoảng Tâm và Vị, *Hàn Nhiệt* không điều-hòa, toàn thuộc lý-chứng, *Bán-hạ Tả Tâm thang* này dùng *Hoàng-cầm* thay *Quê-chi* rồi bỏ tên *Tả Tâm thang* để lấy tên là *Hoàng-liên thang*; đây là chứng mà biều-tà còn một phần chưa dứt, tà-khí trong Vị cắn chưa đạt ra ngoài, vì thế ta gia 1 vị *Quê-chi* làm hòa được biều lý, thật là một ý nghĩa chu-dáo vậy."

Y-tông kim-giám giải phuong:" *Hoàng-liên đóng vai quân nhầm thanh cái Nhiệt ở ngực; Can Khuong đóng vai thần nhầm làm ôn cái Hàn trong Vị; Bán-hạ làm giáng nghịch phụ-tá cho Hoàng-liên nhầm ngưng được chứng ầu thô; Nhân-sâm bồi trung, phụ-tá cho Can Khuong trị được chứng phúc thông; Quέ-chi làm an bên ngoài; Đại Táo bồi dưỡng trung-thô.* Thé nhưng thang này Hàn ôn bất nhất, cam khô giao nhau, vì thế ta gia Cam-thảo nhầm làm hài hòa các vị được khác; đây là phép Âm Dương tương kết, Hàn Nhiệt cùng thi-triển vậy."

Kha Vận-Bá giải phuong:" *Thang này giống như Tả Tâm-thang nhưng không dùng tên Tả Tâm thang, vì giữa ngực vốn có Nhiệt, chứ không do Hàn Nhiệt kêt nhau dưới Tâm.Vai trò thay đổi quanhan tá sự nói lên điều kỳ-diệu của nó.*"



### Điều 177: 傷 寒 八 九 日 風 濕 相 搏

Thương Hàn bát cửu nhật, Phong Thấp tương bác,  
身 體 疼 煩 不 能 轉 側 不 嘔 不  
thân thể đông, phiền bát nǎng chuyển trắc, bất ầu, bất  
渴 脈 浮 虛 而 濡 者 桂 枝 附 子  
khát, mạch phù hư nhì sắc giả, Quέ chi Phụ tử  
湯 主 之 thang chủ chi.

若 其 人 大 便 硬 小 便 自 利

Nhược kỳ nhân đại tiện ngạnh, tiểu tiện tự lợi

# 者去桂枝加白朮湯主之

giả, khứ Quế chi gia Bạch truật thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Phong và Thấp cùng đánh nhau, có khi do Hàn làm thương khí gây ra. Chứng-trạng của nó thế nào? Thương Hàn đến tám ngày, đúng vào lúc Dương-minh chủ khí, chín ngày, đúng vào lúc Thiếu-dương chủ khí, ta nên nương theo chốt cửa của Thiếu-dương để xoay-chuyển khí ra ngoài, thế mà bệnh không giải, lại cảm bởi khí Phong và Thấp đánh nhau; Hàn-tà bị câu-thúc, vì thế toàn thân bị đau-nhức. Phong-tà làm Hóa vượng lên, thế nên Tâm bị bứt-rứt; Thấp-tà trầm xuồng, vì thế người bệnh không thể tự xoay-chuyển được; tà chưa nhập vào lý vì thế không bị nôn, không khát; mạch phù hư mà sắc, là vì phù hư thuộc Phong, còn mạch sắc thuộc Thấp. Lúc ấy Phong nhiều hơn Thấp, cùng đánh nhau bên ngoài. Ta dùng Quế-chi Phү-tử thang làm chủ trị.

Nếu người bệnh mà Tỳ bị Thấp-khi làm thương-tổn, không làm vận-hành tân-dịch cho Vị, vì thế đại-liện cứng, tiêu-liện có cảm-giác tự lợi, đó là do Tỳ bị thương làm cho tân-dịch không nhập vào được trong Vị. Đây gọi là Thấp nhiều hơn Phong, đánh nhau bên trong vậy. Ta dùng phương trên bò Quế-chi gia Bạch-hỗ thang làm chủ trị. Nếu Thấp-khi được trừ thì Phong còn chỗ để bám và Phong sẽ tự giải.

**Đại ý:** Điều này hợp với điều sau, luận về Phong và Thấp cùng đánh nhau. Nội-dung được chia làm hai đoạn:

1/ Từ 'Thương Hàn ... Quέ-chi Phụ-tú thang chủ chi': luận về Phong và Thấp đánh nhau bên ngoài;

2/ Từ 'Nhược kỵ nhân ... khứ Quέ-chi gia Bạch-truật thang chủ chi' luận về Phong và Thấp cùng đánh nhau bên trong.

Chúng ta nên nhớ rằng Quέ-chi Phụ-tú thang là được-tễ ở biểu để giải tà từ bên ngoài; còn Khứ Quέ-chi gia Bạch-truật thang là được-tễ ở lý để giải tà từ bên trong.

**Trương Chí-Thông** chú: "Mạch hư là do chính-khí hư, vô lực, vô thần, hữu Âm mà vô Dương. Mạch phù mà vô lực là thuộc huyết hư; trầm mà vô lực thuộc khí hư; sác mà vô lực thuộc Âm hư; trì mà vô lực thuộc Dương hư. Ta nói vì sác, trì sác ... đều thuộc loại hư, tuy nhiên, bất cứ mạch gì nếu hiện ra dưới ngón tay chúng ta vô thần, thí đó là mạch hư. Phàm mạch hồng đại mà vô thần, tức là Âm hư; mạch tê tiêu mà vô thần thuộc Dương hư."

**Y-tông kim-giảm** chú: "Thương Hàn túm đến chín ngày, không nôn, không khát, đó là không thuộc chứng lý bệnh của thương Hàn; mạch phù hư sác không thuộc mạch biểu bệnh của thương Hàn; mạch hư phù chủ về hư Phong tại biểu; mạch sác chủ về Hàn Thấp tại kinh; thân thể đau nhức thuộc về Phong; không xoay trở được thuộc về Thấp; thế thì chúng 'Phong Thấp cùng đánh nhau' không thuộc thương Hàn; ta dùng Quέ-chi Phụ-tú thang nhằm ôn tán Phong Thấp, khiến cho chúng theo con đường ở biểu để giải. Nếu mạch phù thực, ta phải dùng Ma-hoàng già Bạch-truật thang nhằm đại phát Phong Thấp."

*Nếu người bệnh có chứng trên, tuy đại-tiện cứng, tiêu-tiện tự lợi, ta lại không nói đến dùng phép xô, vì đó không phải do Nhiệt-tà nhập vào lý làm cho phôn cứng, mà chính là do Phong Táo Thấp gây nên, ta dùng Quê-chi Phụ-tử thang, bỏ Quê-chi là vì đại-tiện cứng, tiêu-tiện tự-lợi, ta không cho phát hạn, sợ doẠt thêm tân-dịch; vì thân mình đau nhức do Thấp-khí tại cơ-nhục, ta gia Bạch-truật là để tá cho Phụ-tử, đuổi được Thấp-khí ở cơ-nhục."*

### 70: Quê-chi Phụ-tử thang phương: 桂枝附子湯方

*Quê-chi* (4 lượng, hổ bi)

*Phụ-tử* (2 củ, nương, bò bi, dập dập)

*Bạch-truật* (2 lượng)

*Cam-thảo* (2 lượng, chính)

Tất cả 5 vị trên dùng nước 6 thăng, sắc lấy 2 thăng, bỏ xác, chia uống ấm 3 lần.

Phương thang này giống với Quê-chi Khứ Thược-dược gia Phụ-tử thang, tuy nhiên, phần-lượng nặng nhẹ lại khác nhau, chủ trị cũng khác nhau. Phương và pháp của Trọng-Cánh đặt ra một cách nghiêm-mật như thế đấy.

*Ngô Quốc-Định giải phương:* "Quê-chi tan ôn nhầm xưa đuổi biều-tà; Phụ-tử tan Nhiệt nhầm vận-hành lý Thấp; Cam-thảo, Sinh Khuông, Đại Táo phù-trợ cho Tỳ, điều-hòa trung-thô, tất cả 5 vị hợp lại thành phương thang, trợ Dương, tan Thấp, là chủ phương của chứng Thấp-khí thịnh vùng cơ-biểu, nguyên-nhân của chứng này, đến nay còn chưa hiểu ..."

**Tiền Hoàng giải phương:** "Chứng Phong-tà, nếu không có Quέ-chi thì không thể dùng hàn-thán để giải được; chứng Hán-thán nếu không có Phụ-thử thì không thể làm ôn kinh-mạch được; nếu không có Sinh Khuong thì không thể tuyên-thán, riêng Cam-thảo và Đại Táo làm hòa-hoàn Khuong Phụ, nó trợ cho Quέ-chi làm vận-hành thân-dhịch."

**71: Quέ-chi Phụ-thử khứ Quέ-gia Bạch-truật thang phuong:**  
**桂 枝 附 子 去 桂 加 白朮 湯 方**

**Phụ-thử** (3 củ, nướng, bỏ bì, dập dập)

**Bạch-truật** (4 lượng)

**Sinh Khuong** (3 lượng, cắt mỏng)

**Cam-thảo** (2 lượng, chích)

**Đại Táo** (12 quả, bỏ ra)

Tất cả 5 vị trên, dùng nước 6 thǎng, sắc lấy 2 thǎng, bỏ xác, chia uống ấm làm 3 lần; uống lần đầu, toàn thân người bệnh như tê dại, một hồi lâu mới hồi-phục trở lại; uống xong ba lần mà người bệnh như ngày. Chúng ta đừng ngạc-nhiên, đó là vì Phụ-thử và Bạch-truật đi thǎng ra bên trong lớp bì-phu, Thủy-khí chưa trừ được mới gày ra chúng -trạng như trên. Theo phép thì phải gia Quέ-chi 4 lượng. Chứng này được dùng một phương mà hai pháp: nếu đại-tiện cứng, tiêu-tiện tự lợi, ta bỏ Quέ-chi; nếu đại-tiện không cứng, tiêu-tiện bất lợi, ta nên gia Quέ-chi. Phụ-thử ở đây dùng 3 củ hơi nhiều, những người bị hư-nhược và các sản-phu, nên uống ít hơn.

Phương-thang này, sách Kim-quỹ yếu-lược gọi là Bạch-

truat Phụ-tu thang, sách Ngọc-hàm gọi là Truật Phụ thang...



**Điều 178: 風濕相搏骨節煩疼掣**

Phong Thấp tương bắc, cốt tiết phiền đồng, xé  
痛不得屈身近之則痛劇汗  
thông, bắt đắc khuất thân, cận chi tắc thông kịch, han  
出氣短小便不利惡風不欲  
xuất khí đoán, tiểu tiện bắt lợi, ô Phong bắt dục  
去衣或身微腫者甘草附子  
khú y, hoặc thân vi thủng giả, Cam thảo Phụ tử  
湯主之 thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Bệnh Phong Thấp đánh nhau, bệnh đã  
nhập vào sâu, các khớp xương đau nhức, đau đến buộc  
người, không co-duỗi được, đến gần sẽ bị đau-dòn kịch-  
liệt. Đây là do ba khí Phong Hàn Thấp ngăn-trở chính-  
khí, vậy phải dùng phép thông, han xuất, khi ngắn, tiểu-  
tiện bắt-lợi, ô Phong không tì muôn cởi áo; hoặc thân mình  
hơi phù-thủng, vậy là doanh-khí, vệ-khí và Tam-tiêu khí  
đều bị bệnh, nói chung bấy giờ khí nguyên Dương trong  
què Khâm mất chức-năng của mình. Ta nên phục-hồi  
nguyên-khí, làm cho kinh-mạch điều-hòa, dùng Cam-thảo  
Phụ-tu thang làm chủ trị.

Đại ý: Điều này tiếp nối điều trên, nói về Phong và Thấp  
cùng đánh nhau, bệnh còn ở cạn, dễ xua đuổi mạnh; nếu  
đã vào sâu, nên khéo-léo tấn-công một cách hòa-hoãn.

**Ngô Quốc-Dịnh** chú: " *Chứng Phong Thấp bắt đầu ở bì-mao, nếu không được trị sẽ nhập vào tấu-lý và cơ-nhục, nếu không được trị sẽ chảy vào các quan-tiết, nếu không được trị thì lâu ngày sẽ thành đau nhức. Khi Thấp-tà bị út-tich, Phong-tà do ngoại-cảm nhập vào lý, sẽ thành chứng Phong Thấp đánh nhau.*

Trong điều này Thấp-tà tràn vào các khớp xương, huyết-mạch bị cách-trở vì thế các khớp xương bị đau-nhức, không thể co duỗi một cách thoải-mái, nếu nặng sẽ bị phù thũng. Phong-tà ngăn-cách ở biếu, vê-khí không vững, Dương hư sinh ngoại Hán, vì thế nên hạn xuất, ô Phong không dám cởi áo ra. Thấp-khi ngăn-trở ở lý sẽ làm cho khí uất không thông-đạt, vì thế hơi thở ngắn. Khi xung lên trên, Thấp ủng-tắc bên trong, nghịch lên mà không xuống được, vì thế tiểu-tiện bất lợi. Về mặt chứng-trạng thì chứng này nặng hơn chứng trước, thiên nhiều về biếu, vì thế mới trọng-dụng Quế-chi, Phụ-tử nhằm xua Phong, đuổi Thấp, làm cho tà-khí theo con đường ở biếu dễ thoát ra ngoài."

### 72: Cam-thảo Phụ-tử thang phuơng:

#### 甘草附子湯方

Cam-thảo	(2 lượng, chích)
Phụ-tử	(2 củ, nướng, bỏ bì, đập dập)
Bạch-truật	(2 lượng)
Quế-chi	(4 lượng)

Tất cả 4 vị trên dùng nước 3 thăng, bỏ xác, uống âm 1 thăng, ngày 3 lần. Lúc mới uống, nếu mồ-hôi lấm-tắm thì

bệnh giải; ăn được, mồ-hôi dứt, nếu bị bứt-rút trở lại, uống thêm 5 hợp, nếu sợ uống 1 thăng thì quá nhiều vì thế nên uống 6 đến 7 hợp là vừa.

*Vương Tân-Tem giải phương:" Cam-thảo Phụ-tử thang là loại được-phương cả biếu lý. Phong dao-động ở biếu; Thấp lưu chảy ở các khớp xương, phép trị nên chiêu-cố một lúc cả hai: Bạch-truật Phụ-tử chiêu-cố ở lý để thắng Thấp; Quê-chi Cam-thảo chiêu-cố ở biếu để thắng Phong; sở dĩ dùng Cam-thảo đúng đầu trong thang phương, là vì bệnh đã vào sâu trong các khớp xương, ta dùng nó để tấn-công một cách hòa-hoãn. Bởi vì nếu đánh mạnh quá thì Phong sẽ ra đi nhưng Thấp sẽ ở lại, gây thành hậu-hoạn."*

#### *Ngô Quốc-Định so sánh ba thang thuộc Phòng Thấp:*

Phương Thang	Qué-chi Phụ-tử thang	Qué-chi Phụ-tử Khứ Qué gię Bạch-truật thang	Cam-thảo Phụ-tử thang
Phụ-tử	3 củ	3 củ	2 củ
Qué-chi	4 lượng		4 lượng
Bạch-truật		4 lượng	2 lượng
Sinh Khuông	3 lượng	3 lượng	
Cam-thảo	2 lượng	2 lượng	2 lượng
Đại Táo	12 quả	12 quả	
Mạch-chứng chủ-yếu	thân-thở đau nhứt, không tự trở mình, không nôn, không khát, mạch phù hư mà sắc	giống trên nhưng đại-tiện cứng, tiểu-tiện tự-tội	các khớp xương đau nhức, đau buốt không co-duỗi được, diễn gân sỗ đau kịch-tiết, hạn xuất, khi ngắn, tiểu-tiện bất-kết
Công-dụng	xua Phong, thắng Thấp	bồi Thổ, hóa Thấp	xua đuổi Phong Thấp nha-nhàng.
Bệnh-vị	Bệnh-thở nặng ở biếu	Bệnh-thở nặng ở cơ-nhục	Phong thắng Dương hư, bệnh-thở thiên về các khớp xương.

**Điều 179: 傷 寒 脈 浮 滑 此 裡 有 热**

Thương Hàn mạch phù hoạt, thủ lý hưu Nhiệt,  
**傷 表 有 寒 白 虎 湯 主 之**  
biểu hưu Hàn, Bạch hổ thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Ta thấy rằng không biết chứng thì không thể nói đến y, không biết mạch cũng không thể nói đến y, vì thế chúng ta phải chú ý đến mạch. Thái-dương tống-quản khí của các kinh, thế thì vấn-dè cái đồng, cái dị của các mạch-tương cũng phải dè-ý: có cái giống như đồng nhưng thực sự là dị, có cái giống như dị nhưng thực sự là đồng, có trường-hợp trong đồng có dị, rồi trong dị lại có đồng. Tuy rằng những vấn-dè này không thể dùng phép 'ngôn truyền', nhưng cũng không thể không dùng phép 'ý hỏi'. Nay xin trình bày một mẫu diễn-hình, Thái-dương thương Hàn, để từ đó suy ra các trường-hợp khác. Thái-dương bản Hàn mà tiêu Nhiệt, ta chẩn mạch thấy mạch phù hoạt; phù thuộc về Nhiệt tại lý, hoạt thuộc về Nhiệt tại kinh. Đây là trường-hợp biểu có tiêu Nhiệt, ta biết ngay lý có bản Hàn. Nội kinh có nói phàm các chứng bị thương bởi Hàn thì thuộc Nhiệt bệnh. Ta nên dùng Bạch-hổ thang làm chủ trị. Đây là dựa vào mạch để biện được chứng, giúp ta rất nhiều trong quá-trình biện chứng luận trị vậy.

Đại-ý: Điều này nói về bệnh-lý và mạch-tương của Bạch-hổ thang chứng.

Trương Tiên-Đường chú:" Tất cả 8 điều trên nói về các khí

*Phong Hàn, Táo Nhiệt, Táo Hỏa kết với Thái-dương gây thành các chứng bệnh, như vậy đủ cho thấy bộ sách Thương Hàn đều nói cả khí lục-dâm gây bệnh, chứ không riêng gì khí Phong Hàn mà thôi. Ba tiết cuối này lại dùng các mạch-tượng phù, hoạt, kết, đại, kết với khí Thái-dương gây bệnh, đủ cho thấy Thái-dương tổng-thống khí của các kinh-mạch. Việc tử-sinh của các kinh-mạch đều có quan-hệ với Thái-dương vậy."*

Theo Ngô Quốc-Định thì nguyên-văn ở Tống bản ghi là "Thương Hàn mạch phù hoạt, thử biểu hưu Nhiệt, lý hưu Hàn, Bạch hổ thang chủ chí", đây là một vấn-dề mà các nhà chú-giải tranh-luận rất sôi nổi. Từ phương-dược, ta luận đến chứng-trạng, thì Bạch-hổ thang chỉ thích-ứng với chúng kinh Dương-minh bị Nhiệt thậm, biểu lý đều Nhiệt. Đây là nguyên-tắc luận-trí cơ-bản nhất.

Theo Lâm Úc thì trong nguyên-văn, hai chữ 'biểu và lý', có chỗ sai lầm. Ông trúng ra trong Dương-minh chứng có câu "mạch phù trì, biểu Nhiệt lý Hàn, Tứ nghịch thang chủ chí"; trong Thiếu-âm chứng ta có câu "lý Hàn ngoại Nhiệt, Thông-mạch Tứ-nghịch thang chủ chí". Qua những bằng chứng trên, Lâm Úc cho rằng có sự sai lầm trong hai chữ 'biểu và lý'.

*Vương Tam-Dương* nói: "Chữ 'Hàn' trong kinh văn nên hiểu là 'tè', cũng có nghĩa là 'Nhiệt'."

*Y-tông kim-giám* cũng đồng-ý với ý-kiến của Vương Tam-Dương, viết: "Nếu dùng chữ 'Hàn' ở đây thì không hợp với Bạch-hổ thang chứng. Điều trên ý nói thương Hàn

*Thái-dương chúng, tà-khí truyền vào Dương-minh làm cho biếu lý đều Nhiệt, nhưng chưa thành chứng bệnh 'Vị thực'. Trong mạch phù hoạt thì 'phù' thuộc biếu hưu Nhiệt, nếu Dương-minh biếu hưu Nhiệt, thì phát Nhiệt hạn xuất ra; 'hoạt' thuộc lý hưu Nhiệt, nếu Dương-minh lý hưu Nhiệt thì phiền khát, muốn uống nước. Đây gọi là chứng Dương-minh biếu lý đều Nhiệt, ta dùng Bạch-hổ thang là loại chuyên-dược làm chủ trị để giải. Ta không gia Nhân-sâm, vì bệnh chưa bị cho nôn hoặc xổ làm hư bên trong vậy."*

*Ngô Quốc-Định nhận xét:" Nay xét phép trị của Bạch-hổ thang chỉ thích-hop với chứng lý Nhiệt thậm hơn biếu Hàn; nếu biếu Hàn thậm mà lý chỉ vi Nhiệt thì thuộc về phạm-vi khác ... Bạch-hổ thang và Thừa-khí thang tuy cùng có chức-năng giải Nhiệt, nhưng có phân-biệt trường-hop hư và thực."*

*Tiền Hoàng chú:" Nếu Vị thực mà thống thì thuộc tà-khí hưu-hình, ta nên dùng Thừa-khí thang để cho xổ. Trường-hop trên thuộc ngoại-tà nhập vào lý, gây thành chứng Nhiệt-tà uô-hình, ta nên dùng Bạch-hổ thang nhằm giải được Nhiệt-tà ở Vị-phủ."*

### 73: Bạch-hổ thang phương: 白 虎 湯 方

*Tri-mẫu (6 lượng)*

*Thạch-cao (1 miếng, già nát)*

*Cam-thảo (2 lượng)*

*Cánh-mẽ (6 hợp)*

Tất cả 4 vị, dùng nước 1 đấu, nấu gạo chín thành cháo xong mới sắc thuốc thành thang, bỏ xác, uống ấm 1 thăng,

ngày uống 3 lần.

Kha Văn-Bá giải phương: "Tà-khí của Dương-minh hóa theo Nhiệt, vì thế không ô Hàn mà ô Nhiệt. Nhiệt chung-cất thoát ra ngoài, vì thế mồ-hôi của Nhiệt tự xuất ra; Nhiệt đốt bên trong Vị, vì thế khát muốn uống nước. Tà thịnh mà thực, vì thế mạch hoạt, nhưng vì tà vẫn còn ở kinh cho nên mạch kiêm phù. Dương-minh chủ Vị, bên ngoài chủ cơ-nhục, tuy có đại Nhiệt nhưng chưa thực, vì thế vị khô Hàn không thể trị được nó.

Thạch-cao vị tân Hàn: tân có thể giải Nhiệt ở cơ-nhục, Hàn có thể thăng Hỏa ở Vị-phù. Tính của Hàn là trầm, giáng, vị tân có thể chạy ra ngoài, nó đóng vai quân vây vai trò nội ngoại của nó. Tri-mẫu khô nhuận: khô dùng để tả Hỏa, nhuận đóng vai tư-nhuận Táo-khí, dùng nó đóng vai thần; dùng Cam-thảo, Cảnh-mẽ điều-hòa trung-cung, vả lại nó có thể tả Hỏa từ trong Thổ, Thổ đóng vai ruộng nương cày-cáy, cả hai hòa-hoãn được cái Hàn trong Hàn được, hóa được cái khổ trong khổ được, khiên cho tính trầm giáng của khí có thể lưu-hành đến trung-thổ vậy. Có được Thạch-cao và Tri-mẫu làm tá sê khiên cho loại dược-phẩm đại Hàn không làm thương được cái hư của Tỳ Vị. Uống thuốc vào, nó sẽ đưa Tỳ-khí lên đến Phế, chứng đại phiền, đại khát sẽ dứt.

Bạch-hỗ là vị thần ở Tây-phương, dùng nó để trị khát vì như mùa thu kim đắc vị thì khí viêm-thủ phải bị xua tan."

Ngô Quốc-Định giải phương: "Tri-mẫu khô Hàn, làm

*thanh Nhiệt, tả Hỏa; Thạch-cao tân Hàn, tiêu viêm, trấn tĩnh; Cam-thảo điều-hòa trung Thổ; Cánh-mẽ bồ hу, ích Âm. Bởi vì Nhiệt thịnh ở lý, nếu không dùng đến vị Hàn lương thì không đủ để giải Nhiệt; khi Nhiệt thịnh thì Âm bị thương, nếu không tú-duông thì không thể phục-hồi tân-dịch, vì thế ta dùng Tri-mẫu làm quân, dùng Thạch-cao, Cánh-mẽ làm thần và tá."*

*Vương Tán-Tam giải phương:*" *Bạch-hồ thang trị biếu lý đều Nhiệt của kinh Dương-minh, khác với Điều Vị Thùa-khí thang, vì Điều Vị Thùa-khí thang dẫn-dắt Nhiệt-tà từ trong phủ Dương-minh ra ngoài; còn Bạch-hồ thang thí tiết Nhiệt-tà từ trong kinh Dương-minh ra ngoài. Thạch-cao tiết Dương, Tri-mẫu tư Âm, Cánh-mẽ hoà-hoãn cái Dương trong Dương-minh; Cam-thảo hòa-hoãn cái Âm trong Dương-minh; nhân vì tính của Thạch-cao là trọng, tính của Tri-mẫu là hoạt, ta sợ thuốc chạy nhanh xuống dưới, vì thế nên mới có cách sắc thuốc bằng cách đợi nấu xong gạo thành cháo mới sắc thuốc sau. Như vậy, tính trọng và hoạt của tân Hàn được sự nâng-đỡ của Cam-thảo và Cánh-mẽ lưu lại ở trung-cung, đóng vai thanh Nhiệt và hóa khí vậy. Ta gọi tên là Bạch-hồ, vì hồ là loại thú thuộc Kim-khí, làm nổi bật vai trò tân và Hàn của Thạch-cao và Tri-mẫu thanh được Phé Kim, kết-quả là cái Nhiệt của Dương-minh tự giải, dung với vai trò gọi là 'tả tử' vậy."*

Ngô Quốc-Định cho rằng Vương Tán-Tam nhắc đến cách sắc thuốc đặc-biệt trong phương thang trên là điều

mà người thầy thuốc nên chú ý, nếu không, nó sẽ giảm bớt hiệu lực của thuốc. Vì sức ta Nhiệt của các loại dược khô Hàn rất mạnh, nếu như không có vị cam để điều tiết, thì kết quả Nhiệt chưa đi mà Vị đã bị tổn thương trước, mất đi ý nghĩa của phép trị liệu trong y-học đông-phương.



## Điều 180: 傷 寒 脈 結 代 心 動 悸 灸

Thương Hàn mạch kết đại, Tâm động quý, Chích

甘 草 湯 主 之 Cam thảo thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Mạch của thương Hàn tại sao lại kết đại? *Mạch bắt đầu ở Túc Thiếu-âm Thận, sinh ra ở Túc Dương-minh Vị, Thủ Thiếu-âm Tâm làm chủ. Nếu khi Thiếu-âm không tương hợp với Dương-minh, hoặc khi Dương-minh không tương hợp với Thiếu-âm, thế là thương hàn không giao nhau, huyết-dịch không hòa, kinh-mạch không thông, do đó mà Tâm bị động và hồi hộp. Ta dùng Chích Cam-thảo thang làm chủ trị, nhằm bồi-đưỡng khi Dương-minh nhằm đưa khí từ đây bồi-tán ra bốn phương, trên dưới.*

**Đại ý:** Điều này nói mạch chúng và phép trị về thương Hàn lý hư.

**Trần Sư-Lượng chú:** "Mạch đại là mạch nan trị, vậy mà ở đây lại có phép trị, tại sao thế? Phàm những bệnh mà khí huyết vừa thoát thì có thể phục-hồi nhanh, nhưng nếu để lâu thành hư mà thoát thì không phục-hồi được, vì lâu ngày, tạng khí bị hư-tốn. Mạch đại là mạch mà ngũ tạng

*không còn khí. Nếu bị Thương Hàn bao bệnh, cái cơ sống chết như trả bàn tay. Tuy mạch đại là biểu-hiện của chúng bệnh thiểu khí trong nhất thời, phép cứu chỉ là trường-hợp vạn tử nhất sinh mà thôi."*

*Ngô Quốc-Định chú:*" Nay xét chứng-trạng 'Tâm động quý: Tâm động và hồi-hộp' ta có nhiều trường-hợp:

\* 'hạn xuất Dương hư của Quέ-chi Cam-thảo thang.

\* 'ám Thủy đa nhi Tâm hạ quý' của Phục-Linh Cam-thảo thang.

\* 'Âm Dương câu hư, quý nhì phiền' của Tiểu Kiến-trung thang.

*Tất cả những chúng trên đều không có kèm mạch đại. Khi huyết đều suy, mạch đại, rất nguy."*

#### 74: Chích Cam-thảo thang phương: 灸 甘 草 湯 方

*Cam-thảo* (4 lượng, chích)

*Sinh Khuong* (3 lượng, cắt mỏng ra)

*Quέ-chi* (3 lượng)

*Nhân-sâm* (2 lượng)

*Sinh Địa-hoàng* (1 cân)

*A-giao* (2 lượng)

*Mạch-môn động* (nửa thăng)

*Ma-tử-nhân* (nửa thăng)

*Đại Táo* (30 quả, bỏ ra)

Ta dùng 7 thăng rượu trong ngon, 8 thăng nước, sắc trước 8 vị, lấy 3 thăng, bỏ xác, ta lại đổ A-giao đã nấu tan vào, uống ám 1 thăng, ngày 3 lần. Thang này còn có tên là Phục-mạch thang.

*Chu Vũ-Tái giải phương:* "Điều này không bàn đến ngoại

*chứng Hàn Nhiệt, cũng không bàn đến nội chứng đại-tiện và tiêu-tiện. Có điều là bệnh đã lâu, chính-khí đại-hu, không còn Dương để tuyên khí, không còn Âm để nuôi dưỡng Tâm, đó là nguyên-do đưa đến chứng 'mạch kết đại, Tâm động quý vây'.*

Trần Úy giải phương: "Trong phương, Nhân-sâm, Địa-hoàng, A-giao, Mạch-môn-dông, Đại Táo, Ma-nhân, đều là những loại được có phẩm-chất nhu-nhuận nhằm dưỡng Âm-khí; phải có vị-tân của Quế-chi và Sinh Khuong nhằm vận-hành Dương-khí, có được vây thì mới cứu được mạch kết đại. Ta chú-trọng đến Cam-thảo là vì nó chủ-trì Vị-khí, nhằm nuôi-dưỡng nguồn mạch, rượu ngon đóng vai tá là vì nó sẽ chạy nhanh vào mạch-dạo. Sở dĩ ta dùng đến 7 thăng rượu và 8 thăng nước mà chỉ lấy có 3 thăng là vì ta muốn sắc cho lâu thì dưới đáy lò có được sự biến-hóa, mỗi một bước thực-hiện đều có ý-nghĩa của nó."

Một số nhà chú-giải cho rằng chứng này do phát hạn quá nhiều gây nên. Mồ-hôi là chất dịch của Tâm, Tâm dịch bị thương-tổn thì huyết hư không còn nuôi-dưỡng Tâm được nữa. Tâm bị động và hồ-hộp thì huyết sẽ không làm tươi được mạch, vì thế mạch bị kết đại. Ta dùng Địa-hoàng, A-giao ... tức là dùng loại được hữu-hình để bồi phần hữu-hình của huyết.



### *Điều 181: 脈按之來緩而時一止*

Mạch án chi lai hoan, nhì thời nhất chỉ,

復來者名曰結又脈來動而  
phục lai giả, danh viết két; huy mạch lai động nhi  
中止更來小數中有還者反  
trung chỉ cánh lai, tiều sáu trung huu hoàn giả, phản  
動名曰結陰也脈來動而中  
động, danh viết két. Âm dā. mạch lai động nhi trung  
止不能自還因而復動者名  
chì, bát năng tự hoàn, nhân nhi phục động giả, danh  
曰代陰也得此脈者必難治  
viết đại Âm dā; đắc thử mạch giả, tất nan trị.

Dịch nghĩa: Mạch kết và mạch đại khác nhau thế nào? Mạch kết thì có thể quay về, nhưng mạch đại thì không quay về. Khi ta án tay lên thì mạch đến hoãn, chưa đến bốn chí có lúc ngưng một lần, rồi lại trở lại, đó là Âm-khí kết với Dương-khí, ta gọi tên là Kết. Tuy nhiên, không phải chỉ có mạch đến hoãn mới có lúc ngưng một lần, có khi mạch đến động mà cũng có ngưng giữa chừng rồi lại trở lại mạch tiều sáu, có lúc quay về, lại động, đó là Âm-khí có kết quả thâm làm cho Dương-khí không đến được, vì thế thành tiều sáu mà thành động, cũng gọi tên là Kết, đây là thuộc Âm vậy. Mạch Kết ngưng có lúc, ngưng vô thường, nếu mạch đến động mà mà giữa chừng ngưng, đã ngưng thì không thể tự quay về; Dương không thể tự quay về, mạch Âm sẽ thay thế, nhân đó mà động trở lại, gọi là mạch đại. Đây là mạch độc Âm mà vô Dương, khi

có được mạch này, tất nan tri.

**Đại-ý:** Điều này nối tiếp điều trên, nói rõ thêm về mạch kết, mạch đại.

Ngô Quốc-Định chú:" *Kết mạch ngưng, sau khi ngưng, động trở lại sẽ nhanh hơn, đó là vì khí hư, huyết sắc, tà-khí làm ngăn-cách. Chính vì nó bị ngăn-cách không thể tiếp-tục một cách suông-sẻ, như là có những nút kết trên sợi dây, vì thế gọi là kết. Khi nó ngưng xong, rồi trở lại, nhụp đậm giá tốc hơn, đó là ý-nghĩa câu 'cánh lai tiêu sá'. Nếu giữa chừng quay về, lại động, vì sức nó mạnh hơn, cả hai trường-hợp đều được gọi là kết.*

*Nếu mạch-lực tuy vi nhưng vẫn còn có thể quay về, khí bị kết nhưng vẫn tiếp-tục, đó gọi là sinh được Dương, trường-hợp này có thể trị được. Nếu như mạch đại ngưng-nghỉ, vừa đến là ngưng ngay, một lúc lâu mới đến, không tiếp nối đều, đó là ý-nghĩa câu 'động nhì trung chí; không thể tự trở về, khí ra đi, về không liên-tục, gọi là tử Âm, mạch này báo-hiệu nguy-chứng.'*



Xong quyển thương : **Thái- dương**

ngày 23/11/1994

GS. HUỲNH MINH-ĐỨC  
Nguyên Giảng-sư  
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

## MỤC-LỤC

Tựa	3		
Tựa của Trương Trọng-Cánh	9		
Phàm-lê	13		
Phép đọc Thương-hàn luận	16		
Ngũ-vận Lục-khí	35		
Thái-dương bệnh : Điều 1	107		
Điều 10	134		
Điều 20	164		
Điều 30	191		
Điều 40	256		
Điều 50	293		
Điều 60	317		
Điều 70	355		
Điều 80	379		
Điều 90	404		
Điều 100	437		
Điều 110	476		
Điều 120	505		
Điều 130	531		
Điều 140	562		
Điều 150	588		
Điều 160	612		
Điều 170	638		
Tên phương thang:			
1. Quê-chi thang	144	38.Chân Võ	392
2. Quê-chi già Cát-căn	154	39.Tiểu Sài-hồ	430
3. Quê-chi già Phụ-tử	168	40.Tiểu Kiến-trung	449
4. Quê-chi già Thủ-tu-dược	172	41.Đại Sài-hồ	464

5. Qué-chi khứ Thược-dược gia		42.Sài-hồ gia Mang-tiêu	472
Phụ-tử	172	43.Đào-hạch	479
6. Qué-chi Ma-hoàng các bán	177	44.Sài-hồ gia Long-cốt Mẫu-lệ	484
7. Qué-chi nhì Ma-hoàng nhất	184	45.Qué-chi khứ Thược-dược gia	
8. Bạch-hồ gia Nhân-sâm	186	Thục-tắt Mẫu-lệ Long-cốt	500
9. Qué-chi nhì Việt Tỳ Nhất	189	46.Qué-chi gia Qué	511
10. Qué-chi khứ Qué-gia		47.Qué-chi Cam-thảo Long-cốt	
Phục-linh Bạch-truật	194	Mẫu-lệ	513
11.Cam-thảo Can-khunguong	207	48.Đè-dương thang	527
12.Thược-dược Cam-thảo	208	49.Đè-dương hoàn	535
13.Điều Vị Thừa-kí	209	50.Đại Hâm-hung hoàn	547
14.Tử-nghịch	210	51.Đại Hâm-hung thang	554
15.Cát-cần	218	52.Tiểu Hâm-hung thang	566
16.Cát-cần gia Bán-hạ	226	53.Văn-cáp tán	573
17.Cát-cần Hoàng-cầm		54.Bạch-tán phương	574
Hoàng-liên	233	55.Sài-hồ Qué-chi	587
18.Ma-hoàng	238	56.Sài-hồ Qué-chi Can Khương	590
19.Đại Thanh-long	252	57.Bán-hạ Tả Tâm	597
20.Tiểu Thanh-long	263	58.Thập Táo	603
21.Qué-chi gia Hậu-phác		59.Đại-hoàng Hoàng-liên Tả Tâm	608
Hạnh-nhân	275	60.Phụ-tử Tả Tâm	609
22.Can Khương Phụ-tử	325	61.Sinh Khương Tả Tâm	615
23.Qué-chi gia Thược-dược		62.Cam-thảo Tả Tâm	619
Sinh Khương Nhân-sâm Tân-gia	329	63.Xích-thạch chỉ Vũ-du-lương	623
24.Ma-hoàng Hạnh-nhân		64.Toàn-phúc Đại-giả thạch	626
Cam-thảo Thạch-cao	333	65.Qué-chi Nhân-sâm	630
25.Qué-chi Cam-thảo	336	66.Qua-dé tán	637
26.Phục-linh Qué-chi		67.Hoàng-cầm	646
Cam-thảo Đại Táo	340	68.Hoàng-cầm gia Bá-ha	
27.Hậu-phác Sinh Khương Bán-hạ		Sinh Khương	647
Cam-thảo Nhân-sâm	343	69.Hoàng-liên	649

## MỤC-LỤC

Tựa	3		
Tựa của Trương Trọng-Cánh	9		
Phàm-lê	13		
Phép đọc Thương-hàn luận	16		
Ngũ-vận Lục-khí	35		
Thái-dương bệnh : Điều 1	107		
Điều 10	134		
Điều 20	164		
Điều 30	191		
Điều 40	256		
Điều 50	293		
Điều 60	317		
Điều 70	355		
Điều 80	379		
Điều 90	404		
Điều 100	437		
Điều 110	476		
Điều 120	505		
Điều 130	531		
Điều 140	562		
Điều 150	588		
Điều 160	612		
Điều 170	638		
Tên phương thang:			
1. Qué-chi thang	144	38.Chân Võ	392
2. Qué-chi gia Cát-căn	154	39.Tiểu Sài-hồ	430
3. Qué-chi gia Phụ-tử	168	40.Tiểu Kiến-trung	449
4. Qué-chi gia Thúoc-dược	172	41.Đại Sài-hồ	464

5. Quế-chi khứ Thược-dược gia	42.Sài-hồ gia Mang-tiêu	472
Phụ-tử	43.Đào-hạch	479
6. Quế-chi Ma-hoàng các bán	44.Sài-hồ gia Long-cốt Mẫu-lệ	484
7. Quế-chi nhị Ma-hoàng nhất	45.Quế-chi khứ Thược-dược gia	
8. Bạch-hồ gia Nhân-sâm	Thục-tất Mẫu-lệ Long-cốt	500
9. Quế-chi nhị Việt Tỳ Nhất	46.Quế-chi gia Quế	511
10. Quế-chi khứ Quế-gia	47.Quế-chi Cam-thảo Long-cốt	
Phục-linh Bạch-truật	Mẫu-lệ	513
11. Cam-thảo Can-khương	48.Đỗ-đương thang	527
12. Thược-dược Cam-thảo	49.Đỗ-đương hoàn	535
13. Điều Vị Thừa-khí	50.Đại Hâm-hung hoàn	547
14. Tú-nghịch	51.Đại Hâm-hung thang	554
15. Cát-càn	52.Tiêu Hâm-hung thang	566
16. Cát-càn gia Bán-hạ	53.Văn-cáp tán	573
17. Cát-càn Hoàng-cầm	54.Bạch-tán phương	574
Hoàng-liên	55.Sài-hồ Quế-chi	587
18. Ma-hoàng	56.Sài-hồ Quế-chi Can Khương	590
19. Đại Thanh-long	57.Bán-hạ Tả Tâm	597
20. Tiêu Thanh-long	58.Thập Táo	603
21. Quế-chi gia Hậu-phác	59.Đại-hoàng Hoàng-liên Tả Tâm	608
Hạnh-nhân	60.Phụ-tử Tả Tâm	609
22. Can Khương Phụ-tử	61.Sinh Khương Tả Tâm	615
23. Quế-chi gia Thược-dược	62.Cam-thảo Tả Tâm	619
Sinh Khương Nhân-sâm Tân-gia	63.Xích-thạch chỉ Vũ-du-lương	623
24. Ma-hoàng Hạnh-nhân	64.Toàn-phúc Đại-giả thạch	626
Cam-thảo Thạch-cao	65.Quế-chi Nhân-sâm	630
25. Quế-chi Cam-thảo	66.Qua-dé tán	637
26. Phục-linh Quế-chi	67.Hoàng-cầm	646
Cam-thảo Đại Táo	68.Hoàng-cầm gia Bá-ha	
27. Hậu-phác Sinh Khương Bán-hạ	Sinh Khương	647
Cam-thảo Nhân-sâm	69.Hoàng-liên	649